đám đông cô đơn

DAVID RIESMAN

NATHAN GLAZER
REUEL DENNEY

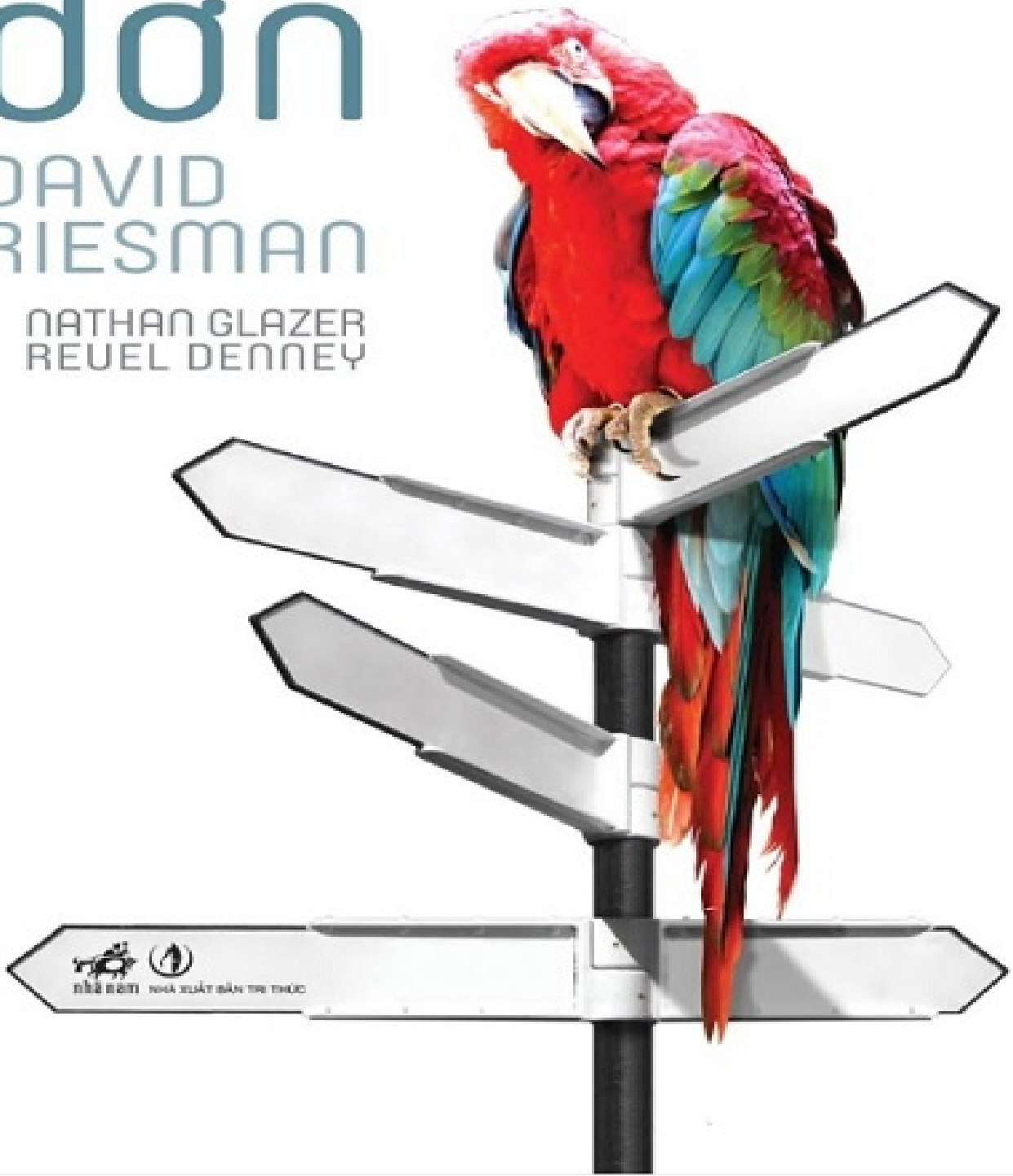

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

ĐÁM ĐÔNG CÔ ĐƠN

Thông tin sách:
Tên sách: ĐÁM ĐÔNG CÔ ĐƠN
Tựa gốc: The Lonely Crowd
Tác giả: David Riesman, Nathan Glazer, Reuel Denney
Biên dịch: Thiên Nga
Số trang: 508
Xuất bản: 2012
NXB Tri thức – Nhã Nam
Khổ 16x24cm
Thư viện Ebook Miễn phí SachMoi.Net

Với *Đám đông cô đơn*, David Riesman đã trở thành một trong những nhà xã hội học có ảnh hưởng nhất thời đại mình cũng như về sau này. Điều lạ lùng là ông thành danh ở một chuyên ngành ông chưa từng được đào tạo và không có một bằng cấp nào. Hai cộng sự của ông là Nathan Glazer và Reuel Denney, tuy nhiên hai vị giáo sư này đều cho rằng Riesman mới là tác giả thực sự của công trình.

David Riesman (1909-2002), sinh tại Philadelphia, Mỹ, trong một gia đình trí thức giàu có. Ông tốt nghiệp khoa Luật, Đại học Harvard, và trải qua nhiều công việc trong ngành luật nhưng ngay từ đầu, các mối quan tâm của ông đã rộng lớn hơn. Năm 1941 có lẽ là bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp của Riesman khi ông được làm việc với các nhà nghiên cứu thuộc các ngành xã hội học; cộng với sự chín muồi trong những ý tưởng riêng, Riesman quyết định rẽ sang con đường học thuật.

Từ năm 1946, Riesman dạy tại khoa Xã hội học, Đại học Chicago. Năm 1948, ông đến Đại học Yale bắt tay vào dự án nghiên cứu đầu tiên của mình, mà kết quả là cuốn *Đám đông cô đơn* lừng lẫy. Từ 1958, ông trở thành giáo sư Đại học Harvard. Suốt 20 năm, Riesman đã giảng dạy chuyên đề nổi tiếng "Tính cách Mỹ và cấu trúc xã hội".

Riesman cũng là một nhà hoạt động xã hội tích cực: ông làm cố vấn cho nhóm Vì hòa bình Tocsin của trường Harvard, phụ trách biên tập một tạp chí bình luận chính trị, nhiệt tình tham gia đàm luận về chính trị - xã hội Mỹ và viết nhiều bài phản đối vũ khí hạt nhân.

Mục lục

Lời giới thiệu

Hai mươi năm sau - Lời tựa thứ hai

Lời tựa cho ấn bản 1961

LỜI TRI ÂN

PHẦN I: TÍNH CÁCH

- CHƯƠNG I Một số kiểu tính cách và xã hội
- CHƯƠNG II Từ đạo đức đến tinh thần: sự thay đổi trong các tác nhân hình thành tính cách
- CHƯƠNG III Bồi thẩm đoàn là nhóm ngang hàng: sự thay đổi trong các tác nhân hình thành tính cách (tiếp theo)
- CHƯƠNG IV Người kể chuyện với tư cách chuyên gia về chiêu thức: sự thay đổi trong các tác nhân hình thành tính cách (tiếp theo)
- CHƯƠNG V Vòng đời nội tại định hướng
- CHƯƠNG VI Vòng đời ngoại tại định hướng: từ bàn tay vô hình đến bàn tay niềm nở
- CHƯƠNG VII Vòng đời ngoại tại định hướng (tiếp theo): ca đêm

PHẦN II: CHÍNH TRỊ

- CHƯƠNG VIII Các phong cách chính trị kiểu truyền thống định hướng, nội tại định hướng, và ngoại tại định hướng: người dửng dưng, người giáo huấn, người dự đoán nội tình
- CHƯƠNG IX Thuyết phục chính trị: phẫn nộ và khoan dung
- CHƯƠNG X Hình ảnh quyền lực
- CHƯƠNG XI Người Mỹ và người Kwakiutl

PHẦN III: TÍNH ĐỘC LẬP

- CHƯƠNG XII Thích nghi hay độc lập?
- CHƯƠNG XIII Cá nhân hóa giả tạo: chướng ngại cho độc lập trong công việc
- CHƯƠNG XIV Tư hữu hóa ép buộc: các chướng ngại cho sự độc lập trong vui chơi
- CHƯƠNG XV Vấn đề năng lực: các chướng ngại cho sự độc lập trong vui chơi (tiếp theo)
- CHƯƠNG XVI Độc lập và không tưởng

Lời giới thiệu

Todd Gitlin

Vào cái thời người ta thấy sách như những món đồ cổ quái nằm bên rìa ngành kinh doanh giải trí, có lẽ chúng ta thấy khó mà nhớ lại rằng, ở Mỹ, đã từng có lúc sách dẫn dắt các cuộc đàm luận tầm cỡ quốc gia. Đôi khi sách ảnh hưởng trực tiếp tới lịch sử. Cuốn tiểu thuyết gây tranh cãi của Upton Sinclair năm 1906, *The Jungle* (Chốn hỗn độn),[1] đã khích động tình cảm công chúng nhằm ủng hộ Đạo luật về thực phẩm sạch và chất gây nghiện.[2] Vào thập niên 60, những cuốn *The Other America* (Một nước Mỹ khác), *Silent Spring* (Mùa xuân chết), *The Feminine Mystique* (Bí ẩn nữ giới), và *Unsafe at Any Speed* (Không an toàn ở mọi tốc độ) đã giúp khởi động các phong trào chống đói nghèo, phong trào môi trường, phong trào nữ quyền, phong trào người tiêu dùng, và những cuốn sách có tinh thần cải cách dè dặt sau đó, nhất là *Fixing Broken Windows* (Sửa lại những ô cửa sổ vỡ) của George L. Kelling và James Q. Wilson, cũng có một ảnh hưởng tương đương.

Nhưng những khảo luận thiết thực nhiệt tình ủng hộ các phong trào không phải là những cuốn duy nhất có giá trị trong đời sống cộng đồng. Đôi khi sách có tầm quan trọng không phải nhờ thúc giục hành động mà nhờ nhận ra những khuôn mẫu, đưa ra những lý giải lớn lao về đời sống, định danh những thứ mà, khi sách chưa ra đời, bất quá chỉ là trực giác hoặc những cảm nghĩ tản mạn. Một cuốn sách nghiêm túc ra đời, đúc kết một nỗi lo sợ, một hiểu biết, hoặc một niềm hy vọng thành một tư tưởng lớn, một lối giải thích thực tại có ảnh hưởng sâu rộng gõ đúng tâm thức tập thể trong một bộ phận đông đảo quần chúng.[3] Như trường hợp của *The Road to Serfdom* (Đường về nô lệ) của Friedrich van Hayek (1944), *Capitalism and Freedom* (Chủ nghĩa tư bản và tự do) của Milton Friedman (1962), và *Losing Ground* (Thất thế) của Charles A. Murray (1984), một cuốn sách có thể trở thành cái thúc đẩy dẫn đến một bước ngoặt tư tưởng lớn lao. Trong trường hợp *Understanding Media* (Hiểu về truyền thông) (1964) của Marshall McLuhan, cuốn sách có thể đem lại cho chính phương tiện truyền thông đại chúng một vốn từ tự nhận thức. Đáng quý nhất là cuốn sách có thể thấu hiểu tâm thức chung sâu sắc đến mức những gì nó thấy trở thành khuôn mẫu, sự sáng suốt của nó trở nên có tính quy ước - mượn một cụm từ được tạo ra trong một cuốn sách như vậy, *The Affluent Society* (Xã hội sung túc) (1958) của John Kenneth Galbraith.

Cách đây nửa thế kỷ, Nhà xuất bản Đại học Yale công bố ấn bản lần thứ nhất *The Lonely Crowd* (Đám đông cô đơn) của David Riesman, đồng tác giả với Nathan Glazer và Reuel Denney, một cuốn sách đã đóng góp những cụm từ mang tính khái niệm vào vốn từ vựng Mỹ.[4] Trọn vẹn chủ đề cuốn sách nói về

sự thay đổi lớn lao trong tính cách người Mỹ: khi nước Mỹ đang chuyển dịch từ một xã hội do các mệnh lệnh sản xuất điều khiển sang xã hội do các mệnh lệnh tiêu dùng điều khiển, tính cách các giai tầng trung lưu lớp trên trong xã hội đó biến đổi từ kiểu "nội tại định hướng" ("inner-directed"), những người từ thuở bé đã bản chất hóa các mục tiêu - mà về cơ bản là do người lớn "cấy cho" - thành những người do "ngoại tại định hướng" ("other-directed"), "nhạy cảm trước những kỳ vọng và ý thích của người khác". Theo phép ẩn dụ tuyệt vời của Riesman thì đây là bước chuyển dịch từ đời sống được con quay hồi chuyển nội tại dẫn dắt sang đời sống được rađa dẫn dắt. Lớp trẻ Mỹ không còn để tâm mấy đến uy quyền của người lớn nhưng lại cực kỳ nhạy cảm với những nhóm ngang hàng[5] và bị truyền thông đại chúng điều khiển. Người cha vẫn được tiếng là hiểu biết hơn cả, nhưng nếu đúng thế thì càng ngày càng vì lẽ là có một chương trình truyền hình đã nói như vậy.

Theo một khảo sát năm 1997 của Herbert J. Gans, *Đám đông cô đơn* tiếp tục là cuốn sách của một nhà xã hội học ăn khách nhất trong lịch sử nước Mỹ: nó bán được 1,4 triệu bản, phần lớn là ấn phẩm bìa mềm.[6] (Loại sách bìa mềm bỏ túi có nội dung rút gọn đầu tiên là một trong những thứ đầu tiên hưởng lợi nhờ trào lưu ấn bản sách bìa mềm cho thị trường đại chúng.) Suốt nhiều năm, cuốn sách đã làm cho cụm từ "nội tại định hướng" ("inner direction") và "ngoại tại định hướng" ("other direction") trở thành thuật ngữ dùng trong gia đình, là thứ bánh vừa nhâm nhi vừa trò chuyện ở tiệc cocktail. Cuốn sách được các sinh viên cấp tiến đang tiến thân đọc, những người này suy diễn thái quá về việc tìm kiếm tính độc lập (autonomy) trong cuốn sách, họ cho rằng tác giả muốn giáng một đòn mạnh vào sự tuân thủ quy tắc xã hội, trong khi thực ra Riesman chỉ đang cố vạch rõ rằng xã hội nào cũng bảo đảm "một mức độ tuân thủ nào đó từ những cá nhân hợp thành xã hội ấy", vấn đề là nó bảo đảm sự tuân thủ không thể tránh được đó như thế nào. Trong những năm 1960, *Đám đông cô đơn* được xem là một cảnh báo về cảm giác lạc lõng mà rồi sẽ dẫn đến nổi loạn vì sự quá sung túc. Cụm từ nhan đề thậm chí còn xuất hiện trong một bài hát của Bob Dylan năm 1967: "Tôi sẽ được tự do". Đến khi viết lời tựa cho ấn bản năm 1969, Riesman đã lấy làm tiếc rằng "*Đám đông cô đơn* đã góp phần sinh ra sự khinh khi trịch thượng đối với các ngành nghề kinh doanh".

Những tán thưởng, sự đón nhận nồng nhiệt của công chúng, ấy là chưa nói đến ngộ nhận, thảy đều khác xa những kỳ vọng ban đầu. Trong lần xuất bản năm 1950, cuốn sách được chào đón bằng những bài phê bình trân trọng nhưng thường đăng trên các tạp chí chuyên môn. Khi sách được phát hành ở dạng bìa mềm với nội dung được giản lược ba năm sau đó, Riesman và Nhà xuất bản Đại học Yale những tưởng sách sẽ chỉ bán được "vài nghìn bản dưới dạng tài liệu đọc trong các khóa khoa học xã hội". Vậy mà sách lại nổi tiếng. Tại sao? Nhìn nhận lại một cách chính xác, ta có thể thấy cuốn sách đã đồng

cảm phơi bày những khắc khoải của một tầng lớp trung lưu đang nổi lên cùng với sự phát triển tăng vọt thời hậu chiến, họ mở rộng ngoại ô, mải lo thu vén sao cho nhà cửa, máy móc, địa vị của mình ngày một tốt hơn, họ nhẹ nhõm vì qua được cuộc Đại Suy thoái và chiến tranh nhưng lại hoang mang trước những biến động văn hóa và tâm lý bên dưới bề mặt đời sống thường nhật.

Điều không kém phần quan trọng là *Đám đông cô đơn* không hề có các biệt ngữ (trong khi vô tình lại đóng góp kiểu văn phong đố vui, có hai lựa chọn thế-này-hoặc-thế-kia vào vốn từ của một nền văn hóa vốn ưa thích những phạm trù lưỡng cực, ví dụ như hướng nội/hướng ngoại, tân thời/cổ lỗ, thứ yếu/chủ yếu). Ngày nay, sách báo xã hội học có cả sức hút công chúng của sinh học phân tử, sau khi về cơ bản đã có tiếng là món chuyên biệt dành cho các chuyên gia tính toán và những kẻ màu mè giả hiệu khoa học khác. *Đám đông cô đơn* thì khác xa, được viết sáng sủa, thêm cái tài dùng những cụm từ hóm hỉnh như: "người dự đoán nội tình" (inside-dopester), "ngọn roi ngôn từ", "từ bàn tay vô hình đến bàn tay niềm nở", "từ tài khoản ngân hàng đến tài khoản chi phí", "những con bệnh có thể đi lại được trong khu văn hóa hiện đại", "thị trường tình bạn", "thăm dò lĩnh vực tình dục", "nệm êm sung túc", "mỗi cuộc đời là một ca cấp cứu". Cuốn sách mang giọng điệu khiêm nhường, cởi mở, tò mò muốn tìm hiểu mọi thứ, và nhạy cảm về các kiểu có thể nhận diện. Mặc dù đòi hỏi đối tượng độc giả nghiêm túc, và ít khi viết bằng những lời lẽ châm biếm kêu tai, cuốn sách âm vang một giọng người dễ chịu, lúc huyên thuyên lúc thô vụng dễ gần, vừa thanh nhã vừa nồng ấm, vừa đậm sắc thái vừa thông tục, vừa nghiêm trang vừa thân tình, nhưng luôn luôn dung dị và hóm hỉnh. Khác với hầu hết các khảo luận hàn lâm, cuốn sách không sa lầy trong định nghĩa dài dòng văn tự. Đó là cuốn sách của một công dân biết cảm thông chia sẻ, muốn khuyên nhủ xã hội chứ không phải dạy đời.[7] Cuốn sách nói trực tiếp với người dân - chủ yếu là dân Mỹ, nhưng không chỉ với họ - những người được cuốn sách quan tâm và bàn đến. Cuốn sách vừa trừng phạt lại vừa xót xa cho người Mỹ, nhưng ngay cả khi trừng phạt thì nó cũng trấn an người đọc rằng người ta không quá đơn độc trong những khắc khoải của mình như họ vẫn tưởng. Người ta đọc cuốn sách mà có thể an lòng là mình đã được nhận diện. Lối nói với [ai đó] thay cho về [ai đó] trong nửa thế kỷ qua đã thoái hóa thành lối tự lực (self-help), phải trả giá bằng tính nghiêm túc trí tuệ, nhưng *Đám đông cô đơn* là bằng chứng cho thấy có thể hướng sự phân tích thông minh đến độc giả thông minh mà không khắt khe xem họ như những người tự hoàn thiện vị kỷ.

Tính dễ tiếp cận không hẳn là độc quyền của xã hội học vào những năm đó. Trong thập niên 1950, ngay cả các tạp chí chuyên ngành cũng viết để ai có học hành tử tế đều đọc được; sách của C. Wright Mills[8] cũng nằm trong danh sách sách bán chạy nhất. *Đám đông cô đơn* được ưa chuộng hẳn phần nào còn do

phương pháp linh hoạt mà cuốn sách sử dụng trong suốt quá trình thu thập bằng chứng, trong khi điểm qua nào tiểu thuyết, nào sách thiếu nhi, phim ảnh và nghiên cứu nhân học. Mặc dù Riesman và Nathan Glazer đồng thời tiến hành phỏng vấn chính thức, nhưng Riesman khẳng định rằng ông chỉ dựa vào đó ở mức độ không đáng kể; rằng *Đám đông cô đơn* "dựa vào kinh nghiệm chúng tôi sống trên đất Mỹ - những người chúng tôi đã gặp, công việc chúng tôi đã làm, sách chúng tôi đã đọc, phim chúng tôi đã xem và cả phong cảnh chúng tôi đã ngắm nữa."[9]

Mặc dù xuất bản cuốn sách khi truyền hình hãy còn là một phương tiện truyền thông non nớt, Riesman rất chú trọng đến thực tế rằng người Mỹ đã lao đầu xuống bể truyền thông đại chúng rồi. Ông để tâm như vậy với nỗi lo âu song không hề miệt thị. Thậm chí khi truyền hình hãy còn đang ở thời kỳ trứng nước thì ông đã hiểu rằng truyền thông đại chúng hùng mạnh cả về nội dung lẫn hình thức, nhưng ông cũng không ngừng chống lại thói quảng cáo thổi phồng rất đặc trưng trong lịch sử nước Mỹ mỗi khi đón nhận một trào lưu kỳ quan công nghệ.[10] Ông cho rằng truyền hình không có khả năng hô biến ra được tính cách dân tộc từ chỗ hư vô. Như ông diễn đạt: "Người Mỹ đã sẵn sàng cho truyền thông đại chúng còn trước cả khi truyền thông đại chúng sẵn sàng cho họ". Thực vậy, đọc lại *Đám đông cô đơn*, ta sẽ thấy cuốn sách đồng cảm thế nào với các ưu điểm của truyền thông đại chúng - nhất là khi truyền hình thách thức tính địa phương, nuôi dưỡng sự giao thoa (hay lai ghép) các thị hiếu và đôi chút chủ nghĩa thế giới. Có hiểu biết tinh tế về quá trình sản xuất sản phẩm văn hóa, cuốn sách nhận thức được rằng lý do chủ yếu để truyền thông có những lợi ích này là bởi nó đóng đô ở những trung tâm đô thị lớn, "nơi áp lực thúc đẩy hướng tới tính khoan dung kiểu ngoại-tại-định-hướng là mạnh nhất". (Điều này vẫn còn đúng ngay cả khi các tập đoàn truyền thông khổng lồ sau này lập thêm những kênh truyền hình phụ chuyên biệt dành cho các phân khúc theo nhân khẩu). Mặc dù *Đám đông cô đơn* thường được hiểu là tấn công vào kiểu ngoại tại định hướng, song Riesman vẫn làm mọi cách để tìm ra ưu điểm ở "tính ân cần, nhạy cảm và khoan dung" vốn tiêu biểu cho một xã hội không còn trông lên, không còn hướng về người lớn tuổi hơn và những uy quyền truyền thống để được chỉ bảo nữa.

Đám đông cô đơn vẫn dễ dàng trụ được khi một trong những giả thuyết nòng cốt của nó sớm sụp đổ. Đó là quan niệm cho rằng mỗi giai đoạn tính cách xã hội (kiểu truyền thống định hướng, nội tại định hướng, ngoại tại định hướng) tương ứng với một tỷ lệ tăng dân số. Trong bài phê bình *Đám đông cô đơn* trên *Tạp chí Xã hội học Mỹ*, Margaret Mead đã sớm nhận xét rằng bằng chứng Riesman đưa ra cho lý thuyết dân số là chưa đủ mạnh. Bà không phải là người duy nhất hoài nghi trên phương diện này. Chính Riesman năm 1949 cũng biết rằng mô hình dân số đã gây tranh cãi kịch liệt, khi cuốn sách hãy

còn trong giai đoạn sửa bản in thử. Đến khi sách tái bản năm 1969 thì Riesman đã từ bỏ mô hình nhân khẩu học của mình. Sự xét lại này đã không - và vẫn không - ảnh hưởng nhiều đến cuốn sách. Cuốn sách đưa ra nhiều quan sát đến nỗi những độc giả dù bất đồng quan điểm sẽ chú mục vào những đoạn khác và thấy mình được chỉ dẫn. Bản thân Mead cũng đã lưu ý trong một đoạn rằng thói tuân thủ kiểu ngoại tại định hướng đã dẫn dắt người Mỹ đi đến chỗ phóng chiếu các trung tâm quyền lực nằm ngoài cái tôi - một lý do vì sao sự hoang tưởng trong đời sống Mỹ lại nổi bật như vậy, và có lẽ cũng là lý do vì sao người Mỹ lo sợ thái quá rằng người Nga sẽ tiếp quản họ. Bản thân tôi cũng đã rất ngạc nhiên về tính chất tiên tri trong thảo luận của Riesman về "người dự đoán nội tình" như một kiểu người trong xã hội mà mục tiêu là "không bao giờ để cho bất kỳ ai, sự nghiệp hay sự kiện nào lừa phỉnh". Hình ảnh Sam Donaldson, Chris Matthews[11] và nhóm cộng tác đã được mường tượng ra rất lâu trước khi nụ cười tự mãn trở thành một phong thái ăn tiền của các học giả Washington. Nói tóm lại, như Margaret Mead diễn đạt, "hầu như đoạn nào trong cuốn sách cũng khuyến khích ta có những suy đoán lý thuyết và… gợi ý với độc giả những chương trình nghiên cứu bổ túc suốt đời".

Tất nhiên, việc đọc cuốn sách bây giờ sẽ khác với đọc nó nửa thế kỷ trước - dù cuốn sách vẫn không kém phần sắc sảo. Sự rõ ràng ở bước chuyển tiếp từ kiểu nội tại định hướng sang ngoại tại định hướng là hiển nhiên hơn đối với độc giả những năm 1950, khi mà họ đột ngột bị cuốn vào trong cuộc sống sung túc. Ngày nay, cuốn sách có thể không còn tạo ra được tiếng vang như vậy nữa. Vào giữa thập kỷ 80, khi giảng dạy *Đám đông cô đơn* cho sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai ở trường Berkeley, tôi phát hiện ra là họ lúng túng không nắm bắt được sự khác biệt mấu chốt giữa kiểu nội tại định hướng và kiểu ngoại tại định hướng. Họ chỉ hiểu lờ mờ bằng trực giác. Điều này, như Riesman gợi ý, không phải vì "việc thay đổi từ kiểu nội tại định hướng sang kiểu ngoại tại định hướng [dường như] không quan trọng khi so sánh với" sự chuyển dịch lớn lao từ đời sống do truyền thống định hướng sang đời sống vừa do nội tại định hướng vừa do ngoại tại định hướng - bởi lẽ, nói cách khác, bước chuyển dịch từ xã hội truyền thống sang xã hội hoàn toàn hiện đại chính là sự chuyển tiếp quan trọng nhất trong lịch sử nhân loại. Không, điểm khác biệt giữa "nội tại" và "ngoại tại" là khó hiểu đối với lớp sinh viên sinh sau năm 1960, những người sinh ra trong một thế giới nhạc rock và truyền hình, bởi lẽ những sinh viên này đã sống cả đời theo kiểu ngoại tại định hướng, với những chiếc rađa. Đến những năm 1980, định tính "đặc biệt nhạy cảm trước những hành động và mong muốn của người khác" mà Riesman cho là điển hình của kiểu ngoại tại định hướng đã từ lâu được định chế hóa thành những quy phạm trong các chương trình mạn đàm (talk-show) và chương trình "rèn luyện tính nhạy cảm". Ý niệm cuộc sống với một con quay tâm lý hồi chuyển đã trở nên hầu như không thể hình dung được.

Tuy nhiên, độc giả phóng khoáng trở lại với *Đám đông cô đơn* sẽ cảm thấy nhiều dư chấn của nhận thức. Bước sang thế kỷ 21, người quan sát tỉnh táo sẽ được thấy hằng ngày sự chuyển dịch mà Riesman từng nhận ra ở các tầng lớp thượng lưu có giáo dục sinh sống trong các trung tâm đô thị, nhưng nay đã lan rộng khắp đất nước. Trong những cuộc tuyển cử gần đây, người dân chờ thấy các ứng viên tranh cử tổng thống trả lời câu hỏi của những người dân bình thường (Bill Clinton dễ tranh thủ được cảm tình của họ, George H.W Bush thì không bằng) và chuyện phiếm với phóng viên qua ống kính máy quay trên những chuyến xe buýt đường dài (John McCain).[12] Hình ảnh vị tổng thống tỏa hào quang xa vời vợi như Phù thủy xứ Oz[13] trước kia nay đã thuộc về dĩ vãng, giờ đây là một Nhà Trắng như Nhà Trắng của Lincoln mở rộng cho những cuộc chuyện trò đầy dung dị của tổng thống với mọi người.

Chính văn hóa đại chúng cũng bộc lộ sự chuyển biến lớn lao. Hãy xem những khác biệt giữa các chương trình thi đố có thưởng những năm 1950, "Câu hỏi 64.000 đô la" và "Hai mươi mốt", với loạt chương trình ăn khách của năm 2000 mang tên "Ai là triệu phú?" Trong trò chơi truyền hình "Hai mươi mốt" trước kia, người dự thi ở trong những "buồng cách ly" tách hẳn khỏi tác động bên ngoài, không có mách nước, không có câu hỏi được nhiều quyền chọn lựa; họ đúng nghĩa là "nội tại định hướng". Trong cuộc thi "Ai là triệu phú?" năm 2000, họ đứng bên ngoài, được cho bốn đáp án để chọn, được gửi "yêu cầu trợ giúp" đến gia đình, bạn bè và khán giả. Ở các cuộc thi thời trước, câu hỏi liên quan đến những lĩnh vực chuyên môn cao như opera, đấm bốc và hoàng gia châu Âu. Paul Farhi, một phóng viên năng nổ của tờ *Washington Post*, đã nêu ra sự khác biệt như sau:

> *Trong chương trình "Câu hỏi 64.000 đô la" (1955-58)… thí sinh được xem sáu bức chân dung và được yêu cầu không những kể tên họa sĩ và chủ đề của bức tranh, mà còn cả tên của ông thầy mà họa sĩ đó theo học. Một thí sinh khác được yêu cầu nói tên vở opera của Verdi đã mở đầu sự nghiệp chỉ huy dàn nhạc của Arturo Toscanini, cũng như ngày và địa điểm của buổi biểu diễn. Năm 1957, một giáo sư đại học trẻ tên là Charles Van Doren trong trò chơi truyền hình "Hai mươi mốt" được yêu cầu kể tên các vua Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển và Jordan. Herbert M. Stempel, đối thủ của Van Doren, cuối cùng đã phơi bày kiểu chơi khăm trong chương trình "Hai mươi mốt", anh ta bị loại khỏi cuộc chơi khi chỉ trả lời được hai phần trong câu hỏi gồm ba phần sau đây: Tên chủ bút tờ báo bang Kansas chống chủ nghĩa dân túy trong những năm 1920 là gì? (William Allen White). Tờ báo của ông ta có tên là gì? (The Emporia Gazette). Mục chuyên luận do ông ta viết có tiêu đề là gì? (What's the Matter With Kansas?).*[14]

Trong cuộc thi "Ai là triệu phú" thì ngược lại, thí sinh có thể thắng được số

tiền lớn nhờ biết "bánh quy Oreo có hai màu gì" hoặc quyết định bỏ qua cơ hội giành 500.000 đô la bằng cách không liều trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu đứa trẻ nhà von Trapp trong phim *The Sound of Music* (Giai điệu hạnh phúc)?"[15] Nói cách khác, nguồn kiến thức chủ yếu lấy từ văn hóa đại chúng, kiến thức chia sẻ với những người ngang hàng chứ không phải kiến thức lấy từ những phẩm chất riêng của sự thông tuệ cá nhân.

Cứ cho là truyền hình ngày nay phổ biến rộng rãi hơn cuối những năm 1950, nhưng trình độ học vấn của khán giả hiện nay có lẽ, tính trung bình, lại thấp hơn trước. Nhưng nhân tố này tự nó không giải thích được quy mô của sự thay đổi. Rất có thể không những nền tảng tri thức mà cả khát vọng văn hóa của hầu hết người Mỹ cũng đã đổi khác. Người Mỹ không còn cảm thấy thú vị khi bị truy hỏi, khiến ta nghĩ rằng (theo kiểu con quay hồi chuyển) có thể còn nhiều điều nữa cần phải học hỏi trong suốt đời họ. Ngày nay, nhân danh sự "tự trọng", họ rất "nhạy cảm" với những yếu kém ở bản thân; họ cần phải chứng tỏ mình đã biết nhiều đến đâu. "Tôi là một ai đó" thế chỗ cho "Một ngày kia tôi sẽ là một ai đó".

Người ta mong mỏi có được những nghiên cứu phù hợp, đầy tham vọng thích đáng về những trạng thái tâm lý của ngày nay - những cuốn sách có ảnh hưởng và dễ tiếp cận như *Đám đông cô đơn* và cuốn tiếp nối một phần của nó, *Habits of the Heart* (Những thói quen của trái tim) (1986), do Robert Bellah và các cộng sự viết. Nói cụ thể, người ta tự hỏi liệu sự phát triển tăng vọt hiện thời (và những lo âu đi kèm) đang đóng vai trò gì trong tâm thức người Mỹ, những người thụ hưởng rất nhiều cũng như những người ít hoặc không thụ hưởng được gì. Xã hội học phải là thứ thời sự mà luôn luôn là thời sự, nhưng ngày nay ít có nhà xã hội học nào mở rộng trí tưởng tượng ra xa hơn các môi trường chật hẹp để đến với những câu hỏi lớn lao nhất là cấu trúc xã hội, văn hóa và xung đột. Lớp nhà nghiên cứu cao tuổi hơn, vốn nhất quyết đòi phải có chuyên môn hóa, thì lại không khuyến khích mở rộng phạm vi. (Ở đây cũng cần phải nói rằng, giống như Daniel Bell, một nhà xã hội học xuất sắc khác của chúng ta, Riesman chưa từng được đào tạo để làm luận án tiến sĩ. Ông chỉ có bằng cử nhân luật).[16]

Tôi xin được khép lại bằng một lời nhận xét cá nhân: năm 1960, khi là sinh viên năm thứ hai, tôi gặp David Riesman còn ông là cố vấn khoa cho nhóm vì hòa bình Tocsin của trường Harvard. Là một nhà phê phán chủ nghĩa dân tộc đã nhiều năm, Riesman tham gia viết rất nhiều bài và lên tiếng phản đối việc dựa vào vũ khí hạt nhân, và tôi ngạc nhiên biết rằng ông, một trong những giáo sư tiếng tăm nhất ở Mỹ, đã cho mượn ô tô để chở các nhóm hoạt động vì hòa bình đến bang Vermont tham gia vận động bầu cử cho một hạ nghị sĩ theo đường lối hòa bình. Thực hành thái độ mà ông đã hô hào, ôm ấp cả những hy vọng không tưởng lẫn những quan niệm thực tiễn, ông luôn luôn dành thời

gian để đàm luận về chính trị và xã hội Mỹ. Ông giúp chúng tôi quyên tiền, thay mặt chúng tôi liên hệ với những người có thế lực, đưa chúng tôi đến các hội nghị, viết thư tiếp tục trao đổi sau các buổi nói chuyện. Ông viết thư quanh năm suốt tháng, đôi khi hơn một bức một ngày cho những người trao đổi thư từ thường xuyên (ông hẳn là người viết thư nhiều nhất sau Thomas Jefferson),[17] và dù hết sức đáng hãnh diện cho một sinh viên khi được quan tâm như vậy, nhưng Riesman cũng không hề nương tay trong vai trò cố vấn - nghĩa là ông không ngại phải bất đồng, đôi khi kịch liệt, về một vài quyết định của chúng tôi. Trong những năm ấy, ông còn phụ trách biên tập cho một tạp chí bình luận chính trị, tờ *Bản tin Ban Liên lạc* (về sau đổi thành *Hội đồng liên lạc*). Thực ra thì suốt mấy mươi năm qua ông đã là ban liên lạc gồm chỉ một thành viên. Ông quan tâm đến tất cả mọi thứ. Ông góp nhặt từng nhận xét nhỏ rồi đáp lại bằng hàng đoạn dài ngẫm suy kỹ lưỡng và nhận xét thấu đáo. Thế giới bao la này có hàng trăm người trao đổi thư từ với ông, cả nam lẫn nữ thuộc các thế hệ, những người trong nhiều thập kỷ qua đã dày kinh nghiệm viết thư cho ông, hay họ chỉ gửi đến ông một bài báo để rồi được đáp lại bằng một lá thư dài hơn nhiều, có khi tới hai ba trang, thường là trong vòng một tuần, hoặc một lời tạ lỗi vì đã phúc đáp chậm tới hai tuần.

Max Weber,[18] nhà xã hội học vĩ đại nhất thế kỷ, đã phàn nàn rất chính xác "những chuyên gia không có tâm hồn". Riesman, nay trên 90,[19] đã dâng hiến cả trí tuệ lẫn tâm hồn mà không được đào tạo chuyên môn. Ông xứng đáng được đọc đi đọc lại và tấm gương của ông đáng được trân trọng.

Một bản lời tựa này lấy tên "Đám đông của chúng ta trở nên cô đơn ra sao", đã đăng trên The New York Times Book Review*, 9/1/2000.*

Hai mươi năm sau - Lời tựa thứ hai

Khi *Đám đông cô đơn* và *Những bộ mặt trong đám đông* xuất bản, chúng tôi không mấy kỳ vọng chúng sẽ được đọc rộng rãi bên ngoài môi trường học thuật có liên quan. *Đám đông cô đơn* đã được các tạp chí chuyên môn chào đón bằng sự phê bình khắt khe thường lệ và chỉ dần dà thì cuốn sách mới đến tay đông đảo bạn đọc không có chuyên môn. Những độc giả không chuyên này cũng cần nhớ lại rằng ngày nay chẳng có mấy học giả đủ minh mẫn nào chịu khó ngồi viết ra một tác phẩm thiên về thực nghiệm và bao quát như *Đám đông cô đơn*. Điều dễ hiểu là những nghiên cứu có quy mô như vậy đã trở nên lỗi thời. Quả thực, trong một vài lĩnh vực học thuật mà *Đám đông cô đơn* dựa vào, bao gồm cả các khía cạnh lịch sử nước Mỹ, có lẽ số tác phẩm chuyên ngành đã xuất bản trong 20 năm qua cũng đã bằng với tất cả những năm trước đó gộp lại.

Năm 1960, khi Nhà xuất bản Đại học Yale dự định tái bản cuốn sách dưới dạng ấn phẩm bìa mềm, tôi đã nhân dịp này viết lời tựa mới (được in ngay sau lời tựa này) để vạch ra một vài điều mà tôi thấy dường như sai lầm chính trong cuốn sách, cả khi những sai lầm đó có thể được nhìn nhận đúng hơn tại thời điểm viết lẫn khi chúng được soi rọi trong cái nhìn sau này.[20] Và giờ đây, tám năm sau đó, 1968, tôi đọc lại *Đám đông cô đơn* để chuẩn bị cho lần in mới. Tuy không sửa đổi gì đáng kể, để bất cứ lời phê bình nào về ấn bản ban đầu mà độc giả có thể gặp vẫn còn nguyên giá trị, song tôi nhận thấy nhiều trang tôi có ghi chú ngoài lề để bày tỏ một nhận định nào đó, giờ đây tôi lại thấy nó mơ hồ hoặc cực đoan, hoặc rành rành sai.

Nếu như không vì thực tế là *Đám đông cô đơn* ở chừng mực nào đó đã đi vào bức chân dung người Mỹ cả quá khứ lẫn hiện tại mà nhiều người chúng ta - và cả một số độc giả ở các nước khác - mang trong đầu, thì điều này sẽ chẳng làm tôi băn khoăn cho lắm, bởi tri thức tiến tới là nhờ những cái gần đúng tiếp nối nhau, thậm chí nhờ cả những suy đoán mà về sau hóa ra là sai. Dù ở mức độ nhỏ nhoi đến thế nào đi nữa thì cuốn sách cũng đã đóng góp cho bầu không khí phê bình trong xã hội chúng ta, giúp tạo ra hoặc xác nhận lại quan điểm hư vô trong số rất nhiều người vốn vẫn đòi quyền bất tuân thủ (nonconformity) về luân lý hay trí tuệ, hoặc những người chỉ đơn giản là muốn "theo nó" để tránh bị xem là cổ lỗ lạc hậu. Kể từ lời tựa trước chúng tôi viết năm 1960, khuynh hướng tinh thần ở thanh niên Mỹ có giáo dục đã khác đi nhiều, và bối cảnh đời sống chung của chúng ta cũng vậy; cả suy nghĩ của riêng tôi cũng tiếp tục chuyển biến; vì vậy tôi cảm thấy cần phải viết thêm một lời tựa cảnh báo nữa.

Rõ ràng là các vấn đề làm những người Mỹ biết suy nghĩ ngày nay bận tâm

đã khác với những thứ làm người ta bận tâm trong giai đoạn *Đám đông cô đơn* được viết ra; và giữa những người có suy nghĩ, một bầu không khí mà tôi thấy dường như là sự tự phê bình thái quá đã nối tiếp khuynh hướng tự mãn hời hợt trước kia. Theo tôi nghĩ xã hội Mỹ về cơ bản không suy đồi và tàn bạo hơn xưa. Mặc dù có chiến tranh hay chuẩn bị chiến tranh, và đứng trước căng thẳng sắc tộc gia tăng, song những cố chấp được mô tả trong *Đám đông cô đơn* vẫn tiếp tục giảm; giáo dục cải tiến và truyền thông đại chúng tự do hơn đã có tác động đến tính bài ngoại truyền thống. Thực tế rằng các biện pháp con người và quan điểm tiến bộ đã không mang lại được hòa bình trong nước hay ngoài nước khiến cho người Mỹ bị giằng xé giữa một đằng là nỗi thôi thúc [hành xử] độ lượng với một đằng là nỗi sợ. (Trái với quan điểm hiện tại cả của phái tả lẫn phái hữu, chủ nghĩa tự do không phải là thứ thống trị xã hội Mỹ mà chỉ là một truyền thống thiểu số đối diện với chủ nghĩa bảo thủ mang tính lịch sử, phi ý thức hệ). Cảm giác phiền muộn sâu xa tồn tại trong nhiều người Mỹ chúng ta về xã hội Mỹ ngày nay cho thấy những vấn đề gần như không thể vượt qua được; nhưng điều đó còn phản ánh mong muốn mãnh liệt hơn về một xã hội mà chúng ta cần hướng tới và những cống hiến mà chúng ta cần đóng góp cho nhân loại. Nhưng những gì ta tin tưởng ở bản thân cũng là một thực tế: nó giúp định hình thực tại của chúng ta - đây là ý nghĩa của tiên tri tự ứng[21] mà Robert K. Merton và các tác giả khác đã viết. Sự thất vọng vừa phải về xã hội chúng ta, được bộc lộ công khai, có thể dùng để cảnh báo chúng ta về thảm họa và đánh thức chúng ta tỉnh cơn mơ màng; tuy nhiên, nỗi thất vọng quá mức có thể dẫn một số người đến chỗ rút khỏi hoạt động văn hóa và chính trị, trong khi số khác lại cảm thấy những hành vi phá hoại là hoàn toàn chính đáng mà không hiểu được rằng vẫn có đó khả năng tiềm tàng cho sự đổi thay bằng biện pháp ôn hòa.

Nhiều người đọc *Đám đông cô đơn* có cảm tưởng cuốn sách lập luận rằng người Mỹ ngày trước tự do hơn và nhân văn hơn. Trong khi xây dựng một hệ thống các loại hình giữa kiểu nội tại định hướng và kiểu ngoại tại định hướng, chúng tôi tập trung vào những thay đổi mà hình như hầu hết bạn đọc đều cho là thay đổi theo chiều hướng xấu đi. Còn những người khác lại cho rằng cuốn sách quá nhân từ khi chẩn đoán thời đại của chúng ta. Trong khi chúng tôi xem xét người Mỹ cả trong quá khứ lẫn hiện tại với sự châm biếm và tình cảm yêu ghét đan xen thì độc giả lại có chiều hướng tự hòa đồng với những nhược điểm mà họ cảm thấy ở mình hoặc là ở những người họ quen; và họ có thể nhìn sự tàn bạo và vô tình của người Mỹ trước kia với sự khách quan pha chút cảm thông giống như cái nhìn chúng ta vẫn dành cho những cái ác không còn đe dọa áp đảo chúng ta được nữa.

Dĩ nhiên là *Đám đông cô đơn* đã góp phần vào những ngộ nhận này. Ví dụ, Phần II cuốn sách bàn về chính trị đôi khi rơi vào một tâm trạng hoài cổ mà nó

nói chung vẫn tránh. Vì thế có phần cường điệu khi nói rằng (như cuốn sách đề cập ở trang 174) nhìn chung, sự hoài nghi đối với chính trị là thực sự xa lạ vào thế kỷ 19, và cũng sai lầm chẳng kém khi tuyên bố rằng những vấn đề chính trị xác định ở thời kỳ đó "được cho là có thể điều khiển".[22] Tương tự như vậy, mặc dù tôi thấy dường như chân dung người giáo huấn thế kỷ 19 trong sách cũng rõ rành rành như chân dung người dự đoán nội tình của thời nay, nhưng khuynh hướng tự giễu sẵn có đã khiến nhiều độc giả ngày nay cho rằng loại người dự đoán nội tình là một "phát minh" của thời đại suy đồi hiện tại của chính chúng ta.

Một vài bài viết đóng góp vào tuyển tập của Lipset-Lowenthal dám nói chắc rằng luân lý về bình quân chủ nghĩa và sự thành đạt là đặc điểm của người Mỹ từ thuở khai sinh nền cộng hòa và rằng tính cách Mỹ về cơ bản không thay đổi.[23] Theo ý tôi, ta nhấn mạnh ở tính kế tục hay ở tính gián đoạn là tùy thuộc vào cái ta quan tâm, cũng như tùy vào đánh giá của ta về các bằng chứng đối chọi nhau. Dĩ nhiên, tính kế tục còn rất nhiều, nhưng tôi nghĩ rằng người Mỹ giàu có thuộc giai cấp trung lưu lớp trên được mô tả trong *Đám đông cô đơn* và *Những bộ mặt trong đám đông* khác với cha ông họ trên phương diện tính chất các mối tương quan của anh ta với người khác. Không phải người Mỹ ngày nay tuân thủ hơn - điều đó luôn bị hiểu sai trầm trọng; cũng không phải người Mỹ hiện đại kỳ quặc khi muốn gây ấn tượng với người khác hoặc muốn được người khác yêu thích; con người ta xưa nay nói chung vẫn vậy. Sự khác biệt nằm ở mức độ cộng hưởng lớn hơn với người khác, ý thức nhiều hơn về các mối tương quan với mọi người, và mở rộng phạm vi những người mà họ cảm thấy muốn được tiếp xúc. Khi tính chính đáng của những đại diện cho uy quyền người lớn và thế hệ ông cha sút giảm, lớp trẻ và hàng triệu người tìm cách để trở nên dễ bị ảnh hưởng bởi quyền lực của người cùng thời hơn, cả qua giao tiếp cá nhân lẫn qua truyền thông đại chúng. Trọng tâm chú ý đó thường dẫn đến sự phản kháng và bất phục tùng, nhưng vấn đề đang tranh luận chủ yếu lại là mức độ cộng hưởng, chứ không chú trọng nhiều đến tính tuân thủ.

Từ năm 1950, sự sút giảm ảnh hưởng và quyền uy của người lớn được ghi lại trong *Đám đông cô đơn* còn đi xa hơn nữa. Ngày nay vào học các trường trung học và cao đẳng là con cái của những ông bố bà mẹ mang tâm trạng hoài nghi bản thân, những người cảm thấy hình ảnh mình bị phô bày trong các cuốn sách như *Đám đông cô đơn*. Sự mất tự tin từ bên trong ở người lớn là một hiện tượng toàn thế giới, cho thấy sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ và các giá trị. Margaret Mead đã đề cập đến những bậc cha mẹ người Mỹ chính gốc nhưng cảm thấy mình như dân nhập cư vào đất nước của lớp trẻ. Thanh niên phản ứng lại tình trạng mất chủ quyền của nhóm người lớn với tâm trạng còn hồ nghi bản thân hơn, hoang mang hơn và nổi loạn hơn. Tất nhiên có những

chênh lệch về mức độ, bởi vậy trong khi sinh viên từ Tokyo cho đến Praha có thể sống nhờ vào sự phản kháng lẫn nhau và học hỏi những mẹo mực của nhau, thì mâu thuẫn giữa các thế hệ lại không nơi nào giống nơi nào. Quả thực, tôi thấy các phong trào của sinh viên Mỹ độc đáo về một số mặt. Nam Phi có thể sẽ đối mặt một cuộc khủng hoảng sắc tộc trong tương lai sánh ngang với cuộc khủng hoảng của Hoa Kỳ, nhưng sự ưu tiên về tri thức và đạo đức mà cuộc khủng hoảng này hiện đang thúc ép trong những người da trắng nhạy cảm cũng như trong người da đen thì lại đặc biệt Mỹ. Các hoạt động quyền công dân trong những năm trước đã mang lại chất xúc tác tinh thần và phần nhiều kinh nghiệm chiến thuật sau này đã biến thành phản đối chiến tranh cũng như phản đối các trường cao đẳng và đại học. Và tuy sinh viên ở những nơi khác phản đối chiến tranh Việt Nam, song ngay cả ở Nhật họ cũng không trực tiếp dấn thân như các thanh niên Mỹ bị buộc đi quân dịch và phải đối mặt với những tình thế đạo đức khó xử, mâu thuẫn và không khoan nhượng.

Sự nhạy cảm tăng lên trước những tình thế khó xử như vậy phản ánh, ngoài những vấn đề khác, một sự chuyển dịch - kể từ khi *Đám đông cô đơn* được viết ra - đến chỗ quan tâm nhiều hơn đến sự độc lập (autonomy) và phủ nhận sự thích nghi (adjustment) như một sự thỏa hiệp suy đồi. Trong nền văn hóa đại chúng và cao cấp của chúng ta còn có sự ưa chuộng tình trạng lệch lạc (anomie) hơn sự thích nghi, và có nhận thức rõ hơn về sự lệch lạc đang tồn tại. Chiều kích tính cách phổ quát này vẫn còn có ý nghĩa ngay cả khi một biến chuyển giả định từ kiểu nội tại định hướng sang kiểu ngoại tại định hướng có thể không còn là biểu đồ đúng nhất để phác họa tính cách xã hội của người Mỹ trung lưu lớp trên. Nhiều người trong giới trẻ ngày nay xem ra thuộc kiểu bị xung động định hướng hoặc hoàn cảnh định hướng nhiều hơn hẳn so với vài thập kỷ trước trong cùng giai tầng xã hội. Tuy nhiên, bởi lẽ không một nước nào - ngay cả Hoa Kỳ - có thể thình lình thay đổi, tôi thấy dường như nhiều điều trong *Đám đông cô đơn* bàn về tính cách xã hội đương thời nay vẫn còn xác đáng. Nhưng quan trọng hơn là phải tiếp tục tìm hiểu chính vấn đề tính cách xã hội. Có rất ít công trình thực nghiệm bàn đến cái phân biệt tính cách xã hội của một thời đại hoặc của một giai tầng với thời đại khác và giai tầng khác.[24] Nếu ta phải tách bạch tính cách xã hội với hệ tư tưởng hoặc hành vi, thì những minh họa chúng ta đã in trong cuốn *Những bộ mặt trong đám đông* gợi ý cần phải dùng đến vật liệu xạ ảnh. Chúng ta chỉ có thể hiểu xã hội mình nếu chúng ta biết phân tích con người cư xử và nói năng ra sao, rồi cả những tâm tính nền tảng hơn và thường là vô thức ở họ thế nào, những thứ này được lịch sử định hình ra sao và đến lượt chúng định hình lịch sử như thế nào.

Đám đông cô đơn là một trong những nghiên cứu dùng phép phân tích nội dung truyện thiếu nhi, phim ảnh, truyện hư cấu và văn chương giáo dục[25] như một cách để đánh giá thái độ độc giả và thính giả. Nghiên cứu như vậy

mang tính suy luận, bao hàm một nhận định về điều mà một nhóm cử tọa có thể thấy trong một tác phẩm - và giả sử như cử tọa đó đã không còn, không thể gặp mặt phỏng vấn được nữa thì những phân tích nội dung tinh tế nhất cũng chỉ là suy đoán. Đồng nghiệp của tôi là David McClelland đã biến loại hình phân tích chất liệu hư cấu - như một manh mối để hiểu thái độ của thời trước - thành một nghệ thuật tinh tế, tuy có phần mạo hiểm.[26] Những nghiên cứu đối chiếu về các nhóm cử tọa cho văn hóa đại chúng thì khá hiếm, dù cho hồ sơ của những người nghiên cứu thị trường phải bao gồm các dữ liệu có khả năng phân tích theo lịch sử. Hiện nay sẽ rất thú vị nếu có vài ba nghiên cứu về "chuyên viên dẫn chương trình tọa đàm" ("talk jockey"), tuy họ dành khá nhiều không gian cho những người thấp cổ bé họng trước đây, nhưng lại đôi lúc truyền bá và đôi lúc đả phá chứng hoang tưởng dễ lây lan ở những người thân cô thế cô.

Phép thăm dò dư luận đã tiếp tục cải thiện và chúng tôi được cung cấp thêm nhiều khảo sát lặp đi lặp lại và đáng tin cậy liên quan đến việc ai nghĩ gì về sắc tộc, bom hạt nhân, chiến tranh Việt Nam, hạnh phúc cho nhân loại, uy tín của các nhà lãnh đạo và ai được cho là người sẽ điều hành nước Mỹ. Mặc dù vậy, như nhiều người đã nhận thấy, các chỉ báo của chúng ta về nạn thất nghiệp và tổng sản phẩm quốc gia cùng những số liệu kinh tế khác thường khả quan hơn các chỉ báo về những thứ không sờ thấy được như sự toại nguyện trong tình yêu và công việc, hoặc những cảm xúc tiềm ẩn vẫn chưa được huy động bởi lời hiệu triệu của chính trị và văn hóa.

Thế nhưng các chỉ số mà chúng tôi đưa ra chỉ giúp ích phần nào trong việc đánh giá những câu hỏi chính trị, văn hóa lớn hơn mà việc tổng sản phẩm quốc gia liên tục tăng đặt ra, và trong mối quan tâm đến cách thức chúng ta sử dụng sự dư dật tương đối của mình. *Đám đông cô đơn* đã đưa ra giả định, khá mới mẻ vào thời điểm đó, rằng vấn đề kinh tế dư dật đã được giải quyết xong xuôi về phương diện sản xuất, nếu như không phải về phương diện phân phối - Lời tựa viết năm 1960 được in kèm sau đây bàn về quan niệm mà nay tôi cho là sai lầm, rằng vấn đề kinh tế không còn quan trọng nữa và rằng chúng ta có thể cho phép ra đời những thái độ thời hậu công nghiệp hiện giờ đang rất thịnh hành. Nhiều người khác nữa cũng hấp tấp phát biểu cùng quan điểm như vậy, kể cả nhà kinh tế học Robert Theobald và nhà phê bình Paul Goodman; John Kenneth Galbraith, có thể nói là nhà phê bình xã hội học có ảnh hưởng nhất, đã nhất quyết cho rằng Hoa Kỳ không cần sản xuất nữa, không cần giàu có sung túc nữa, mà cần có thêm những hàng hóa mang tính "công cộng", ví dụ như không khí trong lành hơn, đường phố sạch sẽ hơn và nước tinh khiết hơn, thay vì những thứ hàng hóa mang tính "tư nhân"[27] chóng lỗi thời hơn. Không thể phủ nhận rằng chạy theo sản xuất như mục đích tự thân là bệnh hoạn, dù cho điều đó đỡ nguy hiểm cho xã hội hơn việc chạy theo quyền lực

như mục đích tự thân.

Trong giới những người Mỹ khá giả, đặc biệt là ở con cái họ, các mức tiêu thụ của họ thường bị chỉ trích là hoang phí. Tuy nhiên, căn cứ vào cơ cấu chính trị của những nhóm có quyền phủ quyết, tôi thấy thật khó hình dung là, về mặt chính trị, người ta có thể giúp cho nhóm người thực sự nghèo bên trong nước Mỹ - chưa nói đến ở bên ngoài nước Mỹ - hội nhập được mà không đồng thời nâng cao đáng kể mức sống của những nhóm kinh tế xã hội thấp hơn song chưa phải nghèo. Tức là, không thể thuyết phục được tầng lớp trung lưu lớp dưới sung túc một cách bấp bênh và tầng lớp công nhân lớp trên phải hào phóng với nhóm người thật sự cùng quẫn, đặc biệt khi nhóm này là dân da đen và bất trị (cho dù đa số dân nghèo ở Mỹ là người da trắng), nếu như chính bản thân họ không sống dựa vào xu thế thỏa mãn người tiêu dùng đang tăng lên không ngừng. Người nghèo, cả da trắng lẫn da đen, và các đồng minh sung túc có lương tâm của họ chỉ là thiểu số (cả nhóm phủ quyết cũng thế), họ là những người có tác động về mặt chiến thuật trong nhiều hoàn cảnh địa phương (với khả năng gây biến loạn), nhưng lại không thể thúc đẩy sự phân phối công bằng hơn các nguồn lực ngày càng tăng trên phạm vi quốc gia. Quả thực, thành công chiến thuật thường đạt được với cái giá là sự suy yếu chiến lược về lâu dài.[28] *Đám đông cô đơn* đã không đặt nặng đúng mức vấn đề tiếp tục mở mang các nguồn lực để làm dịu những đố kỵ và oán giận của nhóm không-đến-nỗi-nghèo mang bức xúc chính đáng.

Tôi đã là thành viên trong Ủy ban Quốc gia về Mục tiêu và Nguồn lực Hoa Kỳ của Hiệp hội Hoạch định Quốc gia, nhiệm vụ của ủy ban này cho thấy rằng để đương đầu với các đòi hỏi mà nền kinh tế Mỹ tự đặt ra là giải quyết đói nghèo trong các khu ổ chuột và ở những nơi khác, chúng ta cần mở rộng sản xuất, dĩ nhiên là ngoài việc từ bỏ chi tiêu cho chiến tranh và chuẩn bị chiến tranh. Ủy ban đã cố ước tính chi phí cho các mục tiêu mà đến nay vẫn được mọi người chấp nhận là chính đáng, ví dụ như chăm sóc y tế cải thiện hơn, nhà ở, chế độ phúc lợi, kiểm soát ô nhiễm tốt hơn và nhiều thứ nữa mà chúng ta mưu cầu; đạt được những mục tiêu này, ngay cả khi chiến tranh ở Việt Nam kết thúc, cũng sẽ vượt quá cả khả năng sản xuất hàng loạt của chúng ta trong tương lai thấy được - mà đó là chưa lưu tâm đến đòi hỏi viện trợ trong khối các nước đang phát triển.[29] Trái với điều tôi từng nghĩ, nền kinh tế không phải tự nó thúc đẩy nó. Chúng ta có thể thấy ở Anh những vấn đề nảy sinh khi một xã hội đã trở thành hậu công nghiệp về mặt tâm lý rất lâu trước khi hạ tầng kinh tế đủ mạnh để gánh các kỳ vọng cứ đều đặn tăng thêm. Những thanh niên Mỹ tài giỏi nhất đang tiếp tục tránh những nghề có bất cứ liên quan nào đến sản xuất và các vấn đề kinh tế, rồi giờ đây họ còn tránh các nghề nghiệp trong các ngành khoa học tự nhiên (trừ y khoa) - những nghề này được xem là không có mấy ý nghĩa.[30] Ấy thế mà nền kinh tế càng ngày càng phức tạp của chúng ta

đòi hỏi vừa phải làm việc tận tâm hơn lại vừa phải có trí tưởng tượng bay bổng hơn, song trên thực tế đòi hỏi như vậy là quá nhiều chừng nào quan niệm ở giới trẻ về quản lý chỉ dừng lại ở chỗ coi đó là nghề dành cho những tay phụ việc, "những gã làm công tác tổ chức".

Đám đông cô đơn đã góp phần sinh ra sự coi rẻ đầy trịch thượng các ngành nghề kinh doanh, khi nó bàn đến sự chuyển dịch từ tay nghề thủ công sang tài điều khiển, và qua việc đánh giá thấp yếu tố trí tuệ ở phần lớn công việc trong các tổ chức phức tạp. Không nên xem sự từ bỏ việc điều khiển bằng tay chân để chuyển sang điều khiển dựa trên ý niệm và từ bỏ phương thức làm việc với vật để chuyển sang làm việc với người là một điều gây phương hại. Công việc kinh doanh của công ty lớn ngày nay phụ thuộc nhiều vào những ý tưởng chứ ít phụ thuộc vào những mò mẫm kiểu thử-và-sai tàn khốc như trước đây. Thế nên *Đám đông cô đơn* quả thực đã chỉ ra [xu hướng] trở nên nhạy cảm hơn và ít khoan thứ hơn đối với sự bóc lột trong đời sống công ty của chúng ta. Thế nhưng, như thường thấy, những tiến bộ như vậy lại làm nảy sinh vấn đề mới. Chúng ta nhận thức được rõ hơn rằng con người phụ thuộc lẫn nhau, điều đó dẫn chúng ta đến chỗ thấy rõ hơn các mối tương quan có tính điều khiển vẫn còn. Trong khối dân cư đông đúc hơn, tính đồ sộ của các tổ chức nơi con người làm việc và khoảng cách xa hơn từ tổ chức đến thành phẩm làm nảy sinh cảm giác phi thực cho nhiều nhân viên chuyên môn và giới nhân viên văn phòng "cổ trắng". Sự dư dật, dù được phân phối không đồng đều, cho phép những ai sở hữu nó đòi công việc của mình phải có ý nghĩa và không bằng lòng nếu làm việc đơn thuần để tìm kế sinh nhai, và tình trạng tương đối thiếu tính thách thức mà sự dư dật tạo ra làm cho nhiều người càng thấy khó lòng tìm thấy cái ý nghĩa ấy. Vào thời xưa hơn và trên một số khía cạnh là ngây thơ hơn, người Mỹ thường bóc lột mà không nhận ra điều đó, hay không quan tâm theo cách này cách khác; họ muốn có những kết quả và không tìm kiếm ý nghĩa công việc như vậy.

Một thế hệ trước, Joseph Schumpeter[31] đã nói về sự rút lui khỏi ảnh hưởng của hệ thống kinh doanh. Khi con cái của những người sung túc phản đối việc lấy lòng tham làm động cơ, phản đối thói tham công tiếc việc có tính truyền thống, có thể họ đã thấy khó khám phá ra được các nguồn khác để gắn bó tận tụy mà đồng thời mang lại nhiều tự do hơn. Tôi thấy nhiều người trẻ hôm nay trông chờ bén duyên một giao kết tận tụy, một bản sắc hay một ý nghĩa cho đời mình, như kiểu thanh niên lãng mạn trông chờ tình trạng phải lòng khi yêu. Họ miễn cưỡng, thường là vậy, trải mình ra để tìm thấy bản thân mình. Khi tính chính đáng của uy quyền người lớn liên tục suy yếu, sự chi phối của nhóm ngang hàng tiếp tục tăng, về mặt tính cách xã hội, điều này có thể bao hàm một mức độ nào đó tình trạng ngoại tại định hướng. Nhưng người khác mà ta đáp lại thường là trong một phạm vi hạn hẹp gồm những người thân

thiết; do vậy kiểu ngoại tại định hướng chưa tăng nhiều xét về khía cạnh cởi mở với người khác. Sự chấp nhận và cởi mở chỉ mở rộng ra đến các mạng lưới nhỏ, không mấy gắn bó, mà các chuẩn mực trong đó bao gồm cả việc không chấp nhận người khác bên ngoài mạng lưới.

Một thiểu số nhỏ trong thiểu số này đã lao vào chính trị, tìm thấy trong các phong trào phản chiến, quyền công dân và chống đối đại học một thứ tôn giáo thế tục mới và thường là một gia đình mới, vì từ trước tới giờ họ chưa bao giờ được tự do thoát ly gia đình của cha mẹ, nền tảng sắc tộc, nền tảng tôn giáo và xóm giềng trong vùng đến mức như vậy.[32] Rất có thể một tỷ lệ không cố định trong thiểu số này sống với ý thức rằng vũ khí hạt nhân có thể hủy diệt chính công cuộc của con người, làm trầm trọng thêm nỗi lo âu sâu xa, sự ngờ vực và cảm giác đứt đoạn lịch sử ở họ.[33]

Tôi đã quan tâm đến hiểm họa hạt nhân từ thời Hiroshima và với tư cách công dân tôi cho nó ưu tiên hàng đầu. Người ta dễ đâm ra ám ảnh bởi mối nguy này (ví dụ, quyết định không sinh con vào một thế giới khủng khiếp và bấp bênh như vậy), cũng như tôi đã thấy những người khác sao nhãng khỏi mọi thứ còn lại vì mải lo nghĩ đến những tàn ác, bất công và xuẩn ngốc khác trong xã hội. *Đám đông cô đơn* cổ xúy cho công cuộc khó khăn cả về mặt tinh thần lẫn thực tế là sống đồng thời trên hai bình diện: bình diện các lý tưởng hay thậm chí những cái nhìn không tưởng và bình diện sinh tồn mỗi ngày. Đời sống thường nhật và chủ nghĩa lý tưởng của chúng ta phải vun đắp cho nhau và đối thoại với nhau. Ngược với điều này, ở Mỹ có một truyền thống mạnh mẽ và đôi khi cuồng tín rằng con người độc lập phải là một nhà tiên tri và phải hành xử theo các xác tín của anh ta gần như chẳng hề đếm xỉa đến hệ quả cá nhân và xã hội - một truyền thống xung đột với tính thực dụng mà họ vốn cũng ngưỡng mộ. Người độc lập được phác họa hết sức vắn tắt ở chương cuối trong *Đám đông cô đơn* là người có khả năng và sự can trường để nhìn thẳng, dù anh ta có lòng can đảm hay quyền lực để hành động theo nhận thức của mình hay không. Hầu hết chúng ta không phải là anh hùng hay thánh nhân, và nếu chúng ta cứ khăng khăng rằng con người phải luôn hành xử theo lý tưởng của mình, điều này có thể hàm nghĩa các lý tưởng phải được điều chỉnh lại cho khớp với mức độ can đảm và nghị lực của cá nhân, hoặc cá nhân đó sẽ đâm ra hoài nghi về bản thân hay huyễn hoặc về xã hội của mình hay cả hai. Do vậy niềm tin đặc trưng kiểu Mỹ này, rằng ta không chỉ phải nhìn thẳng mà còn phải chân thật và hành động thẳng thắn, có thể trao quyền chi phối lúc thì cho kẻ tự mãn, lúc khác lại cho những ai biết phẫn nộ chính đáng và biết cống hiến. Các cộng sự của tôi và tôi, ngày viết *Đám đông cô đơn* và hôm nay vẫn vậy, chọn một cách nhìn ôn hòa và bình tâm hơn về cái có thể tồn tại hay có thể diễn ra về mặt lịch sử, do vậy tin rằng hy vọng lớn nhất cho sự thay đổi chiều hướng các lý tưởng của chúng ta không nằm ở những nỗ lực hoàn thiện

tổng thể của bản thân ta và xã hội, mà là ở công cuộc kiên trì hướng tới sự đổi thay dần dần trong ánh sáng một ý thức thăm dò về nhiều tương lai khả dĩ.

Stanford, California
Tháng Tư 1969

Lời tựa cho ấn bản 1961

Mùa thu năm 1947 khi có cơ hội đến Đại học Yale theo sự bảo trợ của Ủy ban Chính sách Quốc gia, tôi đã dạy trong chương trình Khoa học Xã hội ở một trường trực thuộc Đại học Chicago. Tôi là chủ tịch một ban có nhiệm vụ xây dựng khóa học liên ngành về "Văn hóa và nhân cách" - khóa học sẽ không chỉ bao gồm đóng góp của các nhà nhân học, tâm lý học, xã hội học, mà còn trải rộng ra ngoài các giới này để đón nhận cả sự hợp tác của các nhà kinh tế học, khoa học chính trị, sử học. Niềm háo hức trong nỗ lực xây dựng một chương trình học không phân ban trong ngành khoa học xã hội được một số đồng nghiệp chia sẻ, trong đó có một người bạn lâu năm của tôi, Reuel Denney, người quan tâm đến truyền thông đại chúng từ góc độ khoa học nhân văn và phê bình văn học. Trong vài tháng đầu ở Yale, tôi tuyển Nathan Glazer, tác giả những bài phê bình sắc sảo về các công trình hàng đầu trong khoa học xã hội mà tôi đã đọc trong chuyên đề "Nghiên cứu con người" của tạp chí *Commentary*. Các cộng sự và tôi đã đưa ra nhiều lối tiếp cận trí óc trong công trình dẫn đến *Đám đông cô đơn* và *Những bộ mặt trong đám đông*. Dò lại một số bước sơ khởi khi chuẩn bị cho ấn bản *Đám đông cô đơn* này, tôi ngạc nhiên thấy có biết bao đổi thay trong đời sống trí thức và học thuật Mỹ từ năm 1948; những đổi thay này phần nào khúc xạ những chuyển biến lớn lao hơn trong đời sống dân tộc chúng ta và trong tình hình thế giới, phần khác là trong những chuyển biến tự quyết trong chính các ngành khoa học xã hội.

Trước chiến tranh, tôi là giáo sư luật chuyên trong lĩnh vực tâm lý xã hội về sự phỉ báng, đang tìm cách hiểu những ý nghĩa khác nhau trong vấn đề xúc phạm thanh danh và lạm dụng chính trị vốn đang lan tràn trong các giai tầng xã hội khác nhau, và ở một số nước phương Tây.[34] Tôi phấn chấn vì sự tiến triển của công tác thăm dò dư luận, vừa như một cách trả lời các câu hỏi đặt ra trong nghiên cứu này vừa như một cách hiểu rộng hơn ý nghĩa của ý kiến dư luận; quả thực, khi phương pháp thăm dò dư luận mới được sử dụng một cách có hệ thống vào những năm 1930 thì hình như nó hứa hẹn - giống như các nghiên cứu cộng đồng đã hứa hẹn nhưng theo kiểu khác - đưa những người thấp cổ bé họng và những người tương đối thân cô thế cô vào quỹ đạo của nhà nghiên cứu xã hội. Trong nỗ lực nhằm hiểu rõ hơn công cụ này, tôi đã dựa vào công trình của bạn bè tại Phòng Nghiên cứu Xã hội Ứng dụng và tại Văn phòng miền Đông của Trung tâm Nghiên cứu Dư luận Quốc gia; và công trình đầu tiên mà Glazer cùng tôi hợp tác là một nỗ lực nhằm hiểu rõ kiểu truyền thông đang diễn ra trong một khảo sát chính trị và để xem một câu trả lời "không biết" có thể nghĩa là gì.[35]

Lúc đó, chưa đầy một thập kỷ trước, nghiên cứu khoa học xã hội hãy còn

thiếu nước sơn bóng hiện nay, là quá trình và sản phẩm tầm vĩ mô. Có lẽ thay đổi này là đặc biệt ấn tượng trong nhân học văn hóa, cái làm chúng tôi quan tâm cũng không kém nghiên cứu dư luận.

Mặc dù Lloyd Warner đã dẫn đầu hay khuyến khích những chuyến khảo sát thực tế quan trọng vào các cộng đồng hiện đại, nhưng cho đến Thế chiến thứ hai, phần lớn các nhà nhân học vẫn còn là đại diện hàn lâm có phần đứng ngoài rìa của cái mà ta có thể gọi là dữ liệu "ít được quan tâm", tức là dữ liệu từ các bộ lạc không có chữ viết, không có hải quân, không có cái vẫn được gọi là "văn hóa". Hơn nữa, do tính chất của các cuộc đi thực địa thường là đơn thương độc mã, những nhà nhân học đành phải có một phong cách nghiệp dư mà trong đó nghệ thuật, kinh tế học, thần thoại học, tập quán nuôi dạy con cái, hệ thống luật pháp và hệ thống thân tộc, thảy đều nằm trong tầm quan sát của họ và cần được tổ chức theo một chỉnh thể nào đó. Khi ngành nhân học hãy còn nghèo khó, nó không thể lo nổi chi phí để cử nhiều người đến cùng một nơi; và cả các bộ lạc nữa, họ cũng nghèo khó, theo nghĩa là họ không biết tự che chở cho mình khi tiếp xúc với người da trắng và không thể được cho là vẫn còn nguyên vẹn tới chuyến thực địa lần sau của người da trắng. Hơn nữa, khi ngành nhân học còn nghèo khó, các nhà nhân học rất chuyên quyền và quý tộc; ý tôi là, như các nhà phân tâm học thời đầu, họ sẵn sàng khái quát hóa trên cơ sở bằng chứng nghèo nàn. Họ thực hành một phương pháp đòi hỏi trí tưởng tượng và sự tự tin, cũng như khả năng quan sát và ghi chép lại. Những nhà phiêu lưu can đảm như Margaret Mead, Ruth Benedict và Geoffrey Gorer, dưới tác động của chiến tranh, sẵn lòng đưa ra những lối giải thích [có tham vọng] bao quát tổng thể hay có tính phân tích loại hình về Hoa Kỳ, Nhật Bản hay Liên Xô.

Phát hiện của họ vừa công bố chưa được bao lâu thì đã bị phê bình tới tấp do những kẽ hở rõ ràng về mặt phương pháp luận và khái niệm, cũng như sự suy diễn thái quá của họ, tương tự như (tuy kịch liệt hơn là) sự phê bình của giới chuyên môn khi *Đám đông cô đơn* và *Những bộ mặt trong đám đông*[36] ra đời. Bất chấp bị phê bình, công việc trong các lĩnh vực tính cách dân tộc, văn hóa và nhân cách vẫn tiếp tục, dù theo cách ít tham vọng hơn; các nhà nhân học trẻ hình như tránh xa lĩnh vực gây tranh cãi như vậy. Hiện nay, không còn có thể gọi các nhà nhân học là một giới tinh hoa bí truyền, tìm cách giúp đồng bào mình làm quen với những thứ trước đây nằm ngoài hay ở dưới tầm chú ý của họ: cái từng là bí truyền nay đã trở thành một phần trong hiểu biết chung của chúng ta, và các nhà nhân học, nay thuộc về một chuyên ngành mạnh hơn và được chu cấp tiền bạc khá hơn, cũng gánh vác những mục tiêu quan sát và phân tích vốn vượt quá khả năng của một nhà khảo sát thực địa đơn độc.

Cùng khoảng thời gian đó, một số chuyển biến tương tự đã diễn ra trong tư tưởng phân tâm học - và chính tâm lý phân tâm học là cái khích lệ nhất để các

nhà nhân học và các nhà khoa học xã hội khác quan tâm đến nhân cách và văn hóa (hay, như Clyde Kluckhohn và Henry A. Murray diễn đạt, "nhân cách trong văn hóa"). Thuyết của Freud về các giai đoạn tâm lý tính dục, được Karl Abraham đi sâu thêm, đã áp dụng các khái niệm tính cách "môi miệng" hay tính cách "hậu môn" cho toàn bộ các nền văn hóa, bằng cách đó ngụ ý vai trò chủ chốt của thuyết phổ quát sinh học trong việc hiểu lịch sử. Ngược lại, nỗ lực của chúng tôi trong *Đám đông cô đơn* là bàn đến một vấn đề lịch sử rộng hơn khía cạnh sinh dục, tuy hạn hẹp hơn định mệnh. Do vậy, bản thân chúng tôi theo truyền thống của trường phái Freud Mới, nhất là Erich Fromm mà tôi đã nghiên cứu. *Escape from Freedom* (Trốn thoát tự do) và *Man for Himself* (Con người vị kỷ) của Fromm là những khuôn mẫu có ảnh hưởng quyết định khi áp dụng tính cách học phân tâm theo định hướng xã hội vào các vấn đề chuyển biến lịch sử. Giống như các nhà nhân học, các nhà phân tâm học đã nhấn mạnh tầm quan trọng của các dữ liệu trước kia bị bỏ lơ hay ít được quan tâm: ký ức thoáng qua, giấc mơ, trò chơi trẻ con, các phương thức cai sữa, nội dung biểu tượng của quảng cáo, các chuyện kể dân gian, và phim truyện - thảy đều đã trở thành chất liệu cho lịch sử. Các nhà phân tâm học đã thể hiện sự táo bạo khi thảo luận về tổng thể các nền văn hóa nhằm cố gắng kết nối sự tạo thành một kiểu cấu trúc tính cách cụ thể ở thời thơ ấu với phương thức sản xuất, tình yêu, chiến tranh và văn hóa dân gian (folklore) trong xã hội người trưởng thành. Trong toàn bộ công việc như vậy có một nỗ lực xem cái gì đi với cái gì, cái gì tập hợp với nhau, một xã hội chuyển hướng các thôi thúc tình dục và sự gây hấn bên trong nó ra sao, và chính điều này đã là một yếu tố khuyến khích các sử gia (như Richard Hofstadter đã chỉ ra)[37] suy nghĩ theo lối bố cục và phong cách, do vậy khuyến khích họ phác họa các khuôn mẫu cũng như mô tả các sự kiện. (Đúng thế, trước đây các sử gia đã làm việc theo cách này khi họ cho phép mình nói đến giai đoạn "baroque" hay thời kỳ "lãng mạn", nhưng xung lực của phân tâm học bao hàm một liên kết rộng hơn và rõ ràng hơn giữa mọi loại động cơ cá nhân đối với các hình thái xã hội rộng lớn).

Freud[38] là kỵ sĩ, có thể nói thuộc đẳng cấp vương tôn, trong việc xử lý dữ liệu, và một số môn đệ chính thống của ông ngày nay có chiều hướng bắt chước tính cứng đầu của ông mà không có được tài năng như ông. Nhưng các nhà phân tâm học và tâm thần học khác thì đã thích nghi với môi trường khoa học xã hội rồi; nên thật dễ hiểu khi họ dè dặt với những khái quát hóa vốn chỉ là phép ngoại suy từ các trường hợp cá biệt, vì họ nhận ra rằng, để hiểu xã hội, không chỉ cần các tiểu sử mà còn cần cả lịch sử.[39]

Theo ý tôi, Freud và nhiều môn đệ của ông đã quá vội vã khi cho rằng mình biết cái gì là cơ sở hay "căn bản" trong một nền văn hóa cụ thể, và họ ấn định số phận con người quá sớm khi cho rằng chỉ duy có định mệnh là thứ cầm trịch những kinh nghiệm tâm lý tính dục [mà chủ thể] làm chủ được hay phải chịu

đựng trong những năm đầu thời thơ ấu. *Đám đông cô đơn*, trong khi nhấn mạnh vai trò của nhóm ngang hàng và trường học ở giai đoạn tuổi mới lớn trong sự hình thành tính cách, có lẽ cũng đã đánh giá thấp khả năng thay đổi nhờ những kinh nghiệm ở tuổi trưởng thành. Và mặc dù cuốn sách nhìn chung nhấn mạnh những bước phát triển cụ thể trong lịch sử từ chỗ truyền thống định hướng sang nội tại định hướng và ngoại tại định hướng, nhưng Phần III cũng đã có một phác thảo mang tính tâm lý nhiều hơn mà ít tính lịch sử hay văn hóa hơn về các phương thức thích nghi - ở đấy được gọi là "độc lập", "thích nghi" và "lệch lạc" - điều đó về nguyên tắc có thể thấy trong bất kỳ xã hội nào.[40] Không may, nhiều độc giả thường có xu hướng đánh đổ các chiều kích lịch sử và phổ quát, và như chúng ta sẽ thấy đầy đủ hơn ngay sau đây, họ xem tính độc lập và kiểu nội tại định hướng là tương đương nhau, đồng thời coi tính tuân thủ, vốn tồn tại trong mọi xã hội, như thể nó chỉ đặc trưng cho kiểu ngoại tại định hướng. Rõ ràng trọng tâm chúng tôi đặt ở tính tuân thủ - nói cách khác là thích nghi và điều chỉnh - và ở sự lầm lạc hay lệch lạc, phản ánh một số vấn đề trong một xã hội phân hóa sâu rộng như xã hội chúng ta. Nói khái quát hơn, trong khi các phép phân loại rõ ràng mang tính phân tâm học (như của Abram Kardiner) hướng "ra ngoài" từ cá thể tới xã hội, *Đám đông cô đơn* xuất phát từ hướng ngược lại: chúng tôi bắt đầu bằng xã hội công nghiệp và bằng các phát triển lịch sử đặc thù bên trong xã hội Mỹ. Hơn nữa, chúng tôi còn bàn đến giai tầng xã hội lớp trên, nhất là nhóm được gọi là "tầng lớp trung lưu mới" gồm những người làm chuyên môn và quản lý làm công ăn lương. Chúng tôi cho rằng sẽ có những hệ quả đối với tính cách cá nhân khi các chức năng xã hội cũ hơn bị mất đi hay giảm thiểu trên lĩnh vực sản xuất và khai thác, và khám phá ra các lĩnh vực khác trong địa hạt tiêu thụ và quan hệ cá nhân. Chúng tôi không cho rằng một cá nhân sẽ là bản sao vai trò xã hội của anh ta, mà đúng hơn là có thể tồn tại sự căng thẳng lớn giữa cuộc mưu cầu toại nguyện của một cá nhân với những đòi hỏi của các định chế mà anh ta là một phần trong đó hoặc cảm thấy xa rời lạc lõng khỏi nó.

Điều ngầm ẩn chứ không lộ ra trong vấn đề chúng tôi vừa nói, là tính hướng nội của cá nhân nếu có thể thâu tóm được thì cũng chỉ là một cách vụng về bằng phép phân loại vốn dùng để hiểu chuyển biến xã hội trên quy mô lớn. Sẽ dễ hơn nếu phân loại cá nhân bằng cách xếp loại mà các nhà phân tâm học xây dựng chỉ cho mục đích này, và nhờ vậy chúng ta có thể nói ai đó là típ "môi miệng" hay "cởi mở", hay típ "ác dâm", đồng thời xét đến rất nhiều thứ liên quan tới anh ta với tư cách là một cá thể. Nhưng sẽ khó hơn nhiều, nếu không muốn nói là không thể, khi phân định một cá nhân riêng biệt là do ngoại tại định hướng hay nội tại định hướng, và khi chúng ta làm vậy, chúng ta có thể đưa ra một phát biểu giúp giải thích vai trò xã hội hay nghề nghiệp của anh ta, nhưng không thêm được gì nhiều về anh ta nữa - không phải điều chúng ta sẽ biết về anh ta nếu là bạn anh ta. Song, bất chấp những cảnh báo

về hệ quả này, cả trong *Đám đông cô đơn* lẫn *Những bộ mặt trong đám đông*, nhiều độc giả, kể cả một số nhà khoa học xã hội chuyên nghiệp, không chỉ cảm thấy rằng có thể thực hiện các phân loại như vậy, mà còn vội vàng kết luận rằng các giả thuyết thăm dò về tính cách xã hội trong *Đám đông cô đơn* có thể được phát biểu dứt khoát và được xem là đã chứng minh.[41]

Những ý kiến dè dặt nhất về tính cách Mỹ - những quan niệm mà chính chúng tôi xem là chưa rõ hoặc dễ thay đổi - giờ đây được viện dẫn như là xác quyết, và theo kiểu giản lược một cách trí tuệ. Thật dễ hiểu, lối sử dụng sách như vậy là của những độc giả và người quảng bá, họ thích tin rằng toàn bộ cái công cụ tỉ mẩn của khoa học xã hội chẳng qua chỉ làm hao tổn đầu óc, và rằng những nỗ lực tỉ mỉ, có phương pháp nhằm tìm xem cái được tin như vậy có thực sự là như vậy không chẳng qua chỉ phản ánh thói mô phạm tự phụ của các nhà xã hội học hãnh tiến. Lúc này, đọc lại *Đám đông cô đơn* sau khi hiểu công việc thực nghiệm và lý thuyết trong khoa học xã hội theo lối bớt sơ sài hơn, tôi nhận ra những sự khái quát hóa quá mức ở nhiều điểm mà nếu viết bây giờ thì tôi sẽ có chiều hướng rút lại hoặc chờ thêm bằng chứng. (Tuy nhiên, ở phần dưới đây, tôi chỉ xét đến các lời phê bình và các khe hở lớn nhất, chứ không xét đến nhiều điểm nhỏ hơn vốn cũng cần phải chỉnh sửa nếu như bây giờ cuốn sách được viết ra hay viết lại.) Điều tôi muốn nhấn mạnh là cuốn sách đã không thể nào viết được nếu không có công trình khó nhọc của nhiều nhà nghiên cứu, chúng tôi dựa vào các dữ liệu và lý giải của họ; chúng tôi hy vọng, đến lượt mình, cũng góp phần vào nghiên cứu đang tiến hành bằng cách gợi ý những câu hỏi và khung thảo luận để tìm hiểu thêm. Nói tóm lại, các tác giả *Đám đông cô đơn* đã có đầu óc đa nguyên trong sự tiếp cận khoa học xã hội, đồng tình với nghiên cứu mang tính chỉnh thể và thậm chí cường điệu theo lối cũ, nhưng cũng nhiệt tình với các nỗ lực mới, khắt khe hơn - việc chúng tôi quan tâm đến các kỹ thuật khảo sát và phỏng vấn phản ánh những mối bận tâm thứ hai này.

Chúng tôi đã nhắc đến khuynh hướng trong số độc giả *Đám đông cô đơn* là đánh đồng kiểu nội tại định hướng với tính độc lập. Chỉ một thiểu số rất ít, đôi khi là những người được nuôi dạy trong môi trường khắt khe, nhiệt tình hưởng ứng các giá trị của kiểu ngoại tại định hướng, tính cởi mở và sự thiếu kiềm tỏa của nó, mối quan tâm của nó đến người khác, sự sẵn sàng thay đổi của nó. Rất có thể *Đám đông cô đơn* chưa nhấn mạnh đủ những giá trị này; dù gì đi nữa, đại đa số độc giả trong mười năm qua cũng đã quyết định rằng thà làm một gã cao bồi do nội tại định hướng còn hơn là một tay quảng cáo bị ngoại tại định hướng, vì nhìn chung họ đối diện không phải với những vấn đề của gã cao bồi, mà với những vấn đề của tay quảng cáo.[42] Tất cả mọi người từ doanh nhân tự do đến người theo chủ nghĩa xã hội đều ra mặt chống lại tính tuân thủ, đến độ mà, khi nghiên cứu của Elaine Graham Sofer đưa ra một kẻ cổ xúy nhiệt

thành cho kiểu ngoại tại định hướng, thì hóa ra sinh viên được nói tới không phải là một kẻ ngây thơ bệnh vực tính gắn bó mà là người tin vào các tiêu chuẩn của khu định cư hợp tác cộng đồng Israel với hy vọng chuyển đến đó sinh sống.

Sự khác biệt giữa cấu trúc tính cách và các biểu hiện của nó ở hành vi cùng lắm cũng chỉ là một sự phân biệt mờ nhạt. Hơn nữa, nội tại định hướng và ngoại tại định hướng là những khái niệm trừu tượng, và như cuốn sách này và cuốn song hành (*Những bộ mặt trong đám đông*) tìm cách làm rõ, không bao giờ có cá nhân nào hoàn toàn là kiểu này hay kiểu kia, nhất là nếu cuộc đời anh ta được xem xét toàn thể, chứ không vào một thời điểm nào. Do vậy, mặc dù thật thú vị khi so sánh các cá nhân về mặt mức độ nội tại định hướng và ngoại tại định hướng, song công việc ấy khó có thể kết luận dứt khoát, và những ai đòi hỏi một cuộc kiểm tra mang tính thực nghiệm quy mô lớn về các đặc điểm này, áp dụng cho toàn bộ dân cư, thảy đều đã đánh giá thấp tính phức tạp và phạm vi của phân tích lý thuyết cùng với điều tra thực nghiệm, những thứ cần phải có trước khi công trình như vậy còn chưa bắt đầu.

Những trích dẫn từ Tolstoy[43] trong chương đầu và trích dẫn từ Alexis de Tocqueville[44] đây đó khắp cuốn sách phản ánh mối băn khoăn của chúng tôi rằng kiểu ngoại tại định hướng có phải là cái gì đó đặc biệt mới trên thế giới hay chăng. Giáo sư Seymour Martin Lipset đã lập luận mạnh mẽ trong một bài viết gần đây rằng, dựa trên những gì du khách châu Âu đến nước này thuật lại (trong đó có cả Tocqueville), người Mỹ xưa nay vẫn là kiểu ngoại tại định hướng, điều này là kết quả tâm lý của một cấu trúc xã hội chưa có hệ thống thứ bậc cố định nhưng có một thôi thúc mạnh mẽ tiến tới bình đẳng và di động xã hội.[45] Khi viết *Đám đông cô đơn*, chúng tôi đã thất vọng vì sự thiếu thốn sử liệu trong nhiều lĩnh vực chúng tôi cho là liên quan, chẳng hạn, không thể tìm ra bằng chứng đáng tin cậy cho thấy tôn giáo có ý nghĩa ra sao đối với các giai tầng xã hội khác nhau vào thập niên 1830 thời Tocqueville còn sống. Chúng tôi có thể kiếm được dữ liệu về thành viên và các sinh hoạt nhà thờ, về nhiều phong trào thức tỉnh lòng mộ đạo khác nhau, và về các tranh luận thần học, nhưng không nhiều thứ cho chúng tôi cảm giác vững tin về sức nặng tình cảm của tôn giáo đối với nam giới lẫn phụ nữ, người lớn lẫn trẻ em, các tầng lớp được trọng vọng nhiều hay được trọng vọng ít, các giáo phái mới hơn hay cũ hơn. Chúng tôi chỉ có thể suy đoán lớp trẻ thế kỷ 19 sẽ trả lời ra sao cho các bảng câu hỏi chúng tôi đang phân phát theo kiểu cực kỳ sơ lược và dễ dàng đối với thanh niên giữa thế kỷ 20. Điều chúng tôi làm khi viết *Đám đông cô đơn* và *Những bộ mặt trong đám đông* là tìm những cá nhân có thể bằng cách nào đó đại diện cho thế kỷ 19 - những người mà, vì lý do nơi ở và nghề nghiệp, ít trực tiếp đi trên con đường hiện đại hóa hơn, chưa được chuẩn bị để bước vào tầng lớp trung lưu mới và xã hội sung túc. Nhưng lịch sử đã chôn vùi

người chết, và những ai bảo tồn các truyền thống cũ trong một hoàn cảnh đã đổi thay thì tự họ cũng đã khác đi.

Tuy nhiên, chúng tôi có thể đồng tình với Lipset và các nhà phê bình khác rằng người Mỹ ngày nay với ông cha họ 100 năm trước rất giống nhau nếu chúng ta xếp họ làm ví dụ để so sánh với các dân tộc chưa được giải phóng ở Nam Mỹ, châu Á hay châu Phi chẳng hạn. Vẫn còn đúng, như khi Tocqueville còn sống, rằng người Mỹ, ít nhất bên ngoài miền Nam, thiếu truyền thống phong kiến, thiếu một giáo hội được thiết lập vững mạnh, thiếu những mối ràng buộc gia đình nhiều thế hệ; họ là những người tin mình thực dụng, và đôi khi đúng vậy thật; nhìn chung (vẫn không kể miền Nam) họ thường lạc quan về bản thân họ, con cái họ, thành phố tươi đẹp của họ, đất nước của họ; và họ có khả năng di động về bình diện tầng lớp và vùng. Hơn nữa, như Harriet Martineau quan sát khi đến Mỹ, các bậc cha mẹ Mỹ ngay cả thời ấy cũng đã có vẻ là tù nhân hơn là chủ nhân của con cái họ: họ lấy lòng chúng và lo làm sao được chúng đánh giá tốt. Tôi nghĩ không nên xem nhận định này hàm nghĩa là thói quen nuôi dạy con cái ở Mỹ thế kỷ 19 cũng lấy đứa trẻ làm trung tâm như ngày nay, mà đúng hơn là thời đó người ta mong thấy trẻ em ở xứ này phải tự lực sớm hơn ở châu Âu và có phần đỡ phụ thuộc chặt chẽ hơn.

Lẽ tất nhiên, không có thay đổi lịch sử nào xảy ra bất thình lình cả. Tiền thân của cái chúng ta gọi là kiểu "ngoại tại định hướng" có thể thấy ở thế kỷ 19 và trước đó. Song, có nhấn mạnh bao nhiêu cũng không thừa rằng kiểu ngoại tại định hướng là một bước tiến xa hơn mối bận tâm làm sao để có được đánh giá tốt từ người khác của người có bản tính tuân thủ. Người Mỹ vẫn luôn tìm kiếm đánh giá tốt đó và đã phải tìm nó trong một thị trường không ổn định, nơi các bảng báo giá cho cái tôi có thể thay đổi mà không có sự chốt giá của một hệ thống đẳng cấp hay một tầng lớp quý tộc. Cái chúng tôi muốn nói khi dùng thuật ngữ "ngoại tại định hướng" (dù chính thuật ngữ cũng chỉ biểu thị được phần nào điều này) bao hàm một sự định nghĩa lại về cái tôi, rời bỏ những thứ bên ngoài mà William James từng nhấn mạnh như tên tuổi, áo xống, sở hữu, mà hướng tới các phẩm chất nội tại hay trong tương tác. Người do ngoại tại định hướng muốn được yêu thương hơn là được kính trọng; anh ta không muốn lòe bịp hay gây ấn tượng, nói chi tới áp chế người khác, mà anh ta, theo cách nói hiện nay, muốn liên hệ với họ; anh ta không mong cầu một địa vị hợm hĩnh trong mắt người khác bằng sự vững tin mình đã tương cảm được với họ. Anh ta sống trong nhà kính, chứ không phải sau màn ren hay màn nhung.

Trong xã hội tự ý thức thời chúng ta,[46] các khía cạnh tiêu cực trong những phẩm chất này đã được nhiều độc giả *Đám đông cô đơn* nhấn mạnh, còn các khía cạnh tích cực lại ít được nhấn mạnh. Các tác giả *Đám đông cô đơn* không phải là những kẻ thủ cựu lần đường trở lại cái chủ nghĩa cá nhân thô kệch đã

từng là một lý tưởng Emerson cấp tiến.[47] Không người ưa thích tính cứng rắn và đức can trường nào lại nên quên những lợi ích mang lại nhờ tính ân cần, nhạy cảm và khoan dung vốn nằm trong số các phẩm chất tốt của kiểu ngoại tại định hướng. Người Mỹ trẻ, có học thức ngày nay cần ở cuộc sống nhiều thứ hơn và những thứ khác hơn là cha ông họ: sự an toàn và sung túc cho phép họ muốn có "cuộc sống tốt đẹp" chứ không chỉ hộp cơm đầy, dù đồng thời việc có vô số lựa chọn lại khiến người ta hoang mang không biết cái gì là tốt đẹp. Có một khuynh hướng chung, được giáo dục, tình trạng di động, truyền thông đại chúng tạo điều kiện thuận lợi, đó là mở rộng phạm vi đồng cảm vượt ra ngoài thị tộc của mình, thậm chí vượt quá giai cấp của mình, đôi khi còn ra ngoài xứ sở của mình nữa. Tức là, người ta không chỉ có cảm nhận tâm lý sâu sắc về những người ngang hàng với mình mà còn có thái độ sẵn lòng công nhận một phạm vi nhiều người hơn vào tư cách người ngang hàng, dù là trong nhóm gần gũi trực tiếp xung quanh hay nhóm gián tiếp thông qua truyền thông đại chúng. Vấn đề đối với người dân ở Mỹ ngày nay là những người khác. Phong cảnh xã hội và tâm lý trở nên rộng lớn hơn vì những người khác đó đã đông hơn và, có lẽ, đa dạng hơn bao giờ hết. Song những hình ảnh khác trong phong cảnh đó - bản thân thiên nhiên, vũ trụ, Thượng đế - thì đã lùi về hậu cảnh hay biến mất, do vậy các khía cạnh tính cách nào mà theo nghĩa nào đấy vẫn luôn "ở đó" hay sẵn đó thì trở nên nổi bật hơn, trong khi các khía cạnh khác thì lùi xa.

Các khái niệm nội tại định hướng và ngoại tại định hướng, được dùng một cách khá thoáng để nói đến đồng thời cả bối cảnh xã hội lẫn tính cách xã hội, giúp chúng ta sắp xếp thành từng cụm một số diễn tiến lịch sử có thể liên quan. Song, trong quá trình lịch sử, nhiều bố cục xã hội và tâm lý khác nhau có vẻ như bền vững đã vỡ tan tác để nhường đường cho những cách sắp xếp mới - rất giống các đảng phái chính trị ở đất nước này có vai trò phân chia một số quyền lợi song đồng thời cũng tập hợp những quyền lợi khác lại với nhau. Cũng vậy, một số điều thuộc về hành vi mà chúng ta gắn với kiểu nội tại định hướng hay ngoại tại định hướng không còn có thể phân loại theo cách cũ được nữa. Chẳng hạn, nhiều người tầng lớp thượng lưu trong thập niên 1940 từng là kẻ đề xướng "thích nghi với thực tế" ở học đường, thì ngày hôm nay, sau chiến tranh Triều Tiên và vệ tinh Sputnik của Nga, có thể lại nằm trong những tốp người đòi kỷ luật và "cứng rắn". Tương tự, một điều tra vùng ngoại ô thuộc bang California do Harold Hodges thực hiện đã chỉ ra rằng ngôn ngữ đại chúng và sự thích nghi nhóm được giai cấp trung lưu lớp dưới ưa chuộng còn giai cấp trung lưu lớp trên thì tránh né.

Khái niệm tính cách xã hội, như được dùng trong *Đám đông cô đơn*, bao hàm một quyết định thăm dò xem cái gì là quan trọng đối với các nhóm nổi bật trong xã hội đương thời. Do vậy, nó khác với tính cách dân tộc hay tính cách

hình thái, những khái niệm thường là phát biểu mang nhiều tính kết tập hơn về các khuynh hướng cá tính trong một nhóm hay một dân tộc; chúng tôi chỉ quan tâm đến một số khía cạnh tính cách trong những bộ phận dân cư được xác định rất mơ hồ, mà ngay cả ở nhóm đó thì cũng chủ yếu tập trung vào những cái đang thay đổi. Nhưng chúng tôi đã không phân biệt cẩn thận đúng mức giữa tính cách, hành vi, các giá trị, và một phong cách hay đặc tính của các định chế đặc thù - việc phân loại này là một nhiệm vụ chưa hoàn tất để còn nghiên cứu. Khi viết *Đám đông cô đơn*, chúng tôi tin chắc rằng các ngành khoa học xã hội lâu đời hơn - lịch sử, khoa học chính trị, kinh tế học - có quá ít sức nặng hầu giúp người ta thấu hiểu biến đổi xã hội trong khi sự hiểu biết này có thể lượm lặt được nhờ lĩnh hội rõ hơn tâm lý học phân tâm; ngay cả vậy, trong cuốn sách chúng tôi đã tìm cách nhấn mạnh cả tính cách xã hội lẫn các định chế chủ yếu của thế giới hiện đại, chứ không cho rằng các định chế ấy chẳng qua chỉ là các hình thù đông cứng do những người lớn bị cầm tù khắt khe đem lại cho những giấc mơ ấu thơ của họ. Thế nhưng mọi kinh nghiệm về thế giới của chúng tôi từ khi cuốn sách được viết ra đã dẫn chúng tôi tới chỗ tin rằng xã hội công nghiệp hiện đại có thể trưng dụng rất nhiều kiểu tính cách xã hội. Vì vậy mà chúng tôi thấy ở Nhật các định chế hiện đại đủ mạnh để sáp nhập người ta mà không cần phải chờ 20 hay 30 năm để có một thế hệ mới. Cái người Nhật làm và cái họ nói đã thay đổi triệt để hơn tính cách xã hội của họ.[48]

Xã hội nào đủ rộng lớn cũng đều có thể lập nhanh một danh sách các kiểu tâm lý đa dạng đủ để gợi ý các khả năng theo nhiều hướng khác nhau; ví dụ, nếu nước Mỹ không phải là phát xít thì đấy không phải vì nó thiếu những kẻ bạo dâm hay độc đoán. Có rất nhiều những người như vậy để bố trí vào các nhà lao và bệnh viện tâm thần tăm tối hơn, hay để tranh ghế cảnh sát trưởng trong nhiều cộng đồng miền Nam; chính các hình thức định chế và pháp luật - cùng các hạn chế của chúng - là cái làm cho những người này khó tập hợp lại thành một phong trào chính trị. Thực vậy, những thứ bảo vệ tự do này sẽ đổ sụp khi thiếu những người có tính cách phù hợp để điều hành hay giám sát; nhưng quan niệm của chúng tôi là, trong phạm vi những giới hạn rộng, ở một xã hội lớn thì các định chế sẽ đánh thức tính cách thích hợp bên trong cá nhân. Hay chính xác hơn, căn cứ vào phạm vi các phản ứng mà người ta có thể có, các định chế có thể chọn ra một số trong những phản ứng này để củng cố (trong khi đó những cơn bốc đồng khác bất trị hơn, thì được tẽ ra qua mọi loại lối thoát); và một khi các định chế đã tồn tại - được tạo lập nhờ thành tựu của người tổ chức làm việc toàn thời gian như Kenneth Boulding đã chỉ rõ trong *The Organizational Revolution* (Cách mạng có tổ chức) - thì sẽ có đủ người với đủ những khía cạnh tỏ ra có thể thích nghi với mối quan hệ đang tiếp diễn. Karl Marx[49] đã nhìn thấy các xưởng máy của cách mạng công nghiệp là một sức mạnh to lớn, bòn rút sức lao động của công nhân và rồi bắt họ đối mặt với

lao động đó dưới hình thức xa lạ[50] để đến lượt họ cũng trở nên xa lạ. Max Weber đã thấy các chế độ quan liêu trong giai đoạn sau của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội như một cái "lồng sắt", con người bị tóm trong đó và anh ta chỉ có thể cam chịu bằng tinh thần khắc kỷ, quan điểm lịch sử của anh ta tô điểm cho ý thức phận sự của anh ta.

Chính là để phù hợp với quan điểm này mà nhiều nhà khoa học xã hội đã kết luận rằng tầm quan trọng của tính cách cá nhân và tính cách xã hội với tư cách "các yếu tố sản xuất" có thể ngày càng giảm nhẹ trong thế giới hiện đại; rằng thực ra, để giải thích xã hội, ta không cần phải tìm hiểu sâu các động cơ của con người, mà đúng hơn nên nhận thấy rằng các tình huống họ đối mặt rất giống nhau, rằng quyền năng của công nghệ và khoa học hiện đại, tổ chức kinh tế hiện đại, tổ chức ý thức hệ và tổ chức đảng hiện đại đang đạt tới mức mà một kiểu xã hội duy nhất đã trở nên khả dĩ ở khắp mọi nơi: một xã hội dựa trên các bộ máy quan liêu hiệu quả và sản xuất những lượng hàng hóa lớn, có thể dùng để làm tăng uy tín hay sức mạnh quốc gia hoặc để cải thiện hoàn cảnh sống vật chất. Nhiều người Mỹ, trong đó có cả các tác giả *Đám đông cô đơn*, đã miễn cưỡng chấp nhận các lối giải thích tất định chủ nghĩa này và nghĩ rằng có thể tiết chế những sự bất kham của các định chế, đặc biệt tin rằng điều đó tạo ra sự khác biệt to lớn, dù các định chế này được một nhóm đặc quyền đặc lợi ở trung ương tạo ra và kiểm soát nhằm những mục tiêu nhất định như ở các nước chuyên chế, hay được xây dựng với ít chỉ đạo từ trung ương hơn, phát triển dần theo kiểu tẻ nhạt đơn điệu hơn, như ở các nước dân chủ.

Nay xem xét lại, chúng tôi vẫn phản đối những câu trả lời quá giản lược cho câu hỏi về ảnh hưởng tương đối của tính cách xã hội và các định chế xã hội, ngay cả trong một thế giới băn khoăn vì cái thông điệp quyết liệt viết lên bầu trời trên đầu tất cả mọi xứ sở "Cả ngươi nữa cũng có thể hiện đại và công nghiệp".

Mặc dù tính linh hoạt còn dư lại ở hầu hết người trưởng thành làm cho họ hữu dụng dưới mọi loại chế độ xã hội, nhưng vẫn có những giới hạn. Người Anh-điêng trở thành những nô lệ nghèo, người châu Phi là những nô lệ tốt - và điều này không chỉ vì (như Stanley Elkins chỉ ra trong cuốn *Slavery* [Kiếp nô lệ]) các tàu buôn nô lệ đã làm hỏng tinh thần và phá vỡ tính cố kết văn hóa của người Phi; một số bộ lạc châu Phi thích hợp hơn cho công việc đồn điền, số khác cho công việc quản gia. Vì những lý do có tính thực nghiệm của kinh nghiệm, không phải trên cơ sở ý thức hệ, người Tây Ban Nha nhận thấy mình đã loại trừ người Tây Ấn bản xứ và thay thế họ bằng những người du nhập có khả năng thích nghi hơn, có tính cách xã hội phù hợp để sống còn trong các điều kiện khắc nghiệt. Dưới sự giám hộ của chúng ta, người da đỏ Pueblo đã tỏ ra khó bị manh mún hơn các bộ lạc da đỏ khác, có sức chịu đựng hơn nếu

không muốn nói là kiên cường hơn. Cũng vậy, lịch sử nhập cư ở đất nước này nhan nhản những ví dụ về sự phản ứng khác nhau trước các điều kiện rõ ràng là tương tự: người Mỹ gốc Nhật thế hệ thứ hai mưu cầu giáo dục, trong khi người Hoa thế hệ thứ ba vẫn còn trông coi hiệu giặt là và quán ăn - và cứ thế khắp cả danh sách người nhập cư, những người chỉ mới đến gần nhau trong thế hệ thứ ba và sau nữa. Hoàn toàn khác với tầm quan trọng của cá nhân trong lịch sử, và khác với tính cách độc hữu của cá nhân, vai trò của tính cách xã hội, không phụ thuộc vào các định chế, đôi khi có thể mang tính quyết định. Vả lại, như đã vạch ra trong *Đám đông cô đơn*, tuy có thể dùng nhiều loại tính cách xã hội khác nhau cho cùng một loại công việc bên trong một xã hội hay định chế, song chúng tôi tin rằng rốt cuộc sẽ có những hệ lụy từ thực tế là các kiểu tính cách kém phù hợp sẽ trả giá đắt ở sự lệch lạc, trái ngược với sự phóng tỏa sinh lực có được nhờ sự tương hợp giữa tính cách và nhiệm vụ.

Nói vậy không có nghĩa rằng những vị lãnh đạo của các dân tộc "đang phát triển" là đúng khi tin rằng họ có thể gìn giữ truyền thống văn hóa hay sắc tộc độc đáo của mình trong khi vẫn sống "hiện đại"; như nhiều người xót xa nhận ra, các phương tiện hữu hiệu họ dùng có chiều hướng trở thành mục đích của chính họ, để rồi có thể nhìn thấy trước là rốt cuộc thì các tôn giáo và văn hóa khác biệt mà mỗi vùng đã từng tạo ra và nuôi dưỡng, nếu không nói là nâng niu ấp ủ, rồi sẽ bị thay thế bởi những người thuộc tính cách xã hội rất khác. Chống lại các phương tiện này, chống lại hy vọng về quyền lực và sự sung túc (thỉnh thoảng như để trả thù những ai trước kia đã độc chiếm những thứ này), các giá trị truyền thống khắp nơi đang đánh tập hậu, với sự yểm trợ của các định chế rệu rã và tính cách xã hội thâm căn cố đế đã suy kiệt của thế hệ trước. Nếu điều này là đích đến của lịch sử nhân loại, ta có thể phát minh ra một thứ "người nhựa" mới, như nhiều tác giả khoa học giả tưởng và tâm lý học hành vi đã làm, để chiếm chỗ của con người kinh tế thế kỷ 19, bằng cách đó dẹp đi "vấn đề con người" trong các môn khoa học xã hội.

Biết đâu chúng ta có thể sẽ đi đến cái đích cuối của lịch sử nhân loại. Nhưng nếu con người qua được giai đoạn này, chúng tôi nghĩ ta sẽ thấy người nhựa chẳng qua chỉ là một trong những giai đoạn phát triển của lịch sử, trung gian giữa các kiểu tính cách xã hội muôn màu muôn vẻ trong một thế giới không-thống-nhất với tính cách cá thể thậm chí còn đa dạng hơn trong một thế giới thống nhất nhưng đỡ ngột ngạt hơn.

Nhìn lại lịch sử (Chương 12) chúng tôi thấy trong các thế kỷ "truyền thống định hướng", các hình thái tính cách xã hội tương đối ổn định đương đầu nhau, và xung đột nhóm thường có vẻ ngoài là một va chạm giữa các chủng người chuyên biệt và chủng người đã được ấn định vị trí. Tất nhiên, điều này quá sức trừu tượng; các nhóm này đã học hỏi ở nhau, thế nhưng họ không nghĩ tới chuyện bắt chước nhau hay trở thành nhau. Và trong lịch sử phương Tây

chúng ta, mà có lẽ còn trong cả những thời điểm khác và nơi chốn khác, một tính cách xã hội ấn tượng và hữu hiệu nhất được tạo ra (mà chúng tôi gọi là "nội tại định hướng"), thứ đã ban cho người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Hà Lan, người Anh và người Pháp, người Nga và người Mỹ, sức mạnh áp đặt mục đích và các đặc điểm thể chất của chính họ lên những khối dân cư lớn (gồm cả số dân cư tăng lên rất nhiều thuộc dòng giống của chính họ) khắp các vùng đất rộng lớn trên địa cầu - đến mức một chỉ huy người Philippines gốc Tây Ban Nha thế kỷ 16 đã viết về cho thượng cấp ở quê nhà rằng với sáu nghìn quân họ có thể chinh phục được Trung Hoa.[51]

Trong *Đám đông cô đơn* chúng tôi không lý giải tính cách xã hội kiểu nội tại định hướng là như thế nào, dù chúng tôi theo sự hướng dẫn của Max Weber mà xem Đạo đức Tin Lành như một mắt xích nối kiểu duy lý Hy Lạp với kiểu luân lý thế tục Do Thái-Cơ Đốc. Chúng tôi cũng thấy hình như cấu trúc gia đình có tầm quan trọng quyết định, vì gia đình hạt nhân có thể nuôi dạy con trẻ bằng những gắn bó mật thiết với các khuôn mẫu cha mẹ, tuy chỉ riêng điều này là chưa đủ để giải thích cho tính xác định của chiều hướng và xác tín, cho phẩm tính cốt tủy và sự cứng rắn, vốn là thứ biến nhiều cá nhân kiểu nội tại định hướng thành những "tính cách" trong nghĩa thông thường. Điều tra lịch sử và điều tra đối chiếu văn hóa sẽ là cần thiết trước khi ta có thể hiểu rõ hơn kiểu nội tại định hướng diễn ra thế nào - và tại sao giờ đây nó có thể sẽ biến mất.

Sự chớm biến mất của kiểu nội tại định hướng, cùng việc nới lỏng cảm thức về định mệnh cá nhân, dường như phần nào là hệ quả của các định chế đầy sức mạnh và hữu hiệu có tính cấm đoán mà người kiểu nội tại định hướng mang trong đầu, tổ chức và làm cho phổ biến. Một trong những định chế này là thị trường tự do, vào thời chủ nghĩa tư bản hậu kỳ, nó ảnh hưởng không chỉ đến thị trường tiền tệ và hàng hóa mà còn đến nghệ thuật tự tiếp thị cá nhân (như thuật ngữ của Erich Fromm trong *Man for Himself*, "định hướng tiếp thị", đã lý giải). Thuật ngữ "ngoại tại định hướng" có thể nhấn mạnh quá nhiều vai trò của những người khác cụ thể (hay người đại diện họ trên truyền thông đại chúng) mà chưa nhấn mạnh đủ vai trò của các định chế, ví dụ như thị trường nhân cách; đối với những định hướng thường ngầm ẩn của thị trường này thì "người khác" chẳng qua chỉ là những tác nhân.[52]

Con người có xác tín chưa biến mất; lúc này họ rất quan trọng, chính vì họ khá hiếm hoi. Và họ có vẻ là hiếm hoi nhất trong số thanh niên trưởng thành. Khi chúng tôi xem kỹ tư liệu phỏng vấn để lựa ra các ví dụ cho *Những bộ mặt trong đám đông*, có rất ít người trả lời ở độ tuổi dưới 30 ta không đặt được dưới tiêu đề "Biến thể của Ngoại tại Định hướng" một cách hoàn toàn xác đáng; bất cứ cái gì khác nữa cũng có thể đúng khi nói về họ, vì họ có đủ tính uyển chuyển cho điều đó. Một phân tích về các cuộc phỏng vấn gần 200 sinh viên

năm cuối đại học và cao đẳng sau này, dù ít đi sâu hơn nhiều, đã đem lại bức tranh còn rõ ràng hơn về tính dễ bảo và phục tùng.

Liệu từ đó có thể suy ra rằng tính cách xã hội đặc thù của giai cấp trung lưu lớp trên ở Mỹ mà chúng tôi gọi là ngoại tại định hướng cũng là tính cách xã hội của thanh niên nói chung ở nơi khác trên thế giới - những người có cái mà Daniel Lerner nhắc đến (trong *The Passing of Traditional Society* [Cái chết của xã hội truyền thống]) là "tính nhạy cảm di động"? Đã đành những khác biệt văn hóa rất lớn vẫn còn dai dẳng, nhưng từ các quan sát và nghiên cứu thực hiện ở nhiều nước thì dường như sinh viên khắp nơi giờ đây bắt đầu giống nhau ở vẻ ngoài cơ bản cũng như các mốt nhất thời hời hợt, bởi vậy, bất chấp nhiều phân cách, các sinh viên này giống nhau hơn là bất kỳ ai trong họ giống cha hay mẹ mình. Họ giống nhau, như chúng tôi đã gợi ý, ở tính uyển chuyển, sự phụ thuộc vào tình huống, vào hoàn cảnh, vào các định chế. Quả thực, sự tương tự ở họ đã gây chú ý cho nhiều người quan sát, buộc người quan sát phải nói rằng cả thế giới đang trở nên "Mỹ hóa".

Nhưng không nên phóng đại sự tương đồng. Dù hay dù dở thì các kiểu cộng hưởng, lo âu và nhạy cảm cụ thể vốn tiêu biểu cho nhiều người Mỹ có ăn học đầy đủ hiếm khi thấy ở những nước còn đang bận xóa bỏ các rào cản đẳng cấp và chịu đựng những dằn vặt về sự dư dật. Mối bận tâm hiện nay ở đất nước này về mục đích quốc gia sẽ không thể thấy ở những nước có mục tiêu là chia sẻ (hay lật đổ) năng lực của [người Mỹ] chúng ta. Và dĩ nhiên còn nhiều sự khác biệt nữa, nơi màu da và tính cách địa phương ảnh hưởng đến tác động của các định chế xuyên văn hóa, cho nên một nhà máy Nhật Bản sẽ bảo tồn một số giá trị truyền thống mà một nhà máy của Mỹ hay Nga sẽ phá vỡ.

Nhưng các khác biệt này đang chịu áp lực từ sự khám phá - cũng quan trọng như thuyết tiến hóa của Darwin trong việc thay đổi diện mạo thế giới, và ở phương Tây nó phần nào phản ánh thuyết tiến hóa - rằng các nền văn hóa và tôn giáo không nắm giữ chân lý nào, uy quyền nào, sự hiển nhiên nào là tuyệt đối. Các tính cách xã hội cố định có thể duy trì bằng những niềm tin cố định. Kiểu nội tại định hướng đan dệt tính cách xã hội cố định vào hành vi linh hoạt, chứ không phải vào các giá trị có tính tương đối. Người nội tại định hướng có thể, trong một giai đoạn lịch sử khá ngắn, hành động như thể những người Hoa, người Ấn, người Mã Lai và người châu Phi mà họ chạm trán, mà những người đó hoàn toàn khác với họ (và khác với nhau); họ có thể hành động kiểu này vì họ rõ ràng ưu việt hơn nhiều về sức mạnh và từ đó, trong nhiều cuộc chạm trán, về cả sự tự tin. Nếu là nhà truyền giáo thì họ có thể đòi người khác, thậm chí giữa đêm hôm, phải học cách hành xử như người da trắng, và - thật kinh ngạc, giờ đây dường như hàng triệu người đã tìm cách làm vậy - và được cải đạo, do thấy ấn tượng trước tính chính trực cùng sức mạnh của những người bắt bớ họ và làm mẫu mực cho họ. Giờ đây thì người phương Tây có suy

nghĩ, chưa bị định kiến và sự dốt nát đóng hộp, đã bắt đầu khó có thể xem văn hóa và tập quán của mình là chân lý tuyệt đối, họ không thể khẳng định như thế một cách tuyệt đối nghiêm túc, chỉ đơn thuần muốn vậy - thực ra, phong trào nói về Lối sống Mỹ hiện nay là một sự phòng thủ vô ích của kẻ tuyên truyền trước chính khám phá này.

Một cách nhìn khác về bước phát triển này là nhìn thấy rằng, bên dưới tất cả hay gần như tất cả sự tuyệt đối văn hóa đều có một tình thế yêu ghét nước đôi cơ bản của con người. Thật dễ hiểu khi các nhà nhân học nuối tiếc cho sự tan rã của hầu hết các nền văn hóa chưa có chữ viết lúc người da trắng đến (hay như ngày nay, người thuộc bất kỳ màu da nào chịu ảnh hưởng của người da trắng); và cả chúng tôi cũng cảm thấy rằng nhiều nền văn hóa trong số đó đã sáng tạo ra các giá trị mà xã hội chúng ta còn thiếu. Nhưng rất nhiều người thuộc những nền văn hóa chưa có chữ viết, không phải chịu sự cưỡng bức vũ lực hay phân tán, vẫn kết luận rằng nền văn hóa từng có vẻ mặc nhiên là của mình ấy vẫn thiêu thiếu cái gì đó; họ đã ra đi, từng người hay thành nhóm, gia nhập Cuộc Diễu hành Lớn - để rồi lại thường gặp những người phương Tây vỡ mộng hơn đi về hướng ngược lại. Nhắc lại: niềm say mê quan trọng nhất còn lại trên thế giới không phải dành cho các tập quán, văn hóa và tín ngưỡng riêng biệt, mà cho một vài thành tựu - công nghệ và tổ chức của phương Tây - và hậu quả tức thì của điều này là sự tan rã của mọi tập quán, văn hóa và tín ngưỡng khác biệt. Nếu đúng vậy thì có thể khuôn đúc cho các kiểu tính cách dân tộc đã cáo chung: con người có quá nhiều thứ để chọn nên không thể gắn bó với chỉ một thứ, và hoàn cảnh của họ càng trở nên tương đồng hơn thì họ càng có nhiều thuộc tính chung hơn, trái với những thuộc tính độc nhất của các quốc gia riêng biệt. Càng ngày, những khác biệt giữa con người với nhau sẽ càng hoạt động xuyên qua các biên giới quốc gia và trong nội bộ các quốc gia, cho nên chúng ta đã có thể thấy, trong những nghiên cứu về các giá trị nghề nghiệp ở xã hội công nghiệp, tính cách nhóm của các nhà quản lý hay bác sĩ - hay các nghệ sĩ - trở nên nổi bật hơn tính cách nhóm của người Nga, người Mỹ hay người Nhật, hay các hệ tư tưởng có ý thức được duy trì trong các xã hội này.

Dĩ nhiên nếu nói rằng các dân tộc không còn quan trọng nữa thì e quá sớm, vì các dân tộc vẫn đang có quyền năng sống chết đối với tất cả chúng ta; và vì tính cách xã hội và tính cách dân tộc là một di sản lịch sử, nên sẽ còn lại rất lâu dài những khác biệt to lớn về tính cách dân tộc, cũng như những khác biệt nảy sinh từ nghề nghiệp, giới tính và phong cách sống. Cũng vậy, tàn dư của chủ nghĩa địa phương hẹp hòi có thể còn dai dẳng - mặc dù ngay khi một nhóm hay một bộ lạc tìm cách bảo vệ di sản lịch sử độc đáo của mình bằng một phong trào bảo tồn văn hóa truyền thống hay thức tỉnh lại đức tin, thì chính nỗ lực này (như gợi ý trong *Những bộ mặt trong đám đông*) sẽ báo hiệu

kết cục cho các nghi thức không tự ý thức, được cho là đương nhiên, và do đó thật ngược đời, chính nó sẽ đẩy nhanh sự gia nhập vào thế giới hiện đại, nơi mà truyền thống tự nó đã trở thành một hệ tư tưởng, một khía cạnh của sự mất gốc. Hiện đại hóa do vậy có vẻ đang tiếp tục một tác động gần như không thể đảo ngược, và không một bộ lạc hay dân tộc nào tìm được chỗ nào để trốn.

Trong một thời kỳ mà nhiều người Mỹ có học lo nghĩ đến tính chất của bản sắc và giá trị của họ, nhiều độc giả không chuyên đã đến với *Đám đông cô đơn* để tìm manh mối xem họ là như thế nào và họ có thể sống ra sao. Quả thực, nhiều người đã đọc nó như để làm trắc nghiệm tính cách mình, theo nghĩa lỗi thời và không chuyên môn của từ "tính cách". Chúng tôi đã không lường trước một giới độc giả như thế, không chỉ khi cuốn sách được in lần đầu bởi nhà xuất bản của một trường đại học, mà cả sau này khi nó là một trong những cuốn "sách bìa mềm chất lượng tốt" đầu tiên, vì chúng tôi và nhà xuất bản đều nghĩ rằng sách chỉ có thể bán được vài nghìn bản như kiểu tài liệu đọc trong các khóa học ngành khoa học xã hội. Trong khi độc giả hàn lâm chuyên nghiệp sẽ dễ dàng xác định cuốn sách theo truyền thống là công trình về văn hóa và nhân cách, độc giả không có chuyên môn lại có chiều hướng khen ngợi chúng tôi quá mức, hay cho rằng chúng tôi phát biểu bằng đúng giọng điệu xã hội học thuần nhất. Chúng tôi đã giải thích trong Lời tựa cho ấn bản bìa mềm đầu tiên điều vẫn còn đúng cho ấn bản này, ấy là, chúng tôi chuẩn bị không chỉ một cuốn sách giản lược (bằng khoảng 4/5 nguyên bản) mà trong chừng mực nào đó còn là một ấn bản mới có nhiều đoạn viết lại, và một số đoạn khác được sắp xếp lại. Song, khi biên tập, chúng tôi chỉ nhằm sao cho sách trong sáng và súc tích hơn: chúng tôi không cố tính đến những phê bình đối với tác phẩm gốc ban đầu, cho nên độc giả có thể an tâm rằng bài phê bình nào họ có thể đã đọc về tác phẩm gốc cũng vẫn đúng cho các ấn bản bìa mềm; những cái chúng tôi rút bớt là để cho dễ hiểu, chứ không phải để giảm thiểu tranh luận.

Dĩ nhiên, tất cả những điều này được nói ra dựa trên giả định là độc giả sinh viên quen thuộc với tranh luận liên quan đến phương pháp, những cách giải thích và đánh giá khác nhau về cuốn sách. Với những ai cần có ví dụ thích hợp cho những điều nói trên, cho phép tôi lần nữa nhắc đến cuốn phê bình do các giáo sư Lipset và Lowenthal chủ biên. Giờ thì tôi muốn quay sang vài điểm mà mươi năm sau tôi thấy cuốn sách có lẽ đã sai, hoàn toàn đi quá các xem xét tổng quát về tầm quan trọng của tính cách xã hội vừa được bàn đến. Tôi sẽ đề cập đến các điểm này ít nhiều theo thứ tự xuất hiện của chúng trong cuốn sách.

Dân số. Các cộng sự và tôi đã biết rất rõ, trước khi chúng tôi xuất bản *Đám đông cô đơn*, rằng việc chúng tôi gắn liền các giai đoạn phát triển lịch sử với các giai đoạn trên đường đồ thị dân số hình chữ S là khá bấp bênh, mặc dù các nhà nhân khẩu học như Notestein cho là rất đúng; những người đọc bản thảo

đã nhắc chúng tôi rằng các khái niệm truyền thống định hướng, nội tại định hướng và ngoại tại định hướng có thể hữu ích, ngay cả khi không có trình tự lịch sử tất định như Chương I trong cuốn sách của chúng tôi đề xuất.[53] Hơn nữa, các suy đoán của chúng tôi về dân số đã bị nghi ngờ gần như cùng lúc chúng thành hình. Ngay trước khi *Đám đông cô đơn* đến nhà xuất bản năm 1949, chúng tôi đã đọc tập sách mỏng của Joseph Davis ở Viện Nghiên cứu Thực phẩm Stanford chỉ trích các nhà nhân khẩu học, trong đó có Notestein mà chúng tôi dựa vào, và Davis khăng khăng cho rằng bùng nổ dân số sau Thế chiến thứ hai đã làm sụp đổ lý thuyết chớm giảm dân số. (Bản thân Davis cũng không dám liều đưa ra lý thuyết thay thế nào về các thay đổi dân số, mà chỉ chê bai các nhà nhân khẩu học đoán trật trong quá khứ). Chúng tôi bàn với nhau liệu có nên tính đến quan điểm của Davis và bằng chứng ngày càng nhiều thêm về một thay đổi quyết định, chứ không chỉ là một dao động tạm thời, về giá trị mà tầng lớp trung lưu gán cho việc có thêm con cái so với giá trị họ gán cho tiết kiệm hay mua sắm hàng tiêu dùng. Mãi về sau chúng tôi mới chợt nghĩ rằng, chọn lựa có thêm con chứ không phải tiết kiệm thêm hay theo đuổi sự lộng lẫy hào nhoáng tự nó có thể được xem là một biểu hiện cho sự thay đổi từ tiêu dùng hoang phí để phô trương hướng tới một giá trị cao về các mối quan hệ cá nhân, mà chúng tôi (cùng với Parsons và White) xem như là dấu mốc cho một khác biệt giữa người Mỹ hướng ngoại của Tocqueville và Veblen[54] với thế hệ con cháu hướng nội hài hòa và "mềm mỏng hơn" hôm nay. Dù gì thì năm 1949 chúng tôi cũng cảm thấy không nên vào phút chót lại cố xét đến vấn đề này, mà chỉ trình bày giả thuyết dân số như một ý niệm thú vị nhưng chưa được chứng minh.

Còn có một yếu tố nữa khiến chúng tôi quyết định giữ lại thuyết dân số bất chấp những hồ nghi của bản thân và lập luận thuyết phục của bạn bè đã đọc bản thảo rằng thuyết dân số không phải là cốt lõi đối với cuốn sách. Một trong những người bạn này, một nhà nhân học, quả đã nói: "Tỷ lệ chết và tỷ lệ sinh thực tế trong một nước, hay dân số thực tế của nước đó, có ra sao cũng chẳng can hệ gì, can hệ chăng là điều người ta tin về nó: nếu người Rumani nghĩ họ có kim tự tháp dân số giống như người Đức thì điều đó sẽ gây một ảnh hưởng ngang ngửa như vậy đối với cấu trúc tính cách". Song, như Margaret Mead nêu ra rất xác đáng, giả thuyết nhân khẩu học "có thể được xem như một trong nhiều lựa chọn khả dĩ để khẳng định tầm quan trọng của các xu thế lịch sử quy mô lớn, ví dụ như tiến bộ công nghệ, cái đã ít nhiều trở nên không phụ thuộc vào các đặc điểm tính cách học của các dân tộc bị nó cuốn theo".[55] Nỗ lực của chúng tôi là nỗ lực để nói rằng có một thế giới thực cũng như có một thế giới được lĩnh hội; song việc chúng tôi dùng chu kỳ dân số như một minh họa cho lập trường này có lẽ không được hiệu quả bằng việc bàn về phát triển kinh tế, đô thị hóa và phổ cập giáo dục.

Xin hiểu, chúng tôi không gợi ý rằng hình kim tự tháp dân số khiến cho một tính cách xã hội đặc thù xuất hiện; các phát triển tâm lý-xã hội luôn diễn ra thông qua các định chế. Thế nhưng, cũng như Karl Wittfogel đã lập luận (trong *Oriental Despotism* [Chế độ chuyên chế phương Đông]) rằng, nơi nào khan hiếm nước, các cá nhân sẽ không thể sống sót mà không có một cơ cấu xã hội phụ thuộc lẫn nhau để giữ gìn nguồn nước (trong khi nếu thức ăn khan hiếm định kỳ thì các nhu cầu không dứt khoát và thúc bách bằng), cũng vậy, theo một cách ít rõ rệt hơn, các mô hình dân số tăng hay ổn định cũng thường đi cùng các khuôn mẫu của xã hội để đáp ứng những đòi hỏi của giai đoạn dân số ấy. Hiện tại, các xã hội tiến bộ về công nghệ như xã hội chúng ta đã gặp phải hoàn cảnh tương thuộc lẫn nhau gần giống như hoàn cảnh của người Hopi,[56] những người sẽ tuyệt diệt nếu họ không cùng nhau giữ gìn lượng nước mưa. Quả thực, chính thực tế con người có thể hủy hoại mình và xã hội của mình giải thích tại sao các đòi hỏi sinh thái và công nghệ có khả năng thu hẹp diện các phương cách mà trong đó tính cách xã hội hình thành, nhưng không bao giờ có thể tạo ra một xã hội vốn là phản xạ giản đơn đối với cái "phải" được làm xong; do vậy, mọi "xã hội thủy lợi và trị thủy" đều có tính hợp tác, nhưng sự hợp tác này được bảo đảm bằng các cơ cấu và niềm tin rất khác nhau giữa người Hopi và giữa người Hoa hay người Ai Cập truyền thống.

Chính trị: các nhóm phủ quyết và nhóm quyền lực. Đám đông cô đơn phát triển từ một cái nhìn phê phán về đời sống công chúng Mỹ, nhưng đồng thời cũng là một cái nhìn cự tuyệt nhiều giải thích hiện hành trong giới trí thức. Chúng tôi viết vào một thời kỳ khi thứ lam chướng tụ lại trên mảnh đất này trong thời Chiến tranh Lạnh và Chính quyền Eisenhower[57] vẫn chưa xuất hiện; tính tự mãn về nước Mỹ cùng với phong trào chống cộng chưa nhập vào Con đường Mỹ. Vào thời bấy giờ, anh vẫn chưa bị coi là dị giáo nếu anh xem Mỹ như xứ sở bị một nhúm doanh nhân cỡ bự cùng tay chân và đồng minh chính trị của họ thống trị; người ta sẽ nhớ lại nhiều người trong số các môn đệ của Henry Wallace[58] tuyên thuyết quan điểm này, gom được cả triệu phiếu bầu, trong khi Đảng Cộng sản năm 1948, dù bị mất tín nhiệm trong giới trí thức tiền phong, đã có hơn 50 nghìn đảng viên và chỉ mới bắt đầu mất ảnh hưởng trong phong trào lao động. Hơn nữa, nhiều người cấp tiến, vốn xem nước Mỹ như một xứ bị Phố Wall[59] thống trị, đã vào hùa với những người bảo thủ không biết mà cũng chẳng quan tâm Mỹ được cai trị ra sao, xem nước Mỹ là một hoang mạc văn hóa trong đó một ít nhân vật tách biệt vẫn giữ vững được cái nhìn cá nhân chân chính giữa sự hỏng hoại mà hàng hóa tiêu dùng và truyền thông đại chúng chế ra. Các tác giả của *Đám đông cô đơn* và *Những bộ mặt trong đám đông* không thấy dễ chịu với những lối sống đang lấn át ở Hoa Kỳ cả về mặt chính trị cũng như văn hóa, nhưng chúng tôi tin rằng giải thích sai cái gì đó bằng cách kết hợp phân tích giai cấp của Marx với sự miệt thị văn hóa quý tộc tức là nhìn trở lại một thời đã không còn tồn tại. (Sự miệt thị văn

hóa không nhất thiết sai lầm vì tính quý tộc đó; đúng hơn, theo chúng tôi quan điểm truyền thống này đã bỏ qua các yếu tố sáng tạo dù vẫn chưa được điển lệ hóa trong văn hóa đại chúng Mỹ). Rõ ràng, sự kiên nhẫn đầy hoài nghi của chúng tôi nảy sinh không chỉ do nỗi tò mò mạnh mẽ muốn biết đời sống đương đại mà còn do lòng sẵn sàng hết mực để xem các giải thích truyền thống là đã lỗi thời.

Do vậy chúng tôi không xem những phàn nàn thường thấy về quyền lực và lòng tham của các tầng lớp kinh doanh, nhất là trong giới có đặc quyền hơn, như lời giải thích cho tình trạng bất ổn của nước Mỹ, chúng tôi cũng không nghĩ rằng sự nông cạn, thiếu xác tín của nhiều người Mỹ chỉ đơn thuần phản ánh sự mất quyền bá chủ của một giai cấp thượng lưu quý tộc và truyền thống, hay phản ánh sự vi phạm những quy trình dân chủ của các chính trị gia hủ bại. Khi nhấn mạnh tính thụ động và ủ ê của người Mỹ, rằng họ phục tùng các giá trị không thỏa đáng, là chúng tôi đang tiếp bước những người quan sát khác, nhất là Erich Fromm, Karen Horney, Harold Lasswell, C. Wright Mills và John Dollard. Khi nhấn mạnh các vấn đề văn hóa và tâm lý, chúng tôi ngầm làm rõ là mình thiếu tin tưởng vào các phương thuốc chính trị dễ dàng, dù rằng khi thúc giục cá nhân "cứ thoải mái đi", chúng tôi đã nói giảm nhẹ chiều sâu nỗi thất vọng chính trị của chúng ta. Việc nói nhẹ đi không chỉ phản ánh sự thiếu sáng tỏ về luân lý mà còn cả nỗi hoài nghi thực sự về các xu thế đối chọi nhau trong đời sống Mỹ. Người Mỹ rộng lượng vô cùng, nhưng cũng có cả thói bần tiện và vô tâm ghê gớm. Sự cởi mở, khoan dung và đồng cảm đã tăng lên rất nhiều - không chỉ tồn tại một sự ngang bằng gây ra bởi lòng đố kỵ và nỗi sợ hãi quyền cao chức trọng mà còn bởi nhiệt tình đáp ứng sẵn lòng và nhân đạo hơn; sự tăng này phải được cân bằng với tính thụ động chính trị và èo uột cá nhân mà *Đám đông cô đơn* chỉ trích.

Đám đông cô đơn là một trong những cuốn sách những năm gần đây đã tránh tính giáo điều, cuồng tín mà chuộng tính cởi mở, đa nguyên và chủ nghĩa kinh nghiệm. Nhiều trí thức, chịu ảnh hưởng của Reinhold Niebuhr hay George Kennan, đã mở cuộc chiến chống lại những xu hướng Mỹ là giáo huấn phi thực tế với hàm ý là hãy dấn thân toàn diện vào chiến tranh và chính trị. Ví dụ, chính chúng tôi trong *Đám đông cô đơn* cũng đã tìm cách chỉ ra rằng chế độ đảng phái bị giới chính trị gia hàng đầu ở Mỹ kiểm soát không hẳn là xấu xa và nhất định không xấu xa bằng những nỗ lực tiệt trừ nó hoàn toàn. Giống như vậy, chúng tôi cũng thấy chính các nhóm phủ quyết đang cho tự do được xoay trở đôi chút trong các kẽ hở của chúng. Về phần mình, tôi vẫn luôn cảm thấy điều quan trọng là nhìn nhận đồng thời trên hai bình diện: một vùng tầm trung cho các mối bận tâm và những khả năng về cải cách, ở đó người ta hoạt động trong phạm vi một hệ thống nhất định, và tầm xa hơn cho một mối bận tâm không tưởng liên quan đến những chuyển biến có tính nền tảng. Điều đó

sẽ đơn giản hóa cả hiểu biết lẫn hành động để nhập hai bình diện này thành một cuộc tấn công không khoan nhượng vào hiện trạng, và nhu cầu cưỡng lại sức cám dỗ đơn giản hóa suốt nhiều năm là một yếu tố trong tính nghiêm khắc của *Đám đông cô đơn* khi phê phán thói cuồng tín, nhiệt tình và bức xúc chính đáng trong chính trị. Bây giờ tôi cũng chẳng thích cuồng tín hơn trước kia, khi nó được đem ra để bảo vệ một cách thiếu suy xét cho các quyền lợi ý thức hệ bất di bất dịch, dù ở miền Nam của chúng ta hay trong cả quốc gia, trong các vùng biệt lập toàn trị hay các quốc gia toàn trị. Thế nhưng thật sai lầm nếu gắn liền sự cuồng tín và kiểu bức xúc luân lý vốn là một lối thoát cho tính bạo dâm và chủ nghĩa độc đoán với những phẩm chất chỉ có vẻ ngoài là tương tự thế ở những người phản kháng lại bất công và áp bức hay đời sống bị phí hoài. Cả chục năm sau, cuối chính thể Eisenhower, các tình cảm chính trị "quá khích" là một mối nguy ở một số khu vực, nhưng nỗi sợ hãi các tình cảm đó lại là mối nguy ở các khu vực khác, và những tàn hại mà chủ nghĩa cực đoan có thể gây ra cho đời sống cá nhân và nhóm đã trở nên quá dễ nhận thấy. Trong thái độ đối với chính trị, *Đám đông cô đơn* có thể đã nhấn mạnh quá nhiều đến cái thứ yếu và cái phức tạp mà hy sinh đi cái hiển nhiên.

Ở một bình diện thực tế hơn, trong *Đám đông cô đơn* chúng tôi giả định rằng các thành tựu chính trị của chính sách kinh tế mới New Deal[60] - an sinh xã hội, việc làm đầy đủ hợp lý, quyền tổ chức của người lao động, vân vân - sẽ không thể đảo ngược và quả thực sẽ sẵn sàng được kéo dài. Dù đã xem New Deal là việc chuyển dịch quyền lực khỏi Phố Wall tới các nhà quản lý công nghiệp (mà chúng tôi cho là không sáng láng được như các chủ nhà băng), chúng tôi không xem cả Phố Wall lẫn doanh nghiệp lớn là vững như bàn thạch; và chúng tôi thấy nước Mỹ đã có cái khám phá không nói ra song không thể đảo ngược sau năm 1939, rằng nền kinh tế chiến tranh là một liều thuốc khả thi về mặt chính trị để chữa trị suy thoái; từ đây, chúng tôi xem nền kinh tế dư dật là điều tất nhiên, dù có bền vững thế nào. Điều này có lẽ là quá tự mãn. Stimson Bullitt đã đúng khi chỉ ra (trong *To Be a Politician* [Để trở thành chính trị gia]) rằng việc tăng quy mô và sự dư dật của tầng lớp trung lưu thời hậu chiến đã đẩy số người nghèo và chưa được tổ chức còn lại ra xa ảnh hưởng chính trị hơn nữa. Về các mối nguy đã quá rành rành của nền kinh tế chiến tranh, dưới đây chúng ta sẽ còn nói nhiều hơn.

Tuy nhiên, ngày nay khi đánh giá *Đám đông cô đơn*, nên nhớ là vào năm 1948 trí tưởng tượng và linh hoạt chính trị, dù còn hiếm hoi, vẫn còn là một thứ mà người ta có quyền hy vọng. Kế hoạch Lilienthal-Baruch[61] nhằm kiểm soát năng lượng nguyên tử đã được đề xuất; Kế hoạch Marshall[62] cũng vậy. Cả hai sáng kiến đều bị Liên Xô bác đi và, chúng ta đã biết, điều này đã ngăn hai kế hoạch đó không trở thành vấn đề tranh cãi dữ dội trong nước, như đã có thể xảy ra cho bất cứ đề nghị nghiêm túc nào về chuyện "nhường chút gì" cho

người Nga. Dẫu vậy, cả hai kế hoạch đều đã cho thấy rõ rằng những người ở vị trí chóp bu có thể có mục tiêu lớn; và theo Kế hoạch Marshall (bất kể lập luận Chiến tranh Lạnh giảo hoạt và cuối cùng là thất sách nào được triển khai tiếp theo đó), tiền bạc bị Quốc hội trưng dụng chỉ để viện trợ kinh tế. Trước chiến tranh Triều Tiên và phong trào chống cộng của McCarthy, chính sách đối ngoại vẫn có thể bị tranh luận, dù dĩ nhiên không phải là không có áp lực từ các phần tử sôvanh hiếu chiến, và một bài báo trên *Time* hay *New York Times* về Marốc hoặc Pakistan không phải gần như bao giờ cũng được trình bày dưới góc độ Chiến tranh Lạnh và các căn cứ của Mỹ. Chúng ta vẫn chưa đặt mình vào tình trạng đóng băng lưỡng đảng của mười năm qua, bằng cách khai thác khía cạnh trong nước của cuộc đấu tranh với chủ nghĩa cộng sản thế giới.

Tuy nhiên, dù cho người ta có nhớ lại bầu không khí chính trị tương đối đỡ ngột ngạt và kinh hoàng hơn vào năm 1948, giờ đây cũng thật khó mà biện minh cho giả định ngầm trong *Đám đông cô đơn* rằng sự manh mún quyền lực chính trị Mỹ do các nhóm phủ quyết và sự thờ ơ chính trị của phần lớn người Mỹ tạo ra có thể xem xét ở mức độ không đáng kể, bởi vì nhiệm vụ chính của đời sống dân tộc chúng ta là nhiệm vụ phát triển cá nhân, loại bỏ "tư nhân hóa" và xây dựng quy hoạch đô thị. Trong khi mải lo nghĩ về đất nước gây lắm hoang mang của mình, chúng ta chỉ quan tâm rất ít đến việc châu Á, châu Phi và châu Mỹ La tinh bước lên vũ đài vốn do dân châu Âu chiếm lĩnh. (Năm 1948, Ấn Độ vừa mới được độc lập, giữa các cuộc thảm sát; phe cộng sản lúc bấy giờ chỉ đang củng cố quyền lực trong một nước Trung Hoa rối ren; nước công nghiệp hóa duy nhất không phải Tây phương đang bị Mỹ chiếm đóng;[63] và không kể Liberia với Ethiopia, vẫn chưa có nhà nước châu Phi da đen nào độc lập hay sắp có triển vọng độc lập). Khi tìm cách mô tả bầu không khí tinh thần của sự dư dật Mỹ, *Đám đông cô đơn* luận giải điều này tách riêng với một thế giới chỉ mới bắt đầu hò hét đòi những sung sướng tương tự, và trong thế giới đó những người Mỹ nhạy cảm và thông minh nhất đã nhận ra công lý, tính hiện thực và các phức tạp của yêu sách này.

Đây là những vấn đề trọng tâm, là tinh thần chung và chiều hướng của cuốn sách, nhưng tranh luận nhiều nhất có liên quan tới Phần II trong *Đám đông cô đơn* là vấn đề ai nắm quyền lực; tức là, liệu có phải như chúng tôi dám chắc, không có hệ thống thứ bậc quyền lực rõ ràng và sự kiềm chế từ phía các nhóm phủ quyết đối với hành động quyết định của giới lãnh đạo, hay như C. Wright Mills lập luận, liệu có một giới chóp bu quyền lực hay không.

Khái niệm nhóm phủ quyết tương tự với khái niệm quyền lực đối trọng đã trình bày trong *American Capitalism* (Chủ nghĩa tư bản Mỹ) của Galbraith, dù khái niệm sau lạc quan hơn khi gợi ý rằng quyền lực quá mức có xu hướng bộc lộ hết sự hạn chế của nó bằng quyền lực đối lập, dẫn đến nhiều tự do và công bằng hơn cho tất cả (với cái giá không đáng kể có thể có là lạm phát). Cả hai

cuốn sách đều đồng tình rằng không hề có một giới chóp bu quyền lực cố kết và tự ý thức duy nhất nào, mà chỉ có một tập hợp vô định hình những nhân vật chóp bu tương lai, tìm cách đạt được và hình thành nên các liên minh. Trong *Đám đông cô đơn* chúng tôi lập luận rằng cục diện này làm cho việc dừng hành động dễ hơn là khởi xướng nó trong bối cảnh quốc gia (địa phương thì đã có các ông trùm và nhóm chóp bu), kết quả là một xã hội không có người cầm đầu trong đó thiên hạ rút lui khỏi các vấn đề đã trở nên không thể kiểm soát được và không thể hiểu nổi.[64]

Chúng tôi không thấy rằng bức tranh chung này đã thay đổi tận gốc; nó chỉ thay đổi đôi chút. Chúng tôi thấy Bộ chỉ huy Không quân Chiến lược (SAC) có vẻ đã có quyền lực lớn hơn đáng kể so với bất kỳ cơ quan riêng lẻ nào vào năm 1948. Trong một thời gian, nó cho Hải quân tháp tùng (bằng cách chia sẻ khả năng hạt nhân) và giáng cấp Lục quân xuống vai trò nhóm phủ quyết nhỏ rầy rà năm thì mười họa mới lên tiếng. Trong liên minh với Ủy ban Năng lượng Nguyên tử (AEC), nó ép các phiên điều trần vụ Oppenheimer,[65] nhất thời bịt miệng được những người chống đối Teller[66] và chính sách đối ngoại bom khinh khí. Trong liên minh với các nhà thầu lớn nhỏ, các công đoàn và công nhân của họ, các thượng nghị sĩ "của họ", SAC đã làm cho kinh tế chiến tranh trở thành trọng tâm đối với toàn bộ nền kinh tế của chúng ta đến nỗi thị trường chứng khoán tăng khi hội nghị thượng đỉnh thất bại. Nhiều thứ như vậy đã xảy ra, không phải vì SAC đã trù tính như vậy, mà đúng hơn là vì nó có ý thức sứ mệnh rõ ràng hơn các lực lượng khác, được những người vô cùng tận tụy dẫn dắt, và thường làm việc trong một tình trạng chân không về lãnh đạo dân sự. Dù vậy, SAC không phải là không bị phản đối. Mặc dù được các bế tắc và khiêu khích ngoại giao tiếp tay, nó cũng không thuyết phục được tổng thống Eisenhower ban bố tình trạng báo động thường trực; và bất chấp ảnh hưởng ghê gớm của nó ở Quốc hội, SAC vẫn đều đặn cảm thấy - cũng như hầu hết những kẻ giàu có - eo hẹp tiền nong. Cũng vậy, AEC đã đụng phải quyền lực đối trọng, từ nguồn rất khó tin (nếu ta tin theo Mills) là cộng đồng khoa học; quả thực, với Mills thì thậm chí một nhà cách tân nhiệt tình như Teller chắc cũng chỉ là một sĩ quan phụ tá cho giới chỉ huy chóp bu, các doanh nhân cỡ bự, các chính trị gia tai to mặt lớn.[67] Ngẫm lại riêng một số quyết định từ cuối Thế chiến thứ hai, ví dụ như quyết định không can thiệp vào Đông Dương hay loạt quyết định về chính sách giải trừ quân bị và hiệp ước cấm thử nghiệm vũ khí hạt nhân,[68] chúng tôi nghĩ người ta rất có thể sẽ đi đến chỗ cảm thấy như chúng tôi, rằng có không nhiều những nhóm cố kết trước sau như một biết mình muốn gì và có được thứ đó (dù một số người trong SAC và trong AEC quả đã có các mục đích rõ ràng, tập trung), mà đúng hơn đấy là một cuộc đấu đá nội bộ thường trực, không chỉ dựa trên các mối tư thù của một nhóm vệ binh hoàng gia (cả điều đó nữa) mà còn trên những quyền lợi kinh tế và quyền lợi ý thức hệ bất đồng, cũng như trên những cách hiểu biết khác nhau về thế giới

và cách ứng phó với nó.

Thế thì vấn đề chính trong lối tiếp cận của chúng tôi không nằm ở chỗ chúng tôi nhắm mắt làm ngơ trước sự tồn tại của giới chóp bu quyền lực, hay ở chỗ chúng tôi bị lừa bởi cái mà Mills xem là trò ảo tưởng và gây sao nhãng mà người ta đang chơi ở các cấp quyền lực trung gian, vốn đã từng là các cấp chủ yếu. Điều chúng tôi đã không hiểu đúng được là chính quyền của chúng ta vừa quá hùng mạnh, có thể đe dọa làm tuyệt diệt cả thế giới, trong đó bao gồm người Mỹ (và có những trò bịp khiêu khích liều mạng có khả năng dẫn tới cái kết cục này), đồng thời lại quá bất lực khi đối mặt các nhóm phủ quyết, không tiến tới kiểm soát được mối đe dọa này. Cũng như các thành phố của chúng ta bất lực trước các xe ủi báo hiệu đường xa lộ, đường xa lộ báo hiệu tình trạng giao thông tắc nghẽn và sự tháo chạy ra khỏi thành phố - các ngành công nghiệp ô tô trở thành bản sao trong thời bình của SAC - thì nhà nước của chúng ta cũng chỉ làm được việc giữ ổn định những kẻ bán "vũ khí phòng thủ" đông đảo, bởi vì một ông tướng làm tổng thống đã quan tâm sâu sắc đến hòa bình và có phần ít lo sợ thiên hạ cho là mình yếu đuối hay nhân nhượng hơn phần lớn người của công chúng, và vì sự thỏa mãn cộng với nỗi lo lạm phát tốt đẹp mà ông ta có chung với các ông trùm Coca-Cola và các bạn chơi gôn theo hướng bất phòng thủ khác.

Nhưng như chúng tôi đã chỉ ra, thiếu sự gắn kết, thiếu khả năng hành động của chính quyền không thể mang lại an ninh cho công dân. Các nhóm phủ quyết thời kỳ trước đây trong các kẽ hở và xung đột của mình đã cung cấp một số vùng tự do cho cá nhân. Thế mà giờ đây, tính bất lực tương đối của chính quyền thường có tác động là làm cho công dân cảm thấy bất lực nhiều hơn thay vì ít đi. Khi một người có thể ra lệnh hay phạm sai lầm mà sẽ tàn phá cả hành tinh, thì quyền lực đối trọng bây giờ cũng chẳng làm được gì khá khẩm hơn sự cân bằng quyền lực truyền thống được quy định trong hiến pháp. Việc đã rồi của một nhóm có vị trí chiến lược - thường là các viên chức hay sĩ quan cấp dưới, không nhất thiết là những người giữ "vị trí chỉ huy" - có thể thế chỗ nền chính trị dân chủ. Trong tình cảnh như vậy, nhiều người xem một nhà lãnh đạo quốc gia được tăng cường sức mạnh như là lối thoát duy nhất, dù một hệ quả có thể xảy ra là sự tăng cường chính chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa sôvanh, những thứ sẽ góp phần vào tình trạng hỗn loạn quốc tế, vào khả năng chiến tranh toàn diện hay gần như toàn diện.

Song, chủ nghĩa dân tộc, dù ở trong lốt sáng tạo như một nguồn cho cảm giác tự hào và tính hiệu quả khi việc vượt qua được tính bộ lạc, hay trong giai đoạn "co cứng tử thi" giữa các cường quốc lớn, vẫn hơn là một công cụ bị giới chóp bu quyền lực điều khiển trong khi bản thân giới này vẫn tách rời và miễn nhiễm: giới chóp bu quyền lực vừa là tù nhân vừa là người sáng tạo của chủ nghĩa dân tộc. Và thất bại của các sáng kiến Mỹ năm 1953 không phải là hệ

quả của một quyết định do một nhóm chóp bu như vậy đưa ra, khi cái chết của Stalin[69] khiến có thể nghĩ và bàn tới việc xích lại gần với Liên Xô; những nguyên nhân nằm sâu xa hơn và còn nghiêm trọng hơn.

Chính khi quay sang bàn đến các nguyên nhân này, một cách hết sức vắn tắt, chúng tôi mới bắt đầu thấy những hạn chế của phân tích về các nhóm phủ quyết và quyền lực đối trọng. Vì các nhóm này, ngoài các quyền lợi kinh tế cụ thể mà họ có thể đã dựa vào, không thể tránh khỏi bị định hình trong cung cách quan niệm và hành động bởi bầu không khí của một nền văn hóa kinh doanh. Các giá trị tư bản cũ đã suy tàn, theo những cách mà *Đám đông cô đơn* gợi ý, nhưng các định chế được định hình bởi những giá trị này vẫn còn lại; không có cái gì khác chiếm chỗ ấy. Chúng tôi không chỉ nói đến thái độ xem trọng lợi nhuận cá nhân, thái độ mà người nhạy cảm hơn hay thờ ơ hơn trốn tránh, mà còn nói đến những ấn tín [credential] nhờ đó các định chế tồn tại và được đánh giá. Ngoài các hình thức sở hữu ra, một xã hội công nghiệp còn nuôi dưỡng một khuynh hướng hay động cơ tâm lý nhất định: nó có chiều hướng bành trướng, nên người ta sẽ cảm thấy thua kém nếu tổ chức "của họ" không lớn mạnh lên hay tiến triển; một số giá trị có thể đo lường, tính toán, "hợp lý" thì được hiểu, trong khi các giá trị khác hiếm khi được nêu ra, huống hồ là được ủng hộ. Ở đây một lần nữa, các định chế mà người kiểu nội tại định hướng cho vận hành bây giờ có vẻ đang chạy theo quán tính tự thân, có thể nói vậy, bằng chính tồn tại của mình tước mất một số giải pháp thay thế trong khi lại mở ra những giải pháp thay thế khác. Con người không còn hăng hái hiệp lực trong sự lạc lõng của chính mình nữa: họ thường có phần bất mãn, nhưng họ không có cái xác tín rằng vẫn còn cách khác để giải quyết mọi chuyện - và do vậy không thể thấy mọi chuyện trục trặc ở đâu, có chăng là chỉ thấy ở ngoài rìa.

Do vậy mà, vào thời khắc này của lịch sử, nhân loại không thể tự hào và hy vọng ở vấn đề giải phóng năng lượng nguyên tử, dù cho điều này xem ra mang đầy tưởng tượng bay bổng và hấp dẫn đến thế nào đối với thời sau; con người cũng không thể tự hào ở các định chế công nghiệp mà sự giỏi giang và tận tụy đã tạo ra, những định chế giờ đây không còn khuyến khích được cả sự tận tâm lẫn cái nhìn mới về những gì con người có thể làm được. Phần nhiều, cái gọi là nhà lãnh đạo chỉ là những tù nhân được nuông chiều hơn và bị bắt làm việc quá sức hơn, nhưng hầu như chẳng đỡ bất lực đi. Họ "có" quyền lực lớn hơn so với những người khác, nhưng thường lúng túng không biết làm sao triển khai quyền lực đó. Người ta không cần phải học cùng trường, chia sẻ cùng những quyền lợi kinh tế như nhau hay tham gia cùng câu lạc bộ như nhau (theo chúng tôi hiểu là Mills nói thế) thì mới nhìn thấy thế giới theo cùng một cách cằn cỗi này. Chúng tôi tin rằng vẫn còn các kho trí tưởng tượng dồi dào và ý thức trách nhiệm trong người Mỹ, nhưng việc kích hoạt những cách nghĩ mới

trong chính trị không thể tiếp tục phụ thuộc vào sự thâu tóm quyền lãnh đạo của một nhóm không-chóp-bu chưa được tổ chức với tư cách là cơ sở cho một phong trào chính trị; khi sự sung túc tăng thêm, chính tình trạng bất ổn của nhóm đặc quyền đặc lợi, chứ không phải của nhóm chịu thiệt thòi, mới là cái ngày càng trở nên quan trọng.[70]

Trong sự nhấn mạnh của mình và đương nhiên trong tâm trí độc giả, *Đám đông cô đơn* hướng sự chú ý sang các vấn đề "tự do thoát khỏi" cái gì hơn là các vấn đề "tự do được quyền" làm gì. Ở điểm này, tất nhiên, không như những người tự do theo trường phái Manchester, chúng tôi xem nhà nước như một đồng minh chứ không phải kẻ thù, dù là nhà nước bị các nhóm phủ quyết làm cho suy yếu và bất lực. Nhưng chúng tôi tập trung chủ yếu vào các vùng bên ngoài chính trị chính thức: các áp lực nhóm, các đòi hỏi vòng quanh - đòi được quyền tham gia, đòi sự đồng ý, đòi sự tán thành cả trong tâm khảm chứ không chỉ ở hành vi. Chúng tôi góp phần tạo ra nỗi sợ ngấm ngầm dằng dai đối với tính tuân thủ - một nỗi sợ vốn thường nhầm lẫn hành động hợp tác khi theo đuổi mục đích chung với sự mặc nhận đầy lừa dối và các giá trị bắt chước theo một nhóm quy chiếu nào đó, hay các giá trị được chấp nhận thoát khỏi nỗi sợ bị mang vẻ khác người, dù vấn đề đó có quan trọng hay không hoặc liệu nó có bao hàm một vấn đề nguyên tắc hay không.

Một mối bận tâm hoàn toàn khác trong cuốn sách, ấy là "tư nhân hóa", ít gây ảnh hưởng hơn nhiều, có lẽ vì độc giả của chúng tôi không bao gồm những người bị hoàn cảnh biệt lập tách khỏi cộng đồng và các tư tưởng, hoặc họ thuộc những nhóm thiểu số, hoặc họ là phụ nữ phụ thuộc, hoặc họ nghèo hay cao tuổi. (Rõ ràng sự tư nhân hóa đã giảm, khi ngày càng có nhiều phụ nữ gia nhập lực lượng lao động, khi nông dân các vùng quê hẻo lánh đã tiếp xúc được với thành thị và truyền thông đại chúng, khi tình trạng biết chữ đã phổ biến, và cả sự nhàn rỗi nữa). Tuy luận giải tình trạng bầy đàn bị áp đặt và rỗng tuếch theo kiểu "tự do thoát khỏi" là chủ yếu (tự do thoát khỏi các áp lực xã hội theo lối tự do chủ nghĩa xưa kia và thoát khỏi sức ép từ phía các tổ chức "tư nhân" theo lối mới hơn), nhưng chúng tôi lại luận giải tư nhân hóa theo kiểu "tự do được quyền". Dẫu vậy, chúng tôi ước gì mình có thể nói nhiều hơn về kiểu xã hội trong đó những cảm nhận của cá nhân về tự do và tính hiệu quả có thể nảy nở, cái xã hội không tưởng ấy có thể làm cho tính độc lập không chỉ trở thành một thành tựu cá nhân, đương cự lại bản chất đời sống chung của chúng ta, mà còn là một sự tiệm tiến đến tính hiệu quả của đời sống đó và do vậy đến cảm thức của cá nhân đó về bản thân.

Truyền thông đại chúng. Khi bàn đến truyền thông đại chúng, *Đám đông cô đơn* phản ánh khám phá của các nhà nghiên cứu, nhất là Paul F. Lazarsfeld, rằng tuyên truyền chính trị và các cuộc vận động chính trị không có một chiến thắng dễ dàng, vô lương tâm trước các thành viên bạc nhược và cô thế trong

khối quần chúng vô danh, mà các nhóm và "tiểu tổ" làm trung gian chuyển thông điệp từ các trung tâm truyền bá đến cá nhân, hướng dẫn sự diễn giải và chọn lựa của cá nhân này. Chẳng hạn, chúng tôi nhấn mạnh cách thức hoạt động của truyền thông đại chúng trong việc xã hội hóa thanh niên, bằng cách đưa ra một chương trình hành động cho nhóm ngang hàng cũng như các thứ hàng hóa vật chất chóng vánh cho nhóm đó tiêu thụ. Và chúng tôi thấy chính những người kiểm soát truyền thông đại chúng cũng dễ tổn thương trước áp lực nhóm, bị lòng mong muốn được trọng vọng của mình dẫn dắt đến việc biến chính trị thành một phần nổi trội trong chương trình tin tức chứ không chỉ chăm chăm nghe theo mệnh lệnh kiếm lời. Do vậy, chúng tôi thấy truyền thông đại chúng không làm người Mỹ sao nhãng khỏi các nhiệm vụ chính trị của họ, mà như một lời mời gọi vào chính trường - một lời mời mà, quả vậy, đã bị bóp méo đi nhiều bởi thói sùng bái cá nhân và bởi những phẫn nộ bộc phát hấp dẫn quần chúng.

Không quá ấn tượng vì tính đồ sộ của truyền thông đại chúng trong các cuộc vận động ngắn hạn để bán hàng hoặc để bán ý tưởng - khi thấy ở đây còn cả các nhóm phủ quyết và quyền lực đối trọng đang hoạt động - chúng tôi đã tập trung vào vấn đề có các ảnh hưởng lâu dài. Chẳng hạn, chúng tôi băn khoăn rằng bầu không khí chính trị Hoa Kỳ chịu ảnh hưởng ra sao từ truyền thông đại chúng, dù với tư cách người quảng cáo hay người bán chương trình giải trí và tin tức, trình ra một hình ảnh đời sống tươi cười, khoan dung, hòa nhã, và (ngoại trừ trong thể thao và chính trị) khá vô cảm. Điều đó có làm tăng sự định hướng theo người dự đoán nội tình hay không, với cái giá là một số người liên lụy sâu hơn, còn số khác lại có một thái độ dửng dưng hơn nữa? Kết quả ra sao đối với bầu không khí văn hóa từ việc truyền thông đại chúng trưng ra những món hàng tiêu dùng hào nhoáng như vậy, cạnh tranh với các giá trị khác không được chào mời bằng - một chủ đề đã được lập luận của Galbraith làm sáng tỏ rõ ràng trong *Xã hội sung túc* rằng khu vực tư nhân cạnh tranh khốc liệt với các nhu cầu không được quảng cáo và hàng hóa không phô trương trong khu vực công cộng?[71] Ảnh hưởng đối với đời sống cảm xúc và đời sống riêng tư (phân biệt với khu vực tư nhân) của người Mỹ thế nào từ việc truyền thông đại chúng cứ tới tấp nhấn mạnh các mối quan hệ cá nhân, nhất là khi điều này được thực hiện một cách tinh vi hơn các nhà phê bình đắm mình trong truyền thống văn hóa cao sẵn sàng công nhận?

Theo chúng tôi thấy, lúc này trả lời các câu hỏi như vậy cũng không dễ hơn so với hồi viết sách. (Sự ra đời của truyền hình, ào tới sau khi cuốn sách của chúng tôi viết ra, không dẫn đến sự nghiên cứu nhọc nhằn về những khác biệt giữa tính chất đời sống của nhóm trước và sau khi có truyền hình - không gì sánh được với điều tra gần đây ở Anh do Hilde Himmelweit và các cộng sự của bà thực hiện.)[72] Rõ ràng là không thể tách bạch rạch ròi truyền thông khỏi

bối cảnh văn hóa rộng lớn hơn của nó, cũng như không thể tách các thông điệp quảng cáo trong truyền thông với "thông điệp" mà chính hàng hóa truyền đạt, được trưng bày trong các siêu thị, trên phố xá, trong nhà. Chúng tôi vẫn tin rằng tác động lâu dài của truyền thông đối với lối nhận thức, hiểu biết (hay, thường xuyên hơn, sự hiểu nhầm) về đời sống, ý nghĩa của việc ta là một chàng trai hay cô gái Mỹ, đàn ông hay đàn bà, hay người già, tác động đó vô cùng to lớn - quan trọng hơn cái quyền năng thường được đánh giá quá mức của truyền thông là đẩy một sản phẩm hay ứng viên được dị biệt hóa biên tế lên trên sản phẩm khác hay ứng viên khác.

Nhưng ngay cả trong lĩnh vực này, nơi mà suy đoán phải ngự trị vì không có thăm dò, trong *Đám đông cô đơn* chúng tôi đã từ chối và đến nay vẫn từ chối vào hùa với cuộc tấn công không phân biệt vào hàng hóa thứ phẩm mang tính biểu tượng do truyền thông tiến hành. Lượng thời gian lớn mà đa phần người Mỹ dành cho truyền hình thật đáng kinh hoàng, nhưng các lựa chọn khác vào thời chưa có truyền hình, ví dụ như chạy xe loanh quanh không chủ đích, ngồi không, xem thể thao hay chơi bài, cũng khó là "thiết thực" hơn hay đỡ gây kinh hoàng hơn.

Thế nhưng chắc chắn có nguy cơ *Đám đông cô đơn* bị hiểu là lời mời gọi các nhà trí thức lăn lộn vào trong truyền thông đại chúng, và mời họ cổ vũ hơn là tìm cách thay đổi những theo đuổi bình dân của người có học vấn thấp. Dẫu vậy, chúng tôi nghĩ rằng cuốn sách có thể giúp những ai muốn cải tổ truyền thông đại chúng thực hiện việc đó một cách thông minh hơn. Trước tiên, chúng tôi khuyến khích mọi người biết phân biệt giữa các phương tiện truyền thông đại chúng với nhau; và ngày nay chúng tôi muốn chỉ ra rằng điện ảnh đã đỡ rụt rè hơn thời chúng tôi viết, phần nào vì bị truyền hình đánh bại giống trường hợp của phát thanh trước đây, điện ảnh có tự do tương đối của một quyền lực nhỏ. Ngay cả trong truyền hình, các mạng cũng khác nhau về ý thức trách nhiệm, và các đài riêng lẻ đôi khi cũng cho thấy sự can đảm trong các chủ đề họ chọn cho một số ít kịch và phim tài liệu, dù rằng chúng hiếm khi thể hiện trí tưởng tượng trong sắc thái đề cập (một chủ đề Reuel Denney bàn đến trong cuốn *The Astonished Muse* [Nàng thơ sững sờ]). Hơn nữa, các nhóm phủ quyết hoạt động với uy lực đặc thù trong lĩnh vực truyền thông đại chúng, nên chỉ cần có một lá thư thịnh nộ gửi đến một mạng, hay một nhà bảo trợ, hoặc một hạ nghị sĩ thì nó cũng đã có thể ảnh hưởng đến cả chương trình - thường là bất lợi.

Tuy vậy, mối bận tâm sâu đậm nhất của chúng tôi về truyền thông đại chúng không phải là tác động về lâu dài của nó đối với văn hóa, mà về một thực tế là báo chí, tạp chí tin tức và nhất là phim thời sự đã trở thành vị chủng hơn nhiều nếu không phải là bớt tính địa phương đi so với năm 1948; những loại hình truyền thông này đưa tin tức quốc tế có phần nhiều hơn, chỉ là để

che giấu nó trong các khẩu hiệu tự phục vụ và mỹ từ lừa mị của Chiến tranh Lạnh. Theo cách nhìn này, các sự kiện và ý nghĩ đang phát triển của chúng tôi đã buộc chúng tôi phải xem xét truyền thông đại chúng một cách tỉnh táo hơn và bớt hy vọng so với thời viết *Đám đông cô đơn*.

Độc lập và không tưởng. Trong một bài phê bình *Đám đông cô đơn*, Richard L. Meier và Edward C. Banfield viết:

> *Kiểu người độc lập là người thế nào trong một xã hội thiên về hình thái ngoại tại định hướng rất có thể có trong tương lai? Đây là một câu hỏi mà các tác giả chỉ bàn sơ qua. Chúng tôi gợi ý rằng - nếu con cháu chúng ta và sinh viên chúng ta là một tiêu chuẩn nào chăng - kiểu độc lập mới sẽ bị ảnh hưởng nhiều bởi lượng thông tin khổng lồ mở ra cho anh ta, và bởi các định chế tương đối công tâm, có tác dụng nhanh, toàn diện mà anh ta có thể sử dụng. Mối quan hệ của anh ta với máy móc sẽ là mối quan hệ của người thiết kế hay người chẩn đoán, chứ không phải của nô lệ. Logic của anh ta sẽ là đa giá trị, thường đi cùng việc lập ra những công thức cụ thể mang tính thống kê. Khi các xác suất là như nhau cho mọi lựa chọn, anh ta sẽ chọn một cách tự phát. Lòng trung thành của anh ta sẽ không mãnh liệt; song, chủ nghĩa quốc tế như một lý tưởng sẽ cuốn hút anh ta. Trò chơi của trí tưởng tượng sẽ đa dạng hơn, nhưng các kế hoạch cho tương lai sẽ nổi bật hơn (mốt khoa học giả tưởng hiện nay có thể là một triệu chứng của điều này). Quan điểm đạo đức của anh ta là ham tìm hiểu và thực dụng: hoàn cảnh bất hạnh sẽ dẫn đến hành động phản xã hội. Tội lỗi, do vậy, sẽ được thanh minh khi các nguyên nhân được thấu hiểu. Nhưng hành động phản xã hội vẫn là một thứ mà những nhân cách độc lập về mặt khác sẽ phải tránh. Cái mà sự đồng lòng xây nên như thiện chí xã hội vẫn sẽ thiêng liêng.*[73]

Thái độ của các nhà phê bình này khác rõ rệt với thái độ của phần lớn các nhà phê bình và, trong chừng mực chúng tôi có thể nói dựa trên trao đổi thư từ và thảo luận, những độc giả *Đám đông cô đơn* mạch lạc nhất, những người, như đã nói, có chiều hướng xem kiểu nội tại định hướng và tính độc lập gần như là cùng một thứ, và là những người sẽ kinh hãi nhìn những sự nhạy cảm dễ biến đổi và có lẽ đầy ứ mà các ông Meier và Banfield hình dung đầy hy vọng. Tôi cho rằng sự lẫn lộn giữa kiểu độc lập và kiểu nội tại định hướng mà nhiều độc giả mắc phải phần nào cho thấy chúng tôi chưa thể làm cho tính độc lập trở thành một ý niệm sống động hơn và bớt hình thức hơn - cho nó nội dung, như kiểu nội tại định hướng đã có được nội dung vì khái niệm đó gợi lên trong óc nhiều ví dụ lịch sử mà ai cũng đã kinh qua. Ngoài ra, một nét suy tưởng hoài niệm vẫn luôn mãnh liệt ở Mỹ bất chấp các làn sóng lăng xê và lạc quan hướng tới sự tiến bộ vẫn thường ngự trị.

Thật ra, trong thập niên 1950, như chúng tôi đã nói, đôi khi có vẻ như nhiều

thanh niên có học chỉ thấy có hai vai trò khả dĩ cho họ: một là vai trò của người tổ chức lắm tiền nhiều của (ngoại tại định hướng), hai là vai trò của chàng cao bồi đi ủng da tiện dụng (nội tại định hướng); chính là trong giai đoạn này mà "cảm giác cùng bên nhau" [togetherness] hợp với "nhà cải cách hoang tưởng" [do-gooder] thành một từ để chỉ sự khinh thường. Trong tình cảnh eo hẹp của các lựa chọn thay thế này, những cử chỉ nhỏ nhặt khẳng định bản thân - hay thiếu quan tâm đến người khác kiểu duy ngã - thường đội lốt tính độc lập. Sự biến chất từ cá tính sang thói vị kỷ và lập dị là chuyện không có gì mới ở nước Mỹ.

Không phải chúng tôi không biết gì về những khả năng có thể xảy ra này khi viết *Đám đông cô đơn*, khi viết chương cuối về "Độc lập và không tưởng", chúng tôi đã tìm cách giảm nhẹ việc nhấn mạnh vào "tự do thoát khỏi" và đem lại một bức tranh về sự gắn bó thân thiết của nhân loại, bức tranh ấy sẽ mang tính tiên tri mà không hình thức hay đa cảm quá. Những điều chúng tôi tưởng tượng tỏ ra không tương xứng với nhiệm vụ sáng tạo một xứ sở không tưởng phù hợp với phân tích của mình.

Giờ đây chúng tôi thấy nét không tưởng mạnh mẽ vẫn còn lại trong cuốn sách dường như là nét ít làm chúng tôi hài lòng nhất, cụ thể là, toàn bộ quan niệm rằng tính độc lập trong nền văn hóa hậu công nghiệp sẽ có thể tìm thấy trong vui chơi giải trí và sự nhàn rỗi, chứ không phải trong công việc. Chúng tôi đã đúng khi kết luận rằng các động cơ sinh kế ngày xưa là cái đói và lợi lộc nay đang biến dần. Chúng tôi cũng đúng khi bác bỏ phương án thay thế là thuyết phục công nhân rằng việc họ đang làm là có ý nghĩa, bằng cách làm cho công việc đó trở nên thân thiết và bằng sự tham gia giả tạo được khuấy lên trong một đại gia đình công ty hạnh phúc. Rõ ràng đối với nhiều người, có lẽ nhất là đối với phụ nữ mà mối bận tâm chính là gia đình của họ, một công việc không cần phải "có ý nghĩa", miễn sao giờ làm ít và thuận tiện, đi lại không khó khăn, bản thân công việc không quá nhọc nhằn mà cũng chẳng hạ thấp nhân phẩm. Đối với nhiều người, trung tâm của sức hút, của tính hệ trọng có thể và quả thực đã nằm ngoài nghề nghiệp của họ. Thế nhưng chúng tôi đã không đánh giá được đầy đủ những cái giá phải trả cho sự thay đổi trung tâm như vậy, không chỉ đối với nam giới được đào tạo trong thời đại công việc là động lực mà còn đối với con cháu họ trong tương lai gần. Lời Daniel Bell nhận định chúng tôi - "những nhà tiên tri về vui chơi" - trong *Work and Its Discontents* (Công việc và những bất mãn) chúng tôi thấy có vẻ xác đáng.[74]

Cả ở điểm này, vấn đề trước mặt chúng ta là trí tưởng tượng, có lẽ còn là vấn đề can đảm nữa. Đối với hàng triệu người mà công việc rõ ràng không có tầm quan trọng sống còn cho xã hội, giải pháp thay thế để khỏi trôi dạt tới tình trạng một mặt việc làm cho hết thời gian còn mặt khác vui chơi là một cuộc tái tổ chức công việc và do vậy tái tổ chức xã hội một cách triệt để đến

mức khó hình dung. Chúng ta không chỉ phải loại bỏ công việc thừa, ăn bám mà còn phải giảm quy mô nơi làm việc và biến việc quản lý nó thành một công cuộc cùng nhau chia sẻ. Lần đầu tiên, nhờ của cải xã hội và kiến thức về tổ chức mà ta có thể nghĩ đến chuyện đi theo hướng này, để công việc trở nên đòi hỏi khắt khe hơn, đa dạng hơn, nhiều tính tham dự hơn, và bớt ngăn ô dựng rào với giáo dục và chính trị. Cái gì đó giống như vậy là mục tiêu của các nhà xã hội chủ nghĩa phường hội; các yếu tố có thể nhận thấy - than ôi, hầu như là thứ trang trí ý thức hệ - trong các phân xưởng ở Nam Tư; và những điềm báo trước xảy ra ở một số công ty của Mỹ, ví dụ như Polaroid. Bất luận thế nào, chúng tôi vẫn đồng tình với Paul Goodman trong *Growing Up Absurd* (Lớn lên phi lý), rằng con người cần cảm thấy mình xứng đáng: giữ được một việc làm, và rồi được liên hệ với đời sống qua tư cách người tiêu dùng, chừng ấy chưa đủ. Thực vậy, chúng ta đã sớm nhận ra rằng gánh nặng dồn cho nhàn rỗi do sự phân rã việc làm đã lớn đến mức không đối phó nổi; bản thân nhàn rỗi không giải cứu được công việc, mà chết chìm cùng với nó, và sự nhàn rỗi chỉ có thể có ý nghĩa đối với hầu hết mọi người nếu công việc có ý nghĩa, để chính các phẩm chất chúng ta tìm kiếm trong nhàn rỗi dễ có khả năng thành hiện thực hơn nếu hành động xã hội và hành động chính trị tiến hành cuộc chiến hai-mặt-trận là công-việc-và-nhàn-rỗi.

Đám đông cô đơn có chiều hướng giảm thiểu các áp lực khách quan đang khiến cho công việc của tầng lớp các nhà chuyên môn và quản lý thành ra khó khăn hơn, ngay cả khi giờ làm việc được rút ngắn và điều kiện lao động khắc nghiệt đã giảm bớt tại các khu vực đang ngày càng thu hẹp là trang trại, dịch vụ cá nhân và công nhân "cổ xanh". Một sự phân công lao động khó lòng đạt đến lý tưởng chừng nào còn đòi hỏi một tuần làm việc 70 giờ đối với bác sĩ, quan chức điều hành cấp cao và công chức cấp cao mà ít tính đến nhịp điệu riêng của họ (giới giáo sư và nghệ sĩ có thể ngẫu hứng làm việc suốt nhiều giờ, nhưng chịu áp lực bên ngoài có phần ít hơn), trong khi phần dân cư còn lại thấy công việc của mình nhàm chán và vô nghĩa đến mức họ tìm cách giảm ngày làm việc và nghỉ hưu sớm nếu tài chính cho phép.[75]

Dù một số người phê bình *Đám đông cô đơn* rành mạch hơn đã chỉ trích là cuốn sách hơi quá lạc quan về sự nhàn rỗi và dư dật của nước Mỹ, nhưng lại có những người khác (nhất là đồng nghiệp Talcott Parsons của tôi) phê phán nó là nhấn mạnh quá mức đến cảm giác xa lánh với công việc và đời sống gia đình khi mà, như nhiều bằng chứng khách quan chỉ ra, rất nhiều khía cạnh trong đời sống Mỹ đã được cải thiện.[76] Một điều đã xảy ra như là hệ quả của chính trật tự các thay đổi mà *Đám đông cô đơn* bàn luận là sự gia tăng những kỳ vọng vào cuộc đời ở nhiều người Mỹ đã vượt lên khỏi mưu cầu sinh kế. Đây là "cuộc cách mạng gia tăng kỳ vọng" kiểu Mỹ với phương châm "Nếu mọi chuyện đã tốt đẹp rồi thì sao lại không thể tốt đẹp hơn nữa?" Alexis de Tocqueville,

trong cuốn sách về *chế độ cũ* (ancient régime), có lẽ là người đầu tiên quan sát thấy rằng các cuộc cách mạng xảy ra không phải khi con người bị áp bức tàn tệ mà là khi tiêu chuẩn sống tăng lên và đàn áp chính trị trở nên bớt gay gắt phần nào; cuộc cách mạng ở Hungary và cú lật đổ lãnh đạo ở Ba Lan năm 1956 chỉ là một vài trong số những minh họa gần đây nhất. Kenneth Keniston mới đây đã mô tả tình trạng xa lạ (alienation) đã lan rộng trong nhiều thanh niên Mỹ có đặc quyền đặc lợi.[77] Nhiều người đi tìm một sự nghiệp, một giao kết tận tụy, và một số tìm kiếm điều này ở bên ngoài nước Mỹ, nhưng rất ít khi ở phía sau Bức Màn sắt,[78] mà là ở Ấn Độ, châu Phi, Cuba hay Israel. Có vẻ như con người không thể sống được lâu trong một thế giới tĩnh tại, tỉnh táo cạn kiệt hệ tư tưởng - một thế giới của những nhóm phủ quyết và quyền lực đối trọng với những thành tựu vừa phải, hợp tình hợp lý bên trong chế độ; cũng không còn hiệu nghiệm nữa khi lớp già dạy lớp trẻ rằng cố đạt được cái gì đó tốt đẹp hơn nữa thì sẽ kéo theo những cái xấu xa còn tệ hại hơn: nỗi sợ chỉ có thể đóng vai trò cản trở hy vọng trong một xã hội tĩnh tại hay trong một giai đoạn ngắn.

Nếu trong các nước "đang phát triển" ngày nay con người thấy trước mục tiêu xóa bỏ đói nghèo và bóc lột, thì trong các nước "quá phát triển" con người lại trở nên ý thức rõ về những nỗi thất vọng tinh tế hơn, sự xa lạ gián tiếp hơn. Vậy nhưng, họ không biết làm sao để tiến hành một chương trình chính trị xuất phát từ đòi hỏi cá nhân là phải có công ăn việc làm có ý nghĩa, có những quan hệ cá nhân chân tình, và chính sách đối ngoại phi quân phiệt. Chỉ trong lĩnh vực quan hệ chủng tộc, nơi mà sự bao dung có thể được thực hành một cách cá nhân và bộc lộ giữa các đồng nghiệp với nhau, và nơi mà vấn đề đã rõ ràng, những thanh niên nhạy cảm hơn mới có thể nói lên quan điểm của mình và làm cho nó có hiệu lực. Trong lĩnh vực chính sách đối ngoại, nhóm khoan dung vẫn còn phó mặc [mọi sự] cho nhóm phẫn nộ định đoạt; và nhiều người Mỹ không có kiểu xã hội không tưởng nào hay hơn là sự quay lại điên rồ với thời đại Theodore Roosevelt,[79] học đòi cả thói hiên ngang táo tợn trong quá khứ của chúng ta lẫn của Liên Xô - cứ như một lần nữa có thể biến cả dân tộc này trở thành kiểu nội tại định hướng bằng cách chủ thể hóa cuộc chạy đua vũ trang dưới nhãn mác mục đích quốc gia. Nếu họ thắng cuộc, sẽ không còn cả cái cơ hội mong manh là biết đâu Mỹ sẽ mách nước cho thế giới làm sao để vận dụng tình trạng biết chữ và sự dư dật.

Đến đây chúng tôi thấy mình trở lại vấn đề ranh giới dân tộc, dù trước đó, khi bàn về tính cách xã hội, chúng tôi đã nhất trí rằng thế giới đang trở nên đồng nhất hơn, và rằng các vùng biệt lập, dù mang tính dân tộc hay khu vực, chắc chắn sẽ biến mất, miễn là các vùng biệt lập hiện nay sẽ không làm hết thảy chúng ta biến mất. Song, ngược với điều mà nhiều người hoài cổ tin, các ranh giới cố định lâu đời hơn giai cấp, đẳng cấp và dân tộc có biến mất đi

chăng nữa thì cũng không nhất thiết có nghĩa là sự tương đồng xét về mặt phát triển phong cách sống cá nhân trên thế giới sẽ tăng lên. Các khác biệt ngoại lai không còn nữa thì sẽ chỉ làm khách du lịch chưng hửng, nếu như các khác biệt đã từng nảy sinh giữa con người với nhau do vị trí địa lý có thể được thay thế bằng những khác biệt nảy sinh từ những tiềm lực chưa được khám phá là khí chất, sở thích và tính hiếu kỳ của con người. Mối bận tâm hiện nay về bản sắc ở đất nước này (nhất là chịu ảnh hưởng lớn từ công trình của nhà phân tâm học Erik H. Erikson) phản ánh sự giải phóng con người thoát khỏi địa hạt của tính tất yếu về tính cách học. Quyền năng của cá nhân trong việc hình thành tính cách của riêng mình thông qua chọn lọc giữa nhiều kiểu mẫu và kinh nghiệm đã được gợi mở qua khái niệm độc lập (autonomy) của chúng tôi; khi điều này xảy ra, con người có thể thu hẹp tính địa phương cục bộ của việc sinh ra trong một gia đình cụ thể ở một nơi chốn cụ thể. Với một số người, điều này đem lại chỉ một triển vọng là sẽ có những kẻ không có cội nguồn gốc rễ và sự lệch lạc tăng vọt mà thôi. Với những người tiên tri mang nhiều hy vọng hơn thì, một ngày nào đó, những mối ràng buộc dựa trên ý thức về tính tương thuộc có thể sẽ thay thế các mối ràng buộc máu mủ quê hương.[80]

LỜI TRI ÂN

Cuốn sách này không thể được viết ra nếu không có sự ủng hộ của Ban Chính sách Quốc gia thuộc Đại học Yale. Ban này đã mời tôi đến Yale, cho tôi được toàn quyền làm những gì tôi muốn, với ai tùy ý, và tài trợ cho công trình bằng nguồn tài chính của Quỹ Carnegie Corporation mà tôi cũng rất biết ơn. Tôi đặc biệt cảm tạ Harold D. Lasswell và Eugene V. Rostow, nay là Hiệu trưởng Trường Luật Yale, các thành viên trong ban có liên quan mật thiết nhất với công trình.

Tôi cũng vô cùng biết ơn hai người cộng tác với tôi. Chính cùng với Reuel Denney mà tôi lần đầu bắt tay thám hiểm thế giới thanh thiếu niên, sở thích âm nhạc, văn chương, điện ảnh của họ, vân vân. Bàn luận về các chức năng xã hội hóa và giải thoát của văn chương trong các Chương IV, V, VII và IX dựa rất nhiều vào các bản ghi nhớ do ông viết; nghiên cứu về việc làm và vui chơi trong giới thượng lưu đương thời trong các Chương XIV đến XVI là dựa vào các đóng góp của ông cũng như vào công trình của sinh viên mà chúng tôi đã cùng nhau khuyến khích khi nghiên cứu các vấn đề này. Năm 1949, Denney làm việc cùng tôi trong công tác hiệu đính và viết lại bản thảo sau cùng. Nathan Glazer làm việc cùng tôi trong nửa năm đầu nghiên cứu ở Yale, giúp hoạch định cũng như tiến hành các phỏng vấn sơ khởi và làm rõ suy nghĩ chung của chúng tôi về mối tương quan giữa chính trị và cấu trúc tính cách.[81] Trí tuệ tò mò ham hiểu biết và tinh thần quảng đại của ông đã mở mang thêm tình đồng nghiệp giữa chúng tôi. Nghiên cứu vai trò của cấu trúc tính cách và lịch sử trong Chương I, mối tương quan giữa tính cách và chính trị ở Phần II, và khái niệm độc lập trong Chương XIII có được là nhờ rất nhiều vào những bản thảo của ông. Hơn nữa, bản giản lược cho ấn bản bìa mềm ban đầu được Doubleday xuất bản và bản này, được tái bản mà hiệu đính không là bao, phần lớn là nhờ ông, còn lời tựa cho ấn bản hiệu đính này được viết chung với ông.

Trong khi tham gia viết cuốn sách này, Glazer và tôi còn tiến hành các cuộc phỏng vấn người Mỹ ở các độ tuổi khác nhau, thuộc cả hai giới, từ nhiều giai tầng xã hội khác nhau, và chúng tôi còn nhờ bạn bè và cộng tác viên ở các miền khác trên đất nước thực hiện phỏng vấn. Những cuộc phỏng vấn này - rõ ràng không nhằm đại diện cho sự đa dạng vô cùng của nước Mỹ, mà đúng hơn là một nguồn dữ liệu minh họa - chỉ được dựa vào ở một mức độ không đáng kể khi viết *Đám đông cô đơn*. Thực ra, cần phải nhấn mạnh là cuốn sách này dựa trên kinh nghiệm sống của chúng tôi trên đất Mỹ - những người chúng tôi đã gặp, công việc chúng tôi đã làm, sách chúng tôi đã đọc, phim chúng tôi đã xem, và cả quang cảnh chúng tôi đã thấy nữa. Song, việc chúng tôi đồng thời tiến hành phỏng vấn và hoạch định một số nghiên cứu cộng đồng đã đẩy

chúng tôi tới chỗ giải thích và hệ thống hóa các ý tưởng của mình, những ý tưởng mà bấy giờ trong một chừng mực nào đó được dùng để hướng dẫn phỏng vấn và phân tích các buổi phỏng vấn (một số giai đoạn về sau của công tác này được thuật lại trong *Những bộ mặt trong đám đông*, Nhà xuất bản Đại học Yale ấn hành năm 1952). Nghiên cứu một cộng đồng ở bang Vermont, thuật lại vắn tắt ở đây, được thực hiện theo sự chỉ đạo của Martin và Margy Meyerson, có Rosalie Hankey (giờ là Rosalie Hankey Wax) phụ giúp, bà cũng là người đã cung cấp cho chúng tôi nhiều bài phỏng vấn. Khi cộng tác với nhà Meyerson, tiến sĩ Genevieve Knupfer đã đảm nhiệm một nhóm cuộc phỏng vấn ở Đông Harlem và nơi khác; Rose Laub Coser hệ thống hóa các cuộc phỏng vấn này; Erika Eichhorn (giờ là Erika Bourguignon) đã thu thập và phân tích một nhóm trắc nghiệm Rorschach[82] trong cộng đồng Vermont. Sheila Spaulding hỗ trợ nghiên cứu lịch sử Hoa Kỳ và thuyết chu kỳ dân số. Trong số bạn bè đọc bản thảo, hay từng phần bản thảo, tôi muốn đặc biệt cảm ơn Lewis Dexter, Herman Finer, Erich Fromm, Everett Hughes, Nathan Leites, Evelyn T. Riesman, John R. Seeley, Milton Singer, M. Brewster Smith và Martha Wolfenstein.

D R

Cambridge, bang Massachusetts.
Tháng 11/1960

PHẦN I: TÍNH CÁCH

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

CHƯƠNG I
Một số kiểu tính cách và xã hội

… độc giả có hiểu biết cũng không thể biết rằng, nhân tính, dù ở đây tập hợp lại dưới một cái tên chung, lại đa dạng phong phú đến mức ngay cả khi một đầu bếp đã dùng sạch tất cả các loại thực phẩm động vật và thực vật khác nhau trên thế giới rồi thì một tác giả vẫn chưa thể bàn hết mọi khía cạnh của một đề tài rộng lớn như vậy.

Fielding, *Tom Jones*

Tôi nói đến người Mỹ ở số đơn, như thể không phải họ có hàng triệu người, sinh sống ở miền Bắc lẫn miền Nam, ở miền Đông lẫn miền Tây, thuộc cả hai giới, thuộc mọi lứa tuổi, với đủ chủng tộc, nghề nghiệp và tôn giáo khác nhau. Dĩ nhiên, người Mỹ mà tôi đề cập đây là tưởng tượng; nhưng nói bằng giọng ngụ ngôn là điều không thể tránh khỏi ở một đề tài như vậy, và làm vậy một cách thẳng thắn âu cũng là điều không thể tránh khỏi.

Santayana, *Tính cách và dư luận ở Hoa Kỳ*[83]

Đây là cuốn sách bàn về tính cách xã hội và về các khác biệt trong tính cách xã hội của con người thuộc những vùng miền, thời đại và nhóm khác nhau. Cuốn sách xem xét những cách thức mà các kiểu tính cách xã hội khác nhau, sau khi đã được hình thành từ chỗ ngoặt của xã hội, sẽ được triển khai ra sao trong công việc, sự giải trí, chính trị và hoạt động nuôi dạy con cái. Cụ thể hơn, cuốn sách bàn về cách thức mà theo đó một kiểu tính cách xã hội, vốn chiếm ưu thế ở Mỹ hồi thế kỷ 19, dần dà bị một kiểu tính cách xã hội khác hẳn thế chỗ. Tại sao điều này xảy ra; nó xảy ra như thế nào; các hệ quả của nó ở một số lĩnh vực chính yếu của đời sống là gì: đó là chủ đề của cuốn sách này.

Vậy chúng tôi ngụ ý gì khi nói đến "tính cách xã hội"? Chúng tôi không nói đến "cá tính" ("personality"), thuật ngữ mà trong tâm lý học xã hội hiện nay được dùng để chỉ toàn thể cái tôi, cùng các khí chất và những tài năng di truyền của nó, các yếu tố sinh học cũng như tâm lý của nó, các thuộc tính thoáng qua cũng như ít nhiều bền vững của nó. Chúng tôi thậm chí cũng không nói đến "tính cách" ("character") theo đúng nghĩa nội tại, nghĩa mà như cách hiểu hiện nay thường gặp, muốn nói đến chỉ một phần của cá tính - phần được hình thành không do di truyền mà do kinh nghiệm (vạch ra lằn ranh giữa hai thứ này là chuyện không đơn giản chút nào): Tính cách, trong nghĩa này, là một cấu trúc được điều kiện hóa ít nhiều ổn định về mặt xã hội và lịch sử, gồm các động cơ cá nhân và sự thỏa mãn của một cá nhân - kiểu như "bộ hành trang" mà một con người sử dụng khi tiếp cận với thế giới và những người khác.

"Tính cách xã hội" là phần "tính cách" có chung ở các nhóm xã hội chính, phần mà, như hầu hết các nhà khoa học xã hội hiện đại định nghĩa, là sản phẩm từ kinh nghiệm của các nhóm này. Ý niệm tính cách xã hội cho phép chúng ta bàn đến tính cách của các giai cấp, các nhóm, vùng miền và các dân tộc, đó cũng là điều tôi làm trong suốt cuốn sách này.

Tôi không định nấn ná thêm về nhiều điều còn chưa rõ trong khái niệm tính cách xã hội - liệu có thể quy kết nó một cách chính đáng cho kinh nghiệm chứ không phải cho di truyền hay không; liệu có hay không bằng chứng thực nghiệm cho thấy nó thực sự tồn tại; liệu ở đây nó có đáng được xem là quan trọng hơn các yếu tố tính cách và cá tính gắn liền tất cả mọi người khắp nơi trên thế giới lại với nhau, hay các yếu tố tính cách và cá tính [có tác dụng] phân cách mỗi cá nhân với hết thảy mọi người khác, thậm chí người thân nhất, hay không. Giả định rằng tính cách xã hội có tồn tại vẫn luôn là một tiền đề ít nhiều không nhìn thấy được trong lối nói thông thường và ngày nay đang trở thành một tiền đề ít nhiều nhìn thấy được trong các ngành khoa học xã hội. Do vậy, dù khoác tên này hay tên khác, nó cũng sẽ không xa lạ với bạn đọc nào từng biết đến các trước tác của Erich Fromm, Abram Kardiner, Ruth Benedict, Margaret Mead, Geoffrey Gorer, Karen Horney và của nhiều tác giả khác, họ đã viết về tính cách xã hội nói chung, hay tính cách xã hội của các dân tộc khác nhau và vào những thời kỳ khác nhau.

Hầu hết các tác giả này - cũng như tôi - đều cho rằng những năm tháng ấu thơ có tầm quan trọng lớn lao trong quá trình hình thành tính cách. Phần lớn họ đều đồng ý - như tôi - rằng không thể xem xét tách rời những năm đầu đời với cấu trúc xã hội, vốn là cái ảnh hưởng đến các bậc cha mẹ nuôi dạy những đứa trẻ, cũng như trực tiếp ảnh hưởng đến đứa trẻ. Bản thân những người cộng tác và tôi cũng dựa trên nền tảng nhất trí chung này, và không định bàn xem các tác giả này khác nhau thế nào và chúng tôi khác họ ở điểm nào.

I. Tính cách và xã hội

Tính cách xã hội và xã hội liên quan với nhau ra sao? Làm sao mà xã hội nào dường như cũng đều có được, không nhiều thì ít, tính cách xã hội mà nó "cần"? Erik H. Erikson viết, trong một nghiên cứu về tính cách xã hội của người da đỏ Yurok, rằng "… các hệ thống nuôi dạy con cái… cho thấy những gắng gỏi vô thức nhằm tạo ra từ nguyên liệu con người một tập hợp thái độ vốn đang (hay đã từng) là cái tối ưu trong những điều kiện tự nhiên đặc thù và các nhu cầu thiết yếu về kinh tế và lịch sử của bộ lạc".[84]

Từ "các nhu cầu thiết yếu về kinh tế và lịch sử" đến "các hệ thống nuôi dạy con cái" là một bước nhảy dài. Phần lớn công việc của sinh viên nghiên cứu tính cách xã hội đã dành để lấp khoảng cách đó và cho thấy sự thỏa mãn "các nhu cầu" rộng lớn nhất của xã hội được chuẩn bị ra sao, theo một cách có

phần bí ẩn nào đó, bởi các tập quán mật thiết nhất của xã hội. Erich Fromm đã súc tích gợi mở đường dây theo đó có thể lần ra mối liên hệ giữa xã hội và sự rèn luyện tính cách này: "Xã hội nào muốn vận hành tốt thì các thành viên phải học được kiểu tính cách khiến họ muốn hành xử theo cách họ phải hành xử với tư cách là thành viên của xã hội hay của một giai cấp riêng biệt trong xã hội đó. Họ phải mong muốn cái mà xét về khách quan là họ cần phải làm. Ngoại lực được thay thế bằng thôi thúc nội tại, và bằng loại năng lực tiềm tàng đặc biệt của con người đã truyền vào các nét tính cách".[85]

Do vậy, mối liên hệ giữa tính cách và xã hội - chắc chắn không phải là thứ duy nhất, nhưng là một trong những thứ có ý nghĩa nhất, và là cái mà tôi chọn để nhấn mạnh trong thảo luận này - nằm trong cách thức mà xã hội bảo đảm một mức độ tuân thủ nào đó từ những cá nhân hình thành nên xã hội. Trong mỗi xã hội, một phương thức bảo đảm tính tuân thủ như vậy được cài sẵn vào trong đứa trẻ, rồi được khuyến khích hoặc bị ngăn trở trong kinh nghiệm trưởng thành về sau. (Xem ra không có xã hội nào đủ sức thấy trước để bảo đảm rằng phương thức tuân thủ mà nó đã cài sâu vào [tâm trí cá nhân] sẽ làm hài lòng những cá nhân phải chịu phương thức ấy ở mọi giai đoạn của cuộc đời). Tôi sẽ dùng thuật ngữ "phương thức tuân thủ" và thuật ngữ "tính cách xã hội" thay thế cho nhau - mặc dù, đương nhiên, tính tuân thủ không phải là toàn bộ tính cách xã hội: "phương thức sáng tạo" cũng là một phần của tính cách xã hội. Tuy nhiên, tuy xã hội và cá nhân có thể sống tốt - dù một cách khá buồn tẻ - nếu không có tính sáng tạo, song không đời nào họ có thể sống mà thiếu một phương thức tuân thủ nào đó, dù cho ấy là một phương thức tuân thủ nổi loạn.

Trong cuốn sách này tôi quan tâm đến hai cuộc cách mạng và mối tương quan của chúng với "phương thức tuân thủ" hay "tính cách xã hội" của người phương Tây từ thời Trung đại. Cuộc cách mạng đầu trong hai cuộc cách mạng từ 400 năm qua đã cắt đứt chúng ta khá dứt khoát khỏi các lối sống truyền thống được định hướng theo gia đình và thị tộc mà nhân loại đã quen thuộc trong suốt hầu hết lịch sử; cuộc cách mạng này bao gồm thời Phục hưng, giai đoạn Cải cách tôn giáo và Phản Cải cách tôn giáo, Cách mạng công nghiệp, và những cuộc cách mạng chính trị ở các thế kỷ 17, 18 và 19. Cuộc cách mạng này, dĩ nhiên, vẫn đang diễn ra, nhưng ở các nước tiên tiến nhất trên thế giới, đặc biệt là ở Hoa Kỳ, nó đang nhường đường cho một kiểu cách mạng khác - một loạt phát triển xã hội gắn liền với bước chuyển dịch từ thời đại sản xuất sang thời đại tiêu thụ.

Cuộc cách mạng đầu chúng ta đã hiểu khá rõ; dưới nhiều tên gọi khác nhau, nó nằm trong sách vở và trong hệ thuật ngữ của chúng ta; cuốn sách này không có gì mới để góp phần mô tả nó, song có lẽ lại đóng góp chút gì đấy để đánh giá nó. Cuộc cách mạng thứ hai, chỉ mới mở màn, đã làm nhiều nhà quan

sát ngày nay quan tâm, kể cả các nhà khoa học xã hội, triết gia và nhà báo. Sự mô tả và đánh giá về nó vẫn còn gây nhiều tranh cãi; thật ra, nhiều người vẫn còn bận tâm đến tập hợp các cuộc cách mạng đầu nên vẫn chưa nghĩ ra các phạm trù để bàn luận về tập hợp cách mạng thứ hai. Trong sách này tôi sẽ cố làm rõ sự tương phản giữa một mặt là các điều kiện và tính cách trong các giai tầng xã hội ngày nay đang chịu tác động nhiều nhất từ cuộc cách mạng thứ hai, và mặt khác là các điều kiện và tính cách ở các giai tầng tương tự trong cuộc cách mạng trước; theo cái nhìn này, những điều được đề cập vắn tắt về các xã hội truyền thống và phong kiến bị cuộc cách mạng thứ nhất lật đổ chỉ có tính chất làm nền cho các chuyển dịch về sau.

Một trong những phạm trù mà tôi dùng được rút ra từ nhân khẩu học, là khoa học bàn đến các vấn đề tỷ lệ sinh và tỷ lệ chết, với dân số tuyệt đối và dân số tương đối trong một xã hội, và sự phân bố dân cư ấy theo tuổi tác, giới tính và những tham số khác, vì tôi thử tìm cách kết nối một số phát triển xã hội và tính cách học, như nhân và quả, với một số thay đổi dân số trong xã hội phương Tây từ thời Trung đại.

Mặc dù không có số liệu đáng tin cậy cho các thế kỷ trước, nhưng xem ra có cơ sở chắc chắn để nói rằng trong giai đoạn này đường đồ thị tăng dân số ở các nước phương Tây đã cho thấy một kiểu chữ S đặc thù (khi các nước khác bị hút gần hơn vào mạng lưới văn minh Tây phương, dân cư của họ cũng thể hiện xu hướng phát triển theo kiểu đồ thị chữ S này). Nét ngang dưới của chữ S tượng trưng cho tình trạng khi mà tổng dân số không tăng hay tăng rất chậm, vì số người ra đời xấp xỉ bằng số người chết đi, và cả hai con số đều rất cao. Trong các xã hội thuộc kiểu này, một tỷ lệ lớn dân cư là thanh niên, tuổi thọ trung bình thấp, và tốc độ thay thế các thế hệ cực kỳ nhanh. Các xã hội như vậy được cho là đang trong giai đoạn "tiềm năng tăng cao dân số"; vì nếu có tác động gì xảy ra làm giảm tỷ lệ chết rất cao ấy (sản xuất ra nhiều lương thực hơn, các biện pháp vệ sinh mới, kiến thức mới về nguyên nhân bệnh tật…), thì nó sẽ gây ra "bùng nổ dân số", và như thế dân số sẽ tăng rất nhanh. Trên thực tế đây là chuyện đã xảy ra ở phương Tây, bắt đầu từ thế kỷ 17. Sự tăng vọt dân số này biểu lộ rõ nhất ở châu Âu, và ở những nước người Âu chiếm cứ và định cư, vào thế kỷ 19. Nó được tượng trưng bằng nét dọc của chữ S. Các nhà nhân khẩu học gọi đây là giai đoạn "tăng dân số chuyển tiếp", vì tỷ lệ sinh sẽ chẳng mấy chốc bắt đầu theo tỷ lệ chết mà đi xuống. Tỷ lệ tăng dân số bấy giờ sẽ chậm lại, và các nhà nhân khẩu học sẽ bắt đầu phát hiện thấy các dấu hiệu của giai đoạn thứ ba, giai đoạn "chớm giảm dân số" thể hiện trong tỷ lệ người trung niên và người già ngày càng tăng trong dân cư. Các xã hội trong giai đoạn này được tượng trưng bằng nét ngang trên cùng của chữ S, điều này một lần nữa chỉ ra, như trong giai đoạn đầu, rằng tăng dân số tổng cộng không cao - nhưng lần này vì số sinh và số chết thấp.

Đường cong chữ S không phải là một lý thuyết về hiện tượng tăng dân số mà đúng hơn là một mô tả thực nghiệm về cái đã xảy ra ở phương Tây và ở những vùng miền trên thế giới chịu ảnh hưởng của phương Tây. Khi chữ S đã đi hết lộ trình rồi thì sẽ đến gì nữa? Những bước tiến ở Hoa Kỳ và các nước phương Tây khác trong những năm gần đây dường như không đi theo một tóm lược đơn giản đẹp mắt như vậy. "Chớm giảm dân số" đã không trở thành "giảm dân số" thực sự, còn tỷ lệ sinh thì cho thấy một khuynh hướng tăng trở lại không chắc chắn, điều mà hầu hết các nhà nhân khẩu học cho là tạm thời.[86]

Sẽ rất đáng ngạc nhiên nếu như những thay đổi về các điều kiện cơ bản là sinh sản, sinh kế và cơ hội sinh tồn, nghĩa là, trong cung và cầu cho con người, lại không ảnh hưởng đến tính cách, khi mà tất cả những điều này bao hàm sự thay đổi về không gian của dân cư, quy mô thị trường, vai trò của trẻ em, cảm nhận của xã hội về sức sống hay tình trạng già yếu, và nhiều thứ vô hình khác. Thật ra, luận điểm của tôi là mỗi giai đoạn trong ba giai đoạn khác nhau này trên đường đồ thị dân số xem ra do một loại xã hội chiếm cứ, mỗi loại xã hội có một cách bắt buộc tuân thủ và nhào nặn tính cách xã hội khác nhau rõ rệt.

Xã hội với tiềm năng tăng cao dân số phát triển ở các thành viên tiêu biểu của mình một tính cách xã hội mà tính tuân thủ được bảo đảm bằng khuynh hướng tuân theo truyền thống: tôi sẽ gọi đây là những người kiểu *truyền thống định hướng* và xã hội mà họ sống là *xã hội phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng*.

Xã hội ở giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp phát triển ở các thành viên tiêu biểu của mình một tính cách xã hội mà tính tuân thủ được bảo đảm bằng khuynh hướng thu nhận từ thời thơ ấu một tập hợp các mục tiêu đã được nội tại hóa [internalized]. Tôi sẽ gọi đây là những người kiểu *nội tại định hướng* và xã hội họ sống là *xã hội phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng*.

Cuối cùng, xã hội ở giai đoạn chớm giảm dân số phát triển ở các thành viên tiêu biểu của mình một tính cách xã hội mà tính tuân thủ được bảo đảm bằng khuynh hướng trở nên nhạy cảm với các kỳ vọng và sự ưa thích của người khác. Tôi sẽ gọi đây là những người kiểu *ngoại tại định hướng* và xã hội họ sống là *xã hội phụ thuộc vào kiểu ngoại tại định hướng*.

Tuy nhiên, cho phép tôi chỉ ra, trước khi đi vào mô tả ba "kiểu lý tưởng" của tính cách và xã hội này, rằng ở đây tôi không quan tâm đến việc tiến hành một phân tích tường tận, điều vốn sẽ là cần thiết trước khi người ta có thể chứng minh rằng có tồn tại một mối liên hệ giữa giai đoạn dân số và kiểu tính cách. Đúng hơn, thuyết đường đồ thị dân số đem lại cho tôi một kiểu ký hiệu vắn tắt để qua đó nhắc đến vô vàn yếu tố thuộc định chế vốn cũng được trình bày - tuy thường sôi nổi hơn - bằng những từ như "chế độ công nghiệp", "xã hội dân

gian", "chủ nghĩa tư bản độc quyền", "đô thị hóa", "hợp lý hóa", vân vân. Do đó mà ở đây, khi tôi nói đến tăng dân số chuyển tiếp hay chớm giảm dân số cùng kết hợp với những dịch chuyển trong tính cách và tính tuân thủ, thì bạn đọc không nên xem các cụm từ này như những giải thích tài phép và toàn diện.

Tôi sẽ đề cập nhiều đến tính phức tạp của các yếu tố kỹ thuật và định chế liên quan đến sự phát triển dân số - như nhân và quả - cũng như đề cập đến chính các dữ kiện nhân khẩu học. Đối với mục đích của tôi, việc phân chia các xã hội theo giai đoạn phát triển kinh tế mà họ đã đạt đến sẽ gần như thỏa đáng. Do vậy, sự phân biệt của Colin Clark giữa các khu vực kinh tế "nguyên khai", "cấp hai" và "cấp ba" (khái niệm đầu muốn nói đến nông nghiệp, săn bắn và đánh cá, khai thác mỏ; khái niệm thứ hai là sản xuất; khái niệm thứ ba là thương mại, truyền thông và dịch vụ) tương ứng sát sao với sự phân chia xã hội trên cơ sở các đặc điểm nhân khẩu học. Ở các xã hội đang trong giai đoạn "tiềm năng tăng cao dân số", khu vực "nguyên khai" chiếm phần lớn (ví dụ như Ấn Độ); ở các xã hội đang trong giai đoạn tăng dân số "chuyển tiếp", khu vực "cấp hai" là chủ đạo (ví dụ như Nga); ở các xã hội trong giai đoạn "chớm giảm", khu vực "cấp ba" lại nổi trội (ví dụ như Hoa Kỳ). Và đương nhiên, không có dân tộc nào lại thuần một kiểu, dù là về các đặc điểm dân cư hay nền kinh tế - các nhóm khác nhau và các vùng khác nhau phản ánh các giai đoạn phát triển khác nhau, còn tính cách xã hội thì phản ánh các khác biệt này.

TIỀM NĂNG TĂNG CAO DÂN SỐ: KIỂU TRUYỀN THỐNG ĐỊNH HƯỚNG

Giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số tiêu biểu cho hơn phân nửa dân số thế giới: Ấn Độ, Ai Cập và Trung Hoa (đã tăng vọt trong các thế hệ gần đây), hầu hết các dân tộc chưa có chữ viết ở Trung Phi, các vùng ở Trung và Nam Mỹ, thực ra là hầu hết các vùng trên thế giới tương đối chưa bị công nghiệp hóa chạm đến. Ở đây tỷ lệ chết cao đến mức nếu tỷ lệ sinh không cao bằng thì dân cư sẽ tuyệt diệt.

Những vùng có dân cư nằm trong giai đoạn này sẽ hoặc là thưa thớt, như các vùng có nhiều bộ lạc nguyên thủy sinh sống và các vùng ở Trung và Nam Mỹ; hoặc có thể đông đúc, như Ấn Độ, Trung Hoa và Ai Cập. Theo cách nào thì xã hội cũng sẽ đạt được một cuộc thương lượng Malthus[87] với nguồn cung lương thực có hạn bằng cách giết sạch, theo cách này hay cách khác, một số nhân khẩu thừa khi số người sinh ra vượt số người chết đi - cái bẫy khổng lồ mà tự nhiên đã đặt sẵn cho con người, theo Malthus quan niệm, và con người chỉ có thể yên ổn thoát được nó bằng cách chăm lo cày cấy, trì hoãn hôn nhân để thận trọng không sinh con đẻ cái. Nếu không ngăn sinh con bằng biện pháp trì hoãn hôn nhân hay các biện pháp ngừa thai khác thì sẽ phải hạn chế dân số bằng cách tước đi mạng sống con người. Thế nên các xã hội đã "phát minh ra" tục ăn thịt người, nghĩ ra chuyện phá thai, tổ chức chiến tranh, tế người, và giữ tục giết trẻ sơ sinh (nhất là bé gái) như các biện pháp để tránh đói kém và

bệnh dịch cứ đều đặn xảy ra.

Dù việc giải quyết các thôi thúc đối chọi nhau là thiếu ăn và tình dục luôn đi kèm với biến động và đau đớn, song các xã hội trong giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số thường ổn định ít ra là về khía cạnh các tập quán xã hội của họ, bao gồm cả những "tội ác" để giảm dân số, đã được định chế hóa và trở thành khuôn mẫu. Hết thế hệ này sang thế hệ khác, con người sinh ra, bị tiêu diệt, chết đi nhường chỗ cho người khác. Tỷ lệ tăng tự nhiên thuần dao động trong một biên độ rộng, tuy không thể hiện xu hướng dài hạn nào, điều này cũng đúng với trường hợp các xã hội trong giai đoạn chớm giảm dân số. Nhưng không như các xã hội ở giai đoạn này, trong các xã hội với tiềm năng tăng cao dân số, tuổi thọ trung bình có đặc điểm là thấp: dân số nghiêng mạnh về phía lớp trẻ, thế hệ này thế chỗ thế hệ kia nhanh hơn và kém "hiệu quả" hơn so với các xã hội chớm giảm dân số.

Khi xem xét một xã hội như vậy, chúng ta tất không tránh khỏi sẽ phải liên hệ tính ổn định tương đối của tỷ lệ người-trên-đất-đai, dù cao hay thấp, với tính bền chặt của phong tục và cấu trúc xã hội. Tuy nhiên, chúng ta không nên đánh đồng tính ổn định của cấu trúc xã hội qua thời gian lịch sử với tính ổn định tinh thần trong quãng đời của một cá nhân: cái sau về mặt chủ quan có thể kinh qua nhiều bạo lực và hỗn loạn. Tuy nhiên, xét kỳ cùng, anh ta sẽ học được cách ứng phó với đời sống bằng thích nghi, chứ không phải bằng đổi mới. Không kể một số ngoại lệ thì tính tuân thủ phần lớn là định sẵn trong hoàn cảnh xã hội "hiển nhiên". Dĩ nhiên trong đời người không bao giờ có gì thật sự là hiển nhiên; lúc có vẻ hiển nhiên thì đó là vì khả năng nhận biết đã bị sự thích nghi văn hóa thu hẹp. Khi mối tương quan bấp bênh với nguồn cung thực phẩm đã được gắn hẳn vào trong nền văn hóa đang tồn tại, nó giúp tạo ra một khuôn dạng tuân thủ có tính quy ước được phản ánh trong nhiều - nếu không muốn nói là trong mọi - xã hội ở giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số. Đây là cái mà tôi gọi là kiểu truyền thống định hướng.

Định nghĩa về kiểu truyền thống định hướng. Vì kiểu trật tự xã hội chúng ta vừa bàn là tương đối ổn định, nên tính tuân thủ của cá nhân có chiều hướng phản ánh tư cách thành viên của người đó trong một độ tuổi, thị tộc hay đẳng cấp cụ thể; anh ta học cách hiểu và trân trọng các khuôn mẫu đã tồn tại hàng bao thế kỷ, có được điều chỉnh nhưng không đáng kể trong quá trình thế hệ này nối tiếp thế hệ khác. Các mối quan hệ quan trọng trong đời sống có thể được kiểm soát bằng nghi thức cẩn trọng và cứng nhắc, được lớp trẻ học hỏi trong những năm mới bước vào đời, chấm dứt bằng lễ thâu nạp làm thành viên của lớp người trưởng thành trọn vẹn. Hơn nữa, văn hóa, ngoài các nhiệm vụ kinh tế của nó, hay là một phần của các nhiệm vụ kinh tế, đem lại nghi lễ, thói tục và tôn giáo để làm người ta bận bịu và định hướng cho tất cả mọi người. Chẳng mấy ai dồn sức đặng tìm ra các giải pháp mới cho những vấn đề cũ, giả

dụ như kỹ thuật nông nghiệp hay y học, những vấn đề mà con người đã được khai hóa.

Song, không nên nghĩ rằng, trong các xã hội này, nơi mà hoạt động của thành viên cá thể được định đoạt bởi sự phục tùng truyền thống, một sự phục tùng có gốc rễ trong tính cách học, thì có thể cá nhân sẽ không được đánh giá cao, và trong nhiều trường hợp, không được khuyến khích phát triển các khả năng, sáng kiến của mình, thậm chí những khát vọng của mình, trong những giới hạn thời gian rất eo hẹp. Thực ra, cá nhân trong một số xã hội nguyên thủy được đánh giá cao và tôn trọng hơn nhiều so với ở một số vùng trong xã hội hiện đại. Vì cá nhân trong một xã hội phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng có mối quan hệ chức năng được xác định rõ với các thành viên khác trong nhóm. Nếu không bị trừ khử, anh ta sẽ có một "vị trí thành viên" trong đó - anh ta không phải là "đồ thừa", kiểu như người thất nghiệp hiện đại là thứ "đồ thừa", anh ta cũng không phải là đồ bị loại ra như người không có kỹ năng có thể bị loại ra trong xã hội hiện đại. Nhưng chính vì cái "vị trí thành viên" của anh ta mà các mục đích trong đời, vốn là của anh ta xét về mặt lựa chọn hữu thức, có vẻ như định hình số phận anh ta chỉ đến một chừng mực rất hạn hẹp, cũng như bất cứ khái niệm nào về tiến bộ đối với nhóm đó có chăng cũng trong chừng mực rất hạn hẹp mà thôi.

Trong các xã hội nơi kiểu truyền thống định hướng là cách thức chủ đạo để bảo đảm sự tuân thủ, tính ổn định tương đối được duy trì một phần nhờ quá trình ít khi xảy ra nhưng vô cùng quan trọng là làm cho những kẻ lầm lạc, nếu có, khớp vào các vai trò đã thành định chế. Trong các xã hội như vậy, một người mà nếu ở vào giai đoạn lịch sử về sau có thể trở thành nhà cách tân hay kẻ nổi loạn, thì giai đoạn này vị trí thành viên của anh ta về thực chất là ở bên rìa và đáng ngờ, nhưng anh ta sẽ được kéo vào những vai trò như pháp sư hay thầy phù thủy. Tức là, anh ta bị kéo vào những vai trò có đóng góp được xã hội công nhận, đồng thời những vai trò đó cũng đem lại cho cá nhân này một chỗ đứng ít nhiều được chấp nhận. Các dòng tu kín thời Trung đại có thể đã đóng một vai trò theo cách tương tự để thu hút nhiều "đột biến" tính cách.

Trong một số xã hội như vậy, những cá nhân nhất định được khuyến khích đạt tới một mức độ tính cá thể từ thời thơ ấu, nhất là nếu họ thuộc gia đình quyền thế. Nhưng vì phạm vi chọn lựa hết sức hạn hẹp, ngay cả đối với người có địa vị cao, nên nhu cầu rõ ràng của xã hội về một kiểu tính cách cá thể hóa cũng cực thấp. Có lẽ sẽ chính xác khi nói rằng cấu trúc tính cách trong các xã hội này "được thích nghi" ở mức độ rất lớn, theo nghĩa là ở hầu hết mọi người cấu trúc tính cách có vẻ như hòa hợp với các định chế xã hội. Ngay cả mấy kẻ hiếm hoi không khớp thì cũng "khớp" trong một chừng mực nào đó; và họa hoằn lắm người ta mới bị hất khỏi hệ thống xã hội.

Tất nhiên, điều này không có nghĩa là người ta có hạnh phúc; xã hội nào có

những truyền thống mà người ta phải điều chỉnh theo có thể là một xã hội khốn khổ, đầy những lo âu, sự tàn bạo và bệnh tật. Điểm mấu chốt là sự thay đổi đó, mặc dù không bao giờ vắng bóng trong những vấn đề của con người, đã bị làm chậm lại như chuyển động của phân tử bị chậm lại ở nhiệt độ thấp; và tính cách xã hội hơn bao giờ hết đã trông suýt soát gần giống như ma trận của chính các hình thái xã hội.

Trong lịch sử phương Tây thì thời Trung đại có thể được xem là một giai đoạn mà đa số tính cách bị truyền thống định hướng. Nhưng thuật ngữ truyền thống định hướng muốn nói đến một yếu tố chung, không chỉ giữa dân châu Âu trước thời kỳ tư bản mà còn giữa các kiểu dân khác xa nhau như người Ấn và người da đỏ Hopi, người Zulu và người Hoa, người Ả Rập Bắc Phi và người Bali. Thật tiện lợi khi dựa vào nhiều tác giả đã nhận thấy một sự tương đồng giữa những dị biệt, một sự thống nhất mà họ diễn đạt bằng những thuật ngữ như "xã hội dân gian" [folk society] (trái với nền "văn minh"), "xã hội địa vị" [status society] (trái với "xã hội khế ước"), "*Gemeinschaft*" (trái với "*Gesellschaft*"),[88] vân vân. Dù các xã hội mà những thuật ngữ này hình dung ra khác nhau, nhưng các xã hội dân gian, địa vị và *Gemeinschaft* lại giống nhau ở chỗ tương đối chậm thay đổi, phụ thuộc vào gia đình và tổ chức họ hàng, và ở mạng lưới chằng chịt các giá trị - khi so sánh với các thời đại sau. Và như giờ đây những người quan tâm nghiên cứu đã nhận ra rõ ràng, tỷ lệ sinh cao trong các xã hội này ở giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số không chỉ là do thiếu kiến thức hay kỹ thuật ngừa thai. Toàn bộ một lối sống - tức một quan điểm về cơ hội, về con cái, về địa vị của phụ nữ, về tính dục, về chính ý nghĩa tồn tại - là cơ sở phân biệt giữa các xã hội trong đó sức sinh sản của con người được phép diễn ra tự nhiên để rồi lãnh thiệt hại [về sau] và những xã hội ưa dùng các biện pháp khác để giảm trừ thiệt hại, bằng cách kiểm soát sinh đẻ có tính toán, và cũng dễ hiểu, như Freud và các nhà quan sát khác đã gợi ý, bằng sự tiết giảm chính năng lực tình dục.

TĂNG DÂN SỐ CHUYỂN TIẾP: KIỂU NỘI TẠI ĐỊNH HƯỚNG

Ngoài phương Tây ra, chúng ta biết rất ít về sự tích tụ những đổi thay nhỏ có thể dẫn đến kết cục là một cuộc đoạn tuyệt với kiểu xã hội truyền thống định hướng, khiến nó nhận ra khả năng tiềm tàng tăng dân số cao của mình. Song, về phần phương Tây, người ta đã biết nhiều về sự mục ruỗng dần dần của chế độ phong kiến và sự hưng thịnh theo sau đó của một xã hội mà kiểu nội tại định hướng là phương thức chiếm ưu thế hầu bảo đảm tính tuân thủ.

Các nhà sử học có đầu óc hay phê phán, khi đẩy thời Phục hưng càng lúc càng lùi về thời Trung đại, đôi khi có vẻ phủ nhận việc đã diễn ra bất cứ thay đổi có tính quyết định nào. Thế nhưng, nhìn chung thì dường như chuyển biến lớn nhất về xã hội và tính cách học trong những thế kỷ gần đây đã xảy ra khi con người dứt khỏi các mối dây sơ khai đã trói buộc họ vào kiểu xã hội bị

truyền thống định hướng của phương Tây Trung đại. Hết thảy những biến chuyển về sau, kể cả cuộc chuyển dịch từ kiểu nội tại định hướng sang ngoại tại định hướng, so ra đều có vẻ không quan trọng, dù tất nhiên cuộc chuyển dịch thứ hai này vẫn đang diễn ra và chúng ta không thể nói nó sẽ ra sao khi hoàn tất, nếu điều đó xảy ra.

Một sự thay đổi về tỷ lệ sinh trên tỷ lệ chết tương đối ổn định, vốn đặc trưng cho giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số, vừa là nguyên nhân vừa là hệ quả của những biến đổi xã hội sâu xa khác. Trong hầu hết các trường hợp chúng ta biết thì sự sụt giảm ở tỷ lệ chết sẽ diễn ra trước sự sụt giảm về khả năng sinh sản; do vậy sẽ có một giai đoạn nào đó dân cư bành trướng rất nhanh. Tỷ lệ chết giảm xảy ra do nhiều nhân tố tác động lẫn nhau, trong số đó có vấn đề vệ sinh, giao thông liên lạc được cải thiện (điều này cho phép chính phủ quản lý được một vùng rộng hơn và cũng cho phép chuyên chở thực phẩm từ các vùng dư thừa đến các vùng thiếu hụt dễ dàng hơn), sự giảm thiểu, dù bị bắt buộc hay bằng cách khác, của tục giết trẻ sơ sinh, tục ăn thịt người và các kiểu bạo lực bộ lạc khác. Nhờ các phương pháp canh nông được cải thiện mà đất đai có thể nuôi được nhiều người hơn, và những người này đến lượt mình lại sinh ra thêm nhiều người nữa.

Cụm từ "tăng dân số chuyển tiếp" của Notestein là một cách nói làm nhẹ nhàng vấn đề đi. "Chuyển tiếp" rất có thể là khốc liệt, làm gián đoạn những cách thức tồn tại đã ổn định trong các xã hội nơi kiểu truyền thống định hướng đã là phương thức chính bảo đảm tính tuân thủ. Sự mất cân đối giữa số người sinh ra và số người chết đi gây áp lực cho tập quán của xã hội. Một danh sách mới các cấu trúc tính cách sẽ trở nên cần thiết hoặc sẽ tìm thấy cơ hội cho mình khi đương đầu với những đổi thay nhanh chóng - và nhu cầu phải có thêm nhiều thay đổi nữa - trong tổ chức xã hội.

Định nghĩa về kiểu nội tại định hướng. Trong lịch sử phương Tây, xã hội đã xuất hiện cùng với thời Phục hưng và Cải cách Tôn giáo, mà mãi giờ đây mới đang biến mất, sẽ giúp làm sáng tỏ kiểu xã hội trong đó kiểu nội tại định hướng là phương thức chính để bảo đảm sự tuân thủ. Một xã hội như vậy có đặc điểm là tính di động cá nhân tăng, sự tích lũy tư bản nhanh chóng (đi cùng với những chuyển đổi công nghệ khốc liệt), và sự *bành trướng* gần như liên tục: bành trướng tập trung trong sản xuất hàng hóa và sản sinh con người, bành trướng mở rộng trong thám hiểm, chiếm hữu thuộc địa và chủ nghĩa đế quốc. Nhiều lựa chọn hơn mà xã hội này trao cho - và nhiều sáng kiến hơn mà xã hội này đòi hỏi để đương đầu với các vấn đề mới lạ - được xử lý bởi các kiểu tính cách có khả năng xoay xở sống hòa hợp [theo tập thể] mà không chịu sự định hướng hiển nhiên và khắt khe của truyền thống. Đây là các kiểu nội tại định hướng.

Khái niệm nội tại định hướng nhằm bao quát một phạm vi rất rộng kiểu

dạng. Do vậy, mặc dù khái niệm này là thiết yếu để nghiên cứu một số vấn đề giúp phân biệt giữa các nước Tin Lành với các nước Công giáo cùng các kiểu tính cách của họ, giữa các tác động của Cải cách Tôn giáo với các tác động của Phục hưng, giữa luân lý Thanh giáo ở Bắc và Tây Âu với luân lý có phần hưởng thụ hơn ở Đông và Nam Âu, mặc dù tất cả những thứ này đều là những khác biệt có cơ sở và đối với một số mục đích nhất định, nó có tầm quan trọng, nhưng vì nghiên cứu này tập trung vào sự phát triển của các phương thức tuân thủ nên ta có thể bỏ qua. Điều này cho phép gộp các đối tượng lẽ ra là khác biệt này lại vì chúng có một thứ chung: *nguồn dẫn dắt cho cá nhân là "bản thân" hay "nội tại [của cá nhân]", theo nghĩa nó đã được người lớn gieo trồng vào từ khi còn bé và được dẫn dắt hướng tới các mục tiêu khái quát hóa nhưng đã ấn định trước là không sao tránh khỏi*.

Chúng ta sẽ thấy điều này nghĩa là gì khi nhận ra rằng, trong các xã hội mà kiểu truyền thống định hướng là phương thức chủ đạo để bảo đảm tuân thủ, sự chú ý dồn cả vào việc bảo đảm tính nhất nhất tuân thủ trong những lời nói và cử chỉ nhìn chung có thể quan sát được, nghĩa là hành vi. Trong khi hành vi được quy định kỹ lưỡng, thì tính cá thể của tính cách lại không cần phải trau giồi nhiều để đáp ứng các quy định được cụ thể hóa trong nghi lễ và nghi thức - mặc dù, đúng thế, một tính cách xã hội có khả năng để ý vào hành vi và sự phục tùng như vậy là điều kiện cần thiết. Ngược lại, các xã hội mà kiểu nội tại định hướng đã trở nên quan trọng, mặc dù cũng quan tâm đến tính tuân thủ trong hành vi, song chúng lại không thể hài lòng chỉ với sự tuân thủ trong hành vi mà thôi. Có quá nhiều tình huống mới mẻ bày ra, những tình huống mà một tập hợp các chuẩn mực đạo đức không thể bao quát hết từ trước được. Do vậy mà vấn đề lựa chọn cá nhân, vốn đã được giải quyết ở giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số trước đó bằng cách dẫn dắt lựa chọn thông qua tổ chức xã hội cứng nhắc thì trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp được giải quyết bằng cách dẫn dắt lựa chọn thông qua một tính cách cứng nhắc dù đã được cá thể hóa cao.

Tính cứng nhắc gò bó này là một vấn đề phức tạp. Mặc dù xã hội nào phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng cũng có vẻ cho người ta nhiều mục tiêu để chọn - ví dụ như tiền bạc, sở hữu, quyền lực, tri thức, danh vọng, lòng tốt - song những mục tiêu này lại liên quan với nhau về mặt ý thức hệ, và lựa chọn mà bất cứ cá nhân nào thực hiện cũng sẽ là tương đối không thể sửa đổi được trong suốt đời anh ta. Hơn nữa, những phương tiện để đạt được các mục đích này, dù không khớp với một khuôn khổ quy chiếu xã hội gò bó như trong xã hội phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng, song lại bị hạn chế bởi những kết giao tự nguyện mới - chẳng hạn, phái Quaker, Hội Tam điểm, Hiệp hội Cơ khí - những thứ mà người ta tự ràng buộc mình vào. Quả thực, thuật ngữ "truyền thống định hướng" có thể gây hiểu lầm nếu độc giả kết luận rằng

sức mạnh truyền thống không có ảnh hưởng gì đến tính cách nội tại định hướng. Trái lại, anh ta bị các truyền thống trói buộc rất nhiều: truyền thống hạn chế các mục đích của anh ta và ngăn trở sự lựa chọn các phương tiện của anh ta. Đúng hơn, mấu chốt là ở chỗ một sự phân hóa truyền thống đã diễn ra, phần nào liên quan đến quá trình phân công lao động và sự phân tầng trong xã hội ngày càng tăng. Dù là lựa chọn truyền thống của cá nhân phần lớn được gia đình định đoạt, như trong đa số trường hợp, song anh ta không thể không ý thức được sự tồn tại của các truyền thống đang so kè với nhau - do vậy mà ý thức được sự tồn tại của truyền thống theo cách hiểu thông thường của từ này. Kết quả là anh ta có được một mức độ tự do nhiều hơn đôi chút khi thích nghi với những đòi hỏi luôn thay đổi và đến lượt mình đòi hỏi nhiều hơn ở môi trường của anh ta.

Vì sự kiểm soát của nhóm sơ cấp - nhóm vốn dĩ vừa đưa lớp trẻ vào xã hội vừa kiểm soát lớp người trưởng thành ở thời trước - đã nới lỏng thành một cơ cấu tâm lý mới phù hợp với xã hội thông thoáng hơn được "phát minh" ra: đó là cái mà tôi muốn mô tả tựa như một con quay hồi chuyển tâm lý.[89] Công cụ này, một khi đã được cha mẹ và những uy quyền khác cài cho quay rồi, sẽ giữ cho những người do nội tại định hướng, như chúng ta sẽ thấy, "đi theo lộ trình đã định" ngay cả khi truyền thống, được tính cách anh ta đáp lại, không còn ra lệnh cho những chuyển động của anh ta nữa. Nên cuối cùng người kiểu nội tại định hướng có khả năng duy trì một sự cân bằng chênh vênh giữa các đòi hỏi đặt ra cho anh ta về mục tiêu trong đời và những va đập, rung lắc từ môi trường bên ngoài.

Ẩn dụ con quay hồi chuyển này, như bất kỳ ẩn dụ nào khác, không nên hiểu theo nghĩa đen. Sẽ là sai lầm nếu xem người nội tại định hướng không có khả năng học hỏi từ kinh nghiệm hay không nhạy cảm trước dư luận trong các vấn đề tuân thủ bề ngoài. Anh ta có thể đón bắt và sử dụng một số tín hiệu từ bên ngoài, miễn sao có thể dung hòa chúng với khả năng xoay trở chật hẹp mà con quay hồi chuyển cho phép anh ta. Hoa tiêu dẫn đường cho anh ta không hoàn toàn tự động.

The Waning of the Middle Ages (Sự suy tàn của thời Trung đại) của Huizinga đem lại một bức tranh về nỗi thống khổ và tình trạng nhiễu nhương, cuộc đối chọi giữa các giá trị, từ đó những hình thái mới dần dần xuất hiện. Đến cuối thời Trung đại thì con người đã buộc phải sống trong hoàn cảnh nhận thức mới. Khi sự tự thức và tính cá thể của họ phát triển, họ phải tự tập sao cho sống được giữa đời theo những cách mới mẻ. Họ vẫn còn phải làm điều đó.

CHỚM GIẢM DÂN SỐ: KIỂU NGOẠI TẠI ĐỊNH HƯỚNG

Vấn đề phát sinh tại các xã hội trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp là việc đạt đến một mức độ mà các nguồn lực trở nên đủ dồi dào hay được sử

dụng đủ hiệu quả để có thể tích lũy tư bản nhanh chóng. Phải đạt được sự tích lũy nhanh chóng này ngay cả khi sản phẩm xã hội được sử dụng ở nhịp độ nhanh hơn để nuôi sống dân cư ngày càng tăng và đáp ứng các nhu cầu của người tiêu dùng đi liền với lối sống đã chọn. Với hầu hết các nước, trừ trường hợp có thể nhập khẩu tư bản và kỹ thuật từ các nước khác vẫn còn ở trong những giai đoạn sau trên đường đồ thị dân số, mọi nỗ lực tăng thêm các nguồn lực quốc gia với nhịp độ nhanh chóng trên thực tế sẽ gây thiệt hại cho mức sống hiện tại. Chúng ta đã thấy điều này xảy ra ở Liên Xô vốn giờ đây đang trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp. Với Tây Âu thì giai đoạn chuyển tiếp này kéo dài lê thê và đau đớn. Với Mỹ, Canada và Úc - cùng lúc vừa thụ hưởng các kỹ thuật châu Âu vừa thụ hưởng các nguồn tài nguyên trong nước - thì bước chuyển tiếp lại chóng vánh và khá nhẹ nhàng.

Người bị truyền thống định hướng, như đã bàn, hầu như không nghĩ mình là một cá thể. Còn họa hoằn hơn nữa chuyện anh ta chợt nghĩ rằng mình có thể tự tạo nên định mệnh của mình theo nghĩa mục tiêu cá nhân, mục tiêu cả đời, hoặc nghĩ rằng định mệnh của con cháu anh ta có thể tách biệt với định mệnh của nhóm gia đình. Trong tâm lý, anh ta không tách rời đủ xa khỏi chính anh ta (hay vì vậy, cũng không đủ gần với chính anh ta), gia đình anh ta, hay nhóm anh ta, để có thể nghĩ kiểu ấy. Tuy nhiên, trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp, những người thuộc tính cách nội tại định hướng lại có được cảm giác mình làm chủ đời mình và thấy con cái họ cũng là những cá thể có sự nghiệp để theo đuổi. Đồng thời, cùng với sự chuyển dịch khỏi nông nghiệp và, về sau, khi lao động trẻ em chấm dứt, trẻ em không còn trở thành một tài sản kinh tế đương nhiên nữa. Khi thói quen tư duy khoa học đã phổ biến và lớn mạnh, các quan niệm tôn giáo và huyền bí về khả năng sinh sản của con người - những thứ vốn đã từng có nghĩa lý trong giai đoạn trước đó trên đường đồ thị dân số, để cho nền văn hóa có thể tự tái sinh - phải nhường đường cho những thái độ "duy lý", cá nhân chủ nghĩa. Quả thực, cũng như sự tích lũy nhanh chóng tư bản sản xuất đòi hỏi con người phải thấm nhuần "luân lý Tin Lành" (từ của Max Weber dùng để mô tả một biểu hiện của cái mà ở đây được gọi là nội tại định hướng), thì số con cháu giảm cũng đòi hỏi một sự thay đổi sâu sắc về các giá trị - một sự thay đổi sâu sắc đến mức, rất có thể, nó phải bén rễ trong cấu trúc tính cách.

Khi tỷ lệ sinh bắt đầu nối đuôi tỷ lệ chết mà đi xuống, các xã hội tiến tới giai đoạn chớm giảm dân số. Càng ngày càng có ít người làm việc trên đất đai, trong các ngành khai khoáng hay ngay cả trong sản xuất. Giờ làm việc giảm. Người ta có thể có vật chất dư dật và còn được nhàn rỗi nữa. Song, họ cũng phải trả giá cho những đổi thay này - ở đây, như mọi khi, giải pháp cho những vấn đề cũ làm nảy sinh những vấn đề mới - bằng cách nhận ra mình đang ở trong một xã hội tập quyền, quan liêu và một thế giới bị thu hẹp lại, đầy kích

động và lo âu do sự tiếp xúc giữa các chủng tộc, dân tộc và nền văn hóa, sự tiếp xúc ngày càng được đẩy nhanh hơn nhờ công nghiệp hóa.

Sức chịu đựng rắn rỏi và tinh thần dám nghĩ dám làm của các kiểu nội tại định hướng đã có phần bớt cần thiết trong hoàn cảnh mới này. Dần dần, *người khác*, chứ không phải môi trường vật chất, mới là vấn đề. Và khi người ta càng hòa trộn rộng rãi hơn, càng trở nên nhạy cảm với nhau hơn thì các truyền thống còn lại từ giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số - bất luận thế nào cũng đã bị phá vỡ nhiều trong cuộc bứt phá mạnh mẽ của công nghiệp hóa - lại càng yếu đi hơn. Con quay hồi chuyển không còn kiểm soát linh hoạt đúng mức nữa, và thế là cần phải có một cơ cấu tâm lý mới.

Hơn nữa, "tâm lý khan hiếm" của nhiều người kiểu nội tại định hướng, vốn đã thích nghi với xã hội rất tốt trong giai đoạn tích lũy tư bản ồ ạt đi kèm với tăng dân số chuyển tiếp, cần nhường đường cho một "tâm lý dư dật" có khả năng tiêu thụ xa xỉ "hoang phí" thời gian nhàn rỗi và sản phẩm thặng dư. Trừ phi người ta muốn tiêu hủy sản phẩm thặng dư vào chiến tranh, nơi vẫn còn đòi hỏi trang bị tư bản tập trung, bằng không người ta phải học cách ưa thích và lao vào những việc tốn kém về nhân lực chứ không phải về tư bản - chẳng hạn như thơ ca và triết học.[90] Quả thực, trong giai đoạn chớm giảm dân số, những người tiêu dùng phi sản xuất, cả số người già ngày càng đông lẫn số thanh niên chưa được đào tạo ngày càng ít đi, hình thành nên một bộ phận lớn trong dân cư, và những người này cần cả cơ hội kinh tế để có thể hoang phí lẫn cấu trúc tính cách để cho phép điều đó diễn ra.

Nhu cầu cần có thêm một danh sách kiểu tính cách nữa như vậy đã được công nhận trong một chừng mực nào đó hay chưa? Các quan sát của tôi khiến tôi tin rằng ở Mỹ thì nó đã được công nhận.

Định nghĩa về kiểu ngoại tại định hướng. Kiểu tính cách ngoại tại định hướng mà tôi sẽ mô tả có vẻ đang xuất hiện những năm gần đây trong giai tầng trung lưu lớp trên ở các thành phố lớn: nổi bật ở New York hơn ở Boston, ở Los Angeles hơn ở Spokane, ở Cincinnati hơn ở Chillicothe. Thế nhưng trong một số khía cạnh, kiểu này giống đến mức lạ lùng với kiểu người Mỹ mà Tocqueville và những vị khách vừa tò mò vừa kinh ngạc khác từ châu Âu, thậm chí trước Cách mạng, đã tưởng là một mẫu người mới. Thực ra, các tường thuật về Mỹ của du khách làm chúng ta thấy ấn tượng vì sự nhất trí ở họ. Người Mỹ được cho là hời hợt hơn, thoải mái về tiền bạc hơn, thân tình hơn, thiếu tin tưởng ở bản thân và các giá trị của mình hơn, muốn được công nhận hơn người Âu. Hết thảy những điều ấy thêm vào một mẫu hình mà, không cần phải kéo vấn đề đi quá xa, giống với kiểu tính cách được một số nhà nghiên cứu khoa học xã hội nhìn nhận là đang phát triển ở nước Mỹ hiện đại, công nghiệp hóa cao và quan liêu: "dân buôn" của Fromm, "kẻ mưu mô sắp đặt" của Mills, "cậu bé trung lưu" của Arnold Green.[91]

Tôi có cảm tưởng là người Mỹ trung lưu ngày nay khác rõ rệt với những người Mỹ trong các tác phẩm của Tocqueville, thế nhưng người Mỹ của Tocqueville vẫn gây ấn tượng cho chúng ta ở chỗ anh ta thật gần gũi nên phần lớn cuốn sách sẽ dành để trình bày và phân tích các khác biệt này. Tôi còn có cảm giác những điều kiện mà tôi tin là nguyên nhân gây ra kiểu ngoại tại định hướng đang ảnh hưởng đến ngày càng nhiều người ở các trung tâm thủ đô những nước công nghiệp tiên tiến. Phân tích của tôi về tính cách ngoại tại định hướng do vậy đồng thời vừa là một phân tích về người Mỹ vừa là một phân tích về con người hiện nay. Tôi gần như luôn thấy khó khăn hay không thể nói cái này kết thúc ở đâu và cái kia bắt đầu ở đâu. Một cách dè dặt, tôi có chiều hướng cho rằng người kiểu ngoại tại định hướng quả thực thấy họ được tự nhiên thoải mái nhất ở Mỹ, nhờ một số yếu tố riêng có trong xã hội Mỹ, ví dụ như dân cư được chiêu mộ từ châu Âu và Mỹ không có quá khứ phong kiến nào cả. Trái với điều này, tôi cũng có chiều hướng nhấn mạnh vào chủ nghĩa tư bản, tổ chức công nghiệp, và đô thị hóa - đây là các xu thế quốc tế - hơn là vào bất cứ đặc điểm hình thành tính cách nào trong bối cảnh nước Mỹ.

Trong khi không quên những phẩm chất này, có vẻ là thích hợp khi xem nước Mỹ đô thị hiện đại như minh họa của chúng ta - có lẽ cho đến nay là minh họa duy nhất - về một xã hội trong đó kiểu ngoại tại định hướng là phương thức chủ đạo để bảo đảm sự tuân thủ. Song, sẽ là quá sớm nếu nói rằng đây đã là phương thức chủ đạo ở Mỹ nói chung. Nhưng vì các kiểu ngoại tại định hướng sẽ bắt gặp ở lớp trẻ, trong các thành phố lớn, và trong các nhóm thu nhập cao, chúng ta có thể giả định rằng địa vị bá chủ của kiểu ngoại tại định hướng không còn xa lắm, trừ phi các xu thế hiện tại bị đảo ngược.

Nếu ta muốn đúc các kiểu tính cách xã hội vào các khuôn giai tầng xã hội, chúng ta có thể nói rằng kiểu nội tại định hướng là tính cách điển hình cho tầng lớp trung lưu "cũ" - chủ nhà băng, chủ cửa hàng, chủ doanh nghiệp nhỏ, kỹ sư định hướng kỹ thuật, vân vân - trong khi kiểu ngoại tại định hướng đang trở thành tính cách điển hình của tầng lớp trung lưu "mới" - quan chức, nhân viên ăn lương trong doanh nghiệp, vân vân. Nhiều yếu tố kinh tế gắn liền với sự lớn mạnh của tầng lớp trung lưu "mới" gần đây đã được biết rõ. James Burnham, Colin Clark, Peter Drucker cùng những người khác đã trình bày và phân tích những yếu tố này. Có một sự sút giảm về số lượng và về tỷ lệ dân cư đang làm việc tham gia vào sản xuất và khai khoáng - nông nghiệp, công nghiệp nặng, vận tải nặng - đồng thời là sự tăng lên về số lượng và về tỷ lệ người tham gia công việc lao động trí óc ("cổ trắng") và các ngành dịch vụ. Những người biết chữ, có học, được cung ứng nhu yếu phẩm bởi ngành công nghiệp cơ khí có năng suất ngày càng cao và bởi ngành nông nghiệp, quay sang khu vực kinh tế "cấp ba" mỗi lúc một nhiều. Các ngành dịch vụ phát triển trong toàn bộ dân cư chứ không còn chỉ trong các giới cung đình nữa.

Giáo dục, vui chơi giải trí, dịch vụ, những thứ này đi cùng với việc sử dụng nhiều hơn ngôn từ và hình ảnh từ sự thông tin của phương tiện truyền thông đại chúng mới. Trong khi các xã hội giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp đẩy mạnh quá trình phân phát ngôn từ từ các trung tâm đô thị, thì dòng chảy này biến thành con thác trong các xã hội chớm giảm dân số. Quá trình ấy, trong khi được những khác biệt sâu sắc về giai cấp và dân tộc điều biến, gắn liền với những khác biệt về trình độ biết chữ và tài ăn nói, diễn ra khắp nơi trong các xứ công nghiệp hóa. Càng ngày các mối liên hệ với thế giới bên ngoài và với chính ta càng được dòng thông tin liên lạc đại chúng đứng ra làm trung gian kết nối nhiều hơn. Với các kiểu ngoại tại định hướng, họ cũng trải nghiệm các sự kiện chính trị thông qua một tấm màn ngôn từ mà nhờ nó các sự kiện thường xuyên được tán nhỏ, và được cá nhân hóa hoặc *giả* cá nhân hóa. Với người bị nội tại định hướng vẫn còn tồn tại ở giai đoạn này thì khuynh hướng đúng hơn với họ lại là hệ thống hóa và đạo đức hóa dòng ngôn từ này.

Các tiến triển này, đối với rất nhiều người, đưa đến thay đổi về những con đường dẫn tới thành công và đưa đến đòi hỏi cần phải có hành vi "xã hội hóa" hơn, để vừa có thành đạt vừa có thích nghi trong đời sống hôn nhân và cá nhân. Gắn liền với những chuyển biến như vậy là những đổi thay về gia đình và về thói quen nuôi dạy con cái. Trong các gia đình ít người hơn ở đời sống thành thị, và cùng với lối chăm sóc con cái theo kiểu "nuông chiều" lan tràn ra ngày một nhiều tầng lớp dân cư hơn, có một sự nới lỏng các khuôn mẫu kỷ luật cũ. Theo các mô thức mới hơn này, nhóm ngang hàng (tức nhóm bạn cùng tuổi và cùng tầng lớp) trở nên quan trọng hơn nhiều đối với trẻ, trong khi cha mẹ lại làm nó cảm thấy có lỗi không phải vì nó vi phạm các chuẩn mực nội tại mà chủ yếu vì nó không được nhiều người ưa thích hay không tự biết lo liệu lấy các mối quan hệ với bọn trẻ khác. Hơn nữa, những áp lực từ trường học và nhóm ngang hàng được tăng cường và duy trì - theo cách có những nghịch lý nội tại mà tôi sẽ bàn sau - bằng phương tiện truyền thông đại chúng: phim ảnh, radio, truyện tranh và văn hóa đại chúng nói chung. Trong hoàn cảnh như vậy xuất hiện các kiểu tính cách mà ở đây chúng ta sẽ gọi là do ngoại tại định hướng, hay bị định hướng bởi ngoại tại. Phần lớn bàn luận trong các chương sau sẽ dành cho những kiểu tính cách này. *Cái chung cho tất cả những người ngoại tại định hướng là: những người cùng thời sẽ là nguồn định hướng cho cá nhân anh ta - đó hoặc là những người anh ta quen biết [trực tiếp] hoặc là những người anh ta quen gián tiếp, qua bạn bè và qua phương tiện truyền thông đại chúng. Tất nhiên nguồn này sẽ được "nội tại hóa" [internalized] theo nghĩa là sự phụ thuộc vào dẫn dắt của nó đã được trồng cấy vào anh ta từ khi còn nhỏ. Các mục tiêu mà người kiểu ngoại tại định hướng cố gắng hướng tới thay đổi tùy theo sự dẫn dắt đó: chỉ có bản thân quá trình cố gắng này, cùng với quá trình chú ý sít sao đến các tín hiệu từ người khác, là thứ không thay đổi trong suốt cuộc đời.* Cách thức luôn tiếp xúc với người khác cho phép một sự

tuân thủ hành vi chặt chẽ, không phải nhờ rèn luyện trong chính hành vi, như ở kiểu tính cách bị truyền thống định hướng, mà đúng hơn là nhờ một sự nhạy cảm đặc biệt trước những hành động và mong ước của người khác.

"Người khác" này là ai, đấy là điều rất quan trọng: dù họ là những người gần gũi trực tiếp bao quanh cá nhân này hay một vòng bao quanh "cao hơn" hay những tiếng nói nặc danh của truyền thông đại chúng; dù là cá nhân sợ sự thù địch của những người quen biết tình cờ hay chỉ của những ai "đáng tính đến". Nhưng nhu cầu của anh ta muốn có được sự tán thành và dẫn dắt từ người khác - mà đấy là người khác cùng thời chứ không phải cha ông - vượt xa ngoài các lý do khiến hầu hết mọi người ở mọi thời hết sức quan tâm đến điều người khác nghĩ về mình. Mặc dù đôi khi ai cũng muốn và cần được ai đó thích, nhưng chỉ những kiểu ngoại tại định hướng *hiện đại* mới lấy đó làm nguồn dẫn dắt chính và lĩnh vực nhạy cảm chính cho mình.[92]

Có lẽ mãnh lực không bao giờ biết thỏa của nhu cầu tâm lý cần có sự tán thành [từ ngoại giới] này là cái phân biệt người Mỹ thuộc giai tầng trung lưu lớp trên ở các thành thị lớn, những người mà chúng ta xem là ngoại tại định hướng, với chính các kiểu tương tự từng xuất hiện ở các kinh đô, giữa các tầng lớp khác trong các giai đoạn lịch sử trước, dù là ở thành Quảng Châu,[93] châu Âu thế kỷ 18 và 19, hay ở Athens, Alexandria cổ đại, hay Rome cổ đại. Trong hết thảy những nhóm này, xu thế không chỉ thống trị như một thứ thay thế cho đạo đức và phong tục, mà chính một xu thế thay đổi nhanh chóng mới là thứ có ảnh hưởng thống trị. Nó làm như vậy được là vì, tuy phương tiện truyền thông đại chúng [hồi đó] hãy còn sơ khai, song nhóm tương ứng với giai tầng trung lưu lớp trên Mỹ thì tương đối nhỏ, trong khi cấu trúc nhóm tinh hoa [elite structure] thì cực kỳ mạnh mẽ. Chẳng hạn, có thể biện luận rằng một bản tạp chí *The Spectator* ở cuối thế kỷ 18 nhắm vào lượng độc giả tiềm năng một cách triệt để hơn tờ tạp chí *The New Yorker* ngày nay. Trong các tiểu thuyết Anh, Pháp và Nga thế kỷ 18 và 19, chúng ta thấy chân dung của kiểu người điều hành ở các cấp cao trong bộ máy công chức và họ phải sẵn sàng trước những tín hiệu thay đổi nhanh chóng. Stepan Arkadyevitch Oblonsky trong tiểu thuyết Anna Karenina[94] là một trong những điển hình đáng yêu hơn và ít xu thời hơn, đặc biệt ấn tượng nhờ cách Tolstoy đặt anh ta tương phản với Levin, một người kiểu nội tại định hướng và ưa giáo huấn. Tại bất cứ bữa dạ tiệc nào Stepan đều chứng tỏ kỹ năng xã hội xuất sắc; kỹ năng chính trị của anh ta như được mô tả trong trích dẫn sau đây cũng rất giàu tính xã hội:

> *Stepan Arkadyevitch đặt mua dài hạn và đọc một tờ báo có tư tưởng tự do, không phải một tờ cực đoan, mà tờ bênh vực các quan điểm được số đông ủng hộ. Và mặc dù khoa học, nghệ thuật và chính trị không có ý nghĩa đặc biệt đối với chàng, chàng một mực giữ các quan điểm đó về mọi*

chủ đề được số đông và tờ báo của chàng ủng hộ, và chàng chỉ đổi quan điểm khi số đông đổi - hay, nói chính xác hơn, chàng không đổi quan điểm, mà những quan điểm này đã tự thay đổi một cách khó thấy bên trong chàng.

Stepan Arkadyevitch không chọn ý kiến hay quan điểm chính trị của mình; mà các ý kiến và quan điểm chính trị tự đến với chàng, cũng như chàng không chọn kiểu mũ hay áo choàng, mà chỉ dùng những cái đã sờn. Và với chàng, sống trong một xã hội nào đó - do nhu cầu, thường phát triển ở tuổi biết suy xét, để có một mức độ sinh hoạt tinh thần nào đó - thì việc có quan điểm duy là cái không thể thiếu được, như có cái mũ. Nếu có một lý do cắt nghĩa vì sao chàng thích các quan điểm tự do hơn bảo thủ, cái cũng được nhiều người trong giới chàng ủng hộ, thì lý do đó không bắt nguồn ở chỗ chàng xem chủ nghĩa tự do sáng suốt hơn, mà là do nó phù hợp với lối sống của chàng hơn… Và thế là chủ nghĩa tự do đã trở thành một thói quen của Stepan Arkadyevitch, nên chàng thích tờ báo của chàng, như chàng thích điếu xì gà sau mỗi bữa ăn tối, vì làn khói nhẹ từ điếu thuốc lan tỏa trong não.

Stepan, mặc dù thói hùa theo đám đông khá dễ thương làm anh ta có vẻ giống như một người Mỹ trung lưu hiện đại, lại không hẳn là kiểu ngoại tại định hướng. Chỉ riêng thói hùa theo đám đông này thôi, không có đôi chút nhạy cảm với người khác trong tư cách cá thể và như một nguồn dẫn dắt, thì chưa phải là đặc điểm chính để phân loại. Đúng vậy, chúng ta phải phân biệt người Mỹ thế kỷ 19 - dù anh ta được Tocqueville, Bryce và những người khác thấy là thích giao du đàn đúm và phụ thuộc vào dư luận - với người Mỹ kiểu ngoại tại định hướng ngày hôm nay, một người Mỹ mà trong tính cách là có khả năng hơn và để tâm hơn đến việc duy trì mối giao tiếp nhiệt tình với người khác cả lúc làm việc lẫn khi vui chơi. Điểm này cần được nhấn mạnh, vì sự khác biệt này dễ bị hiểu lầm. Người nội tại định hướng, đôi khi có được một mức độ độc lập tương đối trước dư luận, trước điều hàng xóm láng giềng nghĩ về anh ta, nhưng trong hầu hết trường hợp họ lại rất quan tâm đến tiếng tốt cho bản thân và, ít ra ở Mỹ là như vậy, lo sao "ai tám lạng thì mình cũng nửa cân". Song, những thứ tuân thủ này, chủ yếu là bên ngoài, tiêu biểu ở những tiểu tiết như quần áo, màn cửa, thẻ tín dụng ngân hàng. Vì quả thực, những tuân thủ phải theo một chuẩn mực, bằng chứng cho chuẩn mực này được những "người ưu tú nhất" trong môi trường của ta đưa ra. Ngược với khuôn mẫu này, người ngoại tại định hướng, dù dán mắt nhìn người thành đạt, nhưng lại quyết tâm không thua kém họ không hẳn ở các chi tiết bên ngoài mà ở phẩm tính kinh nghiệm bên trong của anh ta. Tức là, khả năng nhạy cảm cao giúp anh ta giao tiếp với người khác trên nhiều bình diện hơn là những thứ bề ngoài như dáng vẻ hay sở hữu. Lý tưởng độc lập hay lòng nương tựa nơi Chúa không thôi thì chưa thể sửa đổi lại cái mong muốn của anh ta là trông chờ ở

người khác - cả những "tay cừ" cũng như những người ưu tú nhất - để được hướng dẫn xem nên tìm kiếm những kinh nghiệm nào và diễn giải kinh nghiệm ấy ra sao.

Đối chiếu ba kiểu. Một cách để thấy những khác biệt về cấu trúc đặc trưng cho ba kiểu này là nhìn ra khác biệt trong sự trừng phạt hay kiểm soát cảm xúc ở từng kiểu.

Người do truyền thống định hướng cảm thấy ảnh hưởng từ nền văn hóa của mình như một đơn vị, nhưng lại được trung gian dàn xếp qua một số nhỏ những cá nhân cụ thể mà anh ta tiếp xúc hằng ngày. Những người này không mong chờ thấy anh ta phải là một kiểu người nào đó bằng mong chờ thấy anh ta hành xử theo kiểu đã được công nhận. Do vậy, biện pháp trừng phạt đối với hành vi sẽ có chiều hướng là nỗi sợ bị *hổ thẹn*.

Người do nội tại định hướng từ nhỏ đã gắn trong mình một con quay hồi chuyển tâm lý do cha mẹ anh ta khởi động nên sau đó có thể đón bắt tín hiệu từ những uy quyền khác giống như cha mẹ anh ta. Anh ta sống đời mình không độc lập được như vẻ bề ngoài, mà tuân theo sự hướng dẫn bên trong này. Chệch hướng, dù là để đáp ứng lại những thôi thúc nội tại hay những tiếng nói thay đổi thất thường của người cùng thời, có thể dẫn đến cảm giác *có lỗi*. Vì phương hướng phải theo đuổi trong cuộc đời đã được học riêng ở nhà từ một số nhỏ những người dìu dắt, và vì những nguyên tắc - chứ không phải các chi tiết hành vi - đã được nội tại hóa, nên người kiểu nội tại định hướng có khả năng đạt sự ổn định lớn. Nhất là khi hóa ra bạn bè anh ta cũng có những con quay hồi chuyển, quay cùng vận tốc và được điều khiển theo cùng hướng. Nhưng nhiều cá nhân kiểu nội tại định hướng có thể vẫn ổn định ngay cả khi không có sẵn sự chấp thuận xã hội trợ lực - như trong cuộc đời chính trực của người Anh có địa vị sống cách biệt ở các xứ nhiệt đới.

Tương phản với kiểu như vậy, người do ngoại tại định hướng học cách phản ứng lại các tín hiệu từ một nhóm rộng lớn hơn nhóm gồm có cha mẹ anh ta. Gia đình không còn là một đơn vị khép kín mà anh ta thuộc về nữa mà chỉ là một phần trong môi trường xã hội rộng lớn hơn mà anh ta đã sớm để tâm. Ở các khía cạnh này người do ngoại tại định hướng giống người do truyền thống định hướng: cả hai sống trong một môi trường nhóm và không có khả năng tự xoay xở một mình của người do nội tại định hướng. Tuy nhiên, tính chất của môi trường nhóm lại khác nhau hoàn toàn ở hai trường hợp. Người kiểu ngoại tại định hướng là người theo chủ nghĩa thế giới. Với anh ta lằn ranh giữa cái quen thuộc và cái xa lạ - một biên cương phân định rõ trong các xã hội phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng - đã đứt rời. Khi gia đình liên tục hấp thụ cái xa lạ và tự uốn nắn lại mình, thì cái xa lạ cũng trở thành cái thân thuộc. Trong khi người kiểu nội tại định hướng có thể "thoải mái ở xứ người" vì anh ta tương đối ít nhạy cảm với người khác, thì người do ngoại tại định

hướng, trong một nghĩa nào đó, lại thoải mái dễ chịu ở bất cứ đâu mà cũng chẳng thoải mái dễ chịu ở nơi nào cả, anh ta có khả năng thân thiết và đáp ứng lại lẹ làng - nếu không muốn nói là đôi khi hời hợt - với bất cứ ai.

Người bị truyền thống định hướng đón bắt tín hiệu từ người khác, nhưng các tín hiệu này lại mang tính đơn điệu văn hóa; anh ta không cần phải có thiết bị thu tinh nhạy mới bắt được. Người do ngoại tại định hướng phải biết nhận tín hiệu xa gần; nguồn thì nhiều, biến trở thì nhanh chóng. Thế nên khi đó, cái có thể nội tại hóa không phải là một bộ quy tắc ứng xử mà là thứ thiết bị cầu kỳ cần có để dõi theo những thông điệp như vậy và để thỉnh thoảng tham gia truyền đạt các thông điệp ấy. So với các kiểm soát chống lại tội lỗi và hổ thẹn, dù lẽ tất nhiên những thứ này vẫn còn tồn tại, cái đòn bẩy tâm lý quan trọng hàng đầu của người kiểu ngoại tại định hướng là nỗi lo âu lan tỏa. Thiết bị điều khiển này, thay vì giống một con quay hồi chuyển, lại giống một cỗ máy rađa. [95]

Trường hợp Athens. Liệu có thể nói cả các nền văn minh khác, như Do Thái, Hy Lạp và La Mã cổ đại, vào các giai đoạn nối tiếp nhau trong sự phát triển dân số-sinh tồn, có đặc trưng là truyền thống định hướng, nội tại định hướng và ngoại tại định hướng hay không? Rất có thể tình trạng dân số thế giới tăng vọt từ khoảng năm 1650 - và do vậy mà có đường đồ thị tăng dân số chữ S - là duy nhất trong lịch sử nhân loại và là hệ quả của một kiểu (công nghiệp hóa) hoàn toàn mới về kinh tế, công nghệ và tổ chức xã hội. Dù sao, thực tế là mọi xã hội đều có một hình thức tổ chức nào đó và một "công nghệ" nào đó, cho dù là nghi thức phi khoa học nhất, sẽ cấu thành bằng chứng cho thấy đã có một nỗ lực, ít nhiều thành công, làm giảm tỷ lệ chết và cải thiện mức sống cao hơn mức sống đơn thuần tồn tại như loài vật. Và một khảo cứu mang tính thăm dò về đế chế Athens đã gợi mở rằng cả ở đó cũng có thể thấy rõ mối tương quan giữa tăng dân số và tính cách xã hội của kiểu mà chúng ta vừa mô tả dành cho phương Tây gần đây.[96]

Bằng chứng hiếm hoi chúng ta có được cho xu hướng tăng dân số lâu dài ở đế chế này phải lấy từ những nghiên cứu kiên trì của các nhà nhân khẩu học ngày nay và từ nhận xét của các tác giả Hy Lạp cổ đại. Sử thi của Homer đã mô tả một xã hội bất ổn trong đó định chế tư hữu đã phá vỡ tổ chức cộng đồng truyền thống định hướng là bộ lạc, bào tộc, thị tộc. Các cải cách triệt để trong canh tác đất đai, có được nhờ định cư liên tục ở một nơi, đã nâng cao mức sống, và như một hệ luận, mở đầu một giai đoạn tăng dân số sẽ tiếp diễn trong vài thế kỷ. Chế độ tư hữu, sự lớn mạnh của một nền kinh tế trao đổi, và sự thừa kế tài sản phụ hệ đã khuyến khích tập trung của cải và tạo ra bất bình đẳng kinh tế - xã hội. Một sự phân tầng xã hội ba giai cấp đã thẩm nhập vào tổ chức truyền thống, không chỉ nới lỏng kiểm soát của thị tộc đối với các thành viên mà còn khuyến khích những cá nhân có địa vị kinh tế giống nhau từ các

bộ lạc và bào tộc khác nhau liên kết lại. Các biện pháp cải cách của Solon[97] và những người khác trong nhiều thế hệ nối tiếp nhau cũng hàm ý rõ ràng là một số cá nhân và gia đình thành công hơn người khác rất nhiều trong việc đạt được các mục tiêu kinh tế mới là sự nhàn rỗi và giàu có về vật chất.

Trong vòng 500 năm sau khi nhà nước Athens ra đời, hình như đã tồn tại một nền kinh tế "biên thùy" bành trướng, một phần nhờ khai thác các nguồn tài nguyên trong nước, thông qua cải tiến kỹ thuật và định chế nô lệ, nhưng phần nhiều hơn là nhờ chinh phục các giống dân khác và gộp của cải của họ vào nền kinh tế quốc nội. Người ta rất có thể viện dẫn những thái độ đang thay đổi đối với gia đình và nuôi dạy con cái như là dấu hiệu của kiểu nội tại định hướng trong giai đoạn này; chẳng hạn, các luật lệ tăng cường tự do cho cá nhân, các cải tổ quan trọng cho phép tự do chuyển nhượng tài sản và khởi tố tội nhân bởi một "bên thứ ba"; sự nhân rộng các cơ hội có được việc làm sinh lợi trong thương mại, nông nghiệp và công nghiệp; dòng người từ nông thôn đổ ra thành thị; nhiệt tình thám hiểm và chinh phục; và mối quan tâm ngày càng tăng đối với tư biện triết học và khoa học.

Sang thế kỷ 5 thì đế quốc Athens đạt đến đỉnh cao quyền lực; người Hy Lạp trong giai đoạn này đã quen với ý niệm dân cư bành trướng. Cả Plato lẫn Aristotle đều chủ trương thuyết dân số ổn định. Hai thế kỷ sau chúng ta thấy rằng vấn đề đã thay đổi hoàn toàn, nỗi lo tăng dân quá mức đã được nỗi lo giảm dân thế chỗ. Polybius, viết vào thế kỷ 2, tuyên bố rằng dân Hy Lạp đang tuyệt diệt vì tục giết trẻ sơ sinh. Điều này rõ ràng là nói quá; tục giết trẻ sơ sinh chỉ giới hạn chủ yếu trong các giai tầng thượng lưu và trung lưu lớp trên, như biện pháp ngừa thai ngày nay. Tuy nhiên, nó lại chỉ ra chiều hướng tiến tới chỗ hạn chế quy mô gia đình bằng biện pháp nhân tạo và gợi ý rằng dân số [thời đó] đã đạt đến giai đoạn không chỉ chớm giảm mà quả thực đã giảm. Khi dân cư bành trướng bắt đầu đạt đến đỉnh thì đó chính là lúc chúng ta thấy xuất hiện các hình thái xã hội dường như biểu thị sự hiện diện của phương thức tuân thủ kiểu ngoại tại định hướng.

Lấy ví dụ, định chế tẩy chay, được đưa ra như một biện pháp ngăn ngừa sự chuyên quyền, vào thế kỷ 5 đã trở thành một thứ vũ khí ghê gớm của dư luận, được sử dụng tùy tiện như một phương tiện bảo đảm tuân thủ thị hiếu và kéo ghì xuống những chính khách, nhà biên kịch và diễn giả có tài năng vượt trội. Ngoài ra, dân thường còn tạo ra một đám đông chỉ điểm "thường xuyên buộc tội những người tài giỏi hơn và có ảnh hưởng nhất ở Athens, hòng bắt họ phải gánh chịu sự đố kỵ của đám đông". Trong *The Jealousy of the Gods and Criminal Law in Athens* (Sự đố kỵ của thần linh và hình luật ở Athens), Svend Ranulf đã bàn cặn kẽ tầm ảnh hưởng và sự phát triển của "khuynh hướng dửng dưng giáng hình phạt", điều này, dựa trên một nỗi lo âu lan tỏa theo kiểu tính cách, hẳn có thể mô tả là uy thế của một "nhóm ngang hàng" toàn năng.

Hết thảy những điều này đi kèm với sự giảm sút nghĩa vụ kiểu nội tại định hướng đối với lĩnh vực chính trị. Dù nhiều tác giả tỏ vẻ trọng vọng "nền dân chủ" Athens thế kỷ 5, ta vẫn phải thấy lạ trước sự thờ ơ của dân chúng biểu quyết. Cái mà trước đây là một đặc quyền không dễ có cho các tầng lớp dưới - dự đại hội công dân hay đại hội quần chúng - thì trong thời phe dân chủ cầm quyền đã thành một nghĩa vụ. Nhiều biện pháp trừng phạt khác nhau được đưa ra để bảo đảm số đại biểu cần thiết theo quy định; và khi những biện pháp này cũng không xong nữa thì "quyền bầu cử" sẽ trở thành một nghĩa vụ nộp tiền cho nhà nước.

Ở điểm này trong lịch sử đế chế Athens chúng ta có một khu vực rất thuận lợi để tiến hành nghiên cứu và phân tích tường tận hơn; rõ ràng, những nhận xét này không làm gì hơn là gợi mở một số vấn đề sẽ thích hợp cho nghiên cứu như vậy. Tương tự, các vấn đề của La Mã dưới thời Augustus trị vì gợi ý sự xuất hiện và lên ngôi của kiểu tính cách ngoại tại định hướng khi dân cư đạt đến giai đoạn chớm giảm. Sự du nhập một ngôn ngữ thơ ca mới hợp thức hóa tầm quan trọng của các trạng thái cảm xúc tinh tế của cá nhân, vậy nên trong tác phẩm chịu ảnh hưởng Alexandria của các thi nhân như Catullus, và có lẽ cả Gallus, có thể chứng minh những chuyển dịch hướng tới kiểu ngoại tại định hướng trong các giai cấp chiếm ưu thế.

Một số sự dè dặt cần có. Hạn chế của ngôn ngữ khiến tôi phải nói cứ như thể tôi xem các xã hội bao giờ cũng tìm được cách sản sinh ra thứ tổ chức xã hội và các kiểu tính cách họ cần để sinh tồn. Giả định như vậy, trong khi làm nổi bật hình ảnh một thực thể riêng biệt là "xã hội", đặt ra một số đòi hỏi cho con người và kiểm nghiệm nhiều quá trình khác nhau, lại có thể sẽ đưa một mục đích luận tùy tiện vào vấn đề thay đổi xã hội. Thực tế là dường như chỉ do thuần túy "tình cờ" mà một phương thức nào đấy trong hàng bao nhiêu phương thức bảo đảm sự tuân thủ dựa theo tính cách có thể tồn tại trong một xã hội nhất định. Những phương thức nào đã bảo tồn thành công một xã hội cố kết thì được truyền lại một cách vô thức như khi chúng nảy sinh; nhưng do thành công lịch sử của mình mà các phương thức này còn lại đến nay cho ta nghiên cứu và điều tra, dường như có một lực lượng mang tính mục đích luận nào đó, phục vụ cho lợi ích của xã hội, đã đề xuất ra phương thức thành công - hay khá thành công - để bảo đảm sự tuân thủ. Thế nhưng chúng ta phải công nhận rằng có những xã hội quả thực đã tan rã và chấm dứt tồn tại mặc dù có những phương thức xem chừng thành công hầu bảo đảm cho sự tồn tại mãi mãi của tính cách xã hội. Vì lẽ đó, dường như các xã hội có thể tiếp tục chịu đựng những căng thẳng và rạn nứt lớn, cả những xung khắc trầm trọng giữa tính cách xã hội và các đòi hỏi của xã hội, mà không đi đến chỗ lụn bại và tan rã hoàn toàn.

Chúng ta cũng không nên đánh giá quá cao vai trò của tính cách trong quá

trình xã hội. Chẳng hạn, chưa phải là một lý giải đầy đủ khi nói, như một số người đã nói, rằng quân Đức đoàn kết vì "người Đức" có tính cách độc đoán, bởi lẽ trong thực tế những quân đội có kiểu tính cách rất đa dạng cũng đoàn kết trong hoàn cảnh chiến đấu và điều kiện tiếp tế nhất định. Cũng không ổn khi giả định, như những người khảo sát thái độ Mỹ thỉnh thoảng vẫn giả định, là một số công việc chỉ có thể hoàn thành bởi một phạm vi hạn hẹp các kiểu tính cách: rằng chúng ta cần những nhân viên bán hàng và nhà quản trị có tính cách "môi miệng", tức "hướng ngoại" hay "lấn át" ("oral"), cần các nhà hóa học và kế toán có tính cách "hậu môn", tức "hướng nội" hay "kỹ tính" ("anal"). [98] Thực ra, người thuộc các kiểu khác nhau cơ bản có thể tự thích nghi để thực hiện khá thỏa đáng đủ loại nhiệm vụ phức tạp. Hay nói khác đi về cùng một sự việc, các định chế xã hội có thể khai thác hàng loạt động cơ thúc đẩy khác nhau, bắt nguồn từ các kiểu tính cách khác nhau, để thực hiện các công việc gần như cùng loại mà xã hội đòi hỏi. Nhưng tất nhiên, nói như vậy không có nghĩa rằng tính cách chỉ là một nhân tố mờ nhạt trong lịch sử, như một tinh thần nào đó kiểu Hegel. Tính cách sẽ ảnh hưởng đến phong cách và những hao tổn đầu óc để hoàn thành những công việc mà, trong phân tích kinh tế hay chính trị, xem ra gần hệt như nhau.

Do vậy chúng ta buộc phải tính đến khả năng là người ta có thể bị buộc phải hành xử theo một cách mặc dù cấu trúc tính cách của họ thúc giục họ hành xử theo cách ngược lại. Xã hội có thể biến chuyển nhanh chóng hơn tính cách, hoặc ngược lại. Quả thực, độ chênh giữa hành vi do xã hội đòi hỏi và hành vi tương hợp tính cách là một trong những đòn bẩy quan trọng để thay đổi. Thật may là chúng ta không biết có xã hội nào như xã hội mà Aldous Huxley rầu rĩ mường tượng ra trong *Brave New World* (Thế giới tân kỳ), nơi các kiểu tính cách xã hội hết sức hài lòng với vai trò xã hội của mình và như thế, trừ phi là tình cờ, sẽ không có biến chuyển xã hội nào.

Cuối cùng, cần phải chỉ ra rằng các kiểu tính cách xã hội là những khái niệm trừu tượng. Đúng là những khái niệm trừu tượng này nhắc đến con người cụ thể, đang sống, nhưng để đạt tới các khái niệm trừu tượng ấy, như chúng ta thấy ở đầu chương này, trước tiên cần phải trừu tượng hóa từ cá thể thực để ra "cá tính" của anh ta, rồi từ đó trừu tượng hóa ra "tính cách" của anh ta, cuối cùng lại từ đó trừu tượng hóa ra cái yếu tố chung tạo nên "tính cách xã hội".

Thật ra, độc giả tinh ý có thể đã nhận ra rằng trong bản chất của tình huống này không thể có chuyện một xã hội hay một người hoàn toàn phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng, nội tại định hướng, hay ngoại tại định hướng: mỗi phương thức tuân thủ này đều phổ quát, và vấn đề ở đây bao giờ cũng là vấn đề mức độ mà một cá nhân hay một nhóm xã hội nương tựa vào cơ cấu này hay cơ cấu khác trong ba cơ cấu có sẵn. Do vậy, nếu tất cả loài người đều do nội tại định hướng, thì theo nghĩa là, được người lớn hơn nuôi dạy, họ đã có

được và nội tại hóa một số định hướng bền vững từ người lớn. Và ngược lại, nếu ai ai cũng đều do ngoại tại định hướng, thì với nghĩa là họ định hướng theo các kỳ vọng của những người ngang hàng và theo "tình hình thực tế" (Kurt Lewin) hay "sự xác định tình hình" (W.I Thomas) mà những người ngang hàng này bất cứ lúc nào cũng có thể giúp tạo ra.[99]

Hơn nữa, vì mỗi người chúng ta đều có khả năng đi theo từng phương thức trong ba phương thức tuân thủ này, nên một cá nhân có thể sẽ thay đổi, trong suốt đời anh ta, từ phụ thuộc nhiều hơn vào một tổ hợp các phương thức này sang phụ thuộc nhiều hơn vào một tổ hợp khác (mặc dù khó có khả năng xảy ra sự thay đổi tình thế này một cách triệt để, ngay cả khi hoàn cảnh khuyến khích họ làm). Vì trừ phi cá nhân điên hoàn toàn - mà thực ra, họ không bao giờ điên hoàn toàn - họ sẽ vừa thiết lập ra các tín hiệu trong môi trường xã hội của mình vừa tập trung để ý đến những tín hiệu này. Do vậy, nếu một cá nhân chủ yếu là kiểu ngoại tại định hướng được đặt trong một môi trường không có nhóm ngang hàng, anh ta có thể phải viện đến các kiểu định hướng kia. Tương tự như vậy, rõ là không có cá nhân nào, và chắc chắn không có xã hội nào, từng tồn tại mà không dựa nhiều vào truyền thống, tuy rằng có thể điều này xem ra bị che lấp bởi những thay đổi xu thời.

Điều quan trọng là phải nhấn mạnh những chồng chéo đan xen của các kiểu khác nhau này phần nào bởi vì những đánh giá giá trị mà độc giả có thể gắn với từng kiểu riêng biệt. Bởi hầu hết chúng ta đều đánh giá cao tính độc lập nên chúng ta có thể sẽ thích kiểu nội tại định hướng hơn và bỏ sót không thấy hai điều kia. Thứ nhất, cơ cấu con quay hồi chuyển cho phép người kiểu nội tại định hướng có vẻ độc lập hơn nhiều so với thực tế: anh ta là kẻ tuân thủ theo người khác chẳng kém người bị ngoại tại định hướng, song những tiếng nói anh ta lắng nghe là từ xa xăm hơn, của một thế hệ xưa hơn, những gợi ý của họ đã được nội tại hóa ở anh ta từ tấm bé. Thứ hai, như vừa được chỉ ra, kiểu tuân thủ này chỉ là một cơ chế, dù chiếm ưu thế hơn, của kiểu nội tại định hướng: chẳng phải là anh ta thiếu nhạy cảm - như tính cách đặc trưng của anh ta - đối với những gì các bạn ngang hàng nghĩ về anh ta, thậm chí anh ta còn có thể mang tính cơ hội ở mức cao nhất. Do vậy, anh ta không cần phải nhất nhất phản ứng lại người khác như thể họ chỉ là những người thế vai cha mẹ anh ta. Đúng hơn, vấn đề là ở chỗ, so với người kiểu ngoại tại định hướng, anh ta có phần ít để tâm đến chuyện liên tục nhận được từ người cùng thời (hay kẻ thế vai họ: truyền thông đại chúng) một luồng những hướng dẫn, kỳ vọng và tán thành.

Cho phép tôi nhắc lại: các kiểu tính cách và xã hội bàn đến trong cuốn sách này là các *kiểu*: chúng không tồn tại trên thực tế, mà là một cấu trúc, dựa trên một chọn lọc những vấn đề lịch sử nào đó để nghiên cứu. Bằng cách dùng nhiều kiểu hơn, hay các kiểu phụ, ta có thể xét đến nhiều dữ kiện hơn (hay

cũng có thể là những dữ kiện ấy thôi nhưng bớt dữ dội hơn!), nhưng các cộng sự của tôi và tôi thích làm việc với số lượng giàn giáo tối thiểu; từ đầu đến cuối, trong khi tìm cách dùng một tập hợp các đặc trưng có liên quan với nhau để mô tả cả một xã hội lẫn các cá thể điển hình của nó, chúng tôi đã tìm kiếm các đặc điểm nối liền hai thứ này lại với nhau mà lờ đi những khía cạnh hành vi khác - thường là nổi bật - những thứ có vẻ không liên quan đến công việc của chúng tôi.

II. Cuộc giao tranh tính cách học

Chúng ta có thể mường tượng mấy trăm năm qua trong lịch sử Tây phương theo kiểu một trình tự kế tiếp nhau dần dần đi đến chỗ mỗi một kiểu trong hai kiểu sau đây chiếm ưu thế. Kiểu truyền thống định hướng nhường chỗ cho kiểu nội tại định hướng, rồi kiểu nội tại định hướng nhường chỗ cho kiểu ngoại tại định hướng. Những biến đổi về kiểu xã hội và kiểu tính cách, lẽ đương nhiên, không thình lình xảy ra. Trong một nền văn hóa nhất định ta có thể thấy các nhóm đại diện cho mọi giai đoạn trên đường đồ thị dân số, thì chúng ta cũng có thể thấy đủ loại thích nghi tính cách với riêng từng giai đoạn. Sự hòa trộn này còn đa dạng hơn nữa vì sự di cư của các dân tộc, vì chủ nghĩa đế quốc, và vì các tiến hóa lịch sử khác liên tục ném con người thuộc các cấu trúc tính cách khác nhau lại với nhau, những người mà nói một cách ẩn dụ là "hẹn hò" nhau từ các điểm khác nhau trên đường đồ thị dân số.

Các kiểu tính cách này, như các địa tầng trong địa chất hay khảo cổ, cái nọ chồng lên cái kia, đây đó có chỗ các kiểu chìm bên dưới trồi lên. Một lát cắt xã hội tiêu biểu vào bất cứ thời điểm nào cũng làm bộc lộ các kiểu tính cách trước đó cũng như các kiểu tính cách sau đó, kiểu tính cách trước biến đổi do sức ép bị nhấn chìm bởi kiểu tính cách sau. Kiểu truyền thống định hướng có vẻ chiếm ưu thế ở Mỹ La tinh, Nam Âu nông nghiệp, châu Á và châu Phi. Các kiểu nội tại định hướng có vẻ nổi trội ở vùng nông thôn và thị trấn nhỏ ở Hoa Kỳ và Canada, ở Tây Bắc châu Âu, và trong một chừng mực nào đó ở Trung Âu. Người ta nhận thấy một cuộc vận động năng nổ nhằm du nhập mẫu hình nội tại định hướng ở Đông Âu, Thổ Nhĩ Kỳ và một số nơi ở châu Á. Người ta cũng nhận thấy các kiểu ngoại tại định hướng bắt đầu chiếm ưu thế trong các trung tâm đô thị ở Hoa Kỳ và, đáng ngờ hơn, các kiểu này xuất hiện trong các thành phố lớn ở Tây Bắc châu Âu. Kiểu sau cùng và mới nhất này đang tràn ra đến các vùng mà nội tại định hướng vẫn còn thắng thế, ngay khi kiểu nội tại định hướng đang tràn vào các vùng chưa bị chinh phục nơi các kiểu truyền thống định hướng vẫn còn dai dẳng bám trụ.

Một quan điểm như vậy có thể giúp chúng ta hiểu các cấu trúc tính cách Mỹ. Ở Mỹ vẫn còn có thể thấy các nhóm dân quê miền Nam, người da đen và người da trắng nghèo, đang ở trong giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số - và đây

chính là nơi chúng ta tìm kiếm tàn dư của các kiểu truyền thống định hướng. Tương tự, người nhập cư vào Mỹ từ các vùng nông thôn và thị trấn nhỏ ở châu Âu mang theo tỷ lệ sinh sản và khuôn mẫu tính cách của họ đến các thành phố lớn cũng như đến vùng đồng quê của Mỹ. Trong một số trường hợp những người này đã và đang buộc phải, trong một thế hệ, nhảy từ một xã hội trong đó truyền thống định hướng là phương thức chủ đạo bảo đảm tính tuân thủ, sang một xã hội mà kiểu ngoại tại định hướng là phương thức chủ đạo. Cú nhảy thường gặp hơn cả được thực hiện trong hai thế hệ: người nông dân chuyển sang kiểu nội tại định hướng; rồi con cái họ liền nhảy một cú sang kiểu ngoại tại định hướng.

Sự trộn lẫn người thuộc các kiểu tính cách khác nhau, cũng như thuộc các chủng tộc và tôn giáo khác nhau, là kết quả của công nghiệp hóa và thuộc địa hóa, diễn ra khắp nơi trên thế giới. Các kiểu tính cách đã có thể thích nghi tốt với hoàn cảnh của mình lại thấy mình chịu áp lực từ các kiểu mới hơn, thích nghi tốt hơn. Họ có thể đành cam chịu một địa vị phụ thuộc. Hoặc họ có thể bị các mục tiêu mới hiện ra trước tầm mắt lôi cuốn và thậm chí có thể còn mưu cầu những mục tiêu này mà không buồn tìm hiểu các phương tiện do văn hóa quy định để đạt được chúng.

Chẳng hạn, các kiểu nội tại định hướng trong môi trường nước Mỹ thành thị có thể bị buộc vào vị thế oán giận hay nổi loạn. Có thể họ không thích nghi được vì thiếu thiết bị thu thích hợp để bắt các tín hiệu rađa ngày càng chi phối thái độ và hành vi trong giai đoạn chớm giảm dân số. Có thể họ không chịu thích nghi vì lương tâm không chấp nhận cái mà tín hiệu truyền đạt. Hoặc họ có thể thấy thối chí bởi lẽ các tín hiệu, dù cũng khá mời gọi đấy, nhưng không có vẻ gì là dành cho họ. Điều này đúng, chẳng hạn, với các nhóm thiểu số có kiểu khuôn mặt hay màu da không được chấp thuận vào các vị trí lãnh đạo hay chuyên môn, hay trong thang bậc giá trị được trình bày trên phương tiện truyền thông đại chúng. Điều này cũng đúng cho những người mà tổ tiên của họ có sự tương hợp với người khác, nhưng cá tính họ, trong một số cách tế nhị, không có được sự uyển chuyển và nhạy cảm cần có đối với người khác.

Các nghiên cứu về thổ dân Mỹ cho thấy những sự tương tự đối với một số điều có thể đã xảy ra khi một kiểu tính cách cũ đang chịu áp lực từ một kiểu mới. Trong số trẻ con ở khu định cư dành riêng cho người da đỏ Sioux, như Erik H. Erikson mô tả, hình như có hai loại phản ứng lại văn hóa của người da trắng: một là phản kháng hằn học, hai là cái có thể gọi là phản kháng quy thuận. Hành vi loại thứ nhất, đối với nhà giáo dục da trắng, có vẻ không cải huấn được; của loại sau, gần như quá dễ thương, quá thiên thần. Trong cả hai trường hợp, vì ít nhất thì đứa trẻ cũng được sự tán thành ngầm của cha mẹ và người lớn Sioux khác, nên đứa trẻ giữ gìn được cái gì đó trong tính cách và truyền thống Sioux dù nó có ra mặt quy phục người da trắng hay không. Tuy

nhiên, cuộc xung đột sẽ rút cạn nội lực cảm xúc của đứa trẻ; nó thường có vẻ lười biếng. Cả đứa phản kháng và đứa có vẻ quy thuận đều thờ ơ trước văn hóa lẫn chính trị của người da trắng.

Tôi nghĩ rằng có hàng triệu người Mỹ kiểu nội tại định hướng cũng khước từ theo kiểu tương tự đối với các giá trị bắt nguồn từ ưu thế ngày càng tăng của các kiểu ngoại tại định hướng. Sự oán giận của họ có thể có ý thức và nói ra thành lời. Cũng như với người Sioux, sự oán giận này nhận được sự ủng hộ về mặt văn hóa vừa từ những vị lão làng [sống và nghĩ theo nếp cũ], vừa từ ký ức lâu đời về quá khứ vẫn còn sống động với mọi người trong các vùng nông thôn và thị trấn nhỏ. Quá khứ này tiếp nối trong những câu chuyện kể của các cụ già và các bài xã luận trên báo chí thôn quê, chưa bị thanh âm cảnh sắc thị thành xóa sạch. Vì vậy mà lòng oán giận có thể bộc lộ và giành thắng lợi ở địa phương trước những đại diện cho các kiểu ngoại tại định hướng. Thế nhưng, "những kẻ giáo huấn", như về sau chúng ta sẽ gọi họ, không cảm thấy an tâm - ảnh hưởng nặng nề của đời sống thành thị bên ngoài chống lại họ - và nỗi oán giận trong họ đanh lại cho đến khi những kẻ kiểu nội tại định hướng còn sót lại này bất quá chỉ là những bức biếm họa về tổ tiên mang tính cách của họ vào cái thời các vị ấy còn thống trị.

Một nhóm thứ hai mang tiềm năng phản kháng và oán giận là dân di cư đến Mỹ vốn thuộc kiểu truyền thống định hướng đang dần biến mất - dân di cư cả từ các thuộc địa của Mỹ: Puerto Rico, vùng cực Nam Hoa Kỳ, lẫn từ thuộc địa ngày trước như Philippines, từ Mexico, Ý và phương Đông. Những người này khó tìm được sự yểm trợ văn hóa hơn ngõ hầu chống lại sự thay đổi cưỡng bức từ các tín hiệu gọi là "Mỹ hóa". Người da trắng nghèo ở miền Nam hay người da đen nghèo chuyển đến sống ở miền Bắc không phải học một ngôn ngữ mới, nhưng anh ta thường mất gốc cũng chẳng kém người nước ngoài di cư đến đây. Trang phục và cung cách của dân mặc đồ zoot[100] là một ví dụ đáng thương cho sự gắng gỏi kết hợp lối lịch sự thị thành với sự cự tuyệt đầy hằn học không chịu bị áp đảo hoàn toàn bởi các chuẩn mực kiểu nội tại định hướng, vốn là văn hóa chính thức trong các trường công lập ở thành phố.

Một kiểu oán giận tương tự có thể tìm thấy ở thợ khai thác mỏ, thợ rừng, nhân công trang trại và một số công nhân nhà máy thành thị. Như trong nhiều xã hội khác, sự chán ghét ra mặt của những người lao động này đối với nền văn hóa chủ đạo đi kèm với một cảm giác khinh bỉ đầy nam tính đối với những cung cách thành thị vốn hòa nhã hay mềm mỏng. Những người này có những huyền thoại đầy cao ngạo của mình cũng như người Sioux có những câu chuyện về chàng cao bồi chăn bò và về quá khứ thiện chiến của mình. Chúng ta buộc phải hỏi tất cả những nhóm này có thể sẽ chết dần chết mòn đến mức độ nào, như những đồng bào Sioux của họ, một khi kiểu ngoại tại định hướng tràn xuống những nấc thấp hơn trong hệ thứ bậc giai cấp và lan ra khỏi các

khu đô thị lớn. Không có một "căn cứ địa" nào, một khu bảo tồn nào, những người này có quyền lựa chọn, nếu quả thực họ có quyền lựa chọn, giữa một bên là không cửa không nhà còn một bên là nhanh chóng thích nghi và chuyển sang các giá trị ngoại tại định hướng.

"Cuộc giao tranh tính cách học" không chỉ tiếp diễn nội trong một đất nước duy nhất và bên trong các nhóm ở nước đó, các nhóm đứng ở những điểm khác nhau trên đường đồ thị tính cách và dân số. Toàn thể những quốc gia trong giai đoạn chớm giảm dân số cũng cảm thấy bị đe dọa vì áp lực dân số và sự bành trướng từ các nước khác đang trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp, và còn vì những nước phương Đông khổng lồ vẫn đang trong giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số. Những căng thẳng quốc tế này, diễn ra trong một vòng luẩn quẩn, giúp duy trì, trong các nước chớm giảm dân số, những kiểu tính cách nội tại định hướng cùng với tâm lý thiếu thốn của họ, vốn thích hợp trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp trước đó. Do vậy, bản danh sách các kiểu tính cách phù hợp với một xã hội dư dật - một xã hội mà con người mơ ước hàng thế kỷ - bị trì hoãn lại về mặt lịch sử, và khoảng trống cách biệt giữa cấu trúc tính cách và các khả năng tiềm tàng của cấu trúc kinh tế vẫn còn đó.

Có thể bày tỏ nhiều thái độ khác nhau đối với khoảng cách biệt này. Một thái độ sẽ, bởi vì có thể hay thậm chí rất có thể xảy ra thêm một cuộc Thế chiến nữa - lần này giữa hai cường quốc trên thế giới phân cực rất cao - khiến cho việc bàn đến thời đại dư dật, các kiểu tính cách của nó và các vấn đề thấy trước của nó gần như là việc vô nghĩa lý. Hay có thể đi đến chính kết luận ấy bằng một con đường khác, với lập luận rằng việc bàn về sự dư dật ở Mỹ khi mà đói kém và khốn khổ vẫn là số phận của hầu hết nông dân và nhiều cư dân thành thị trên thế giới thực ra là một việc vô luân, nếu không nói là phi thực tế về mặt chính trị. Đây là những vấn đề có thực. Nhưng tôi muốn chỉ ra về vấn đề thứ nhất - sự sắp xảy ra và tính cố hữu của chiến tranh - rằng ở một mức độ không đáng kể, các dân tộc, như những kẻ loạn thần kinh chức năng, tự chuốc lấy những nguy cơ mà họ hằng bị ám ảnh, những nguy cơ mà, thay cho sức sống thật và sự lớn mạnh thật, giúp cấu trúc nên đời sống họ; mặc dù rõ ràng là quyết định có chiến tranh hay không chẳng phải tùy thuộc vào một mình Hoa Kỳ. Còn về vấn đề thứ hai, tôi thấy hình như đem cảnh nghèo khổ của thế giới ra làm lý lẽ bác lại suy luận tư biện về cảnh dư dật có thể có thì thực ra là giúp kéo dài chính tâm lý thiếu thốn, cái tâm lý mà, vốn bắt nguồn từ trong nghèo khổ, đã duy trì mãi sự nghèo khổ. Nếu bị đẩy tới tận cùng phi lý, lý lẽ này sẽ ngăn không cho ai đó được nắm quyền lãnh đạo các vấn đề nhân sinh ngoại trừ những người nghèo khổ nhất. Mặt khác, những ai khá giả hơn có thể không được coi là mẫu mực không chỉ vì sự thừa thãi mà còn vì sự thất vọng. Trái với tình trạng phổ biến ở thế kỷ 19, tính bi quan đã trở thành thứ gây nghiện, và cơ hội nhỏ nhoi hầu tránh được những nguy cơ rõ ràng

đang đe dọa thế giới như vậy càng trở nên nhỏ nhoi hơn nữa vì chúng ta dùng những mối đe đọa này để hợp lý hóa sự cam chịu và chủ nghĩa khổ hạnh của mình.

Về cơ bản, tôi nghĩ Godwin[101] "phi thực tế" lại là người đúng, khi ngược với đối thủ lớn của mình là Malthus, ông cho rằng một ngày nào đó chúng ta sẽ có thể trồng lương thực cho cả thế giới trong một chậu hoa. Về mặt công nghệ mà nói thì chúng ta gần như đã có những chậu hoa ấy rồi.

CHƯƠNG II
Từ đạo đức đến tinh thần: sự thay đổi trong các tác nhân hình thành tính cách

Hỏi: Bà có nghĩ thầy cô nên phạt bọn trẻ vì chúng trang điểm không?

Đáp: Có chứ, tôi nghĩ là nên phạt, nhưng hãy hiểu, tôi là một người mẹ tân tiến và dù nghiêm khắc với con gái, tôi vẫn tân tiến. Anh biết đấy, anh không thể phạt con cái quá nghiêm khắc, nếu không chúng sẽ nghĩ anh nhỏ mọn và những đứa trẻ khác cũng sẽ nói với chúng rằng anh thật nhỏ mọn.

Trích từ một bài phỏng vấn

Các đồ thị dân số và cấu trúc kinh tế chỉ là một phần trong sinh thái học hình thành tính cách. Xen vào giữa chúng và tính cách xã hội được tạo nên là các tác nhân con người trong quá trình hình thành tính cách: cha mẹ, thầy cô, bạn bè và những người kể chuyện. Họ là những người truyền giao di sản xã hội, có ảnh hưởng lớn đối với cuộc đời của trẻ em, do đó cũng ảnh hưởng lớn đến toàn xã hội. Bởi vì trẻ em sống ở mặt sóng của các giai đoạn dân số nối tiếp nhau và là những cá thể dễ uốn nắn cho phù hợp phần nào với tính cách xã hội tương lai. Trong chương này ta sẽ xem xét vai trò đang thay đổi của cha mẹ và thầy cô trong quá trình hòa nhập xã hội cho lớp trẻ ở từng giai đoạn trong ba giai đoạn dân số. Chương III sẽ xem xét chức năng hòa nhập xã hội của nhóm ngang hàng. Chương IV sẽ bàn về sự thay đổi trong vai trò của những người kể chuyện, hay phương tiện truyền thông đại chúng, theo cách gọi hiện nay.

Trong phần này ta sẽ tập trung vào sự chuyển biến từ hình thái nội tại định hướng sang hình thái ngoại tại định hướng như phương thức bảo đảm tuân thủ căn bản trong giai tầng trung lưu đồ thị Mỹ. Tuy nhiên, tiếp theo ta cần xem xét qua những xã hội mà ở đó phương thức bảo đảm tuân thủ căn bản là hình thái truyền thống định hướng; và bởi các hình thái truyền thống định hướng vốn chỉ đóng một vai trò rất thứ yếu ở Mỹ, tôi sẽ lấy ví dụ từ xã hội thời nguyên thủy và trung đại. Khi so sánh các phương pháp hòa nhập xã hội, ta sẽ thấy các hình thái mới hơn có gì mới - và đặc biệt hình thái ngoại tại định hướng có gì mới.

I. Những thay đổi trong vai trò của cha mẹ

Có một khuynh hướng trong lĩnh vực nghiên cứu xã hội hiện nay, chịu ảnh hưởng của phân tâm học, nhấn mạnh quá mức và kết luận vội vàng về tầm quan trọng của thời thơ ấu trong sự hình thành tính cách. Ngay trong giai đoạn đầu đời, đôi khi người ta dồn sự chú ý gần như chỉ mang tính kỹ thuật

vào các mẹo nuôi dạy trẻ như: lịch ăn uống và rèn trẻ đi vệ sinh đúng giờ. Quan điểm hàm chứa trong sự chú trọng này hóa ra lại là một nhận định vừa lạc quan vừa bi quan. Lạc quan vì dường như nó cho rằng các thay đổi đơn giản mang tính máy móc trong cách đào tạo của cha mẹ sẽ biến đổi sâu sắc tính cách của con cái. Cùng lúc nó lại bi quan bởi thừa nhận rằng một khi đã tới, chẳng hạn như, giai đoạn cai sữa, cấu trúc tính cách của đứa trẻ đã định hình đến mức nếu không có sự can thiệp sâu về mặt tâm thần học, những sự kiện xảy ra sau đó sẽ không có mấy tác dụng ngoài việc giúp bộc lộ những chiều hướng đã ổn định.

Song, càng ngày người ta càng nhận ra là tính cách có thể biến đổi ghê gớm sau thời thơ ấu và rằng các tác nhân văn hóa ngoài cha mẹ cũng có thể đóng vai trò quan trọng. Các nền văn hóa khác biệt nhau không chỉ ở sự phân định thời điểm của các bước trong quá trình hình thành tính cách mà còn ở các tác nhân chi phối trong từng bước. Mỗi giai đoạn lịch sử mới trên đường đồ thị dân số đều được đánh dấu bằng sự gia tăng tuổi đời và thời gian hòa nhập xã hội - tức là giai đoạn trước khi đứa trẻ đảm nhiệm hoàn toàn vai trò kinh tế và xã hội của người trưởng thành. Đồng thời, trách nhiệm đặt lên các tác nhân hình thành tính cách tồn tại bên ngoài gia đình, thị tộc hay làng xã cũng gia tăng.

VAI TRÒ CỦA CHA MẸ Ở GIAI ĐOẠN TRUYỀN THỐNG ĐỊNH HƯỚNG

Trong các xã hội phụ thuộc vào truyền thống định hướng, trẻ em có thể được chuẩn bị để đảm trách vai trò người trưởng thành từ rất sớm. Những vai trò dành cho người trưởng thành gần như không đổi từ thế hệ này sang thế hệ khác, và ngoài việc rèn luyện kỹ năng thủ công và mang tính kỹ thuật, thường là với cường độ cao, thì cuộc sống trưởng thành cần tới rất ít hướng dẫn phức tạp đòi hỏi phải sử dụng văn bản. Trẻ em từ rất sớm đã bắt đầu học cách hành xử như người đã trưởng thành chỉ bằng cách quan sát người lớn quanh mình. Trong giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số, sẽ có rất đông trẻ em noi theo một số ít người trưởng thành như là các hình mẫu của chúng. Thông thường, trẻ em sống trong các gia đình lớn. Những việc người lớn làm rất đơn giản nên lũ trẻ có thể nắm bắt, đơn giản đến mức chúng thường có thể hiểu và bắt chước ngay cả khi tay chân chưa đủ khéo léo để tham gia một cách trọn vẹn. Sự trưởng thành về mặt xã hội hỗ trợ cho sự trưởng thành về mặt sinh học. Tuy nhiên đối với nhiều trường hợp, vai trò sinh học trong đời sống người trưởng thành thực ra không mấy xa lạ với trẻ vị thành niên, bởi những trò chơi thuở nhỏ và thói tò mò vốn ít được kiểm soát, nên lũ trẻ sớm biết được điều cần biết về tình dục và những chức năng khác của người lớn - bất chấp những điều bí ẩn mang tính nghi thức có thể vẫn tồn tại nhằm chứng tỏ quyền năng của người lớn và sự yếu đuối của trẻ nhỏ.

Khuôn mẫu của sinh hoạt vật chất là yếu tố quan trọng trong bối cảnh này. Các ngôi nhà thông thường chỉ có một phòng, trong sinh hoạt không có tường

để ngăn cách các nhóm tuổi tác cũng như nhu cầu dị biệt của từng nhóm. Hộ gia đình thường cũng là các đơn vị kinh tế; đàn ông không đến cơ quan hay nhà máy - và anh ta không đi đâu xa. Mọi người thời ấy vẫn chưa lo việc tiết kiệm thời gian đến mức cảm thấy lũ trẻ là mối phiền toái; thực ra, rất có thể họ cảm thấy mình chẳng khác mấy so với lũ trẻ.

Ngoài ra, các xã hội trong giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số còn mang đặc điểm là mức độ di động xã hội[102] rất thấp. Cha mẹ dạy con cái kế nghiệp họ hơn là "thành đạt" kiểu vươn lên trong hệ thống xã hội. Bất cứ giai tầng xã hội cụ thể nào cũng tuân theo thứ bậc tuổi tác, nên một cá nhân rồi sẽ đến lúc nổi lên như mẩu gỗ bần trong nước: đó chỉ là vấn đề thời gian, và bản thân anh ta không cần phải thay đổi nhiều từ *bên trong*.

Thực ra các nhóm thuộc giai tầng trên trong một xã hội như vậy trưởng thành nhanh không kém gì các nhóm thuộc giai tầng dưới; những vai trò mà trẻ em ở cả hai giai tầng xã hội này phải học chỉ khác nhau đôi chút ở sự phức tạp. Tuy vậy, so với các giai tầng dưới, thì mức cá thể hóa cao hơn thường xảy ra ở các giai tầng trên vào thời điểm lịch sử sớm hơn - ví dụ như vào thời Trung đại, các nhà quý tộc, nghệ sĩ lang thang và tu sĩ thường gần với mẫu nội tại định hướng hơn là với mẫu truyền thống định hướng của nông dân. Trong khi việc đào tạo các cá nhân lãnh đạo hiển nhiên có phần tốn thời gian hơn và tính cách của họ được cá thể hóa nhiều hơn, thì lớp trẻ ở tất cả các cấp xã hội lại nhanh chóng đảm nhận vị trí trong công việc, lễ nghi và vai trò sinh sản.

Tóm lại: tổ chức đóng vai trò chính yếu trong sự hình thành tính cách ở các xã hội phụ thuộc vào truyền thống định hướng là đại gia đình và thị tộc hay nhóm bao quanh gia đình. Các hình mẫu để bắt chước thường được gộp thành nhóm người trưởng thành nói chung chứ không chỉ giới hạn gồm cha mẹ. Cái được bắt chước là hành vi và những phẩm tính cụ thể như lòng can đảm hay sự khôn khéo. Đứa trẻ đang lớn không phải đương đầu với vấn đề lựa chọn những điều quá khác biệt so với những điều mà người lớn hơn phải đối mặt theo như nó quan sát thấy; và sự khôn lớn của trẻ được quan niệm như một quá trình trở thành một người hiểu biết truyền thống già dặn hơn, và vì vậy mà khôn ngoan hơn.

VAI TRÒ CỦA CHA MẸ Ở GIAI ĐOẠN NỘI TẠI ĐỊNH HƯỚNG

Tính cách và di động xã hội. Với sự bắt đầu của giai đoạn tăng trưởng chuyển tiếp trên đường đồ thị dân số, di động xã hội và di động địa lý có nhiều cơ hội để diễn ra hơn. Con người bắt đầu đi tiên phong trên những lĩnh vực mới: sản xuất, xâm chiếm thuộc địa và khám phá trí tuệ. Điều này tuy chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến một nhóm thiểu số, nhưng xã hội với nhóm sơ cấp[103] làm trung gian không còn tuyên bố rõ ràng người ta phải làm thế nào thì mới là hành xử mẫu mực. Đúng hơn, đứa trẻ đang khôn lớn sẽ mau chóng nhận thức

được có nhiều loại phong tục đối nghịch lẫn nhau - những con đường đời đối nghịch lẫn nhau - mà về nguyên tắc, đứa trẻ được tự do chọn lựa. Dù dòng dõi và gốc gác xã hội gần như vẫn mang tính định đoạt đối với phần lớn mọi người, một chân trời rộng lớn hơn chất chứa những triển vọng và nhu cầu cần đến một tính cách có thể theo đuổi các mục tiêu tổng quát và được xác định trừu tượng hơn. Một tính cách như vậy, bằng động lực của chính mình, phải tạo được các phương thức đặc thù thích hợp nhằm đạt đến những đích chung ấy.

Các mục tiêu và lý tưởng được áp đặt và minh họa cho trẻ dựa trên nền tảng những mục tiêu và lý tưởng của cha mẹ chúng, chắc chắn là khác biệt, với một bên là con người thế tục tự tin thời Phục hưng, tự hào về bản tính cá nhân và tự do thoát khỏi những trói buộc cũ, và bên kia là con người khắc kỷ kính Chúa, tuân thủ lương tri và âu lo về sự cứu rỗi linh hồn.[104] Dù vậy, cả hai loại người đó đều rất đông đảo, cùng chịu sự thúc đẩy nội tại, và đều có khả năng tiên phong. Cuối cùng, một xã hội có nhiều cá nhân chịu ảnh hưởng bởi sự thúc đẩy nội tại - cùng nhắm tới các giá trị về bản chất là có hạn như của cải và quyền lực - sẽ chứa đựng trong mình một động lực thay đổi từ chính các lực lượng cạnh tranh mà nó tạo ra. Thậm chí những cá nhân vốn chẳng màng đến việc tranh giành địa vị cao hơn cũng phải làm vậy để không bị tụt hậu trong hệ thống xã hội đã mở rộng hơn và bớt nặng nề về phân chia thứ bậc theo tuổi tác và dòng dõi.

Tất cả những khuynh hướng trên được củng cố thêm khi các vai trò trở nên phức tạp hơn cùng với sự phát triển phân công lao động. Sự tăng tốc của quá trình phân công lao động đồng nghĩa với sự gia tăng số lượng trẻ không còn lấy cha mẹ ra làm hình mẫu. Hiện tượng này đặc biệt đúng với nam giới; ở phương Tây, hiện tượng chuyển biến tính cách dường như đã xảy ra với đàn ông trước tiên. Cho đến gần đây thôi, những người bà và người mẹ vẫn có thể rèn luyện cho các con và cháu gái vai trò của người phụ nữ mà chỉ đơn thuần dựa theo truyền thống. Trong bộ phim *House of Strangers* (Ngôi nhà của những người xa lạ), tay chủ nhà băng gốc Ý - cũng giống như Giannini[105] hay Ponzi[106] - lớn lên từ môi trường dân nhập cư và sớm lìa bỏ khỏi khuôn mẫu của ông cha, đặt ra cho mình những mục tiêu đầy tham vọng như quyền lực và tiền bạc mà anh ta tin là tiêu biểu cho một người Mỹ chính gốc, trong khi đó vợ anh ta lại là mẫu phụ nữ trung thành với những lề thói của truyền thống định hướng vốn chi phối nền tảng tuổi thơ của mình.

Trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp, mặc dù các bậc phụ huynh không thể chắc chắn về vai trò lao động của người trưởng thành cũng như không thể biết được phương cách sống của con cái mình sau này sẽ ra sao, việc tuân thủ vai trò lao động không thể bị phó mặc cho may rủi và chủ nghĩa cơ hội hành vi. Để sở hữu động lực cần thiết nhằm thực hiện được các vai trò mang tính thách thức và trong tương lai sẽ còn thách thức hơn nữa, cần để tâm nhiều

hơn đến việc đào tạo tính cách. Nhất là ở các nước theo đạo Tin Lành, đào tạo tính cách đã trở thành một phần quan trọng trong giáo dục, mặc dù dĩ nhiên điều này không có nghĩa hầu hết phụ huynh đều ý thức rõ được rằng họ cần đào tạo những đứa trẻ có thể đáp ứng các yêu cầu mới của xã hội.

Hiện tượng di động xã hội tăng cao tạo ra một hoàn cảnh mới hàm ý rằng trẻ em phải thường xuyên được hòa nhập xã hội theo phương cách không phù hợp với vai trò của cha mẹ, nhưng lại phù hợp cho những vai trò vẫn chưa được xác định rõ ràng. Có thể huấn luyện cho bồ câu bay về nhà, nhưng đứa trẻ theo nội tại định hướng thì phải được dạy để rời xa khỏi gia đình, với đích đến còn chưa rõ; lẽ tự nhiên là nhiều trẻ sẽ gặp số phận của Icarus.[107] Cái động lực thấm nhuần trong đứa trẻ là: phải sống xứng đáng với lý tưởng cũng như thử thách khả năng tự lực cánh sinh bằng những thử nghiệm liên tiếp với tính tự chủ - thay vì tuân theo truyền thống.

Đào tạo tính cách như một nhiệm vụ có ý thức của cha mẹ. Trong xã hội phụ thuộc vào truyền thống định hướng nhằm bảo đảm sự tuân thủ, phần nhiều nỗ lực của cha mẹ hướng tới mục đích làm sao để trẻ không trở thành mối phiền toái cho thế giới trưởng thành; và nhiệm vụ này thường xuyên được giao lại cho các anh chị hay người lớn khác. Đứa trẻ chẳng mấy chốc hiểu ra rằng tuân thủ hành vi là cái giá để được yên thân, và thế là nó học cách xoa dịu - hay ít ra cũng tránh gây bực mình - những người quanh nó. Mặt khác, phụ huynh theo nội tại định hướng đòi hỏi nhiều hơn ở con cái, cũng như họ đòi hỏi nhiều hơn ở chính bản thân. Họ làm được như vậy là vì, khi không còn phải chung sống với một đại gia đình là tập hợp của nhiều thế hệ, họ có thể chú tâm chăm sóc và quản lý con cái chặt chẽ hơn. Không bằng lòng với mức độ tuân thủ hành vi đơn thuần, họ còn yêu cầu con cái làm theo những đòi hỏi khắt khe hơn, ở đây tuân thủ được coi như bằng chứng cho tính cách lành mạnh và kỷ luật tự giác. Đặc biệt, các bậc cha mẹ theo Thanh giáo còn không ngừng đánh giá con cái cũng như bản thân nhằm tìm kiếm các dấu hiệu được chọn lựa lên thiên đường, tức là dấu hiệu cứu rỗi do Chúa Trời định đoạt. Cùng với quá trình thế tục hóa, những dấu hiệu này dần chuyển thành dấu hiệu báo trước cho sự di dộng xã hội - chúng là những dấu hiệu cho thấy khả năng "vươn lên", nhưng không phải từ địa ngục lên thiên đàng, mà là trên nấc thang địa vị. Một mặt, cha mẹ tìm kiếm các dấu hiệu về sự thất bại tiềm tàng - cuộc truy tìm nảy sinh phần nào từ mặc cảm tội lỗi và mối khắc khoải âu lo về chính bản thân. Mặt khác, cha mẹ tìm kiếm ở con cái những dấu hiệu của tài năng - tài năng thì không được để lãng phí.

Và như vậy, bắt đầu quá trình trong đó cha mẹ kèm cặp con cái quá mức gắt gao, điển hình như trường hợp của John Stuart Mill,[108] người khi chưa lên mười đã học các tác phẩm kinh điển và viết những khảo luận dài dưới ánh mắt sốt sắng của người cha. Ngay cả khi các bậc phụ huynh thông thường không có

ý thức giáo dục như James Mill,[109] họ cũng có thể áp đặt những đòi hỏi của mình lên con cái một cách vô thức đơn thuần chỉ bằng thái độ ép buộc, lo âu và nghiêm khắc quá mức. Bởi vậy, người kiểu nội tại định hướng thường rất khó khởi phát được những mối quan hệ xã giao. Đầu tiên là vì anh ta quá chú trọng đến những mối bận tâm của bản thân và do vậy không muốn phí thời gian; và vì bớt tốn thời gian vào những việc không cần thiết, anh ta tránh được lo âu và ưu tư về bản thân. Thứ đến, mối quan hệ của anh ta với mọi người, bao gồm cả con cái anh ta, được dàn xếp qua nhu cầu thường trực vốn định hình trong tính cách là thử thách và rèn giũa bản thân.

Xét theo tính cách điển hình thời Phục hưng-Cải cách mà chúng ta gọi là nội tại định hướng, tại các nước La tinh quá trình nói trên bớt căng thẳng hơn so với vùng theo đạo Tin Lành hay giáo phái Jansen ở phía Bắc, và ở miền Bắc thì trong cộng đồng Luther giáo hay Anh giáo, quá trình đó lại bớt căng thẳng hơn so với các giáo phái Calvin và Pietism. Tuy vậy, hễ nơi đâu hình thái nội tại định hướng đạt được ảnh hưởng khá chắc chắn trong một nhóm lớn thuộc tầng lớp trung lưu, thì việc sản xuất ra những cấu trúc tính cách cho thế hệ kế tiếp ngày càng được hợp lý hóa, tương tự như việc sản xuất trong một nền kinh tế hướng ngoại. Trong cả hai trường hợp, nhiệm vụ sản xuất không phải lệ thuộc vào sự phê chuẩn của nhóm bên ngoài cũng như không do tính bức bách của hoàn cảnh mà được cài đặt như một động lực tự thân, cũng vì thế mà những nguồn năng lượng to lớn được giải phóng liền nhắm tới cải tạo môi trường vật chất, xã hội, trí tuệ và hướng tới biến cải bản thân.

Những dàn xếp xã hội và thứ bậc trong đời sống của tầng lớp trung lưu làm cho đứa trẻ khó có thể nhìn thấu bản chất, chứ đừng nói đến việc thoát khỏi, những áp lực phải trở thành mẫu nội tại định hướng đang dồn lên nó. So với căn nhà một gian của người nông dân hay "nhà dài" của nhiều bộ lạc nguyên thủy, đứa trẻ lớn lên giữa bốn bức tường là biểu tượng vật chất cho sự cai trị riêng của cha mẹ nó. Không chỉ phân cách cha mẹ với con cái, văn phòng với nhà ở, những bức tường còn khiến trẻ khó có thể, nếu không nói là không thể, phê phán những mệnh lệnh của cha mẹ bằng một cái nhìn "vạch trần" về cha mẹ mình hay các bậc cha mẹ khác. Trong nhiều trường hợp lời cha mẹ nói còn trở nên thực hơn so với điều họ làm - sự đào tạo thiết yếu cho một xã hội trong đó ngôn từ ngày càng trở nên quan trọng như một phương tiện thảo luận, hướng dẫn và kiểm soát. Cuộc chuyện trò giữa cha mẹ và con cái, bị gián đoạn vì khoảng cách xã hội vốn chia cách họ, được đứa trẻ tiếp tục với chính bản thân nó lúc chỉ có một mình.

Nếu so với thời đại trước ta sẽ thấy, chính áp lực ép lên quá trình hòa nhập xã hội thông qua việc giáo dục con cái quá mức nghiêm khắc là tác nhân kéo dài giai đoạn hòa nhập xã hội của trẻ. Freud đã mô tả rất hay tình trạng này trong khái niệm về cái siêu ngã luôn luôn canh chừng ngay trong đầu như một

cơ quan đảm trách nhiệm vụ hòa nhập xã hội được gắn sẵn vào đứa trẻ, theo nó suốt cuộc đời với những huấn thị liên tục được đổi mới. Khái niệm này, dù ít thành công hơn khi áp dụng vào các xã hội khác, lại có vẻ phù hợp với tầng lớp trung lưu trong suốt thời hoàng kim của hình thái nội tại định hướng ở phương Tây. Thậm chí có thể nói cấu trúc tính cách của người nội tại định hướng bao gồm sự đối đầu giữa siêu ngã, bản ngã và tự ngã.[110] Theo một lối nói rập khuôn phổ biến thì trẻ được "dạy dỗ" hơn là được "yêu thương"; và ngay cả khi đã rời khỏi mái ấm gia đình, chúng vẫn tiếp tục dạy dỗ chính bản thân. Trẻ có chiều hướng cảm thấy tính cách của mình cần phải được trau giồi suốt cả cuộc đời. Thói quen ghi nhật ký có thể coi là một dấu hiệu quan trọng của tính cách mới và được xem như một nghiên cứu hoạt động nội tâm theo thời gian mà cá nhân dùng để ghi lại cùng lúc đánh giá thành quả của mình ngày này qua ngày khác. Đó là bằng chứng cho thấy sự khác biệt giữa cái tôi hành xử và cái tôi giám sát.

Thoát ly khỏi gia đình. Khi đứa trẻ đang khôn lớn tiếp nhận từ cha mẹ trách nhiệm tự giám sát và đào luyện tính cách, nó đã có thể sẵn sàng đối mặt và thích ứng với những hoàn cảnh lạ lẫm. Quả thực, nếu người đó vươn lên trong hệ thống thứ bậc sự nghiệp ngày một phức tạp đúng vào giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp hoặc tiến tới nhiều lĩnh vực khác đang rộng mở, anh ta sẽ nhận thấy mình có thể linh động điều chỉnh hành vi của mình mà không cần phải thay đổi tính cách. Anh ta có thể thiết lập sự cách biệt giữa hành vi và tính cách bởi lẽ anh ta đã là cá nhân sở hữu mức độ ý thức tự giác mới.

Nhận thức trên về cái tôi là nguyên nhân và hệ quả của việc lựa chọn không còn được tự động cung cấp - hay, đúng hơn, bị loại trừ - bởi bối cảnh xã hội của nhóm sơ cấp. Trong những hoàn cảnh mới, mỗi cá nhân phải quyết định xem anh ta cần làm gì và làm gì với chính bản thân. Ngoài gia đình hay thị tộc mình ra, cảm giác về trách nhiệm tự thân, rằng anh ta quan trọng với tư cách một cá thể, khiến anh ta trở nên nhạy cảm với các tín hiệu phát ra từ lý tưởng anh ta đã nội tại hóa. Nếu lý tưởng, như ở người Thanh giáo, là làm người "tốt", hay như với đứa trẻ thời Phục hưng, là trở nên "vĩ đại", thì cá nhân phải làm gì để thực thi được huấn thị đó? Và làm sao cá nhân biết mình đã làm tròn những đòi hỏi khó khăn tự đặt ra cho bản thân? Như Max Weber và R.H Tawney đã nhìn thấu trong mô tả của họ về người Thanh giáo, sẽ chẳng có mấy thanh thản cho những người tự đặt cho bản thân những câu hỏi như vậy.

Bầu không khí gò bó trong những gia đình thiên về nội tại định hướng - thiếu vắng sự nuông chiều và khoan dung trong cung cách cha mẹ đối xử với con cái - khiến cho trẻ bị quen cô độc và không vững vàng trước những vấn đề và hoàn cảnh xã hội mà nó có thể phải đối mặt sau này. Nói đúng hơn, tính cách của trẻ sẽ khiến nó chỉ thấy thoải mái trong môi trường nào tương tự như gia đình mình, có thể nói tính cách đứa trẻ sẽ trở nên khắt khe và nó phải rất

cố gắng để tự chủ.

Ta có thể nói, phụ huynh theo nội tại định hướng đã cài đặt và khởi động một con quay hồi chuyển tâm lý vào con mình; con quay này được chế tạo dựa theo tiêu chuẩn của riêng họ và của những người khác có thẩm quyền; nếu đứa trẻ gặp may, người điều khiển sẽ không quay con quay quá nhanh (nguy cơ gây ra chứng loạn thần kinh) hoặc quá chậm (nguy cơ là những thất bại trong xã hội).

VAI TRÒ CỦA CHA MẸ TRONG GIAI ĐOẠN NGOẠI TẠI ĐỊNH HƯỚNG

Tính cách và sự di động xã hội. Trong giai đoạn chớm giảm dân số, các điều kiện cho sự tiến bộ biến đổi đáng kể.

Trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp, người kiểu nội tại định hướng có thể thấy trước các triển vọng trong ngành công nghiệp và thương mại cũng như làm việc với lòng hăng say và quyết tâm cần có bằng cách mở rộng biên giới mọi lĩnh vực. Các xã hội trong giai đoạn chớm giảm dân số lại không cần tới sự sốt sắng hay tính độc lập như vậy. Doanh nghiệp, chính phủ, giới chuyên môn đã trở nên quan liêu nặng nề, ví dụ điển hình nhất là ở Pháp. Những xã hội như vậy ngày càng dựa nhiều hơn vào thành phần bất kham còn lại của quy trình công nghiệp: những người vận hành máy móc. Dưới những hoàn cảnh nêu trên, di động xã hội vẫn tiếp tục tồn tại. Nhưng nó phụ thuộc vào việc người khác nghĩ gì về cá nhân hơn là cá nhân đó là gì và làm gì - phụ thuộc cả vào khả năng điều khiển người khác và khả năng để người khác điều khiển. Nhìn từ góc độ khác, khi cơ sở vật chất cơ bản của xã hội sắp được xây dựng, hay đúng hơn là khi việc xây dựng đó được quản lý và hoạch định theo khuôn khổ, những cá nhân kiểu ngoại tại định hướng sẽ dần có nhiều cơ hội ở những vị trí cao, bởi họ có khả năng nhìn ra những cơ hội dễ bị bỏ qua trong môi trường xã hội.[111] Ngay cả khi sự dư dật vật chất đã trở thành hiện thực nhờ khoa học tân tiến, người ta vẫn tiếp tục làm việc - và tạo ra việc làm - theo một nhịp độ phù hợp hơn so với giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp trước đó: khuynh hướng thúc đẩy tính di động xã hội đã ăn sâu trong tính cách của họ. *Nhưng sản phẩm được ưa chuộng giờ đây chẳng phải ghim dập hay máy móc, mà là cá tính.*

Về việc kết hợp kiểu tính cách ngoại tại định hướng và quan điểm kinh tế điển hình của một cá nhân, trước hết cần nhận thấy rằng trong quy trình sản sinh tính cách có tồn tại kiểu dị biệt hóa sản phẩm đặc trưng cho cạnh tranh độc quyền nói chung. Các nhà kinh tế học dùng thuật ngữ "dị biệt hóa sản phẩm" để chỉ nỗ lực của một công ty nhằm làm nổi bật sản phẩm không phải bằng giá cả mà bằng những khác biệt nhỏ nhưng vừa đủ, đi kèm với quảng cáo, mục đích là đưa sản phẩm của họ ra khỏi cuộc cạnh tranh giá cả trực tiếp với các sản phẩm tương tự. Vậy nên mới có loại thuốc lá điếu dài hơn các loại

khác một chút, có loại điếu thuốc hơi bèn bẹt, trong khi loại khác nữa thì có đầu lọc hay hộp đựng màu xanh lá. Những tạp chí như *Time* và *Newsweek* đều tham gia công cuộc dị biệt hóa sản phẩm. Các hãng chế tạo ô tô, tàu cao tốc, kem đánh răng… cũng làm điều đó, kể cả các chủ khách sạn và nhà quản lý trường đại học. Tương tự, những cá nhân đang tranh giành vị trí trong hệ thứ bậc của doanh nghiệp, chính phủ và các ngành chuyên môn đều cố dị biệt hóa tính cách bản thân (trái ngược hẳn với những kỹ năng thực tế họ sở hữu) - cùng lúc cố không đi chệch hướng quá xa, lấy ví dụ như chiếc Chrysler đời 1934.[112] Trong nghiên cứu này, khía cạnh xã hội của quy trình cạnh tranh được gọi là "dị biệt hóa biên tế" [marginal differentiation] sẽ được mở rộng để bao quát cả về con người, dịch vụ cũng như hàng hóa, và do vậy khác biệt với khái niệm có liên quan mà các nhà kinh tế học sử dụng.

Freud là người đầu tiên đặt ra cụm "hội chứng ái kỷ dựa trên những đặc thù nhỏ nhặt" [narcissism with respect to minor differences] để chỉ niềm kiêu hãnh mà các cá nhân, nhóm hay dân tộc biểu hiện mà chỉ dựa vào những đặc thù nhỏ nhặt nhằm phân biệt họ với các cá nhân, nhóm và dân tộc khác. Dị biệt hóa biên tế đôi khi chứa đặc tính của lòng kiêu hãnh hay của "ham muốn khác biệt do tự ái" [invidious distinction][113] là cụm từ do Veblen nghĩ ra. Nhưng hiện tượng tôi nhắc đến ở đây mang nhiều âu lo hơn là kiêu hãnh, là sự cạnh tranh úp mở hơn là đối đầu công khai; tính ái kỷ bị kìm nén, hay như ta thấy về sau, nó hòa trộn vào các yếu tố khác mạnh hơn nó.

Trong những điều kiện này, bậc phụ huynh nào - theo cung cách của hình thái nội tại định hướng - cố thúc ép khao khát theo đuổi các mục tiêu rõ ràng một cách kỷ luật vào tâm trí con mình, thì họ có nguy cơ khiến phong cách của đứa con bị loại khỏi thị trường tính cách. Lệnh định hướng của con quay hồi chuyển tâm lý không đủ linh hoạt để đứa trẻ nhanh chóng thích nghi được với những đòi hỏi về mặt tính cách, chính xác là bởi sẽ có những đối thủ cạnh tranh không bị gắn sẵn con quay hồi chuyển tâm lý. Do không dám biểu lộ hình ảnh hiện thực của bản thân và xã hội trước con cái, phụ huynh ở thời đại chúng ta chỉ có thể dạy bảo con trẻ làm hết sức mình, bất kể kết quả có là gì. Chuyện thế nào là làm hết sức mình lại không nằm trong tầm kiểm soát của cha mẹ mà trong tay nhà trường và nhóm ngang hàng, là những đối tượng sẽ giúp đứa trẻ xác định được vị trí của nó trong hệ thống thứ bậc. Nhưng ngay cả những đối tượng trên cũng chỉ có thể nhận định mơ hồ; những nguyên tắc chọn lọc từng hướng dẫn các cá nhân có tính cách nội tại định hướng giờ không còn áp dụng được nữa. Chẳng hạn, người ta sẽ phải thay đổi quan điểm về việc vươn lên trên nấc thang xã hội vì rõ ràng điều đó không còn hấp dẫn, nếu xét trên góc độ mong muốn cá nhân. Như một số khảo sát của tạp chí *Fortune* chỉ ra, người ta ưa thích một công việc ổn định và bảo đảm hơn là một công việc mạo hiểm kèm theo rủi ro cao. Vả lại, dùng cách nào mới có thể vươn lên giờ

không còn rõ ràng, ngay cả khi người ta muốn vươn lên, vì các mô hình thứ bậc cũ tan rã cùng với sự lớn mạnh của tầng lớp trung lưu mới, và chẳng dễ mà so sánh địa vị cao thấp giữa các hệ thứ bậc đang tồn tại. Một đại tá quân đội có "sánh ngang" với người đứng đầu một hiệp hội quốc tế không? Giáo sư vật lý so với phó giám đốc ngân hàng thì sao? Bình luận viên liệu có bằng giám đốc công ty dầu hỏa?

Ngày càng băn khoăn không rõ phải giáo dục con cái ra sao, các bậc phụ huynh quay sang tìm lời khuyên từ những người sống cùng thời; thậm chí họ trông chờ cả vào phương tiện truyền thông đại chúng; và như lời người mẹ được trích dẫn ở đầu chương này, về bản chất họ còn quay sang tìm lời khuyên từ chính con mình. Họ có thể nhất mực tuân theo một phương pháp giáo dục cứng nhắc nào đó. Thế nhưng, bởi chính những âu lo của bản thân, phụ huynh không thể giấu được con mình, sự thật là ảnh hưởng của họ lên con cái rất nhỏ và ảnh hưởng từ các nguồn khác mới là đáng kể. Dù có chỉ dạy con cái điều gì, thì cha mẹ cũng không tránh được việc truyền lại những âu lo dễ lây lan cho con mình. Họ củng cố phương pháp dạy dỗ này bằng cách tỏ ra hài lòng về đứa con - và qua đó, họ hài lòng với chính bản thân - khi đứa trẻ thành công.

Cố nhiên, phụ huynh theo nội tại định hướng thường chỉ "yêu thương" những đứa con thành đạt ngoài xã hội. Nhưng ít ra thì các tiêu chuẩn đánh giá sự thành đạt cũng khá rõ ràng. Ngược lại, đứa trẻ kiểu ngoại tại định hướng không chỉ đối mặt với đòi hỏi phải thành công mà còn cả vấn đề xác định thế nào mới là thành công. Đứa trẻ khám phá được rằng cả định nghĩa lẫn giá trị bản thân nó đều tùy thuộc vào những mối quan hệ xã hội mà nó sở hữu: trước hết là bạn học và thầy cô; sau nữa là bạn bè đồng lứa và các bậc bề trên. Phải chăng chính bản thân những mối quan hệ xã hội đó là sai lầm? Thế thì ai cũng có thể tự do chọn lựa "những mối quan hệ" ưa thích khác qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

Trong hoàn cảnh như vậy, bản thân sự ủng hộ, bất kể việc đó có là gì, gần như đã trở thành tiêu chuẩn độc nhất: ta thành công khi được mọi người ủng hộ. Do vậy toàn bộ uy quyền, chứ không phải một phần, đều nằm trong tay nhóm người ủng hộ dù nhóm đó có thực hay chỉ là tưởng tượng; và từ những phản ứng của cha mẹ, đứa trẻ học được rằng không gì trong tính cách của nó, không gì mà nó sở hữu, không sự thừa hưởng tên tuổi hay tài năng, không việc gì đứa trẻ làm được đánh giá vì chính bản thân điều đó, việc nào cũng chỉ được thẩm định dựa trên tác động của nó lên người khác. Thành công gần như đồng nghĩa với việc quen được nhiều bạn, hay ít nhất thì cũng phải là những người bạn đáng giao du. "Ai đã được ủng hộ, sẽ còn được ủng hộ nhiều hơn nữa."

Từ việc giáo dưỡng con cái đến việc "giáo dưỡng người cha". Đứa trẻ kiểu ngoại tại định hướng điển hình lớn lên trong một gia đình ít người ở các khu đô

thị san sát, hay một vùng ngoại ô. So với thời đại trước, người cha còn rời nhà đi làm xa hơn, xa đến mức không tiện về nhà ăn trưa. Hơn nữa, ngôi nhà không còn là nơi trú ẩn hoàn toàn riêng tư nữa. Khi quy mô cũng như không gian sống của gia đình thu hẹp và người ta dần bỏ lối sống chung với các thế hệ lớn tuổi như ông bà chú bác, đứa trẻ phải trực tiếp đối mặt với những căng thẳng về cảm xúc của cha mẹ. Trong hoàn cảnh này, đứa trẻ dần tăng nhận thức về cái tôi trong mối tương quan với mọi người xung quanh, nhất là bởi các bậc phụ huynh cũng ngày càng có ý thức hơn về điều đó.

Trong điều kiện kinh tế và xã hội mới, địa vị của trẻ được nâng lên. Chúng không phải chịu giai đoạn túng thiếu và khổ cực dẫn đến phải mơ ước về cuộc sống an nhàn và vui thú như một sự bù đắp. Không như ở các xã hội trước, con gái không còn đầu tắt mặt tối ở nhà, rồi đến tuổi dậy thì chúng bỗng nhiên được trao cho cái "vốn" duy nhất có thể tìm được - thân thể chúng - như một nguồn thu nhập để sống dựa vào, hay cạn đi như một nguồn vốn gốc. Cho đến gần đây, ngay cả con trai các gia đình sung túc cũng có khi phải ra đường đi giao báo lúc bình minh hay làm những việc vặt khác vì lợi ích kinh tế và nhằm "rèn luyện tính cách".

Các bậc phụ huynh không chỉ thiếu sự quyết đoán của kiểu nội tại định hướng thành công mà còn thiếu chiến lược rút lui mà nhiều kiểu nội tại định hướng thất bại vốn có sẵn. Sự biến mất của lòng tin cũ vào công việc và quan hệ xã hội làm xuất hiện lòng nghi ngờ về các phương pháp giáo dục con cái. Chưa hết, cha mẹ không còn cảm thấy mình vượt trội con cái. Trẻ em không còn tượng trưng cho giá trị kinh tế có thể nhanh chóng khai thác, chúng cũng không còn đông như trước, về số lượng chúng "khan hiếm" hơn so với người lớn: xét mặt khách quan, người ta có thể sinh bao nhiêu con tùy ý muốn và nuôi nấng tất cả cho đàng hoàng. Người ta đánh cược vào từng đứa con nhiều hơn so với trước kia - cái thời mà nhiều đứa không sống được cho đến khi trưởng thành. Ngoài ra, chưa nói tới việc con trẻ có thể là những người Mỹ vượt trội so với cha mẹ chúng, về mặt sắc tộc hay xã hội - như đứa con gái của Jiggs[114] tân thời hơn hẳn ông ta - hiển nhiên luôn tồn tại những lý do xác đáng khác (mà tôi không đi sâu vào) cho việc chú trọng vào lớp trẻ - thế hệ có điều kiện nếm trải mọi hình thức văn hóa đại chúng.[115]

Những chuyển biến mang tính lịch sử trong đời sống của thanh thiếu niên thể hiện khá rõ, nếu ta nhìn lại, những cuốn tiểu thuyết giáo dục hồi thế kỷ 19 thường kể về những đứa trẻ không được thấu hiểu chống lại sự chuyên quyền cay nghiệt hay thói đạo đức giả của cha mẹ, nhất là nếu ta so sánh một trong những cuốn hay nhất thời đó, là *The Way of All Flesh* (Con đường của chúng sinh, 1903) của Samuel Butlers, với một trong những truyện đương đại cùng loại hay nhất, như truyện ngắn *The Other Margaret* (Margaret khác, 1945) của Lionel Trilling.[116] Truyện ngắn của Trilling mô tả sinh động về một cô bé sớm

phát triển thuộc giai tầng tri thức và trung lưu lớp trên ở thành thị. Được theo học tại một trường tân tiến, Margaret tin rằng người da đen bị bóc lột, và cô bé tỏ ra bất bình trước địa vị thấp kém của "Margaret kia", một người làm da đen trong nhà. Nhưng chính cô con gái Margaret mới là người tự cho mình là đúng, chứ không phải cha mẹ cô bé.

Đối mặt với chỉ trích của con, nhất là khi điều đó được nhà trường ủng hộ, cha mẹ Margaret, vốn cũng là người có tư tưởng tiến bộ, đành miễn cưỡng phòng thủ. Họ lo âu và quan tâm đến những gì con gái nghĩ - và nghĩ về họ. Rốt cuộc, cả ba người lớn đã thành công trong việc làm tan vỡ ảo tưởng của cô bé Margaret về những đức tính của bà người làm Margaret - cha mẹ thì bằng lý lẽ; còn bà người làm Margaret thì bằng thái độ xấu. Nhưng cuối cùng cha mẹ cô bé lại lo âu về chính thắng lợi đó, họ e sợ làm tổn thương đứa con nhạy cảm. Họ không sở hữu sự chắc chắn và bảo đảm mà cha mẹ của Theobald trong *The Way of All Flesh* có được.

Trong sự thay đổi thái độ này của các bậc phụ huynh, phương tiện truyền thông đại chúng đóng một vai trò kép. Qua các phương tiện truyền thông đại chúng - radio, phim ảnh, truyện tranh - cũng như từ chúng bạn, trẻ có thể dễ dàng học hỏi được chuẩn mực hành vi của bậc phụ huynh, và quay sang đòi hỏi ở cha mẹ mình tiêu chuẩn tương tự. Nhờ vậy mà trẻ được hoàn lại khả năng nhìn nhận thực tại, thứ vốn là sở hữu của nó theo cách đơn giản hơn nhiều nếu sống trong một xã hội phụ thuộc truyền thống định hướng: đứa trẻ kiểu ngoại tại định hướng thường hiểu biết hơn cha mẹ nó - như anh chàng Harvard[117] trong câu ngạn ngữ, người ta chẳng thể dạy bảo gì nhiều cho *anh ta*.[118]

Như đã nói, các bậc phụ huynh còn có nguồn định hướng giáo dục là các phương tiện truyền thông đại chúng. Băn khoăn không biết giáo huấn con cái ra sao, họ ngày càng dựa nhiều hơn vào sách báo, tạp chí, tờ rơi tuyên truyền, và cả các chương trình phát thanh. Những nguồn này khuyên các bà mẹ vốn đang lo lắng: hãy chấp nhận đứa trẻ như chính bản thân nó. Người mẹ hiểu ra vấn đề không nằm ở đứa con, mà là ở cha mẹ; và bà học cách tự vấn lại bản thân mỗi khi muốn từ chối con cái điều gì, bao gồm cả việc thể hiện tình yêu thương dạt dào. Nếu đứa trẻ nổi cáu, có lẽ người mẹ đã giữ lại không cho con điều gì đó. Ngay cả khi các nhà quân sư khuyên người mẹ "hãy thoải mái" và "vui cùng con cái", thì chính lời khuyên đó cũng trở thành một huấn thị mà người mẹ phải làm theo dù trong lòng hãy còn âu lo.

Có lẽ ngày nay trẻ không đạt được thứ sức mạnh mà người lớn - không còn theo nội tại định hướng nữa - đã đánh mất. Sức mạnh đó tuy thường là giả tạo, như Samuel Butler đã nhìn ra; nhưng nó lại vừa đủ để triệt tiêu tính bồng bột và làm tê liệt sự âu lo trong trẻ. "Bóng tối trong ngôi nhà như ngục thất bắt đầu trùm lên cậu bé đang khôn lớn" - tù nhân có thể cảm thấy bị đè nén,

thậm chí là có tội, nhưng nó sẽ không còn quá âu lo vì bị giam sau song sắt. Trái lại, điều mà đứa trẻ kiểu ngoại tại định hướng "học" được từ cha mẹ mình chính là sự âu lo - hiệu chỉnh cảm xúc phù hợp theo ngoại tại định hướng.

Sự ngự trị của "lý trí". Mặc dù uy quyền đã giảm sút, các bậc phụ huynh vẫn cố kiểm soát mọi thứ; nhưng vì đã mất sự tự tin nên cách thức quản lý của họ cũng khác đi. Cha mẹ không thể lấy bản thân ra làm gương - cả họ lẫn đứa con đều hiểu quá rõ - cũng không thể viện đến hình phạt khắt khe, mà không cảm thấy thương tâm, như đánh đập và ngăn cấm con cái. Cùng lắm đứa trẻ chỉ phải nhận vài cú phát vào mông, còn việc sử dụng vũ lực công khai thường chỉ giới hạn ở các gia đình thuộc giai tầng thấp.

Đặc biệt là ở giai tầng trung lưu lớp trên, các bậc phụ huynh chỉ còn cách viện đến phương pháp "con người" - gây ảnh hưởng dưới dạng tranh luận, hay chính xác hơn, là nói lý. Đứa trẻ phản ứng lại theo cùng một cách thức. Theo trình tự lịch sử, ta có thể tóm tắt rằng đứa con kiểu truyền thống định hướng thường thuận theo cha mẹ; đứa con kiểu nội tại định hướng chống đối hay nhượng bộ cha mẹ; đứa con kiểu ngoại tại định hướng thì "chi phối" cha mẹ và đến lượt nó cũng bị chi phối lại.

Có một bộ phim, *The Curse of the Cat People* (Lời nguyền của người mèo), đã cung cấp ví dụ thú vị về những mối quan hệ mang tính chất chi phối giữa cha mẹ và con cái, dù thực ra bộ phim muốn bày tỏ mối bận tâm của người Mỹ về một số đề tài không liên quan trực tiếp đến nội dung ở đây. Một bé gái sống trong một gia đình trung lưu ở ngoại ô với sự ngăn nắp, những khu vườn và người hầu da đen. Cũng như truyện *The Other Margaret*, người lớn trong phim - bao gồm cha mẹ và người hầu - dồn sự chú ý rất lớn vào đứa trẻ này. Cô bé định mời các bạn hàng xóm đến dự tiệc sinh nhật của mình; nhưng vì tin vào câu nói đùa của cha rằng cái cây to trong sân là một hòm thư, cô bé để thư mời chỗ gốc cây và bởi vậy thư không được gửi đi. Đến ngày sinh nhật cô bé, bọn trẻ mà cô bé đã hứa là sẽ mời bèn chọc ghẹo và không chịu chơi với cô bé nữa. Người cha quở trách cô bé vì đã quá cả tin, cô bé còn gặp rắc rối vì không thể làm hòa với đám bạn. Nhưng cha mẹ cô bé (và người hầu) quyết định vẫn tổ chức tiệc sinh nhật và "làm như không có vấn đề gì". Tiếp đó là một "bữa tiệc" nhằm cố thuyết phục cô bé là chẳng có thảm họa nào hết, rằng bữa tiệc này cũng tuyệt vời dù không có bạn bè đến dự.

Cha và mẹ ra sức đòi hỏi cô bé bằng cách nào đó phải hiểu, mà không cần biết đến những quy tắc giao tiếp, khi nào sự việc được nhắc đến là "thực" và khi nào thì là "giả vờ". Cái cây kiêm hòm thư là ảo; bữa tiệc thì là thực. Cảm thấy không ai hiểu mình và vô cùng lẻ loi, cô bé kết thân với một bà cụ xa lạ sống ẩn dật trong một ngôi nhà lớn. Cha mẹ không bằng lòng về "người bạn" này cùng với món quà là chiếc nhẫn bà tặng cô bé. Về sau cô bé bắt đầu nói chuyện với một người bạn tưởng tượng xuất hiện nơi tận cùng khu vườn, một

phụ nữ trưởng thành xinh đẹp. Người cha làm sao có thể thấy được, theo đúng nghĩa đen, người bạn tưởng tượng này, bèn phạt con mình vì tội nói dối.

Hãy để ý, trong gia đình hư cấu này, rõ ràng là đứa trẻ thiếu quyền riêng tư. Việc người lớn phát hiện ra chiếc nhẫn tặng vật chứng tỏ rằng hầu hết mọi cảm xúc của cô bé đều không thoát khỏi sự giám thị của cha mẹ. Hơn nữa, chính việc người cha gợi ý cho con gái về "hòm thư giả vờ" là tượng trưng cho sự can thiệp của ông về mặt tri thức: con gái không được phép có những giả tưởng của riêng mình mà phải thổ lộ với người cha, chịu sự định đoạt của ông khi nào thì giả tưởng đó là thích hợp. Việc cô bé và cha mình đi đến mâu thuẫn về người bạn tưởng tượng là điều đã được lường trước; cô bé không thể khóa trái cửa phòng cũng như cánh cửa tâm tư của riêng mình. (Trong những gia đình ở giai tầng thấp hơn, trẻ ít được riêng tư hơn về mặt không gian; nhưng ở đó trẻ có thể được riêng tư về mặt tinh thần nhiều hơn vì trong điều kiện vật chất khó khăn, cha mẹ thường khó quan tâm được nhiều đến trẻ.)

Thứ đến, hãy lưu ý đến sự "hợp lý" nhưng ít nhiều mang tính chi phối trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con gái họ. Có thể chứng minh điều này qua việc cha mẹ cô bé thu xếp buổi tiệc cho con gái và các bạn hay qua việc họ tỏ ra khó chịu khi kế hoạch bị phá sản. Minh chứng rõ hơn là việc gia đình họ mâu thuẫn vì khủng hoảng giao tiếp. Sự khủng hoảng này được tượng trưng bằng hòm thư không có ai tới lấy thư - một thảm họa mà nguyên do bởi cô bé và cha mẹ mình không thể thống nhất khái niệm thế nào là thực và thế nào là ảo.

Thảm họa trên, đã quá rõ, đòi hỏi phải có hành động sửa sai tức thì; hầu hết các bậc phụ huynh, trong tình thế tương tự, nên *làm* điều gì đó. Nhưng cha mẹ của đứa trẻ trong phim này lại chẳng làm gì; họ chỉ nhắc đi nhắc lại vấn đề, hòng thuyết phục đứa con chấp nhận một cách hiểu sai mang tính hình thức về việc tổ chức tiệc. Kết quả là nảy sinh tình trạng cường điệu và ngớ ngẩn tựa trò hề mà trong đó những người kiểu ngoại tại định hướng, trong các mối quan hệ cha mẹ và con cái cũng như trong tất cả những mối quan hệ khác, thường xuyên phải viện đến biện pháp chi phối và phản chi phối.

Trái với những điều trên, phụ huynh kiểu nội tại định hướng thường không mấy băn khoăn về sự oán giận hay đối nghịch của con cái. Họ cũng không dễ dàng nhận thức được điều đó. Cả phụ huynh và con cái đều được bảo vệ bởi cái khoảng cách vẫn luôn tách biệt hai phía. Phụ huynh theo ngoại tại định hướng thì ngược lại, họ mong đợi ở con mình không chỉ là xử sự ngoan ngoãn mà còn cả thiện chí của đứa trẻ. Do vậy, cha mẹ có khuynh hướng dùng kỹ năng biện chứng vượt trội để "nói lý" với con mình. Và khi đứa con cũng học được cách tranh luận - khả năng này là một phần thuộc trí óc tinh nhạy của đứa trẻ - thì bậc cha mẹ bị giằng xé giữa hoặc là nhượng bộ hoặc đành phải cầu đến các phương pháp cứng rắn hơn như phụ huynh của họ, những người kiểu nội tại định hướng, trước đây từng sử dụng. Người cha trong *The Curse of the Cat*

People, sau khi thất bại không thuyết phục được con mình từ bỏ niềm tin vào người bạn tưởng tượng, cuối cùng đã đét đít cô bé. Nhưng theo sau những tình huống như vậy luôn là nỗ lực giảng hòa của cha mẹ, biến chính hình phạt đét đít thành một bước trong chuỗi các hành động chi phối.

Cuối cùng, ta cần xét tới sự thay đổi về mặt nội dung trong các vấn đề gây bất hòa giữa cha mẹ và con cái. Các phụ huynh cứng nhắc và quyết liệt theo nội tại định hướng thường thúc ép con cái họ làm việc, tiết kiệm, lau dọn nhà cửa, không thì học bài hay cầu nguyện. Những phụ huynh khác vẫn theo nội tại định hướng nhưng bớt khắc kỷ hơn thì muốn con trai mình nam tính, con gái nữ tính và tiết hạnh. Những đòi hỏi đó là hợp lý trên cả phương diện kinh tế và ý thức hệ, khi mà dân số còn đang trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp. Nhà cửa rộng rãi thường đòi hỏi lượng rất lớn sức lao động; ngay cả ngày nay những ai hay tất tưởi trong những căn nhà và vườn nhỏ vẫn tìm được khối việc để làm. Phụ huynh thường làm gương cho con cái, điểm này thì họ có được sự hậu thuẫn của nhà trường, trong công việc và học hành: những việc được tin là con đường dẫn tới sự thăng tiến cả ở thế giới này lẫn thế giới bên kia.

Trái lại, trong gia đình theo ngoại tại định hướng, vấn đề nảy sinh giữa cha mẹ và con cái chủ yếu liên quan đến mặt giải trí của đời sống. Vì trong giai đoạn chớm giảm dân số - hiển nhiên rõ rệt nhất là ở Mỹ, và ở cả một số nơi khác - trẻ em thành thị hầu như không có việc nhà để làm, cả những việc làm bên ngoài cũng không nhiều. Chúng không cần phải lau dọn nhà cửa (ngoại trừ việc cho chính bản thân) - vì máy hút bụi làm tốt hơn chúng. Đứa trẻ cũng không cần phải trông nom cả một đàn em. Người mẹ Mỹ, có học thức, khỏe mạnh và đầy năng lực, sẽ đặt ra các tiêu chuẩn cao đối với việc chăm lo cho căn hộ hay ngôi nhà nhỏ của mình. Và thường thì, khi không đi làm, bà sẽ cảm thấy vô dụng nếu để con cái đảm đương việc nhà. May mắn thoát khỏi tình cảnh còng lưng vật lộn với một đàn con như phụ nữ thời xưa, bà mẹ hiện đại giờ phải đối mặt với - cả chồng bà cũng thế - vấn đề của sự nhàn rỗi; chăm lo cho nhà cửa và con cái thường là sự tự bào chữa và lối thoát cho bà.

Thế là cha mẹ và con cái bất đồng về thời gian ăn ngủ, về sau họ còn bất đồng về chuyện sử dụng xe hơi của gia đình. Rồi họ tranh cãi gay gắt, như trong phim *The Curse of the Cat People*, về các mối liên hệ của đứa con với "những người khác" và về sắc thái cảm xúc của chính cuộc tranh luận. Nhưng do tính chất của các cuộc bàn cãi này, bậc phụ huynh khó giành chiến thắng hơn. Trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp, họ có thể chỉ ra cho con cái những nghĩa vụ hiển nhiên cần làm - ít ra là theo các chuẩn mực đã được chấp nhận còn lưu lại từ thời đại trước. Nhưng trong giai đoạn chớm giảm dân số, những vấn đề liên quan đến tiêu thụ hay nhàn rỗi không còn là hiển nhiên nữa; để có thể phân định chúng, nếu cần làm vậy, người ta phải viện tới các ví

dụ mẫu cụ thể bên ngoài gia đình - tìm các chuẩn mực luôn luôn thay đổi của cộng đồng mà ngẫu nhiên các phụ huynh cũng là một phần trong đó. Radio và xuất bản phẩm đã đưa những ví dụ mẫu đó tới từng gia đình, như hồ sơ vụ kiện mà từ đó các công dân tuân thủ pháp luật là phụ huynh và con cái họ tham khảo để viết văn bản tố tụng.[119]

Tổng kết: có thể nói phụ huynh trong nhóm phụ thuộc ngoại tại định hướng cài đặt vào trí óc con mình chiếc rađa tâm lý - một thiết bị không phải dùng để điều hướng theo bất cứ lựa chọn cụ thể nào và cùng lúc giữ vững nội tâm của cá nhân mà đúng hơn là được chỉnh để dò và học hỏi hành động của người khác, nhất là các hành động có tính tượng trưng. Sau đó, các phụ huynh chỉ gây ảnh hưởng đến tính cách con mình trong trường hợp: (a) hiệu lệnh riêng của họ bị lẫn với hiệu lệnh của người khác qua rađa, (b) họ có thể xác định vị trí của con mình ở một môi trường xã hội nào đó nhằm thay đổi những hiệu lệnh chúng sẽ nhận được trong một chừng mực rất hạn hẹp, (c) họ chấp nhận chỉ kiểm duyệt một phần rất nhỏ và nhất thời các thông tin đến với con mình. Như vậy, về tầm quan trọng, vai trò của phụ huynh theo ngoại tại định hướng giảm đi so với phụ huynh theo nội tại định hướng.

II. Những thay đổi trong vai trò của người thầy

Có nhiều điều để nói về sự thay đổi cấu trúc uy quyền của những người lớn mà không phải là phụ huynh, khi xã hội đi từ chỗ phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng sang phụ thuộc vào kiểu ngoại tại định hướng. Chủ yếu vì lý do kinh tế mà những bà bảo mẫu, vú em hay gia sư, đại loại như vậy, gần như biến mất khỏi các gia đình thuộc giai tầng trung lưu và trên trung lưu. Một hệ quả đáng chú ý là trẻ không còn được dạy dỗ bởi những người luôn có thể nhắc nhở chúng tuân theo chuẩn mực của gia đình hay giai tầng xã hội. Chuẩn mực đó là sự rèn luyện hữu ích trong giáo dục kiểu nội tại định hướng - trong quá trình tiến tới những mục tiêu khái quát; đồng thời, chuẩn mực đó phần nào đóng vai trò như một bộ đệm chống lại ảnh hưởng hỗn tạp của các nhóm ngang hàng. Nhưng còn một hệ quả khó nhận thấy hơn. Đứa trẻ đã được một bảo mẫu chăm nom và được một gia sư chỉ dạy thường có ý thức rất mạnh về quyền uy trong gia đình và ngoài xã hội. Khi nó vào trường nội trú hay đại học, rất có thể nó sẽ tỏ ra hờ hững trước thầy cô - như trường hợp người mẹ giai tầng thượng lưu nói với một hiệu trưởng: “Tôi không hiểu sao các thầy lại không hợp với Johnny; mấy người giúp việc đều yêu quý thằng bé.” Một đứa trẻ như vậy sẽ không thích bị thầy cô khuyên bảo về các mối quan hệ với bạn bè đồng lứa hay đời sống cảm xúc.

Hơn nữa, sự hiện diện trong gia đình của những người lớn như vậy - gợi lại hoàn cảnh như đại gia đình thời trước - góp phần giảm bớt những căng thẳng trong các mối quan hệ cha mẹ và con cái. Dù đứa trẻ biết ai là chỉ huy trong

nhà, nó vẫn có thể dựa vào những "viên chức" khác này nhằm đối đầu với uy quyền của cha mẹ. Và thực ra, cha mẹ kiểu nội tại định hướng thường không quá thiết tha sự nồng ấm từ con cái, nên rất bằng lòng chấp nhận con mình gắn bó tình cảm với những người có địa vị thấp hơn. Chàng trai theo nội tại định hướng được nuôi dạy trong điều kiện như trên sẽ học cách giải tỏa cảm xúc với gái mại dâm và những người có địa vị thấp. Cậu rèn được khả năng duy trì các mối quan hệ hời hợt với mọi người nhưng đôi khi hoàn toàn vô dụng với những mối quan hệ kiểu khác. Đây là một trong những cái giá mà cậu ta phải trả cho sự thờ ơ của mình trước các nhu cầu và đòi hỏi của các nhóm ngang hàng, nó góp phần giải thích cho khả năng tôi luyện bản thân của cậu ta trước sự lãnh đạm hay đối nghịch của chúng bạn, khi theo đuổi mục đích cậu ta xem trọng.

Những người bà, trước vốn được coi là nhân vật có nhiều uy quyền, nay gần như cũng trở nên lỗi thời như các bảo mẫu. Không có chỗ cho các bà trong những căn hộ hiện đại, họ cũng không có khả năng đóng một vai trò kinh tế hữu ích, chẳng khác gì bọn trẻ. Dẫu vậy họ vẫn chịu đựng, cùng với tuổi thọ ngày một tăng của các giai đoạn dân số về sau. Sự cá nhân hóa mạnh mẽ các mối quan hệ mà kiểu ngoại tại định hướng đem lại hàm nghĩa rằng sự xuất hiện của "người dưng" trong gia đình ngày một trở nên khó chấp nhận: vấn đề con dâu với gia đình nhà chồng và ngược lại, đề tài giễu cợt quen thuộc của nhiều nền văn hóa qua hàng thế kỷ, mang diện mạo mới khi những người quá nhạy cảm và khác biệt sống chung mà không có sự phòng vệ về mặt tính cách.

Việc loại người bà ra khỏi vai trò trung tâm gia đình phản ánh những đổi thay nhanh chóng mà ta đang nói đến ở đây. Người bà bị ngăn cách với những thói quen đang thịnh hành trong xã hội tiêu dùng ngày nay đến hai thế hệ. Trong khi các bậc cha mẹ cố theo kịp các con, vừa như một cách giữ cho mình trẻ trung vừa như một cách duy trì ảnh hưởng lên con cái, thì bậc ông bà hầu như không thể làm được. Do vậy, vai trò của ông bà trong sự hình thành tính cách ngoại tại định hướng là không đáng kể. Thay vì đưa ra cho trẻ một "chân dung gia đình" nhất quán, đứng sau lưng cha mẹ và yểm trợ họ, ông bà chỉ là những điển hình cho thấy trong những việc quan trọng thời nay, người ta chỉ học hỏi được chút ít giá trị từ các bậc cha ông.

Một tiến triển song song khiến một nhóm khác có thể thay thế cha mẹ cũng phải lui vào bóng tối, các thời trước họ đóng một vai trò quan trọng: anh chị, những người mà, như sinh viên năm hai đối với tân sinh viên, bắt em mình phải tuân theo khuôn mẫu kỷ luật trong gia đình. Ngày nay anh chị trong nhà - nếu có - thường sẵn sàng đi giữ trẻ để kiếm tiền hơn là coi sóc giáo huấn các em mình. Sự cám dỗ của đồng lương có thể thúc đẩy trẻ ra ngoài làm việc; điều đó có ý nghĩa đối với chúng. Nhưng trong chính nhà mình thì chúng là những vị khách được ưu đãi của một khách sạn hạng hai, nơi mà các quản lý

dù căng thẳng nhưng vẫn phải tươi cười và luôn bị chúng thúc bách phải đổi mới.

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI THẦY TRONG GIAI ĐOẠN NỘI TẠI ĐỊNH HƯỚNG

Tuy vậy, vẫn còn một nhà cầm quyền giữ vị trí quan trọng: người được ủy quyền của cha mẹ với tầm ảnh hưởng ngày một tăng lên do hệ quả của bước chuyển dịch sang ngoại tại định hướng. Đó là thầy cô, và bây giờ ta sẽ tìm hiểu đầy đủ hơn những thay đổi trong vai trò của họ.

Vào thời đại mà sự tuân thủ ở tầng lớp trung lưu được bảo đảm nhờ kiểu nội tại định hướng, mạng lưới trường học phát triển khá muộn - trường mẫu giáo rất hiếm hoi. Nhiệm vụ của thầy cô chủ yếu là rèn cho trẻ về lễ và tri thức. Lễ ở đây là kỷ luật tối thiểu cần để giữ trật tự trong lớp, cũng có thể là sự tao nhã tối đa cần thiết để làm đẹp cho các thiếu nữ giai tầng thượng lưu. Khi nhiều nhà trường được mở thêm và bắt đầu thâu nhận rộng rãi nhiều thành phần học sinh, trách nhiệm rèn giũa cử chỉ và cung cách ăn nói của tầng lớp trung lưu - có thể giúp trẻ vươn lên cao hơn địa vị hiện thời của cha mẹ chúng - chuyển sang cho thầy cô. Nhưng thầy cô không theo sát tầng bậc cảm xúc của trẻ. Họ nhận thức công việc của mình như một nhiệm vụ có giới hạn, được phân định rạch ròi với nhiệm vụ của gia đình cũng nặng nề không kém.

Khung cảnh thường thấy ở trường học phản ánh tình trạng này. Xếp chỗ ngồi phải theo quy củ - tất cả xoay mặt về phía trước - và thường là theo thứ tự bảng chữ cái. Thời đó các bức tường trong trường được trang hoàng hình ảnh di tích Pompeii và tượng bán thân Caesar. Ngoại trừ một số ít trẻ đặc biệt xuất chúng có thể vượt qua các hình thức giáo dục cổ điển cứng nhắc và qua đó thế giới cổ đại trở nên có hồn, đống tranh khắc và tượng chỉ cho thấy nhà trường không có tác động mấy đến tâm tư tình cảm của trẻ.

Bản thân thầy cô không có đủ sự thấu hiểu cũng như thời gian cho những vấn đề cảm xúc này, và mối quan hệ của trẻ với các bạn khác chỉ lọt vào sự chú ý của họ trong các trường hợp kỷ luật. Thường thường thì một giáo viên không có mấy uy quyền: chỉ như bà cô bẳn tính phải đối phó với một đám trẻ quá đông. Thầy cô có thể duy trì được kỷ luật bằng những phê bình nghiêm khắc và hình phạt. Nhưng chính sự trừng phạt ấy lại trở thành trung tâm cho tâm lý chán ghét của trẻ và thường khiến trẻ cùng đoàn kết chống lại uy quyền đó.

Trong bộ phim *Torment* (Nỗi đau khổ) của Thụy Điển, ta có thể thấy mô thức nói trên vẫn còn hiệu lực trong hoàn cảnh cận đại. Thầy cô và cha mẹ cùng chia sẻ nhiệm vụ truyền dạy các giá trị nội tại định hướng. Nhân vật phản diện là một ông thầy tiểu học khắt khe độc đoán, bị loạn thần kinh. Bọn con trai đứa nào cũng căm ghét ông; một số đứa còn khiếp sợ ông; chẳng đứa nào có lòng tự trọng lại nghĩ tới việc làm bạn ông, mặc cho những cố gắng xoa dịu của

ông thầy. Nhân vật nam chính là một cậu bé nổi loạn, không phải vì cậu muốn thế mà đúng hơn là vì thầy giáo dồn cậu đến mức đó. Cậu và bạn bè phải chịu đựng rất nhiều, nhưng cha mẹ và thầy cô không hề can thiệp đến cuộc sống của chúng, đám con trai có quyền được riêng tư với nhau và với các bạn gái, miễn là không có hành vi nghiêm trọng nào phạm vào lễ nghĩa. Cuộc nổi loạn này - thành công của nó không phải là vấn đề đáng kể - tự nó là một phần trong quá trình phát triển tính cách nội tại định hướng.

Antonia White có đưa ra một ví dụ khác cũng cảm động như vậy trong cuốn tiểu thuyết về một trường nữ tu với nhan đề *Frost in May* (Sương giá tháng Năm). Dù các xơ tại trường tu có hơi quá đà trong việc "uốn nắn tính cách", ác liệt triệt hạ những dấu hiệu tự phát và phóng khoáng trong tư tưởng của nhân vật nữ chính tài năng, nhưng rốt cuộc họ cũng chỉ biết dựa vào các biện pháp trừng phạt lỗi thời là bắt sám hối và giảng giải về sự cứu rỗi. Những cô bé được họ trông nom không suy sụp thì quy phục, trốn chạy hay đi tu - họ không mở lòng với các xơ như những người bạn. Như trong trường quân sự, bộ đồng phục tượng trưng cho các rào cản thứ bậc và ràng buộc vốn luôn phân cách những người có uy quyền với con trẻ.

Ta có thể tóm tắt tất cả những điều nói trên lại bằng cách nói rằng nhà trường trong thời này chủ yếu chú trọng vào những nội dung phi cá nhân. Nam nữ được học tách riêng. Nền giáo huấn dồn trọng tâm vào nội dung tri thức vốn không có nhiều ảnh hưởng đến đời sống cảm xúc của phần đông bọn trẻ. Kỹ năng ăn nói lưu loát trước công chúng, giống như công dung ngôn hạnh, cũng không mang tính cá nhân; đứa trẻ không được yêu cầu "cứ là chính mình" - nhà trường cũng không có mục đích mô phỏng lại "thực tế xã hội". Các cô giáo, dù là chưa chồng hay đã làm mẹ, cũng không hiểu biết đủ, ngay cả khi họ có thời gian và sức lực, để tích cực hỗ trợ quá trình hòa nhập sở thích hay những mối quan hệ đồng lứa của trẻ vào xã hội. Trong khi cha mẹ có thể cho phép thầy cô đẩy mạnh một số quy tắc đạo đức liên quan trực tiếp đến học đường, ví dụ như ăn mặc giản dị và trung thực trong thi cử, và rèn luyện một số phép tắc xử sự ảnh hưởng cụ thể đến việc tiến thân trong xã hội, thì họ lại hầu như không cho phép thầy cô can thiệp vào các hoạt động vui chơi của trẻ, cho dù đó là nhằm tránh kỳ thị về sắc tộc hay về kinh tế. Thầy cô có phận sự giám sát trẻ tiếp thu hết một chương trình học, chứ không phải để chúng nảy sinh hứng thú với bài học hay hiểu được cách hợp tác nhóm. Ngày nay, trước khi quyết định việc nhận học sinh, các trường học tân tiến thường cho đứa trẻ học thử trong một nhóm đồng lứa rồi xem đứa trẻ thích nghi ra sao với các bạn mới, phương pháp này trước đây người ta khó có thể hình dung ra nổi.

Bất chấp khoảng cách xã hội giữa thầy và trò, việc nhà trường chú trọng vào khả năng trí tuệ là vô cùng quan trọng trong sự hình thành tính cách nội tại định hướng. Điều đó khẳng định với đứa trẻ rằng người ta chỉ coi trọng những

gì mà nó đạt được, chứ không quan tâm nụ cười của nó trông dễ thương hay thái độ của nó có vẻ hợp tác. Dù ngày nay ta có lý khi nghi ngờ tính khách quan của các tiêu chuẩn đánh giá năng lực thời đó - ví dụ, có thể thấy rõ sự thiên vị giai cấp qua các bài trắc nghiệm trí thông minh và bài thi viết - nhưng nhà trường theo kiểu nội tại định hướng chưa nhận thức được những thiên vị như vậy, và vì thế các chuẩn mực khi đó có vẻ đáng tin và bất di bất dịch. Vì lý do ấy, các chuẩn này có thể được cả những trẻ xuất sắc lẫn trung bình tiếp thu. Các chuẩn này được nhìn nhận là thực tế và cụ thể, chứ không phải là hứng thú nhất thời của ai đó. Như vậy nhà trường hậu thuẫn cho gia đình trong việc đặt ra cho trẻ những mục tiêu rõ ràng, đem lại phương hướng và ý nghĩa cho cuộc đời về sau của trẻ.

Bất kể cảm giác an toàn trẻ có được nhờ hiểu rõ vị trí của mình - sự an toàn chúng sẽ không có được ở các ngôi trường tân tiến theo kiểu ngoại tại định hướng - ta không nên quên rằng hệ thống này khắc nghiệt thế nào với những trẻ không đạt chuẩn: chúng thường suy sụp; không có mấy sự khoan dung dành cho chúng trên cơ sở tâm lý. Trí thông minh, địa vị xuất thân, có lẽ cả sự nghe lời chiếm được cảm tình của thầy cô hơn là "cá tính" hay sự "khó bảo". Một số trẻ có thành tích kém nổi loạn. Nhưng ngay cả những trẻ này cũng bị nhà trường trui rèn cho thành hình - một hình thù móp méo. Đôi khi ranh giới và các cơ hội di động xã hội đem lại một lối thoát cho những trẻ cá biệt trong học tập; và còn hiếm hoi hơn, khi kẻ nổi loạn quay về, như một anh hùng trong thần thoại, sau khi đã nguôi ngoai được những muộn phiền của mình, nhằm làm giảm bớt mặc cảm của những kẻ lạc lõng khác và đem tới cho chúng niềm hy vọng về tương lai. Tuy nhiên, nhìn chung chính sự rạch ròi trong các tiêu chuẩn của nhà trường, vốn giúp trẻ cảm thấy an tâm ở mức nào đó, còn hàm nghĩa rằng các tiêu chuẩn đó sẽ khắc sâu vào tâm trí những trẻ có thành tích kém. Chúng sẽ mang theo mình những dư chấn cảm xúc tàn khốc không tài nào nhận định nổi - đôi khi thậm chí khiến chúng không thể nào nhớ lại.

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI THẦY TRONG GIAI ĐOẠN NGOẠI TẠI ĐỊNH HƯỚNG

Nền giáo dục tân tiến khởi đầu như một phong trào giải phóng trẻ em khỏi nguy cơ bị triệt tiêu mọi tài năng và ý chí, vốn đã là số phận của nhiều đứa trẻ, thậm chí của cả những đứa nếu quan sát từ bên ngoài thì có vẻ thiên về nội tại định hướng và có sự phát triển khá ổn định. Mục tiêu của nền giáo dục mới, và trong một chừng mực đáng kể, thành tựu của nó, là nhằm phát triển cá tính của trẻ; trong phương pháp giáo dục này, thầy cô chú trọng quan tâm đến nhiều khía cạnh khác của trẻ hơn là chỉ quan tâm đến khả năng trí tuệ. Song ngày nay, giáo dục tân tiến thường không còn tân tiến nữa; khi tính cách con người dần thiên nhiều về ngoại tại định hướng, các phương pháp giáo dục từng giải phóng cá nhân nay lại có chiều hướng ngăn trở sự phát triển cá nhân thay vì nâng đỡ và bảo vệ nó. Câu chuyện này có thể được tóm tắt đại khái

như sau.

Các trường theo phương pháp tân tiến đã đóng góp vào việc hạ thấp tuổi nhập học; các nhóm trẻ từ hai đến năm tuổi bắt đầu liên tưởng hình ảnh trường học với - không phải những người lớn nghiêm khắc và các môn học tẻ nhạt - mà là với sự vui chơi cùng những người lớn biết cảm thông. Những người lớn này - ngày càng đông các sinh viên mới tốt nghiệp trẻ trung - đã được chỉ dạy cách quan tâm đến đứa trẻ về phương diện thích nghi tâm lý và xã hội hơn là tiến bộ về mặt học hành - thực chất là theo dõi thành tích học tập để kịp thời tìm ra dấu hiệu cho thấy trẻ khó hòa nhập được với xã hội. Những giáo viên mới này được đào tạo nhiều hơn về mặt chuyên môn. Tuy không tự nhận là "thấu hiểu trẻ em", nhưng họ đã nghiên cứu các công trình của Gesell về lứa "tuổi lên năm" hay "lên chín"; và những hiểu biết rộng rãi hơn đó không chỉ giúp ngăn đám trẻ liên kết thành một khối luôn ngờ vực thầy cô hay cùng thông đồng chống lại nhà trường mà còn cho phép thầy cô gây ảnh hưởng nhiều hơn vào việc hòa nhập các lĩnh vực - tiêu dùng, tình bạn, năng lực tưởng tượng - những điều mà giáo viên của nền giáo dục trước đây, dù mong muốn cũng không chạm đến được. Xã hội giàu có hơn của chúng ta có thể chấp nhận mức độ cá biệt hóa và những giáo huấn "không cần thiết" này.

Sự xếp đặt vật chất - như xếp chỗ ngồi, phân hạng theo độ tuổi, trang hoàng lớp học - phản ánh những thay đổi trong vai trò của thầy cô. Con trai và con gái được học chung. Chỗ ngồi được sắp xếp "không theo quy tắc cụ thể nào". Nghĩa là, kiểu sắp xếp *theo vần chữ cái* bị loại bỏ và thường được thay thế bằng phương pháp *trắc lượng xã hội* giúp tập hợp những đứa trẻ hợp tính nhau thành từng nhóm. Điều này thường có nghĩa chỗ ngồi giờ đã trở thành vấn đề - một manh mối cho thấy vị trí của cá nhân trên sơ đồ tình bạn. Cách xếp hạng Gesell cũng khắt khe không kém gì cách xếp hạng trí lực ở thời đại trước; bất kể khả năng trí tuệ bẩm sinh, trẻ vẫn sẽ ngồi chung với những đứa chúng xem là bạn bè đồng đẳng về mặt xã hội.[120] Bàn học cũng thay đổi hình dạng; trở thành những chiếc bàn dễ di chuyển có giá mở hơn là ngăn kín để giấu đồ. Thầy cô không còn ngồi trên bục hay khệnh khạng trước bảng đen nữa mà hòa vào các nhóm như một gia đình.

Song, chính các bức tường mới thay đổi nhiều nhất. Trên tường các trường tiểu học ngày nay, người ta trang hoàng tranh của bọn trẻ hay các tác phẩm cắt dán của chúng trong giờ nghiên cứu xã hội. Do vậy, những vấn đề của chính bản thân đám trẻ, về sự ganh đua cũng như các khúc mắc hiện thời, ngày nào cũng nhìn xuống chúng từ trên các bức tường, nơi mà, cũng như các giáo viên, không còn mang tính dửng dưng nữa. Điều này có vẻ tiến bộ, như một lời chào đón tính sáng tạo và đề cao tính cá nhân; nhưng một lần nữa ta lại gặp phải nghịch lý. Trong khi trường học không còn quá chú trọng vào điểm số và phiếu thành tích học tập nữa, những vật trưng bày lại như muốn hỏi

chính bọn trẻ: "Gương kia ngự ở trên tường, trường ta ai giỏi được dường như ta?"[121]

Trong khi tranh vẽ và tác phẩm cắt dán của trẻ cho thấy khiếu tưởng tượng đáng kể trong giai đoạn thiếu niên, thì chính trường học lại vẫn là một trong những lực lượng hủy diệt khả năng tưởng tượng, không khác gì thời trước. Trí tưởng tượng bị thui chột ở hầu hết trẻ khi đến tuổi thiếu niên. Những gì còn sót lại không phải là tài năng mỹ thuật hay khả năng tưởng tượng, mà là sự hòa nhập khiếu thẩm mỹ và sở thích đang diễn ra qua cách trẻ phong cách hóa những cảm nhận trong tranh vẽ và chuyện kể của chúng. "Chủ nghĩa hiện thực" có thể coi là đặc điểm chính của những chuyện xảy ra ở các lớp học thời tiến bộ sau này. Chủ nghĩa hiện thực này chịu ảnh hưởng từ các lý tưởng của phong trào tiến bộ. Caesar và Pompeii được thay bằng các chuyến tham quan cửa hàng và nhà máy chế biến sữa, bằng các bản đồ trong tuần báo *Life*, và tạp chí học đường *The Weekly Reader*; chuyện cổ tích thì được thay thế bằng chuyện kể về tàu hỏa, điện thoại, cửa hàng tạp hóa, rồi về sau, bằng tài liệu về các mối quan hệ chủng tộc, về Liên Hợp Quốc hay các xứ Mỹ La tinh.

Các thay đổi nêu trên góp phần phá đổ những bức tường ngăn cách thầy cô và học trò; và điều này đến lượt nó giúp xóa bỏ những bức tường ngăn cách giữa những học sinh với nhau, nhờ vậy sự lan truyền các thị hiếu trở nên nhanh chóng dễ dàng, đây chính là khúc dạo đầu cho quá trình hòa nhập xã hội theo ngoại tại định hướng. Trong khi học sinh kiểu nội tại định hướng có thể giấu truyện và bức vẽ của mình dưới giường - như người lớn cất giữ nhật ký - thì trẻ theo ngoại tại định hướng lại đọc truyện cho cả nhóm nghe và treo tranh lên tường. Các trò chơi, ở thời trước được coi là chương trình ngoại khóa và sở thích riêng, cùng lắm cũng chỉ được chia sẻ trong một nhóm nhỏ, giờ đã trở thành một phần trong chính sách giáo dục của nhà trường với mục đích rất "thực tế".

Trong hoàn cảnh này, giáo viên thường đóng vai trò dẫn dắt quan điểm. Giáo viên là người truyền bá cho học sinh thông tin liên quan đến thị hiếu xuất xứ từ các trung tâm đô thị tân tiến. Thầy cô truyền đạt cho trẻ rằng điều quan trọng nhất không phải sự siêng năng hay kiến thức của chúng mà là khả năng thích nghi và hợp tác trong nhóm, sáng kiến (đã được phong cách hóa và giới hạn cẩn thận) và năng lực lãnh đạo của chúng.

Điều đặc biệt quan trọng là khả năng hợp tác, lãnh đạo được gieo mầm và mong đợi ở trẻ lại thường thiếu nội dung. Ở trường mẫu giáo, người ta không quan trọng việc Johnny nghịch xe tải đồ chơi hay là xô cát, nhưng lại rất để tâm tới việc cậu bé có thân thiện với bạn Bill không - dù là thông qua bất kỳ đối tượng nào. Chắc chắn là, có rất ít trường thực sự tân tiến nơi mà trẻ được học tập theo chương trình Dalton[122] và các chương trình tương tự, nơi mà trẻ thực sự chọn lựa chương trình phù hợp riêng, tiến dần theo mức độ lĩnh hội

riêng, và xem thầy cô như là nguồn tham khảo thân thiện; nơi mà hợp tác là cần thiết và có ý nghĩa khi thực hiện các đề tài nghiêm túc trên thực tế. Tuy vậy, việc giáo viên tiếp tục nắm giữ và che giấu uy quyền của mình - như những người ngang hàng giáo viên là các phụ huynh theo ngoại tại định hướng - dưới cái lốt "tranh luận" và chi phối, lại diễn ra thường xuyên hơn. Giáo viên định đoạt chương trình và mức độ tiến triển bài học - thật ra điều này thường kìm hãm trẻ vì giáo viên không nhận ra rằng nếu được suy nghĩ tự do, trẻ có thể phát sinh hứng thú với các vấn đề mang tính trừu tượng cao. Giáo viên có thể cản trở trí tưởng tượng của học sinh khi minh họa sao cho số học "gần với hiện thực" hay lấy ví dụ để ngôn ngữ trở nên vui nhộn - cũng như khi lấy các bài khảo cứu xã hội đưa vào môn sử. Nếu tình trạng bị đẩy đến mức cực đoan, trẻ sẽ chẳng phải hợp tác vào bất cứ việc gì để hoàn thành bài học. Vì đằng nào giáo viên cũng sẽ làm hộ chúng, do vậy khi yêu cầu bọn trẻ phải biết hợp tác, thực ra giáo viên chỉ đang yêu cầu chúng ngoan ngoãn mà thôi.

Tuy nhiên, dù yêu cầu có vẻ đơn giản, nhưng lại không được tùy tiện: giáo viên rất căng thẳng về vấn đề này. Vì không được dùng tới các phương pháp kỷ luật cũ, giáo viên còn khó xoay xở hơn bậc phụ huynh vốn luôn có thể cầu viện đến các hình phạt đó những lúc ngặt nghèo, dù về sau có thể cảm thấy hối hận, ngoài ra phương pháp đó cũng không đem lại kết quả gì nhiều. Giáo viên vừa không dám vừa không cần phạt học trò kiểu đó; họ đã được dạy rằng cách hành xử không tốt của trẻ hàm ý sự quản lý tồi của chính giáo viên. Hơn nữa, chính bản thân giáo viên không mấy quan tâm đến nội dung tri thức của những gì được truyền tải, điều này cũng không thường được nêu lên khi họp chuyên môn hay trong các buổi thảo luận của hội phụ huynh. Nhóm người lớn này thường bận tâm đến việc truyền dạy lòng bao dung, cả trên phương diện chủng tộc lẫn kinh tế; và việc chú trọng vào kết quả nghiên cứu xã hội có nghĩa là người ta ngày một ít quan tâm đến nội dung tri thức và kỹ năng. Hệ quả là, hầu hết năng lượng và sự chú tâm của giáo viên đều dồn cả vào lĩnh vực giao tiếp nhóm. Kỹ năng xã hội của giáo viên tiến triển mạnh; thầy cô trở nên nhạy cảm với những nhóm học sinh liên kết dựa trên "tình bạn đơn thuần" và tìm cách phá vỡ các nhóm đó, nhằm đảm bảo rằng không học sinh nào bị gạt ra rìa. Vì lẽ đó, thầy cô có thể mất đi tình cảm ưu ái dành cho một số học sinh riêng biệt. Hơn nữa, giáo viên cần sự hợp tác chung của tất cả học sinh để được an tâm là đang làm phận sự của mình, vẻ hòa nhã và thân thiện bên ngoài, đi liền với sự lo âu ngấm ngầm trước phản ứng của học sinh, hẳn là khiến bọn trẻ bối rối, chúng sẽ kết luận rằng không chịu hợp tác gần như là điều tồi tệ nhất trên đời.

Dĩ nhiên giáo viên sẽ thu xếp để trẻ tập cách hợp tác trong những chuyện nhỏ: quyết định xem sẽ nghiên cứu người Peru hay người Colombia, bầu ban cán sự lớp như một cách thực tập sớm các thủ tục quan trọng về sau như vận

động bầu cử và tranh cử vào nghị viện, rồi tổ chức các buổi đóng góp cho Hội Chữ Thập Đỏ hay cho một ngày quyên tiền. Trẻ em học được hy vọng tiếp thu các nguyên tắc dân chủ bằng cách xem nhẹ năng lực trí tuệ và chú trọng vào khả năng hòa đồng và hợp tác. Trên thực tế, một môi trường dân chủ mở rộng cho tài năng, dựa trên sự tôn trọng khả năng *thực hiện* điều gì đó, có chiều hướng chỉ còn tồn tại trong lĩnh vực thể thao điền kinh.

Vì thế, có một sự giống nhau lạ lùng giữa vai trò của người thầy trong trường học hiện đại với một lớp ít học sinh - vai trò được lan truyền từ các trường tư tân tiến sang một số lớn trường công - với vai trò của ban quan hệ lao động trong nhà máy hiện đại. Tương tự như người thầy, ban quan hệ lao động ngày một quan tâm nhiều hơn đến sự hợp tác giữa công nhân với công nhân và giữa công nhân với ban lãnh đạo, cũng như ngày một ít bận tâm đến tay nghề kỹ thuật của công nhân. Trong một số nhà máy tiến bộ hơn thậm chí còn xuất hiện thể thức quyết định dân chủ về những vấn đề gây tranh cãi - đôi khi cũng quan trọng vì nó ảnh hưởng đến lương bổng và quy định thâm niên, nhưng thường thì không có gì đáng kể, cũng giống như những quyết định tương tự của ban giám hiệu trường tiểu học. Do vậy, trẻ ngoại tại định hướng được học ngay trong nhà trường cách tìm chỗ đứng cho mình trong một xã hội, nơi mà nhóm xã hội không chú trọng nhiều đến cái mà nhóm tạo ra so với các mối quan hệ nội nhóm, so với tinh thần chung của nhóm.

CHƯƠNG III
Bồi thẩm đoàn là nhóm ngang hàng: sự thay đổi trong các tác nhân hình thành tính cách (tiếp theo)

Chủ nghĩa cá nhân là một giai đoạn chuyển tiếp giữa hai dạng tổ chức xã hội.

W.I Thomas, *Cô gái không thích nghi*[123]

I. Nhóm ngang hàng trong giai đoạn nội tại định hướng

Cùng với sự suy tàn của hình thức đại gia đình (kiểu gia đình truyền thống định hướng có thể gồm các cô cậu, anh chị em họ và những họ hàng thân thích khác), đứa trẻ dưới mái nhà theo nội tại định hướng thường phải đối mặt những áp chế khắt khe của hình mẫu cha mẹ được lý tưởng hóa. Nó có thể phải ganh đua với anh chị em nhằm nhận được sự ưu ái của cha mẹ, hay để tránh né sự phản đối của họ. Về lý thuyết, con cái có thể cùng nhau chống lại sự độc đoán của cha mẹ, nhưng theo các tiểu thuyết thời bấy giờ, trường hợp thường xảy ra hơn là cha mẹ chia rẽ con cái để dễ chi phối. Con cái trong một gia đình không thể có phản ứng đồng đều như một nhóm ngang hàng vì chênh lệch tuổi tác. Hiển nhiên là đứa trẻ nào cũng luôn phải đối mặt các vấn đề riêng và nó chỉ có thể đơn độc với mớ rối rắm ấy - trừ phi may mắn có bà giúp việc hay người dì biết đồng cảm.

Đây là cái giá mà đứa trẻ nội tại định hướng phải trả cho hoàn cảnh trong đó sự trưởng thành của nó không bị chậm trễ vì phải chờ đợi các nhóm ngang hàng cùng độ tuổi. Cha mẹ không kìm giữ đứa trẻ, bởi lẽ theo "những cá nhân có uy tín" thì nó vẫn chưa đủ sẵn sàng. Trong các lá thư Huân tước Chesterfield[124] gửi con trai, ta thấy được quan điểm thiếu chuẩn xác phổ biến trong rất nhiều tài liệu của giai đoạn đầu thời cách mạng công nghiệp, rằng đứa trẻ chẳng qua là người trưởng thành còn non nớt và thiếu kinh nghiệm. Huân tước Chesterfield viết như thể cậu con trai mới 15 tuổi của ngài đã đạt đến độ trưởng thành về giới tính và trí tuệ, cậu chỉ cần thông minh chín chắn và đạt được ảnh hưởng trong quan hệ xã hội. Phụ huynh theo nội tại định hướng không cho rằng bổn phận làm cha mẹ của họ bao gồm cả việc rèn luyện cho con mình chơi đùa với bọn trẻ đồng lứa ngoài gia đình hay dạy con hợp tác với các bạn một cách hòa nhã.

Kết quả là đứa trẻ, bị vây quanh bởi toàn những người lớn theo nội tại định hướng, thường phải đối mặt với những đòi hỏi hết sức phi lý. Đứa trẻ không bị

kìm giữ nhưng cũng không hề được nghỉ ngơi. Đứa trẻ đang lớn có thể phản ứng lại đòi hỏi của cha mẹ bằng mặc cảm tội lỗi và nỗ lực đến tuyệt vọng để sống xứng đáng với hình mẫu được đưa ra hay bằng sự nổi loạn chống lại hình mẫu đó trong đơn độc; nó không phản ứng lại, như trong môi trường ngoại tại định hướng, bằng cách tận dụng nhóm ngang hàng như một hội hòng khiến những người lớn hay âu lo phải nhún nhường nếu họ đưa ra những kỳ vọng bất hợp lý hay thậm chí là bất thường đối với trẻ. Ở thời này, đôi khi hoàn toàn có thể nuôi dạy con trẻ tương đối tách biệt với các nhóm ngang hàng tuổi nó, dù rằng đứa trẻ vẫn giữ liên lạc với các bạn ở trường. Hình ảnh các cô cậu bé nhà giàu đáng thương và tội nghiệp là kết quả của thời đại này, khi con trẻ thường là tù nhân xã hội của cha mẹ và các bảo mẫu.

Trên thực tế, chỗ ở của gia đình có ý nghĩa khác hẳn nhau trong ba giai đoạn dân số. Trong giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số, trừ các bộ tộc săn bắn và du mục, thì nhà ở luôn là cố định. Là trung tâm cho hầu hết hoạt động của quá trình hòa nhập xã hội, ngôi nhà tượng trưng cho tầm quan trọng chính yếu của đại gia đình trong quá trình đó. Trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp, thanh thiếu niên phải xa rời gia đình và xây dựng tổ ấm mới ở nơi khác. Anh ta sẽ đến một vùng biên chưa khai khẩn hay một thành phố chưa phát triển; ở đó anh ta lập gia đình rồi định cư. Mái nhà mới này có ý nghĩa quyết định trong quá trình hòa nhập xã hội của con cái anh ta, dù trường học và những thành tố chuyên biệt khác bên ngoài gia đình cũng đóng các vai trò ngày một quan trọng.

Trong giai đoạn chớm giảm dân số, người ta vẫn thường xuyên thay đổi chỗ ở, nhưng là để tìm kiếm các đường biên tiêu thụ cũng như sản xuất. Nghĩa là, họ tìm các khu dân cư tử tế để con cái họ về sau gặp được những người đàng hoàng. Mặc dù ngày nay ở nước Mỹ, phần nhiều những cuộc dời đổi chỗ ở là để tìm việc làm tốt hơn, cả trong nội thành hay từ thành phố này sang thành phố khác, nhưng cũng ngày càng có nhiều người chuyển chỗ ở nhằm tìm kiếm nơi ở có hàng xóm và trường học tốt hơn. Vì có nhiều người cùng muốn chọn các khu dân cư tốt, nên áp lực này, cùng với sự chuyển biến nhanh chóng các giá trị và xu thế cư trú của người dân thành thị Mỹ, hàm nghĩa là không ai định cư mãi một chỗ cả cuộc đời. (Vì khi bọn trẻ đã lớn khôn và tạo dựng gia đình riêng, cha mẹ sẽ lại nảy sinh ý muốn chuyển chỗ ở, có lẽ là để tìm kiếm các giá trị khác cho chính mình.) Do vậy, qua chính sự lựa chọn nơi định cư, cha mẹ theo ngoại tại định hướng cho thấy họ đánh giá ra sao về những mối liên hệ xã hội của con cái mình. Và đương nhiên, vì phải sống trong một không gian chật hẹp với một hai đứa con, gia đình thành thị và ngoại ô nảy sinh nhu cầu sử dụng không gian - không gian thực tế và cảm xúc - vượt ra khỏi giới hạn của căn nhà, cho các hoạt động của đám trẻ đang khôn lớn. (Cũng trong giai đoạn này các gia đình thuộc tầng lớp lao động có thêm nhiều không gian

sống hơn là trong thời công nghiệp hóa trước đó; thế nhưng ở đây chúng ta chỉ khảo cứu lịch sử của giai tầng trưng lưu.)

Giờ quay trở lại tình cảnh của đứa trẻ nội tại định hướng, ta sẽ thấy là nó tìm bạn chơi hoặc trong số anh chị em hoặc trong nhóm trẻ có thể lớn tuổi hơn nó khá nhiều bên các gia đình hàng xóm. Hình thức này còn tồn tại ở các vùng nông thôn, nơi đám trẻ tụ tập ngoài ao tắm hay sân bóng thường bao gồm những cá nhân thuộc khá nhiều độ tuổi; không có sân chơi ngăn cách các nhóm tuổi. Dẫu vậy, sau khi đã đạt một "độ tuổi biết suy xét", trẻ kiểu nội tại định hướng được trông chờ phải giới hạn các mối quan hệ bạn bè chỉ với những ai thuộc tầng lớp xã hội tương đương. Giai cấp phải là một rào cản có ý thức bởi lẽ thời đó các khu dân cư chưa bị phân cách theo giai cấp và sắc tộc rõ rệt như ở nhiều vùng ngoại ô ngày nay - cũng như người da trắng và người da đen ở miền Nam vẫn thường sống kề cận nhau. Từ 5 đến 15 tuổi, giới tính cũng là một rào cản cho trẻ kiểu nội tại định hướng, trường học chung cho con trai con gái là rất hiếm và nếu có thì ở đó người ta không nỗ lực khuyến khích hòa nhập hai giới, cũng như chẳng mấy ai nỗ lực hòa hợp các giai tầng xã hội: không trường nào tổ chức các buổi khiêu vũ cho học sinh lớp sáu lớp bảy. Nếu so với những đứa trẻ kiểu ngoại tại định hướng ngày nay, trẻ theo nội tại định hướng - bị hạn chế khi chọn bạn và tự giới hạn bản thân vì ý thức rõ được địa vị hiện tại của mình và địa vị mà nó khát khao - có vẻ được coi là "khó tính".

Bị kìm hãm trong những giới hạn xác định bởi địa lý và sự cấm đoán, khi gần đến tuổi dậy thì đứa trẻ nội tại định hướng sẽ nảy sinh mong muốn cần tìm một hai người bạn thân. Cậu ta có thể thấy, ở một người họ hàng hay người bạn lớn tuổi hơn, một mẫu người để học theo và ngưỡng mộ. Nhưng trong nhiều trường hợp cậu ta sẽ chọn một người bạn thân dựa theo sự tương đồng về sở thích - những sở thích cá nhân mang dấu ấn riêng và thường được lưu giữ ngay cả khi trẻ đã trưởng thành. Ta vẫn có thể quan sát hình thức này tại các trường nam sinh ở Anh, ở đó đứa trẻ nào cũng có đam mê riêng. Một số trẻ thấy mãn nguyện khi được ở một mình - riêng niềm đam mê đã đủ để làm bạn đồng hành rồi. Nhiều trẻ kết bạn với nhau một cách nhanh chóng khi có cùng sở thích như nuôi chim, đi xe máy, sưu tầm khoáng vật, hay yêu thơ.

Như chúng ta sẽ thấy ở Chương XV, một niềm đam mê hay sự khéo tay tự bản thân nó không phải là dấu hiệu rõ ràng của kiểu nội tại định hướng: trẻ ngoại tại định hướng cũng có thể theo đuổi các đam mê tương tự. Thậm chí, ở một mức độ nào đó, trên danh nghĩa niềm đam mê của hai phía là trùng hợp. Nhưng sự đam mê của trẻ nội tại định hướng và ngoại tại định hướng lại khác hẳn nhau về ý nghĩa và bối cảnh xã hội. Trẻ nội tại định hướng sẽ chẳng mấy khi đem sở thích riêng ra chia sẻ với một nhóm đông các bạn bè đồng lứa - sưu tầm tem có thể là ngoại lệ - và khi những trẻ có chung đam mê này gặp gỡ, chúng cũng chỉ trao đổi hiểu biết kỹ thuật và thể hiện lòng nhiệt tình, như hai

nông dân cùng chia sẻ thông tin về các giống gia súc ưa thích. Chẳng có gì đáng lo trong những cuộc gặp gỡ như vậy: không nảy sinh vấn đề nào từ việc duy trì các dị biệt hóa biên tế (khác biệt, nhưng không quá lớn) về sở thích như chúng ta sẽ thấy ở trẻ kiểu ngoại tại định hướng. Đứa trẻ không bị dao động khi thấy các bạn có niềm đam mê khác; đúng hơn, nó hãnh diện vì bản thân có phong cách riêng được tôn trọng trên phạm vi rộng.

Tuy nhiên, cho phép tôi lưu ý độc giả, đừng quá nuối tiếc những điều nêu trên, như khi nhớ đến các tác phẩm *Penrod* hay *Huckleberry Finn*[125] hay thậm chí là thời niên thiếu tràn đầy lý tưởng của mình. Nhóm ngang hàng có thể tranh đua kịch liệt trong thể thao và học hành, sự ganh đua này được các huấn luyện viên, thầy cô và những người lớn khác tích cực khích lệ. Nhiều học sinh đạt giải thưởng ở tiểu học đã suy sụp khi không vượt qua được cuộc đua tranh khắc nghiệt hơn ở trung học. Nhiều điều đã sụp đổ - và còn nhiều điều nữa cũng có nguy cơ bị sụp đổ - trong những cuộc chạy đua như vậy; và trẻ nội tại định hướng không dễ mà thay đổi các mục tiêu đã bám rễ trong đầu nó, theo kiểu *Con cáo và chùm nho*,[126] khi những mục tiêu ấy dường như trở nên nằm ngoài tầm với. Hơn nữa, cha mẹ và thầy cô thiếu hiểu biết về tâm lý nhiều khi lại bắt trẻ noi theo gương mấy đứa bạn đáng ghét chỉ biết chúi đầu vào học, áo quần bảnh bao và luôn tỏ vẻ lễ phép.

Trên hết tất cả, số phận của nhiều trẻ nội tại định hướng là cô đơn ngay trong gia đình và cả ở ngoài xã hội. Tại gia đình, lớp học, trên đường tới trường đều có thể là những nơi chúng bị bắt nạt, đối xử tệ bạc và không được ai thấu hiểu. Không người lớn nào đứng ra can thiệp cho đứa trẻ đơn độc bị bắt nạt nhằm tỏ lòng cảm thông, hỏi han hay khuyên nhủ. Người lớn không cho rằng việc chơi đùa của trẻ là quan trọng; họ chỉ trích những đứa trẻ có vẻ mê mải việc chơi mà ít quan tâm chuyện học hành. Giáo viên có xu hướng thiên về phương pháp trắc lượng xã hội sẽ không cố chia tách các hội nhóm trong trường chỉ nhằm đảm bảo không em nào bị ra rìa. Trong công trình nghiên cứu mang tên *Middletown* của Lynd, có một minh chứng điển hình cho thấy sự đua đòi quá độ của thanh thiếu niên, đó là câu chuyện về đứa con gái bỏ học vì bà mẹ không mua nổi cho nó đôi tất lụa. Thường thì trẻ không nhận thức được rằng chúng có quyền có bạn bè, quyền được nhận sự cảm thông cũng như hưởng thụ thú vui - quả thực chúng không biết người lớn có thể rất để tâm đến những chuyện như vậy - chúng chỉ lẳng lặng chịu đựng và phục tùng những điều hết sức quá quắt.

Nhờ quan điểm ngày nay, chúng ta mới thấy được những điểm lợi bị lẫn trong các điều bất lợi nêu trên. Có thể thấy rằng trong một xã hội coi trọng kiểu nội tại định hướng thì nỗi cô đơn và thậm chí sự ngược đãi không bị coi là những điều tồi tệ nhất. Cha mẹ, đôi khi ngay cả thầy cô, nắm giữ uy quyền đạo đức lớn lao, còn nhóm ngang hàng đem lại ít ảnh hưởng đạo đức hơn, dù

ảnh hưởng đó có thể hấp dẫn hay mang tính đe dọa. Người lớn hiếm khi can thiệp để hướng dẫn và giúp đỡ trẻ, họ cũng không bảo với trẻ rằng nó nên là một phần của đám đông và *phải* được vui chơi.

II. Nhóm ngang hàng trong giai đoạn ngoại tại định hướng

Phụ huynh trong thời ngoại tại định hướng thống trị xã hội đã mất đi vai trò đã từng là hiển nhiên không thể bàn cãi; người cha không còn là "thống đốc" trong gia đình hay là người đào tạo ra các thống đốc nữa. Những uy quyền khác trước kia nằm trong tay bảo mẫu và người bà gần như biến mất, hoặc như uy quyền của người thầy, đảm nhận vai trò mới là người trợ giúp và trung gian hòa giải cho các nhóm ngang hàng - vai trò này có lẽ gần tương tự như các giáo sĩ, những người mà trong giáo đoàn người trưởng thành, đi từ đạo lý sang tinh thần.

Như đã chỉ ra, thành phố nơi trẻ kiểu ngoại tại định hướng lớn lên khá rộng lớn và phân tầng - tính cả vành đai các khu ngoại ô - đủ để tạo thành các nhóm theo độ tuổi và theo giai tầng cho trẻ. Có thể gửi trẻ vào trường, sân chơi và trại hè cùng các trẻ khác có lứa tuổi và địa vị xã hội tương đương. Nếu gọi người lớn là thẩm phán, thì bạn bè đồng lứa là bồi thẩm đoàn. Ở Mỹ, thẩm phán bắt buộc phải phục tùng vô số quy định, điều này trao cho bồi thẩm đoàn quyền lực mà không nước theo thông luật nào khác có được. Các nhóm bạn bè ngang hàng ở Mỹ cũng tương tự, không nhóm nào khác có thể bì kịp về quyền lực với một cá nhân trong khắp giới trung lưu.

Phiên tòa. Trong khi cha mẹ theo nội tại định hướng thường thúc ép đứa con thực hiện các "bổn phận" ở nhà, ví dụ như thói quen ăn ở sạch sẽ và tập đi vệ sinh, thì cha mẹ theo ngoại tại định hướng dễ tính hơn trong những chuyện như vậy, nhưng họ lại thúc ép con cái, với sự nôn nóng tương tự, trong đời sống xã hội của trẻ, dù họ thường không nhận thức được mình đang làm vậy. Cha mẹ ngày nay đạo diễn các cuộc gặp gỡ của trẻ lên ba lên bốn, cũng như người lớn sắp đặt chuyện hôn nhân cho con cái ở thời trước. Trong khi phần đông người lớn cho trẻ nhỏ ăn uống tùy theo nhu cầu, thì điều tương tự lại không được áp dụng trong quá trình hòa nhập xã hội. Thời gian biểu hằng ngày của trẻ là một nỗ lực, khi người mẹ kiêm nhiệm cả vai trò tài xế lẫn đại lý tài năng,[127] nuôi dưỡng ở đứa trẻ mọi khả năng hiện đang được coi là thiết yếu, nhất là khả năng hòa đồng. Một số người lớn không thể hiểu nổi khi quan sát thấy trẻ thích chơi một mình hay chỉ thích chơi cùng một bạn khác.

Theo cách đó, đứa trẻ đối mặt với cái chúng ta gọi là bè bạn ngang hàng về mặt trắc lượng xã hội mà không có bên mình bè bạn ngang hàng về những mặt không mấy hiển hiện ngay trước mắt, ví dụ như tính khí và sở thích. Thế nhưng vì không có những khác biệt *hiển hiện* nên trẻ khó diễn đạt để biện

minh, thậm chí là nhận thức được, những khác biệt *khó thấy* này. Trên bình diện công khai, tình trạng này được chuẩn hóa rất cao: vào bất kỳ lúc nào thuộc chu kỳ đang là thời thượng trong thực hành giáo huấn và hướng dẫn trẻ tiêu khiển, đứa trẻ nào cũng sẽ bị đối chiếu với những trẻ đồng lứa về mức độ hiểu biết. Như chúng ta đã thấy, thực ra chính sự chuẩn hóa này đã làm suy yếu quyền lực của cha mẹ, vì con cái và ngay bản thân họ đều thấy được sự lệch chuẩn ở chính họ minh chứng cho thiếu kinh nghiệm và không tương xứng. Trong bối cảnh này, người lớn nóng lòng mong con mình theo kịp nhóm bạn đồng lứa và do vậy bận tâm đến khả năng thích ứng của đứa trẻ. Cả họ cũng có khuynh hướng phớt lờ và thậm chí lấp liếm những khác biệt khó thấy giữa con mình và con người khác. Những khác biệt như vậy có thể gây hồ nghi về sự thích ứng của chính bản thân họ cũng như sự chính xác trong phản ứng của họ đối với các tín hiệu liên quan đến việc giáo huấn con cái.

Với những điều kiện trên, đa số trẻ em học hỏi rất nhanh; chính những uy quyền của người lớn vốn luôn đỡ đầu cho khả năng hiểu biết của trẻ (và do vậy làm chậm mức độ phát triển của chúng) có lẽ không mấy ấn tượng đối với bọn trẻ hiện đại theo ngoại tại định hướng biết tỏ ra chững chạc trong nhiều tình huống xã hội. Những trẻ này không e thẹn với người lớn hay với người khác phái mà chúng đi cùng đến các buổi khiêu vũ và tiệc tùng, những người chúng gặp mỗi ngày bên trong và ngoài trường. Hơn nữa, khả năng thích nghi này chuẩn bị tinh thần cho trẻ trước một dạng thức di động xã hội có phần không giống với kinh nghiệm tiến thân trong xã hội của kiểu người hãnh tiến mới nổi ở môi trường nội tại định hướng. Kiểu người hãnh tiến họa hoằn lắm mới hấp thu được cách cư xử tế nhị trong giao tiếp và trí tuệ của chúng bạn mới - thậm chí còn bắt chước và phô trương đến mức kệch cỡm. Người đó có thể hoặc giữ lại cung cách thô lậu và thấp kém hoặc khổ sở học tác phong mới khi tiến thân; trong cả hai trường hợp thì cách xử thế cứng nhắc, hạn hẹp của anh ta đều không giấu đi được. Ngược lại, trẻ kiểu ngoại tại định hướng có thể xoay trở giữa đám bạn mới với khả năng thích ứng gần như tự động trước các dấu hiệu khác biệt tinh tế nhất của địa vị mới.

Ghi nhận những thành tựu tích cực của tính hòa đồng kiểu ngoại tại định hướng này, ta hãy thôi không để ý đến những điều nhóm ngang hàng chỉ dạy và khuyến khích mà quay sang xét tới những gì nó kìm hãm. Ngày nay trẻ sáu tuổi trở lên đã biết nói câu - "nó cứ nghĩ nó giỏi lắm" (hay "nó tưởng nó là ai đó oách lắm") - điều này phản ánh vai trò của nhóm ngang hàng trong quá trình nảy sinh kiểu người ngoại tại định hướng. Mục đích là nhằm giảm xuống mức thường tất cả những kẻ nào nổi trội theo bất kỳ chiều hướng nào. Ngay từ khi còn ấu thơ và từ đó trở đi, việc phô trương tính kiêu căng được coi là một trong những điều chướng tai gai mắt nhất, có lẽ cũng nặng như sự thiếu trung thực ở thời trước. Khoe khoang là cấm kỵ.

Sự cáu kỉnh, đố kỵ ra mặt, thái độ ủ dột - những điều này cũng vi phạm quy tắc ứng xử của nhóm ngang hàng. Mọi thói tật hay cá tính độc đáo đều ít nhiều sẽ bị loại trừ hay kiềm chế. Đánh giá của các thành viên trong nhóm ngang hàng thường là vấn đề liên quan đến sở thích và khi diễn đạt người ta phải dùng đến những từ ngữ mơ hồ, liên tục thay đổi: đáng yêu, bần tiện, vụng về, cục cưng, cừ khôi, bảnh, đồ chó (không mang nghĩa chính xác)… Phép trắc lượng quan hệ xã hội theo nhóm phản ánh tình hình này, ví dụ như khi hỏi trẻ xem chúng thích ngồi cạnh ai hay không thích ngồi cạnh ai, thích có ai là bạn, muốn ai làm lãnh đạo, vân vân. Những đánh giá của trẻ có thể được cân nhắc kỹ lưỡng là bởi, và chỉ vì, tất thảy đều dựa trên những chuỗi sở thích đơn giản mà trẻ em thường xuyên dựa vào để xếp hạng lẫn nhau.

Tuy nói rằng các đánh giá của nhóm ngang hàng chủ yếu là do vấn đề về sở thích, không liên quan đến đạo đức hay thậm chí chủ nghĩa cơ hội, nhưng không có nghĩa là trẻ có thể mặc kệ những đánh giá này. Trái lại, chưa bao giờ trẻ phải lệ thuộc vào những đánh giá đó đến như vậy. Nếu nhóm ngang hàng là - ở đây chúng ta vẫn chỉ bàn đến tầng lớp trung lưu thành thị - một nhóm ngông cuồng, đồi bại, xấu xa, cá nhân đứa trẻ có thể cảm thấy bất bình như là một biện pháp tự vệ trước những mệnh lệnh của nhóm. Nhưng cũng như uy quyền của người lớn trong các quá trình hòa nhập xã hội theo ngoại tại định hướng, nhóm ngang hàng thường thân thiện và khoan dung. Chúng chú trọng tinh thần "chơi đẹp". Các điều kiện gia nhập nhóm có vẻ hợp lý và cởi mở. Nhưng ngay cả khi không như vậy, việc tỏ ra phẫn nộ trước sự bất công đã trở thành lỗi thời. Đứa trẻ do vậy bị đưa ra phiên xử của bồi thẩm đoàn mà không nhận được sự bào chữa hoặc từ ý thức đạo đức hoặc từ phía người lớn. Toàn thể đạo lý là của nhóm. Trên thực tế, việc điều đó chính là một đạo lý cũng bị che đậy bởi cái ý niệm rằng chức năng của nhóm là để được vui vẻ, để chơi đùa; thành thử cái điều nghiêm túc đến buồn tẻ có thể giúp bào chữa cho trẻ khi coi điều trên là vấn đề, do vậy mà bị ẩn đi.

"Chuyện ai cũng nhắc đến": trao đổi các sở thích. Trong mắt bồi thẩm đoàn tức nhóm ngang hàng, hôm nay ta có thể là một gã tử tế, mai kia lại là một kẻ đáng ghét. Sự khoan dung, chưa nói đến việc được lãnh đạo, phụ thuộc vào phản ứng nhạy bén của cá nhân trước thay đổi của các xu hướng hợp thời. Có thể dùng một số cách để đạt được điều này. Một là hy sinh sự độc lập trong đánh giá và ý thích - một kiểu biện hộ im lặng.[128] Một cách khác là cầu xin đặc cách bằng việc đạt được kỹ năng đặc biệt nào đó mà người ta có thể coi trọng với tư cách là một người tiêu dùng - thể hiện tài năng trong việc sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi. Nếu gặp may, một cá nhân thậm chí có thể trở thành người dẫn dắt về sở thích cũng như ý kiến và có ảnh hưởng lớn đối với bồi thẩm đoàn.

Mỗi nhóm ngang hàng đều có những cộng đồng và biệt ngữ riêng. Sự an

toàn không nằm ở khả năng thuần thục một kỹ năng khó mà nằm ở sự tinh tường một nhóm lớn thị hiếu và cách biểu đạt chúng. Những thị hiếu này được áp dụng cho mặt hàng tiêu dùng hay các "thần tượng" và cho chính thành viên trong nhóm. Phương thức biểu đạt thích hợp đòi hỏi phải biết dò ra sở thích của người khác bằng sự khéo léo và độ tinh nhạy rồi trao đổi những thứ thích và không thích với nhau nhằm tăng sự hòa hảo trong nhóm.

Giờ đây một số trong các điều trên đã trở nên quen thuộc ngay cả ở giai đoạn phụ thuộc vào nội tại định hướng; do vậy, quan trọng là xác định được mức độ mà sự tập thành các sở thích mang tính chất tiêu dùng thay thế cho sự tập thành phép tắc xã giao. Cư xử theo phép xã giao có thể được xem là phương tiện để giữ quan hệ với những người mà ta không tìm kiếm sự thân tình. Điều đó đặc biệt hữu ích khi người trưởng thành và thanh thiếu niên, đàn ông và đàn bà, các giai tầng trên và dưới tách bạch rõ ràng và khi cần phải có chuẩn mực để dàn xếp trao đổi qua những lằn ranh này. Do vậy, phép tắc xã giao có thể vừa là phương tiện giúp đến gần cũng vừa là phương tiện để giữ khoảng cách với mọi người. Với một số người, phép xã giao có thể mang ít sức nặng cảm xúc - một cái "áo khoác hành vi" thuận tiện; với người khác thì thứ bậc trong các mối quan hệ xã hội qua phép xã giao có thể mang ý nghĩa cảm xúc lớn lao - một bằng chứng cho sự cưỡng chế tính cách. Nhưng dù trong trường hợp nào, phép xã giao tồn tại không phải vì cuộc gặp gỡ giữa các cá nhân trên danh nghĩa tự thân mà là cuộc gặp gỡ giữa họ trên danh nghĩa đại diện cho vai trò xã hội của từng người, với thứ bậc và đẳng cấp rõ ràng.

Khi so sánh với điều trên, việc tập thành những sở thích mang tính chất tiêu dùng - vốn có chiều hướng thay thế phép xã giao giữa những người kiểu ngoại tại định hướng - vô cùng hữu ích đối với nội bộ nhóm bồi thẩm đoàn ngang hàng về tuổi tác và giai cấp xã hội, nhưng lại không được như vậy đối với các nhóm tuổi và tầng lớp xã hội khác nhau. Ví dụ, trong một số nhóm - trẻ em cũng như người lớn - thảo luận có thể hướng tới những dị biệt hóa biên tế giữa xe Cadillac và xe Lincoln, còn trong các nhóm khác thảo luận lại xoay quanh xe Ford và xe Chevrolet. Điều quan trọng trong cả hai trường hợp là: khả năng liên tục nhận thức được thị hiếu của người khác, thường cần tới một quá trình mang tính can thiệp sâu hơn nhiều chứ không đơn thuần chỉ là những trao đổi và pha trò lịch sự mà phép xã giao đòi hỏi. Dĩ nhiên, trẻ không dễ dàng trở nên thân thiết với những người mà nó san sẻ các thị hiếu - sự trao đổi này thường chỉ là tán gẫu về hàng hóa. Thế nhưng, có một nguồn sức mạnh xúc cảm nhất định, thậm chí là háo hức, lan tỏa trong kiểu giao tiếp này. Một mặt, người kiểu ngoại tại định hướng tự tạo cho mình mối quan tâm sâu sắc đến thị hiếu nhất thời của "người khác" - mối quan tâm mà trẻ kiểu truyền thống định hướng hay nội tại định hướng không thể hiểu nổi vì thị hiếu của chúng chịu ảnh hưởng của một quá trình hòa nhập xã hội ít phân hóa hơn. Mặt khác, trẻ

kiểu ngoại tại định hướng, vì luôn để tâm học hỏi từ các cuộc trao đổi, biết phải tự chú ý xem thiết bị rađa nhận thức trong mình hoạt động có ổn không.

Điều bất di bất dịch trong các giai tầng xã hội chịu sự khống chế của các xu thế là: để không trở nên lạc hậu do xu thế biến động, cần rèn luyện khả năng thay đổi nhanh chóng theo xu thế mới; để thoát được nguy cơ bị quy kết là khác biệt với "mọi người", cá nhân cần phải khác hẳn với *chính bản thân* ngày hôm qua - cả về bề ngoài, ăn nói và cung cách. Về điểm này, cũng cần nhận thức được chính xác cái gì đã thay đổi. Nhìn chung, các xu thế được mở rộng tùy thuộc từng giai cấp và ngày một tiến nhanh về mặt thời gian. Trong nền kinh tế mang tính nhàn hạ của giai đoạn chớm giảm dân số, bộ máy phân phối của xã hội được cải thiện, cả về phân phối thu nhập lẫn hàng hóa. Có thể thúc đẩy tốc độ biến động xu thế cũng như phân biệt hàng hóa bằng các chuẩn đo lường hết sức chi tiết. Trong các giai đoạn sau, sản xuất hàng loạt và tiêu thụ đại trà không chỉ cho phép và đòi hỏi mức tăng khổng lồ về số lượng mà còn về sự khác biệt chất lượng giữa các sản phẩm - không chỉ như là hệ quả của nỗ lực độc quyền dị biệt hóa biên tế mà còn vì luôn có những bộ máy và tổ chức sẵn sàng cho thiết kế, sản xuất và phân phối đủ loại hàng hóa một cách nhanh chóng.

Điều này có nghĩa người tiêu dùng phải nỗ lực tiếp thu nhiều hơn so với thời kỳ đầu của công nghiệp hóa. Lấy một ví dụ, người nước ngoài đến Mỹ rất có thể sẽ cho rằng những cô bán hàng, các quý bà thượng lưu cũng như nữ diễn viên điện ảnh hết thảy đều ăn mặc như nhau, khác hẳn với sự phân biệt địa vị rõ ràng ở châu Âu. Nhưng người Mỹ biết - phải biết nếu cá nhân muốn thành công trong cuộc sống và tình yêu - rằng nhận định trên đơn thuần là nhầm lẫn: rằng phải nhìn ra những khác biệt tuy nhỏ nhưng là dấu hiệu riêng của phong cách và địa vị, chẳng hạn phải để ý thấy cách ăn mặc đôi khi xuề xòa nhưng có phong cách của tầng lớp thượng lưu so với những bộ đồ chải chuốt nhưng thiếu tự nhiên của tầng lớp lao động. Vào thời mà phép tắc xã giao còn được coi trọng, các khác biệt rõ ràng hơn nhiều.

Phải lắng nghe những đứa trẻ hãy còn ít tuổi thảo luận về người mẫu trên truyền hình, kiểu dáng ô tô, hay ưu thế của từng loại tàu cao tốc, ta mới biết với tư cách người tiêu dùng thì chúng rành rẽ đến mức nào, dù là còn rất lâu bản thân chúng mới đủ lớn để có tiếng nói quyết định - nhưng không nên đánh giá thấp ảnh hưởng của chúng lên các quyết định chung của gia đình. Bọn trẻ tham dự vào những cuộc trao đổi đánh giá ngay cả khi cha mẹ chúng không thể sắm nổi các món đồ được bàn đến; thực ra, nền kinh tế sẽ phát triển chậm lại nếu chỉ những ai sẵn tiền mới được đào luyện thành người tiêu dùng.

Phạm vi rộng hơn của xu thế xã hội hóa thị hiếu ngày nay thể hiện trong một thay đổi mang tính quyết định khác từ thời còn phụ thuộc vào nội tại định hướng. Hồi đó, vì phép tắc xã giao và cách biệt giai cấp, một số lĩnh vực trong

đời sống được xem là riêng tư: sẽ là vi phạm phép xã giao nếu xâm phạm hay cho phép xâm phạm những lĩnh vực ấy. Song ngày nay, cá nhân phải sẵn sàng cởi mở để đối chất trong gần như bất kỳ lĩnh vực nào mà nhóm ngang hàng quan tâm tới. Điều đó có thể trở thành xu thế, ví dụ như một số bài trong loạt "Chân dung lớp trẻ" đăng trên tạp chí *Ladies' Home Journal* cho thấy, những thiếu nữ bắt đầu thích thảo luận kỹ năng ôm hôn của tình địch với chính bạn trai mình.[129] Trong khi trò chơi hôn nhau "bưu điện"[130] đã lỗi thời thì việc phải bộc lộ chuyện riêng tư thầm kín trong tình yêu vẫn là điều mới mẻ. Vốn dĩ hẹn hò từ độ 12-13 tuổi, đứa trẻ từ sớm đã hiểu là thị hiếu của nó trong cảm xúc cũng như đối với hàng tiêu dùng phải được đem ra san sẻ cho những lần tán gẫu. Trong khi phép xã giao dựng rào cản giữa mọi người, việc trao đổi các thị hiếu tiêu dùng lại đòi hỏi: sự riêng tư hoặc phải bị từ bỏ hoặc được đem cất giữ như nhà thần học có đầu óc tự do cất giữ Thượng đế của mình, vào những góc khuất trong bản tính ta. Trước bồi thẩm đoàn là các bạn đồng lứa, cá nhân không được quyền miễn buộc tội bản thân.

Chính các lực lượng củng cố quá trình xã hội hóa thị hiếu cũng tạo ra các tiêu chuẩn thành tích được xã hội hóa cao hơn. Trẻ kiểu ngoại tại định hướng, khi học chơi piano, là đang ngày ngày đua tranh với các ngôi sao trong studio. Đứa trẻ không nhớ có lúc nào mà những lời bình phẩm của bạn bè đồng lứa hoặc người lớn lại không dính đến so sánh phần trình bày của nó với những thần tượng kia. Bất kể đứa trẻ thử làm gì - cố đạt một thành quả nghệ thuật, một lối diễn thuyết, một mẹo ảo thuật - thì nhóm ngang hàng cũng luôn thường trực để nhận định điều đó và đưa ra phán quyết với sự sành sỏi điển hình của khán giả truyền thông. Chẳng mấy chốc quá trình này được nội tại hóa, và thế là đứa trẻ cảm thấy mình đang tranh đua với các nghệ sĩ lớn như Eddie Duchin hay Horowitz[131] dù thực ra bên cạnh nó không có ai khác. Do vậy, trẻ kiểu ngoại tại định hướng sẽ khó trau giồi được một năng khiếu đặc thù cá nhân: các chuẩn mực quá cao, mà trẻ lại có quá ít thời gian riêng tư để chín muồi.

Mẫu thức kiểu mới cho sự nổi tiếng giờ đây không còn chịu ảnh hưởng nhiều bởi khả năng chơi nhạc cụ nữa mà phụ thuộc chủ yếu vào khả năng biểu đạt các loại hình âm nhạc đang thịnh hành. Mùa thu năm 1947 tôi tiến hành một số phỏng vấn với các nhóm thanh thiếu niên ở Chicago, nội dung liên quan đến sở thích của họ về các bản nhạc thịnh hành, ngoài ra tôi cũng tham khảo cả nhạc công chuyên nghiệp, danh sách bản nhạc được yêu cầu ở máy hát tự động, và một số nguồn khác để hỗ trợ thêm cho nghiên cứu của mình. Chủ yếu là tôi muốn biết những thanh niên này áp dụng thị hiếu âm nhạc của họ vào quá trình thích nghi với nhóm ngang hàng ra sao. Tương tự như trò sưu tầm thẻ bài của nhóm trẻ độ 8-11 tuổi có thể coi là tượng trưng cho việc cạnh tranh trong tiêu dùng, sưu tầm đĩa hát có vẻ là một cách để xác lập sự gắn bó

của cá nhân với nhóm bạn, cũng như khả năng ngân nga các giai điệu thịnh hành là một phần trong những yếu tố cần cho sự hòa đồng. Đòi hỏi trong đám con gái khắt khe hơn so với con trai, dù vậy cánh con trai cũng không được suôn sẻ cho lắm. Các giai điệu nói về con người: những con đường đến với tâm hồn con người, ký ức của họ. Đồng thời những thanh thiếu niên này cũng thể hiện âu lo về việc làm sao để có các thị hiếu "sành điệu". Khi tôi có dịp phỏng vấn một nhóm trẻ, các thành viên trong nhóm nhìn quanh dò xét xem bạn khác nghĩ gì rồi mới đưa ra ý kiến - ít nhất cũng là về các bản nhạc hay đĩa hát cụ thể, hoặc không thì là về một thể loại nhạc chung chung, ví dụ như giao hưởng hay nhạc hillbilly, những bản nhạc hay thể loại mà chúng có thể biết chắc về phản ứng của nhóm bạn. Độc giả nào chưa tự mình quan sát thấy mức độ lo âu ở giới trẻ về việc không hòa nhập được với nhóm bạn có thể sẽ phản đối bằng nhận xét: người trẻ bao giờ chẳng muốn hùa theo chúng bạn cùng nhóm. Đúng; tuy nhiên tôi vẫn cho rằng, dường như mấu chốt ở đây là vấn đề mức độ âu lo và rằng cái nhu cầu cần có sự hợp gu trong âm nhạc ngày nay chuyên biệt và đòi hỏi khắt khe hơn so với trước đây, thời mà một số trẻ có thể, hay bị cha mẹ ép buộc, phải am hiểu âm nhạc trong khi một số khác có thể không cần biết âm nhạc là gì.

Ngay cả trong số những thanh thiếu niên được phỏng vấn có học piano, niềm yêu thích âm nhạc từ chính bản thân họ cũng gần như không tồn tại. Một cậu bé 14 tuổi dường như có niềm đam mê âm nhạc thực sự, cậu chơi các bản piano "cổ điển". Thế nhưng mẹ cậu lại nói với người phỏng vấn là bà không để cậu tập đàn quá nhiều vì sợ cậu lạc nhịp với các bạn khác, và cứ một mực cho rằng cậu rất xuất sắc về thể thao. "Tôi mong cháu nó là một cậu bé bình thường", bà nói. Kinh nghiệm thu được từ nghiên cứu này của tôi dường như gợi ý rằng những sở thích mang tính chất tiêu dùng không được coi như đòn bẩy phát triển khả năng của con người giúp liên hệ bản thân với các đối tượng văn hóa. Vì các đối tượng này hầu như không được trao ý nghĩa về mặt giá trị cá nhân khi mà chúng được sử dụng quá nhiều làm thước đo trong phương pháp ưu tiên giúp liên hệ bản thân với người khác. Các đối tượng văn hóa, bất kể bản chất của chúng, là những đồ lưu niệm không mang tính nhân văn, do lực tác động của một thứ xúc cảm quyến luyến chân thật đặc thù mang tính cá nhân.

Người đi quá sâu trong những trao đổi sở thích đơn thuần là người dẫn dắt ý kiến[132] muốn gây ảnh hưởng đến các nhận định cũng như lặp lại chúng - thực sự là một trò chơi nguy hiểm. Các mối nguy, tuy vậy, lại được giảm thiểu nhờ người chơi tham gia trong những giới hạn mà sự dị biệt hóa biên tế đặt ra. Phỏng vấn của tôi cho thấy rằng mỗi nhóm tuổi giới hạn trong một vùng và tầng lớp đều có sở thích âm nhạc riêng; chẳng hạn, những người trẻ sẽ thích loại "ngọt ngào", nhưng kiểu đó lại bị coi là "sướt mướt" đối với những người

lớn tuổi hơn một chút. Trong xu hướng chung này, một cô bé có thể quả quyết là không thể chấp nhận Vaughn Monroe hay Perry Como là ca sĩ hàng đầu. Một khi dám phát biểu ý kiến quyết liệt như vậy, có khả năng cô bé đã là, hoặc muốn là, người dẫn dắt ý kiến. Bởi lẽ nhiều thanh thiếu niên không thể hiện rõ sự ưa thích mạnh mẽ hay chán ghét đặc biệt nào - dù họ có thể cùng thấy chán ghét nhiều thứ, như loại nhạc hot jazz hay hillbilly. Những thanh thiếu niên ấy là kiểu theo đuôi người dẫn dắt ý kiến, hiếm khi đủ khả năng có được dù là một chút khác biệt không đáng kể.

Nguồn sinh lực lớn lao của người kiểu ngoại tại định hướng dồn vào những lĩnh vực tiêu dùng không ngừng rộng mở, trong khi sinh lực của kiểu người nội tại định hướng liên tục dồn vào việc sản xuất. Những hình mẫu nội tại định hướng thường ngăn cản cả người lớn lẫn trẻ em trước sự tiêu dùng. Nhưng ở thời khác, và nhất là trong các giai tầng xã hội cao hơn không bị ảnh hưởng nhiều bởi chủ nghĩa khắc kỷ kiểu Thanh giáo, người nội tại định hướng - trong thời gian nghỉ ngơi, ấy là nói vậy, để tiết kiệm và trau giồi đạo đức - cũng tiêu dùng hết mình như khi anh ta (hay các bậc tiền bối của anh ta) sản xuất. Ta có thể thấy rõ điều này qua cách thức tiêu dùng khoa trương của tầng lớp thượng lưu, anh ta thèm khát được sở hữu và phô trương, một khi những gò bó truyền thống định hướng xưa dần trở nên bớt khắt khe. Dựa trên chủ nghĩa cá nhân mãnh liệt, anh ta theo đuổi cả tích trữ lẫn tiêu dùng của cải. Chắc chắn là các mục tiêu của anh ta đã được quyết định do ảnh hưởng của xã hội, nhưng không phải bằng hiệp hội người tiêu dùng đương đại mà bằng các mô thức ham muốn mang tính kế thừa, ổn định không kém gì ham muốn tiền bạc. Các mục tiêu như nhà đẹp, ngựa tốt, mỹ nữ, những món đồ nghệ thuật tinh xảo - đều có thể là những món đầu tư vì có giá trị hiếm khi thay đổi trong thang bậc người tiêu dùng ưa chuộng.

Ngày nay những theo đuổi tương đối ổn định và mang tính cá nhân trên được thay thế bằng các thị hiếu thay đổi thất thường mà người kiểu ngoại tại định hướng tiếp nhận từ nhóm ngang hàng. Hơn nữa, rất nhiều mong muốn nảy sinh trong xã hội phụ thuộc vào nội tại định hướng vốn thúc đẩy con người làm việc và đẩy họ đến mức điên rồ giờ đây lại được thỏa mãn khá dễ dàng; những mong muốn ấy đã nhập vào mức sống mà hàng triệu người hiện giờ xem là đương nhiên. Dù vậy sự thèm khát vẫn không mất đi. Đó là sự thèm khát các thỏa mãn mà những người khác đều có vẻ như đạt được, sự thèm khát không có đối tượng. Người tiêu dùng ngày nay mất dần đi phần lớn tính cá thể tiềm tàng là bởi tư cách thành viên trong hội những người tiêu dùng. Cá nhân giữ mình trong chừng mực, không phải bởi mục tiêu định hướng mà được dẫn dắt bởi ngoại tại định hướng, không phô trương thái quá vì sợ thiên hạ đố kỵ, và không tiêu dùng quá dè sẻn vì chính cá nhân đó sẽ đố kỵ thiên hạ.

Ngày nay không có ranh giới phân cách mô thức tiêu thụ trong thế giới

người lớn với mô thức tiêu thụ của trẻ, ngoại trừ chính đối tượng được tiêu thụ. Đứa trẻ tiêu thụ truyện tranh hay đồ chơi trong khi người lớn tiêu thụ báo chí và xe hơi; cả hai phía ngày càng tiêu thụ theo cùng một phương cách. Trong hội tiêu dùng của nhóm ngang hàng, kỷ luật mà trẻ phải tuân thủ với tư cách người tiêu dùng ngày nay bắt đầu từ rất sớm trong đời - và kéo dài đến rất muộn. Trẻ nội tại định hướng phải biết nghĩ đến việc làm dù cho bản thân việc làm còn chưa hình thành rõ nét trong đầu nó. Ngày nay nghề tương lai của mọi đứa trẻ là trở thành người tiêu dùng sành sỏi.

Điều này thể hiện rất sớm qua trò chơi mua sắm của trẻ, được thúc đẩy nhờ sự gia tăng đáng kể các loại đồ chơi trẻ em. Ví dụ như thiết bị mô phỏng sản xuất như xe tải và máy đào hay lính đồ chơi và thiết bị chiến tranh thu nhỏ là cả một loạt món đồ phỏng theo các ngành dịch vụ: xe tải chở đồ giặt ủi, điện thoại đồ chơi, trạm bán xăng, vân vân. Thêm vào đó là đồ chơi cho bé gái, búp bê và quần áo đi kèm, cả đồ trang điểm cho thiếu nữ và máy thu thanh.

Tuy nhiên, những món đồ chuyên dành cho giờ chơi của trẻ lại không gây chú ý bằng sự hợp lý hóa nhanh chóng các thị hiếu của trẻ trong mọi thứ chúng tiêu thụ. Trong giai đoạn nội tại định hướng, trẻ em chấp nhận nhãn hiệu ngũ cốc nào chủ yếu vì đó là thứ được dọn ra cho chúng ở bàn ăn. Ngày nay, chúng ăn đồ ngũ cốc nhãn hiệu Wheaties, hay một số đồ điểm tâm khác, vì một lý do cụ thể là chúng luôn được nghe lời quảng cáo: "Ngũ cốc Wheaties làm nên các nhà vô địch!" Với truyện tranh, trẻ sẽ nói khi bị thúc giục, rằng truyện tranh "giúp các nhà vô địch thư giãn". Theo chiều hướng này, trẻ kiểu ngoại tại định hướng nhanh chóng hiểu rằng luôn luôn có và luôn luôn phải có một lý do để tiêu thụ bất kỳ thứ gì. Một lý do là hàng hóa mà nó đang dùng là "số một" trong dòng sản phẩm đó. Khi đã khôn lớn với tư cách người tiêu dùng tập sự, trẻ sẽ không còn dựa vào quảng cáo để trả lời câu hỏi thế nào mới là đứng đầu trong một dòng sản phẩm nữa. Sản phẩm nào được hầu hết mọi người ủng hộ, hay có được chứng nhận phù hợp từ một bạn tiêu dùng đồng lứa, sẽ trở thành "số một". Theo công thức này, các sản phẩm nổi tiếng nhất là những thứ được người nổi tiếng nhất sử dụng. Và để cho chắc chắn, chính những cá nhân đại biểu đều có "lý do" riêng để sử dụng loại sản phẩm đó, thường là lý do được lấy từ phương tiện truyền thông, nếu không phải là từ các trang quảng cáo; do vậy cuộc săn lùng lý do cứ thế thoái lui mãi. Đại thi hào William Blake[133] đã viết: "Đồ chơi của con và lý do của cha/Là trái của hai mùa." Trong hội người tiêu dùng, đồ chơi và lý do yêu thích đã nhập làm một, và như đã nêu, lằn ranh giữa tuổi thơ và tuổi trưởng thành có chiều hướng trở thành một lằn ranh vô định hình.

Những mô thức nêu trên dồn thêm gánh nặng lên cánh con gái, phần vì phụ nữ là những người chỉ đạo chi tiêu được đa phần xã hội công nhận, phần vì phụ nữ - hơn nam giới nhiều - chịu áp lực phải đóng trọn bất cứ vai trò nào mà họ

được đàn ông chấp nhận. Ở mọi tầng bậc xã hội con trai đều được phép ngổ ngáo hơn con gái; chúng còn được phép có nhiều sở thích hơn và ít bị gây khó dễ hơn vì có thể kháng cự mạnh mẽ lại quá trình trao đổi sở thích.

Cuối cùng, trẻ tiêu dùng tập sự trở thành chuyên gia về tiêu dùng trong phạm vi gia đình, còn "dạy dỗ" được cả cha mẹ. Tạp chí *Life* đã từng đăng một bài báo có tầm ảnh hưởng về chủ đề "Vui chơi ở tuổi thanh thiếu niên", trong đó nêu lên những phép xã giao và thú tiêu khiển của giới trẻ thịnh hành tại một số thành phố ở Mỹ; những thú tiêu khiển này đều rất mới mẻ ngay cả với một số học sinh vừa tốt nghiệp trung học mấy năm gần đây. Thanh thiếu niên phải dạy vỡ lòng cho người lớn thay vì điều ngược lại; điển hình là một trường hợp được trích dẫn trong tạp chí *Life*: thầy cô tại một trường trung học ở Denver bắt chước lối chào hỏi toàn tiếng lóng của cậu bé "nổi tiếng nhất trường".

NHỮNG NGƯỜI HỢP TÁC ĐỐI KHÁNG TRONG NHÓM NGANG HÀNG

Rất có thể, không phải chỉ tình cờ mà *lối chào* của cậu bé nêu trên chính là điều mà cậu dùng để thực hành khả năng dẫn dắt ý kiến và tạo ra dị biệt hóa biên tế của riêng mình. Vì thật ra, ngoài việc hòa nhập xã hội các sở thích tiêu dùng và bàn luận trao đổi chuyện tiêu thụ của hội tiêu dùng, các thành viên còn tham gia vào *tiêu thụ chính bản thân hội đó*. Tức là, con người và tình bạn được xem là những thứ lớn lao nhất trong mọi thứ có thể tiêu dùng; tự bản thân nhóm ngang hàng là đối tượng tiêu thụ chính, là đối thủ cạnh tranh thị hiếu của chính nó. Việc trao đổi "lược đồ quan hệ xã hội" hiển thị xếp hạng của nhóm ngang hàng được cá nhân thực hiện không ngừng và tiếp tục cả những lúc "riêng tư", như một cuộc độc thoại với bản thân; ai là bạn thân nhất của ta, bạn thân thứ nhì của ta, và cứ thế, xuống tận kẻ bị ghét nhất. Cá nhân càng chịu ảnh hưởng của ngoại tại định hướng càng có khả năng không ngần ngại phân loại các thị hiếu của mình rồi so sánh với những người khác. Quả thực, so với các bậc cha ông theo nội tại định hướng thì trẻ theo ngoại tại định hướng hiểu biết rất sâu sắc về xếp hạng sự nổi tiếng. Với các cậu bé thuộc tầng lớp lao động, con đường chính dẫn đến địa vị có lẽ vẫn là làm sao có được thể lực dẻo dai và chân tay khéo léo, dù cho cách thức này đang dần mất đi tầm quan trọng. Tuy thế, trong giới trẻ thuộc giai tầng trung lưu lớp trên, sự nổi tiếng có vẻ xoay quanh những tiêu chuẩn mơ hồ hơn nhiều và đối với người lớn quan sát từ bên ngoài, những tiêu chuẩn này thực vô cùng khó hiểu, trong khi với nội bộ nhóm trẻ thì các tiêu chuẩn này, chừng nào chúng còn tồn tại, lại quá rõ ràng.

Nguồn năng lượng tranh đua dồi dào mà người kiểu nội tại định hướng vốn có sẵn cho công cuộc sản xuất, và thứ yếu là cho tiêu dùng, giờ đây xem ra đổ nhiều hơn vào các cuộc cạnh tranh vì sự an toàn vô định hình có được nhờ sự tán thành của nhóm đồng lứa. Nhưng cũng chính đang tranh giành để nhận

được sự tán thành nên cá nhân buộc phải kìm nén thái độ cạnh tranh lộ liễu của mình. Trong trường hợp này, cụm từ "hợp tác đối kháng", mượn từ các bối cảnh khác, là rất thích hợp.

Biến chuyển này quan trọng đến độ chúng tôi sẽ dành riêng vài phần ở Chương VI để nói cụ thể hơn, nhưng giờ chỉ cần lưu ý một số điều để tham chiếu. Cha mẹ, nếu lần trở về thời trước, những gì họ vẫn làm dựa trên cấu trúc tính cách bản thân, thì chính họ cũng tranh đua rất nhiều - thậm chí còn lộ liễu hơn bọn trẻ. Phần lớn ý thức hệ của chúng ta - tự do kinh doanh, chủ nghĩa cá nhân và hết thảy những thứ còn lại - đều mang tính cạnh tranh và được truyền lại từ cha mẹ, thầy cô, và các phương tiện truyền thông đại chúng. Đồng thời còn có chuyển biến lớn lao về mặt ý thức hệ ủng hộ sự phục tùng nhóm, một chuyển dịch mà tính quyết định bị sự dai dẳng của các hình mẫu ý thức hệ cũ che lấp đi. Nhóm ngang hàng trở thành thước đo cho tất cả mọi thứ; không có mấy sự phòng vệ nào từ cá nhân mà nhóm không đánh sập được. Trong hoàn cảnh này, động lực cạnh tranh cho sự thành đạt trong bản thân đứa trẻ được ủng hộ bởi những tàn dư của kiểu nội tại định hướng còn lại trong cha mẹ đứa trẻ là tác nhân dẫn đến xung đột với đòi hỏi hợp tác do nhóm ngang hàng ủng hộ. Đứa trẻ do vậy buộc phải biến chuyển nỗ lực cạnh tranh nhằm đạt được thành tích, như cha mẹ chúng đòi hỏi, thành nỗ lực tự thân để có được sự tán thành từ đám bạn đồng lứa. Cả cha mẹ, bản thân đứa trẻ và nhóm đồng lứa đều không ý thức được rõ ràng về quá trình này. Kết quả là cả ba bên tham gia trong quá trình nêu trên không thể biết được mức độ mà một ý thức hệ cá nhân của thời trước có thể đem lại nguồn năng lượng để hoàn thiện các kiểu mẫu của một loại tính cách mới hơn, định hướng theo nhóm.

CHƯƠNG IV
Người kể chuyện với tư cách chuyên gia về chiêu thức: sự thay đổi trong các tác nhân hình thành tính cách (tiếp theo)

Đáp: Cháu thích Siêu nhân hơn những người khác vì họ không làm được mọi thứ như Siêu nhân. Người Dơi không biết bay mà chuyện đó thì quan trọng lắm chứ.

Hỏi: Cháu có thích biết bay không?

Đáp: Cháu thích bay được nếu ai cũng vậy, còn nếu không chuyện đó sẽ có vẻ như chơi nổi.

Trích phỏng vấn một bé gái 12 tuổi[134]

Ngôn ngữ, như chúng tôi đã lưu ý trong chương trước, trở thành một công cụ tinh tế và uy lực của nhóm ngang hàng. Vì ngôn ngữ của người trong cuộc đã trở thành một thứ chìa khóa vạn năng bất cứ lúc nào cũng có thể mở được những xu hướng thị hiếu và tâm trạng đang thịnh hành trong nhóm. Với người ngoài cuộc, bao gồm cả những người lớn theo dõi, ngôn ngữ trở thành một thứ tối nghĩa khó hiểu, luôn luôn mang các thông điệp của nhóm ngang hàng đầy những nghĩa đặc biệt không thể luận ra được.

Tìm hiểu kỹ hơn lối sử dụng ngôn ngữ ở nhóm trẻ ngang hàng, chúng ta sẽ thấy các khía cạnh của nó khác nhau như thế nào. Chính ngôn ngữ đã trở thành một thứ hàng tiêu dùng. Ngôn ngữ được dùng không phải để hướng dẫn mặt kinh tế của công việc, không phải để gắn kết cái tôi với người khác theo bất kỳ cách thức thân thiết thật tình nào, không phải để gợi nhớ quá khứ, lại cũng không như trò chơi chữ thuần túy. Đúng hơn ngôn ngữ được dùng trong các nhóm ngang hàng ngày nay chẳng khác nào những giai điệu thịnh hành hình như một thời từng được dùng: như một bộ thẻ đánh bạc dùng để chứng minh rằng ta là người "trong cuộc" và nhờ nó ta tham gia "công tác" tự hòa đồng gay go của nhóm ngang hàng. Còn các nhóm ngang hàng, trong khi thực hiện uy quyền nhiều hơn bao giờ hết thông qua sử dụng ngôn từ, thì hơn bao giờ hết là nạn nhân của chữ nghĩa. Trong khi chúng học cách bám khư khư lấy từ ngữ - hầu hết dấu hiệu đều được đưa ra bằng từ ngữ - thì đồng thời chúng cũng biết nghi ngờ chữ nghĩa. Như chúng ta đã thấy, các phán quyết trong nhóm ngang hàng thường hết sức mập mờ. Một số từ cũ hơn, ví dụ như "đồ con hoang" và "đồ đê tiện" vẫn còn, nhưng ý nghĩa đã mơ hồ hơn - thậm chí còn có thể vừa nói vừa mỉm cười! Cứ vài năm lại nảy ra cả mớ danh sách từ mới.

Nhóm ngang hàng đứng giữa cá nhân và những thông điệp bắt nguồn từ các phương tiện truyền thông đại chúng. Truyền thông đại chúng là người bán sỉ, các nhóm ngang hàng là người bán lẻ cho ngành truyền thông. Nhưng dòng thông điệp này không chỉ một chiều. Những kẻ đồng đẳng không chỉ quyết định xem sẽ duyệt, ở một mức độ lớn, những thị hiếu, tài nghệ và từ ngữ nào lần đầu xuất hiện trong nhóm, mà còn chọn ra một số để truyền bá rộng hơn ra các nhóm kế cận, rồi cuối cùng quay trở lại truyền thông đại chúng để phổ biến rộng hơn nữa. Nếu xem xét quá trình này, chúng ta sẽ thấy rằng cá nhân nào hình thành nên, giả dụ một phong cách diễn đạt riêng, thì sẽ hoặc bị nhóm ngang hàng phớt lờ hoặc được chấp nhận. Nếu cậu ta và phong cách của cậu ta được chấp nhận, cả nhóm sẽ chọn dùng phong cách của cậu ta, và ít ra trong nghĩa này thì phong cách đó không còn là *của cậu ta* nữa. Nhưng điều này cũng có thể xảy ra cho một nhóm ngang hàng cụ thể, đến lượt nhóm đó, sẽ giống như trong trường hợp cậu bé có phong cách chào riêng mà chúng ta đã đề cập ở cuối chương vừa rồi. Truyền thông đại chúng giữ vai trò quan trọng bậc nhất khi biến các phong cách riêng mà cá nhân và nhóm đã xây dựng nên thành cái không của riêng ai rồi phát tán ra khắp một vùng rộng lớn.

Tuy vậy, trong chương này, trọng tâm của chúng tôi sẽ không đặt nhiều ở chính truyền thông cùng các mô thức hoạt động và kiểm soát của chúng, mà ở các ảnh hưởng của hình tượng và sự kể chuyện lên khán giả trẻ em. Và dĩ nhiên những ảnh hưởng này không thể xem xét tách rời với cha mẹ, thầy cô, và các nhóm ngang hàng vận hành trên dây chuyền sản xuất tính cách. Giả dụ, nếu chúng ta thấy một đứa trẻ có vẻ chịu ảnh hưởng từ sách vở nhiều hơn mọi người, điều đó có thể vì đối với nó mọi người áp đảo đến độ nó phải náu mình trong sách vở. Hơn nữa, các nền văn hóa khác nhau rất nhiều về nhận thức mà chúng nhấn mạnh trong việc dạy trẻ biết phân biệt giữa các hình ảnh với nhau và biết phân biệt giữa người với người. Nhưng nhìn chung có vẻ như sẽ công bằng khi nói rằng những người kể chuyện là tác nhân xã hội hóa không thể thiếu. Họ hình dung ra thế giới cho trẻ và nhờ vậy đem đến cả hình dạng lẫn những giới hạn cho trí nhớ và trí tưởng tượng.[135]

Khi khảo sát cặn kẽ chủ đề này, chúng ta không nên lẫn lộn các thể loại văn học với vấn đề các ảnh hưởng tâm lý - xã hội. Tôi sẽ dùng từ "truyện kể" rộng rãi trong chương này để bao gồm không chỉ thơ ca và truyện hư cấu mà còn bất cứ miêu tả bịa đặt và thêu dệt nào: một phim thời sự "có thực" theo định nghĩa này cũng có thể là một truyện kể.

Các xã hội trong giai đoạn chớm giảm dân số có đủ khả năng, nói chính xác là cung cấp, và vừa có thời gian vừa có nhu cầu tiếp nhận một lượng dồi dào hình tượng từ các trung tâm truyền bá ở đô thị. Nền công nghiệp và khả năng biết đọc biết viết của dân chúng có vẻ như đi cùng với nhau. Hơn nữa, cũng chính những xã hội này, dựa vào các tác nhân hình thành tính cách bên ngoài

gia đình nhiều hơn những người đi trước. Do vậy, như chúng ta nghĩ, những người kể chuyện thông qua phương tiện truyền thông đại chúng giữ một vai trò đáng kể trong nhóm trẻ bị ngoại tại định hướng. Chúng ta có thể thấy những gì đã thay đổi trong các thế hệ gần đây, chỉ cần đem đối chiếu kinh nghiệm ngày nay với kinh nghiệm của trẻ em trong các xã hội phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng và nội tại định hướng.

I. Bài hát và truyện kể trong giai đoạn truyền thống định hướng

Truyền thông bên lò sưởi. Gần như theo định nghĩa, một xã hội phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng sử dụng các hình thức truyền miệng truyền thống, thần thoại, truyền thuyết và bài hát như một trong những cơ cấu để truyền đạt tính thống nhất tương đối trong các giá trị của nó. Sự mập mờ không phải là không tồn tại trong các hình thức này. Nhưng vì truyện được một thành viên trong gia đình hay một người thân thích của gia đình kể cho bọn trẻ nên câu chuyện có thể được sửa đổi lại để hợp với chúng, và vì chúng có thể bình luận, hỏi han, thêm thắt, câu chuyện được chúng đặt vào một bối cảnh có thể tác động đến được. Tức là, kể chuyện vẫn là một tài nghệ, được tiếp nối trong gia đình và gắn liền với các quá trình xã hội hóa khác diễn ra ở đó.

Trong hoàn cảnh này, không có gì lạ khi bài hát và truyện kể được diễn tả bằng lối trình bày trực tiếp giữa họ hàng và bạn bè với nhau thường là những bài học răn dạy khô khan; chúng kể chuyện gì đã xảy ra với những kẻ không vâng lời cộng đồng hay các thế lực siêu nhiên. Hoặc truyện kể nhắc đến người lừng lẫy để làm gương phải là kiểu người thế nào trong nền văn hóa xét trên những đức tính tiêu biểu như can đảm hay nhẫn nại. Song, một số lượng đáng ngạc nhiên truyện kể trong nhiều nền văn hóa phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng lại không mang tính răn dạy theo nghĩa trực tiếp này. Như trong Kinh Thánh có một số câu chuyện thuật lại các cuộc nổi loạn, thành công hay thất bại bi thảm, chống lại những kẻ quyền thế - dù trong nhiều trường hợp chủ đề của nổi loạn đã được ngụy trang.

Những truyện kể về chuẩn mực và "trái chuẩn mực". Nét nổi loạn gây chú ý trong những câu chuyện này cho thấy rằng ngay cả trong một xã hội phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng thì cũng vẫn còn những cuộc tranh đấu không hòa nhập xã hội hoàn toàn. Mặc dù người ta chấp nhận sự kiềm tỏa từ nền văn hóa của mình, và hầu như khó hình dung nổi một sự kiềm tỏa khác, nhưng không phải họ không nhận thức được sự câu thúc: những truyện kể, cũng như những ước mơ của họ thường vẫn vậy, là nơi nương náu và sự cứu rỗi cho nhận thức này, giúp họ còn tiếp tục được cuộc sống thường nhật. Gánh nặng hổ thẹn và tội lỗi của cộng đồng được giảm nhẹ nhờ cuộc "xưng tội"

chung, sự giải thoát chung mà chuyện hoang đường cho phép. Thế nên, trong những chuyện hoang đường này, có rất nhiều quan điểm hiện thực về bản tính con người ngang ngạnh, chưa thích nghi với xã hội - đây là một lý do mà chuyện hoang đường hấp dẫn chúng ta qua bao thế kỷ và vượt qua các biên cương văn hóa. Chúng cho thấy con người mãnh liệt hơn, sân si hơn, nổi loạn hơn là vẻ ngoài.

Tại sao lại như vậy? Hình như nếu mọi người chỉ "điều chỉnh" - nếu họ chưa bao giờ có dù chỉ một ý nghĩ vượt lên trên các cấm đoán văn hóa - cuộc đời thành vô vị đến nỗi sẽ gây nguy hại cho chính nền văn hóa. Các nền văn hóa phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng thường thể chế hóa được một mức độ nổi loạn không chỉ cho những người lầm đường lạc lối mà còn cho tất cả mọi người. Đôi khi điều này được thực hiện trên cơ sở vòng đời. Do vậy một số nền văn hóa cho phép, thậm chí còn khuyến khích tính hỗn xược ở trẻ em chỉ để kiểm soát người lớn chặt chẽ hơn; một số nền văn hóa khác cho phép đàn bà lớn tuổi được thô tục mà phụ nữ trẻ hơn không được phép. Thi thoảng sẽ có những ngày đặc biệt - những ngày hội - khi các rào chắn bị hạ xuống.

Chừng nào những khe hở dành cho nổi loạn nằm trong địa hạt tưởng tượng được văn hóa chấp thuận thì chức năng xã hội hóa của các thần thoại và truyện kể - tiền thân của truyền thông đại chúng - sẽ là chức năng kép. Các bậc bề trên dùng truyện kể để nói với lớp trẻ: các cháu phải giống như thế này thế kia nếu muốn được ngưỡng mộ và sống xứng đáng với các truyền thống cao quý của nhóm. Nhưng đám trẻ cũng được dạy - đôi khi trong cùng thông điệp - là đã có những kẻ như thế như thế phá luật, những kẻ đã làm nhiều điều xấu xa tồi tệ mà các cháu chưa từng làm, và có lẽ chưa từng dám nghĩ tới, và dù hắn ta có còn toàn mạng để kể chuyện hay không thì hắn cũng đã sống nên chúng ta mới nói về hắn. Chính cái thế lưỡng cực này trong các truyện kể đã giúp lớp trẻ hòa nhập với các kích động bị cấm đoán thông qua việc nhận ra chúng là một phần trong di sản dành cho mình với tư cách là con người, từ đó có thể hình thành một mối liên kết ngầm qua thần thoại, giữa các lĩnh vực bị ức chế của người lớn và các lĩnh vực của trẻ. Cuối cùng, truyện kể giúp trẻ nắm được vừa nhiều hơn vừa ít hơn so với cái chúng thấy xung quanh, cả hành vi được tán thành lẫn hành vi mà dù không được tán thành, cũng đã thực hiện; nói cách khác, truyện kể cung cấp cho hành vi những khuôn mẫu sẽ không tìm thấy trọn vẹn trong bất kỳ nhóm gần gũi nhất định nào.

Thế nhưng việc này còn phức tạp hơn thế nữa. Quả thực, chúng ta có thể cho rằng bước chuyển dịch sang kiểu nội tại định hướng diễn ra đầu tiên trong các nhóm mà, nhờ biết đọc biết viết hay thứ gì khác, tiếp cận được với nhiều nét mập mờ càng lúc càng tăng lên trong phương hướng. Như trong lý thuyết toán học về thông tin liên lạc thì mọi kênh đều có hòa lẫn cái mà trong chuyên môn gọi là tạp âm với cái gọi là thông tin và do vậy hạn chế tự do của người

gửi, thì các thông điệp được nhắm đến hay được tin là sẽ xã hội hóa lớp trẻ cũng không thể không chứa tạp âm với các ảnh hưởng đa dạng, những ảnh hưởng có thể xã hội hóa thái quá hay phi xã hội hóa chúng.

II. Các chức năng xã hội hóa của sách báo trong giai đoạn nội tại định hướng

Khi các xã hội bước vào giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp, giáo dục chính quy tăng lên, phần là để đào tạo con người cho các nghiệp vụ mới, chuyên môn hơn trong công nghiệp và nông nghiệp, phần là để thu hút lớp trẻ không còn cần thiết ở nông trại, và việc học hành của chúng có thể được năng suất tăng cao của xã hội lo liệu. Dĩ nhiên, những người trẻ này sẽ học đọc. Nhưng người già cũng như người trẻ đều bị cái háo hức và mới lạ là khả năng biết đọc biết viết tác động: khắp nơi người ta khao khát báo chí và sách vở - một sự khát khao mà công nghệ và các phương tiện truyền bá khơi dậy nhưng không thỏa đáp đầy đủ. Nỗi háo hức này, cơn đói khát này, là một dấu hiệu của cuộc cách mạng tính cách học đi kèm với cuộc cách mạng công nghiệp.

Ở Hoa Kỳ, cũng như ở các nước chớm giảm dân số khác, cơn đói khát này đã giảm; quả thực, với nhiều người thì kế tiếp cảm giác đói khát ấy là một kiểu no nê sách báo nghiêm túc, cộng với cái thèm khát vô độ những trò tiêu khiển và nghị trình văn hóa đại chúng. Để nhớ lại mô thức cũ, chúng ta có thể xem xét các nước như Mexico và Nga, hiện nay đang trải qua công nghiệp hóa, ở đó người già khao khát sách báo còn người trẻ được ngưỡng mộ vì học vấn. Chúng ta vẫn có thể thấy phần nào điều này trong số người da đen tự học là chính ở tận tít miền cực Nam Hoa Kỳ sống giữa những người da đen và da trắng mù chữ còn sót lại.

Bước tiến triển này đã tiếp sức cho sự chuyển đổi từ truyền thống định hướng sang nội tại định hướng ra sao được phác họa sống động trong *Polish Peasant* (Người nông dân Ba Lan) của Thomas và Znaniecki.[136] Hai tác giả đã mô tả cách thức mà báo chí nông thôn Ba Lan giúp sắp xếp lại các thái độ và giá trị trong tầng lớp nông dân ở đầu thế kỷ qua. Họ chỉ ra rằng một cá nhân nông dân học đọc lúc ấy không chỉ đơn thuần để có được một kỹ năng không mấy ảnh hưởng đến tính cách anh ta; mà anh ta thực hiện một cuộc đoạn tuyệt có tính quyết định với nhóm sơ cấp, với kiểu truyền thống định hướng. Báo chí đón lấy anh ta ở bước ngoặt này và nâng những bước chân anh ta ngập ngừng rời nhóm sơ cấp bằng cách chỉ trích các giá trị của nhóm đó và bằng cách cho anh ta cái cảm giác có đồng minh, dù là những đồng minh vô danh, trong bước đi này.

Bằng cách này, báo chí giúp kết nối người mới được cá thể hóa với xã hội mới đang hình thành. Báo chí Ba Lan còn tiếp sức cho các biện pháp "xây dựng tính cách" rất cụ thể, ví dụ như tính chừng mực và cần kiệm, thúc đẩy canh

nông khoa học như các chương trình phổ biến kiến thức nông nghiệp của Mỹ đã làm; khoa học được xem như một kiểu đạo đức mang tính nội tại định hướng trái với thói mê tín của tầng lớp nông dân bị truyền thống định hướng còn sót lại. Các thái độ này, trình bày chi tiết trên báo chí phi hư cấu, được củng cố cũng trong chính phương tiện truyền thông đó bằng truyện hư cấu mang tính luân lý cao.

Nhờ đó người đọc có thể trốn vào sách báo để tránh các phê bình công kích của bà con chòm xóm và có thể trắc nghiệm kiểu nội tại định hướng của mình so với các khuôn mẫu báo chí đưa ra. Và bằng cách đích thân viết bài cho báo chí, như anh ta thỉnh thoảng vẫn làm ở cương vị một thông tín viên địa phương, anh ta có thể đưa bài viết của mình ra cho một cử tọa được tin là đầy ma lực gắn với ấn phẩm - hệt như những người Mỹ ở trong thế kỷ trước, đóng góp thơ ca cho báo chí địa phương. Bằng cách trình bày trước công chúng này, không còn cho một cử tọa mặt đối mặt nữa, người nông dân cũ khẳng định chính mình trên hành trình nội tại định hướng.

NGỌN ROI NGÔN TỪ

Người bị truyền thống định hướng không chỉ có chuẩn mực truyền thống về sống mà còn có một chuẩn mực truyền thống về việc anh ta phải làm việc cực nhọc và lâu dài ra sao; và sách báo, cùng với các lực lượng xã hội hóa khác, có chức năng đánh đổ cả hai chuẩn mực này. Người típ nội tại định hướng cởi mở đón nhận "lý lẽ" qua sách báo, nên thường hình thành một cấu trúc tính cách thúc đẩy anh ta làm việc nhiều giờ hơn, ít thời gian nhàn rỗi và biếng trễ hơn so với mức độ khả dĩ trước đây. Anh ta có thể được thúc đẩy vì anh ta sẵn sàng thúc đẩy chính mình.

Ngôn từ không chỉ ảnh hưởng nhất thời lên chúng ta; ngôn từ còn biến cải chúng ta, ngôn từ xã hội hóa hay phi xã hội hóa chúng ta. Chắc chắn chỉ riêng ấn phẩm báo chí thôi sẽ không thể tạo ra bất kỳ một hình thức ép buộc xã hội hóa hay phi xã hội hóa nào - và đương nhiên không phải trẻ em nào, ngay cả ở tầng lớp trung lưu do nội tại định hướng, cũng đều đọc sách. Nhưng sách báo có thể mạnh mẽ hợp lý hóa các khuôn mẫu, nó bảo mọi người rằng họ phải là người như thế nào. Đến với trẻ trực tiếp cũng như qua cha mẹ và thầy cô, sách báo có thể đưa quá trình xã hội hóa ra khỏi chỗ ngồi bên lò sưởi ở thời đại phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng, rồi thâm nhập phòng ngủ và thư viện riêng của tầng lớp trung lưu đang lên: trẻ được phép chuẩn bị tâm lý sẵn sàng cho trận chiến cuộc đời trong vầng sáng nhỏ hắt ra từ ngọn nến hay đèn đọc sách.

Để hiểu điều này đầy đủ hơn, chúng ta phải nhận ra rằng trình độ biết đọc biết viết tăng lên không chỉ ảnh hưởng đến nội dung và phong cách các thể loại văn chương, báo chí mà còn đến sự tiếp nhận của độc giả. Lượng nội dung

tăng thêm dẫn đến quyền chọn lựa của mỗi trẻ em nhiều lên gấp bội, so với thời truyền thống định hướng. Do vậy, ngày càng có nhiều độc giả bắt đầu thấy các thông điệp không dành cho mình. Và họ đọc các thông điệp đó trong những hoàn cảnh không còn được người kể chuyện - hoặc sự tham gia của chính họ - kiểm soát và sắp xếp. Sự gia tăng về số lượng, sự đa dạng, và "mức độ phát tán" của thông điệp, cùng với tính khách quan hóa chung của sách báo gây ra những hiệu ứng cụ thể này, trở thành một trong những nhân tố mạnh mẽ trong chuyển biến xã hội. Ví dụ kinh điển trong lịch sử phương Tây, dĩ nhiên, sẽ là bản dịch *Vulgate*[137] sang ngôn ngữ nói, cho phép người ta đọc một cuốn sách mà trước đây chỉ các tu sĩ mới đọc được.

Một số khó khăn khi bàn về sự chuyển dịch từ thời phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng sang thời phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng nảy sinh từ sự dịch chuyển mục đích luận của thứ ngôn ngữ mà rất có thể chúng ta dùng. Chẳng hạn, chúng ta thiên về bỏ sót cử tọa không được dự kiến vì chúng ta luôn dễ dàng thừa nhận một phương tiện nhất định sẽ cân nhắc kỹ càng khi nhắm vào nhóm cử tọa mà trên thực tế nó đã tiếp cận thành công. Thế nhưng không có bằng chứng cho thấy truyền thông đã bao giờ chính xác về mục tiêu. Chính tính khách quan của hoàn cảnh trong đó sách báo được hấp thụ làm tăng thêm các khả năng sách báo được đón tiếp lạnh nhạt hay nồng nhiệt. Bởi vậy mà các nhà quý tộc thường bất bình với cái họ xem là sự chào đón quá nồng nhiệt trước các ý niệm về khả năng di động ở nhiều thứ mà họ muốn "để yên tại chỗ".

Tuy nhiên, những ảnh hưởng quá trớn tôi nhớ nhất là ảnh hưởng ở các cá nhân mà những lỗi lầm và căng thẳng tính cách học của họ bị tăng thêm vì áp lực từ sách báo. Đơn giản là cấu trúc tính cách của họ không thể xử lý nổi đòi hỏi đặt ra cho họ trong một xã hội phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng. Con quay hồi chuyển của họ quay vù vù và thất thường. Không tìm thấy lý lẽ chính đáng trong sách báo - không tìm thấy, như nhiều độc giả hiện đại, một "công đoàn của những tội đồ", "một đại công đoàn" nhân loại kéo dài tít tắp về quá khứ - họ cảm thấy sách báo chỉ như một bằng chứng mạnh mẽ hơn về tính kém thích nghi của mình. Một nhà huyền giáo thực dân được trang bị sách báo có thể khiến độc giả tự ném mình vào hỏa ngục những ngày trong tuần, dù cho ông ta chỉ có thể trực tiếp nói chuyện với họ vào các ngày Chủ nhật.

Do vậy, trong khi những chuyện hoang đường và chủ nghĩa tượng trưng của các xã hội phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng yểm trợ truyền thống bằng cách kết hợp các khuynh hướng nổi loạn của người nghe vào một mô thức của nền văn hóa, thì chữ nghĩa trên sách báo lại có thể định hướng cũng như làm mất phương hướng độc giả của nó. Điều này bộc lộ rõ ràng ở yêu cầu có kiểm duyệt, yêu cầu đó tăng lên ngay khi tình trạng biết đọc, biết viết trở nên phổ biến, mà không phải chỉ là kiểm duyệt kiểu hình thức. Ở Hoa Kỳ sự

sùng bái sách báo ngày càng tăng, chẳng hạn nếu chúng ta so sánh báo chí ngày nay với báo chí của nền cộng hòa non trẻ, có thể phần nào được giải thích bằng ảnh hưởng to lớn của áp lực không chính thức mà tình trạng biết chữ phổ cập gần hết đặt ra cho các chủ bút, những người xem nặng trách nhiệm của mình. Như chủ bút một tờ báo thủ đô thường nói nếu nhân viên sắp sửa dùng ngôn ngữ hạ lưu: "Thưa quý vị, xin đừng quên là tờ báo này vào mọi *gia đình*." Hay như *The New York Times* diễn đạt: "Mọi tin tức là những cái thích hợp để in".

Dù cân đo chính xác xem phương tiện truyền thông đại chúng ở thời đầu tư bản chủ nghĩa có thể khiếm khuyết đến mức độ nào khi hướng tới độc giả không được dự kiến theo những cách thức không được dự kiến là việc vượt quá khả năng của tôi, nhưng hình như hợp lý khi cho rằng sách báo lẫn nhiều tạp âm trong các kênh của nó hơn là lối truyền miệng trực tiếp.

NHỮNG MẪU MỰC TRONG SÁCH BÁO

Một trong những mục đích chính của sách báo giai đoạn phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng là dạy trẻ đôi điều về các vai trò đa dạng của người lớn mà trẻ có thể nhập vai và cho phép mình thử các vai này trong tưởng tượng. Cuộc sống trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp này khác với các giai đoạn trước ở chỗ người lớn thường xuyên tham gia vào các hoạt động mà trẻ đang lớn không còn quan sát hay hiểu được nữa. Trẻ không chỉ cần đặc tính đồng cảm dạt dào của sách báo mà còn cả một lối định hướng nội tại khác với truyền thống để chỉ dẫn nó trong những nơi chốn và hoàn cảnh chưa quen. Cả phương tiện truyền thông sách báo lẫn các hình thức văn hóa đại chúng khác đều đáp ứng nhu cầu này bằng cách bổ sung vào những khuyên răn của cha mẹ sự khuyến khích nhân danh hoài bão, cũng như bằng cách đưa thêm dẫn dắt cụ thể hơn về những lối đi mới phong phú đến thành công.

Các lối đi mới này, ở các xứ phương Bắc và phương Nam sau thời Phục hưng, được quan niệm và mô tả bằng ngôn ngữ người lớn. Vì trong các giai đoạn tăng dân số trước kia, đời người trưởng thành không dài, chỉ ở mức trung bình; cách biệt tuổi tác - và có lẽ cách biệt về độ chín chắn - giữa đứa trẻ biết chữ và người lớn đã trưởng thành hẹp hơn trong giai đoạn chớm giảm dân số. Hơn nữa, trong khi hình ảnh và sách báo được truyền bá rộng rãi hơn, rẻ hơn trước đó, vẫn còn nhiều người bị cái nghèo loại trừ khỏi thị trường người kể chuyện; một số là thanh niên phải làm việc cật lực. Trong một xã hội như vậy thì những truyện kể người lớn và phong cách kể chuyện người lớn thường được làm cho phù hợp với trẻ em. Ngay cả khi mẹo dùng chính ngôn ngữ của trẻ đã bắt đầu, mà về sau rất thịnh hành, người kể chuyện vẫn còn ý nghĩ rằng họ có thể làm thấm dần các tư tưởng người lớn thành công hơn nếu dùng ngôn ngữ của trẻ con.

Trong số những bảng chỉ đường đầu tiên dựng lên trên con đường sách báo dẫn đến thành công, ngoài các hướng dẫn gián tiếp của sách giáo lý vấn đáp và việc dạy giáo lý, còn có các tài liệu đáng tin cậy về phép tắc xã giao. Một cuốn như *The Courtier* (Thị thần) của Castiglione chẳng hạn, được viết nhằm cho người lớn; nhưng chẳng còn gì thêm về đề tài này cho người sắp trưởng thành đọc. Đồng thời người ta sẵn lòng cho rằng, cũng như Huân tước Chesterfield, người trẻ giữa đám bạn thanh thiếu niên của nó đã sẵn sàng để ứng xử thành công trong các tình huống đòi hỏi phép tắc xã giao. Tuy nhiên ở các xứ và tầng lớp Tin Lành, khoảng sau năm 1600, mục đích của sách báo là ngày càng quan tâm trực tiếp hơn đến chuyện làm sao để thành tựu trong kinh doanh, chứ không phải trong tình yêu hay giao tế. Tiếp theo là văn chương truyền cảm hứng thương mại đã đạt đến một đỉnh cao ở nước Anh thời Victoria bằng tiểu sử những người thành đạt do Samuel Smiles viết - còn ở Mỹ là các sách của Horatio Alger, những cuốn gần như nghiêng về thị trường tuổi thanh thiếu niên.

Poor Richard's Almanac (Niên lịch của Richard nghèo) của Franklin có phần văn bản được Max Weber chọn ra làm tài liệu tự khích lệ điển hình cho giai đoạn luân lý Tin Lành, tiếp bước những cuốn như *Pilgrim's Progress* (Chuyến hành hương) hay *Robinson Crusoe*, những cuốn sách mặc dù không đề cập rõ ràng đến tư cách chân chính cho những người dám dấn thân mạo hiểm trong tương lai, nhưng lại đưa ra rất nhiều hô hào tương tự. Do vậy, trong *Pilgrim's Progress* chúng ta có thể lần ra mô-típ về sự chọn lựa và cứu rỗi xã hội, các mô-típ có thể dễ dàng được thế tục hóa, trong khi đó ở *Robinson Crusoe* chủ đề tự lực kinh tế lại được thể hiện trong khuôn mẫu cổ điển điển hình của nó. Cả hai tác phẩm đều nhằm thắp lên ngọn lửa hoài bão và nhiệt tình, mang tính tinh thần và phiêu lưu, ở giới thanh niên típ nội tại định hướng. Do vậy, cùng với thị trường giai cấp tư sản đang bành trướng, các thay đổi rõ rệt đã xảy ra trong phong cách chuyện hoang đường, trái với thời kỳ tiền công nghiệp phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng. Chẳng hạn, vào thời Trung đại, cá nhân tìm hiểu về bản tính con người từ các câu chuyện cũng chẳng kém phần hiện thực vì được diễn đạt bằng ngôn ngữ tượng trưng - dù đó là tượng trưng Cơ Đốc, cổ điển hay dân gian. Thường thì, như mọi người đã rõ, những chuyện này không hề diễn tả ở dạng ngôn từ, mà giống những thông điệp tràn ngập trên kính và đá của một nhà thờ. Đứa trẻ được dạy cho hiểu - hay tốt hơn, nó không được dạy để khỏi hiểu - các ý nghĩa tượng trưng. Trái lại, tầng lớp trung lưu đang lên phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng kiến tạo cho mình một phong cách hiện thực chủ nghĩa mới mà bất kỳ lối sử dụng trực tiếp tượng trưng chủ nghĩa nào cũng bị nghiêm ngặt loại trừ.

Phong cách mang tính tài liệu này là một thước đo văn chương cho một thời đại ngày càng phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng. Thời đại này dành sự

nhàn rỗi cho truyện hư cấu - nhưng lại có ít chỗ cho khả năng tưởng tượng. Defoe[138] có thể được xem là nguyên mẫu. Ông dùng đủ loại thủ pháp, ví dụ như kể chuyện theo ngôi thứ nhất, mô tả tường tận thức ăn, quần áo, chỗ ở, những tường thuật như kiểu ghi nhật ký về các cuộc tiếp xúc, và các nhân chứng cộng tác, để đem lại một bối cảnh hiện thực cho các câu chuyện thêu dệt phiêu lưu hoang dã của mình. Về mặt này tác giả nhất định là ông tổ của truyện tranh, loại truyện xuất sắc ở chỗ nó khai thác chủ nghĩa hiện thực của tình tiết như một thủ pháp làm sao nhãng để che đi tính phi hiện thực của hoàn cảnh. Lối xử lý chất liệu văn học như vậy được gắn kết theo những cách ý nhị với lối xử lý các kinh nghiệm sống nói chung đối với tín đồ Tin Lành trung lưu kiểu nội tại định hướng. Với anh ta cuộc đời là để sống giữa những thứ tiểu tiết bên ngoài; các ý nghĩa tượng trưng phải được vất vả gạn lọc qua cái cụ thể.

Dần dà, chủ nghĩa tự nhiên thời đầu của Defoe nhường chỗ, cả ở Anh lẫn ở lục địa châu Âu, cho một cách xử lý cặn kẽ hơn các mối quan hệ phức tạp giữa cá nhân với nhau trong đời sống thành thị, nảy sinh trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp, khi mà thiên hạ đổ về các thành phố. Cùng với sự lớn mạnh của các tầng lớp xã hội theo nghĩa hiện đại, tiểu thuyết bắt đầu bàn đến những khác biệt giai cấp khó thấy giữa các cá nhân: những thăng trầm và va chạm địa vị có lẽ là mối quan tâm căn bản của nó. Đứa trẻ được chỉ dẫn trong một đời sống xã hội bất định mà sau này nó sẽ bước vào, bằng cách học nhận ra các đặc điểm đã cá thể hóa tinh tế cho biết địa vị giai cấp và đạo lý giai cấp.[139] Nhờ vậy mà truyện hư cấu cũng như niên giám và sách giáo khoa đã cung cấp hướng dẫn nghề nghiệp (và cả phi nghề nghiệp định hướng theo địa vị).

Với chúng ta ngày nay thì nhiều cá nhân trong các tiểu thuyết thời đầu Victoria, hay trong các kịch mê-lô của Mỹ thời Victoria như *East Lynne* hoặc *Intolerance* (Cố chấp) - hay ngay cả trong một số tiểu thuyết của Balzac - có vẻ là những mẫu rập khuôn. Tuy vậy, đối với độc giả thời đầu, các khảo cứu cá tính và giai cấp trong một xã hội có các triển vọng đang thay đổi này - một xã hội đông dân hơn, và có nhiều người dời đổi chỗ ở hơn - có lẽ không phải là những khuôn sáo ngăn trở hiểu biết mà là những thám thính thăm dò một thế giới khó hiểu, giúp làm sáng tỏ thế giới đó cho lớp trẻ. Người ta vẫn còn có thể đến xem một trường trung học nông thôn hiện đại trình diễn *Aaron Slick of Punkin Crick* (Aaron Slick ở Punkin Crick) rồi xem một nhóm khán giả típ nội tại định hướng chất phác phản ứng lại đến mức nào "chủ nghĩa hiện thực" tính cách học của vở diễn trên các khuôn mẫu cũ: giai cấp, tham vọng và phẩm hạnh.

Truyện tiểu sử cũng như truyện hư cấu cho phép trẻ em, trong một xã hội phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng, rời gia đình trong tưởng tượng để bước vào một thế giới đã được hợp lý hóa - bằng cách này hợp tác với cha mẹ lắp

đặt các quá trình tự hướng dẫn nội tại. Trong huyền thoại George Washington chẳng hạn, các cậu bé biết được là lớn lên chúng có thể thành tổng thống, được trao các thang giá trị để cân đo và rèn giũa bản thân cho nhiệm vụ này khi còn niên thiếu: nếu chúng không nói dối, nếu chúng học hành chăm chỉ, vân vân - tức là nếu ở thời niên thiếu chúng hành xử như Washington huyền thoại đã xử sự thời niên thiếu - thì chúng có thể kế tục vai trò người lớn của ông. Hơn nữa, vai trò này, bởi chính bản chất của nó, là một vai trò nối tiếp; bao giờ cũng có một ai đó làm tổng thống; do vậy các người hùng của vai trò đó không có phẩm chất "một lần cho mãi mãi" ở người hùng trong thần thoại và truyền thuyết thời trước. Trong mơ tưởng cậu bé không chỉ xem mình như chàng thanh niên Washington trong các cuộc chiến đánh Pháp và thổ dân mà còn trong vai trò người lớn là tổng thống - vai trò nào thì cũng sẽ đưa cậu lìa xa gia đình, về mặt xã hội và địa lý.

Câu chuyện về George Washington[140] đối với một cậu bé da trắng cũng giống như câu chuyện về Booker T. Washington[141] đối với một cậu bé da đen. Có thể mô tả toàn bộ sự nghiệp của Booker T. Washington là nỗ lực đưa người da đen ra khỏi sự phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng sang phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng. Một trong những cuốn sách của ông hướng đến dân da đen có nhan đề là *Character Building* (Hình thành tính cách); và *The Negro Worker* (Người lao động da đen), một tạp chí xuất bản tại Tuskegee, với việc nhấn mạnh tính tiết kiệm, chuyên cần và phép tắc xã giao, là một trong những tàn dư lạc hậu (dĩ nhiên, chịu sự công kích dữ dội từ người da đen thành thị miền Bắc) của một nền văn học đồ sộ không quan tâm đến hoàn thiện "cá tính" mà đến hoàn thiện "tính cách".

ĐỨA TRẺ BỊ DẪN DẮT THÁI QUÁ

Tuy nhiên, có một mối nguy cho trẻ trong các chân dung tiểu sử đáng ca tụng của những con người và vai trò mẫu mực như vậy là ở chỗ trẻ có thể đọc riêng một mình, không có người lớn hay bạn cùng lứa xen vào; nó có thể bị "dẫn dắt thái quá", tức là thấy mình được đặt trên một lộ trình mà thực sự nó không thể theo. Trẻ kiểu nội tại định hướng, khi cố uốn nắn tính cách mình theo các lý tưởng trình bày trong sách báo, lại không quan sát được những mẫu mực này trong thực tế, cũng như nó không thể nhìn thấy cha mẹ nó trong tình trạng không quần không áo. Không có chút quen thuộc nào với bậc anh hùng, ngay cả với các vị thần giả dạng làm anh hùng vẫn có trong các truyện thần thoại truyền miệng ở xã hội phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng. Do vậy mà Washington hay Cromwell, Garibaldi hay Bismarck, Edison hay Ford[142] có được đôi chút vẻ uy nghi đáng sợ của Chúa Trời theo kiểu phái Calvin. Kết quả đối với nhiều trẻ là một nỗi hoang mang khủng khiếp: không biết chúng có sống xứng đáng với các mẫu mực cao quý của mình hay không. Nỗi bất an này ngay cả cha mẹ (khi chính họ không làm cho chuyện tồi tệ hơn

bằng cách cố là những mẫu mực như thế) cũng chẳng thể dễ dàng làm nguôi dịu.

Dẫu vậy, sức ép không thuyên giảm này đối với hoạt động kiểu nội tại định hướng khi tìm kiếm tư cách đạo đức và danh tiếng, như chúng ta biết, trong nhiều trường hợp đã sản sinh ra được một người "điều chỉnh" vì các điều kiện xã hội tưởng thưởng những kiềm chế và xoa dịu những bất an. Song, ở các trường hợp khác, khoảng cách giữa đòi hỏi về kiểu nội tại định hướng và khả năng đáp ứng trở nên quá lớn, nên cá nhân suy sụp - cuộc hội họp tôn giáo để gây dựng lại đức tin, ở một tầng giai cấp nào đó, đã vừa giải tỏa lại vừa đổi mới một số áp lực tình cảm phát sinh từ xung đột như vậy.

Tôi muốn nhấn mạnh ở đây các nguy cơ khi dồn một số nhiệm vụ xã hội hóa đứa trẻ vào những người không thường sát sao bên cạnh đứa trẻ. Cũng như các thần linh tổ tiên Kachina hay ra roi trừng phạt của người da đỏ Hopi có thể điều chỉnh ngọn roi để trừng phạt hay đánh lấy lệ cho vừa với một đứa trẻ đặc biệt nhạy cảm, thì người lớn ở thời truyền thống định hướng cũng có thể xoay xở để tác động của truyện kể không quá ác nghiệt đối với bất kỳ ai trong đám thính giả. Tuy vậy, trẻ trong thời nội tại định hướng rời gia đình vừa để đi học vừa để bước vào địa hạt sách vở và các phương tiện truyền thông đại chúng khác; nên ở đây việc điều chỉnh kiểu như vậy không còn khả dĩ nữa.

Hơn nữa, đứa trẻ vào thời kỳ trình độ biết đọc, biết viết tăng cao hơn thì nhiều khả năng sẽ biết đọc hơn so với cha mẹ nó. Nhờ vậy, khi một số trẻ học hỏi ở sách vở và trò chơi cách cư xử trong một nghề nghiệp khác hẳn với nghề nghiệp của cha mẹ chúng - hay thực sự có một nghề nghiệp như vậy - thì số trẻ khác, ít có khả năng tuân thủ theo những cách thức được quy định theo tính cách học, ví dụ như kém tự giác kỷ luật và kém tính hệ thống hơn, sẽ biết được từ chính kênh truyền thông ấy rằng chúng đang "lạc lõng" ra sao. Chúng nghiệm ra được điều này, nhất là nếu cha mẹ chúng thiếu các đặc tính thích hợp và không có khả năng truyền cho chúng sự rèn luyện đúng cách từ sớm về kiểu nội tại định hướng. Số khác có thể nhận ra là sách báo khẳng định thêm cảm nhận của chúng về sự bất xứng khi đối mặt cha mẹ nếu chúng là "con chiên ghẻ" về mặt tính cách học, không thể đáp ứng những đòi hỏi khắt khe của gia đình.

Trong khi luồng sách báo có nhiều mối nguy thì cũng thường có một số xu hướng làm khuây khỏa, ngay cả trong các chính thể chính trị thần quyền. Gần như bao giờ cũng có một thế giới ngầm mang vẻ giang hồ hơn mà ở đó cậu bé đang lớn, có khi cả chị cậu, có thể tìm nơi nương náu. Đúng thế, quyền hành của cha mẹ ở thời phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng có thể ngăn chặn thứ văn chương như thế, cũng như mục sư ở các xứ Thanh giáo có thể ngăn chặn nó thâm nhập cộng đồng. Nhưng họ khó lòng hủy diệt được nơi nương náu là chính sách báo - và chúng ta không được quên rằng kho sách lớn trong giờ đọc

ở thời phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng chính là Kinh Thánh, và rằng Kinh Thánh không phải là một cuốn mà là nhiều cuốn, với đủ loại thông điệp không bao giờ cạn.

Một chốn trú ẩn như vậy có thể khuyến khích, cho phép trẻ chạy trốn gia đình và nhóm sơ cấp; cậu bé có thể biết cách chỉ trích cái mà cậu đã bỏ lại sau lưng, như các độc giả tự giải phóng của báo chí dành cho nông dân Ba Lan đã làm. Nó mở ra cho cậu đủ loại khuôn mẫu - có cả "tủ áo mét rưỡi" để cậu có thể thử các vai mới. Thời Phục hưng là một minh chứng cho uy lực này của chữ in. Những đấu tranh cá nhân chủ nghĩa tìm thấy sự nâng đỡ và cả sự nâng đỡ quá mức trên những con đường đời đa dạng mô tả trong sách vở và kịch. Một mình với cuốn sách là một mình trên một con đường mới.

III. Truyền thông đại chúng trong giai đoạn ngoại tại định hướng

THỊ TRƯỜNG TRẺ EM

Như chúng ta đã thấy, trong giai đoạn chớm giảm dân số, trẻ em bắt đầu tập làm người tiêu dùng ở độ tuổi ngày càng sớm. Trẻ em ở tầng lớp trung lưu Mỹ có tiền tiêu vặt riêng ngay từ lúc lên bốn lên năm; như những người dẫn dắt ý kiến trong nhà, chúng có đôi chút tiếng nói về ngân quỹ gia đình. Tiền tiêu vặt là để tiêu pha, trong khi ở thời trước tiền tiêu vặt thường được tiết kiệm như cây gậy phòng xa. Hơn nữa, cuộc cạnh tranh độc quyền đặc trưng cho thời này có khả năng, và có mối quan tâm tạo lập ở trẻ các thói quen tiêu dùng mà nó sẽ hành xử khi trưởng thành. Vì nó sẽ còn sống lâu, mà sự độc quyền cũng vậy. Thực tế ra, độc quyền khác biệt bởi chính khả năng hoạch định tương lai, vì nó có thể cung cấp các chuyên gia để hoạch định cũng như các nguồn tiết kiệm được từ lợi nhuận để trả cho hoạch định và việc thực hiện những gì đã hoạch định sau này.

Thế nên, tất cả những lẽ đó đã đáng để những người kể chuyện chuyên nghiệp chú trọng đến thị trường trẻ em; và khi truyền thông đại chúng có thể cung cấp chuyên gia cùng với nghiên cứu thị trường về các mảng văn hóa theo độ tuổi cụ thể và các mảng văn hóa giai tầng liên quan, trẻ được dạy dỗ quá nhiều so với tuổi của chúng hơn bao giờ hết. Nhưng trong khi nhà giáo dục các thời trước có thể dùng ngôn ngữ trẻ em để diễn giải một thông điệp người lớn, thì ngày nay ngôn ngữ của trẻ có thể được dùng để diễn giải quan niệm của người quảng cáo và người kể chuyện về việc trẻ em là như thế nào. Người ta không còn nghĩ phận sự của trẻ con là hiểu thế giới người lớn như người lớn thấy nữa; trước tiên là vì, thế giới như người lớn thấy ngày nay có lẽ là một thế giới đã phức tạp hơn rồi.[143] Thay vì vậy, truyền thông đại chúng bảo trẻ thấy thế giới như đứa trẻ - tức là, như đứa trẻ *khác* - thấy. Đây phần nào là kết quả từ các tiến bộ kỹ thuật làm cho phim ảnh có thể sáng tạo ra thế giới

trẻ thơ của Margaret O'Brien và các bạn ngang hàng, giúp radio có đội quân những Hardy, những Aldriche và các trẻ vị thành niên khác, giúp quảng cáo và nghệ thuật làm bìa sách lợi dụng những người mẫu nhí chuyên nghiệp. Truyền thông đã tạo ra một hình ảnh về tuổi thiếu nam và thiếu nữ (như trong thời chiến họ tạo ra chân dung lính Mỹ, lại dùng ngôn ngữ lính tráng đã được biên tập đáng kể) và họ buộc trẻ em hoặc là chấp nhận hoặc là hung hăng cưỡng lại hình ảnh của chính mình.

Đứa trẻ bắt đầu bị radio và truyện tranh dội bom từ lúc nó biết nghe và vừa mới biết đọc. Những trận oanh tạc mà - dĩ nhiên không thể tránh những cú nhắm trượt lên quá cao và xuống quá thấp - nhằm trúng chuẩn xác vào các độ tuổi với biên độ rất hẹp. Chẳng hạn, đối với nhiều trẻ em dường như có một sự thay đổi tiệm tiến đều đặn trong các giai đoạn đọc truyện tranh: từ các truyện về thú vật như chú thỏ *Bugs Bunny* đến các anh hùng bất khả chiến bại như *Siêu nhân*, và từ đó đến các anh hùng như *Người Dơi*, với bề ngoài hóa trang, dễ bị tổn thương, dù dĩ nhiên họ luôn chiến thắng. Khảo sát được trích dẫn ở đầu chương này thấy rằng bản thân trẻ em cũng biết đến tiến bộ, biết những đứa lạc hậu vẫn còn đọc sách dành cho lũ trẻ còn mặc quần liền áo, trong khi lẽ ra chúng phải tiến lên quần jean xanh rồi.

Đúng như vậy, ở Mỹ sự thay đổi từ thời nội tại định hướng trước đó không đột ngột; những thay đổi như vậy không bao giờ đột ngột. Trước đây truyền thông đại chúng phục vụ thị trường trẻ em ít nhất trong ba lĩnh vực: sách giáo khoa hay giáo huấn, tạp chí dành cho trẻ em, và các truyện ly kỳ rùng rợn. Nhưng khi so sánh những thứ này với truyền thông hiện đại, chúng ta sẽ tức thì nhận thấy những khác biệt. Đánh giá thị trường của các nhà văn trong dòng văn học này thời trước chỉ là tay mơ khi so với nghiên cứu thị trường ngày nay. Hơn nữa, họ thường nhắm thúc đẩy những động cơ và khuyến khích tính di động hơn là tác động đến bất kỳ sự xã hội hóa thị hiếu nào. Các tuần báo Anh dành cho con trai, như Orwell mô tả,[144] thường phản đối rượu và thuốc lá - như các tác giả tu sĩ của độc giả trường học và nhà thờ. Những khiển trách như vậy nhắc chúng ta nhớ bài học "tội ác chẳng đem lại lợi lộc gì" của truyện tranh, một vẻ bề ngoài để tải các thông điệp quan trọng hơn. Các báo tuần cho con trai và những tờ tương tự của Mỹ lo đào luyện lớp trẻ cho các lĩnh vực sản xuất (bao gồm cả chiến tranh), và như một sự tình cờ của huấn luyện, vận động viên mầm non có thể sẽ phải kiêng thuốc lá và rượu. Truyền thông tương ứng ngày nay huấn luyện lớp trẻ cho các lĩnh vực tiêu dùng - để biết phân biệt sự khác nhau giữa Pepsi-Cola và Coca-Cola, về sau là giữa hai loại thuốc lá Old Gold và Chesterfield.

Chúng ta có thể đánh dấu sự thay đổi bằng cách trích dẫn một bài hát ru xưa:

"Chú lợn con này đi chợ;

Chú lợn con này ở nhà.
Chú lợn con này ăn thịt bò nướng;
Chú lợn con này chẳng có chi.
Chú lợn con này vừa đi vừa tè
Suốt dọc đường về nhà".

Bài ru này có thể được xem là một kiểu mẫu cho sự cá biệt hóa và hành vi chưa xã hội hóa trong đám trẻ thời trước. Song hôm nay, chú lợn con nào cũng đi chợ; chẳng chú nào ngồi nhà; chú nào cũng được ăn bò nướng, nếu ăn được; và thảy đều sẽ nói "đi tè".

NGƯỜI CHIẾN THẮNG CÓ TẤT CẢ?

Thế nhưng có lẽ thay đổi quan trọng nhất là chuyển biến trong hoàn cảnh diễn ra việc nghe và đọc. Trái với độc giả đọc sách một mình ở thời nội tại định hướng, ngày nay chúng ta có nhóm trẻ con nằm trên sàn, đọc, trao đổi cho nhau truyện tranh và những thứ ưa thích nhất trong các truyện tranh, hay nghe chương trình đọc truyện *The Lone Ranger* (Chàng biệt động cô đơn).[145] Khi đọc và nghe không phải là việc tập thể trong thực tế, nó lại dễ là việc tập thể trong cảm nhận: ta gần như luôn ý thức được sự có mặt mọi lúc mọi nơi đầy hăm he của nhóm ngang hàng. Do vậy, mà cô bé hâm mộ *Siêu nhân* trích dẫn ở đầu chương này không thể tự cho phép mình là Siêu nhân - mọi người sẽ cho là cô bé ngu ngốc - trong khi họ sẽ không nghĩ cô bé ngu ngốc vì tin rằng biết bay là rất quan trọng.

Trong một xã hội phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng thì trẻ em, như chúng ta đã thấy, được người lớn kể chuyện dẫn dắt vào các truyện kể. Người lớn này không cảm thấy mình đang cạnh tranh quyết liệt với đám trẻ. Vì vậy, họ có thể khuyến khích, hay ít nhất nâng đỡ, các phản ứng ngây ngô của trẻ như hoảng sợ hay háo hức trước những câu chuyện được kể cho chúng nghe - rồi sau đó, khuyến khích những phần tán thêm hay thêu dệt của đứa trẻ. Nhưng những trẻ ngang hàng đọc hay nghe cùng nhau không có sự hiện diện bao bọc của người lớn lại không nằm trong mối quan hệ đầm ấm theo kiểu "các cháu ơi, hãy lắng nghe rồi sẽ thấy…"[146] Chúng không thể thả mình để tự do bay.

Một yếu tố tương liên là truyện tranh khác với truyện cổ tích ở vài khía cạnh quan trọng. Trong truyện cổ tích vai chính thường là nạn nhân của sự bất công, một trẻ nhỏ, một vịt con xấu xí, một người dân đen, trong khi đó nhân vật phản diện lại thường là một người quyền thế, một ông vua, một người khổng lồ, một bà dì ghẻ. Trong truyện tranh nhân vật chính thường là một người lớn bất khả chiến bại hay gần như bất khả chiến bại, được trang bị, nếu không phải là những quyền năng siêu nhiên thì chí ít cũng là hai khẩu súng, và người đó có thể trạng cao lớn, phi thường. Sự phò trợ thần diệu sẽ đến với

nạn nhân của bất công - vẫn là một nhân vật phụ - chỉ qua sự can thiệp của nhân vật anh hùng này. Do vậy, trong khi cậu bé Jack của truyện cổ tích *Jack and the Beanstalk* (Jack và cây đậu thần) được sự phò trợ màu nhiệm chủ yếu nhờ lòng can đảm, tính hiếu kỳ và may mắn, thì Jack truyện tranh lại có được sự cứu giúp màu nhiệm chủ yếu nhờ một vị cứu tinh đầy quyền phép. Trong khi các chủ đề na ná có thể bắt gặp trong truyện Robin Hood và hiệp sĩ Galahad, truyện tranh lại cho thấy sự gia tăng nhân vật anh hùng quyền uy ít nhiều bất khả xâm hại.

Đổi thay tương đối trong mô thức này[147] không phải là lỗi của truyện tranh. Truyện tranh chỉ đáp ứng một lối tiếp nhận vừa khớp với thị hiếu đọc của nhóm ngang hàng. Quả thực, nếu những cô cậu bé kiểu ngoại tại định hướng yêu thích truyện tranh thiếu nhi đọc hay nghe các câu chuyện không phải là truyện tranh thì chúng cũng sẽ đọc như thể đó là truyện tranh. Chúng sẽ có chiều hướng để ý xem ai thắng và bỏ qua những lắt léo bên trong của câu chuyện, bỏ qua bài học luân lý hay cái gì khác gài trong đó. Thế nên, nếu người ta hỏi chúng làm thế nào phân biệt được "người tốt" với "kẻ xấu" trên các phương tiện truyền thông đại chúng, thì câu trả lời chung quy vì lẽ người tốt luôn thắng; theo cách xác định ấy thì họ là người tốt.

Nhưng dĩ nhiên đứa trẻ muốn biết trước kết quả, nên nó tìm các manh mối bên ngoài giúp nó phân định xem ai là người thắng. Trong truyện tranh thì điều này hiếm khi khó đoán: người tốt trông thế này, là những người có khuôn mặt chữ điền, mắt sáng, cao to; bọn người xấu thì trông thế này, vì những lý do sùng đạo, bọn chúng không thuộc nhóm dân tộc nào dễ nhận ra được mà nói chung mang dáng vẻ Nam Âu nhếch nhác - đần độn vụng về, râu tóc bù xù, trông nhợt nhạt như thây ma hoặc bóng bẩy quá đáng. Nhưng trong phim ảnh (và trong một số truyện tranh có các mỹ nữ lả lơi) những đặc điểm nhận dạng như thế chẳng dễ: chính những kiểu người tốt trong hầu hết truyện tranh có thể rốt cuộc lại là tay đểu cáng. Một ví dụ đáng chú ý tôi đã quan sát được là vẻ hoang mang của một vài đứa bé yêu thích truyện tranh trước mô tả điện ảnh về Nữ bá tước de Winter (Lana Turner đóng) trong *Ba người lính ngự lâm*. Nếu bà ta trông xinh đẹp nhường ấy, sao bà ta lại có thể xấu xa thế kia?

Do vậy chúng ta đi đến một nghịch lý. Trẻ kiểu ngoại tại định hướng được huấn luyện để nhạy cảm với mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau, và thường nó hiểu những mối quan hệ này với sự sành sỏi mà ít người lớn có được trong thời nội tại định hướng. Thế nhưng nó có thể vô tình lạ lùng trước những vấn đề tính cách mà người kể chuyện ưa thích của nó bày ra; nó thường lướt nhanh qua câu chuyện đến đoạn kết hay đọc trước đoạn kết, và bỏ qua những vấn đề phát triển cá nhân không tiết lộ manh mối dẫn đến kết cục. Có cảm tưởng rằng bối cảnh đọc nhóm, tựa như phải ngồi ở bồi thẩm đoàn ban ra các đánh giá Hooper,[148] đã thúc ép nhịp độ đọc của trẻ kiểu ngoại tại định hướng.

Nó không thể cà kê ở tình tiết không liên quan hay mơ màng về các anh hùng. Để trao đổi những thị hiếu trong việc đọc và nghe, nó không cần biết gì nhiều về các anh hùng cũng như người đổi tem, chẳng cần biết nhiều về xuất xứ của con tem.

Chuyện thần tiên và sách của Frank Merriwell cũng chú trọng chiến thắng; do vậy điều quan trọng là thấy chính xác các khác biệt mà truyền thông đại chúng cùng với trọng tâm chú ý đã thay đổi của độc giả tạo nên. Một khác biệt nổi bật là khác biệt giữa hoài bão thời trước và hợp tác đối kháng thời nay. Tôi định nghĩa hoài bão là phấn đấu đạt được các mục tiêu rõ ràng tiêu biểu cho giai đoạn nội tại định hướng; đó có thể là một nỗ lực để đạt đến tiếng tăm hay cái thiện: kiếm được việc làm, thắng trận, xây cầu. Đua tranh trong thời phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng thường khốc liệt, nhưng đồng thời người ta chẳng thắc mắc về vị thế của mình trong cuộc đua - và rằng có một cuộc đua. Nếu họ có cảm thấy tội lỗi thì đó là khi họ thất bại, chứ không phải lúc họ thành công. Ngược lại, hợp tác đối kháng có thể được định nghĩa là một phấn đấu đã thấm nhuần, tiêu biểu cho các nhóm bị kiểu ngoại tại định hướng tác động. Ở đây mục tiêu không quan trọng bằng mối quan hệ với "người khác". Trong cuộc cạnh tranh kiểu mới này người ta thường nghi nghi hoặc hoặc chẳng biết có cuộc đua nữa hay không, và nếu có, thì các mục tiêu của nó là gì. Vì họ phải hợp tác hơn là đối đầu, rất có thể họ sẽ cảm thấy có lỗi khi thành công và thậm chí cảm thấy một trách nhiệm nhất định về thất bại của người khác.

Tất nhiên, chính hoài bão là một đặc điểm nổi bật gây chú ý của những người hùng trong văn chương dành cho bé trai ở thời nội tại định hướng. Hơn nữa, đó là một hoài bão mà độc giả trẻ em có thể đồng cảm, ngay cả khi mục tiêu cụ thể như đánh nhau với người da đỏ, hoặc tìm ra kho báu ở Bắc Cực, hoặc bơi qua những con sông đóng băng hay phát hiện tội phạm - lúc đó là một mục tiêu xa vời; tức là độc giả có thể thi đua trong tưởng tượng với các phẩm chất đạo đức của người anh hùng, như lòng dũng cảm và tự chủ của anh hùng đó. Do vậy, mặc dù các anh hùng này gần như bách chiến bách thắng như những người hùng ngày nay, nhưng độc giả được khuyến khích không chỉ quan tâm đến kết quả là thắng lợi sau cùng mà đến cả những xâu xé nội tâm diễn ra trước kết cục và làm cho kết cục xảy ra.

Đôi khi người ta nói phóng là chuỗi truyện tranh chỉ tiếp tục bộ đề tài cũ này trong một phương tiện mới, nhưng thực tế là các đề tài thay đổi và các đặc điểm nhân dạng còn thay đổi nhiều hơn. Như vẫn thường xảy ra, khi trẻ thích truyện tranh hơn, trong đó người hùng không phải là người thường mà là Siêu nhân hay Người Nhựa có các quyền năng rõ ràng độc nhất vô nhị, sự đồng cảm sẽ yếu đi: dù sức mạnh ý chí có ghê gớm thế nào, dù có bao nhiêu khóa học qua thư từ với Lionel Strongfort[149] đi chăng nữa thì cũng không thể biến một

người thành Siêu nhân, thậm chí trong ý tưởng viển vông nhất. Và những ý nghĩ không thực tế như vậy ngày nay có vẻ ít đi. Bị phơi ra trước phương tiện truyền thông ngày càng tinh vi hơn, trẻ em cũng biết tỏng những mộng mị "phi thực tế"; khi xem phim chúng sẽ dễ dàng nhận ra các chi tiết tinh vi và sẽ phê bình một bộ phim cao bồi miền Tây vì gã người hùng trong phim bắn bảy phát từ khẩu súng lục chỉ nạp được có sáu viên đạn. Truyền thông đến lượt mình khuyến khích chủ nghĩa hiện thực này bằng các hiệu ứng âm thanh và màu sắc, cho đến nay vượt xa chủ nghĩa hiện thực của những tiểu tiết mà Defoe và những người kế tiếp ông đã cố gắng đạt được. Các nhân vật trong phần lớn truyện hư cấu ở thời phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng là chỗ tựa - khuôn mẫu của kiểu đã được chỉ ra ở phần trước. Trong truyện Jules Verne[150] chẳng hạn, chính cuộc phiêu lưu, các chi tiết máy móc, chứ không phải nhân vật, là cái được mô tả rõ ràng; còn nhân vật là những đồng phục rộng thùng thình mà nhiều cậu bé có thể tự khoác lên mình. Những hình minh họa tưởng tượng, u ám của một họa sĩ như Howard Pyle cũng để ngỏ cho sự liên tưởng ở phía độc giả muốn mường tượng mình là người hùng đó.

Chẳng còn lại mấy khoảng rộng này để trí tưởng tượng của độc giả hay người nghe hiện đại lấp đầy. Dù mô tả tính cách của chuỗi truyện tranh và tạp chí truyện tranh, nếu có, ít sắc nét hơn, nhưng các tiểu tiết bên ngoài lại được xác định rõ dứt khoát: từng chi tiết trang phục và lời nói được đưa ra. Điều này cần thiết hơn vì, khi có quá nhiều anh hùng trên truyền thông đại chúng chen nhau giành sự chú ý, thì những người thể hiện chân dung các anh hùng phải lao vào sự dị biệt vụn vặt để tìm kiếm thương hiệu cho mình. Những hình người do Milton Caniff vẽ phải nhận ra ngay được, cũng như những hình người của Fisher.

Có điều nghịch lý trong sự tiếp nhận chủ nghĩa hiện thực này. Một mặt, mỗi nét cọ mà họa sĩ vẽ truyện tranh thêm vào sẽ loại trừ các đặc điểm nhân dạng cho hàng triệu người; chẳng hạn, cô bé ngực nhỏ có thể sẽ chỉ thấy sự chê bai dành cho mình trong truyện tranh. Mặt khác, cũng chính chủ nghĩa hiện thực ấy là căn nguyên nỗi lo bị quá nổi bật trong lòng Nữ Siêu nhân bé bỏng của chúng ta trích ở đầu chương. Nếu cô bé là Siêu nhân, cô bé sẽ tức thì được nhận ra. Cô bé sẽ thiếu cái riêng tư được tự trầm trồ ngưỡng mộ mình mà độc giả của thời trước có được, để họ có thể hả hê vì mình là Vidocq hay Sherlock Holmes[151] - chỉ có điều chẳng ai biết về chuyện đó.

Không nên đẩy những khái quát hóa này đi quá xa. Có những đứa trẻ - ít nhất người ta cũng đã nghe nói về chúng - tự đồng nhất mình với Siêu nhân, hay dễ dàng hơn, với Terry hay Ông Thánh.[152] Cũng không phải là không thể cùng lúc đồng nhất, trên một tầng bậc ý thức, với người anh hùng và trên một tầng bậc khác với kẻ được người anh hùng giải cứu. Và trong khi các anh hùng truyện tranh đều trường sinh bất lão, sau khi đã khám phá ra bí quyết trẻ mãi

không già, đứa trẻ đang lớn có thể chuyển từ anh hùng này sang anh hùng khác khớp hơn với các nhu cầu và hoài bão đang thay đổi của mình. Các xu hướng ngược này được sự khuyến khích từ các thứ phụ tùng - bộ đồ Siêu nhân, vân vân - gắn liền trẻ em với các người hùng trong radio, phim ảnh, truyện tranh của chúng. Nhưng sẽ sai lầm khi cho rằng ai khoác áo Siêu nhân cũng đồng nhất mình với Siêu nhân; cậu ta có thể chỉ là một kẻ hâm mộ, khoác màu cờ sắc áo người hùng của mình.

Một điều có lẽ cũng nổi bật là truyện tranh dồn nội dung vào và chỉ cần vài phút là đã đọc được một chuỗi sự kiện mà trong thời trước bị kéo lê thê qua hàng trang sách. Cứ nghĩ đến những năm Bá tước Monte Cristo[153] trong ngục thất, nỗi khổ nhục của ông, đức kiên nhẫn phi thường của ông, sự cần cù và học hỏi giáo huấn từ cha bề trên; cả thành tựu lẫn cuộc phục thù của ông đều được răn dạy bằng những đoạn kéo dài lê thê này, và ông đã già khi chiến thắng, sau nhiều chương hồi. Ngược lại, người hùng truyện tranh hay kịch truyền thanh chiến thắng gần như không mất mấy công sức; chính sự rút ngắn thời gian kể chuyện làm cho điều này rõ ràng hơn. Thật vậy, tương tự như trên phim ảnh, người hùng này thường xuyên bị hành hạ, nhưng điều ấy làm tăng thêm phần háo hức, chứ không phải tăng thêm đạo đức hay chuyển biến nội tâm, và giúp biện minh cho một trận đòn còn thê thảm hơn giáng xuống quân lừa đảo.

Còn một khía cạnh nữa trong sự thay đổi này đáng để xem xét. Nếu người ta không đồng nhất mình với người thắng nhưng đồng thời lại mải nghĩ đến chính quá trình chiến thắng, như cách ứng xử hay nhất để hiểu thấu một câu chuyện, thì nghĩa là họ được chuẩn bị tâm lý cho vai trò người tiêu thụ chiến thắng của người khác. Tức là, người ta được chuẩn bị cho vai trò người lớn đánh cược con ngựa thắng, mà không quan tâm đến tay nài ngựa hay con ngựa, hay kiến thức về một trong hai thứ đó. Nội dung đồng nhất nghèo đi đến độ gần như mối liên kết duy nhất giữa người đọc và người hùng là chi tiết người hùng sẽ thắng. Khán giả - điều này cũng đúng trong một trò đố vui, một cuộc thi đấu thể thao, và như chúng ta sẽ thấy, trong một cuộc chạy đua chính trị - muốn liên quan đến người chiến thắng chỉ để làm cho cuộc thi thố có ý nghĩa: hy vọng chiến thắng này làm cho sự kiện hấp dẫn, trong khi trò chơi, cuộc thi hay câu chuyện không được thưởng thức đánh giá vì chính bản thân nó.

Thế nên, chiến thắng của người hùng chỉ có vẻ bề ngoài là một chiến thắng luân lý. Đúng thế, tàn dư các đạo lý xưa cũ vẫn còn dai dẳng, thường là những quy ước mà sự kiểm duyệt hay nỗi sợ kiểm duyệt áp đặt. Nhưng đạo lý theo nghĩa phát triển tính cách nhân vật văn học, chứ không phải đạo lý theo nghĩa đúng về phía luật lệ và lẽ phải, lại không được khai thác trong câu chuyện. Do vậy, đạo đức có chiều hướng trở thành một sự can thiệp của chiến thắng. Cũng

như trong truyện trinh thám, dường như ai cũng bị nghi là có tội cho đến khi họ được minh oan nhờ việc tìm ra kẻ sát nhân thực sự, thì chiến thắng của người hùng cũng sẽ biện minh cho những việc làm tốt và xấu trước đó của anh ta. "Người chiến thắng có tất cả" trở thành một công thức nhai đi nhai lại.

TOOTLE: MỘT TRUYỆN RĂN DẠY HIỆN ĐẠI

Các bậc cha mẹ đôi khi dễ cho rằng truyện tranh và radio, những phương tiện truyền thông đại chúng rẻ nhất và phổ biến nhất, là công cụ chính chuyển tải các thái độ và giá trị mới này, rằng trong một gia đình đã được ngăn ngừa Roy Rogers và Steve Canyon,[154] thì các kiểu phản ứng này của cử tọa trẻ cũng sẽ bị loại trừ. Song, sự thực là nhiều đề tài quan trọng kiểu ngoại tại định hướng đã được đưa vào các sách có tính chất xã hội hóa và đầy ắp thông tin, không thuộc loại truyện tranh dành cho trẻ em các giai tầng trung lưu và trung lưu lớp trên - ngược lại, những quyển sách "giáo dục" này không phải là không thể ảnh hưởng đến các nghệ sĩ trên đài phát thanh và họa sĩ truyện tranh có ý thức xã hội. Tất cả các loại phương tiện truyền thông đại chúng này dạy trẻ bài học mà cha mẹ và thầy cô đã được cung cấp trong nhiều tác phẩm gần đây về sự phát triển của trẻ em. Thiên kiến của bài học đó được ngụ ý trong một đoạn trích từ cuốn sách mà các thầy cô và các hội phụ huynh học sinh-nhà giáo đang sử dụng:

> *Hình ảnh phát triển thông thường và được mong đợi là sự tự giác ngày càng cao ở phía cá nhân trẻ, với những kỹ năng vui chơi hay giao tiếp xã hội ngày càng thuần thục, và với sự xuất hiện các hình thức hợp tác cao hơn ở thanh thiếu niên hay tuổi mới lớn. Thanh thiếu niên phải biết cách "chấp nhận" tốt hơn trong sinh hoạt nhóm, phải phát triển một sự tự giác hoàn chỉnh hơn, dù chưa hoàn hảo, và phải có cái nhìn thực sự thấu suốt những mong muốn của người khác.*[155]

Tootle the Engine (Tootle Đầu máy xe lửa) (lời của Gertrude Crampton, tranh của Tibor Gergely) là một cuốn nổi tiếng và hấp dẫn về nhiều mặt trong "Tủ sách vàng cho trẻ em". Đó là sự răn dạy dù nó có vẻ chỉ là một trong nhiều sách về xe cộ nhân cách hóa - xe tải, xe cứu hỏa, taxi, tàu kéo, vân vân - được chủ định mang lại cho trẻ một hình ảnh về đời thật. Tootle là một đầu máy thiếu nhi đi học trường của những đầu máy, nơi người ta dạy hai bài học chính: dừng lại khi thấy cờ đỏ và "luôn ở trên đường ray dù có chuyện gì xảy ra đi nữa". Học hành chăm chỉ sẽ giúp đầu máy thiếu nhi trở thành một tàu tốc hành lớn dáng thuôn hiện đại. Tootle vâng lời được một thời gian nhưng rồi một ngày nọ phát hiện niềm vui khi ra khỏi đường ray và tìm thấy những bông hoa ngoài đồng. Tuy vậy, chuyện vi phạm nội quy này không thể giữ kín; có những dấu vết tố cáo trong cái khung chắn gạt chướng ngại vật lắp ở phía trước đầu máy. Dẫu vậy, thú chơi của Tootle ngày càng trở thành một nỗi khát khao, và bất chấp cảnh báo cu cậu vẫn cứ ra khỏi đường ray để tha thẩn ngoài

đồng. Cuối cùng hiệu trưởng trường đầu máy tuyệt vọng. Ông thỉnh thị ý kiến của thị trưởng thị trấn nhỏ Engineville nơi có ngôi trường này; thị trưởng bèn triệu tập một cuộc họp thị trấn, và những khuyết điểm của Tootle được đem ra bàn - dĩ nhiên Tootle chẳng hay biết gì về chuyện này cả. Cuộc họp quyết định một phương án hành động, thế là lần tiếp theo khi Tootle đi dạo chơi một mình và vừa ra khỏi đường ray thì cậu đụng phải ngay một cờ đỏ nên dừng lại. Cậu quay sang một hướng khác thì lại đụng đầu một cờ đỏ khác; hướng khác nữa cũng vậy. Cậu chạy loanh quanh vòng vèo nhưng cũng không thể tìm thấy một khoảnh cỏ nào mà cờ đỏ không xuất hiện, vì mọi công dân trong thị trấn đều hợp tác trong bài học này.

Bị uốn nắn và hoang mang, cậu nhìn về phía đường ray, nơi cờ xanh mời gọi của thầy giáo ra hiệu cho cậu quay về. Lúng túng vì các phản xạ có điều kiện trước những bảng báo dừng, cậu quá đỗi vui mừng vì được quay trở lại đường ray và sung sướng khóc ròng. Cậu hứa sẽ không bao giờ rời đường ray nữa, cậu trở về nhà chứa đầu máy để được thưởng những tiếng reo hò cổ vũ của thầy cô và toàn thể công dân cùng với lời quả quyết chắc chắn lớn lên cậu sẽ thành tàu tốc hành hiện đại.

Câu chuyện có vẻ là một truyện kể thích hợp để nuôi dạy trẻ theo cách thức tuân thủ kiểu ngoại tại định hướng. Chúng học được rằng đi khỏi đường ray và chơi hoa là không tốt, và rằng về lâu dài, chúng sẽ tìm thấy không chỉ thành công và sự tán thưởng mà thậm chí còn tự do nếu đi theo đèn xanh.[156] Bài học này rất khác với bài học trong *Cô bé quàng khăn đỏ*. Cô bé cũng không đi theo đúng đường khi đến nhà bà; cô bé được một con sói dạy về cái đẹp của thiên nhiên - một biểu tượng che đậy về tình dục. Thế rồi cô bé bị ăn thịt - một số phận hãi hùng - nhưng cuối cùng cả cô bé và bà ngoại đã được chàng tiều phu đẹp trai cứu khỏi bụng sói. Câu chuyện, dù có thể được hiểu như một lời răn, bàn đến các đam mê con người thực, đam mê tình dục và đam mê gây hấn; nó không đưa ra phần thưởng cho đức hạnh dưới hình thức rõ ràng nào hay thể hiện thế giới người lớn theo cách nhìn bao dung nào. Do vậy, về cơ bản câu chuyện là hiện thực, dưới cái vỏ tưởng tượng, hay nói đúng hơn, nhờ có tính tưởng tượng.

Có lẽ, có một hơi hướng chủ nghĩa hiện thực tương tự trong Tootle. Ở đó người lớn đóng vai trò mà chúng ta đã mô tả từ trước: họ dẫn dắt đứa trẻ phải tuân thủ theo nhóm ngang hàng và rồi thưởng cho nó vì hành vi mà họ đã chuẩn bị sẵn. Hơn nữa, các công dân của Engineville bao dung với Tootle: họ hiểu và không nổi cơn tam bành. Họ xúm vào trị cậu bằng cờ đỏ là để tốt cho cậu, và họ thưởng cậu vì sự vâng lời như thể họ đã không hề góp sức đem lại điều đó. Mặc dù vậy, có cái gì đó được tô vẽ thái quá trong truyện này. Thế giới người lớn (các thầy) *không* nhân từ đến vậy, đám công dân (nhóm ngang hàng) *không* có tinh thần tham gia và hợp tác đến vậy, các tín hiệu *không* rõ

đến vậy, và phần thưởng là trở thành một con tàu tốc hành hiện đại cũng không lớn đến thế hay chắc chắn đến thế. Dẫu vậy, đứa trẻ có thể thấy ấn tượng vì tất cả đều rất tử tế - không có cái u ám như trong *Cô bé quàng khăn đỏ*. Do đó, trong toàn bộ chuyện này có một sự bịp bợm - một sự giả dối ở chỗ công dân làm ra vẻ vì lợi ích của Tootle. Cuối cùng cả Tootle cũng quên là cậu đã từng yêu hoa - hoa hoét mới trẻ con làm sao khi so với những đầu máy, tín hiệu, đường ray, và các cuộc hội họp của thế giới người lớn to lớn vĩ đại!

NHỮNG KHOẢNG TỰ DO

Chúng ta đã bàn về hoàn cảnh xã hội trong đó truyền thông đại chúng ngày nay được độc giả trẻ em hấp thụ. Chúng ta đã thấy các ảnh hưởng của hoàn cảnh này đối với quá trình độc giả đồng nhất họ với nhân vật chính và vai trò của họ. Chúng ta đã đặc biệt nhấn mạnh tính chất cạnh tranh mơ hồ của những đồng nhất này, một mặt nhấn mạnh chiến thắng, còn mặt kia hạn chế nghiêm ngặt mọi sự đồng nhất về mặt cảm xúc bằng bộ luật của nhóm ngang hàng.

Nếu chỉ có vậy, chúng ta ắt phải kết luận rằng nhóm ngang hàng, là một trong những lực lượng trung gian dàn xếp trong nhóm trẻ em đọc và nghe, chỉ đơn giản là chịu sự dẫn dắt của những người kể chuyện chuyên nghiệp. Nhưng tôi muốn nêu lên rất vắn tắt khả năng thay thế: ấy là, nhóm ngang hàng có thể có một bộ tiêu chí tương đối độc lập giúp nhóm duy trì không chỉ các dị biệt nhỏ nhặt, mà còn cả chút không gian để vùng vẫy trong tương quan với truyền thông. Điều này có thể hiểu được, vì rằng những nhóm ngang hàng phản hồi thành công các phong cách và giá trị đối với truyền thông đại chúng sẽ có chút cảm giác về thành tựu, cảm giác đóng góp của mình được công nhận. Đúng thế, cảm giác bị tính đại chúng hay phi đại chúng xâm lăng rồi đuổi ra khỏi hòn đảo cá thể hóa của ta cũng sẽ hiện diện, và hậu quả toàn diện có thể phụ thuộc vào việc nhóm ngang hàng có cảm thấy truyền thông đại chúng đang truy đuổi mình không, hay liệu nhóm có hứng thú chơi trò vâng lời chỉ huy không, khi mà truyền thông là chỉ huy.

Một nhóm trẻ ngang hàng hiếm khi có thể buộc truyền thông đại chúng - và do vậy là các nhóm ngang hàng khác - nghe theo sự dẫn dắt của mình. Khả năng thường xảy ra hơn là cơ hội của nhóm ngang hàng định ra các chuẩn riêng để phê bình truyền thông. Các nhóm hâm mộ nhạc jazz trẻ chẳng hạn, có những chuẩn mực rất cầu kỳ để đánh giá nhạc pop, những chuẩn có sự chính xác gần như mô phạm. Vậy thì, chúng ta phải tiến xa hơn, và đặt vấn đề liệu trẻ em có biết tìm các khoảng riêng tư bên trong một sự thích nghi bề ngoài đối với nhóm ngang hàng, và bên dưới lớp vỏ thẩm thấu hời hợt đối với truyền thông đại chúng hay không. Nói cách khác, chúng ta phải khám phá lại giả định vẫn tồn tại đến nay rằng trẻ kiểu ngoại tại định hướng gần như không bao giờ sống một mình, rằng đến sáu bảy tuổi nó đã không còn ngồi nói một

mình, nghĩ ra các bài hát, hay mơ những giấc mơ không được giám sát nữa.

Chúng ta biết rằng trẻ em được nuôi dạy qua radio có thể tắt tiếng ồn của nó giống như các thiết bị tự động được tưởng tượng ra để làm tắt tiếng những chương trình quảng cáo. Có lẽ những đứa trẻ đó cũng tắt được tiếng ồn của nhóm bạn cùng lứa, ngay cả khi chúng đang góp phần tạo ra nó. Hơn nữa, bản thân các truyện tranh có thể không chỉ là một phần trong những mô thức tiêu thụ của nhóm ngang hàng mà thỉnh thoảng còn là nơi chạy trốn nhóm ngang hàng, và là một thách thức đối với thế giới người lớn trịnh trọng ghét cay ghét đắng những truyện tranh đó. Ở Phần III chúng ta sẽ trở lại với câu hỏi liệu truyền thông đại chúng có thể nuôi dưỡng sự tự chủ cũng như sự điều chỉnh, sự độc lập cũng như sự tuân thủ với nhóm ngang hàng hay không.

CHƯƠNG V
Vòng đời nội tại định hướng

Để tưởng nhớ
ông Thomas Darling
mất ngày 30 tháng 11 năm 1789 ---
Một quý ông có trí lực mạnh mẽ,
mở mang thêm bằng khoa học và văn chương,
--- đến nghiên cứu triết học,
quen trầm tư và đọc sách
--- có đầu óc suy luận luân lý đạo đức,
hiểu biết sâu xa và nhận định xác đáng,
khả kính vì khiêm cung và ngay thẳng,
nhân từ và tự chủ
trong đối đãi với mọi người
trung thực và quảng đại,
hòa ái trong mọi quan hệ đời sống xã hội
và giữ mọi công vụ
với lòng tận tụy và phẩm cách
những khả năng xuất chúng với tư cách chính khách và quan tòa
một giáo sư buổi đầu về Cơ Đốc giáo
người bạn trung kiên, niềm vinh dự và người bảo vệ
với niềm tin duy lý và không lay chuyển ở Chúa Trời
và Đấng Cứu Thế của mình: ông không biết đến vị thầy nào khác.
LỜI KHẮC TRÊN BIA MỘ TRONG MỘT NGHĨA TRANG Ở NEW HAVEN

Các kiểu xưa nhất trong lịch sử ở Mỹ, về mặt sơ đồ nêu ra trong sách này, là một ít người phần nào vẫn còn bị truyền thống định hướng như một số người Canada gốc Pháp vùng Đông Bắc, người da đen vùng châu thổ, và người Mexico "nhập cảnh lậu vào Mỹ" ở Texas. Những nhóm này còn sót lại từ các xã hội và tầng lớp xã hội có lối tuân thủ được thiết lập trong một giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số. Kiểu xưa thứ hai là nội tại định hướng, còn sót lại từ giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp ở Mỹ và ở nước ngoài. Họ vẫn còn chiếm ưu thế ở nhiều vùng và nhiều ngành nghề, thậm chí ở các thành phố. Có lẽ họ còn là kiểu đông nhất, nếu chúng ta kể luôn vào nhóm họ không chỉ những ai có kiểu nội tại định hướng hết sức rõ rệt, mà cả nhiều người thuộc tầng lớp lao động vốn mong muốn là kiểu nội tại định hướng nhưng trên thực tế không thể thích

nghi với bất cứ cách thức tuân thủ nào, dù nội tại định hướng hay ngoại tại định hướng. Cuối cùng, kiểu mới nhất, ngoại tại định hướng, là kết quả của những thay đổi ở các tác nhân hình thành tính cách đã bàn trong ba chương trước - những thay đổi nổi bật nhất trong các thành phố lớn và trong các nhóm thu nhập cao.

Trong chương này và hai chương sau, chúng ta sẽ tìm hiểu cặn kẽ hơn cách thức mà sự chuyển dịch đường đồ thị dân số Mỹ sang giai đoạn chớm giảm dân số tương ứng với một thay đổi trong cơ cấu công việc và vui chơi của người lớn. Các kiểu tính cách ngoại tại định hướng được tạo ra không chỉ do những ảnh hưởng tác động đến cha mẹ và các tác nhân hình thành tính cách thuở nhỏ khác, mà còn bởi các định chế uốn nắn hay uốn nắn lại tính cách của những người trưởng thành vốn đã khôn lớn trong một môi trường nội tại định hướng ít bị pha loãng hơn. Tuy trẻ em là người đi tiên phong trên các lĩnh vực tính cách học của dân cư, song chính người lớn, ngay cả trong một nền văn hóa tập trung vào trẻ em, mới là người vận hành động cơ, dựng tín hiệu, viết sách và truyện tranh, chơi trò chính trị và các trò người lớn khác.

Một bia mộ như ở đầu chương này nhắc chúng ta về các kiểu mẫu mực của những người có ảnh hưởng lớn ở thời phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng. Lẽ đương nhiên không phải ai cũng tốt đẹp như những gì người ta đã nói về ông Darling; chúng ta không nên đánh đồng kiểu nội tại định hướng với sự định hướng bởi lương tâm. Một tên vô lại biết mình muốn đạt được cái gì cũng có thể nội tại định hướng một cách chắc chắn không kém gì một tín đồ Thanh giáo ngoan đạo. Thế nhưng khi giờ đây chúng ta quay sang khơi gợi lại hương vị của một thời đủ gần để cho là quen thuộc và không quá xa khiến ta không thể hiểu đầy đủ, thì ta có thể nghĩ đến một người không biết vị thầy nào khác ngoài Chúa của mình.

Trong phần đầu chương này chúng ta sẽ xem xét ý nghĩa của công việc đối với người nội tại định hướng vào thế kỷ 19 ở Mỹ; trong phần thứ hai, chúng ta sẽ xem xét anh ta sử dụng thời gian nhàn rỗi của mình ra sao. Sự phân chia này là khá tùy tiện bởi lẽ những cách thức làm lụng và hưởng thụ xoắn xuýt đan xen nhau. Vả lại, lập luận trong chương này và hai chương kế tiếp tiến triển theo một kiểu cách có phần biện chứng: các mô thức nội tại định hướng và ngoại tại định hướng thỉnh thoảng được nêu lên ở những dạng cực đoan nhất, để làm nổi bật sự tương phản giữa hai mô thức. Song, vì lẽ các vấn đề của người kiểu nội tại định hướng không còn là những vấn đề nhiều người chúng ta gặp phải, độc giả cũng như tác giả phải cảnh giác với xu hướng lý tưởng hóa thái quá kiểu nội tại định hướng và chỉ trích thái quá kiểu ngoại tại định hướng.

I. Con người trong công việc

VẤN ĐỀ KINH TẾ: ĐỘ CỨNG CỦA VẬT LIỆU

Nhiệm vụ của chúng ta trong chương này và chương sau là so sánh ý nghĩa của công việc trong các thời kỳ phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng và vào kiểu ngoại tại định hướng. Thay đổi là sự thay đổi về mức độ, như hầu hết những đổi thay trong lịch sử. Người kiểu nội tại định hướng thường nghĩ về công việc như các vật thể không phải con người, gồm một tổ chức xã hội được khách thể hóa, trong khi đó người kiểu ngoại tại định hướng lại thường quan niệm công việc như những con người - con người được nhìn nhận là cái gì đó lớn hơn chứ không chỉ là tổng gộp những kỹ năng và phẩm chất nhân công của họ. Do vậy, đối với người kiểu nội tại định hướng, sản xuất được nhìn nhận và cảm nhận ở khía cạnh các quá trình kỹ thuật và trí tuệ hơn là khía cạnh hợp tác giữa người với người. Các mối quan hệ cộng đồng trong công nghiệp, cũng như quan hệ giữa các ngành công nghiệp và giữa công nghiệp với xã hội nói chung, đối với người kiểu nội tại định hướng dường như được điều hành bởi sự hợp tác vô danh có được thông qua "bàn tay vô hình", cách diễn đạt tuyệt vời của Adam Smith[157] để chỉ kế hoạch hóa kinh tế thông qua thị trường tự do.

Đương nhiên người ta biết, trong giai đoạn phụ thuộc nhiều nhất vào kiểu nội tại định hướng, rằng thành tựu của hợp tác trong tổ chức công việc không đơn giản chỉ là tự động. Người ta đã nói rất nhiều về nhu cầu có kỷ luật, sự điềm đạm, liêm chính. Thế nhưng thật chính xác khi nói rằng tâm trạng con người trong lực lượng lao động vẫn chưa được coi là một vấn đề lớn [vào thời đó]. Nhân công vẫn còn quá đông - họ từ các nông trại trù phú tràn vào xưởng máy và có thể dễ dàng được chuyển đi nơi khác vào thời trước khi có giấy thông hành. Hơn nữa, lực lượng nhân công lao động được rèn luyện bởi các giá trị mới cũng như một số giá trị duy trì từ thời truyền thống định hướng; ngoài ra còn bởi giáo lý Phúc Âm ở các xứ công nghiệp tiên tiến. Mặt khác, người ta hãy còn chưa cảm thấy lực lượng quản lý cũng là một vấn đề, vì quy mô của nhân viên hành chính hãy còn nhỏ và vì các kiểu nội tại định hướng có thể hợp tác với nhau trong những nhiệm vụ rõ ràng về vật chất và tinh thần dù họ có thích hay chấp nhận nhau hay không. Chuẩn mực cư xử kiểu nội tại định hướng, chứ không phải tinh thần hợp tác, mới là điều ngăn họ không phá hoại liên miên.

Kết quả là, ngay cả trong các tổ chức lớn và đã bị quan liêu hóa thì mọi người cũng dồn nhiều chú ý vào sản phẩm hơn (dù đó là hàng hóa, quyết định, báo cáo hay khám phá thì cũng không khác gì mấy) và ít vào yếu tố con người hơn. Hơn nữa, chính sản phẩm, chứ không phải sự sử dụng của người tiêu thụ, mới là cái đòi hỏi chú ý. Bất chấp cái mà Marx gọi là "bái vật giáo hàng hóa", người do nội tại định hướng có thể bận tâm đến sản phẩm dù anh ta không phải là một người tiêu dùng thành thạo: anh ta không cần nhìn mình qua con mắt người tiêu dùng. Vấn đề tiếp thị sản phẩm, có lẽ ngay cả ý nghĩa của nó,

lùi vào hậu cảnh tâm lý trước *độ cứng của vật liệu* - tính cứng rắn của chính các nhiệm vụ kỹ thuật.

Các biên cương đang mở ra kêu gọi mọi người đến với cái có vẻ là mức cung quá độ các nhiệm vụ vật chất trong công nghiệp, thương nghiệp, địa lý và khám phá khoa học. Điều này đặc biệt rõ nếu chúng ta nhìn vào ranh giới địa lý. Trong khi người vùng biên hợp tác với các hàng xóm thưa thớt trong các hoạt động tự lực giúp đỡ lẫn nhau, như xây nhà hay chính trị, thì mối bận tâm chính của anh ta là bản chất thực thể tự nhiên, chứ không phải bản tính con người. Người Mỹ vùng biên giới, như Tocqueville gặp ở bang Michigan, dù thân thiện hiếu khách, nhưng không bận tâm đến con người. Anh ta thấy bản chất thực thể tự nhiên là đã đủ rắc rối rồi: biến cải và điều chỉnh nó đòi hỏi anh ta phải trở nên cứng rắn và tự lực cánh sinh.

Cũng đúng như thế trong các lĩnh vực khác là kinh doanh và tiên phong khai phá. Nhiệt tình truyền giáo, với quyết tâm mang Phúc Âm đến các xứ sở xa xôi như Ấn Độ, Trung Hoa và các đảo Thái Bình Dương, phản ánh tinh thần tiên phong thế kỷ 19 cũng đầy đủ không kém, hay thậm chí còn đầy đủ hơn phản ánh bất kỳ thôi thúc tôn giáo nào về tình huynh đệ. Nhà truyền giáo cùng gia quyến - ví dụ như ở Hawaii - thường trở thành hạt nhân của một yếu tố Âu châu mà cuối cùng sẽ giành được sự kiểm soát kinh tế và tài chính. Tương tự, nhiều thử nghiệm cộng đồng cũng là thành quả của tư duy giàu trí tưởng tượng cá nhân chủ nghĩa. Cũng giống như vậy, những người dám nghĩ dám làm và có trí tuệ khoanh vùng các lĩnh vực tri thức rồi lao vào khám phá những bí ẩn của thiên nhiên với sự hiếu kỳ hăng say. Dù họ cũng có thể ghen tị và so kè như Newton, nhưng các tiếp xúc của họ với đồng nghiệp nhìn chung vẫn còn mang tính chất phi cá nhân; họ liên lạc với nhau qua các kênh rất đơn sơ là báo chí và hội nghị mà không có tổ chức chính thức của nghiên cứu nhóm. Cả ở đây, bàn tay vô hình dường như cũng độc quyền chi phối; người ta cảm nhận về công việc như một phương thức gắn liền ta với các vật thể và ý tưởng, còn với con người thì chỉ một cách gián tiếp.

Ngày nay chúng ta thấy rõ ràng, ít ra cũng trong lĩnh vực kinh tế, rằng bàn tay vô hình một phần là sự thật, dù tính chất tạm thời trong lịch sử của nó làm mọi người không chú ý đến, còn một phần khác là huyễn hoặc.[158] Chính phủ đã sử dụng kế hoạch hóa rất nhiều ngay cả khi chủ nghĩa trọng thương suy yếu đi - dẫu vậy kế hoạch hóa là ép buộc vì nó tương đối ít quan liêu và có hệ thống, được điều hành qua các đòn bẩy mà thời gian đã khẳng định như thuế quan, bộ máy tư pháp, trợ cấp cho việc làm kênh rạch và đường sắt. Hơn nữa, tính phi cá nhân của đời sống kinh tế - mà các nhà đạo đức và xã hội từ Thomas More đến R.H Tawney[159] đã đồng thanh than phiền - chưa hề bao giờ lớn đến mức như người ta tưởng. Kinh doanh thường là thuộc bên họ người cha; như chúng ta có thể thấy trong tiểu thuyết *Buddenbrooks* (Gia đình

Buddenbrook) của Thomas Mann[160] chẳng hạn, kinh doanh dựa nhiều vào các giá trị còn tồn tại từ chế độ phong kiến. Các sắc thái cá nhân hóa kiểu truyền thống định hướng còn sót lại trong nhiều tình huống, bất chấp ý thức hệ và trong một chừng mực nào đó, bất chấp sự tồn tại của tự do cạnh tranh. Những nét cá nhân hóa này chắc chắn đã cải thiện một số sự hà khắc và lạm dụng của chủ nghĩa cá nhân kiểu nội tại định hướng.

Tuy vậy, so với ngày nay, nền kinh tế thời ấy hết sức linh hoạt và phi cá nhân, có lẽ còn phi cá nhân hơn so với thực tế. Điều này khuyến khích công sức đầy tham vọng của những người có thể chăm lo cho thị trường vốn đang mở mang của xã hội, cho những khâu ách tắc trong kỹ thuật nông nghiệp, công nghiệp khai khoáng, sản xuất. Các ngành tư liệu sản xuất có tầm quan trọng quyết định; đối nội, chúng cần có để lấp khoảng cách giữa dân số và sinh kế; đối ngoại, chúng cần thiết để chu cấp cho việc tiến hành chiến tranh và thực dân hóa. Quả thực, người bị dẫn dắt thái quá trong giai đoạn này, nhất là ở các vùng chịu ảnh hưởng của Thanh giáo và giáo phái Jansen, thường hăng hái vượt quá những đòi hỏi và phần thưởng kinh tế cụ thể dành cho họ. Họ tách biệt với gia đình và bạn bè, thường là với nhân loại nói chung, vì tính siêng năng và cần cù của mình.

Ta có thể nói thêm rằng công việc đem lại một sự bảo vệ mang tính chiến lược cho những ai không thể đáp ứng mọi đòi hỏi của lý tưởng tính cách đang chiếm ưu thế. Vì chúng ta không có quyền cho rằng ngay cả người thành đạt của thời đó cũng thích nghi hoàn toàn với tính cách mà xã hội áp đặt cho họ. Nhiều người rõ ràng đã thích nghi tốt ở thời xưa hơn trong đời sống Mỹ hẳn đã biết rằng việc họ chấp nhận kiểu nội tại định hướng bao gồm cả chính những cố gắng tuân thủ của họ - rằng sự tuân thủ của họ không hề là tự động.

Quan hệ giữa công việc và tài sản trong thời chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tư nhân (so với chủ nghĩa tư bản sau này mà Berle và Means mô tả trong *The Modern Corporation and Private Property* [Công ty hiện đại và tài sản tư hữu]) càng làm cho con người tách biệt mình với những người khác. Tài sản, đối với người kiểu nội tại định hướng, đã có thể được chuyển nhượng tự do; cá nhân không còn gắn bó với tài sản như trong thời trước bằng các mối ràng buộc tình cảm và truyền thống, mà anh ta gắn liền tài sản với bản thân bằng chọn lựa của anh ta, bằng những hành động đầy nghị lực của anh ta. Không còn là vấn đề của đại gia đình nữa, tài sản trở thành một phần mở rộng, một kiểu bộ xương ngoài, cho cái tôi cá nhân.[161]

Thế nhưng tài sản tư hữu kiểu này, dù hữu ích như một nền tảng bảo vệ và thử nghiệm cho người kiểu nội tại định hướng, chắc cũng không phải là một điều kiện cốt yếu để anh ta vươn lên ở thời chúng ta. Trên các lĩnh vực kinh tế bành trướng của Nga với những kế hoạch năm năm đầu tiên đã xuất hiện các doanh nhân hệt như kiểu người Âu và Mỹ nhiều thập kỷ trước: những người

tham vọng, năng động, tự lực tham gia cải biến bản chất thực thể tự nhiên, thiết lập tổ chức chính quy có quy mô lớn, và cách mạng hóa công nghệ. Người kiểu nội tại định hướng - đôi khi hình mẫu cho anh ta được du nhập từ Mỹ và Đức - xuất hiện tại Dneprostroi, Magnitogorsk và tuyến đường sắt Turkestan-Siberi.

Ngay cả ngày nay chúng ta vẫn còn có thể thấy các kiểu tương tự ở Ấn Độ, xuất hiện trong số những nhà lãnh đạo công nghiệp và chính phủ. Trông như thể, trong bất kỳ khối dân cư đông đúc và phân hóa nào cũng tồn tại nguồn chứa tiềm tàng kiểu nội tại định hướng, chỉ chờ có sự mở màn của một kiểu công nghiệp hóa định hướng phương Tây là xuất đầu lộ diện.

QUA GIAN LAO VƯƠN TỚI CÁC VÌ SAO

Nét tham vọng trong thái độ của người kiểu nội tại định hướng đối với công việc giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp được diễn đạt trong câu ngạn ngữ sách giáo khoa: *ad astra per aspera* (qua gian lao vươn tới các vì sao).[162] Các vì sao thì xa xôi, nhưng anh ta vẫn nhắm theo chúng, theo nghĩa một nỗ lực suốt đời. Anh ta đủ sức có cam kết lâu dài đó vì tính chung chung của mục tiêu: anh ta muốn tiền tài, muốn quyền lực, danh vọng hay muốn một thành tựu lâu dài nào đó trong nghệ thuật hoặc nghề nghiệp. Anh ta muốn lưu lại tiếng thơm, một đài kỷ niệm, cái gì đó hữu hình như câu khắc trên bia mộ ông Darling, vẫn còn đọc rõ sau 150 năm thời tiết xứ New England.

Nhưng còn một lý do khác, một lý do xã hội, khiến vì sao người ta có thể có tham vọng lâu dài kiểu này. Lĩnh vực thuộc địa hóa và công nghiệp hóa mời gọi, lĩnh vực khám phá trí tuệ cũng mời gọi, đòi hỏi đầu tư lâu dài. Xây một đường sắt hay một ngành dịch vụ dân sự cho thổ dân da đỏ, hay xây dựng phương pháp luận đầy trí tuệ của một Comte, một Clerk Maxwell[163] hoặc một Marx không phải là chuyện đôi ba tháng. Cạnh tranh thật khốc liệt. Thế nhưng, số người cạnh tranh trong bất kỳ lĩnh vực nào cũng ít, nên nếu một người thông minh và giàu nghị lực, anh ta có thể hy vọng rằng phát minh, đầu tư vốn hay kế hoạch tổ chức của mình sẽ không bị người khác làm cho chóng lỗi thời. Bởi, dù bàn tay vô hình của thay đổi công nghệ và trí tuệ lướt nhanh khôn tả so với ở giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số trước đó nữa, nó vẫn là chậm khi sánh với ngày nay. Thay đổi là trên quy mô cả đời làm việc; tức là, một cá nhân có thể hy vọng theo kịp người khác, ngay cả khi anh ta không đặc biệt để ý đến họ: họ khó lòng bác bỏ hay xét lại một sớm một chiều cái mà anh ta đã biết hay tự mình làm.

Cho mãi đến tận năm 1920, một cậu bé Mỹ tầng lớp trung lưu vẫn không băn khoăn quá nhiều về chuyện gắn bó tận tụy với một sự nghiệp. Nếu xuất thân từ một gia đình khá giả, cậu có thể trông cậy vào các mối quen biết; nếu không, cậu có thể dựa vào sự tín nhiệm đối với tính cách xã hội của mình - tức

là tính cách nội tại định hướng rõ rệt của mình. Cậu có thể nghĩ tới các mục tiêu đường dài bởi vì vấn đề bước vào con đường sự nghiệp và sinh tồn đơn thuần là không gay cấn lắm; cậu không phải bận tâm đến chuyện có thể thất nghiệp một thời gian dài. Cậu có thể định hướng cho mình, nếu cậu chọn một nghề, bằng cách mơ màng nghĩ mình sẽ sánh ngang các ngôi sao trong lĩnh vực đó. Một bác sĩ trẻ có thể nghĩ đến Osler, một luật sư trẻ có thể nghĩ đến Choate hay Elihu Root hay Justice Holmes, một khoa học gia trẻ có thể nghĩ đến Agassiz hay Pasteur,[164] một họa sĩ hay nhà văn trẻ có thể nghĩ đến Renoir hay Tolstoy. Thế nhưng thường có bi kịch chờ sẵn cho người kiểu nội tại định hướng nào không thể bắt kịp những cao vọng mà có thể phải đấu tranh vô vọng với cả tính khó uốn nắn của vật liệu lẫn những hạn chế trong khả năng của mình. Cậu ta sẽ bị buộc phải bám chắc, và tự bám chắc, vào các cam kết của mình. Các nhà văn trào phúng từ Cervantes[165] trở đi đã đề cập đến khoảng cách giữa cuộc theo đuổi các ngôi sao và cú vấp phải thực tế trần tục thuần túy dưới mặt đất.

II. Hoạt động phụ: vui chơi

Lĩnh vực vui chơi và tiêu dùng chỉ là một hoạt động phụ ở thời nội tại định hướng, còn công việc dĩ nhiên là hoạt động chính. Điều này đúng với đàn ông hơn với đàn bà. Một số đàn ông giảm sự chú tâm vào vui chơi xuống tới mức không có, giao phó những chuyện tiêu dùng cho vợ; đây là những nhà cung cấp tuyệt vời. Số khác biến chính tiêu dùng thành công việc: công việc thủ đắc. Số khác nữa, có lẽ đa số, có thể lấy lĩnh vực vui chơi làm cuộc trốn chạy đôi lúc khỏi lĩnh vực công việc.

Tình trạng phân hóa này đặc trưng cho sự chuyển dịch từ chỗ truyền thống định hướng sang nội tại định hướng. Người kiểu truyền thống định hướng không chọn xem nên làm hay nên chơi hoặc tạo ra một kiểu pha trộn của riêng mình; mọi chuyện được truyền thống quyết định cho anh ta. Trong một chừng mực nào đó vui chơi được tách riêng với công việc, theo đúng nghĩa, bằng hóa trang và nghi thức. Trong một chừng mực nào đó công việc và vui chơi trộn lẫn, ví dụ như, ở ngành thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật được áp dụng vào các vật dụng hằng ngày hay trong nghi thức đi kèm một sinh hoạt hữu ích về xã hội hay kinh tế. Tuy vậy, người do nội tại định hướng thoát khỏi sự chi phối của truyền thống và anh ta, trong ý thức, biết rõ và sâu sắc sự khác biệt giữa công việc và vui chơi. Ít nhất thì ở nơi đâu các kiểm soát chính trị thần quyền lơi lỏng, anh ta phải tự mình phân định xem nên chia bao nhiêu thời gian cho vui chơi. Thật ra, thời gian còn lại chẳng nhiều nhặn gì - giờ làm việc thì dài mà công việc thì nặng nhọc: người doanh nhân mệt mỏi được phát minh ra [ở thời này]. Tuy vậy, phạm vi lựa chọn cũng đủ để chúng ta phân biệt ra những ai thực hiện việc tiêu thụ bằng cách say mê thủ đắc của cải với những ai tiêu thụ như một cách trốn tránh thỉnh thoảng và ít nhiều chính đáng.

NGƯỜI TIÊU THỤ THỦ ĐẮC

Ở thời phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng, những người bộc lộ sự nhiệt tình được trông đợi trong lĩnh vực công việc - như hiệu suất của anh ta thể hiện - có thể có nhiều sự độc lập trong những khoảnh khắc còn thừa lại cho tiêu thụ. Một kết quả ở Mỹ trong thế kỷ 19 là nhà triệu phú điên rồ, người sau khi đã tạo dựng được địa vị rồi, trừ trong các giới cao trọng nhất, bằng cách chu toàn các đòi hỏi của xã hội trên mặt trận sản xuất, thì có thể làm gì tùy thích trên mặt trận vui chơi. Ông ta có thể treo bảng "xin đừng làm phiền" ở chỗ chơi cũng như chỗ làm của mình. Một khi đã giàu có và quyền thế rồi, ông ta có thể tùy ý từ chối hay đón nhận sự chăm sóc của vợ và con gái, thậm chí từ chối những quân sư có chuyên môn hơn về tiêu thụ, sở thích, về sự sành điệu.

Do vậy, giai đoạn mà những người như thế sống là thời hoàng kim của tiêu thụ phô trương, khi mà sinh lực giống với sinh lực dùng trong công việc được người giàu dồn vào khoản tiền dành cho nhàn rỗi. Trong khi người sản xuất năng nổ tạo ra các mạng lưới giao thông vận tải mới để khai thác các nguồn tài nguyên, phân phối thành phẩm và bán thành phẩm, thì người tiêu thụ trong giai đoạn này lại bắt đầu hành xử với sự năng nổ tương tự trên thị trường. Người sản xuất đẩy; người tiêu thụ kéo. Giai đoạn đầu tiên của anh ta trong tư cách tiêu thụ là một mong muốn mãnh liệt làm cho mọi thứ thành *của anh ta*.

Có lẽ anh ta vung không tiếc tiền bạc và công sức vào một ngôi nhà, cho đến khi nó giống như một cửa hàng bách hóa - điều này gợi nhớ các thiết bị và đồ nội thất tuyệt hảo trong phim *Citizen Kane* (Công dân Kane) và *The Ghost Goes West* (Hồn ma về miền Tây). Có thể anh ta sẽ sưu tầm các kho báu châu Âu, kể cả các cậu con rể có tước vị quý phái. Có thể anh ta sẽ mê du thuyền chạy bằng hơi nước, hay kim cương, hay thư viện, hay là hợp đoàn với các bạn thân giàu sụ mang tinh thần công dân, nhảy vào tài trợ cho nhà hát, trạm thiên văn, sở thú. Trong hầu hết trường hợp thì sinh hoạt này cũng chính đáng chẳng khác cuộc tìm kiếm Bắc Cực, hầu như được người ta theo đuổi mà không đắn đo hơn hay chán nản hơn các nhiệm vụ trong lĩnh vực sản xuất. Chẳng cần do dự vì trong giai đoạn này phần lớn hàng tiêu dùng, cũng như các công việc, không chóng lỗi thời mà bền chắc suốt một đời người.

Kiểu người tiêu thụ thủ đắc (acquisitive consumer) ít để tâm đến việc tích cóp một kho đồ quý riêng hay sở thích riêng mà bận tâm hơn đến chuyện khoe khoang đồ sở hữu với phong cách thoạt nhìn có vẻ là kiểu ngoại tại định hướng trong sự chú tâm của anh ta. Thế nhưng, nếu chúng ta đi trở lại tác phẩm kinh điển của Veblen thì tôi cho rằng, chúng ta có thể thấy người tiêu thụ mà ông mô tả chỉ thuộc kiểu ngoại tại định hướng ở bề ngoài. Người tiêu thụ phô trương của Veblen đang tìm cách khớp vào một vai trò trong cuộc đời mà cương vị của anh, hay cương vị được kỳ vọng ở anh ta đòi hỏi; trong khi đó

người tiêu thụ kiểu ngoại tại định hướng tìm kiếm trải nghiệm hơn là đồ vật, và khao khát được người khác dẫn dắt hơn là làm người khác lóa mắt vì những thứ phô trương. Người tiêu thụ phô trương sở hữu một tiêu chuẩn cho phép anh ta sẵn sàng cân đo cái người khác có, ấy là tiền mặt. Chuẩn này có thể thấm vào độ kín bưng của vật thể, ngay cả những vật thể độc nhất vô nhị về bản chất, ví dụ như một địa điểm địa lý (dù chỉ là ba bốn tấc mặt tiền) hay một người đẹp (thứ tuyệt vời nhất mà tiền mua được). Điều này mang tới cho việc tiêu thụ của người kiểu nội tại định hướng đặc tính tương đối phi cá nhân - nó cũng phi cá nhân như hoạt động sản xuất của anh ta, nó vốn là một phản chiếu của hoạt động sản xuất. Tương tự, nếu anh ta sưu tầm tác phẩm của các họa sĩ bậc thầy thời xưa, ấy là anh ta đang bước lên một bậc đã chuẩn hóa trên thang bậc tiêu thụ cho giai cấp xã hội mình, đồng thời nghĩa là anh ta đang mua một món đầu tư có lợi hoặc ít ra cũng là một canh bạc hay. Hơn nữa, về một mặt, bản thân anh ta cũng là một "bậc thầy", một người có kỹ thuật, và anh ta có thể ngưỡng mộ kỹ thuật của họa sĩ Phục hưng, trong khi chẳng mấy người tiêu thụ kiểu ngoại tại định hướng ngày nay dám ngưỡng mộ thứ kỹ thuật hũ nút (hoặc bình phẩm sự thiếu vắng kỹ thuật) của một họa sĩ trừu tượng, dù họ có thể hiểu biết hơn nhiều về nghệ thuật. Do vậy, người tiêu thụ phô trương lao vào một kiểu tranh đua ngoại hiện, như Veblen đã chỉ ra khi dùng những từ ngữ "làm ra vẻ", "ganh đua", "phô trương", và những từ ngữ khác trong kho từ vựng mỉa mai tuyệt vời của ông. Người tiêu thụ kiểu ngoại tại định hướng có thể cạnh tranh theo cách trông có vẻ như vậy, nhưng chỉ trong chừng mực những người ngang hàng o ép anh ta. Cái mong muốn chơi trội của anh ta, như tôi đã cố chỉ ra, đã bị làm dịu đi.

Đúng là như vậy, tất cả những đổi thay này là thay đổi về mức độ, và nhấn mạnh của Veblen vào nhàn rỗi và tiêu thụ - giống như, theo một cách rất khác, nhấn mạnh của Keynes[166] vào cái chúng ta có thể gọi là chi tiêu liên miên - là những chỉ số chuyển biến xã hội dọn đường cho và đi kèm với các thay đổi tính cách học.

LÌA XA TẤT CẢ

Người tiêu thụ *thủ đắc* đem vào lĩnh vực tiêu dùng các động cơ thúc đẩy và những lý tưởng tương tự với những thứ mà anh ta thể hiện trong lĩnh vực sản xuất. Trái lại, người tiêu thụ *thoát ly* tìm cách làm trầm trọng thêm phân cực cảm xúc giữa công việc và vui chơi.

Vì toàn bộ ý niệm thoát ly rất khó nắm bắt, ta phải luôn hỏi: thoát ly cái gì và đi đâu? Cá nhân do nội tại định hướng có thể có một kiểu thoát ly nào đó vì lẽ tính cách và hoàn cảnh của anh ta cho anh ta một cái lõi tự lực đủ để mơ màng mà không tan biến. Anh ta học được điều này hồi còn là một cậu bé khi cậu ta tự thoát ly biết bao lần - trốn các nhiệm vụ vô vị và đòi hỏi khắt khe ở nhà, ở trường để đi chơi. Không như đầu máy Tootle, cậu ta hiếm khi lo lắng vì

nỗi sợ rằng, nếu cậu hái hoa anh thảo bên bờ sông thì sẽ không được lên lớp - dù cậu có thể bị phạt, vì quyền chơi vẫn chưa được trao cho học sinh. Có lẽ cậu sẽ cảm thấy có lỗi khi trốn, nhưng tội lỗi sẽ đem lại hương vị cho cuộc phiêu lưu, biến chạy trốn thành một hành động phiêu lưu. Như người cha thời Victoria, sự ổn định trong đời sống gia đình ông thường tùy thuộc vào việc thỉnh thoảng ông tới thăm một cô gái điếm, người do nội tại định hướng có thể cho mình sống theo những cách thức "chưa hòa nhập xã hội" bởi vì, theo những cách thức phải tính đến, những cách thức công việc, anh ta có một cái tôi đã xã hội hóa rõ ràng để quay về.

Chắc anh ta thường bị ức chế quá để làm điều đó. Chắc anh ta không thể ngừng lập thời gian biểu cho mình bằng cái đồng hồ bỏ túi đã nội tại hóa mà anh ta dùng thay cho những cái chuông chùm thời Trung đại. Anh ta có thể không có khả năng chuyển dịch chính sách một-giá, một-vai-trò của mình ngay cả khi đối đãi với những người thấp kém hơn về địa vị, dù điều này, trong cấu trúc giai cấp rõ ràng của thời đại, là bất thường. Trên hết, anh ta có thể cảm thấy rằng, bằng việc ghì cương và giám sát cái tôi trên mọi mặt trận, anh ta không thể nào tiến hành những thí nghiệm chưa được phê chuẩn trong sự bốc đồng. Anh ta có thể cảm thấy tính cách của mình, ẩn cũng như hiện, giống một kiểu vốn liếng để vung vít vào một canh bạc tai họa - càng nguy hiểm hơn nếu xét các mục tiêu cả đời mà anh ta đã cam kết. Chúng ta thấy quá trình phức tạp này được Thanh giáo hợp lý hóa bằng cụm từ "tự cứu". Người Thanh giáo đối xử với bản thân như thể anh ta là một công ty, đồng thời là kiểm toán cho công ty.

Nhưng trong phần này chúng ta nói về những người mà, bất chấp các cấm đoán bên trong và bên ngoài, có thể thoát ly theo một kiểu nào đó. Thoát ly mà chúng ta dùng ở đây có nghĩa là một chuyển dịch về nhịp độ và thái độ khỏi địa hạt công việc gần như bao trùm tất cả. Do vậy, như chúng ta sẽ thấy dưới đây, đó có thể là một cách trốn vào một tầng bậc "cao quý hơn" tầng bậc kinh doanh hay đời sống sự nghiệp, hoặc vào một tầng bậc "thấp kém hơn".

Thăng hoa cùng nghệ thuật. Những sự kiện lớn để được "thoát ly hướng thượng" trong thời gian nhàn rỗi là thi thoảng: Chautauqua,[167] rạp hát lưu động, lễ ngày Chủ nhật với một linh mục phản đối đầu óc lý tài, người bán dạo sách. Để tiếp xúc với họ cần có chút cố gắng, và cố gắng này tự nó là một dấu hiệu của phẩm hạnh. Thậm chí còn một sự thay đổi y phục - bộ đồ đẹp nhất đi gặp mặt ngày Chủ nhật hay mũ chóp - để biểu thị sự thay đổi vai trò.

Ngoài ra, còn có rất nhiều màn biểu diễn nghiệp dư. Có lẽ còn hơn cả hệ thống ống nước tân tiến trong nhà, đàn piano và sự trau giồi khả năng âm nhạc nghiệp dư đánh dấu đường biên của khát vọng được kính trọng nơi tầng lớp trung lưu. Đồng thời, đối với thanh niên đi lên từ tầng lớp lao động thì có các cơ sở đào tạo thợ máy và nhiều giảng viên lưu động, đề cập đến nhiều vấn

đề từ cải cách chế độ lao tù đến kiến nghị chỉ thu thuế đất đai, họ phân tích cách vận hành của hệ thống cho cử tọa háo hức nghe. Chúng ta chỉ cần nhớ lại các câu lạc bộ thảo luận mọc ra như nấm chào đón cuốn sách *Looking Backward* (Nhìn về phía sau) của Bellamy[168] là đủ hiểu.

Rõ ràng các động cơ thúc đẩy những người tham gia như vậy không đơn thuần là thoát ly. Ở đây có niềm khao khát, thường được che đậy sơ sài, là tiến tới và tiến lên trên thang bậc xã hội. Qua phong trào khôi phục đức tin tôn giáo và đọc Kinh Thánh, cá nhân có thể tìm cách chạy trốn không chỉ cõi đời này mà còn cả các mối nguy của đời sau. Cuộc sống thường nhật cay cực và buồn tẻ; nhàn rỗi là một cố gắng thỉnh thoảng để có được sự cải thiện tao nhã.

Những khát vọng văn hóa làm người ta muốn thoát ly vào một hình ảnh thuộc một giai đoạn hào hùng nào đó trong quá khứ, như được thừa hưởng từ tầng lớp thượng lưu trước thế kỷ 19. Do vậy, giai cấp tư sản có học của thế kỷ 19 những lúc nhàn rỗi vẫn nhìn lại thời đại gần giống như tư sản hào hùng hơn về trước, ở Athens thời Pericles hay nước Ý thời Phục hưng. Tham công tiếc việc, bị trói buộc vào những chuyện thường ngày, anh ta hình dung cho mình vẻ phóng khoáng và đa tài của một Benvenuto Cellini hay một Leonardo da Vinci.[169] Khi hệ thống rạp hát Chautauqua làm lan truyền những câu chuyện về chu du và khám phá hiện đại, thì cũng tồn tại một mảng văn hóa nửa đại chúng về những thành tựu của thế giới cổ đại - chỉ cần nêu sự nổi tiếng của tiểu thuyết *Ben Hur* - và của thời Phục hưng. Rất thường thấy, sự cứng rắn trong công việc ở thời đại này lại có mặt bên kia là tính đa cảm liên quan đến khía cạnh đời sống ngoài công việc.

Mặc dù sự thời thượng, dĩ nhiên, đóng một vai trò trong phong trào ham thích lịch sử cổ đại, du hành châu Âu và các theo đuổi thoát ly khác, nhưng tôi nghĩ, điều quan trọng đối với sự an toàn của người kiểu nội tại định hướng là các lĩnh vực quan tâm này cách xa không chỉ với công việc của họ mà còn với các mối ưu tư xã hội trước mắt họ. Khi đọc về Hy Lạp - thậm chí tham quan Florence - người ta không buộc phải nghĩ về thời kỳ mình đang sống hay về chính mình theo nghĩa hiện thực nào; do đó có thể thả sức đồng nhất mình với các anh hùng cổ đại. Sự tự do thoát ly ấy chỉ bị hạn chế khi chúng ta bước vào các câu chuyện cuối thời Victoria hay Edward của Henry James hay E.M Forster,[170] trong đó việc chu du ở Ý có thể rắc rối hơn nhiều về cảm xúc chứ không chỉ là thoát ly hướng thượng đối với các quý bà quý ông Anglo-Saxon. Các vị du khách hư cấu trong tiểu thuyết này, khi băn khoăn không biết liệu họ đã nếm trải trọn vẹn những tương phản và nhạy cảm văn hóa mà họ tìm kiếm hay chưa, thì nhìn ra bóng dáng của sự thoát ly không trọn vẹn điển hình cho kiểu ngoại tại định hướng.

Bàn chân trên đường ray. Người kiểu nội tại định hướng có thể thoát ly hướng hạ cũng như hướng thượng. Anh ta tìm thấy trong các tiểu thuyết ba

xu, trong chọi gà, trong đua ngựa có gắn yên, trong khúc hát của thợ cạo, một biến thể khác với vai trò công việc của mình. Trong khi một số thăm viếng Chartres, số khác lại đi xem nhảy múa khêu gợi ở Midway. Bất chấp các nỗ lực của Thanh giáo và giới nữ hòng xua đuổi khỏi đời sống các trò tiêu khiển gợi nhớ lại thú tiêu khiển thời Trung đại này, đàn ông trung lưu thế kỷ 19 vẫn kiên quyết bám lấy chúng.

Tác phẩm của Sherwood Anderson[171] là một trường ca về chuyện đàn ông về nhà sau nửa đêm mà chân đi tất không giày. Việc bao nhiêu phần trong truyền thuyết này vẫn còn tồn tại, vài năm trước Alien Funt đã làm rõ, trong một chương trình "Nói thật lòng qua micrô". Funt đứng ở một góc đường lúc ba giờ sáng, vờ là anh ta sợ về nhà. Anh ta níu áo cánh đàn ông qua đường, nhờ họ về nhà với anh, để giải thích cho vợ tại sao anh quá chén và về quá muộn. Ông nào cũng cảm thông. Dù chẳng ai muốn sắm vai trò người hòa giải, nhưng người nào cũng mách anh cái mẹo họ đã thấy hiệu nghiệm trong cùng cảnh này. Một người muốn anh gọi điện trước đã. Một người khác thì sẵn sàng giúp anh băng bó đầy mình. Người khác nữa nghĩ rằng một món quà có thể giải quyết được mọi chuyện. Một số gợi ý những cách biện hộ, số khác khuyên anh hãy can đảm lên. Cứ theo giọng điệu mà xét thì hầu hết họ hình như ở độ tuổi trung niên. Có lẽ mấu chốt của tất cả chuyện này là ở chỗ trong các thế hệ trước đây, sự khắt khe của chế độ đàn bà ngự trị tại Mỹ đã làm cho tội lỗi có một sức hấp dẫn, che khuất đi các giới hạn không thể tránh khỏi của nó.

Tuy nhiên, khi nghĩ về ý nghĩa của thoát ly đối với người kiểu nội tại định hướng, chúng ta không được nhấn mạnh quá nhiều vào các mô thức vi-phạm-quy-ước đơn thuần của các trò giải trí, tệ nạn và tưởng tượng đầy tội lỗi thời Victoria. Ngay cả khi các quy ước không hề có hay yếu ớt, một vấn đề khác vẫn có liên quan. Đấy là vấn đề thẩm quyền khi hưởng thụ và đánh giá trò tiêu khiển.

Một mặt, người Mỹ do nội tại định hướng ở mọi thế hệ đều phải đối mặt với đòi hỏi ngày càng tăng rằng sự thoát ly của anh ta phải đi lên cùng nghệ thuật. Đôi khi tự anh ta tìm ra lối thoát ly này. Có lẽ, thông thường hơn, những cố gắng đi lại và ảnh hưởng của phụ nữ gây sức ép cho đàn ông đi quá phạm vi mà anh ta cảm thấy có năng lực: doanh nhân ngủ gà ngủ gật bị lôi đi xem vở opera hát bằng ngôn ngữ anh ta không thể hiểu. Nhưng mặt khác, anh ta chống chọi để khỏi trở thành một người tiêu dùng thụ động đơn thuần bằng cách cố tình dành cho mình quyền trốn chạy, như một người nổi loạn không mặc vest ngoài sơ mi, xuống các thứ nghệ thuật thấp hơn như pha chế rượu và uống rượu mạnh, chơi bài xì phé, có nhân tình, hóa trang cầu kỳ. Nhờ vậy anh ta bảo tồn được trong lĩnh vực vui chơi thứ yếu của mình, như trong lĩnh vực công việc chủ yếu, cái cảm giác là anh ta có thẩm quyền sống theo cách của mình. Sự tách rời lĩnh vực vui chơi đã bị bi kịch hóa chính vì lẽ thẩm quyền cá

nhân bao hàm trong các thoát ly hướng hạ này có thể đóng góp rất ít, hay góp phần tiêu cực, cho địa vị xã hội của anh ta trong thế giới công việc và gia đình. Vì thẩm quyền trong vui chơi không thể trực tiếp hướng sang phục vụ kinh tế sản xuất, nên đàn ông kiểu nội tại định hướng có phần ít tận dụng sự tiêu khiển hơn đàn ông kiểu ngoại tại định hướng ngày nay theo cách tự nhủ rằng anh ta có bổn phận phải hưởng sự vui chơi. Nếu anh ta đi chơi bóng chày (một trong số ít trò thể thao mà thẩm quyền của đàn ông kiểu ngoại tại định hướng cũng dựa đáng kể vào việc đã từng chơi trò này), đó không phải là một phần của hành động nhằm chứng tỏ mình "cũng là một anh chàng trẻ trung".

Tuy nhiên, chúng ta không nên cường điệu các khác biệt giữa thoát ly kiểu nội tại định hướng và thoát ly kiểu ngoại tại định hướng này. Nhiều đàn ông kiểu nội tại định hướng làm việc cật lực để duy trì hành động phô diễn thẩm quyền tiêu khiển của mình. Đức Cha Endicott Peabody, về sau là người sáng lập ra thị trấn Groton, đã tự biến mình thành người hùng của một thị trấn vùng biên miền Tây nơi ông giữ chức mục sư bằng cách tổ chức một đội bóng chày. Một chiến lược tương tự, bắt rễ sâu từ trong thời đại phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng, xuất hiện ở việc khắc họa lên phim ảnh hiện đại hình tượng linh mục, thầy dòng hay bà xơ Công giáo là một nhà thể thao cừ khôi - như trong *Going My Way* (Đi con đường của mình) với vai diễn của Bing Crosby. Hơn nữa, nhiều doanh nhân và dân chuyên môn Mỹ kiểu nội tại định hướng đã khai thác, và đến nay vẫn còn khai thác, thời gian nhàn rỗi của mình để thiết lập các mối tiếp xúc. Trò chơi gôn của họ là bất cứ gì chứ không hề là một sự thoát ly, và việc làm vườn của vợ họ thường được khai thác cho những thôi thúc di động tương tự. Những người đàn ông như vậy có nhiều sự ăn thua về mặt kinh tế, dù họ có ít sự ăn thua về mặt tâm lý hơn kiểu ngoại tại định hướng.

Nhưng thường cũng có cả sự ăn thua tâm lý. Người đàn ông bị dẫn dắt thái quá ở thời này, không thể vứt bỏ hoặc chấp nhận các cấm đoán, không phải lúc nào cũng có thể cảnh giới chúng bằng cách lui về chốn riêng tư. Khi có áp lực phải chứng tỏ mình là một anh chàng cừ khôi trong một quán rượu hay nhà thổ, cơ thể họ đôi khi dẫn họ tới chỗ nôn mửa hay bất lực - lúc cố có năng lực thì lực lại bất tòng tâm. Tuy thế nhìn chung đàn ông kiểu nội tại định hướng thời đó ít bị ảnh hưởng hơn người thời nay trước đòi hỏi rằng anh ta phải được ưa thích và ngưỡng mộ vì những trò tiêu khiển và những thói hư của mình.

III. Tranh đấu để được bản thân chấp nhận

Chúng ta có thể tổng kết nhiều điều có ý nghĩa về kiểu nội tại định hướng bằng cách nói rằng, trong một xã hội mà nó thống trị, khuynh hướng của nó là che chở cá nhân trước người khác với cái giá là khiến anh ta dễ tổn thương trước chính mình.

Một chút bằng chứng cho điều này nằm ở nỗi sợ lan rộng về sự thờ ơ và hành động công kích sự thờ ơ vốn dường như có từ thời nội tại định hướng. Các dòng tu đã gặp phải vấn đề biếng nhác hay *lãnh đạm* (accidie), là các mối nguy tâm lý cho thế lực của họ - những mối nguy mà Thánh Augustine đã hiểu rất thấm thía trong cuộc vật lộn với chính mình. Khi Thanh giáo, như Max Weber diễn tả, biến thế giới thành một tu viện, nỗi sợ mối nguy nội tại này bắt đầu lây lan trong toàn thể các tầng lớp xã hội chứ không chỉ riêng một vài thầy tu. Người Thanh giáo kiểu nội tại định hướng sinh ra để cảm thấy như thể anh ta phải thường xuyên giữ chặt lấy mình; rằng nếu không có sự cảnh giác liên tục, anh ta sẽ buông xuôi và trôi dạt - với giả định là ta có thể buông xuôi nếu quyết chí hay, đúng hơn, nếu thôi quyết chí. Cứ như thể tính cách anh ta, mặc dù có vẻ ổn định, thực ra là không cảm thấy ổn định, và quả thực người Thanh giáo, trong một phóng chiếu thần học về tâm trạng này, phải thường trực chống chọi lại những hồ nghi về trạng thái ân điển hay được chọn lên thiên đường của mình.

Vì cuộc chiến thường trực với con Quỷ Biếng Nhác đôi khi biến thành một chứng bệnh tưởng về thờ ơ, anh ta dần dần dựng nên một chuyện hoang đường, vẫn còn phổ biến với chúng ta, rằng người kiểu truyền thống định hướng hoàn toàn buông xuôi, thiếu tinh thần "dậy mà đi". Sự chỉ trích những người khác được xem là thờ ơ này - như ngày nay trong những than phiền liên miên về thờ ơ chính trị và thờ ơ công dân chẳng hạn - đôi khi như là một cách chống lại thờ ơ trong chính ta. Thực ra, người kiểu nội tại định hướng chứng minh cho sự biết vô thức của mình rằng, con quay hồi chuyển không phải của anh ta mà được người khác lắp ráp vào thông qua nỗi hoảng hốt triền miên của anh ta rằng con quay sẽ ngừng quay, rằng thực ra anh ta chẳng phải là một bộ khởi động, rằng đời sống tự nó không phải là một quá trình tái sinh mà là một cố gắng ngăn chặn cái chết tinh thần.

Hơn nữa, để tự kiểm dễ dàng hơn nhằm kiểm soát sự thờ ơ, người kiểu nội tại định hướng thường xuyên chia đời mình ra thành từng ngăn, trong mỗi ngăn đó anh ta có thể trắc nghiệm các biện pháp phòng vệ tinh thần của mình trước cuộc đời. Bên trong chính mình anh ta vẫn là đứa trẻ, từ nhỏ đã nguyện theo các mục tiêu và lý tưởng có thể vượt quá khả năng của anh ta. Nếu các thôi thúc này đòi hỏi khắt khe, thì dù sự chào đón tán thưởng của người cùng thời có đến thế nào đi nữa cũng không thể gạt bỏ nổi cảm giác không xứng đáng: sự tôn vinh từ người khác thực ra có thể là sản phẩm phụ của các nỗ lực nhằm thỏa mãn cái tôi. Bên trong chính mình anh ta phải tìm thấy sự biện minh không chỉ ở cái anh ta làm mà còn ở cái anh ta là - anh ta được cứu rỗi không phải bằng công việc mà bằng đức tin. Và tuy việc tự kiểm thông minh có thể biến công việc thành đức tin, song sự tự phê bình hiếm khi bị ỉm đi hẳn. *Sự tuân thủ hành vi đơn thuần không thể thỏa đáp được lý tưởng tính cách học.*

Mặt khác, các chuẩn đã nội tại hóa này của người nội tại định hướng cho anh ta một sự tự do nhất định để [cho phép mình] thất bại trong mắt người khác mà không bị người khác thuyết phục rằng bản thân anh ta không xứng đáng. Giống như Edison, anh ta sẽ cố rồi cố nữa, cầm cự bằng phán xét nội tâm về giá trị xứng đáng của mình. Bởi vì tuy người khác không thể che chở cho anh ta trước sự tự phê bình, song tự phê bình lại có thể che chở cho anh ta trước người khác. Người kiểu nội tại định hướng có thể biện minh cho tồn tại của mình không chỉ bằng cái anh ta đã làm mà còn cái anh ta sẽ làm. Nhưng điều này chỉ hiệu nghiệm đến một mức độ nào thôi. Nếu các thất bại lặp đi lặp lại làm tiêu tan niềm hy vọng thành tựu tương lai trong anh ta, thì rất có thể nội lực của anh ta sẽ không còn cố thủ được nữa trước bằng chứng khách quan. Ngập tràn tội lỗi, anh ta sẽ khinh bỉ mình vì thất bại và không xứng đáng. Phán quyết này, dù khởi phát từ những diễn biến bên ngoài, càng khắc nghiệt hơn vì đã nội tại hóa. Durkheim[172] đã đúng khi thấy tỷ lệ tự tử khá cao trong các nước công nghiệp tiên tiến là triệu chứng của một bất ổn tâm lý mà không truyền thống văn hóa nào có thể điều ngự được.

CHƯƠNG VI
Vòng đời ngoại tại định hướng: từ bàn tay vô hình đến bàn tay niềm nở

Vì tính hòa đồng xã hội ở dạng thuần khiết của nó không có cái đích bên ngoài, không có nội dung và kết quả nằm ngoài nó, nó hoàn toàn xoay quanh các cá tính… Nhưng chính vì tất cả đều xoay quanh các cá tính nên các cá tính không được nhấn mạnh mình một cách quá riêng lẻ.

Georg Simmel, *Xã hội học về tính hòa đồng xã hội*[173]

Người kiểu nội tại định hướng không chỉ bị trói buộc vào những đòi hỏi vô cùng tận của lĩnh vực sản xuất; anh ta còn phải bỏ cả đời ra để sản xuất tính cách mình trong nội tâm. Những phiền phức trong lĩnh vực nội tại này cũng không bao giờ cạn như những phiền phức của chính lĩnh vực công việc. Giống như nỗi sợ bị cho về hưu hay thất nghiệp trong địa hạt kinh tế, sự thờ ơ trong nhiều lĩnh vực đời sống bên trong và bên ngoài anh ta có cảm giác giống như tình trạng chưa tận dụng đúng mức các nguồn tài nguyên tính cách học. Đàn ông kiểu nội tại định hướng có một nhu cầu đã khái quát hóa là làm chủ được việc khai thác các nguồn lực trên mọi mặt trận mà anh ta biết. Anh ta là người thiên về công việc.

Các lĩnh vực cho đàn ông kiểu ngoại tại định hướng là con người; anh ta thiên về con người. Do vậy cả công việc lẫn hưởng thụ đều có cảm giác như các hoạt động liên quan đến con người. Nhiều chức danh công việc đang tồn tại ngày nay đã tồn tại vào thời trước; nhiều trò tiêu khiển cũng vậy. Điều tôi cố gắng là xem sự biến đổi tính cách liên hệ với sự thay đổi ý nghĩa trong cùng những hoạt động cũng như với sự phát triển các hoạt động mới ra sao.

I. Vấn đề kinh tế: yếu tố con người

Khi giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp đến hồi kết ở Mỹ, tấm biển "không cần giúp đỡ" đã được dựng nơi biên giới vào năm 1890, trong tưởng tượng nếu không phải là trong tập quán nhượng đất thực tế, và cũng chính tấm biển ấy đã được treo trên các biên giới của chúng ta vào năm 1924 cùng với sự cắt đứt trên thực tế dòng người nhập cư từ châu Âu. Bằng cuộc từ biệt này, một biểu tượng lớn lao cho hy vọng và dời chuyển ở thế giới phương Tây đã tiêu tan. Sự nhập cư bị cắt giảm kết hợp với sinh suất giảm cuối cùng đã biến đổi diện mạo dân cư của đất nước; và theo những cách đã được gợi ý, cả diện mạo tính cách học của đất nước. Ngày nay chính tính "mềm mỏng" của con người chứ không phải "độ cứng" của vật liệu mới là cái kêu gọi tài năng và mở ra những kênh di động xã hội mới.

Trong khi lĩnh vực sản xuất, và thậm chí lĩnh vực đất đai, có thể là rộng lớn trên thực tế ngay cả trong thời kỳ chớm giảm dân số, tuy vậy có cảm giác nó vẫn đông đúc; và ắt hẳn xã hội cũng không còn bị thường xuyên cảm thấy là hoang mạc hay rừng rậm như trước đây nữa.

Điều này đặc biệt đúng trong công nghiệp và trong các nghề nghiệp chuyên môn. Lấy ví dụ: vị trí quản đốc. Anh ta không còn đứng một mình, một ông chủ bù nhìn trong một hệ thống thứ bậc rõ ràng, được bao quanh bởi mọi người. Anh ta là một kênh liên lạc hai chiều giữa công nhân cấp dưới với đám chuyên viên trên anh ta và quanh anh ta: những người quản lý nhân sự, giám đốc an toàn, kỹ sư sản xuất, đại diện ban tài chính, và hết thảy những người còn lại trong lực lượng quản lý ở bộ phận gián tiếp. Giám đốc nhà máy hầu như chẳng khá hơn để có được khoảng không tự do trong tâm tư tình cảm: ông ta đối đầu không chỉ với thứ bậc chặt chẽ trong nội bộ nhà máy mà còn với công chúng bên ngoài: các hiệp hội ngành nghề, công đoàn, người tiêu thụ, nhà cung cấp, chính phủ và công luận. Cũng vậy, người có chuyên môn cảm thấy vây quanh mình là một đám đối thủ cạnh tranh được hệ thống giáo dục mở mang hết sức sản xuất ra, trong một xã hội mà nguồn vốn dồi dào đến mức có thể đủ sức đóng góp - thực ra, khó lòng tránh được đóng góp - một phần lớn thu nhập quốc dân cho các ngành dịch vụ cùng nghề nghiệp chuyên môn, và cho giáo dục vì sự chi dùng chính đáng của nó.

Do đó, *con người* trở thành vấn đề trọng tâm của công nghiệp. Điều này không có nghĩa là các cuộc cách mạng cũ trong việc trang bị công cụ, quy trình máy móc, và tổ chức phân xưởng đã dừng lại. Đúng hơn, các tiến bộ ở đây đang ngày càng đi vào nề nếp quen thuộc; sự tăng năng suất liên tục trở thành một thứ sản phẩm phụ của các hình thức định chế. Tuy nhiên, cuộc cách mạng công nghiệp mới hơn vốn đã đạt đến đỉnh cao sức mạnh ở Hoa Kỳ (dù nó cũng đang bắt đầu rõ rệt ở nơi khác, như Anh) thì lại liên quan đến các kỹ thuật thông tin liên lạc và điều khiển, chứ không phải trang bị dụng cụ máy móc hay thiết kế xưởng máy nữa. Nó được tượng trưng bằng điện thoại, cơ cấu trợ động, máy vi tính IBM, máy tính điện tử, các phương pháp thống kê hiện đại để kiểm tra chất lượng sản phẩm; thí nghiệm tư vấn Hawthorne[174] và mối quan tâm chung đến tinh thần lao động. Thời kỳ dư dật kinh tế và chớm giảm dân số đòi hỏi công việc của những người có kỹ năng là các ký tự, biểu tượng, với mục đích gây được phản ứng nào đó có thể quan sát được từ mọi người. Những người điều khiển này, lẽ đương nhiên, không nhất thiết phải có tính cách ngoại tại định hướng. Nhiều người kiểu nội tại định hướng là những người điều khiển thành công mọi người; thường thường, chính tính nội tại định hướng của họ khiến họ không biết mình điều khiển và khai thác người khác đến mức nào. Dù vậy, để điều khiển người khác, có phần nào một sự tương hợp lớn hơn giữa kiểu ngoại tại định hướng tính cách học với độ tinh nhạy trước các

mong muốn ý nhị hơn của người khác.

Có thể giải thích điều này rõ hơn bằng cách tham chiếu đến một trong các phỏng vấn của chúng tôi. Người đàn ông được phỏng vấn là phó chủ tịch kinh doanh và quảng cáo của một công ty lớn chuyên về máy công cụ ở bờ Tây nước Mỹ, và ông cũng là chủ tịch một trong các hiệp hội ngành nghề hàng đầu cho ngành của mình. Về dòng dõi, ông là con trai một nhà thuyết giáo thuộc Tự trị Giáo đoàn (Congregationalist) ở một thị trấn vùng Trung Tây Hoa Kỳ. Nền tảng của ông, động lực di chuyển, định hướng phương pháp ban đầu của ông là điển hình cho kiểu nội tại định hướng; nhưng hoàn cảnh của ông đòi hỏi kỹ năng đàm phán và độ nhạy cảm giữa cá nhân với cá nhân tiêu biểu hơn cho người kiểu ngoại tại định hướng. Mâu thuẫn này gây nên căng thẳng. Được hỏi về các vấn đề chính trị mà gần đây ông đã đổi ý, ông nói:

> *Tôi không cho rằng điều này khớp với phạm trù giờ đây các ông đang nghiên cứu, nhưng tôi đã trở nên bao dung hơn rất nhiều với các nhà tổ chức và các lãnh đạo công đoàn [dừng rồi nói thêm] - không phải những người kích động quần chúng, nhất thiết rồi. Tôi đã bắt đầu đánh giá cao cái họ đang làm. Thỉnh thoảng họ cũng không được chọn lựa nhiều khi áp dụng các biện pháp và phương tiện cụ thể. Tôi cần một nhà phân tâm học.*

Ông còn nói với người phỏng vấn rằng nỗi lo chính của ông là ông không ăn ý lắm với một vị giám đốc điều hành cấp cao khác trong công ty. Ông lo lắng khi một điều ông gợi ý bị từ chối về sau hóa ra là đúng - mà tay kia đã biết là đúng. Trong một tình huống như vậy ông cảm thấy bị "hở sườn". Ông không ăn được trước khi dự một cuộc họp ban quản trị, và băn khoăn với người phỏng vấn là ông nên điều hành công ty nhỏ của riêng mình hơn làm lãnh đạo một công ty lớn. Ông chơi gôn để tiêu khiển, dù có vẻ không để tâm và, theo đúng kiểu nội tại định hướng, hay có lẽ chỉ là đúng phong cách Mỹ, "đùa nghịch đôi chút với đồ nghề trong tầng hầm".

Tài liệu từ các cuộc phỏng vấn, dĩ nhiên, để ngỏ cho nhiều lối giải thích khác nhau, và tôi không tự tin tuyệt đối rằng những lối giải thích đưa ra ở đây là đúng. Chắc chắn sẽ sai lầm khi kết luận rằng vị giám đốc điều hành này hoài nghi bản thân vì ông không hoàn toàn là kiểu ngoại tại định hướng hay nội tại định hướng (theo chính định nghĩa của những thuật ngữ này, không ai hoàn toàn là kiểu này hay kiểu khác). Vấn đề đúng hơn là vị giám đốc điều hành hiện đại, bất kể sự hòa trộn hai phương thức tuân thủ mà ông ta thể hiện, liên tục chịu sức ép xã hội, trong và ngoài công sở. Có lẽ vị giám đốc điều hành này có khả năng hơn hầu hết mọi người trong việc diễn đạt thành lời nỗi căng thẳng mà áp lực này tạo nên.

TỪ KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN ĐẾN KỸ NĂNG DẪN DỤ CON NGƯỜI

Sức ép phải có năng lực xã hội, đồng thời với việc hạ thấp năng lực chuyên môn, gợi ý một khía cạnh nữa trong tiểu sử vị giám đốc điều hành này, điển hình cho sự xuất hiện của một quy luật mới trong kinh doanh và đời sống nghề nghiệp ở Mỹ: *nếu thành công trong nghề, ta buộc phải lìa bỏ nghề*. Người đàn ông kinh doanh máy công cụ đã khởi nghiệp từ cửa hàng công ty; lên làm phó giám đốc kinh doanh và quảng cáo, ông đã trở thành người điều khiển mọi người và chính mình một cách khó khăn. Cũng vậy, một người làm báo thành đạt trở thành nhà báo chuyên mục hay thư ký tòa soạn, bác sĩ trở thành giám đốc một dưỡng đường hay bệnh viện, giáo sư thành hiệu trưởng, giám đốc hay giám đốc sáng lập, quản đốc phân xưởng trở thành giám đốc điều hành công ty mẹ. Tất cả những người này phải từ bỏ các công việc chuyên môn quen thuộc mỗi ngày và lìa bỏ bạn nghề của mình. Họ phải làm việc ít đi với vật dụng ít đi và nhiều lên với con người.

Đúng thế, kinh doanh vẫn luôn là làm việc với con người. Nhưng khi quy mô của doanh nghiệp nhỏ, chủ mới của doanh nghiệp có thể vẫn là một đồng nghiệp giữa bao đồng nghiệp khác; ông ta không cắt đứt hẳn các mối liên lạc mà bước vào một môi trường mới. *Autobiography* (Tự truyện) của William Alien White cho thấy rằng ông có thể duy trì cả đời điều hư cấu dễ thương rằng ông chỉ là một người làm báo thuê. Tương tự, thế hệ các hiệu trưởng trường cao đẳng xưa chủ yếu gồm những người vẫn còn nghĩ mình là học giả. Cũng vậy, thế hệ điều hành kinh doanh trước đây vẫn còn đội mũ trong văn phòng, nhai thuốc lá, hoặc không thì cũng cố giữ lại các mối quan hệ với cửa hàng. Tuy nhiên, ngày nay các khái niệm tổ chức quen thuộc "chuyên môn và nhân sự" tượng trưng cho sự cắt đứt mối liên lạc trực tiếp giữa giám đốc điều hành và nhân viên làm thuê của cả bộ phận nhân sự lẫn chuyên môn. Ngồi ở cái bàn mới to sụ - hay để tới được đó - ông ta phải học một chuyên ngành mới định hướng theo cá tính và quên đi hay ít ra cũng giảm nhẹ định hướng chuyên môn của mình ngày trước.

Đi thẳng vào vấn đề này, có câu chuyện về một kỹ sư được mời làm giám đốc kinh doanh với lợi lộc hơn nhiều.[175] Ông ta thích nghề kỹ sư, nhưng vợ ông sẽ chẳng chịu để ông từ chối đề bạt. Người đỡ đầu ông trong tổ chức bảo ông bây giờ hoặc là không bao giờ: ông muốn đeo cặp kính xanh cả đời hay sao? Ông miễn cưỡng nhận lời. Đêm đó ông nằm mơ. Cầm cây thước lôga trong tay, ông chợt nhận ra là mình không biết sử dụng nó. Ông tỉnh dậy hốt hoảng. Giấc mơ rõ ràng tượng trưng cho cảm giác bất lực của ông trong một việc mới mà ông bị tách lìa khỏi chuyên môn của mình.

Vị giám đốc điều hành thăng tiến từ một vị trí chuyên môn không thể không cảm thấy rằng bầu không khí công việc của ông đã bị điều hòa: chỉ ổn chừng nào máy móc bên dưới chạy êm. Các đồng nghiệp mà ông bỏ lại sau lưng kia sẽ không ngần ngại, vì ghen tị, nhắc ông rằng ông không còn có thể xem mình

là một người có tay nghề thành thạo giữa đám đồng nghiệp lành nghề nữa, rằng ông không phỉnh họ được nếu, như một biên tập viên hay một nhà báo phụ trách chuyên mục, thỉnh thoảng ông dự một cuộc họp báo cấp tổng thống; hay như một hiệu trưởng trường cao đẳng hay đại học, thỉnh thoảng dự một hội nghị học giả; hay như một giám đốc kinh doanh, thỉnh thoảng đánh một ký hiệu trên bảng vẽ.

Quả thực, một xã hội ngày càng phụ thuộc vào sự điều khiển con người thì nó sẽ hủy hoại người làm chuyên môn thiên về tay nghề và doanh nhân, cũng gần như một xã hội trong các giai đoạn công nghiệp hóa trước đó đã hủy hoại nông dân và thợ thủ công thiên về nghề thủ công. Người chuyên môn thời kỳ gần đây bị đẩy lên thang vào tầng lớp quản lý trong khi thợ thủ công thời kỳ trước bị dồn vào giai cấp vô sản; và điều này minh chứng cho một sự khác biệt sâu xa trong hai hoàn cảnh lịch sử. Thế nhưng ở cả hai trường hợp quá trình công nghiệp diễn tiến bằng cách gây dựng cho máy móc và các tổ chức hoạt động trơn tru những kỹ năng đã từng được gây dựng cho con người, thông qua một quá trình học việc và hình thành tính cách lâu dài.

Bất chấp mô thức này, có nhiều vị trí trong kinh doanh, và trong các nghề nghiệp lâu đời hơn nói riêng, đem lại những chốn dễ chịu cho các kiểu nội tại định hướng. Trong y khoa và pháp luật, ý thức hệ tự do kinh doanh vẫn còn mạnh. Nỗ lực áp dụng các tiêu chuẩn khách quan khi tuyển lựa nhân sự vẫn còn dai dẳng, và được củng cố bởi sự chú trọng bằng cấp hết sức đáng ghét trong hệ thống giáo dục và cấp bằng. Một bệnh viện, một công ty luật, một trường đại học không chỉ có chỗ cho những ai có thể gắn kết con người lại với nhau mà còn cho những ai biết tập hợp các hóa chất, các câu trích dẫn hay các ý tưởng. Có nhiều chỗ đứng cho người có tay nghề chuyên môn yêu thích công việc và không thèm học, hay không thể học hỏi, để xê dịch cùng đám đông.

Ngay cả trong cơ sở công nghiệp lớn thì một số khu vực như vậy cũng có thể tiếp tục tồn tại vì không phải mọi vấn đề kỹ thuật - các vấn đề độ cứng vật liệu - đã được giải quyết hay được đưa vào chuẩn giải quyết vấn đề thường lệ. Hơn nữa, có một vài vị trí chủ chốt trong doanh nghiệp lớn và chính phủ lớn mà thỉnh thoảng chính một người phá hạng (rate-buster)[176] kiểu nội tại định hướng lại là cần thiết - chẳng hạn, một người có thể từ chối thẳng thừng mà không cần phân trần, vòng vo đánh trống lảng. Đồng thời các giá trị điển hình cho kiểu ngoại tại định hướng có thể lan tràn mau chóng đến mức đụng chạm vào vài khu vực của nền kinh tế trước khi các khu vực này giải quyết xong các vấn đề kỹ thuật của mình. Ở Hoa Kỳ, sức hấp dẫn của các phong cách làm việc xen lẫn nghỉ ngơi kiểu ngoại tại định hướng không thể ở đâu cũng được điều chỉnh theo mặt trận không đồng đều là tiến bộ kinh tế.

TỪ THƯƠNG MẠI TỰ DO ĐẾN THƯƠNG MẠI TRUNG THỰC

Ngay sau khi có Đạo luật về Hội đồng thương mại Liên bang năm 1914 cấm cạnh tranh không trung thực, vấn đề trở nên rõ ra rằng cái không trung thực chính là hạ giá hàng hóa, dù quan điểm này được che đậy dưới vỏ bọc công kích gian lận hay gắn sai nhãn hiệu cho hàng hóa. Nhưng trong giai đoạn có Cục Phục hồi Công nghiệp Quốc gia (NRA - National Recovery Administration), thái độ vụng trộm này nhận được sự thừa nhận từ chính phủ và công chúng, và sẽ là bôi nhọ khi gọi ai đó là *kẻ cắt giá*. Cùng với việc thông qua đạo luật Robinson-Patman và các luật của nhà nước về thương mại trung thực, thương mại tự do và thương mại trung thực trở thành những thuật ngữ mâu thuẫn nhau. Giá cả cuối cùng được ấn định bởi giới quản lý và qua thương lượng, hay khi mà vấn đề này có thể sẽ kéo Vụ Chống độc quyền vào cuộc, thì nó được ấn định bởi "sự lãnh đạo giá". Các mối quan hệ từng được xử lý bằng cơ chế giá hay chỉ lệnh thì nay được giải quyết qua thương lượng.

Sự lãnh đạo giá thường trông chờ ở nhà kinh tế đơn thuần việc điều khiển các công cụ để tránh chiến tranh giá cả và phân chia thị trường. Tuy vậy, lãnh đạo giá còn có những khía cạnh khác nữa. Nó là một phương tiện để dồn gánh nặng quyết định vào "những người khác". Bản thân những công ty được gọi là người lãnh đạo giá cũng phải trông chờ manh mối từ chính phủ, vì chi phí - cái con ma trơi hoang đường đó - nếu như nó có tồn tại thật, không còn là một chỉ dẫn rõ ràng. Trò đi-theo-lãnh-đạo cũng được sử dụng để đạt đến giá cả và điều kiện làm việc cho lao động; còn các công đoàn hưởng lợi từ khả năng lợi dụng mong muốn của ban giám đốc cấp cao là nhịp bước với các lãnh đạo ngành công nghiệp, và làm những anh bạn tốt để đá đít. Như chúng ta sẽ thấy sau này, mô hình chính trị kiểu ngoại tại định hướng có chiều hướng giống với mô hình kinh doanh kiểu ngoại tại định hướng: lãnh đạo của cả hai lĩnh vực cùng ở trong tình trạng vô định hình. Vả lại, cả trong kinh doanh lẫn chính trị, vị lãnh đạo kiểu ngoại tại định hướng thích được ổn định tình hình của mình ở một mức không đòi hỏi quá nặng nề vào phong độ của anh ta. Do vậy, vào nhiều thời điểm khác nhau trong quá trình ra quyết định, anh ta sẽ tán thành một đời sống dễ dàng hơn so với các mạo hiểm mở rộng quy mô và cạnh tranh tự do cho tất cả mọi người.

Một đời sống kinh doanh như vậy hóa ra không phải là một đời sống "dễ dàng". Đầu tiên là, người kiểu ngoại tại định hướng trong kinh doanh không thể làm mọi chuyện theo cách của mình, chẳng hơn gì trong chính trị. Tự do thương mại vẫn còn là một lực lượng hùng hậu, bất chấp những xâm lăng của phái trung thực thương mại. Nhiều nhà quan sát, trong khi đánh giá mức độ độc quyền bằng cách xem xét số phần trăm tài sản được kiểm soát bởi các tập đoàn lớn và có khả năng quản chế giá cả, đã bỏ sót chi tiết là thậm chí một số phần trăm ít ỏi các công ty ngoài tầm với của bàn tay niềm nở cũng có thể có một tác động đòn bẩy hoàn toàn vượt trội so với tài sản của họ. Cao su có thể

là một ngành độc quyền, nhưng phải chăng chúng ta sẽ mãi mãi cần cao su? Điện ảnh có thể độc quyền, nhưng còn truyền hình? Trong các ngành nhỏ và ít quan trọng, những độc quyền không phải của hôm nay mà của ngày mai, thường không cần phải là một anh bạn tốt. Vả lại, các động lực thay đổi công nghệ vẫn còn là thử thách; toàn thể phòng ban bên trong các ngành công nghiệp, cũng như chính toàn bộ bản thân các ngành công nghiệp, có thể trở nên lỗi thời, bất chấp khả năng họ thương lượng hoãn lại biết bao lần cái án tử mà sự thay đổi công nghệ đã ban ra. Ngay cả nội trong các ngành công nghiệp độc quyền lớn, vẫn còn có nhiều người thiên về công nghệ cũng như nhiều phòng ban thiên về công nghệ; không có việc hoạch định quản lý nào ở bất kỳ một công ty nào có thể khắc phục hoàn toàn và bình thường hóa được hẳn áp lực bắt nguồn từ các cải tiến của họ.

Trong phạm vi mà doanh nhân nhờ tính cách và hoàn cảnh của mình giải thoát khỏi các cân nhắc về chi phí, anh ta vẫn phải đối mặt với vấn đề tìm ra các động cơ mới cho vai trò chủ doanh nghiệp của mình. Anh ta phải lựa theo người khác xem họ nói một doanh nghiệp đúng cách phải ra sao. Do vậy, một sự nhạy cảm tâm lý khởi nguồn từ nỗi lo bị gọi là kẻ cắt giá lan sang nỗi sợ bị cho là không thức thời về những mặt khác. Doanh nhân này sợ theo đuổi các mục tiêu biết đâu là đã lỗi thời cũng như sống một lối sống biết đâu là không điệu nghệ. Vì anh ta định hướng theo người khác, và theo lĩnh vực tiêu dùng, *anh ta xem doanh nghiệp của mình là một người tiêu dùng*.

Nhìn chung, cho đến Thế chiến thứ nhất thì các công ty kinh doanh chỉ cần ba kiểu tư vấn chuyên môn: pháp lý, kiểm toán và kỹ thuật. Đây là các trợ giúp tương đối phi cá nhân, ngay cả trong trường hợp các luật sư, trợ giúp này bao gồm mua dăm ba nhà lập pháp và thẩm phán kiểu tiền trao cháo múc. Vì số chuyên gia sẵn có khá ít so với nhu cầu, họ có thể được lôi kéo vào một hoặc cả hai kiểu liên hệ thịnh hành: Một là, mối liên hệ gia đình-địa vị-quan hệ còn lại dai dẳng từ các thời trước trong những cộng đồng nhỏ hơn và đến hôm nay vẫn như vậy trong các cộng đồng này cũng như ở miền Nam; Hai là, mối liên hệ tiền mặt dựa trên kết quả thực hiện, hay trên "tính cách" trong nghĩa cũ hơn. Ngày nay người mua, trước hết, không chắc phải mua gì trong nhiều dịch vụ: anh ta sẽ kiếm một luật sư, hay một người lo về quan hệ công chúng, hay một cơ quan nghiên cứu thị trường, hay cầu cứu một công ty tư vấn quản lý để quyết định; tiếp đó, anh ta không chắc về chọn lựa của mình trong số nhiều nhà cung cấp tiềm năng từng dịch vụ này - anh ta không buộc phải chấp nhận ai trong số họ vì các lý do gia đình-địa vị-quan hệ hoặc vì tính cách và thành tích rõ ràng vượt trội của họ. Do vậy lựa chọn sẽ tùy thuộc vào một phức hợp các yếu tố ít nhiều tình cờ, tùy hứng: một cuộc tiếp xúc hay chuyện trò bâng quơ, một câu chuyện trên *Business Week* hay một bản tin "mật", hay vận may của nhân viên bán hàng.

Chúng ta có thể thấy sự chuyển dịch này trong lịch sử nhiều công ty. Một doanh nghiệp khởi đầu là một cơ sở kinh doanh gia đình nhỏ, những người sáng lập nhắm vào cơ hội thuận lợi nhất - với sự chú trọng vào chi phí và thái độ hoài nghi về lợi thế thương mại và quan hệ công chúng - thường thay đổi các mục tiêu của mình ở thế hệ thứ hai. Để một tờ *Fortune* trên bàn, tham gia một hiệp hội thương mại, còn mục tiêu thì đã thành ra không phải tiền mà là việc sở hữu các thứ phụ tùng mà một công ty tân thời cần phải có. Chúng ta thấy một chuỗi dằng dặc các trí thức nửa mùa được tuyển thêm vào đội ngũ nhân sự: các giám đốc quan hệ công nghiệp, giám đốc đào tạo, giám đốc an toàn. Một tạp chí của công ty được xuất bản; các nhà tư vấn được cầu đến để nghiên cứu thị trường, các quy trình vận hành chuẩn, vân vân; mặt tiền cửa hàng cửa hiệu được tân trang; và nói chung địa vị được săn lùng, khi lợi nhuận trở thành hữu ích như một trong nhiều biểu tượng cho địa vị và như món dự trữ cho các bước tiếp theo tiến tới khuếch trương theo đòi hỏi của địa vị.

Trong nhiều trường hợp, sự chuyển dịch này đi kèm với một xung đột giữa thế hệ già, do nội tại định hướng nhiều hơn, với thế hệ trẻ hơn, bị ngoại tại định hướng. Lớp già hơn đã đi lên nhờ cửa hàng hay qua một trường kỹ thuật mà không có những khoe khoang trong lĩnh vực quan hệ cộng đồng. Lớp trẻ thấm nhuần nguyên tắc xử thế mới. Họ có vẻ vẫn còn nghĩ đến kiếm tiền, và trong một chừng mực nào đó họ thực sự lo nghĩ như vậy, nhưng họ cũng lo nghĩ đến chuyện biến công ty mình thành mẫu mực mà họ học được ở trường kinh doanh. Doanh nhân nhận ra định hướng mới này khi nhắc đến mình, như họ vẫn thường nhắc đến mình, như người thụ ủy cho mọi giới công chúng. Và trong khi họ cố điều khiển các giới công chúng này, cố duy trì cân bằng giữa họ, thì các doanh nhân, giống như các nhà lãnh đạo chính trị, bị những kỳ vọng công chúng có về họ, hay được cho là có về họ, điều khiển.

Nếu phải xác định một thời điểm của sự đổi thay, ta có thể nói rằng thời đại cũ chấm dứt cùng cái chết của Henry Ford. Sau khi ông mất thì công ty ông, một thành trì cuối cùng của những cách thức xưa cũ, đã hoàn tất việc bố trí lao động mới, kế toán mới, các kỹ thuật quản lý và định hướng quản lý mới khác.

Từ *trung thực* phần nào phản ánh được một sự chuyển giao các giá trị nhóm ngang hàng sang đời sống kinh doanh. Người trong nhóm ngang hàng thấm nhuần tư tưởng chơi trung thực; còn doanh nhân, thấm nhuần tư tưởng thương mại trung thực. Thường thì điều này có nghĩa là anh ta hẳn đang sẵn lòng thương thảo các vấn đề mà anh ta có thể khăng khăng giữ quyền. Hơn nữa, người thương lượng, được kỳ vọng đem về không chỉ một chiến thắng cụ thể mà còn cả những thiện cảm về anh ta và công ty. Do vậy, trong một chừng mực nào đó, anh ta biết càng ít về các tình tiết ngầm bên dưới thì càng dễ trao đổi các nhượng bộ. Anh ta giống như người bán hàng ở góc đường, khi bị quở trách vì bán táo bốn xu mà vốn là năm xu, liền nói "Nhưng cứ nhìn doanh thu

mà xem!" Ở đây một lần nữa kỹ năng chuyên môn, nếu không phải một bất lợi thực tế, cũng trở nên kém quan trọng hơn kỹ năng điều khiển con người.

Hiển nhiên, rất nhiều điều đã bàn cũng đúng với các liên đoàn lao động, các giới nghề nghiệp chuyên môn, với cho đời sống học thuật cũng như với giới kinh doanh. Chẳng hạn, vị luật sư tiến vào các vị trí hàng đầu bên trong và bên ngoài ngành của mình không còn nhất thiết phải là một người làm nghề đã tinh thông những rối rắm phức tạp, giả dụ như, của vấn đề tài chính doanh nghiệp, mà có thể là người đã chứng tỏ mình là một tay giỏi giao thiệp. Vì các mối liên hệ cần được tạo ra và tái tạo trong mỗi thế hệ, không thể kế thừa, điều này tạo ra những cơ hội kiếm bộn tiền cho các típ ngoại tại định hướng di động mà năng lực chính là đàm phán suôn sẻ.

TỪ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG ĐẾN TÀI KHOẢN CHI PHÍ

Bằng diễn đạt này giáo sư Paul Lazarsfeld từng tổng kết một vài thay đổi gần đây về các thái độ kinh tế. Tài khoản chi phí[177] gắn với sự chú trọng thời nay vào các thực tiễn tiêu dùng cũng kiên cố như tài khoản ngân hàng thời xưa gắn với các lý tưởng sản xuất. Tài khoản chi phí giao quyền kiểm soát cho bàn tay niềm nở. Bằng việc làm như vậy nó tiếp tục đánh sập bức tường vốn đã phân tách hai ngả vui chơi và công việc ở thời phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng. Người kiểu ngoại tại định hướng thành đạt mang vào kinh doanh một tập hợp thái độ học được trong lĩnh vực tiêu dùng không chỉ khi anh ta đánh giá công ty của mình bằng con mắt người tiêu dùng mà còn cả khi anh ta "đang họp".

Kinh doanh là phải vui thú. Khi lạm phát Thế chiến thứ hai nguội đi, các trang kinh doanh đăng đi đăng lại những bài diễn thuyết tại các hội nghị về chủ đề: "Giờ đây bán hàng sẽ vui trở lại!" Người ta không trông chờ doanh nhân kiểu nội tại định hướng có vui thú; thực ra, mặt mũi anh ta ủ dột và thậm chí cau có lại là thích hợp. Song doanh nhân kiểu ngoại tại định hướng dường như ngày càng ở vào tình thế phải chịu mệnh lệnh là anh ta cần thích thú những nghĩa vụ giao tế đi kèm vai trò quản lý. Giờ làm việc thu ngắn lại ảnh hưởng nhiều lên đời sống của tầng lớp lao động hơn là đời sống của tầng lớp trung lưu: giám đốc điều hành và người chuyên môn vẫn thêm vào nhiều giờ kéo dài, sử dụng năng suất khổng lồ của Mỹ không phải để về nhà sớm mà chủ yếu để kéo dài giờ ăn trưa, cà phê giải lao, hội họp và các hình thức kết hợp kinh doanh với vui chơi khác. Cũng vậy, rất nhiều thời gian ngay ở chính văn phòng cũng được dành ra để giao tế: chuyện phiếm văn phòng ("hội nghị"), lượn mấy vòng thiện chí ("thanh tra"), nói chuyện với đám nhân viên bán hàng và đùa cợt với các thư ký ("nâng cao tinh thần làm việc"). Thực ra, rút cạn tài khoản chi phí có thể coi như một liệu pháp nghề nghiệp gần như không giới hạn cho những người, do thói quen truyền thống là làm việc cật lực, do ghét vợ, do một chủ nghĩa khắc kỷ còn rơi rớt lại, và do nỗi bất an về

những người hợp tác đối kháng của mình, vẫn còn cảm thấy rằng họ phải đắm mình vào công việc trong một ngày đẹp trời tại văn phòng. Nhưng dĩ nhiên, Simmel sẽ chẳng thừa nhận, trong khảo luận xuất sắc của ông mà tôi trích dẫn ở đầu chương, rằng kiểu giao tế này, vốn dĩ chở quá nhiều sức nặng thường ngày, là tự do hay là xã giao.

Đối với kiểu nghề nghiệp mới thì phải có một kiểu giáo dục mới. Đây là một nhân tố, tất nhiên không phải nhân tố duy nhất, nằm sau sự thịnh hành ngày càng tăng của giáo dục đại trà và việc đưa các ngành khoa học nhân văn, khoa học xã hội vào trường trung học kỹ thuật cũng như các chương trình đại học. Các nhà giáo dục tài trợ những chương trình này hối thúc vun trồng "con người toàn diện", nói đến việc đào tạo công dân cho nền dân chủ, và lên án các thói chuyên môn hẹp hòi - thảy đều là những chủ đề có giá trị. Quả thực cuốn sách này phát triển phần nào từ sự khuyến khích giảng dạy theo một chương trình khoa học xã hội tổng quát. Nhưng tuy có thể không chắc rằng các kỹ sư và doanh nhân sẽ trở thành những công dân tốt hơn hoặc con người tốt hơn vì đã được tiếp xúc với các chương trình này, thì chẳng mấy nghi ngờ là họ sẽ khéo léo lịch thiệp hơn. Họ có thể chứng tỏ sự sắc bén của mình trước đám thô lậu từ các trường "kỹ thuật" bằng cách trưng ra diễn văn về quan hệ cộng đồng. Tài hùng biện như vậy có thể cần thiết cho thành công chuyên môn hay kinh doanh ngày nay giống như kiến thức về văn chương cổ điển đối với chính trị gia Anh và quan chức cấp cao thế kỷ trước.

Trong lúc đó, tôi không muốn cường điệu sự chú trọng vào quan hệ con người, thậm chí trong các lĩnh vực đã bị quan liêu hóa của nền kinh tế. Vẫn còn nhiều sự đa dạng: một số công ty, như Sears Roebuck, có vẻ được bàn tay niềm nở điều hành, trong khi những công ty khác, giả dụ như Montgomery Ward, lại không; một số, như Anaconda, ý thức về vấn đề quan hệ công chúng; những công ty khác, như Kennecott, lại không như thế. Nhiều tiến bộ hiện nay trong phân phối, thậm chí trong bán hàng, có chiều hướng giảm bớt tầm quan trọng của nhân viên bán hàng. Điều này thể hiện rõ ở hệ thống máy bán hàng tự động. Hơn nữa, các khía cạnh cá tính trong bán hàng có thể được giảm thiểu mỗi khi cần đến một kỹ thuật viên: chẳng hạn, người bán hàng thiết bị chuyên dụng đòi hỏi một sự định hướng lại trong nhân viên của khách hàng. Dù đội ngũ bán hàng của IBM là những người dám nghĩ dám làm, họ cũng phải biết cách sử dụng một máy lập bảng, và quan trọng hơn, biết cách hợp lý hóa luồng thông tin trong nội bộ một công ty. Do vậy, dù họ là các cố vấn viên cho cuộc cách mạng truyền thông, họ phải được định hướng nghề chẳng kém những người bán thiết bị ít phức tạp hơn thời trước. Trong nội bộ hầu hết các ngành công nghiệp như vậy đều cần rất nhiều người có đầu óc kỹ thuật, những người trong một chừng mực đáng kể, nhờ các kỹ năng không thể thiếu của mình mà đỡ phải nhã nhặn với tất cả mọi người, dù anh ta có một tài

khoản chi phí hay không.

II. Dải Ngân hà

Trong chương trước, tôi đã diễn đạt tham vọng của người kiểu nội tại định hướng bằng cách nhắc đến một khẩu hiệu phổ biến ở thời anh ta: qua gian lao vươn tới các vì sao. Người nội tại định hướng, vốn giao thiệp có tham chiếu tới một hình mẫu xưa hơn, có thể chọn cách tranh đua với một ngôi sao trong số những người hùng của lĩnh vực mình. Trái lại, người kiểu ngoại tại định hướng không thường nghĩ đến đời mình về phương diện một sự nghiệp cá thể hóa. Anh ta không mưu cầu danh tiếng, thứ tiêu biểu cho sự siêu việt có giới hạn của một nhóm ngang hàng hay một văn hóa cụ thể, mà mưu cầu sự tôn trọng, và hơn cả tôn trọng là sự cảm mến từ một bồi thẩm đoàn của nhóm ngang hàng vô định hình và hay thay đổi, dù cùng thời anh ta.

Để đạt mục tiêu này anh ta phải tranh đấu, không phải với độ cứng của vật liệu mà với chính những người hợp tác đối kháng dữ dội, những người tham gia cùng cuộc theo đuổi, cũng là những người anh ta đồng thời nhìn vào để tìm kiếm các giá trị và các nhận định về giá trị. Thay vì so mình với những vĩ nhân trong quá khứ và sánh mình với các ngôi sao, người kiểu ngoại tại định hướng xoay trở giữa cả một Ngân hà đích thực của những người cùng thời nhưng gần như không phân biệt được. Điều này phần nào là một đóng góp cho quy mô của tầng lớp trung lưu có giáo dục trong thời kỳ chớm giảm dân số.

Sự bất ổn của đời sống trong thời đại chúng ta đương nhiên là một nhân tố trong việc người trẻ từ chối gắn bó tận tụy với các mục tiêu dài hạn. Chiến tranh, suy thoái, quân dịch, ngày nay có cảm giác như các chướng ngại cho việc hoạch định một sự nghiệp nhiều hơn nhiều thời kỳ trước Thế chiến thứ nhất. Nhưng những thay đổi này chưa phải đã là toàn bộ câu chuyện: kiểu người không gắn bó tận tụy với các mục tiêu dài hạn sẽ biện bạch quan điểm của mình về tương lai và sự trì hoãn cam kết gắn bó bằng cách chỉ ra những điều bất an quá rõ ràng. Chúng ta có thể hình dung được người sống ở một thời bấp bênh như vậy, anh ta vì thiếu hiểu biết và thiếu nhạy cảm cũng như vì mãnh lực của tính cách, sẽ lặn lội theo đuổi các mục tiêu xa vời. Chắc chắn, nhiều nhân tố khác cũng ở quanh đó: như ví dụ đã nêu trong một phần trước, có một thực tế là tính di động thường phụ thuộc vào việc bỏ lại kỹ năng nghề của ta; và chính ngã ba đường này phân tách các lối đi nội trong một nghề với những lối đi có thể đạt được chỉ bằng cách bỏ nghề, nó xuất hiện ở giai đoạn đầu trong đời sống nghề nghiệp và gây khó khăn cho việc tính toán sự nghiệp của thanh niên di động.

Cũng có một số mặt tích cực nhất định cho tiến triển này. Sự tận tụy có vẻ lâu bền của nhiều thanh niên kiểu nội tại định hướng dựa trên việc chấp nhận vô điều kiện các trật tự của cha mẹ và việc xếp hạng các nghề nghiệp của cha

mẹ. Thanh niên kiểu ngoại tại định hướng ngày nay thường đòi hỏi ở một việc làm nhiều hơn là việc nó thỏa mãn địa vị theo lẽ thường và thỏa mãn các đòi hỏi tiền tài; cậu ta không bằng lòng với những xếp hạng áp đặt của các thế hệ trước. Thời ngoại tại định hướng quả đã mở ra các khả năng chọn nghề mang tính cá nhân hơn và vừa ý hơn, một khi áp lực xã hội đối với một quyết định sớm sủa, và cảm giác kinh hoảng của người đó nếu anh ta không thể quyết định ngay, đã giảm đi nhiều.

Từ đó suy ra rằng các tầng trời thành tựu đối với thanh niên kiểu ngoại tại định hướng sẽ trông khác hẳn so với thế hệ kiểu nội tại định hướng thời trước của anh ta. Người thế hệ trước thấy mình được an toàn khi tiến ra vùng giáp ranh giữa nhiều biên cương khác nhau, thiết lập chủ quyền riêng biệt và được công nhận trên một mảnh lãnh thổ mới - thường cùng với những cái bẫy đế quốc to lớn. Nếu anh ta lập một công ty, nó sẽ là cái bóng kéo dài của anh ta. Còn ngày nay con người là cái bóng của công ty. Các mục tiêu dài hạn như lối thoát được gắn hẳn vào công ty, vào định chế; đây cũng là kho chứa các nỗ lực đế quốc mà thỉnh thoảng thành hình khi định chế kiềm tỏa các ý chí ôn hòa và dễ bảo của nhiều người kiểu ngoại tại định hướng, mà họ vốn đang tranh giành những chỗ dị biệt hóa biên tế trên dải Ngân hà.

Để bỏ xa những người cạnh tranh này, để một mình tỏa sáng, điều ấy có vẻ vô vọng, và cũng nguy hiểm. Đúng vậy, người ta có thể cố len lén đi trước người khác một đoạn - chẳng hạn, làm việc cực nhọc hơn cả sự tuyên truyền về công việc có thể cho phép - nhưng ấy là những mánh vặt, không phải chiêu thức lớn bài bản. Tuy vậy, họ vẫn giữ cho cuộc cạnh tranh một vị trí trên những đường chạy chính có tổ chức hợp lý của đời sống nghề nghiệp hoàn toàn tách bạch khỏi tính hợp tác. Song thậm chí hành vi như thế, vốn dĩ coi thường không đáng kể các khái niệm thịnh hành về sự công bằng, cũng lưu ý xem nhóm ngang hàng có những chuẩn mực gì về cái được mong đợi. Và vì mỗi người sẽ phóng chiếu các khuynh hướng xấu chơi của mình lên người khác, điều này cũng đòi hỏi sự sống trong trạng thái thường xuyên cảnh giác trước việc người khác có thể sắp sửa làm.

Do vậy, Ngân hà không phải là một con đường dễ dàng, dù các gian khổ của nó khác với cái gian khổ ở thời trước. Buộc phải dung hòa hay lôi kéo điều khiển đủ loại người, người kiểu ngoại tại định hướng đối đãi với tất cả mọi người như khách hàng, với phương châm khách hàng bao giờ cũng đúng; nhưng anh ta phải làm điều này với nhận thức chẳng dễ dàng là, như Everett Hughes đã diễn đạt, một số khách hàng lại đúng hơn số khác. Sự đa dạng vai trò đi cùng với đa dạng khách hàng chưa được thể chế hóa hay được hướng dẫn rõ ràng, thế nên người kiểu ngoại tại định hướng có chiều hướng đơn thuần trở thành chuỗi nối tiếp các vai trò và các cuộc gặp gỡ, và do vậy anh ta nghi hoặc không biết mình là ai hay mình đang đi đâu. Cũng như công ty bỏ

chính sách một giá để theo chính sách giá bị quản chế được ấn định kín, phân biệt theo từng tầng lớp khách hàng tùy thuộc vào quyền lực thấy rõ của khách hàng và các đòi hỏi về "thiện chí", vậy nên người kiểu ngoại tại định hướng từ bỏ chính sách một mặt của người kiểu nội tại định hướng mà áp dụng chính sách nhiều mặt do anh ta bí mật ấn định và thay đổi theo từng tầng lớp gặp gỡ.

Tuy vậy, liên hiệp với những kẻ khác, anh ta có thể tìm kiếm chút ít sự bảo hộ về kinh tế, xã hội và chính trị. Nhóm ngang hàng có thể quyết định một vài kẻ bị loại bỏ, về mặt giai tầng hay sắc tộc, những người mà bàn tay niềm nở chẳng cần phải chìa tới, hay những người có thể (như người da đen ở miền Nam) buộc phải giao thiệp nhã nhặn kiểu cá nhân hóa mà không có đặc quyền đòi được đáp lại tương xứng. Một tầng lớp khách hàng, vốn dĩ là sai theo định nghĩa, có thể được tạo ra về mặt chính trị. Thế nhưng dù có cá biệt đến đâu, dù nó có thể khiến cuộc sống dễ thở hơn đôi chút cho người trong cuộc, nó cũng không thể bảo đảm trăm phần trăm sự tồn tại này có một vị trí minh bạch và được tán thưởng trong dải Ngân hà.

CHƯƠNG VII
Vòng đời ngoại tại định hướng (tiếp theo): ca đêm

Vả chăng ta cũng chẳng nên tin rằng, trong khi lăn lưng ra mà lao động, con người sống trong các nước dân chủ lại thấy mình có gì phải than vãn; ngược lại là đằng khác. Chẳng có con người nào lại hả hê với thân phận mình hơn những con người ấy. Họ sẽ cảm thấy cuộc đời này nhạt nhẽo, vô vị nếu được chu cấp mọi thứ thỏa mãn các nhu cầu họ vô cùng khao khát, và họ thể hiện sự gắn bó với các lo âu còn nhiều hơn là những con người sống trong các nền quý tộc trị gắn bó với hưởng thụ.

Tocqueville, *Nền dân trị Mỹ*[178]

Điều duy nhất đã thay đổi từ khi Tocqueville viết (quả thực thay đổi không nhỏ) là chính lĩnh vực vui chơi đã trở thành một lĩnh vực lo âu. Nhiều sự nhọc nhằn thể xác của các lĩnh vực sản xuất và sử dụng đất đai ngày xưa còn sót lại ở dạng tâm lý đã biến đổi trên lĩnh vực mới là tiêu dùng. Đúng như chúng ta thấy trong chương trước rằng ca ngày tham công tiếc việc đã bị các giá trị và thái độ bàn tay niềm nở phần nào bắt nguồn từ lĩnh vực nhàn rỗi xâm lấn, thì ca đêm ưa an nhàn cũng bị ám ảnh bởi những người khác vẫn hợp tác cùng ta để tạo ra một thời gian vui vẻ.

Song trước hết, cùng với sự lớn mạnh của kiểu ngoại tại định hướng, chúng ta sẽ thấy sự ra đi của cả người tiêu dùng tích trữ lẫn người thoát ly ở thời trước. Đam mê tích trữ giảm đi khi tài sản không còn có tính ổn định và giá trị khách quan cũ nữa; sự thoát ly giảm đi chính vì lẽ rõ ràng là công việc và vui chơi đã đan xen nhau. Chúng ta có thể thấy các khuynh hướng mới này, trong cái có thể là hình thức cực đoan nhất: các xu hướng về thức ăn và trải nghiệm tình dục thịnh hành ở một số nhóm thuộc giai tầng trung lưu lớp trên.

I. Những thay đổi trong ý nghĩa biểu tượng của đồ ăn và tình dục

Từ bát lúa mì đến bát sa lát. Trong số các kiểu nội tại định hướng dĩ nhiên có sự biến thiên lớn trong việc quan tâm đến thức ăn. Câu chuyện sẽ khác trong các dân tộc sành ăn của phần thế giới còn lại, còn ở Mỹ, người Thanh giáo và không phải Thanh giáo trong quá khứ gần có thể dùng thức ăn để phô trương, họ ăn tối ngoài nhà hàng với các thực đơn được tiêu chuẩn hóa tương đối cho khách khứa; và cái được phô trương ra là một miếng thịt thật ngon, một bàn ăn trang nhã, và phần nấu nướng xuất sắc. Tất cả những thứ này phần lớn là việc của đàn bà, và trong nhiều giới thì thức ăn không phải là đề tài thích hợp để trò chuyện trong bữa tối. Dùng thức ăn đúng cách là nghĩa vụ của ta trước

địa vị của mình, quyền của ta có được sự trọng vọng, và gần đây hơn là trước kiến thức của chính ta về vệ sinh với lượng calo và các loại vitamin. (Thái độ sau cùng này đã không lan tới miền Nam nước Mỹ, nơi có truyền thống ẩm thực cũ hơn, thô mộc hơn là sự yêu thích có tính nghi thức dành cho thức ăn chiếm ưu thế.) Các ấn bản thời đầu của *Boston Cooking School Cookbook* (Sách nấu ăn của Trường Dạy nấu ăn Boston) đã thở ra làn không khí vững vàng, bảo thủ và thiên về dinh dưỡng này.

Trái lại, người kiểu ngoại tại định hướng khoảng giữa thế kỷ 20 ở Mỹ phô trương sở thích của anh ta chứ không phô trương trực tiếp của cải, sự khả kính, lượng máu hay lượng calo đầy đủ. Thật ra chúng ta đã thấy trong Chương IV là radio bắt đầu tập tành cho trẻ kiểu ngoại tại định hướng về sở thích ăn uống còn trước cả khi đứa trẻ đi học và nó học bài học đó nghiêm chỉnh ra sao. Trong khi cha mẹ giai tầng trung lưu lớp trên vốn được học hành tử tế đang trở nên ngần ngại chẳng dám bảo trẻ ăn thứ gì đó vì món ấy tốt cho chúng - sợ mình sẽ gây ra các phức tạp bằng lời - thì họ lại hùa với radio trong việc thảo luận cái gì là "tốt" như một chuyện về sở thích. Thực ra, điều này thường chỉ ngụy trang cho cảm xúc tập trung vào các thói quen ăn của trẻ, cũng gần bấy nhiêu cảm xúc như khi cha mẹ chúng tập trung vào chế độ "ăn cho hết đi đừng vớ vẩn nữa". Người kiểu ngoại tại định hướng còn chuẩn bị tâm lý để tìm ra sự dị biệt hóa biên tế không chỉ ở cái anh ta dọn ra trước mặt khách mà còn ở chỗ nói thế nào về những món đó với khách.

Trước đây chỉ tồn tại một nhóm nhỏ những người sành ăn; sự thưởng thức kén chọn thức ăn là một sở thích riêng, trong số những sở thích riêng khác, mà người kiểu nội tại định hướng có thể chọn. Ngày nay, trong các giới rộng rãi, nhiều người là thực khách sành ăn và có nhiều hơn thế những người cảm thấy mình phải là người sành ăn. Sự dư dật của nước Mỹ thời kỳ chớm giảm dân số có lẽ là nhân tố quan trọng nhất trong bước tiến này; nó làm cho gần như bất cứ ai cũng tiếp cận được thức ăn ngon. Các hạn chế về mùa và địa lý trong giai đoạn trước đã thu hẹp những lựa chọn đổi món cho tất cả mọi người chỉ trừ người giàu, thì giờ đây phần lớn những hạn chế đó đã bị loại bỏ nhờ mạng lưới phân phối và các kỹ thuật bảo quản thức ăn - cả hai đều là di sản từ giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp. Người tiêu dùng lựa chọn giữa nhiều thức ăn do vậy không còn phải dựa trên truyền thống hay các hạn chế của Malthus.

Kết quả là, cả khung cảnh bữa ăn lẫn nội dung bữa ăn đều bị ảnh hưởng. Sự thân tình xuề xòa phá vỡ cấm kỵ của Thanh giáo là chống lại việc bàn chuyện ăn uống, cũng như nồi đất và ấm đồng thau của Mexico thế chỗ khăn ăn trắng và lối bày biện cổ điển trên bàn ăn tầng lớp trung lưu thế kỷ 19. Quan trọng hơn, bà nội trợ trong nhà không còn có thể đổ lỗi cho cách nấu nướng hạn chế và theo sở thích của người hầu bếp đã không đáp ứng được gu ăn uống của riêng bà. Trong thời kỳ chớm giảm dân số người hầu biến mất khỏi gia đình

trung lưu, và nếu có nơi họ không biến mất chăng nữa, họ cũng không còn đặc quyền mà truyền thống, chứ không phải ông chủ bà chủ, cho phép họ kiểm soát thực đơn và phục vụ thực đơn sành điệu. Không còn những bức tường riêng tư, địa vị, hay chủ nghĩa khổ hạnh để bảo vệ hoặc ngăn ngừa người ta phô trương sở thích cá nhân về thức ăn và bày biện trang trí như một yếu tố cạnh tranh với người khác. Người dự bữa ăn có quyền, không như anh chàng Jiggs, quyết định rằng thịt bò muối nấu với cải bắp là một món thú vị; anh ta có thể săn lùng nghệ thuật chế biến món ăn của người nhập cư hay theo chỉ dẫn của người phụ trách chuyên mục món ăn trên báo *Clementine Paddleford* hướng tới các món mới lạ của nước ngoài. Chỉ tại các cuộc hội họp chính thống người ta mới còn thấy thực đơn giống nhau là thịt nướng hay gà, khoai tây và đậu đũa. Còn ở nhà, ở vị trí món chính, bà chủ ngày nay được khuyến khích thay vào món đặc biệt của mình, ví dụ lasagna hay rüstoffel.[179] Và đàn ông cũng tham gia như đàn bà ở trong bếp cũng như đứng bên cạnh vỉ nướng ở sân sau.

Sách dạy nấu ăn nổi tiếng nhất ngày nay người ta nói là *The Joy of Cooking* (Thú vui nấu nướng), và số lượng sách nấu ăn chuyên sâu - có yếu tố sắc tộc, có giọng tán gẫu và không khí đặc thù - liên tục tăng lên để đáp ứng nhu cầu dị biệt hóa biên tế. Ngay sự thay đổi nhan đề sách - từ *Boston Cooking School Cookbook* sang *How to Cook a Wolf* (Làm sao để nấu một con sói) hay *Food Is a Four Letter Word* (Đồ ăn là từ có bốn chữ cái)[180] - cho thấy thái độ đang thay đổi. Vì người kiểu ngoại tại định hướng không thể dựa vào các chuẩn thành công khách quan như những chuẩn hướng dẫn cho người kiểu nội tại định hướng: anh ta có thể bị ám ảnh bởi cảm tưởng rằng anh ta để lỡ mất cái thú ẩm thực mà đáng ra anh ta nên cảm nhận. Giờ ăn ngày nay phải "thú vị"; cuốn *Fireside Cookbook* (Sách dạy nấu ăn bên lò sưởi) mới chào mời tới "những người không bằng lòng xem thức ăn chỉ là cái gì đó ta cứ đều đều đưa từ đĩa lên miệng". Và nếu người ta vẫn còn chưa nhận được nhiều niềm vui thú từ các công thức đưa ra ở đó, họ có thể tìm trong các sách như *Specialité de la Maison* (Đặc sản nhà hàng) để xem "người khác" đang ăn gì - để có được các "công thức ưa chuộng" của những người như Noël Coward và Lucius Beebe. Fred MacMurray và Claudette Colbert[181] làm chứng cho những cái thú từ những công thức pha chế như "The Egg and I Julep" (món rượu Quả trứng và tôi); và MacMurray viết trong một tuyển tập mỏng các công thức trứng ưa thích của mình: "Chẳng có gì hấp dẫn bằng hai quả trứng rán với đôi mắt vàng ruộm trong vắt nhìn bạn trìu mến từ giữa đĩa điểm tâm, điểm tô bằng từng sợi thịt lợn muối giòn tan hay xúc xích heo non. Hay trứng chần nước sôi, hớn hở lướt trên mảng bè bánh mì nướng". Bản dịch nổi tiếng nhất một cuốn sách nấu ăn cũ của Pháp, *Tante Marie* (Thím Marie), cũng có giọng tán gẫu cực độ như vậy, còn *The Joy of Cooking* lý giải sự huyên thuyên của mình bằng câu chuyện rằng ban đầu các công thức được sưu tầm và ghi lại cho con gái của tác giả, cô

bé này đến lượt mình nghĩ "mấy đứa con gái khác" có lẽ sẽ thích. (Vì ngày nay ít có bà mẹ nào dạy dỗ con gái, nên ví thử có nấu nướng gì, con gái phải dựa vào chỉ dẫn của một người ngoài.) Tóm lại, người kiểu ngoại tại định hướng khi tiếp cận thức ăn, giống như trong quan hệ yêu đương, thường xuyên tìm yếu tố phẩm chất nào đó mà có thể anh ta không nắm bắt được. Anh ta mắc căn bệnh mà Martha Wolfenstein và Nathan Leites gọi là "đạo lý vui chơi".[182]

Tất nhiên, diễn đạt mọi chuyện theo kiểu này là nói quá những bất lợi của sự thay đổi: không thể phủ nhận là ngày nay nhiều người thực sự thích đồ ăn thức uống và thích nói về đồ ăn thức uống hơn thời mà chế độ ăn uống Mỹ khét tiếng là đơn điệu.

Thật vậy, nhiều người đi theo các xu hướng mới trong thức ăn mà không cần là người kiểu ngoại tại định hướng trong tính cách, cũng như nhiều giám đốc nhân sự trong nghề kinh doanh là những người nhiệt huyết kiểu nội tại định hướng một lòng tin tưởng vào bàn tay niềm nở. Dù vậy, nếu muốn vạch các ranh giới cho kiểu ngoại tại định hướng ở Mỹ, chúng ta có thể thấy trong việc phân tích thực đơn một thước đo không quá kém chính xác. Khi sa lát trộn và tỏi, các kiểu nước xốt cầu kỳ, các món nấu trong nồi đất, tạp chí *Gourmet*, rượu vang và rượu mùi từ New York tràn về miền Tây và từ San Francisco tràn về miền Đông, khi người ta ăn bữa trưa hai tiếng đồng hồ rồi khoe sở thích về thức ăn và rượu, khi sách nấu ăn cá nhân hóa có xu hướng thay thế sách của Trường Dạy nấu ăn Boston - trong hết thảy những dấu hiệu thời đại này chúng ta thấy các chỉ báo cho một kiểu tính cách mới. Gần đây, Russell Lynes, trong bài báo "Highbrow, Lowbrow, Middlebrow" (Học thức cao, học thức thấp, học thức trung bình),[183] đã tìm cách phác họa hệ thống xã hội Mỹ thành thị đương đại theo các chỉ số tiêu dùng tương tự. Do vậy, sa lát trộn là dấu hiệu của dân trí thức, họ có thể còn được dán nhãn theo sở thích về xe hơi, quần áo và dáng điệu. Cái chúng ta thật sự thấy đang xuất hiện là một hệ thống xã hội phôi thai có các tiêu chuẩn về địa vị bất nhất với các tiêu chuẩn của hệ thống giai cấp truyền thống hơn. Điều này đã được Lloyd Warner nhìn thấy, ông quả đã định nghĩa giai cấp ít căn cứ vào mặt của cải hay quyền lực mà căn cứ nhiều về mặt ai thích giao du với ai, và về các phong cách hành vi người tiêu dùng. Những nhà quan sát này, tuy vậy, vẫn là biệt lệ; như chúng ta sẽ thấy ở Chương XI, hầu hết người Mỹ vẫn tiếp tục thấy cấu trúc xã hội của họ theo kiểu một cấu trúc cũ hơn dựa trên của cải, nghề nghiệp và địa vị, nếu xem các chuyên trang xã hội trên báo chí. Nhưng bên dưới những chuyên mục cũ này, tôi tin là một cấu trúc vô định hình hơn nhiều đang nổi lên, trong đó sự dẫn dắt ý kiến ngày càng quan trọng, và trong đó thứ bậc "học thức" cao thấp tranh giành sự công nhận với các thứ bậc truyền thống dựa trên của cải và chức vụ nghề nghiệp.

Tình dục: lĩnh vực cuối cùng. Ở thời phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng

tình dục có thể bị cấm đoán, như trong các giai cấp và lĩnh vực chịu ảnh hưởng mạnh của phong trào Cải cách Tôn giáo và Phản Cải cách Tôn giáo. Hay sự thỏa mãn tình dục có thể được xem là điều đương nhiên giữa cánh đàn ông với nhau và trong những phạm vi nhất định, như ở Ý, Tây Ban Nha, và trong các phần tử không đáng trọng, ví dụ dân "hạ cấp", trong mọi khối dân cư. Cả hai trường hợp đều có một chút đơn giản hóa tình dục, trong trường hợp này là do cấm kỵ, trong trường hợp kia là do truyền thống. Các vấn đề sinh kế và quyền lực có liên quan, các vấn đề tồn tại đơn thuần hay tồn tại "có ý nghĩa gì đó", là quan trọng hơn hết; còn tình dục được nhét vào thời gian và địa điểm "thích hợp": ban đêm, vợ hay gái điếm, lời lẽ thô tục thỉnh thoảng, và những lúc mơ màng. Chỉ trong các tầng lớp thượng lưu, tiền thân của các kiểu ngoại tại định hướng hiện đại thì làm tình mới được ưu tiên hơn việc làm ra hàng hóa (được cho là ở Pháp) và đạt đến địa vị một hoạt động ban ngày. Trong giới này tình dục gần như hoàn toàn tách khỏi sản xuất và sinh sản.

Sự tách bạch này, khi nó vượt ra ngoài tầng lớp thượng lưu và lan tràn ra gần khắp xã hội, là dấu hiệu rằng một xã hội, thông qua sinh đẻ có kế hoạch và tất cả những thứ liên quan, đã bước vào giai đoạn chớm giảm dân số bằng lộ trình công nghiệp hóa. Trong giai đoạn này không chỉ thời gian nhàn rỗi tăng lên mà công việc tự nó cũng trở thành vừa kém thú vị đi vừa ít đòi hỏi khắt khe hơn hẳn đối với nhiều người; việc tăng giám sát và phân chia nhỏ các nhiệm vụ nề nếp hóa quy trình công nghiệp, thậm chí vượt quá cái đã hoàn thành trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp. Hơn cả trước đây, khi thói ham công tiếc việc giảm, tình dục ngấm vào ý thức của thời gian ban ngày cũng như thời gian vui chơi. Nó được xem như một thứ hàng tiêu dùng không chỉ bởi các giai cấp nhàn nhã xưa mà còn cả các đám đông nhàn rỗi thời hiện đại.

Người kiểu ngoại tại định hướng, thường bị căn bệnh hưởng ứng kém nhiệt tình, có thể theo đuổi cái trông giống như lòng tôn sùng sự thiếu nỗ lực vươn lên trong nhiều lĩnh vực đời sống. Anh ta có thể hoan nghênh việc nề nếp hóa vai trò kinh tế của anh ta và nề nếp hóa đời sống gia đình anh ta; các công ty ô tô có thể thu hút anh ta bằng cửa sổ tự mở và hệ thống sang số tự động; anh ta có thể rút lui mọi cảm xúc khỏi chính trị. Thế nhưng anh ta không thể xử lý đời sống tình dục của mình theo kiểu này. Dù vô cùng bất an không biết phải chơi trò tình dục *ra sao*, nhưng lại chẳng có mấy hồ nghi việc *có nên* chơi nó hay không. Ngay cả khi đã chán tình dục một cách có ý thức, chúng ta vẫn phải nghe theo sự thúc giục của nó. Do vậy, tình dục đem lại một kiểu phòng vệ trước mối đe dọa thờ ơ với mọi thứ. Đây là một trong những lý do tại sao người kiểu ngoại tại định hướng dồn nhiều háo hức vào tình dục như vậy. Anh ta trông chờ ở nó để cam đoan thêm lần nữa rằng mình vẫn còn đang sống. Người kiểu nội tại định hướng, được con quay hồi chuyển nội tại thúc đẩy và định hướng theo các vấn đề bên ngoài là sản xuất, thì lại không cần đến bằng

chứng này.

Trong khi người tiêu dùng tích trữ kiểu nội tại định hướng có thể theo đuổi các lĩnh vực tích trữ vật chất cứ lùi xa mãi, thì các lĩnh vực này đã mất đi nhiều hấp lực đối với người kiểu ngoại tại định hướng. Như chúng ta đã thấy trong Chương III, người kiểu ngoại tại định hướng từ tấm bé đã bắt đầu biết đường đi nước bước giữa hàng tiêu dùng có sẵn. Cậu ta đi đây đi đó nhiều, cắm trại hay cùng với gia đình. Cậu ta biết rằng xe của người giàu chỉ khác không đáng kể, nếu có, với xe của mình - vấn đề bất quá cũng chỉ là thêm một ít mã lực. Cậu ta biết dù gì thì mẫu năm tới cũng sẽ ngon lành hơn mẫu năm nay. Dù không đến cậu ta cũng biết các hộp đêm là thế nào; vì cậu ta đã xem truyền hình. Trong khi người kiểu nội tại định hướng thiếu thốn thường thèm khát những món sở hữu như một mục tiêu sáng lấp lánh mà đời trưởng thành giàu có cũng không thể làm mờ nhạt đi, người kiểu ngoại tại định hướng hiếm khi quan niệm một thứ hàng tiêu dùng có thể duy trì trong khoảng thời gian nào đó sự thống trị vững chắc của nó đối với trí tưởng tượng của anh ta. Có lẽ chỉ trừ tình dục.

Đó là vì tiêu dùng tình yêu, bất chấp mọi nỗ lực của phương tiện truyền thông đại chúng, vẫn còn khuất mắt công chúng. Nếu ai khác có một chiếc Cadillac mới, người kiểu ngoại tại định hướng sẽ biết chiếc xe đó là thế nào, và anh ta có thể bắt chước để có được trải nghiệm ít nhiều giống như thế. Nhưng nếu ai đó có một người tình mới, anh ta không thể biết điều đó như thế nào. Cadillac đã được dân chủ hóa và đến tay mọi người. Sức lấp lánh của tình dục cũng vậy, trong một chừng mực nào đó: không có sự sản xuất ra hàng loạt những thanh niên đẹp đẽ, ăn mặc chải chuốt, mô hình cạnh tranh tình dục Mỹ không thể tồn tại. Nhưng sự khác biệt giữa Cadillac và bạn tình là ở mức độ bí mật. Và khi nỗi hổ thẹn đạo đức và những cấm kỵ bị mất đi hay bị nhận chìm, nhưng một sự trong sáng vô thức nào đó còn chưa hoàn toàn mất đi, người kiểu ngoại tại định hướng sẽ không có gì bảo vệ mình khỏi nỗi ghen tị của chính mình. Anh ta không có tham vọng phá kỷ lục số lượng của người tiêu dùng tích trữ tình dục kiểu Don Juan,[184] nhưng anh ta cũng không muốn bỏ lỡ, ngày lại ngày, các phẩm chất của sự trải nghiệm mà anh ta tự nhủ là người khác đang hưởng.

Về một mặt thì sự phát triển này là nghịch lý. Vì trong khi sách dạy nấu ăn đã trở thành hấp dẫn hơn cùng với thời ngoại tại định hướng, thì sách về tình dục đã không bằng được như vậy. Các cẩm nang hôn nhân cũ hơn, như sách của Van der Velde (tuy thế vẫn còn nổi tiếng), thở ra một giọng khoái cảm; chúng là du ký về niềm hoan lạc tình ái. Những cuốn mới hơn, bao gồm một số sách giáo dục tình dục trung học, thì đương nhiên là tẻ nhạt, và chú trọng mặt vệ sinh - kiểu như Trường Dạy nấu ăn Boston. Thế nhưng, tuy lớp trẻ có vẻ tiêu thụ tình dục như uống vitamin, đây vẫn còn là một thời đại cạnh tranh, là

một nơi để tìm kiếm ý nghĩa và phản ứng xúc cảm ở đời vốn chưa bao giờ bị áp chế hoàn toàn. Người kiểu ngoại tại định hướng trông chờ ở tình dục không phải để phô trương mà để trắc nghiệm khả năng lôi cuốn của mình, vị trí của mình trong thang "cho điểm-hẹn hò" - và hơn thế nữa, để trải nghiệm đời sống và tình yêu.

Một lý do của sự thay đổi là phụ nữ không còn là những đối tượng cho người tiêu dùng tích trữ nữa mà đã trở thành những người trong nhóm ngang hàng. Người vợ chưa được giải phóng nhiều và các tình nhân thấp kém hơn trong xã hội của đàn ông kiểu nội tại định hướng không thể thật sự thách thức khả năng thể hiện tình dục của anh ta. Ngày nay, hàng triệu phụ nữ, được công nghệ giải phóng khỏi các phận sự gia đình, được công nghệ trao cho nhiều "trợ giúp sự lãng mạn", đã trở thành những người đi tiên phong, cùng với đàn ông, trên lĩnh vực tình dục. Khi họ trở thành những người tiêu thụ am tường, nỗi lo âu của đàn ông sợ mình không thỏa mãn được phụ nữ cũng tăng lên - nhưng đồng thời đây lại là một thử thách nữa thu hút đàn ông mà, theo tính cách của mình, họ muốn được người khác đánh giá. Hơn nữa, chính khả năng phụ nữ hưởng ứng theo cách mà chỉ gái làng chơi thời trước mới phải có, nghĩa là những khác biệt về chất lượng của trải nghiệm tình dục - sự bí ẩn khôn lường - có thể được tìm kiếm đêm này sang đêm khác, và không chỉ trong các chuyến viếng thăm định kỳ một nhân tình hay nhà thổ. Trong khi mô thức ở thời trước thường là biến tình dục thành trò vui, dù trên cấp độ phòng hòa nhạc hay trong *Droll Stories* (Những câu chuyện kỳ quặc) của Balzac, tình dục ngày nay mang quá nhiều sức nặng tâm lý nên không thể nào thực sự là vui vẻ đối với người kiểu ngoại tại định hướng. Bằng một chủ nghĩa khổ hạnh, tình dục vừa trở thành một nhiệm vụ quá lo âu vừa trở thành một ảo tưởng quá thiêng liêng.

Tính cạnh tranh lo lắng này trong địa hạt tình dục có rất ít điểm chung với các mô hình cũ hơn là sự tiến thân trong xã hội. Thật vậy, phụ nữ vẫn dùng tình dục như một phương tiện đạt đến địa vị trong các lĩnh vực mà đàn ông kiểm soát. Nhưng họ có thể làm vậy chủ yếu là trong các ngành vẫn còn cạnh tranh theo các mô thức trước thời độc quyền. Do vậy, cho đến gần đây nhà hát và điện ảnh được *novi homines* (những con người mới) thao túng, nhắc chúng ta nhớ lại những ông chủ nhà máy Anh đầu thế kỷ 19 mà, trước Luật Xưởng máy, đã dựa vào các nhà máy của họ như một hậu cung.[185] Còn Warner, Havighurst và Loeb trong *Who Shall Be Educated?*[186] mô tả các cô giáo có thể vẫn còn hẹn hò ở nhà nghỉ mát để tiến thân trên các thứ bậc tương đối chưa bị quan liêu hóa trong các hệ thống trường học địa phương. Tuy vậy, đây là những trường hợp ngoại lệ; sự tìm kiếm trải nghiệm trên lĩnh vực tình dục, trong thời ngoại tại định hướng, nói chung không có các động cơ bên ngoài.

II. Những thay đổi trong phương thức tiêu thụ văn hóa đại chúng

GIẢI TRÍ NHƯ MỘT CÁCH THÍCH ỨNG THEO NHÓM

Ở Chương IV chúng ta đã thấy thanh niên kiểu nội tại định hướng được chuẩn bị sẵn sàng để rời gia đình và tiến thân như thế nào bởi cả văn chương giáo huấn trực tiếp lẫn tiểu thuyết và các cuốn tiểu sử, đến độ đã mang cho anh ta một cảm nhận về những vai trò có thể có trên các lĩnh vực sản xuất. Trái lại, người kiểu ngoại tại định hướng phải cậy đến một nền văn chương rộng lớn hơn nhằm định hướng cho anh ta ở phía đời sống không liên quan đến kinh tế. Định hướng này cần thiết bởi vì, cùng với sự biến mất gần như hoàn toàn của kiểu truyền thống định hướng, triển vọng học nghệ thuật sống trong nhóm sơ cấp cũng không còn - một triển vọng đã tồn tại dai dẳng ngay cả trong các gia đình di động của thời phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng. Đứa trẻ từ sớm phải trông chờ các chuyên gia truyền thông đại chúng hướng dẫn các thủ thuật tìm phương hướng cho đời mình cũng như cho các mánh lới nhà nghề cụ thể.

Chúng ta có thể lần theo một chuỗi sách báo khai trí đi từ tiểu sử người thành đạt theo kiểu của Samuel Smiles hay Horatio Alger[187] đến cách sách và tạp chí định kỳ đương đại bàn về sự thanh thản đầu óc. Các sách thời đầu trực tiếp lo lắng cho tiến bộ kinh tế xã hội, xem như có thể đạt được nhờ các phẩm chất tốt là cần kiệm, chăm chỉ, vân vân. Thế rồi chúng ta tìm thấy ở Mỹ trong những năm đầu thế kỷ này sự phát triển của phong trào "Tư tưởng mới" mà giờ đây gần như đã bị lãng quên. Như đã được A. Whitney Griswold mô tả, phương châm của phong trào là: "Suy nghĩ về Con đường đến Giàu sang của bạn".[188] Tức là, của cải sẽ phải đạt được không còn bằng hoạt động trong thế giới thực nữa mà bằng sự tự điều khiển, một kiểu tự kỷ ám thị Coué[189] trong kinh tế. Nhưng việc bản thân của cải là một mục đích thì không còn bị tranh cãi nữa.

Từ đó trở đi, văn chương truyền cảm hứng càng ngày càng ít đề cập riêng đến di động kinh tế và xã hội. *Đắc nhân tâm* của Dale Carnegie, viết vào năm 1937, gợi ý các bài rèn luyện tự dẫn dắt không chỉ vì thành công trong kinh doanh mà còn cho các mục tiêu mơ hồ hơn, không liên quan đến công việc ví như được lòng người. Có lẽ không chỉ có sự chuyển đổi từ tình trạng suy thoái sang hết thất nghiệp đã dẫn Carnegie đến chỗ viết *Quẳng gánh lo đi và vui sống* vào năm 1948, trong đó sự tự dẫn dắt không còn nhắm tới một thành tựu xã hội nào đó mà được dùng theo một cách duy ngã luận để điều chỉnh bản thân cho phù hợp với số phận và tình trạng xã hội của mình. Cũng những xu hướng này có thể bắt gặp trong một nhóm lớn nhiều loại báo chí định kỳ có một ban quản trị phối hợp bao gồm các tác giả, với các nhan đề như *Journal of*

Living (Tạp chí Sống), *Your Personality* (Cá tính của bạn), *Your Life* (Đời sống của bạn), làm chứng cho sự thay đổi các con đường tới chỗ di động đi lên và tới chỗ gây thêm nhiều lo âu kích thích độc giả tìm kiếm sự giúp đỡ của chuyên gia. *New York Times Book Review* ngày 24/4/1949, quảng cáo *Calm Yourself* (Hãy bình tĩnh) và *How to Be Happy While Single* (Làm sao để độc thân mà hạnh phúc); cuốn sách sau theo như quảng cáo bàn đến những vấn đề như "ứng xử thế nào với đàn ông trong đời bạn (người hẹn hò nghiêm túc, đồng nghiệp trong văn phòng, bạn bè, những gã say)… xúc tiến các cuộc chuyện trò… rượu chè, chán nản - đúng là về mọi vấn đề chính bạn sẽ gặp phải". Đương nhiên, có nhiều mặt tích cực cho một sự phát triển đã thay thế các mục tiêu cũ hơn, bề ngoài, và thường vô vị như của cải và quyền lực, bằng các mục tiêu bên trong, mới hơn, là hạnh phúc và thanh thản đầu óc, dù dĩ nhiên ta phải luôn hỏi rằng, khi thay đổi bản thân, phải chăng ta chỉ thích nghi theo cuộc đời vốn vậy mà không phản đối hay phê phán.

Tuy nhiên, ở đây tôi không đánh giá các xu thế này mà quan tâm đến việc chỉ ra văn hóa đại chúng được khai thác ra sao không chỉ ở dạng văn chương và những chỉ dẫn giáo huấn hiển nhiên mà còn cả ở dạng hư cấu ngụy trang nhằm các mục đích thích ứng nhóm. Không có gì mới khi quan sát thấy rằng những người không chịu thừa nhận là cần sự giúp đỡ, hay những người thích trộn thêm vào đó chút vui nhộn, coi phim ảnh và các phương tiện truyền thông đại chúng phổ thông khác như những nguồn khai sáng. Trong các nghiên cứu điện ảnh được thực hiện dưới sự bảo trợ của Quỹ Payne 20 năm về trước, có rất nhiều bằng chứng được thu thập liên quan đến việc sử dụng điện ảnh làm mẫu bắt chước ở những thanh niên muốn học cách tạo dáng, ăn mặc và làm tình. Sự kết hợp học hỏi và hứng thú đã rõ trong các trường hợp này, nhất là trong số trẻ xuất thân từ tầng lớp thấp hơn bỗng được đưa ra mặt đối mặt với tình dục và đời sống xa hoa. Tuy vậy, ngày nay, khi mà khán giả đã sành điệu hơn, sự pha trộn các thông điệp cũng trở nên tinh tế hơn.

Từ khảo sát một nhóm tạp chí dành cho phụ nữ *Ladies' Home Journal* (Tập san Gia đình dành cho các Quý bà), *American* (Người Mỹ), *Good Housekeeping* (Quản gia giỏi) và *Mademoiselle* (Quý cô), vào tháng 10/1948, tôi đã kết luận rằng có rất nhiều truyện kể và tranh biếm họa, và dĩ nhiên, có nhiều quảng cáo kém ý nhị hơn nhiều, phần lớn bàn về những cách thức điều khiển cái tôi hòng điều khiển người khác, chủ yếu nhằm đạt được các tài sản vô hình như tình cảm mến mộ. Hai câu chuyện sẽ được nêu ra để minh họa: "The Rebellion of Willy Kepper" (Willy Kepper nổi loạn) của Willard Temple trong *Ladies' Home Journal* và "Let's Go Out Tonight" (Hãy đi chơi với nhau đêm nay) của Lorna Slocombe trong tạp chí *American*.

Cư xử nơi công sở. "Willy Kepper nổi loạn" khác lạ ở chỗ nó bàn đến một hoàn cảnh công việc chứ không phải một hoàn cảnh đời sống gia đình và nhàn

rỗi. Đó là câu chuyện về anh nhân viên bán son, Willy, một thanh niên e thẹn đã tự tiến thân trong xưởng. Có một cô nhân viên văn thư xinh xắn mà Willy muốn tìm hiểu thêm nhưng không biết làm sao để tiếp cận. Lúc đó con trai của một cổ đông vào làm việc trong doanh nghiệp, ngồi ngay vào vị trí mà Willy đã hy vọng mình sẽ được đề bạt, và dành thời gian tiếp xúc với cô thư ký. Willy, vốn trước đây rất hòa nhã, đâm mất bình tĩnh, trở nên cộc cằn gắt gỏng với mọi người trong văn phòng và cửa hàng. Đây là "cuộc nổi loạn" của anh ta. Sự thay đổi tâm trạng này dĩ nhiên bị mọi người nhận ra ngay.

Tuy nhiên, Willy đã tích được một số vốn cảm tình lớn nhờ tính tình vui vẻ hòa đồng trước đây, nên mọi người trong nhà máy, thay vì quay lưng với anh ta, cố tìm hiểu xem rắc rối ở đâu; chuyện chẳng thể nào là lỗi của Willy. Họ khám phá ra là con trai vị cổ đông mới đáng quy tội, và họ quay sang phá bĩnh anh ta - anh ta trượt ngã vào sơn, làm rối beng các đơn đặt hàng, và chẳng mấy chốc hiểu ra nếu muốn làm tốt việc của mình thì phải phụ thuộc vào sự ưa thích của mọi người dành cho mình ra sao. Chính Willy cứu anh ta khỏi thế khó xử tồi tệ nhất với một khách hàng, và sau vài cú va chạm kiểu này anh chàng con trai vị cổ đông quyết định bắt đầu từ vị trí thấp nhất trong nhà máy, để kiếm lấy vốn cảm tình cho mình. Do vậy, con đường đến thăng tiến của Willy lại mở ra. Cuối cùng Willy hỏi con trai vị cổ đông đã dùng chiêu gì với cô nhân viên văn thư. Anh ta khuyên Willy hãy khen đôi mắt cô nàng; cậu ta làm theo và đã hẹn hò được với cô gái.

Có một vài điều hết sức rõ ràng để nói về câu chuyện này. Đầu tiên, dù bối cảnh câu chuyện được đặt trong lĩnh vực sản xuất, nó đề cập đến mục đích bán hàng của một nhà máy vốn là mạng lưới mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau, nơi này sẽ giao sơn cho khách hàng chỉ dựa trên một vận đơn đóng dấu hai chữ "cảm tình". Hoàn cảnh công việc được xem xét theo yếu tố con người và các động cơ phi kinh tế. Không có những vấn đề về sơn, mà chỉ là về con người. Thứ hai, con trai vị cổ đông có khả năng hẹn hò được với cô gái không phải nhờ giàu sang và địa vị mà nhờ sở trường, tức kỹ năng ăn nói của anh ta trong nghệ thuật ngôn ngữ nhàn rỗi. Ngôn ngữ được trình bày như một thứ hàng hóa của người tiêu dùng tự do; hơn nữa, là một hàng hóa mà người tiêu dùng cũng là nhà sản xuất; không có bằng sáng chế hay độc quyền cho dòng sản phẩm. Cuối cùng, chúng ta có một bức chân dung "những người hợp tác đối kháng" cùng giới - Willy và anh con trai - sự kình địch về công việc và bạn gái giữa họ bị dìm đi đến mức họ có thể chỉ vẽ cho nhau cách đạt được cả hai thứ; về một mặt nào đó, họ quan tâm đến sự tán thành lẫn nhau hơn là chiến thắng. Cuối cùng Willy đã lấy lại được tính vui vẻ hòa nhã đã mất còn đối thủ của cậu ta thì từ bỏ cái cao ngạo ban đầu.

Cư xử ở nhà. "Hãy đi chơi với nhau đêm nay" mô tả lĩnh vực tiêu thụ của một thiếu phụ ngoại ô trẻ trung mới học cao đẳng ra. Chồng cô là một nhà

cung cấp tử tế và chung thủy; hai con cô khỏe mạnh; cô có tất cả - trừ sự quan tâm đầy đủ từ ông chồng doanh nhân mệt nhoài. Người chồng về nhà, đọc báo, đi ngủ, thế nên vợ kêu ca với bạn trong cuộc trò chuyện qua điện thoại buổi sáng rằng họ không bao giờ đi đây đi đó và làm gì chung vui nữa cả. Cô hoài niệm những ngày ở trường cao đẳng khi anh tán tỉnh cô và khi cuộc đời sao rực rỡ thế. Cô bèn quyết định quay lại trường cao đẳng để xem phép thuật những ngày ấy là gì vậy.

Khi cô tới căn phòng cũ của mình, cô nhận ra rằng chỉ trong hồi tưởng thì hẹn hò thời cao đẳng của cô mới dễ dàng. Thực ra, cô nhớ lại, cô đã đầu tắt mặt tối lo sắp xếp các buổi tối liên hoan cho anh chồng tương lai, để điều khiển anh tới chỗ hôn cô và cuối cùng cầu hôn. Cô kết luận rằng cô chỉ đang biếng trễ phận sự người nội trợ, cô quay về lòng đầy hiểu biết bao dung với chồng và nhiệt tình cho những điều khiển mới được cải tiến. Bằng cách mua một cái váy mới, dàn xếp với chị gái trông coi đàn con giúp, và bằng các biện pháp tương tự, cô dụ được anh chồng đi nhà hát và đã có thể thuật lại thành công cho bạn nghe qua điện thoại.

Trong thời nội tại định hướng, những câu chuyện có một khuôn định hướng tương tự thường khuyến khích độc giả khao khát các chân trời xa, đánh cược lớn; nhiều câu chuyện như vậy ngày nay làm chúng ta thấy ngạc nhiên vì mang tính thoát ly và đa cảm. Ngược lại, kiểu "chủ nghĩa hiện thực" trong truyện hư cấu trên tạp chí hiện đại không mang tính hướng thượng mà cũng chẳng thoát ly. Trong câu chuyện như "Hãy đi chơi với nhau đêm nay", rất dễ nhận thấy có một sự từ chối thừa nhận rằng có thể có những cuộc hôn nhân dứt khoát tốt hơn cuộc hôn nhân này, với sự lừa dối vụn vặt liên miên. Độc giả của những câu chuyện này không phải bao giờ cũng thấy các lý tưởng và cách sống của mình được tán thành - thật sai lầm khi cho rằng các tạp chí như *Ladies' Home Journal* được biên tập theo công thức đem lại cho "công chúng cái họ cần" - nhưng anh ta hiếm khi được khích lệ có những đòi hỏi lớn lao đối với chính bản thân ở đời. Trong cả hai câu chuyện tôi dùng làm minh họa, giả định được đưa ra là có thể có một cách giải quyết xung đột không kéo theo rủi ro hay khó nhọc mà chỉ cần những thứ hàng hóa - như sự nỗ lực và bao dung giữa các cá nhân - mà người kiểu ngoại tại định hướng đã được chuẩn bị tinh thần để trang bị.

Các lý thuyết "âm mưu" của văn hóa đại chúng là khá cũ kỹ, được gói gọn như trong quan niệm "bánh mì và xiếc".[190] Trong "The Breadline and the Movies" (Điện ảnh và hàng người chờ phát chẩn), Thorstein Veblen trình bày một khái niệm tinh vi hơn, ấy là quần chúng Mỹ hiện đại trả tiền cho tầng lớp thống trị để có đặc quyền hưởng chính các trò tiêu khiển làm họ vui cười thỏa thuê. Những cách nhìn như vậy giả định rằng văn hóa phải là cái gì "ra tấm ra món" hơn là chính nó. Thích ứng nhóm và ảnh hưởng định hướng trong văn

hóa đại chúng đương đại không phục vụ lợi ích của riêng giai cấp nào cả. Thực ra, các áp lực tuân thủ kiểu ngoại tại định hướng có vẻ mạnh nhất trong các giai tầng có học thức cao hơn. Có thể minh họa hình thức của các áp lực này bằng một vài ví dụ.

Hòa hợp nặng nề. Hiệu trưởng một trường nội trú tân tiến ở miền Đông gần đây phát biểu với các bậc phụ huynh như sau:

> *Ban âm nhạc tại trường X muốn mang đến cho tất cả các em một trải nghiệm âm nhạc càng phong phú càng tốt.*
>
> *Chúng tôi tin rằng âm nhạc là một phần cần thiết trong cuộc sống và ảnh hưởng của nó có thể cảm nhận được trong từng giai đoạn sống. Hát và vui chơi cùng nhau có thể đem lại hiểu biết, thiện chí, và tôi thấy hình như thế giới cần nhiều hơn nữa kiểu hòa hợp này.*
>
> *Tại trường X, chúng tôi đã cố đem lại một kiểu tham gia âm nhạc nhất định cho mọi trẻ em và muốn khuyến khích hơn nữa sinh hoạt âm nhạc, nhất là âm nhạc chơi cùng một nhóm trong dàn nhạc.*

Lá thư này không bộc lộ mấy hứng thú âm nhạc theo đúng nghĩa. Nó xem âm nhạc chủ yếu như một cách đưa mọi người lại với nhau ở quy mô địa phương và cả ở tầm quốc tế. Âm nhạc như một cách thoát ly vào trong đời sống sáng tạo cá nhân của ta - một miền trú ẩn riêng tư - sẽ làm nhiều vị đứng đầu trường học ngày nay xem là vị kỷ.

Một đề tài tương tự xuất hiện ở dạng tinh tế hơn trong tiểu thuyết của Helen Howe về đời sống học thuật Harvard, *We Happy Few* (Chúng ta một nhúm hạnh phúc).[191] Nữ nhân vật chính Dorothea bị cô Howe xem là một phụ nữ ích kỷ vì trong chiến tranh đã trốn các phận sự xã hội bằng việc có một cuộc tình và chơi piano nhạc của Bach và Mozart cho một mình mình nghe. Trong tiểu thuyết cô được đưa qua một loạt trải nghiệm thích ứng nhóm làm xẹp đi cái mà tác giả Howe xem là thói trưởng giả ra vẻ trí thức ở cô. Trở thành một hộ lý, cô gặp các hộ lý khác trong giao tiếp xã hội; họ tử tế và tẻ nhạt. Du ngoạn đến Coeur d'Alene để gần con trai đang được đào tạo, cô "nhìn thấy" nước Mỹ: trong mùi hôi thối của phòng vệ sinh nữ, trong nỗi buồn của những cuộc giã biệt trên sân ga, và tính tốt bụng của người dân vùng Trung Tây Hoa Kỳ. Dân thị trấn Coeur d'Alene là một trải nghiệm thích ứng nhóm nữa; cả họ cũng tốt đẹp và tẻ nhạt. Sau cùng Dorothea về lại Cambridge, trở thành một phụ nữ buồn bã hơn và khôn ngoan hơn: niềm kiêu hãnh của cô đã mất, và cô đã nhún nhường học cách say mê những khoảng không rộng mở tuyệt vời cùng những tình cảm cởi mở thường gắn liền với chúng trong bài ca và truyện kể.

Như một biểu tượng về quá trình học hỏi, cô Howe viết rằng Dorothea, khi là một hộ lý phân vân suốt những ngày khổ sở tại bệnh viện, đã học cách thưởng thức Schumann cũng như Bach và Mozart[192] yêu dấu của mình trong các giờ

nghỉ hiếm hoi: "Thị hiếu thẩm mỹ cũng như nhân văn của cô cũng rộng mở thêm - thô sượng hơn, có lẽ, nhưng nồng ấm và bao bọc hơn".

Trích dẫn này gần như không cần bình luận. Thay vì cho phép nữ nhân vật thoát ly hướng thượng hoặc hướng hạ khỏi các mối giao tiếp con người bực bội trong một ngày làm việc của y tá, Dorothea phải xoay trở đi ngang. Cô phải có được các sở thích âm nhạc điều chỉnh theo nhóm, nồng ấm hơn[193] - cô sẽ được tha thứ hơn nữa, chắc chắn như vậy, nếu cô học cách yêu thích Ethelbert Nevin.[194]

Thế nhưng cứ cho là Dorothea cần học nghệ thuật giao tiếp tương tác cá nhân này để có lợi cho công việc hộ lý của cô - có lẽ người bệnh là một trường hợp đặc biệt và rất cần sự nồng ấm kiểu này - thì điều đáng ngạc nhiên là cô phải đưa thái độ hệt như vậy vào khoảng thời gian nhàn rỗi của mình: hoán đổi các vai trò là không được phép. Nhàn rỗi và công việc, như chính Dorothea, phải được dàn trải ra (giả định, dù sai lầm, rằng tính đa cảm của Schumann "nồng ấm hơn") cho đến khi hai thứ này trùng khít lên nhau. Chủ đề của cả hai thứ nhàn rỗi và công việc là thích ứng nhóm.

Điều tôi vừa nói không nên hiểu là một luận chiến ủng hộ sự lạnh lùng chống lại sự nồng ấm, hay là quan điểm chỉ trích các yếu tố chân thực trong mối bận tâm của người ngoại tại định hướng về sự nồng ấm, cả ở bản thân anh ta lẫn ở người khác. Chắc chắn ấy là một bước tiến từ sự dồn nén cảm xúc bắt buộc, từ sự lạnh lùng đáng sợ của nhiều người Mỹ kiểu nội tại định hướng hòng mở rộng tính hòa hợp xã hội đến một sự hưởng ứng rộng khắp hơn và thoải mái hơn.

Thành công cô độc. Trong bàn luận của chúng tôi về truyện tranh, về Tootle, và về "Willy Kepper", chúng ta đã thấy văn hóa đại chúng hiện đại nhấn mạnh các mối nguy cô độc ra sao và ngược lại, nhấn mạnh các ưu điểm của tính quan tâm đến nhóm. Trong một bài báo đầy suy tư, "The Gangster as Tragic Hero" (Tay anh chị là người hùng bi thảm), Robert Warshow đã bàn đến một số phim găngxtơ gần đây theo cách nhìn của mình.[195] Ông lưu ý rằng thành công của tay găngxtơ báo hiệu sự lụn bại không thể tránh khỏi của hắn. Vì nó cắt đứt hắn khỏi nhóm - không chỉ khỏi cộng đồng tuân thủ pháp luật mà cả chính băng nhóm của hắn. Do vậy, ở đỉnh cao thành công hắn sẽ khốn khổ và sợ hãi, chờ bị hạ bệ.

Chúng ta có thể diễn giải điều này như một lời răn về cái sẽ xảy ra nếu ta bỏ đi theo các mục đích riêng của mình. Thành công là tai họa. Theo quy tắc đạo đức của điện ảnh, ta không được phép đồng nhất mình với kẻ thoát ly cô độc; số phận của anh ta đã được hình dung, như số phận của Dorothea trong tiểu thuyết, là một chuỗi những khổ sở và ăn năn. Phim *Body and Soul* (Thể xác và tâm hồn) chỉ ra một bài học tương tự. Nhân vật chính là một cậu trai

Do Thái xuất thân từ Khu Đông trở thành nhà vô địch quyền Anh và dần xa lánh mọi nhóm xung quanh: những người thân trong gia đình và cô bạn gái chung tình; đám tùy tùng tham vọng, tận tâm; dân Do Thái ở Khu Đồng xem cậu ta như một người hùng. Cậu ta đồng ý một số tiền lớn để có trận đấu cuối cùng và đánh cuộc mình thua; sự thất bại của cậu sẽ hoàn tất quá trình cậu thoát hẳn khỏi những nhóm này. Trên đường đi đến trận đấu người ta nói với cậu ta rằng người Do Thái xem cậu ta như một anh hùng, một nhà vô địch trong cuộc chiến đấu chống Hitler. Về lại với "chính mình", cậu ta trở mặt với những tay găngxtơ hậu thuẫn bằng cách thắng trận đấu; và nghèo lại hoàn nghèo, cậu ta trở về nhóm sơ cấp là gia đình, cô bạn gái và người Do Thái.

Thỉnh thoảng xuất hiện một bộ phim hay một cuốn sách đi chệch khỏi công thức này. *Suối nguồn* của Ayn Rand, cuốn sách và bộ phim nổi tiếng, mô tả nhân vật chính là một kiến trúc sư xuất sắc, với tính chính trực mạnh mẽ, đã chống lại áp lực thích ứng nhóm và cuối cùng làm cho bồi thẩm đoàn nhóm ngang hàng phải theo mình. Anh ta quả đã có tất cả: tột đỉnh danh vọng, cô vợ của đối thủ, cái chết của đối thủ. Tuy vậy, điểm nổi bật nhất trong tất cả những điều này lại là bức biếm họa không được dự tính, cả về mặt thích nghi theo nhóm lẫn phản kháng lại nhóm. Nhóm được mô tả không phải bao dung mà ti tiện, phản nghệ thuật và hủ bại. Và sự phản kháng lại nhóm được xem xét trên phương diện tính cao thượng phía nhân vật chính quyết liệt, người muốn phủ nhận bất kỳ mối ràng buộc nào với nhân loại, bất cứ sự phụ thuộc nào. Siêu nhân cho người lớn này thể hiện lòng tôn sùng sự thành đạt đơn độc, có lẽ để thán phục thì được nhưng lại quá cường điệu không thể học theo.

Vả chăng, rất có thể khán giả của Ayn Rand cổ vũ sự phản đối kịch liệt khuynh hướng theo nhóm và phục tùng người khác ấy hoàn toàn không nhận ra các xu hướng của chính họ là quy thuận trong các tình huống nhỏ, không kịch tính trong đời sống hằng ngày. Trong nghĩa đó thì *Suối nguồn* là kẻ thoát ly.

VĨNH BIỆT THOÁT LY?

Cho đến nay, trong các minh họa này, chúng ta ít thấy cái sẽ tương ứng với những cuộc chạy trốn rõ ràng của người kiểu nội tại định hướng. Đúng hơn, chúng ta thấy văn hóa đại chúng được dùng, thường một cách hết sức tuyệt vọng, để huấn luyện tính thích nghi theo nhóm. Cũng cùng cách ấy, chúng ta có thể thấy văn hóa đại chúng được dùng để huấn luyện cho định hướng của người tiêu thụ, vốn là một vấn đề không kém quan trọng hơn (về nhiều mặt đấy cũng là cùng một vấn đề) đối với người kiểu ngoại tại định hướng. Bất chấp vẻ bề ngoài, người kiểu ngoại tại định hướng dường như không thể chạy trốn chính mình hay phí thì giờ bằng cử chỉ phóng tay hoặc sự ruồng bỏ nào. (Lẽ đương nhiên nếu so sánh các mô thức thoát ly bằng rượu chè, chúng ta có thể có được các kết quả phần nào khác đi.)

Người do nội tại định hướng, nếu bị ảnh hưởng Thanh giáo, dĩ nhiên cũng không thể lãng phí thời gian. Thanh niên đi lên từ các tầng lớp thấp hơn tỏ rõ sự gắn bó tận tụy với kiểu nội tại định hướng bằng cách lìa xa đám bạn ham mê rượu chè cá ngựa: anh ta tiếp tục sản xuất một tính cách nội tại định hướng bằng việc thực hành một kiểu làm sổ sách kế toán trong tinh thần, nhờ đó lũ quỷ Hoang Phí và Biếng Nhác bị đánh đuổi thậm tệ. Một người như vậy chẳng có mấy nhàn rỗi, trừ phi anh ta có thể bào chữa điều đó là tự hoàn thiện, và một đời sống không có lấy một phút giây an nhàn nào hẳn phải có nhiều phút giây căng thẳng. Xét theo bề ngoài thì người kiểu ngoại tại định hướng không phải là Thanh giáo; anh ta càng có vẻ ít bận tâm đến chuyện lãng phí; đồ dùng trong nhà của anh ta, cách xử sự và phẩm hạnh của anh ta thảy đều bình thường hơn. Nhưng một nguyên tắc Thanh giáo nhẹ nhàng hơn vẫn còn sót lại trong cách anh ta sử dụng thời gian nhàn rỗi. Anh ta có thể nói, khi đi nghỉ hay kéo dài thêm một kỳ nghỉ cuối tuần, "tôi nợ bản thân điều này" - nhưng "cái tôi" đó gần như một chiếc xe hay một ngôi nhà mà việc sửa sang bảo dưỡng nó phải được duy trì cẩn thận để bán lại. Người kiểu ngoại tại định hướng không có cốt lõi rõ ràng của cái tôi để thoát ly; không có lằn ranh rõ ràng giữa sản xuất và tiêu dùng; giữa thích ứng với nhóm và sự phục vụ các lợi ích riêng; giữa công việc và vui chơi.

Một chỉ số thú vị cho điều này là sự thoái trào của trang phục dạ hội, nhất là ở cánh đàn ông, và trái lại là sự xâm nhập của quần áo thể thao vào công sở. Điều này trông có vẻ như nảy sinh từ thói sùng bái sự thụ động, và dĩ nhiên đàn ông nói "chuyện đó sao mà rắc rối quá" khi phân bua vì sao họ không thay đổi trang phục để dự bữa tối và tiệc đêm. Nhưng giải thích đúng hơn nằm ở thực tế là hầu hết đàn ông ngày nay chỉ là không biết làm sao để đổi vai, nói gì đến đánh dấu sự thay đổi bằng trang phục đúng cách. Một lý do nữa có thể là nỗi e sợ bị nghĩ mình hình thức rởm; họ có thể mặc áo sơ mi lòe loẹt nhưng không phải là áo cổ cứng. Do vậy, áo thun thể thao và quần áo bình thường giản dị cho thấy ta là một anh bạn thân tình không chỉ trên sân gôn hay trong kỳ nghỉ mà còn trong văn phòng và trong bữa ăn tối.

Phụ nữ vẫn còn được phép ăn diện vào buổi tối, có lẽ là một dấu hiệu cho phản ứng lỗi thời của họ trước các mô thức đang thay đổi. Họ để tâm hơn đàn ông đến các kiểu cách tiêu thụ phô trương đang sắp tàn. Tuy vậy, có lẽ họ tận dụng được nhiều ở sự chuyển dịch thực tế từ việc nhà và con cái sang dạ tiệc hơn đàn ông, những người thường tán chuyện công việc lúc làm cũng như lúc chơi: hơn nữa, họ thực sự thích sự thay đổi, kéo theo cánh đàn ông đi cùng mình, những người đáng lẽ sắp vào văn phòng. Tôi đã quan sát thấy rằng những câu chuyện của chị em phụ nữ về trẻ con và chuyện nhà - dù dĩ nhiên không phải lúc nào cũng thế! - thường diễn ra với kỹ năng thành thạo, sự hứng thú và chủ nghĩa hiện thực hơn ở đàn ông vì sự thay đổi vai trò đã nạp

mới năng lượng cho cả công việc lẫn vui chơi.

Cái gì thúc đẩy những người đàn ông đã bị con người và các vấn đề trong ca làm ban ngày bao vây lại thường tìm đến cũng chính đám bạn ấy (hay phản chiếu của nó trong văn hóa đại chúng) ở ca đêm vậy? Có lẽ phần nào đó là nỗi sợ cô độc mà các phim găngxtơ đã điển hình hóa. Nhưng điều đó ắt sẽ dẫn đến căng thẳng. Dù văn hóa đại chúng ở một bình diện nào đó điền lấp vào giữa mọi người để tránh bất kỳ đòi hỏi phải có những bước dò dẫm mào đầu nào trong trò chuyện hay tình dục, nhưng ở bình diện khác, trình diễn văn hóa đại chúng không chỉ đơn thuần là một cách giết thời gian: trong hoàn cảnh nhóm ngang hàng, trình diễn này đòi hỏi nó phải được đánh giá. Thiếu nữ kiểu ngoại tại định hướng đi xem phim với cả nhóm không cần nói chuyện với người khác trong lúc xem nhưng thỉnh thoảng vẫn đối mặt với vấn đề: có nên khóc ở những đoạn buồn hay không? Phản ứng phải phép, cách cư xử sành điệu trước cái đang diễn ra là gì? Quan sát khán giả điện ảnh từ một rạp "thử nghiệm" đối tượng hẹp hay rạp "nghệ thuật" bước ra, đôi khi thấy rõ là họ cảm thấy mình phải có một phản ứng nào đó, nhưng phản ứng thế nào?

Ngược với điều này, người do nội tại định hướng, một mình đọc một cuốn sách, ít chú ý tới việc người khác đang theo dõi mình; hơn nữa, anh ta có thời gian để quay lại với nhịp độ của chính mình, tránh không bị sách vở cuốn đi - quay lại và đeo lên bất kỳ mặt nạ nào anh ta muốn. Trò chơi bài xì phé ở hậu phòng, cùng sự tôn sùng các loại mặt nạ che giấu cảm xúc, thích hợp với thói quen về khoảng cách giao tiếp xã hội của anh ta, thậm chí với nỗi cô độc. Sợ cô độc, người kế tục anh ta cố xoa dịu nó không chỉ trong đám đông của mình mà còn trong các hình ảnh tưởng tượng kia, như một tấm gương, chỉ trả về cho anh ta những mối bận tâm của chính mình.

III. Đối chiếu hai kiểu người

Chúng ta đã hoàn tất việc đối chiếu trực tiếp hai kiểu với nhau; và bây giờ cần phải chỉnh lại cán cân với kiểu ngoại tại định hướng, mà tôi biết, đã thành ra kiểu hạng hai rất dở trong những trang này. Chúng ta khó công bằng hoàn toàn với kiểu ngoại tại định hướng. Chính các thuật ngữ đã gợi ý sự hời hợt và phiến diện khi so với kiểu nội tại định hướng, dù sự định hướng trong cả hai trường hợp đều xuất phát từ bên ngoài và chỉ đơn giản được chủ quan hóa tại một điểm đầu trong vòng đời nội tại định hướng.

Có các nhân tố nằm ngoài vấn đề thuật ngữ có thể dẫn độc giả đến chỗ kết luận rằng kiểu nội tại định hướng thì hay hơn. Dân học thuật và chuyên môn thường quá ư hả dạ khi người ta bảo họ là mấy gã doanh nhân bất nhẫn đó, mấy gã quảng cáo bàn tay niềm nở đó có thủ đoạn điều khiển người khác. Và như chúng ta ai cũng đã biết, doanh nhân và người quảng cáo tự họ lũ lượt kéo đến sân khấu kịch và phim ảnh, những thứ bảo cho họ biết họ là những kẻ tội

lỗi đáng thương làm sao. Dĩ nhiên quả là đặc biệt hả hê khi nhìn xuống các trò vè của Hollywood, phim mùi mẫn nhiều tập, và các hiện tượng văn hóa quần chúng khác.

Vả chăng, người kiểu nội tại định hướng có địa vị cao được gắn với truyền thống Anglo-Saxon và với sự trọng vọng chúng ta dành cho những nhân vật cao niên vẫn còn đầy uy lực. Hơn nữa, người kiểu nội tại định hướng đối mặt các vấn đề không phải là vấn đề của kiểu ngoại tại định hướng, nên họ có vẻ được làm từ các chất liệu cứng rắn hơn và can trường hơn. Vì đã thấy con người thời Victoria quyến rũ, chúng ta cũng có thể chiếu cố kiểu nội tại định hướng, nhất là nếu chúng ta không đích thân chịu đựng các hạn chế của họ, và nhìn lại thời phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng với nỗi hoài niệm có thể hiểu được.

Hơn nữa tôi không muốn bị hiểu rằng nói quan tâm đến "người khác", đến quan hệ con người là sai. Việc chúng ta đủ khả năng quan tâm đến các vấn đề như vậy chính là một trong những sự dư dật quan trọng của xã hội có thành tựu công nghệ tiến bộ. Chúng ta phải hỏi bất kỳ ai phản đối sự điều khiển con người trong công nghiệp hiện đại là anh ta có thích quay lại lối đối xử tàn nhẫn như trong thời đầu cách mạng công nghiệp hay không. Trong thang bậc giá trị của tôi, sự thuyết phục, thậm chí thuyết phục bằng điều khiển, được ưa thích hơn vũ lực. Thực ra, nguy cơ khi ta nói đến "sự mềm mỏng của đám nhân sự" là ta sẽ bị hiểu rằng ta thích sự cứng rắn hơn. Trái lại, một trong những luận điểm chính của cuốn sách này là người do ngoại tại định hướng, như tình trạng hiện nay, đã quá khắt khe với bản thân theo một số cách và rằng những lo âu của anh ta, khi làm đứa trẻ tập sự tiêu dùng, khi làm cha làm mẹ, khi vào vai người làm và người chơi, là rất lớn. Anh ta thường giằng xé giữa ảo tưởng rằng đời sống sẽ phải dễ dàng, nếu như anh ta tìm được cách thích nghi theo nhóm đúng cách, và cảm giác không nói ra là cuộc đời chẳng dễ dàng cho anh ta. Trong tình cảnh ấy, chìa ra cái ảo tưởng đối nghịch rằng kiểu nội tại định hướng lạnh lùng là một lý tưởng, dù đây chính xác là cái mà nhiều người đề nghị, sẽ chỉ làm cho đời sống anh ta tồi tệ hơn mà thôi. Thực ra, chính vì thuộc kiểu ngoại tại định hướng mà anh ta thường quá sốt sắng coi một người có vẻ không khoan nhượng và vững tin nào đó là mẫu mực để anh ta phải giống; chính tính cảm thông và nhạy cảm của anh ta có thể làm hại anh ta.

Thật dễ khi giành chiến thắng miệng trước các thực tiễn nhân sự của Mỹ và văn hóa đại chúng, vì những thói hợm hĩnh kiểu xưa hội tụ ở đây. Do vậy, một chỉ trích về bàn tay niềm nở có thể được thực hiện từ nhiều góc độ, cấp tiến hay phản động. Tuy nhiên, ngữ cảnh mà từ đó tôi viết lại có phần khác - đó là nỗ lực triển khai một quan điểm về xã hội chịu chấp nhận hơn là khước từ các khả năng mới cho sự nhàn rỗi, cho sự cảm thông giữa con người, và sự sung túc. Cả bàn tay niềm nở lẫn cuộc tìm kiếm các bài học thích nghi trong văn

hóa đại chúng tự nó thường là minh chứng sâu sắc cho những khả năng này. Các giá trị của thời bàn tay vô hình đi kèm sự khan hiếm, và do vậy cần giải thích lại trước khi chúng trở nên liên đới đến một thời dư dật. Khả năng thay thế đầy hứa hẹn cho kiểu ngoại tại định hướng, như tôi cố làm rõ ở Phần III, không phải là kiểu nội tại định hướng, mà là tính độc lập.

PHẦN II: CHÍNH TRỊ

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

CHƯƠNG VIII
Các phong cách chính trị kiểu truyền thống định hướng, nội tại định hướng, và ngoại tại định hướng: người dửng dưng, người giáo huấn, người dự đoán nội tình

Có những nước người dân chỉ chấp nhận với chút khó chịu các quyền chính trị do luật pháp đem lại. Làm cho ông ta quan tâm đến những lợi ích chung tưởng đâu như là lấy cắp thời giờ của ông ta vậy… Trái lại, khi mà người Mỹ bị buộc phải lo cho riêng công việc của chính mình thôi, khi đó tưởng như nửa cuộc đời họ bị cướp đoạt mất. Người dân Mỹ khi đó sẽ cảm thấy một sự trống rỗng mênh mông trong cuộc đời mình, và họ sẽ đau khổ không sao tưởng tượng nổi.

Tocqueville, *Nền dân trị Mỹ*[196]

Ở phần này của cuốn sách tôi sẽ chuyển sang một nỗ lực có tính chất khơi mở để áp dụng vào chính trị Mỹ lý thuyết tính cách đã phát triển trong phần trước. Song, trước hết cần chỉ rõ các vấn đề và hạn chế của kiểu tiếp cận chính trị này. Chính đề chung của tôi là tính cách nội tại định hướng đã có chiều hướng và vẫn đang có chiều hướng thể hiện mình trong chính trị theo kiểu "người giáo huấn" (moralizer), trong khi tính cách kiểu ngoại tại định hướng thường thể hiện mình về mặt chính trị theo kiểu một "người dự đoán nội tình" (inside-dopester). Các kiểu này cũng gắn liền với một chuyển biến trong tâm trạng chính trị từ "phẫn nộ" sang "khoan dung", và một thay đổi trong quyết định chính trị từ sự thống trị của một giai cấp cầm quyền sang sự phân tán quyền lực giữa nhiều nhóm áp lực nhỏ đang cạnh tranh. Một số dịch chuyển này có thể nằm trong các yếu tố nguyên nhân của sự xuất hiện kiểu ngoại tại định hướng.

Nói như vậy, tôi phải tức thì đưa ra một số sự dè dặt. Một lần nữa, tôi kêu gọi bạn đọc chú ý đến các hạn chế của tầng lớp xã hội và khu vực giới hạn bức tranh tính cách ở Mỹ mà tôi đã giới thiệu. Hơn nữa, như tôi cũng đã nói, con người thực tế là các kiểu pha trộn, phức tạp và đa dạng - những thứ mảnh vụn và miếng vá - hơn bất kỳ sơ đồ nào có thể bao quát. Ví dụ, họ có thể là kiểu ngoại tại định hướng về tổng thể, nhưng trong lĩnh vực chính trị họ có thể lại là kiểu nội tại định hướng hơn những lĩnh vực khác. Hoặc, người ta có thể hoạt động có hiệu quả trong chính trị - có một phong cách vượt hơn hẳn phong cách của người giáo huấn và phong cách của người dự đoán nội tình - dù nhìn chung ngoài đời họ có vẻ "lạc lõng": chính trị có thể là hoạt động mạnh nhất của họ; hoặc chính trị cũng có thể là một lĩnh vực mà, vì nhiều lý do, họ không thích

hợp bằng các lĩnh vực khác.

Nhưng các vấn đề tính cách này không phải là những yếu tố duy nhất ngăn trở chúng ta giải thích hay tiên đoán hành vi chính trị cụ thể chỉ trên cơ sở tâm lý. Lấy ví dụ duy nhất, tâm trạng khủng hoảng triền miên trong đó chính trị hiện đại nói chung bị đóng khung, và sự thiếu hụt chung về giải pháp thay thế giàu tưởng tượng, có thể đủ, hay gần đủ, để lý giải vì sao người ta không mở mang thêm được các phong cách chính trị mới - nhằm đưa những động cơ thúc đẩy mới vào chính trị và các cách định nghĩa mới về chính trị, dù tính cách họ có thể đã khác.

Điều tra của tôi không đề cập thêm đến người hoạt động chính trị như được định nghĩa theo quan điểm nhà nước hay theo quan điểm của các nhóm, các đảng phái và các giai cấp mà nhà nước được phân chia để có phân tích chính trị chính thức, mà đề cập đến quá trình người ta dần dần can dự vào chính trị, và sự phong cách hóa các tình cảm chính trị tiếp sau đó. Rõ ràng, không thể phân định quá rành mạch đường ranh giữa hai lĩnh vực này; truyền thống lớn của khoa học chính trị hiện đại đi từ Machiavelli và Hobbes[197] đến Tocqueville, và Marx quan tâm đến cả hai. Đây là lý do vì sao, khi nói đến các hệ quả chính trị của tính cách, tôi dùng thuật ngữ của chủ nghĩa ấn tượng là "phong cách".[198] Nếu chính trị là một vở ba lê trên sân khấu mà lịch sử dựng lên thì phong cách không cho chúng ta biết các vũ công từ đâu ra hay họ sẽ di chuyển tới đâu mà chỉ cho biết họ đóng vai của mình như thế nào và khán giả phản ứng ra sao.

Khi tôi đi tiếp, về sau, từ vấn đề phong cách đến vấn đề quyền lực, mối liên hệ giữa cấu trúc tính cách và cấu trúc chính trị sẽ trở nên còn ít thực chất hơn từ "phong cách" hàm ý. Về một mặt, hiển nhiên là nhiều người ngày nay trốn khỏi các thực tại quyền lực mà chạy vào những giải thích tâm lý học về tập tính xã hội để tránh thách thức các niềm tin chính trị hiện đại, hoặc trả về cho chính trị tính dễ lèo lái đáng mong ước bằng cách dựa vào một công cụ phân tích mới. Dẫu vậy, điều hiển nhiên không kém là một chủ nghĩa hiện thực chính trị phớt lờ chiều kích tính cách, phớt lờ mọi người giải thích bố cục quyền lực ra sao trên cơ sở các nhu cầu tâm lý của họ, sẽ chỉ hữu ích trong các luận giải rất ngắn hạn và thậm chí không phải bao giờ cũng có sẵn.

I. Người dửng dưng

PHONG CÁCH CŨ

Cũng như quan điểm mọi thành viên trưởng thành trong cộng đồng phải có liên quan trong hoạch định chính sách của cộng đồng, quan điểm cho rằng sự dửng dưng và thờ ơ chính trị tạo thành những vấn đề cũng mới xuất hiện gần đây. Do đó, trong các xã hội phương Đông cổ đại, nơi chỉ có vương triều cùng một nhóm nhỏ quân sư và quý tộc có quyền tham gia, dân chúng còn lại không thể bị gọi là thờ ơ: họ chỉ là đang say ngủ về chính trị. Cũng giống như vậy, ở

thị quốc Hy Lạp chúng ta có thể nghĩ sự thờ ơ là một vấn đề chỉ tồn tại trong các công dân của họ mà thôi - còn phụ nữ, ngoại kiều và nô lệ đã bị loại trừ khỏi mọi can dự tới lĩnh vực chính trị.

Một số ít ỏi người kiểu truyền thống định hướng ở Mỹ nằm trong số những người dửng dưng chính trị theo kiểu này. Sự dửng dưng của họ là sự dửng dưng cổ điển của đám quần chúng thời Cổ đại hay Trung đại - những người mà, xuyên suốt lịch sử, đã chấp nhận thói bạo ngược của giới cầm quyền, với nỗi hoài nghi cứ đều đặn trở đi trở lại và các cuộc nổi loạn lác đác. Họ không có phương tiện để diễn đạt hùng hồn về mặt chính trị, họ cũng không hề biết điều này có thể bao hàm cái gì. Họ thiếu các công cụ chính trị sơ đẳng là biết đọc biết viết, giáo dục chính trị và kinh nghiệm tổ chức.

Ở Hoa Kỳ ngày nay số người dửng dưng kiểu truyền thống định hướng như vậy rất ít. Có ít "khu bảo tồn" để người ta có thể tránh ảnh hưởng của các giá trị kiểu nội tại định hướng hay ngoại tại định hướng hay cả hai. Song, trong một số nhóm nhập cư và người da đen ở nông thôn, sự dửng dưng kiểu truyền thống định hướng xưa vẫn còn, ít ra cũng trong một mức độ nào đó. Tôi sẽ lấy ví dụ từ bài phỏng vấn[199] một phụ nữ trung niên làm công việc vệ sinh dọn dẹp từ khu vực Tây Ấn của Anh đến, giờ đang sống ở Harlem. Dù bà đã chịu ảnh hưởng nhiều của kiểu nội tại định hướng, các thái độ chính trị của bà (có tính đến phản ứng thận trọng) lại có vẻ đại diện cho vài chủ đề của một sự dửng dưng dựa trên kiểu truyền thống định hướng.

Hỏi: Bà cho mình là người rất quan tâm đến chính trị, không quan tâm lắm, hay gần như không quan tâm?

Đáp: Không hề. Chồng tôi thì có. Ông ấy nói hay lắm. Ông ấy còn biết tranh luận nữa.

Hỏi: Bà có ý kiến về chuyện đang diễn ra không? Ví dụ bà có biết ai mà bà muốn đắc cử không?

Đáp: Không. Tôi tin người giỏi nhất sẽ thắng.

Hỏi: Vậy bà nghĩ ai thắng cũng thế, sẽ không có gì khác biệt?

Đáp: Chẳng khác gì cả. Người giỏi nhất sẽ thắng. Dù gì họ cũng giống nhau cả thôi khi đã trúng rồi. Cũng vậy cả thôi. Họ cũng làm chừng ấy thứ. Một người đảng Cộng hòa trúng, hay một người Dân chủ, họ như nhau cả.

Hỏi: Có bao giờ bà nghe thấy những thứ về chính trị trên đài và chúng làm bà bực tức không?

Đáp: Không, tôi không quan tâm nên tôi chả bực tức.

Hỏi: Có cái gì khác nghe trên đài làm bà bực không - không phải chính trị?

Đáp: Không.

Hỏi: Bà có nghe thấy cái gì làm bà vui mừng không?

Đáp: Không.

Hỏi: Bà nghĩ loại người nào quan tâm đến chính trị?

Đáp: Ồ… Tôi tin là đám giàu có hơn. Dân nghèo lẽ ra cũng quan tâm, nhưng họ chẳng có cơ hội.

Hỏi: Bà có nghĩ là tránh được chiến tranh không?

Đáp: Không. Kinh Thánh dạy rằng người La Mã sẽ đánh nhau. (Cái gì đó đại để như vậy - tôi không hiểu lắm.) Tôi tin bao giờ cũng sẽ có chiến tranh (nói gần như với sự đắc ý, kiểu như người ta thường nói "Bao giờ cũng vẫn sẽ có một nước Anh"). Đời này qua đời khác - Kinh Thánh bảo ta vậy.

Hỏi: Bà có nghĩ chúng ta có thể làm gì đó để tránh suy thoái không?

Đáp: Tôi nghĩ ta có thể làm việc và cố gắng có cái gì đó - nhưng có lúc sẽ khó khăn rồi cũng có lúc tốt đẹp hơn. Và nếu ta có một chút gì đó thì tốt hơn, nhưng kiểu gì ta cũng có thể xoay xở được…

Hỏi: Bà có nghĩ dân ở Washington biết rõ hơn dân nơi khác là sẽ có chiến tranh hay không có chiến tranh không?

Đáp: Chỉ có Chúa trên trời mới biết. Con người không biết đâu. Chúng tôi chỉ mong…

Hỏi: Bà có nghĩ rằng nhìn chung Hoa Kỳ là một nước dân chủ?

Đáp: Tôi xin nói một điều, đây là một đất nước may mắn. Trong tất cả các nước trên thế giới, đất nước này may mắn.

Tiêu biểu cho người dửng dưng kiểu truyền thống định hướng là thái độ coi chính trị là việc của ai khác; với người được phỏng vấn ở trên, chính trị là dành cho chồng bà, cho người giàu có, và rất có thể là cho câu lạc bộ của người da trắng. Độ sâu và tính dai dẳng của các quy ước ủy quyền này đạt đến mức độ là người dửng dưng chính trị kiểu này, dù không được trực tiếp tham gia chính trị, vẫn chẳng có nguyên cớ nào khiến họ cảm thấy hoang mang. Không có ý thức trách nhiệm cá nhân đối với lĩnh vực chính trị, một người như thế không tìm quyền lực, và do vậy hiếm khi cảm thấy thất vọng hay có lỗi về chính trị. Thực vậy, ngoài những chăm lo của "người khôn, người tốt và người giàu" - dùng chữ của Fisher Ames - theo họ trách nhiệm đối với chính trị không phải là của con người, mà của Chúa.

PHONG CÁCH MỚI

Chẳng có gì đáng nói thêm về những người dửng dưng ngày càng hiếm mà

phong cách chính trị của họ tương hợp với một tính cách kiểu truyền thống định hướng, với địa vị giai cấp thấp, sự nghèo khổ và tình trạng thiếu giáo dục chính trị. Quan trọng hơn nhiều là những người dửng dưng không còn là kiểu truyền thống định hướng, đã có được các công cụ chính trị sơ đẳng là biết chữ, một chút năng lực tổ chức, và một chút nhận thức về các lợi ích có thể tận dụng được từ hoạt động chính trị. Đúng là, khi chúng ta tìm hiểu các nỗ lực đưa tổ chức và giáo dục chính trị đến với những người sống ở các vùng nông thôn hay khu ổ chuột thành thị, thì hóa ra điều kiện sống của họ không rèn giũa cho họ các kỹ thuật hay động cơ chính trị (các kỹ thuật đơn giản, sử dụng dễ dàng như điện thoại), vốn được xem là điều đương nhiên trong một số khu vực năng động và có ý thức chính trị thuộc tầng lớp trung lưu. Thế nhưng trong thế kỷ vừa qua (thế kỷ 19), sự phổ cập giáo dục, việc giảm giờ làm và giảm tải, sự lớn mạnh của công đoàn và các hiệp hội ít nhiều chính thức khác, sự tăng kinh nghiệm về các thủ tục và biểu mẫu hành chính chính quyền, dường như đã làm tăng khả năng, nếu không nói là mong muốn, vận động trong lĩnh vực chính trị của các công dân nghèo hơn.

Dẫu vậy, những người này chủ yếu vẫn là dửng dưng với chính trị, dù đó không phải là sự dửng dưng cổ điển, thụ động của người kiểu truyền thống định hướng. Đây phần lớn là sự dửng dưng của những người biết đủ về chính trị để bác bỏ chính trị, biết đủ thông tin chính trị để từ chối thông tin, biết đủ trách nhiệm chính trị của mình với tư cách công dân để tránh trách nhiệm. Chúng ta có thể xếp loại một số người dửng dưng theo phong cách mới này là người kiểu nội tại định hướng hay ngoại tại định hướng nhưng chưa chọn một phong cách chính trị tiêu biểu hơn cho kiểu của họ. Nếu không phải thế, thì họ là những người đang chuyển dịch, về mặt tính cách và xã hội, từ một kiểu tính cách và hoàn cảnh xã hội này sang một kiểu và hoàn cảnh khác: người kiểu truyền thống định hướng bị "nhổ rễ" vẫn chưa thích nghi văn hóa với kiểu nội tại định hướng, người kiểu nội tại định hướng chưa thích nghi văn hóa với kiểu ngoại tại định hướng, và mọi sắc thái xen ở giữa.

Tất nhiên là điều này mang tính suy đoán. Các nhân tố bên ngoài trong bối cảnh chính trị hiện nay thường đủ để giải thích một sự dửng dưng tương tự ở mọi tầng lớp và mọi kiểu tính cách. Rõ là một cá nhân có thể rút lui hoàn toàn khỏi chính trị bởi lẽ bối cảnh khả quan đến nỗi xem ra chẳng cần có hành động can dự nào. Người ta có thể biện luận rằng đời sống Mỹ có thể đủ vừa ý rồi, ngay cả đối với nhiều người trong các tầng lớp có thu nhập thấp, để biện minh cho sự dửng dưng trước các nỗ lực cải thiện chính trị: theo cách hiểu này, vì người Mỹ đủ giàu và đủ phong lưu để được hưởng nhiều thực phẩm hơn, nhiều điện thoại hơn, nhiều chuyến đi hơn so với hầu hết các dân tộc khác, trong sự yên ổn của mình họ có thể có cái quyền xa xỉ là được dửng dưng nhiều hơn về chính trị. Ngược lại, một người có thể rút lui hoàn toàn khỏi chính trị vì bối

cảnh trông rối rắm đến độ hình như chẳng hành động nào là phù hợp hoặc tuyệt vọng đến nỗi không hành động nào có vẻ hứa hẹn; và cả những điều này nữa cũng là cảm nghĩ của nhiều người Mỹ. Không thể có hành động chính trị hay tự thông tin cho mình, được thúc đẩy theo cách nào trong hai cách này, không có nghĩa là sự dửng dưng của cá nhân có dính dáng gì đến tính cách anh ta. Song, một người qua một thời gian dài thường xuyên không có được phản ứng nào rõ rệt trước các kích thích chính trị thì có thể góp phần, hay thực ra cấu thành, một sự triệt thoái cảm xúc, và điều này có thể lan tràn từ chính trị sang các lĩnh vực khác và ngược lại, cùng với các hệ quả cho sự hình thành tính cách.

Để minh họa vấn đề, tôi sẽ dựa vào một loạt phỏng vấn (được Martin và Margy Meyerson thực hiện) trong một thị trấn nhỏ là thủ phủ một hạt thuộc bang Vermont, nơi thế hệ già hơn có vẻ thiên nhiều về kiểu nội tại định hướng, còn thế hệ trẻ hơn đang ngày càng trở thành người kiểu ngoại tại định hướng. Người già trong cộng đồng này bày tỏ thái độ trách nhiệm đối với chính trị. Mặc dù họ không tham gia trên thực tế, họ cảm thấy có can dự tới chính quyền, dù điều đó thường được bộc lộ chỉ trong những than phiền và cảm giác có lỗi. Do vậy, họ nói họ phải tham gia vào chính trị. Khi nhắc đến các sự kiện họ dùng đại từ "tôi": "tôi" nghĩ, "tôi" muốn, "tôi" ghét, vân vân. Họ nói như thể họ có phận sự phán xét những cái xảy ra trong chính trị và dẫn dắt chính trị, cho đến tận cùng khả năng và sức lực họ có được.

Người trẻ tuổi trong thị trấn thì trái lại, mặc dù họ có giáo dục hơn và có các công cụ chính trị sơ đẳng, lại cảm thấy rằng làm chính trị không phải việc của mình. Họ ít than phiền hơn và ít cảm thấy có lỗi hơn. Cả hai kiểu thái độ, vốn có thể liên hệ họ với chính trị, dù không thích hợp lắm, đã bị rút lại. Thay vào đó, họ nhận lấy bất cứ cái gì chính phủ trao cho họ, kể cả quân dịch, với một sự thụ động gần như hoàn toàn.[200] Khi họ nhắc đến chính trị thì gần như không có đại từ "tôi"; đôi khi họ nhắc đến một nhóm "chúng tôi" và nhất là một nhóm "họ". "Xã hội hóa" hơn, hợp tác hơn cha mẹ họ, họ không phản ứng lại với tư cách cá nhân cái xảy ra với mình. Họ đã đi từ sự phẫn nộ của người già hơn đến sự dửng dưng. Rõ ràng, đây không phải là sự dửng dưng của người kiểu truyền thống định hướng. Có lẽ đó là sự dửng dưng của những ai kẹt giữa kiểu nội tại định hướng và kiểu ngoại tại định hướng.

Phong cách chính trị của họ - ngay cả tính cách của họ - có thay đổi không khi đến lượt họ trở thành thế hệ già hơn, không ai nói trước được. Rất có thể, có một vòng đời các phong cách chính trị cho cá nhân, trong đó sự gắn bó đạt được cũng như mất đi khi ta già đi. Dẫu vậy, tôi thiên về ý nghĩ rằng người dửng dưng phong cách mới, ngày nay đã thụ động và cam chịu, sẽ hiếm khi thay đổi thái độ chính trị khi họ già đi - dĩ nhiên, miễn là điều kiện xã hội chung không thay đổi rõ rệt. Các trải nghiệm sống của họ có thể đem lại cho

họ một mức độ năng lực nào đó - nếu giả dụ họ tham gia *Farm Bureau*[201] hay công việc đi lại nhiều của chính trị công đoàn, nhưng ngay cả những thất vọng của họ cũng sẽ được chấp nhận, không bị cưỡng lại. Nếu các suy đoán này là đúng thì chúng ta thấy ở đây bằng chứng của biến đổi lịch sử dài hạn trong phong cách chính trị hơn là bằng chứng cho sự tồn tại của một đoạn trên vòng đời mà trong đó ai cũng có thể là người dửng dưng.

Những người dửng dưng, phong cách cũ và phong cách mới, như tôi định nghĩa, hẳn chiếm hơn đa số trong dân Mỹ. Họ không nhất thiết phải tương đương với người không bỏ phiếu: những người dửng dưng này có thể thực hiện khá nhiều việc lặt vặt hoặc nhàm chán trong chính trị, với một cái giá nào đó hay vì sức ép. Họ cũng không thiếu chính kiến. Thực ra, nếu chúng ta chấp nhận bằng chứng từ các cuộc thăm dò dư luận, hình như sẽ chỉ có khoảng 10% dân chúng hoàn toàn không chịu trả lời các câu hỏi thăm dò, trong khi độ 10% khác đánh vào cột "Không biết". Từ điều này, chúng ta có thể nhận định rằng mọi người trong mọi vùng và tầng lớp xã hội đều có một ý thức về sự ảnh hưởng trực tiếp và dễ dàng trên diễn đàn ý kiến và chính sách, rằng sự tự nguyện có ý kiến và đưa ra ý kiến của họ là một dấu hiệu lành mạnh chính trị. Nhưng xem xét kỹ hơn các thái độ đi kèm quá trình phỏng vấn và thăm dò dư luận thì không chứng minh được nhận định đó. Thực ra, các chính kiến này không liên quan đến tư lợi chính trị trực tiếp cũng như đến các ràng buộc cảm xúc rõ ràng với chính trị. Đúng hơn, chúng giống như trao đổi của nhóm ngang hàng về các sở thích tiêu dùng, dù không như tiêu dùng, các sở thích hiếm khi được đưa vào thị trường chính trị và biến thành mua sắm hàng hóa chính trị. Vì những người dửng dưng không tin rằng bất cứ gì họ làm, biết hay tin có thể giúp họ mua được một gói hàng chính trị sẽ cải thiện một cách cơ bản đời sống họ. Và thế là, tuy thỉnh thoảng chịu sự điều khiển, họ có chiều hướng xem chính trị trong hầu hết các hình thức quy mô lớn của nó như thể họ là khán giả.

Song, vì những người dửng dưng phong cách mới này có giáo dục và năng lực tổ chức, và vì họ không cam kết tinh thần với các nguyên tắc chính trị mà cũng chẳng gắn bó tình cảm với các sự kiện chính trị, họ khá dễ bị gắn chặt vào lực lượng cán bộ nòng cốt cho hành động chính trị - cũng như có thể bị gắn chặt vào một đội quân cơ giới hóa và chuyên môn hóa hiện đại. Người dửng dưng kiểu truyền thống định hướng phong cách cũ, trái lại, không có tiềm năng như vậy; bất quá, họ có thể có hành động rời rạc và ít nhiều tự phát. Tuy nhiên, những người dửng dưng phong cách mới, không gắn bó với sự riêng tư của họ, thứ sẽ làm cho chính trị trở thành kẻ xâm nhập khó chịu, cũng không gắn bó với các nhóm giai cấp của họ, thứ sẽ làm cho chính trị bị hạn hẹp: đúng hơn, như các công dân Vermont trẻ đã mô tả trước đây, họ hòa nhập xã hội, thụ động và hợp tác - dĩ nhiên không chỉ trong chính trị. Lòng

trung thành ở họ vẫn được tự do, nên sẵn sàng để bị bắt giữ bởi bất kỳ phong trào nào có thể xóa bớt nỗi hồ nghi yếm thế thường trực nơi họ hay biết khai thác lòng trung thành ấy. Trong tất cả những khía cạnh này, họ hầu như không dựng bất cứ rào cản nào, ngay cả rào cản về sở thích và cảm nhận riêng của mình, rào cản giữa họ và cộng đồng được tổ chức về mặt chính trị. Rào cản duy nhất là sự thờ ơ của họ.

Tính thờ ơ này cắt hai chiều. Nó tước đoạt ở họ khả năng có lòng nhiệt tình và có can dự chính trị đích thực, nhưng cũng giúp họ khỏi bị rơi vào nhiều chuyện hoang đường chính trị trong quá khứ đã từng huy động dân chúng vào các trò phiêu lưu chính trị. Và trong khi người kiểu truyền thống định hướng thỉnh thoảng có thể bị khích động, vì thiếu kinh nghiệm mà nổi cơn phẫn nộ, và thậm chí thỉnh thoảng còn thèm được nhồi sọ chính trị (giống như khát khao biết đọc biết viết thuộc bất kể loại nào), người dửng dưng hiện đại ở đất nước này đã hình thành được một khả năng miễn dịch chính trị khá cao và thường khá hữu dụng - dù không phải miễn dịch trước các công kích hoài nghi vào "chính trị".

II. Người giáo huấn

Đôi khi người ta gọi tôi là một người theo chủ nghĩa lý tưởng. Vâng, theo cách ấy tôi biết mình là người Mỹ. Nước Mỹ là dân tộc lý tưởng chủ nghĩa duy nhất trên thế giới.

Woodrow Wilson[202]

Phong cách điển hình của người kiểu nội tại định hướng trong chính trị Mỹ thế kỷ 19 là phong cách người giáo huấn. Vì người kiểu nội tại định hướng có động cơ thúc đẩy là công việc và định hướng theo công việc, những tình cảm sâu sắc nhất ở anh ta gói vào trong công việc và trong năng lực để thực hiện công việc, nên khi quay sang chính trị anh ta thấy một lĩnh vực công việc - và đánh giá nó theo cách tương ứng. Được làm quen với một thông điệp chính trị, anh ta thấy ở đó một nhiệm vụ, và không tìm cách chứng tỏ hiểu biết của mình về ý nghĩa của nó ở khía cạnh các cá tính, anh ta hưởng ứng lại với sự bộc trực cảm xúc và thường ngây thơ. (Dĩ nhiên không phải người kiểu nội tại định hướng nào cũng đều nhiệt tình đáp lại chính trị và không phải người nhiệt tình đáp lại nào cũng đều là người giáo huấn.)

Một biến thể của người giáo huấn phóng chiếu vào vũ đài chính trị chiều hướng tính cách của anh ta hướng về tự hoàn thiện: anh ta muốn cải thiện tất cả mọi người và mọi định chế. Những bìa rừng của Phong trào nông dân chống độc quyền (Granger movement) chở che các kiểu như vậy trong phần tư cuối của thế kỷ 19, và có lẽ diễn văn Thập giá Vàng[203] đánh dấu một đỉnh cao giáo huấn nhiệt tình của "dân ngân khố". Nhưng đến khi vấn đề nảy sinh là Mỹ gia nhập Hội Quốc Liên, Wilson được nhiều người xem chỉ là người giáo huấn,

một người lý tưởng chủ nghĩa, không có khả năng thuyết phục cả bạn lẫn thù, và có lẽ cả chính ông hiểu ra rằng ông ý thức được các vấn đề thực tiễn và việc điều khiển con người thế nào. Một biến thể khác của kiểu này thể hiện khả năng giáo huấn của anh ta bởi mong muốn ngăn ngừa cái xấu tái diễn liên tục hơn là mong muốn đạt được cái có thể tốt hơn. Mối quan tâm trấn áp cái xấu chứ không phải khuyến khích cái tốt này được chuyển sang từ cuộc chống chọi cá nhân của anh ta. Cái xấu tự xác định nó hộ anh ta khá dễ dàng và sáng tỏ: ví dụ, thái độ thiếu nghiêm túc đối với công việc là biếng nhác, thái độ thoải mái với lạc thú là trác táng, thái độ hoài nghi về tài sản tư hữu là xã hội chủ nghĩa.

Đàn ông nội tại định hướng, khi tiếp cận chính trị, có khuynh hướng đánh giá thấp các giá trị tính phóng túng thoải mái của mối nối chính trị. Anh ta không trông chờ chính trị định hướng trí tuệ trong một thế giới đầy hoang mang, và nói chung anh ta không thấy nó là một trò chơi để trông chờ các lợi ích con người. Đúng hơn, anh ta quay sang chính trị để bảo vệ các quyền lợi bất di bất dịch của mình, và dù các quyền lợi này thuộc loại "thực tế" hay loại "lý tưởng" thì anh ta cũng ít cảm thấy phân vân, lưỡng lự. Do vậy, chúng ta có thể thấy trong cùng một phe tính cách và thậm chí cùng một phe chính trị một người chủ trương đánh đổi phiếu bầu kiểu "có đi có lại" và một người ủng hộ cấm rượu hoặc người cải cách chế độ lao tù, chỉ miễn là người thuộc loại đầu tiên có chút tâm tư tình cảm đằng sau áp lực chính trị của mình.

Như chúng ta đã thấy khi bàn về cuộc giao tranh tính cách học ở chương đầu, một kiểu tính cách đang thịnh hay đang suy tạo nên tình trạng khác biệt lớn. Người giáo huấn nắm quyền là đại diện của một giai cấp (giai cấp trung lưu "cũ") và một kiểu tính cách (nội tại định hướng) ngự trị vào thế kỷ 19. Người giáo huấn rút lui đại diện cho cũng giai cấp đó và cũng tính cách đó trong sự suy tàn của họ giữa thế kỷ 20.

PHONG CÁCH NGƯỜI GIÁO HUẤN NẮM QUYỀN

Phần nhiều điều chúng ta biết về chính trị Mỹ thế kỷ 19 có thể được xem xét trên khía cạnh tư lợi kiểu nội tại định hướng và giáo huấn kiểu nội tại định hướng. Mặc dù ngày nay chúng ta có chiều hướng nghĩ giáo huấn và tư lợi là những cách tiếp cận chính trị đối nghịch nhau, chỉ có điểm chung ở thói đạo đức giả, nhưng chính cách nhìn này nói lên đôi điều việc chúng ta đã mất đi những sự giản dị chính trị. Vào thế kỷ 19, các thái độ giáo huấn và tư lợi là tương hợp bởi vì, khi so với ngày nay, có ít mâu thuẫn giữa những cảm xúc rõ ràng cảm thấy được và các lợi ích rõ ràng mà người kiểu nội tại định hướng công nhận. *Federalist Papers* (Báo Người ủng hộ chế độ liên bang) có lẽ là ví dụ cổ điển cho điều này. Sự thật là, cùng với sự mở rộng số cử tri, ngày càng khó mà thẳng thắn giống Các vị Công thần sáng lập[204] - như Nicholas Biddle[205] buồn bã nhận ra - và một hệ quả là khuynh hướng tách rời quyền

lợi với đạo đức hay làm nhòa điểm tiếp nối giữa hai thứ đó bằng hệ tư tưởng mơ hồ, mị dân ngày càng tăng lên. Mặc dù vậy, cho đến cuộc Nội chiến, các quyền lợi kinh tế không che giấu thường xuyên xâm nhập vào lĩnh vực chính trị, thành hình trong những cuộc tranh luận kịch liệt về chính sách tài chính, phát triển nội bộ, thuế khóa, và các lợi ích tài sản trong chế độ nô lệ và chế độ chống nô lệ. Cũng vậy, những lợi ích giáo huấn tự bộc lộ khá công khai trong chính quyền các đô thị, trong các tranh luận về độ tuổi đi bầu cử, phổ cập giáo dục và chế độ nô lệ.

Cương lĩnh và chương trình của các công đoàn và Hiệp hội Thợ máy trước Nội chiến minh họa các mô thức liên quan chính trị của thế kỷ 19. Công nhân tự học của các tổ chức này nhiệt tình quan tâm đến các vấn đề công bằng chính trị, pháp lý và kinh tế, và chỉ gián tiếp quan tâm đến công xá và điều kiện làm việc. Những công nhân này là người giáo huấn không ngượng ngùng, họ hăm hở tham gia vào các giá trị giáo dục và tôn giáo của tầng lớp trung lưu. Trên báo chí và trong hội họp, họ nhìn mọi thứ không từ góc độ nghiệp đoàn. (Ngày nay quan điểm như vậy gần như đã biến mất khỏi báo chí và chương trình lao động, chỉ trừ một ít người theo đảng Xã hội thời xưa hay cựu thành viên lãnh đạo trong CIO.[206] Nó không được kế tục bằng một ý thức sắc bén về quyền lợi rõ ràng của người lao động, mà bằng một đường lối lao động được các lãnh đạo công đoàn vạch ra như một ý thức hệ cho đám đông thờ ơ của các thành viên công đoàn danh nghĩa.)

Nói chung báo chí trong thời phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng khích động độc giả đóng vai trò chính trị của họ - cam đoan với họ rằng họ có những vai trò, và rằng chính trị đang hưởng ứng lại việc họ đóng vai trò của mình. Giới báo chí hăm hở duy trì một thiên kiến cá nhân chủ nghĩa, cá nhân chứ không phải cá nhân hóa - bởi nó có thể làm bản mẫu soạn sẵn gửi bưu điện và chuỗi báo chí phát hành cả nước dễ dàng hơn trước thời của hãng thông tấn AP, - và chủ nghĩa cá nhân của báo chí giúp khuyến khích cảm nghĩ ở độc giả rằng quyết định chính trị cá nhân của anh ta luôn quan trọng đối với anh ta và thường hệ trọng cả cho đất nước. Thái độ hoài nghi đối với chính trị nói chung (so với thái độ hoài nghi về dân chủ hay chế độ chính trị đầu não[207] hay hình thức hoặc cách sử dụng chính trị cụ thể khác) gần như xa lạ. Quả thực, có một cảm giác ngự trị trong nhiều giới là thời đại hoàng kim đã gần kề. Các vấn đề chính trị đã xác định của giai đoạn đó cảm giác là có thể kiểm soát được bởi các tín đồ quen thuộc: một ít nhà chuyên môn (các ông chủ và một nhóm nhỏ các viên chức sự nghiệp) và những người nghiệp dư làm việc bán thời gian hay toàn thời gian (các chính khách và người tốt trong chính phủ).

Do vậy, các giới hạn của lĩnh vực chính trị cũng như ý nghĩa của nó là tự thân hiển nhiên với người kiểu nội tại định hướng thế kỷ 19. Hoạt động chính trị không rắc rối khó hiểu hơn công việc xét về mặt động cơ thúc đẩy. Vậy là

có rất nhiều nhiệm vụ chính trị cần làm và rõ ràng bắt buộc dựa trên địa vị giai cấp của mỗi người, vị trí khu vực và đạo lý, rằng mỗi người tích cực hoạt động đều có thể tìm thấy việc làm chính trị đem lại thỏa mãn. Làm chính trị đem lại thỏa mãn vì nhiều vấn đề quả thực cuối cùng có thể vượt qua bằng nhiệt tình của người cải cách: không chỉ quyền bầu cử được mở rộng và giáo dục tự do được phổ biến, mà nhà tù và nhà thương điên cũng phần nào được cải thiện, luật pháp cho nhà máy được đặt ra, vân vân. Có lẽ chỉ bởi vì những thứ này, ít nhất khi được tách bạch riêng rẽ, là những mục tiêu khá hạn chế nên các nhà cải cách mới thành công đến vậy.

Thực ra, đặc trưng tiêu biểu cho người giáo huấn, và có lẽ cho người kiểu nội tại định hướng nói chung, là không nhận thức được các giới hạn gò bó họ áp đặt lên mối quan hệ của họ với lĩnh vực chính trị. Mỗi phong trào cải cách trong thế kỷ 19 đều xoáy mạnh mẽ vào sức lực của bạn hữu và kẻ thù, mặc dù nó không nhất thiết phải sản sinh ra trong nhóm nào một nhận thức chính trị rộng lớn hơn, toàn diện hơn và do vậy hiện thực hơn. Nếu mục tiêu tìm kiếm đã đạt được, dù đó là giải phóng con người hay luật lệ cho ngành hỏa xa, thì sự áp chế của người giáo huấn lên chính trị cũng biến mất trong thành công. Nếu mục tiêu tìm kiếm không thành, như phong trào phụ nữ đã thất bại vào thế kỷ 19, thì các thành viên của nó vẫn là tù nhân của một chiến dịch lớn. Tuy nhiên, ngay cả khi ấy, họ cũng vẫn cảm thấy lĩnh vực chính trị là dễ uốn nắn: thành công sẽ đến, như nó vẫn thường đến cho những nỗ lực phất lên của chính họ, nếu họ làm việc đủ cật lực và có tính cách tốt.

Để kết luận, khi chúng ta nghĩ đến phong cách chính trị của người kiểu nội tại định hướng, chúng ta phải luôn nghĩ đến các lợi ích anh ta đem đến cho lĩnh vực chính trị. Anh ta tham gia không phải vì cảm thấy bắt buộc phải thúc đẩy một đời sống nhóm mang tính hợp tác cao mà vì anh ta có cái gì đó cụ thể bị đem ra đánh cược: một trách nhiệm đối với chính anh ta hay với người khác hay cả hai. Nói chung, và bất chấp sự phân ô khoanh vùng phần nào đó, lĩnh vực chính trị có vai trò thúc đẩy các lợi ích từ địa vị giai cấp của anh ta, từ những tham vọng giai cấp của anh ta, hay đối kháng giai cấp. Vì chính trị được xem như một diễn đàn để thỏa mãn các nhu cầu hơn là vui chơi và thoát ly tâm lý, có cảm giác nó phản ứng lại một cách thụ động trước áp lực từ những nhu cầu này; con người là chủ nhân chính trị của họ. Ngược lại, chính trị không thể và đã không xâm lấn sự riêng tư của một người, vì nó chỉ có thể động đến anh ta chừng nào anh ta cảm thấy chính trị đang đáp ứng lại, hay không chịu đáp ứng lại, áp lực của cái mà anh ta chắc chắn là quyền lợi của mình. Và điều này có lẽ là lý do chính tại sao chính trị vào thế kỷ 19 được xác định tương đối rõ ràng và quả thực thường được định nghĩa quá chi li, bó hẹp so với thế kỷ 20.

Cùng các tiến triển mới, phong cách của người giáo huấn nắm quyền không

còn phù hợp nữa. Chính trị ngày nay không chịu khớp vào ngăn ô thế kỷ 19. Có truyền thông đại chúng sau lưng hậu thuẫn, nó xâm nhập vào sự riêng tư của công dân cùng với tạp âm và các yêu sách. Cuộc xâm nhập này làm tiêu tan các bước chuyển tiếp êm thấm, cũ xưa hơn từ các lợi ích cá nhân sang lợi ích địa phương, địa phương sang quốc gia, và quốc gia sang quốc tế mà nhồi thẳng cá nhân vào những rối rắm chính trị thế giới, nhưng không có ý niệm rõ ràng nào là lợi ích của anh ta nằm ở đâu.

Đồng thời chính trị đã trở nên khó hiểu hơn trong nghĩa đen thuần túy, phần vì nó xâm nhập các lĩnh vực trước đây gần như độc lập như kinh tế học, phần vì phạm vi và sự tương thuộc ngày một tăng của các quyết định chính trị. Chẳng hạn, trong chiến tranh hiện đại mọi người phải hiểu rằng thuế cao hơn là cần thiết, không phải để đáp ứng chi tiêu của chính phủ hay ngay cả tái phân phối thu nhập, mà vì phải giữ cho người tiêu thụ công nghiệp hay tư nhân không chi tiêu quá nhiều và châm thêm lạm phát, và vì chính phủ cần mua các hàng hóa cùng dịch vụ sẽ khan hiếm nếu người dân được để cho còn tiền mua chúng.

Sự không thể hiểu được của chính trị có được đà phát triển không chỉ từ sự phức tạp khách quan tăng lên mà còn từ sự giảm sút trình độ kỹ năng chung, ở một vài khía cạnh, liên quan đến việc hiểu chuyện gì đang diễn ra trong chính trị. Trong khi giáo dục chính quy đã tăng, kiến thức mang lại từ nỗ lực điều hành một nông trại, một cơ sở kinh doanh độc lập hay một cửa hàng, lại giảm cùng sự gia tăng số người lao động; và trong khi số doanh nhân độc lập có thể giảm không đáng kể hay không giảm, thì một tỷ lệ lớn hơn các yếu tố dẫn đến thành công hay thất bại không còn nằm trong tay những người vẫn là doanh nhân kia nữa. Người ta không còn có thể đánh giá công việc và năng lực của người điều hành chính trị hay quản trị chính quyền từ tiêu chuẩn tự tin, thường là quá tự tin, về công việc và năng lực của chính mình nữa.

PHONG CÁCH NGƯỜI GIÁO HUẤN RÚT LUI

Nhiều người giáo huấn thế kỷ 19 đã nhìn chính trị không chỉ theo cách lẫn lộn và gò bó đạo đức mà còn hơi hoang tưởng và tự kỷ nữa. Những người này, tiền thân của kiểu nội tại định hướng hiện đại đã bị mất chỗ, không điều khiển chính trị được bao nhiêu mà lại để cho mình bị dẫn dắt thái quá bởi nỗi sợ hãi của bản thân, nỗi sợ mà họ đã phóng chiếu vào chính trị. Còn cách nào khác để chúng ta lý giải cảm xúc do những chiến dịch bài ngoại lặp đi lặp lại, những cuộc vận động chống lại các dòng tu kín huyền bí như Thiên Chúa giáo, hội Tam Điểm, hội Phi Beta Kappa sinh ra? Một số người Mỹ thường khó thấy được sự khác biệt giữa hiệp hội tình nguyện có nghi thức rắc rối như hội Tam Điểm chẳng hạn, với một âm mưu xã hội và giai cấp. Cũng vậy, cảm giác của những kẻ bảo thủ chính trị rằng thế giới sẽ tận diệt nếu "người đó" được bầu không phải đến nhiệm kỳ thứ hai của Roosevelt mới xuất hiện lần đầu tiên.

Nỗi lo bệnh hoạn kiểu này là kết quả của lòng đố kỵ và hoang mang bắt nguồn từ trong tính cách. Trong khi những người dửng dưng kiểu truyền thống định hướng không cảm thấy bất lực về chính trị hay bị chính trị xâm phạm đời tư, chính nhờ bức màn phân cách họ với thế giới chính trị, thì những người phẫn nộ kiểu nội tại định hướng lại có thể dễ dàng cảm thấy bất lực và bị xâm phạm khi mọi chuyện không suôn sẻ với họ. Như chúng ta đã thấy ở Chương V, đàn ông kiểu nội tại định hướng trở nên dễ tổn thương trước chính mình khi anh ta không đạt được các mục tiêu đã bản thân hóa. Anh ta có thể quên bàn tay vô hình chừng nào còn thành công, nhưng trong thất bại hoang mang anh ta lại tìm cách làm cho nó trở nên hữu hình để còn đánh nó được. Chính trị của anh ta, giống như tính cách anh ta, trở nên *chai sạn* khi sự thiếu thành công để lộ ra và thể hiện sự thiếu hiểu biết không thể nào chấp nhận nổi ở anh ta.

Phần nào chính tình trạng không hiểu đầy hoang mang của người phẫn nộ làm anh ta thấy người thành thị giỏi giang có một vẻ tự tin ngời ngời khó chịu của sự thấu hiểu khi so với anh ta. Anh ta ghen tị với điều này, và đánh giá nó quá cao. Những ông trùm tư bản và luật sư thành thị thế kỷ 19, trong tính cách của mình, hầu như cũng rõ ràng là kiểu nội tại định hướng như địch thủ của họ ở thị trấn và nông thôn. Thế nhưng, sự giao tiếp giữa họ, cũng giống như giữa các vùng và các giai cấp, bao giờ cũng mấp mé tan vỡ.

Ngày nay người ta thường cho rằng, vì khoảng cách trong giáo dục giữa thành thị và nông thôn đã thu hẹp và vì các phương tiện truyền thông đại chúng như radio thu hút cả khán giả nông thôn lẫn thành thị, nên suy ra khoảng cách trong cấu trúc tính cách cũng đã thu hẹp. Có lẽ ở một số nơi trên nước Mỹ thì điều này đã xảy ra. Nhưng tôi nghĩ điều có khả năng xảy ra nhiều hơn chính là khoảng cách giữa dân thành thị kiểu ngoại tại định hướng và dân quê kiểu nội tại định hướng đã gia tăng và rằng các nỗ lực có thiện chí làm giảm khoảng cách thường chỉ làm cho người dân quê cảm thấy đố kỵ hơn và bất an hơn.

Đố kỵ và cảm giác bị mất chỗ - cội nguồn của phong cách chính trị phẫn nộ chai sạn - dĩ nhiên cũng sẽ được thấy trong số dân nông thôn nhập cư vào thành phố, những người chỉ là dân thành thị trên danh nghĩa. Chừng nào những người như vậy, dù là nông thôn hay thành thị, có quyền lực chính trị, thì nỗi khó chịu của họ khi đối mặt với các yếu tố kiểu ngoại tại định hướng trong đời sống Mỹ có thể nguôi đi; họ có thể uốn nắn thế giới của mình và buộc nó trở nên dễ hiểu đối với họ. Nhưng khi ngay cả lối đi tới hiểu biết này cũng bị cắt đứt thì người phẫn nộ chai sạn bất thần bùng lên cơn thịnh nộ bất lực hay dịu đi thành kiểu phản kháng thụ động, thất vọng mà chúng ta đã bình luận trong Chương I liên quan đến các nghiên cứu về thổ dân Mỹ của Erikson.

Một loại người giáo huấn nữa, chúng ta có thể gọi là "người nhiệt tình", còn lâu mới cam chịu thất vọng chính trị. Họ giải quyết các nhiệm vụ cam go nhất

với hy vọng tràn đầy. Ý nghĩa thay đổi của từ ngữ "người nhiệt tình" nói lên nhiều điều về lịch sử các phong cách chính trị. Người nhiệt tình vào thời Cromwell[208] và Nghị viện Dài hạn là những người có chí khí và tầm nhìn, phái Quaker, phái chủ trương bình đẳng mọi mặt hay phái đòi xóa bỏ tư hữu đất đai ở Anh. Nhưng ở Anh thế kỷ 18 "người nhiệt tình" đã bắt đầu mất đi ý nghĩa tôn giáo và lại trở thành một thuật ngữ chế giễu hơn là sợ hãi hay ngưỡng mộ. Có lẽ cũng chính một phần trong sự phát triển ngữ nghĩa kiểu đó đã thêm vào vốn từ thông tục của chúng ta các thuật ngữ khinh thường hay bài bác suồng sã như "do-gooder" (nhà cải thiện xã hội không tưởng), "world improver" (người cải thiện thế giới), "reformer" (nhà cải cách), và "Boy Scout" (hướng đạo sinh): muốn "cải thiện" trong chính trị thì rõ là ngây thơ!

Người nhiệt tình giống người phẫn nộ ở chỗ các cảm xúc chính trị thường lấn át trí thông minh chính trị của anh ta; các cảm xúc dẫn anh ta vào những chiến dịch nông nổi. Nhưng anh ta khác với người phẫn nộ ở tính chất các cảm xúc này: các cảm xúc của anh ta lạc quan và vui vẻ so với sắc thái cảm xúc u ám hơn ở người phẫn nộ.[209] Vào thế kỷ 19 người nhiệt tình hoạt động không ngừng. Nếu bị thách thức, anh ta đã tranh cãi, như anh ta sẽ tranh cãi ngày nay, rằng bao giờ cũng có việc, và cả việc chính trị, cho những bàn tay rảnh rỗi làm. Một lập luận như vậy dựa trên các cảm giác khổ hạnh của nghĩa vụ dấn thân hay dính líu tới chính trị, và cũng dựa trên thiên hướng hoạt động như vậy của người Mỹ - một thiên hướng tồn tại lâu hơn niềm tin vào tiến bộ, vốn đã hợp lý hóa hoạt động không ngừng nghỉ cho nhiều trong số những người kiểu nội tại định hướng ở thế kỷ 19.

Chiến tranh và các thay đổi công nghệ, cũng như chuyển dịch từ kiểu nội tại định hướng sang kiểu ngoại tại định hướng, đã làm cho phong cách giáo huấn, hoặc trong dạng phẫn nộ hoặc trong dạng nhiệt tình, mang tiếng xấu. Nội chiến, tự nó là một thứ thuốc tẩy phức tạp cho sự phẫn nộ đạo đức đi kèm lĩnh vực chính trị trong những năm trước, đã khởi động một quá trình vẫn tiếp diễn từ đó tới nay. Có lẽ những cựu binh ít ỏi còn sống từ Nội chiến vẫn giữ một niềm tin kiên định vào tính chính nghĩa trong sự nghiệp của họ. Các cựu binh Thế chiến thứ nhất ít kiên định về sự nghiệp của mình hơn, dù cũng vẫn kiên định trong những trải nghiệm. Còn các cựu binh Thế chiến thứ hai hiếm khi hé lộ một dấu vết nào của tính chính nghĩa đạo đức trong việc tham gia chính trị hiếm hoi của mình. Những người này "chẳng thù giận ai". Có vẻ như tính từ Nội chiến thì đã có một sự suy giảm tính đa cảm trước các khác biệt chính trị, một sự suy giảm về tính chất dữ dội diễn kịch của vận động tranh cử, và một sự suy giảm về nguồn cơn phẫn nộ và nhiệt tình có sẵn dành cho bất kỳ phía nào của một vấn đề dễ dàng bị giáo huấn.

Đương nhiên, các ví dụ nổi bật nhất cho phong cách phẫn nộ vẫn còn. Những cuộc phá vây của Mencken trong những năm 20 nhắm vào các nhóm xã

hội mà hầu hết trong đó thói giáo huấn quá khích vẫn sẽ còn được tìm ra: dân quê, dân miền Trung Tây Hoa Kỳ, dân Tin Lành thị trấn, người Mỹ gốc châu Á Thái Bình Dương ở miền Nam, các giáo phái ăn ngô và hò hét, các doanh nhân tham gia Hội Tam Điểm. Các nhóm như vậy đã có phần toàn cầu hơn trong những năm gần đây trong khi kiểu ngoại tại định hướng lan tràn, nhưng thế không có nghĩa là các mẫu người cũ hơn đã biến mất.

Song, ngày nay, cũng như kiểu nội tại định hướng trong tính cách phần nào là kết quả của một phong cách chính trị giáo huấn, quá giàu xúc cảm trong chính trị sẽ dẫn đến kiểu ngoại tại định hướng trong tính cách. Nói cách khác, chính chính trị, khi tác động đến đời sống của mọi người, định hình trải nghiệm và sự giải thích của họ, sẽ trở thành một trong những lực lượng hình thành tính cách. Ảnh hưởng qua lại phức tạp này là lý do tại sao, bên trong sơ đồ rộng lớn các kiểu tính cách của chúng ta nối với đường đồ thị dân số, chúng ta sẽ thấy, và sẽ mong thấy, các biến thể quốc gia khác nhau bắt rễ trong các kinh nghiệm lịch sử quốc gia khác nhau. Chẳng hạn, Anh và Mỹ đều là những nước đã tới giai đoạn chớm giảm dân số do công nghiệp hóa, đô thị hóa và phổ biến các biện pháp ngừa thai thay thế cho nguyên tắc Malthus. Nhưng cả hai nước đã gặp phải những khủng hoảng lịch sử quan trọng này, cũng như họ đối mặt với nội chiến, vào các thời kỳ rất khác nhau trong sự phát triển chính trị của mình. Congreve, sống dưới một chế độ cai trị bao dung hậu chiến, rất có thể đã ngạc nhiên vì sự tái diễn của đạo đức giáo huấn ở thời Victoria, khi sự kết hợp của phong trào phục hưng phúc âm với nhịp độ và đời sống chính trị của công nghiệp hóa làm đảo lộn các phong cách chính trị cũ hơn. Cũng vậy, khi xem xét những bất định của lịch sử, sẽ là vội vàng khi tiên đoán rằng phong cách giáo huấn sẽ tàn lụi và rằng không thể nào có phục hưng tôn giáo ở Mỹ. Thực ra, nếu những người có thế lực trở thành người giáo huấn, thì người kiểu ngoại tại định hướng, chính vì anh ta là kiểu ngoại tại định hướng, cũng sẽ tìm cách trở thành một người giáo huấn.

III. Người dự đoán nội tình

Vì tất cả dân Athens và dân ngoại tỉnh ở đó chẳng dành thời gian làm gì khác cả, ngoài để hoặc nói, hoặc nghe cái gì đó mới mẻ.

Thánh Paul

Sự lan rộng kiểu ngoại tại định hướng đã đưa vào khung cảnh chính trị thái độ của người dự đoán nội tình, bắt nguồn không phải ở lĩnh vực công việc mà ở lĩnh vực tiêu thụ. Thái độ này không hẳn là mới, cũng như kiểu ngoại tại định hướng không hoàn toàn mới. Ở đây lại một lần nữa, vấn đề là thay đổi mức độ.

Người kiểu ngoại tại định hướng sở hữu một kho dồi dào các kỹ năng xã hội - những kỹ năng anh ta cần để sống còn và xoay trở trong môi trường xã hội của mình; một số kỹ năng anh ta có thể triển khai ra ở dạng kỹ năng chính trị.

Một trong số đó là khả năng duy trì ngọn lửa cảm xúc, điều anh ta cố hết sức làm vì mô thức sống hợp tác mà anh ta đã nguyện theo. Kỹ năng này liên quan đến nhận thức không thể tránh được của anh ta, vốn không có ở người kiểu nội tại định hướng, rằng trong bất kỳ hoàn cảnh nào thì người cũng quan trọng như sự vật.

Người dự đoán nội tình có thể là người đã kết luận (có lý do chính đáng) rằng bởi vì không thể làm gì để thay đổi chính trị cho nên anh ta chỉ có thể hiểu nó. Hay anh ta có thể thấy mọi vấn đề chính trị theo cách là có thể liên lạc được với một kẻ tay trong nào đó qua điện thoại. Tức là, một số người dự đoán nội tình thực ra khao khát được *ở* trong nội bộ, tham gia vào một nhóm nội bộ hay chế ra một nhóm; số khác thì chẳng nhắm gì cao xa hơn là *biết* nội bộ, để có bất kỳ sự thỏa mãn nhóm ngang hàng nào mà điều này có thể mang lại cho họ.

Người dự đoán nội tình thuộc kiểu nào đi nữa cũng đều có chiều hướng biết rất nhiều về cái người khác đang làm và nghĩ trong các lĩnh vực quan trọng hay "đại sự" của đời sống; anh ta là người thế giới chủ nghĩa hơn là địa phương cục bộ trong chính trị. Nếu anh ta không thể biến cải những người khác đang chi phối quan tâm chính trị của anh ta, xung động tính cách học sẽ dẫn anh ta tới chỗ tự điều khiển mình không phải để thay đổi người khác mà để giống họ. Anh ta sẽ làm đủ mọi cách để mình trông không có vẻ và có cảm giác là người ngoài cuộc thiếu am tường. Không phải người kiểu ngoại tại định hướng nào cũng đều là người dự đoán nội tình, nhưng có lẽ, vì thiếu một khuôn mẫu hoàn thiện hơn, nhiều người trong họ khao khát được như vậy.

Người dự đoán nội tình có năng lực theo cách mà hệ thống trường lớp và truyền thông đại chúng đã dạy anh ta. Ý thức hệ đòi hỏi là, sống trong một môi trường bão hòa chính trị, anh ta phải biết tường tận thực tế chính trị nhiều tương đương như biết tường tận thực tế trong các lĩnh vực giải trí khác, ví dụ như thể thao.

Đa số người dự đoán nội tình không tham gia tích cực vào chính trị, nhưng có những người làm vậy. Do đó, chúng ta sẽ thấy nhiều quan chức chính phủ và đảng phái xử lý các tin tức chính trị theo cách mà công việc của họ khuyến khích, trong các mẩu chuyện phiếm ở văn phòng. Có những ký giả và phát thanh viên chính trị, sau một thời gian dài huấn luyện, đã loại trừ được mọi phản ứng tâm lý đối với chính trị và tự lấy làm tự hào là đã đạt được mục tiêu của người dự đoán nội tình: không bao giờ để bất kỳ người nào, lý do nào hay sự kiện nào lừa phỉnh. Mặt khác, một số người dùng tin nội bộ, nhất là các phần tử chịu ảnh hưởng của thuyết trung ương tập quyền Stalin, trong nhiều biến tướng khác nhau, có vẻ rơi vào số những người phẫn nộ chính trị. Thường xuyên, họ dùng hiểu biết nội bộ của mình chỉ như một phương tiện để nổi giận trước các lạm dụng chính trị Mỹ: họ dễ bị kích động quá mức trước những bằng

chứng phân biệt chủng tộc, hành động tàn bạo của cảnh sát, mưu mẹo đoàn thể, vân vân. Lập trường chính trị này trở nên *có tính bắt buộc* trong một số nhóm; trong các giới này tuân thủ theo nhóm không dẫn đến bao dung và tiêu thụ chính trị mà đến phẫn nộ và hành động chính trị. Điều có vẻ nghịch lý này có thể dùng như một lời nhắc rằng, tôi nói đến kiểu ngoại tại định hướng về mặt các mô thức tuân thủ và hưởng ứng trước người khác, chứ không nói về mặt ý thức hệ và nội dung hành vi của phản ứng đó. Thường thường, sẽ có tính tương hợp giữa cơ chế tuân thủ với các giá trị và thực tại mà ta cố tuân theo, nhưng đây chỉ là một chiều hướng và có nhiều trường hợp, như trường hợp này, khi kiểu ngoại tại định hướng thành công sẽ dẫn đến hành vi khuyến khích kiểu nội tại định hướng (chúng ta sẽ gặp các ví dụ khác trong Chương XV).

BẢNG KẾT TOÁN TIN NỘI BỘ

Vào thời mình cầm quyền, người giáo huấn kiểu nội tại định hướng hết sức tự tin vào tính liên tục của cấu trúc xã hội - khái niệm bàn tay vô hình tượng trưng cho điều này - ngay cả khi và có lẽ nhất là khi anh ta không hiểu nó vận hành ra sao. Trái lại, người dự đoán nội tình biết quá nhiều về chính trị nên không dễ dàng thoải mái, nhưng vẫn còn là biết quá ít để đánh giá được các cơ hội thay đổi hữu dụng cho anh ta. Vì hiểu biết của anh ta bị cản trở bởi mối bận tâm phải phân loại thật kỹ càng các sự kiện được phân phát ra như chuyện nội bộ, hay được làm cho hấp dẫn hơn bằng việc đóng dấu công bố đấy là tin nội bộ hay tin mật. Bận tâm chuyện làm sao cho "đúng", sợ bị lừa phỉnh, hay sợ bị nghĩ là có lỗi vì mơ tưởng (điều này anh ta đánh đồng với bất kỳ chuyện đưa tình cảm con người vào các phán đoán của anh ta), người dự đoán nội tình tước mất của mình một trong những tiêu chuẩn tốt nhất mà anh ta có thể tích cực dùng để kiểm soát trải nghiệm riêng, ấy là các phản ứng của anh ta như một người tham gia nhạy cảm vào đời sống chính trị thời mình. Không chỉ việc rút tình cảm trung thành khỏi bối cảnh chính trị khiến anh ta thấy chính trị quá phức tạp và khó lèo lái - mà chính trị khiến anh ta thấy như vậy phần nào chính vì anh ta đã rút lui.[210]

Vả chăng, để theo kịp nhánh chính trị của liên minh người tiêu dùng, người dự đoán nội tình phải chuẩn bị tinh thần cho những thay đổi nhanh chóng của dòng sản phẩm. Ở khía cạnh này anh ta giống như người đàm phán mà chúng ta đã bàn lúc trước, tốt hơn cả là đem về được thiện chí nếu anh ta vẫn còn mơ hồ và chưa thúc ép các quyền hợp pháp của mình trong vấn đề cụ thể; người dự đoán nội tình có thể dễ dàng đổi ý hơn nếu anh ta đã mất khả năng của người giáo huấn là gắn các sự kiện chính trị vào anh ta và các quyền lợi thiết thực của anh ta. Có lẽ đó là lý do vì sao chân dung người dự đoán nội tình là một viên chức, trong *Anna Karenina* (hình tượng Stepan Arkadyevitch Oblonsky như được trích dẫn trong Chương I), Bilibin trong *Chiến tranh và Hòa*

bình, và Ivan Ilyitch trong truyện ngắn "Cái chết của Ivan Ilyitch" của Tolstoy - tại sao những người Nga thế kỷ 19 này, hòa hợp theo phương tiện truyền thông kiểu giai tầng của triều đình, dưới những tên gọi kỳ lạ của mình lại có vẻ rất hiện đại như vậy.

Có bằng chứng cho thấy là ở Mỹ sự dao động quan điểm liên tục sẽ chủ yếu bị bắt gặp trong các nhóm có giáo dục tốt hơn, mà trong đó chúng ta còn tưởng sẽ bắt gặp người dự đoán nội tình. Do vậy, khảo sát hết sức thú vị thực hiện tại Ban Quan hệ Xã hội thuộc Đại học Harvard về các thái độ đối với nước Nga đã cung cấp bằng chứng rằng quan điểm của tầng lớp trung lưu về nước Nga đã dao động rộng hơn nhiều so với quan điểm của tầng lớp thấp hơn, bao giờ cũng thù địch và hoài nghi. Đối với tầng lớp trung lưu, Nga đã trở thành một đồng minh thời chiến, và trong một thời gian, là một người bạn thời hậu chiến; điều này được nối tiếp bằng sự thù địch gay gắt. Các khảo cứu khác cũng cho thấy điều tương tự liên quan đến chủ nghĩa biệt lập và chiến tranh. Về tất cả những vấn đề này, các tầng lớp trung lưu, bị mắc kẹt trong chính trị, và nhìn chung dễ bị ảnh hưởng theo cung cách truyền thông đại chúng trình bày các sự kiện, có thể dõi theo một sự thay đổi tín hiệu liên tục hơn nhiều so với các tầng lớp thấp hơn.

Thực ra, chính trị phục vụ người dự đoán nội tình chủ yếu như một phương tiện để tuân thủ theo nhóm. Anh ta phải có những quan điểm chấp nhận được, và khi dấn thân vào chính trị thì anh ta phải làm vậy theo những cách thức chấp nhận được. Trong tầng lớp thượng lưu, như trong các nhóm cấp tiến, ảnh hưởng của phong cách giáo huấn vẫn còn mạnh, và nhiều người đặt định ra các mô thức văn hóa vẫn tiếp tục với một ý thức hệ trách nhiệm chính trị; họ cư xử như thể chính trị là một lĩnh vực đầy ý nghĩa đối với họ. Sinh viên cao đẳng hay người chuyên môn trẻ tuổi hay doanh nhân thuộc giai tầng trung lưu lớp trên có thể chọn chính trị như anh ta chọn gôn hay bất kỳ sở thích riêng nào khác chấp nhận được: đó là làm tròn vai trò chính trị và ngoài ra nó là trò vui, là vụ kinh doanh tốt, và một cách để gặp gỡ những con người thú vị. Dĩ nhiên, tình cờ là những người đi vào chính trị, ở mức độ này hay mức độ khác, có các động cơ dự đoán nội tình, có thể thấy mình trở nên liên can về cảm xúc, và ở lại với chính trị vì các lý do hoàn toàn khác. Có lẽ thường hơn cả là những người dự đoán nội tình dùng kinh nghiệm chính trị để biện minh cho bệnh thiếu máu cảm xúc của mình, dựa vào sự am tường nội tình của mình để khinh thị những kẻ nào trở nên phấn khích.

Những người dự đoán nội tình thuộc giai tầng trung lưu lớp trên này nên được đưa ra đối chiếu với những người ta thấy trong các thị trấn và vùng nông thôn dễ dàng được tiếp cận với các quan chức ở địa phương họ và thậm chí ở cấp nhà nước. Trong các thị trấn, khoảng cách xã hội giữa người có ảnh hưởng chính trị và người không có ảnh hưởng không lớn, và trong bộ máy chính

quyền có rất ít thứ mù mờ - đường dây điện thoại đảng phái mà ai cũng lắng nghe có thể được xem là tượng trưng cho thực tế này. Dù bình thường những người này có thể dồn khá nhiều phẫn nộ lên các vấn đề địa phương, tình hình không phải bao giờ cũng vậy; nên chúng ta sẽ thấy dân thị trấn và nông thôn thỉnh thoảng đưa vào chính trị phong cách thế giới của các kiểu ngoại tại định hướng, để mô phỏng thật giống người dự đoán nội tình ở thành thị.[211]

Thực ra thì sự khác biệt giữa người dự đoán nội tình và người dửng dưng thường khó vạch ra. Điều này có thể coi như một minh họa khác cho luận điểm đã nói ở trên, rằng có các tương đồng thấy rõ giữa kiểu truyền thống định hướng và kiểu bên ngoài định hướng. Cả hai nhóm đều cảm thấy bất lực trước chính trị, và cả hai đều đã dùng đến đủ thứ thuyết định mệnh mà người giáo huấn kiểu nội tại định hướng thường lạnh lùng bác bỏ. Tuy vậy, có những khác biệt quan trọng. Người dự đoán nội tình, không như người dửng dưng, phụ thuộc vào một nhóm ngang hàng trong đó chính trị là thứ hàng tiêu dùng quan trọng và trong đó thái độ đúng - tức là lãnh đạm - về tiêu thụ của ta cũng quan trọng tương đương. Người dửng dưng phong cách mới có thể chấp nhận chính trị hay để mặc nó, trong khi người dự đoán nội tình ràng buộc với chính trị bằng các động cơ hầu như không kém hấp dẫn so với các động cơ của người giáo huấn.

Người dự đoán nội tình đem vào chính trị một kiểu hiện thực chủ nghĩa nào đó mà người giáo huấn thường thiếu. Ý niệm vượt lên trên cái không thể tránh được chưa hề nảy sinh cho người dự đoán nội tình. Là khán giả, cũng như người điều hành, anh ta hình dung rất rõ các giới hạn là gì; anh ta không đặt tầm nhìn quá cao. Người kiểu ngoại tại định hướng mang cái mà về cơ bản là các kỹ năng chính trị vào nhiều lĩnh vực nằm ngoài khoa học chính trị chính thức theo như định nghĩa của người giáo huấn - chẳng hạn, vào lĩnh vực quy hoạch đô thị và các quan hệ quản lý lao động. Hơn nữa, ngược với những đơn giản hóa thái quá của nhiều người giáo huấn, người dự đoán nội tình đưa vào một đội chuyên gia hiểu biết hơn nhiều so với những người phẫn nộ và người nhiệt tình đảng phái, vốn thường hạn hẹp ngay cả ở thời họ cầm quyền, huống hồ đến thời họ suy yếu. Nhiều người, không chỉ các chuyên gia, đã trở nên quen suy nghĩ trên bình diện chính trị thế giới và bình diện xuyên văn hóa, tất cả những thứ khó mà tìm thấy được trong các thuyết vị chủng - hay các chủ nghĩa lý tưởng thế giới đại đồng - ngay cả ở một thế hệ trước. Vào thế kỷ 19, hầu hết các luận bàn báo chí về chính trị quốc tế dựa vào những khẩu hiệu địa phương chủ nghĩa như "danh dự quốc gia" - trong trường hợp của Mason và Slidell[212] chẳng hạn, hay *Maine*[213]. Thế nhưng ngày nay, phương tiện truyền thông đại chúng, dù có nhiều ngoại lệ, có vẻ như bàn về chính trị thế giới trên bình diện đã được chiến tranh tâm lý làm cho quen thuộc, còn các sự kiện thì được giải thích theo ảnh hưởng của chúng đối với sự tuyên truyền của

bên này hay bên kia. Công chúng thường được kêu gọi ủng hộ một chính sách bởi vì sự ủng hộ đó, theo kiểu một hành vi thăng bằng tự dẫn dắt, sẽ tác động đến công luận; các lập luận như vậy chỉ có thể thực hiện nhờ hiểu biết đã được nâng cao của các lực lượng tâm lý trong chính trị, ở một thời ngày càng phụ thuộc vào kiểu ngoại tại định hướng.

Một số người có thể thấy cuộc thảo luận hiện nay về "lối sống" của chúng ta gợi nhớ các thảo luận về danh dự quốc gia. Nhưng sự đổi mới không chỉ đơn thuần là đổi mới cách diễn đạt. "Danh dự quốc gia" có thể là một cụm từ đạo đức giả để che đậy các quyền lợi giai cấp rành rành như đã dẫn đến việc chúng ta xâm lược Haiti, hay nó có thể được gộp chung với nhiều kiểu bài ngoại khác nhau của thế kỷ 19. Thế nhưng dù nội dung của cụm từ có mơ hồ thế nào đi nữa thì cái nó đòi hỏi ở kẻ thù dân tộc lại hoàn toàn rõ ràng. "Lối sống của chúng ta", trái lại, có nhiều nghĩa tâm lý rộng hơn; nó khá cụ thể trong nội dung quốc nội nhưng rất mù mờ ở chỗ các hệ quả của khẩu hiệu này trong chính sách đối ngoại là gì, hay cần là gì. "Danh dự quốc gia" đôi khi bó buộc chính sách đối ngoại của chúng ta bằng cách xây dựng một vị trí đầu cầu đạo đức mà chúng ta không sẵn lòng, cũng chưa được chuẩn bị tâm lý để bảo vệ. Trái lại, "lối sống của chúng ta" gần như không đem lại hướng dẫn đạo đức nào cho chính sách đối ngoại, do vậy, nó dường như bị bỏ lại cho *Chính sách thực dụng*. Tuy nhiên, cũng chỉ dường như thôi. Vì cũng như cụm từ "danh dự quốc gia" gợi nhớ một dạng đạo đức giả thời Victoria, nên cụm từ "lối sống của chúng ta" gợi chúng ta nhớ lại rằng người kiểu ngoại tại định hướng giấu chính mình cũng như người khác cái đạo lý mà anh ta có được bằng cách trốn trong các cân nhắc có vẻ thiết thực. Một cựu chiến binh trẻ được Trung tâm Nghiên cứu Khảo sát Đại học Michigan phỏng vấn năm 1947, khi được hỏi theo anh ta Hoa Kỳ đã nhượng bộ hay làm theo ý mình ở Liên Hợp Quốc, đã đáp:

> *Điều này nghe sẽ có vẻ buồn cười, nhưng tôi nghĩ chúng ta đang làm theo ý mình quá lố. (Sao anh nói vậy? Người ta hỏi anh ta.) Vì chúng ta không muốn các quốc gia khác cảm thấy rằng chúng ta đang cố tiếp quản xứ họ. Họ biết rằng Nga muốn thế và tôi nghĩ ấy là lý do có lắm tranh cãi như vậy. Nhưng nếu họ cảm thấy chúng ta đang cố thâu tóm, họ sẽ không tin cậy chúng ta nữa và rồi chúng ta sẽ không thể giật dây cả chương trình này, mà đấy là điều tôi nghĩ chúng ta nên làm. Thế nên khi chúng ta không có được cái mình muốn mà các tít báo lại kêu rằng chúng ta đã bị đánh bại ở việc gì đó, tôi nghĩ như thế thật hay vì nó khiến các nước khác cảm thấy chúng ta cũng giống họ thôi và rằng chúng ta cũng đang có rắc rối. Điều đó sẽ làm họ đồng cảm với chúng ta và thân thiện hơn.*[214]

Hiểu biết tâm lý đến như vậy thể hiện một tiến bộ thực sự. Người giáo huấn bình thường sẽ không thể có những ý nhị như vậy, hay quan tâm đến những

điều ý nhị đó.

Nhiều câu hỏi quan trọng vẫn còn lại. Tại sao có quá nhiều nhóm ngang hàng trong đó hoạt động kiểu ngoại tại định hướng tiếp tục đưa chính trị lên thực đơn của họ, và tại sao xu thế đó lại không thay thế cái gì khác, ví dụ như tôn giáo, như nó đã làm vậy với nhiều trí thức? Cái hẳn làm chúng ta ngạc nhiên ở Mỹ không phải là số người dửng dưng mà là tại sao họ không đông hơn nữa, tại sao mọi người vẫn còn nấn ná với tư cách người giáo huấn và tìm cách moi tin tức như người dự đoán nội tình. Tôi gợi ý như lời giải thích một phần nào rằng phương tiện truyền thông đại chúng giữ một vai trò phức tạp trong việc huấn luyện và duy trì người (có tính cách thích hợp) trong cả hai phong cách sau này. Phương tiện truyền thông đại chúng đồng thời vừa là người mang thông tin liên tục và hướng dẫn khoan dung cho những người dự đoán nội tình tương lai, vừa là người hướng dẫn và kích thích sự phẫn nộ cho người giáo huấn tương lai.

CHƯƠNG IX
Thuyết phục chính trị: phẫn nộ và khoan dung

Siêu thị nào "đem lại cho người mua hàng các giá trị tâm lý tinh tế sẽ có cơ hội tốt hơn để xây dựng một mạng khách hàng ủng hộ sinh lợi hơn siêu thị nào chỉ phụ thuộc vào giá rẻ và hàng hóa phẩm chất tốt, G.L Clements, Phó chủ tịch, Tổng giám đốc chuỗi Cửa hàng Thực phẩm Jewel ở Chicago, hôm nay đã khẳng định ở đây…

Khi xác định làm thế nào để đem lại "các giá trị tâm lý" hấp dẫn khách hàng, ông Clements cho rằng doanh nghiệp nên tìm cách phát triển "chính những phẩm chất chúng ta ưa thích ở bạn bè mình". Ông chỉ ra các phẩm chất này như sự sạch sẽ, vẻ ngoài hợp thời, phóng khoáng, lịch sự, trung thực, kiên nhẫn, chân thật, đồng cảm và tốt bụng. Ông nói: Mỗi người điều hành cửa hàng nên tự hỏi liệu cửa hàng của mình có những đặc điểm này hay không…

Ông Clements khẳng định khi tìm cách hiểu các sức mạnh tâm lý thúc đẩy khách hàng, "chúng ta có thể bắt đầu bằng cách hỏi: 'Người ta có thực sự biết mình muốn gì không?'" "Câu trả lời cho câu hỏi này chỉ ra rằng thiên hạ không biết cái họ 'muốn', ông Clements nói. Nhưng họ lại biết cái họ "thích hay không thích", ông khẳng định…

Trích báo cáo hội Nghị thường niên lần thứ 12 của Viện Siêu thị.

New York Herald Tribune, ngày 10/5/1949

Người giáo huấn kiểu nội tại định hướng đưa vào chính trị một thái độ bắt nguồn từ lĩnh vực sản xuất. Người dự đoán nội tình kiểu ngoại tại định hướng đem vào chính trị một thái độ bắt nguồn từ lĩnh vực tiêu thụ. Chính trị phải được đánh giá về mặt các sở thích của người tiêu thụ. Chính trị gia là người càng hấp dẫn càng tốt. Hơn nữa, khi mô phỏng thương trường, chính trị trở thành một lĩnh vực mà cung cách và tâm trạng làm việc cũng vô cùng quan trọng như việc được làm. Điều này tương ứng với khuynh hướng của người kiểu ngoại tại định hướng là nhấn mạnh vào phương tiện, giảm nhẹ ở mục đích hơn là người kiểu nội tại định hướng.

Phương tiện truyền thông đại chúng có lẽ là các kênh quan trọng nhất đứng giữa các diễn viên kiểu ngoại tại định hướng và khán giả của họ trên sân khấu chính trị. Truyền thông phê bình các diễn viên và buổi biểu diễn nói chung, vừa trực tiếp vừa gián tiếp tập cho khán giả các kỹ thuật tiêu thụ chính trị. Truyền thông huấn luyện trực tiếp là phương tiện mang tính chính trị công khai, ví dụ như các hậu duệ ngày nay của *Springfield Republican* hay *New York Tribune* và một số ít ỏi báo thời xưa, có những người viết xã luận giáo huấn kiểu nội tại định hướng. Lớn hơn nhiều và có ảnh hưởng hơn nhiều là truyền

thông huấn luyện gián tiếp: các phương tiện này bao gồm cả phạm vi văn hóa đại chúng hiện đại từ truyện tranh đến truyền hình. Chúng chiếm lĩnh việc sử dụng thời gian nhàn rỗi trong mọi tầng lớp Mỹ trừ tầng tít trên cùng và có lẽ cả tầng tận đáy; ảnh hưởng của chúng là rất lớn trong việc tạo ra các phong cách phản ứng tương hợp với kiểu ngoại tại định hướng.

Mặc dù mô thức của ảnh hưởng này phức tạp nhưng cũng có thể gói gọn trong ba khái quát hóa mang tính thăm dò.

Thứ nhất, vì văn hóa đại chúng trong cốt lõi là một chuyên gia về tiêu thụ, nó chỉ cho người kiểu ngoại tại định hướng tiêu thụ chính trị và xem chính trị, thông tin chính trị, thái độ chính trị như hàng tiêu dùng. Những thứ này là các sản phẩm, trò chơi, thú tiêu khiển, giải trí; còn anh ta là người mua, người chơi, khán giả hay người quan sát lúc nhàn rỗi.

Thứ hai, truyền thông, bằng chính khả năng nhạy cảm trước áp lực, có quyền lợi ở sự khoan dung. Nhưng ngay cả ở nơi truyền thông là kẻ có ý định giáo huấn, thì tâm trạng của khán giả nhóm ngang hàng cũng sẽ làm cho thông điệp phẫn nộ được đón nhận theo cách không phẫn nộ. Hơn nữa, thái độ này của cử tọa sẽ dẫn đến sự chú trọng không phải vào nội dung mà truyền thông nói mà vào "sự chân thật" ở trình bày. Sự chú trọng vào tính chân thật này, cả trong văn hóa đại chúng lẫn trong chính trị, dẫn cử tọa đến chỗ khoan dung bỏ quá cho sự kém cỏi ở phần thực hiện.

Thứ ba, trong khi vẫn còn tàn dư giáo huấn kiểu nội tại định hướng rất đáng kể trong hoạt động đưa tin và viết xã luận chính trị ở Mỹ, nó làm chậm lại nhưng không dừng hẳn sự thuyết phục mà văn hóa đại chúng thực hiện nhằm ủng hộ tính khoan dung và thụ động kiểu ngoại tại định hướng.

I. Chính trị như một đối tượng tiêu thụ

Việc người kiểu ngoại tại định hướng không biết mình muốn gì, trong khi lại bận tâm đến cái anh ta thích - như đã được nhà bán lẻ trích ở đầu chương nhận xét - cũng đúng với chính trị và các lĩnh vực khác trong đời sống. Trái ngược với điều này, người kiểu nội tại định hướng, trong các lĩnh vực đời sống, ví dụ như chính trị, mà anh ta đánh đồng với công việc, biết cái mình muốn nhưng không hẳn là cho phép mình biết cái mình thích.

Một minh họa nổi bật cho điều này được tìm thấy trong loạt phỏng vấn tiến hành tại khu ngoại ô Park Forest mới xây gần Chicago. Park Forest là sự phát triển của một công ty tư nhân được liên bang hỗ trợ gọi là Hiệp hội Xây dựng Cộng đồng Mỹ (ACB); nhà cửa cho người cư trú thuê, còn ACB giữ lại các chức năng tài chính của chính phủ, hợp tác với một phần hội đồng thành phố của cư dân sống ở đó. Người cư trú được hỏi trong các cuộc phỏng vấn là họ cảm thấy thế nào về ACB, và nếu có, họ tiếp nhận chính trị địa phương ở góc độ nào, kể

cả phàn nàn và chuyện phiếm. Nhiều người than phiền về khu vực sinh sống và việc sắp xếp cộng đồng nói chung. Điều đáng chú ý là những lời than phiền này thường xuyên nói về mặt được cho là "quan hệ công chúng kém" - và thực ra đúng thế - của ACB. Tức là, phê bình trực tiếp dựa trên các nhu cầu và cảm nhận của người cư trú bị ỉm đi; đúng hơn, "họ" bị chỉ trích vì điều hành quan hệ công chúng tồi đến nỗi làm mọi người - mọi người chứ không phải người đang phát biểu - chỉ trích. Nói đúng ra, người ta than phiền không phải về chính các bất bình của mình mà vì họ chưa được dẫn dắt để "làm cho họ thích". Các nhu cầu của họ (về các sắp xếp đời sống cụ thể) đứng hàng thứ hai sau những cái họ ưa thích hơn (ví dụ trình độ kỹ năng chuẩn mực xét thấy phù hợp cho một tổ chức lớn).[215]

Trong hoàn cảnh tiêu dùng thụ động này có thể chúng ta sẽ tưởng mọi người bỏ liên minh người dự đoán nội tình mà theo đám đông khổng lồ những người dửng dưng phong cách mới. Nếu được để mặc, có lẽ nhiều người sẽ làm vậy. Nhưng họ không được để mặc. Phương tiện truyền thông đại chúng đóng vai một kiểu người rao hàng cho vở diễn chính trị. Truyền thông đã khám phá ra một phương thuốc thần hiệu, là sức hấp dẫn, để trị mối nguy dửng dưng và thờ ơ. Cũng như sức hấp dẫn trong tình dục thay thế cho cả tình yêu lẫn các mối quan hệ gia đình khá lạnh lùng khách quan của người kiểu truyền thống định hướng, và cũng như sức hấp dẫn trên bao bì và quảng cáo sản phẩm thay thế cho cạnh tranh giá cả, thì sức hấp dẫn trong chính trị, dù đó là uy tín - bao bì - của lãnh đạo đó hay là cách xử lý sự kiện bốc đồng của truyền thông đại chúng, đã thay thế cho các kiểu tư lợi chi phối người nội tại định hướng. Nói chung: *nơi nào ta thấy sức hấp dẫn ở đối tượng được quan tâm thì ta phải nghi ngờ nơi đó có một sự thờ ơ cố hữu ở khán giả*.

Kết quả cuộc tìm kiếm sức hấp dẫn trong chính trị là nỗ lực, không phải không giống với nỗ lực của nhà bán lẻ trích dẫn ở trên, "đem lại 'các giá trị tâm lý' hấp dẫn khách hàng". Và, như ông Clements đã nói với Viện Siêu thị, các giá trị đó là "chính những phẩm chất chúng ta ưa thích ở bạn bè mình", ấy là, "sự sạch sẽ, vẻ ngoài hợp thời, phóng khoáng, lịch sự, trung thực, kiên nhẫn, chân thật, đồng cảm và tốt bụng". Nhiều thủ đoạn chính trị có thể được giải thích bằng những từ này. Năm 1948, công chúng cảm thấy Truman thiếu vẻ ngoài tân thời; Dewey, thiếu sự chân thật, đồng cảm, và tốt bụng.[216] Eisenhower có vẻ hấp dẫn khó cưỡng theo tất cả những điểm này - ông có "tất cả mọi thứ".[217] Thiên hạ muốn một ứng cử viên có cả hai sức hấp dẫn, và các phần tử tự phát trong phong trào Eisenhower ở một mức độ lớn là cống vật cho cuộc tìm kiếm ráo riết sức hấp dẫn của dân chúng. Trên thực tế, những người ủng hộ Eisenhower trong cuộc vận động năm 1948 đã nói rằng một ứng cử viên "có mọi thứ" - là người mà công chúng có thể thích hết lòng - chắc chắn sẽ biết cái công chúng cần.

Khi các phẩm chất khả ái mờ nhạt đi ở Eisenhower, dân chúng cố hết sức tìm ra một ứng cử viên có sức hấp dẫn. Hẳn vậy, điều này đúng trong các thời trước, nhưng tôi nghĩ có thể phong cách chính trị hấp dẫn này đã tăng đều đều ở Hoa Kỳ vào kỷ nguyên radio. Vì ngay cả các vị lãnh đạo chính trị ngang ngạnh ở Mỹ, trong khi duy trì kinh nghiệm của mình về Franklin Roosevelt, cũng đã tính đến các sức hút này; đương nhiên, khu vực cử tri càng lớn, sức hấp dẫn càng có chiều hướng thế chỗ các vấn đề hay các cân nhắc ủng hộ đã lỗi thời. Nhưng điều này vẫn chỉ là một xu hướng; tôi không định gợi ý rằng người dân giờ đây mặc kệ các mong muốn của mình mà bầu cho những người họ thích, hay sự hiểu biết tính cách ngoại tại định hướng sẽ giúp chúng ta dự đoán được các cuộc bầu cử tốt hơn là hiểu biết các trào lưu kinh tế, truyền thống dân tộc và tổ chức chính trị.

II. Truyền thông - chuyên gia về sự khoan dung

Có một số lý do vì sao phương tiện truyền thông đại chúng lại phát triển một thái độ khoan dung, khiến thái độ đó trở thành lối cảm nhận và nhìn nhận mọi thứ, trong đó có cả chính trị.

Yếu tố mạnh mẽ nhất dẫn đến thiên kiến này chỉ đơn thuần là quy mô cử tọa. Báo chí, dù ít bị khủng bố hơn phim ảnh, cũng chịu đủ thứ áp lực mà các nhóm tìm kiếm sự bảo vệ khỏi tấn công gây ra; và các áp lực này đã được chủ thể hóa trong chính cấu trúc quản lý và phân phối của truyền thông.

Nhắc lại, phạm vi của phương tiện càng lớn thì nó có thể càng được biên tập và sản xuất trong một trung tâm đầu não lớn nơi các sức ép đối với sự khoan dung kiểu ngoại tại định hướng là lớn nhất. Trong khi được tự do khỏi áp lực của dân quảng cáo và mấy tay gàn dở địa phương hơn các biên tập viên, phát thanh viên thị trấn, nói chung thường mạnh bạo hơn đáng kể, nhưng phương tiện truyền thông ở thành phố lớn với một cử tọa khắp thành phố không thể không biết những thái độ đó có thể làm phật ý các đơn vị bầu cử phức tạp của mình. Trong khi biên tập viên đầu thế kỷ 19 có thể đánh cược vào một chiến dịch lớn có thể đem lại cho anh ta cả một vụ kiện bôi nhọ thanh danh lẫn một số lượng phát hành, nhà xuất bản thế kỷ 20 thường không thể để biên tập viên của mình đánh cược ngay cả vào số phát hành tăng thêm. Như công ty hiện đại nói chung, biên tập viên ấy muốn một đường cầu tương đối bất di bất dịch cho sản phẩm của mình; anh ta không thể liều để số báo phát hành sút giảm mạnh và thường cũng không mạo hiểm để có số tăng mạnh, vì các giám đốc của anh ta đã cam đoan số báo phát hành với các nhà quảng cáo, hoạch định nguồn cung báo, giao anh ta cho những hợp đồng và các mối quan hệ phân phối với Hiệp hội Báo chí từ lâu trước đó.

Hơn nữa rõ ràng là, khi số lượng các thị trấn và thành phố chỉ có một tờ báo tăng lên, ông chủ độc quyền chẳng được lợi lộc gì nhiều khi công kích một

nhóm hùng mạnh. Ông ta sẽ thích sự thoải mái của thương mại sòng phẳng, như được gìn giữ nâng niu trong Hiệp hội Xuất bản Báo chí Mỹ hay Luật Phát thanh viên, hơn là tự do mậu dịch mạo hiểm bằng nắm đấm và quan niệm. Do vậy, mọi thứ khác đều là ngang nhau, phạm vi của phương tiện càng lớn thì nó càng có chiều hướng được sản xuất cũng như tiêu thụ trong một tâm trạng khoan dung kiểu ngoại tại định hướng và càng ít có sức hút đối với người phẫn nộ. Quả thực, vì chiến lược quan trọng hàng đầu của truyền thông với tư cách chuyên gia về tiêu thụ là giới thiệu và hợp lý hóa các thay đổi, những thứ làm phong phú thêm, hay làm gián đoạn các thị hiếu và phong cách chính thống, nên truyền thông có quyền lợi ở thị hiếu khoan dung. Họ không thể làm cho mọi người gắn bó quá sâu nặng với một thị hiếu mà ngày mai họ có thể muốn thay đổi. Nhưng họ khó mà biết đây có lẽ là khía cạnh cơ bản nhất trong cam kết của họ với sự khoan dung.

Mặt khác, chính sự cố chấp của một số đại gia báo chí và phát thanh cũ, những người đầy tham vọng với một thông điệp cho phép họ cùng với các ủy viên trong ban xã luận mà họ khuyến khích, có lối tiếp cận "cứng rắn", để tìm ra và duy trì một nhóm khán giả trong số những người dửng dưng, kém thích nghi, vốn không tìm kiếm tin tức chính trị mà tìm cơn kích động và trò tiêu khiển từ sự thờ ơ của mình. Hearst, McCormick, Gannett hay Shepherd của mạng lưới phát thanh Yankee - những người này muốn giành quyền lực qua báo chí và radio hơn là tiền bạc hay sự tán thưởng. Thế nhưng các nhóm cử tọa của họ lại không hình thành chủ yếu từ những người phẫn nộ chính trị mà từ những người dửng dưng chính trị kiểu mới - người dự đoán nội tình tương lai thấy hấp dẫn bởi sự bất kính của ông trùm truyền thông Hearst, tờ *Chicago Tribune*, và nhất là *New York Daily News*, vì kiểu xử lý tin tức này có vẻ hứa hẹn với họ câu chuyện nội bộ không giả mạo. Đã được huấn luyện liên tưởng sự sùng kính với văn hóa chính thống gồm các thuyết giáo, trường học và sách báo, họ xem bất cứ thứ gì xuất hiện tương phản mang vẻ tinh vi, nghiệt ngã, bất hợp pháp hay bí ẩn là trung thực theo định nghĩa từ này, và nghĩ rằng biên tập viên chân thật vì đã cho họ biết.

KHOAN DUNG VÀ SỰ SÙNG BÁI TÍNH CHÂN THẬT

Cuộc thăm dò xem chân thật nghĩa là gì sẽ đưa chúng ta đến chỗ hiểu thêm các cách thức mà văn hóa đại chúng dạy cử tọa của nó về sự khoan dung. Chúng ta phải nhắc mình rằng chân thật là một trong những phẩm tính nhờ đó một cửa hàng bán lẻ có thể giữ được lượng khách hàng trung thành, theo các nhận xét của Clements trích dẫn ở trên.[218]

Trong một nghiên cứu về các thái độ đối với nhạc pop, chúng ta bắt gặp không biết bao lần những phát biểu như, "Tôi thích Dinah Shore vì cô ấy rất chân thật", hay "đó là một đĩa rất chân thật", hay "Ta có thể cảm nhận được rằng anh ta [Frank Sinatra] chân thật". Trong khi đã rõ là mọi người muốn cá

nhân hóa mối quan hệ với các người hùng tiêu thụ, và rằng khát khao sự chân thật của họ là một nhắc nhở đáng lo ngại về chuyện họ ít tin tưởng ở bản thân hay người khác ra sao trong cuộc sống hằng ngày, thì cái họ thấy "chân thật" ở một ca sĩ hay những người trình diễn khác[219] lại rất mơ hồ. Có thể đó là sự tự do rõ ràng của người trình diễn được bộc lộ những tình cảm mà người khác không thể hay không dám bày tỏ. Nhắc lại, chân thật có nghĩa là trình diễn theo một phong cách không gây hấn hay hoài nghi, thậm chí có thể là thiếu phòng thủ, như kỹ thuật hỏi đáp hay họp báo mà một số chính trị gia thể hiện. Người trình diễn phó mặc bản thân cho lòng khoan dung của cử tọa và cảm xúc của mình. Do vậy, sự chân thật ở phía người trình diễn khơi dậy lòng khoan dung của khán giả dành cho anh ta: sẽ không công bằng khi quá khắt khe với người đã cởi mở và chìa ra bàn tay niềm nở thân tình.

Nhưng sự chú trọng phổ biến vào tính chân thật có nghĩa nhiều hơn thế. Nó có nghĩa là tiêu chí để đánh giá đã chuyển từ nội dung trình diễn với sự hay dở của nó về mặt thẩm mỹ, sang tính cách người trình diễn. Anh ta được đánh giá vì thái độ của anh ta đối với khán giả, chân thật hoặc giả dối, hơn là theo mối quan hệ của anh ta với tài nghệ, tức là sự trung thực và kỹ năng của anh ta.

Bằng cách lờ đi thứ khán giả tin mình thiếu (khả năng trình diễn) và nhấn mạnh các phẩm tính mà khán giả ngầm tin là mình có (khả năng chân thật), khán giả được phép, trong một chừng mực nào đó, cổ vũ nghệ sĩ cũng như họ cổ vũ người tham gia vụng về trong một trò chơi truyền hình dễ đoạt giải. Cũng rất có thể khán giả nhấn mạnh một phẩm tính cảm xúc của một người trình diễn, ví dụ như chân thật, để thoát khỏi đòi hỏi phải có hưởng ứng cảm xúc với chính phần trình diễn của anh ta. Dù người nghe thích một ngôi sao mà, như thanh thiếu niên nói, có thể làm mê mẩn tâm hồn, họ lại không muốn đi quá xa; họ có thể thành viên trong liên minh người tiêu dùng nên phải cân nhắc. Bằng cách làm cho tính chân thật có vẻ như một phẩm chất khách quan, hay ít nhất một phẩm chất có thể bàn tán trong nhóm ngang hàng, họ sẽ có chút giải tỏa cảm xúc trong khi vẫn duy trì được sự an toàn trong nhóm. Họ có thể "chìa tay cho cô bé" mà không cần đưa ra một đánh giá về trình độ điêu luyện của cô bé. Trong ý nghĩa này thì người nghệ sĩ chân thật giống như người nghệ sĩ đã cố gắng hết mình.

Xem bối cảnh chính trị như một thị trường cho các cảm xúc có thể sánh với nhau, dường như ma lực của nhiều ứng cử viên chính trị của chúng ta thiên về loại này. Buộc phải chọn giữa tài nghệ và chân thật, nhiều người trong số khán giả sẽ thích cái sau hơn. Họ chấp nhận những ấp úng và vụng về trông thấy rành rành nếu nhà lãnh đạo hết sức cố gắng.[220]

Chân thật và hoài nghi. Người dự đoán nội tình kiểu ngoại tại định hướng không đơn giản là một người hoài nghi. Sự hoài nghi là một nét tương hợp với cả kiểu nội tại định hướng lẫn kiểu ngoại tại định hướng, nhưng nó có một ảnh

hưởng khác nhau đối với hai nhóm. Người hoài nghi do nội tại định hướng có thể là một người cơ hội, tàn nhẫn khi theo đuổi các mục tiêu. Hoặc anh ta có thể là một người lý tưởng chủ nghĩa bất bình, trong thực tiễn vẫn còn một lòng với sự chính trực. Khi theo đuổi mục tiêu dù tốt hay xấu, anh ta có thể sẵn sàng lợi dụng người khác, cũng như người giáo huấn kiểu nội tại định hướng có thể sẵn sàng buộc người khác cũng phải có đạo đức. Tuy vậy, người do ngoại tại định hướng, dù thường mang vẻ hoài nghi, nhưng nói chung anh ta quá phụ thuộc vào người khác nên không thể hoàn toàn hoài nghi về họ: anh ta có thể vẫn tiếp tục tìm kiếm sự chân thật - tức là những cá nhân mà nếu họ lợi dụng các cảm xúc của anh ta thì việc đó cũng sẽ kéo theo cảm xúc của chính họ. Niềm mong muốn có một ứng cử viên tổng thống chân thật, như Eisenhower, bấy giờ sẽ phần nào là mong muốn thoát khỏi tính hoài nghi và thờ ơ mà bước vào sự gắn bó và nhiệt tình - một cái cớ cho sự trở lại của các phẩm tính đã bị trấn áp. Cái ở đây có vẻ giống sự hoài nghi thì thường là sự sốt sắng của người kiểu ngoại tại định hướng khoan dung chấp nhận các chuẩn mực của bất cứ nhóm trưởng thành ngang hàng nào có anh ta trong đó. Nhưng sự chấp nhận èo uột này đúng hơn là một nguồn cơn cho sự hoài nghi về bản thân chứ không phải cho sự hoài nghi về người khác mà anh ta bám lấy khi tìm kiếm các mục tiêu. Thực ra, thói hoài nghi bản thân của người kiểu ngoại tại định hướng là một trong những lý do chính mà, trong khi anh ta sẵn lòng nói ra cái mình thích, lại không thể đủ lòng tin ở mình để biết cái mình muốn.

Người kiểu nội tại định hướng, khi xem xét chính trị, có thể cực kỳ hoài nghi về con người nhưng không hoài nghi về các thể chế, hiến pháp, và như chúng ta đã thấy, các giá trị của bản thân chính trị. Ngược lại, người kiểu ngoại tại định hướng, có phần đa cảm về con người, có thể sẽ rốt ráo hoài nghi về các thể chế luật pháp và chính trị, cũng như anh ta hoài nghi bản thân chính trị - một trò chơi lớn. Cộng vào với cái nhìn này, mối bận tâm của anh ta về tính chân thật ở các nhân vật chính trị trở thành một tật xấu. Trong khi mối bận tâm về tính chân thật có thể hàm ý sự từ chối không để bất kỳ ý niệm trừu tượng nào về tốt và xấu lừa bịp, cùng niềm tin khăng khăng rằng sắc thái cảm xúc cá nhân của người lãnh đạo có tầm quan trọng quyết định, thì có nhiều tình huống mà sự định hướng này sẽ dẫn người ta đến chỗ lạc lối.

Trước hết, sự niềm nở hay chân thật của lãnh đạo không phải luôn quan trọng; điều đó tùy thuộc vào tình huống. Cấu trúc của chính trị và của cử tri có thể đủ vững mạnh để khiến một ứng cử viên thiếu chân thật khó có thể gây nên những tai họa tày trời cho dù ông ta có muốn đi nữa. Người kiểu ngoại tại định hướng, vì chú trọng ở con người, có thể bỏ qua định chế cứng rắn của thế giới bên ngoài. Do đó, cũng như người giáo huấn lãng mạn hóa một chính phủ vị luật pháp chứ không vị nhân sinh, thì người dự đoán nội tình cũng lãng mạn hóa một chính phủ vị nhân sinh mà không vị luật pháp.

Thứ hai, đánh giá sự chân thật hiển nhiên là khó nhất. Trong khi khán giả dùng từ chân thật nghĩ rằng họ, trong tâm trạng khoan dung, đang chạy trốn khỏi tình thế khó khăn phải đánh giá khả năng, quả thực họ đang bước vào một địa hạt quá ư phức tạp. Chính vì có một tầm quan trọng như vậy được dành cho sự chân thật mà cũng có một tầm quan trọng được dành cho hành động ngụy tạo vẻ chân thật.

Rõ ràng, chính nhu cầu tâm lý của người kiểu ngoại tại định hướng, chứ không phải nhu cầu chính trị, là cái sai khiến anh ta chú trọng vào sự niềm nở và chân thật. Với nhóm lãnh đạo, khả năng là kẻ bị ghét thường có thể quan trọng hơn. Thêm nữa, người nghĩ mình chân thật có thể lừa dối mình và người khác; còn người biết mình không chân thật có thể theo dõi mình và bị người khác theo dõi.[221]

III. Truyền thông có thoát khỏi chính trị?

Khám phá của Hollywood về vấn đề người da đen đã đem đến cho các xưởng phim một chu kỳ mới, và cho các nhà phân phối một vấn đề gai góc: miền Nam sẽ đón nhận các phim lên án thành kiến chủng tộc ra sao?… Sau khi đã chiếu *Home of the Brave* với chín tuần hốt bạc ở Manhattan, rồi đến Dallas và Houston… Ở Dallas, người da đen điều hành thang máy cố tổng kết những ý kiến nghe lỏm được: "Được, để tôi nói anh nghe, 99% thiên hạ nói nó mang tính giáo dục, 1% kia nói nó hay".

Time, ngày 18/7/1949

Các nhà bình luận của truyền thông đại chúng nhìn chung cho rằng truyền thông cổ vũ sự thờ ơ chính trị, rằng nó cho phép và khuyến khích khán giả thoát ly thực tại chính trị lẫn thực tại đời sống nói chung, rằng, bằng một kiểu quy luật Gresham,[222] truyền thông hất cẳng tiền cứng của chính trị bằng tiền mềm của giải trí đại chúng. Thỉnh thoảng người ta hỏi, làm sao Washington địch nổi Hollywood và Broadway[223]?

Tuy nhiên, thực tế thì truyền thông bị chỉ trích nhiều - nhất là báo chí - có vẻ đã duy trì một thái độ kiểu nội tại định hướng đáng ngạc nhiên đối với chính trị. Quả thực, họ chú ý đến chính trị nhiều hơn khán giả dường như đòi hỏi. Ngay cả các báo lá cải cũng thường in tít và tin ảnh trên trang nhất, chứ không phải những chuyện rẻ tiền. Đúng, ở đấy thường có "tin tức" về tình dục, tội phạm và những bài phanh phui để giải trí chẳng liên quan gì đến chính trị, nhưng một vài chủ đề chính trị lớn cũng tính toán đến cơ hội xuất hiện này. Ông già Hearst Phẫn nộ thích in các bài xã luận "của Tổng biên tập" hơn là ảnh khỏa thân trên trang nhất. Các đài phát thanh địa phương với những người giới thiệu đĩa hát xây dựng lòng tự trọng của mình (và làm hài lòng Ủy ban Truyền thông Liên bang) bằng việc phát tin mỗi giờ, mà tin tức ấy cũng như các tiết mục quảng cáo, thiên hạ chẳng buồn tắt. Cũng vậy, chương trình thời sự

thường mở đầu bằng các cảnh quay một nhân vật chính trị tầm cỡ hay sự kiện nào đó, hoãn Lew Lehr[224] hay biểu diễn thời trang đến cuối. Do vậy, nhiều cơ quan truyền thông đại chúng cho tin tức chính trị giữ một vai trò lớn hơn sự áp chế của những cân nhắc khắt khe từ nghiên cứu thị trường. Bằng cách này truyền thông giúp duy trì uy tín chính trị như một quyền lợi đương nhiên đối với một phần khán giả của mình - mặc dù, cùng lúc đó, truyền thông hiếm khi nói ngược lại mẫu rập khuôn phổ biến liên quan đến những bê bối của các chính trị gia.

Việc vị trí uy tín được trao cho chính trị đặc biệt quan trọng đối với người típ ngoại tại định hướng, vì anh ta trông chờ truyền thông đại chúng hướng dẫn mình trong kế hoạch sống và thang bậc giá trị. Anh ta được dẫn dắt để nhận định rằng người ta phải đánh giá chính trị như chính truyền thông đại chúng làm - rằng họ là những người giáo huấn am tường chính trị mà anh ta thì không. Anh ta còn được khuyến khích với nhận định này bằng các cuộc thăm dò mà báo chí đăng tải. Trừ ra một "tay phó nhòm tọc mạch" đây đó, các cuộc thăm dò này đặt nhiều câu hỏi và tường thuật nhiều câu trả lời về các vấn đề chung, nhưng hỏi tương đối ít về cuộc sống hằng ngày hay thể thao. Truyền thông, còn xa mới là một âm mưu làm cùn nhụt ý thức chính trị của người dân, nhưng có thể được xem là một âm mưu ngụy trang mức độ dửng dưng chính trị.

Quả thực người dân trong hầu hết các tầng lớp xã hội đều sẽ lấy làm xấu hổ nếu không cập nhật thông tin mới nhất về chính trị, nhất là cánh đàn ông. Người ta thường không khám phá ra là người khác cũng chán ngấy hay thờ ơ với chính trị (hoặc với các thứ khác được truyền thông trao cho sự khả kính) như họ biết về bản thân mình. Ở thành phố, nơi mọi người không quen nhau, "những kẻ bất tín" chỉ biết được họ đông đảo thế nào qua truyền thông đại chúng, nhưng chính họ lại là các kênh cho chính trị quyền ưu tiên.[225]

Một lý do của vấn đề này là những người làm việc cho truyền thông đại chúng mong muốn làm điều đúng hay được những người mà họ trông chờ sẽ lãnh đạo xem là đúng. Cũng như các nhà xuất bản muốn in những cuốn sách có uy tín dù họ có thể mất tiền vì chúng, theo những lý giải khác nhau đầy thiện chí, thì các ông chủ báo chí và phát thanh cũng muốn nâng mình lên trên "mẫu số chung thấp nhất" mà không thăm dò đầy đủ khả năng sinh lợi tài chính tiềm tàng của việc "được người sẽ lãnh đạo cho là đúng". Ông vua trong ngành điện ảnh ủng hộ giải trí đơn thuần cảm thấy phải giữ thế thủ trước nhà sản xuất táo bạo phim *Home of the Brave* và các phim có vấn đề tương tự.

Vì thực chất, những người làm trong các ngành truyền thông đại chúng, bất chấp phong cách giáo huấn mà họ dùng để tiếp cận chính trị, đều là kiểu ngoại tại định hướng điển hình. Chiếc rađa cực nhạy - người bao ăn của họ - được chỉnh trong những lúc rảnh rỗi không phải theo khán giả tiêu thụ món hàng họ

bán, mà theo các giai tầng trí thức xung quanh và trên họ. Các giai tầng này thường khinh khỉnh với văn hóa đại chúng.

Rõ ràng, một hệ thống thứ bậc trong các kiểu giải trí khác nhau vẫn luôn tồn tại. Nhưng trong khi thứ bậc ở thời trước được dựa vào các tiêu chuẩn nghệ thuật tối thiểu ở một mức độ nào đó, thì thang bậc ngày nay hình như có phần dựa vào chủ đề hơn là vào phương thức xử lý. Vì chính khán giả được đòi hỏi xê dịch trên một thang độ đề tài và sở thích liên tục nâng cao, từ truyện tranh cho tuổi thơ đến những nhà bình luận vấn đề cho tuổi trưởng thành, thì những người làm ra truyền thông đại chúng, khi kết hợp di động xã hội với nâng cao đạo đức, bao giờ cũng nôn nóng đi tới tiêu điểm giáo dục và nâng cao dân trí trên phương diện chủ đề, bên cạnh tính giải trí. Như tạp chí láng bóng đẳng cấp hơn sách báo giật gân, thì chính trị cũng đẳng cấp hơn tình dục. Phóng viên thể thao muốn trở thành một người đứng chuyên mục chính trị; phát thanh viên hộp đêm trước tiên chuyển sang chuyện phiếm chính trị, rồi sau là nhiệt huyết chính trị; nhiều nhà xuất bản báo chí khởi sự là một doanh nhân "cố chấp" cuối cùng lại trở thành người giáo huấn chính trị đôi chút. Cũng như người giàu mới phất là "được giáo dục" về lòng nhân ái nhờ các bạn đồng liêu, thì người mới chân ướt chân ráo vào ngành truyền thông đại chúng cũng được dạy dỗ để tránh các động cơ thương mại "tầm thường" sang các động cơ có thanh thế hơn. Lấy một ví dụ, các tạp chí hình ảnh lâu đời hơn, như *Life* và *Look*, hay thậm chí một số tờ không nổi tiếng bằng, đã dần dần chuyển từ hình ảnh, tranh ảnh khỏa thân sang nghệ thuật, từ xu hướng giật gân của báo phụ trương Chủ nhật đến đề tài đọc "nghiêm túc" và sự cổ xúy chính trị; hình ảnh chỉ là nét hấp dẫn cho các vấn đề xã hội mà thôi.

Do vậy, có vẻ như là truyền thông đại chúng, trong số các hiệu quả rất mơ hồ và phức tạp của chúng, quả thực đã giúp làm chỗ dựa cho uy tín của lĩnh vực chính trị ở Hoa Kỳ, và rằng trong lĩnh vực này, truyền thông gây ấn tượng là ủng hộ các phong cách chính trị giáo huấn lâu đời hơn. Điều này đúng với báo chí hơn với điện ảnh và phát thanh, cũng như trong chính báo chí thì nó đúng đối với một số báo và tạp chí nhất định hơn những tờ khác. Dù vậy, bất chấp các thiện ý này, ảnh hưởng tổng thể của truyền thông đại chúng đối với thái độ chính trị của người Mỹ đã làm rất nhiều điều để khuyến khích tính khoan dung kiểu ngoại tại định hướng hơn là duy trì sự phẫn nộ kiểu nội tại định hướng. Việc nhấn mạnh đơn thuần vào các kỹ năng người tiêu dùng trong truyền thông đại chúng, một sự nhấn mạnh vừa khuyến khích vừa phục vụ cho người kiểu ngoại tại định hướng, mang lại hiệu lực nhiều tầng lớp. Một trong những hiệu lực cơ bản nhất là người kiểu nội tại định hướng và những mối quan tâm của họ bị đẩy khỏi truyền thông đại chúng *trong mọi lĩnh vực trừ chính lĩnh vực chính trị*.

IV. Nguồn phẫn nộ

Quả thực, ngoài món chính trị ra, truyền thông đại chúng cung cấp cho người phẫn nộ một chế độ ăn khá thiếu thốn. Các vấn đề đạo đức đề cập trên phương tiện truyền thông đại chúng được đặt trong hình thức ngày càng khó nhận ra, và như chúng ta đã thấy trong Chương VII, chúng chủ yếu phản ánh các vấn đề quan hệ cá nhân. Hơn nữa, nhịp độ của phương tiện truyền thông đại chúng quá nhanh, quá phức tạp đối với nhiều độc giả vẫn còn là kiểu nội tại định hướng. Họ phải làm gì, chẳng hạn với một cột của Billy Rose về các bài học và tục lệ của Broadway? Họ sẽ phải phiên dịch tiếng lóng chuyên biệt trong nhiều chuỗi truyện tranh ra sao đây? Làm sao họ có thể hiểu sự khó nắm bắt và tính bóng gió của phim luận đề hạng "A"? Người phẫn nộ dễ nhận ra rằng ngay cả phim cao bồi cũng đã trở thành khung cảnh điền viên cho bạo dâm, tình dục và các vấn đề xã hội, không còn giống các phim miền Tây xưa lấy ngựa làm nhân vật chính và các vấn đề luân lý của nó gần như không liên quan đến các loài phức tạp hơn. Kịch nhiều kỳ với người nghe bình thường tầng lớp trung lưu lớp trên chừng như vẫn đẫm trong vẻ dạy đời và sướt mướt. Nhưng đặc tính tiêu biểu là các nhân vật của họ phải lo chải gỡ một mạng rối mù các cảm xúc hời hợt, thường cần đến những giúp đỡ đặc biệt của người trợ giúp chuyên môn hay bán chuyên môn. Người phẫn nộ chai sạn điển hình, nhất là đàn ông, đơn giản chỉ vì họ không quan tâm đến những thứ như thế.

Chúng ta có thể để ý sự biến đổi thực đơn văn hóa đại chúng trong một phương tiện mới hoàn toàn, bằng cách nhận xét bước chuyển biến vài năm trước của tạp chí *Scientific American* mới. Tờ *Scientific American* cũ từng được những người kiểu nội tại định hướng yêu thích khoa học đọc; giờ đã trở thành một tạp chí định kỳ giấy bóng láng, phục vụ vẻ lấp lánh, cầu kỳ cho người tiêu dùng khoa học, kể cả khoa học xã hội và triết học; một người đặt mua báo già cả than phiền là tờ tạp chí không còn được biên tập để cho những người thợ bàn tay lấm lem dầu mỡ đọc trên bàn làm việc nữa - gần như cột sở thích duy nhất còn lại là mục thiên văn học. Cũng vậy, chúng ta có thể để ý rằng Street & Smith, những nhà xuất bản truyện răn dạy đạo đức như Alger và Nick Carter, năm 1948 đã cắt bỏ hết chỉ còn chừa lại mỗi một mảng truyện giật gân, trong đó có *Truyện trinh thám, Truyện miền Tây*, vân vân, để tập trung vào ba tạp chí bóng láng đắt hàng: *Mademoiselle* (Thanh nữ), *Charm* (Quyến rũ), và *Mademoiselle's Living* (Thanh nữ và cuộc sống). Người giáo huấn cố hữu phải làm gì với chúng bây giờ?

Sự thâm hụt dần mòn của truyền thông đại chúng khả dĩ chấp nhận này có lẽ sẽ đỡ phiền phức hơn đối với người giáo huấn nếu thế giới anh ta sống vẫn dường như là kiểu nội tại định hướng, tức là được bàn tay vô hình kiểm soát. Nhưng kinh nghiệm sống của anh ta thường gây thất vọng; anh ta bị tước đoạt cảm giác có năng lực và chỗ đứng. Tính cách của anh ta hay công việc của anh ta đều không được đền đáp. Trong hoàn cảnh đó, anh ta thường trở nên thù

địch với cả hai - vì anh ta dễ bị thiếu hiểu biết đời thường, có lẽ hơn cả thiếu thành công trong đời - và thù địch cả thế giới. Trong một nỗ lực tuyệt vọng cuối cùng xoay đất nước trở lại lộ trình kiểu nội tại định hướng để làm cho nó dễ sống đối với mình, anh ta sẵn sàng tham gia một phong trào chính trị mà động lực cơ bản là sự phẫn nộ. Một thế giới từ chối cho anh ta chỗ đứng - một thế giới oanh tạc anh ta bằng những thông điệp làm anh ta cảm thấy bất bình - xem ra không đáng để cứu vớt, dù sự phá phách của anh ta có thể được biện bạch bằng nhiều ý thức hệ khác nhau.

Truyền thông đại chúng chăm lo cho thái độ này trong chính trị, dù không còn bận tâm về nó trong các lĩnh vực khác. Chúng ta đã thấy một lý do của điều này: thực tế là nhiều lãnh đạo ngành truyền thông, vì uy tín và các lý do riêng khác, tán thành thái độ giáo huấn đối với chính trị hơn là thái độ dự đoán nội tình. Và chúng ta cũng vừa thấy một lý do nữa: thực tế là truyền thông thu hút và đem lại cho khán giả thuộc nhóm người phẫn nộ một thông điệp đơn giản. Trong khi hầu hết khán giả của truyền thông là người dửng dưng kiểu mới bị niềm háo hức chính trị kích thích, thì một số là người phẫn nộ thấy phản ứng của mình được chào đón trên trang xã luận và trong các cột bình luận nếu không phải ở đâu khác.

Hơn nữa, sự phẫn nộ của các ông chủ báo chí, người phụ trách phần bình luận và chuyên mục không phải là không có ảnh hưởng đối với những độc giả kiểu ngoại tại định hướng trong số khán giả của họ như thoạt nhìn ta có lẽ tưởng thế. Nhiều người trong số này đã dùng phong cách giáo huấn làm của riêng - nhiều người nữa dĩ nhiên chỉ là kiểu ngoại tại định hướng không cần bàn đến. Nhưng kể cả người kiểu ngoại tại định hướng khoan dung cũng thường thấy bị cuốn hút trước sự giận dữ của người phẫn nộ, không phải vì nó tương hợp với cấu trúc tính cách của anh ta mà chính vì nó không tương hợp. Trong thể thao thương mại chẳng hạn, anh ta thích sự đua tài và việc bộc lộ tính nóng nảy - ngay cả nếu theo một cách nào đó anh ta biết kết quả được bày sẵn cho anh ta - đặc tính đó đang biến mất hay đã bị trục xuất khỏi các lĩnh vực khác trong cuộc đời anh ta. Kết quả là, sự bộc lộ tính gây hấn và phẫn nộ trên vũ đài chính trị là chuyện phổ biến với tất cả mọi típ người - người phẫn nộ, người dự đoán nội tình và người dửng dưng. “Hết mình đi, Harry!” những đám đông gào lên với tổng thống Truman. Như người Mỹ, bất kể giai cấp hay tính cách, có thể hứng thú một trận đấm bốc hay cuộc biểu diễn mô tô, thì họ cũng xem một cuộc khẩu chiến chính trị chẳng khác nào một phần di sản Mỹ của mình, bất chấp khuynh hướng thiên về khoan dung.

Điều này dẫn chúng ta tới suy xét quan trọng rằng bản chất của quá trình bầu cử là khuyến khích người phẫn nộ tham gia theo cách của anh ta. Trong chiến dịch vận động, một truyền thống giáo huấn vẫn còn sống sót khi cạnh tranh với cuộc tìm kiếm mới sức hấp dẫn. Các bộ máy, dù nhạy cảm trước sức

hấp dẫn, cũng nhận thức được về quyền lực chính trị của người phẫn nộ từ các thất bại trong quá khứ, ấy là những người đã chống lại guồng máy hành chính. Ngay cả người kiểu ngoại tại định hướng cũng có thể bầu cho các chính trị gia giáo huấn kiểu nội tại định hướng vì họ thể hiện một thái độ quen thuộc hơn, kịch tính hơn, có vẻ thích hợp hơn đối với chính trị.

Vì người phẫn nộ lưu giữ một trong những truyền thống lớn của chính trị Mỹ, đó là truyền thống đòi hỏi một chính phủ để lãnh đạo hơn là một chính phủ biết phải lãnh đạo ra sao - như với lệnh cấm - một tàn dư còn đến ngày nay của thời kỳ mà bang Connecticut, trước sự kinh ngạc của Tocqueville, không thể biện bạch được chuyện đã không đưa luật Hêbru vào luật vựng của mình, và cũng không thể biện bạch được chuyện buộc thi hành các điều luật phạt khắt nghiệt. Cùng với truyền thống này, người phẫn nộ ngày nay có thể cố gắng trong chính trị để "đưa luật" vào các phong trào trong văn hóa - trong văn học, điện ảnh, đại học, thư viện - những thứ tượng trưng cho sự phức tạp và khoan dung thành thị. Trong nỗ lực này họ ít bị người kiểu ngoại tại định hướng khoan dung chống đối hơn là người kiểu nội tại định hướng mà với anh ta khoan dung là một nguyên tắc đạo đức, không phải một nét tính cách. Những người bảo vệ nhiệt thành nhất cho tự do công dân ở Mỹ nhận được sức mạnh chính trị từ các nguyên tắc và xác tín vững vàng của người phẫn nộ, chứ không phải từ hiểu biết ai là ai trong chính trị. Trái lại, người dự đoán nội tình khoan dung có thể trở thành "khách quan" trước sự cố chấp: anh ta biết đủ về mọi người để nghi ngờ hiệu lực của lý do hay chắc chắn về phản kháng của mình. Những đặc tính nhạy cảm ở anh ta, cũng như khả năng của anh ta, bắt nguồn từ thực tế là anh ta để mắt tới người khác mà không quan tâm tới các nguyên tắc hay nguyện vọng của mình.

Thực ra, người kiểu ngoại tại định hướng cố tự vệ trước các cuộc công kích chính trị dữ dội của người phẫn nộ bằng những vận động bên trong hơn là bằng giáo huấn ngược trở lại. Không ưa chiến đấu cá nhân, để tránh đặt mình vào thế chơi vơi, họ gây áp lực qua các nhóm và hiệp hội phát ngôn nhân danh họ. Như những người xử lý tài tình các chiến thuật nội bộ và quá trình truyền thông - dĩ nhiên, họ như người nhà giữa truyền thông đại chúng, và không phải tất cả các phương tiện truyền thông ấy đều bị người giáo huấn kiểm soát - họ thường có thể hãm lại cái mà người phẫn nộ muốn làm. Như một công tố viên tòa án khu vực khôn ngoan khi phải đệ trình một bản cáo trạng lên đại hội đồng xét xử, anh ta có thể giảm nhẹ cơn thịnh nộ của họ bằng cách thỏa thuận với luật sư bên bị chấp nhận lời thỉnh cầu tội trạng giảm nhẹ, thì người dự đoán nội tình cũng thường, trong chính trị quốc gia và địa phương, có thể hoãn người phẫn nộ lại bằng một nhượng bộ. Anh ta có thể nhượng bộ, vì anh ta không yêu cầu chính trị phải làm thế giới trở thành ngăn nắp cho mình. Quả thực, nếu người phẫn nộ đòi hỏi quá nhiều ở chính trị, thì người dự đoán nội

tình khoan dung lại đòi hỏi quá ít.

Người giáo huấn và người dự đoán nội tình gộp chung lại hẳn là một đa số trong số những người có giáo dục cao hơn, nhưng chắc chắn chỉ là một thiểu số trong toàn bộ người dân. Thế mà, người dự đoán nội tình lại không có gì nhiều để đưa ra cho người dửng dưng theo kiểu cổ tức tinh thần: chính kiến thức của anh ta dẫn anh ta đến chỗ hiểu rằng rất ít thứ có thể thành tựu trong chính trị và tuyệt vời làm sao khi hy vọng "từ bỏ chính trị." Nhưng khi khuấy động người dửng dưng, sự phẫn nộ có các tiềm năng lớn lao. Nó không chỉ làm ra một vở diễn hay hơn mà còn lợi dụng được những nỗi bất bình mà người dửng dưng có. Đôi khi có thể đưa những bất bình này vào lĩnh vực chính trị bởi các trát tòa chống chính trị. Những lời hứa hẹn đầy căm hận của người phẫn nộ có thể hấp dẫn đối với nhiều người mà thái độ dửng dưng chính trị của họ không dựa vào sự an toàn của kiểu truyền thống định hướng mà vào sự bất lực và vô cảm. Từ các nguồn tương tự, sự liên kết đã hình thành giữa nhiều thành viên đảng Quốc xã thời kỳ đầu, một cánh lớn của phe De Gaulle,[226] và nhiều nhóm khác ở các nước khác nhau, tất cả đều đặt mình đứng "trên chính trị", "trên đảng" và "trên dư luận". Những nhóm như vậy tấn công các đảng viên truyền thống và các phần tử miệng lưỡi chính trị khéo léo trong xã hội, đòi hỏi tự do tách khỏi chính trị - khỏi các cương lĩnh, nguyên tắc và nghị trường. Một thái độ như thế đối với hệ thống đảng phái và mô thức đàm luận chính trị ở Mỹ không phải là không thường xuyên. Do vậy, nếu bất cứ lúc nào người phẫn nộ có thể phối hợp với người dửng dưng, thì người phẫn nộ có thể trở nên rất mạnh mẽ. Mặt bên trong, sự phẫn nộ có thể dựa vào các nguồn lớn là chủ nghĩa dân tộc và bài ngoại trong tầng lớp thấp hơn. Mặt bên ngoài, phẫn nộ có thể gặp phản phẫn nộ, và liên minh người phẫn nộ với người dửng dưng nhất thời bị khích động có thể đưa ra cho người khoan dung một sự thể dường như đã rồi. Và người dự đoán nội tình khoan dung, so với những người khoan dung từ nguyên tắc nội tại định hướng, là người được đào luyện để nhận ra một sự đã rồi, chứ không phải phản kháng lại nó.

Rất lâu trước khi người khoan dung có thể tổ chức chính trị theo phong cách và tâm trạng của mình, thì hành động bộc phát của người phẫn nộ có thể đã dẫn đến một cuộc bùng nổ và đẩy chính nghĩa khoan dung với tính cách khoan dung vào chỗ trì đọng.

V. "Trách nhiệm bắt nguồn từ ước mơ"

Để kết luận, tôi mạo muội đưa ra gợi ý là nếu truyền thông khuyến khích, và nếu khán giả chấp nhận một cuộc chạy trốn thành thật hơn "khỏi tất cả", thì người Mỹ sẽ trở nên mạnh mẽ hơn về tâm lý và sẵn sàng nhận lấy trách nhiệm đánh thức trí tưởng tượng chính trị cùng với cam kết chính trị. Bằng cách kéo dài mô thức phê bình truyền thông đại chúng hiện nay của mình,

chúng ta làm cho truyền thông có thể tiếp tục duy trì uy tín chính trị ngay cả khi, như đối với phần lớn đời sống của ta lúc này, chính trị không có nội dung thực chất - vì chính sự thiếu nội dung này chỉ có thể thoáng thấy từ một lối nhìn ít hiện thực mà nhiều tưởng tượng. Ảnh hưởng trực tiếp của truyền thông đối với quyết định chính trị có thể dễ dàng trở thành mong manh như ảnh hưởng của Thượng nghị viện Anh đối với dư luận Anh. Báo chí nghiêm túc không chịu đối mặt với tình huống này, và không hề tìm cách khám phá những dòng cảm xúc mới trong đời sống Mỹ, nó vất vả tìm cách trình lên Hạ viện truyền thông - là radio, ti vi, phim ảnh và sách báo giật gân - một lịch trình tranh luận chính trị còn thừa lại. Vì chính trị thật ra ít thực chất hơn là các trùm báo chí đang vờ vịt bản thân và khán giả, nên tiêu thụ sự phỉ báng chính trị hơn bao giờ hết dễ dàng trở thành một lối thoát theo nghĩa thường gây ác cảm, được biện minh bằng uy tín cao do truyền thông nâng đỡ của chính trị. Do vậy, các nguồn trong nghệ thuật và văn hóa đại chúng từ đó sự sáng tạo chính trị cuối cùng phát sinh phần nào bị chặn lại bởi các suy xét sai lầm về uy tín, bởi các tội lỗi bị thay thế và các thôi thúc về luân lý mà những người kiểm soát truyền thông, cùng những người trông chờ ở họ một thực đơn văn hóa, chia sẻ.

Có thể xảy ra các khả năng rằng truyền thông, trong tác động mang thông điệp trực tiếp của mình, ít trợ giúp hay ít làm tổn thương khán giả hơn là những người kiểm soát truyền thông và các nhà phê bình. Vỡ lẽ điều này có thể cho phép cả người kiểm soát lẫn nhà phê bình của truyền thông định hướng lại sự chú ý của mình. Họ được tự do, tự do hơn họ nhận ra nhiều, để chú tâm vào bản thân phương tiện chứ không phải vào thông điệp nó cung cấp hay được tin là cung cấp. Nhà sản xuất phim hay nhà phê bình vốn quan tâm chủ yếu đến các thông điệp, ví dụ như lòng khoan dung chủng tộc, thực tế có thể khinh miệt phim ảnh vì nó là một hình thức nghệ thuật. Người viết xã luận hay nhà khoa học xã hội vốn chỉ bận tâm đến chuyện kích động cử tri có thể căm ghét tiếng Anh vì đối với anh ta nó đơn thuần trở thành một công cụ. Phát thanh viên muốn kiếm lương cao và kiếm các nhà bảo trợ cho mình bằng cách chèn vào một câu châm biếm chống kinh doanh có thể không mấy tôn trọng các nguồn thẩm mỹ trong phương tiện của anh ta.

Bằng cách này hay cách khác, những người làm trong ngành phát thanh, điện ảnh và văn chương có chiều hướng đem cho chính trị, như báo chí và những người đề cao báo chí thấy, một uy tín mà họ đã từ chối đối với nghệ thuật, nhất là nghệ thuật bình dân của chính truyền thông. Trong chuyện này có điều bi đát đối với đời sống cá nhân của họ, vì nó dẫn họ đến chỗ khinh bỉ vô cớ chính nghề nghiệp của mình. Trong chuyện này có nỗi mỉa mai cho chính trị Mỹ, vì tôi thấy hình như một đất nước tạo ra phim ảnh, báo chí và truyền thanh thượng hạng về mặt nghệ thuật - thực vậy, bất luận chủ đề là gì và bất

luận việc hạ thấp tầm quan trọng của toàn bộ vấn đề chủ đề - lẽ ra phải là một xứ sở sống động hơn và hạnh phúc hơn về mặt chính trị cũng như văn hóa. Các nghệ sĩ tử tế của truyền thông đại chúng cũng quan trọng như vậy, có lẽ họ còn hiếm hoi hơn các nhà bình luận có trách nhiệm và chống thoát ly.

CHƯƠNG X
Hình ảnh quyền lực

Ở Hoa Kỳ, những công dân giàu sụ hơn cả đều cẩn thận không tách mình khỏi nhân dân; ngược lại, họ không ngừng gần gụi với nhân dân, tự nguyện lắng nghe nhân dân và thường ngày giao tiếp với nhân dân. Họ biết rằng người giàu ở các quốc gia dân chủ bao giờ cũng cần đến người nghèo, và vào những thời kỳ dân chủ thì người ta gắn bó với người nghèo bằng cử chỉ tốt đẹp còn hơn là bằng những việc thiện. Ngay cả những việc thiện là to tát, thì nó cũng làm bộc lộ tình trạng chênh lệch của các điều kiện sống, và gây ra một sự khó chịu ngấm ngầm cho những ai hưởng lợi từ những việc thiện ấy. Thế nhưng sự giản dị của thái độ có những cái duyên hầu như không ai cưỡng lại nổi: sự thân tình lôi cuốn mọi người và sự thô lậu không phải khi nào cũng làm cho người ta khó chịu.

Tocqueville, *Nền dân trị Mỹ*[227]

Trong 50 năm qua đã có một sự đổi mới trong cấu hình quyền lực ở Mỹ: một thang bậc duy nhất với tầng lớp cai trị chóp bu đã bị thế chỗ bởi một số "nhóm phủ quyết" với quyền lực được phân tán giữa các nhóm đó. Thay đổi này có nhiều căn nguyên rối rắm và hệ quả phức tạp, bao gồm cả sự chuyển biến trong tâm trạng chính trị từ giáo huấn sang khoan dung. Một cấu trúc quyền lực rõ ràng tạo nên các mục tiêu sáng tỏ của người kiểu nội tại định hướng; một cấu trúc quyền lực vô định hình góp phần tạo nên định hướng người tiêu thụ của người kiểu ngoại tại định hướng.

I. Người lãnh đạo và người bị lãnh đạo

Trong lịch sử Mỹ có hai giai đoạn mà một giai cấp thống trị xác định nổi bật lên rõ ràng. Cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, bộ phận lãnh đạo gồm những người chủ trương chế độ liên bang - tức là tầng lớp địa chủ quý tộc và giới trọng thương-tiền tệ - đương nhiên coi mình là, và đã là, một nhóm thống trị. Rất lâu trước khi sự lãnh đạo này bị đánh bật trên thực tế thì quyền lực của tầng lớp này đã bị tranh chấp, và trong các trường hợp có tính quyết định, quyền lực ấy bị giới tiểu điền chủ và thợ thủ công bãi bỏ ở các bang miền Bắc và miền Trung. Giới tiểu điền chủ và thợ thủ công có ít thời gian hay tài năng cho chính trị, thường để nó cho "những người giỏi hơn", nhưng họ giữ lại một quyền phủ quyết cho điều đã được làm và thỉnh thoảng, như với Jackson,[228] tham gia lãnh đạo quyết liệt hơn. Tuy vậy, sau Nội chiến, nông dân và thợ thủ công mất khả năng kiểm soát cái đã làm, và những đại gia công nghiệp nổi lên như một giai cấp thống trị. Tôi nghĩ khi họ thống trị thì những hình ảnh quyền lực và thực tế quyền lực ở Mỹ trùng khít nhau hơn ngày nay.

Theo cách nhìn vấn đề này, cuộc bầu cử năm 1896 có vẻ là một lằn ranh lịch sử: đỉnh điểm của chế độ cai trị đầu não trong chính trị. Về mặt phong cách chính trị, có những người giáo huấn ủng hộ Bryan và những người giáo huấn ủng hộ McKinley.[229] Và có những nhóm mà, dù họ có thấy quyền lợi của mình về mặt đạo đức hay không, cũng mang một hình dung rõ ràng về bản thân và các quyền lợi của mình; cả họ cũng phản ứng lại cuộc bầu cử này theo một cách do nội tại định hướng. Chỉ có một ít người như Brooks Adams,[230] ủng hộ Bryan vì căm ghét "những kẻ mê vàng", là thấy được một số điểm nhập nhằng trong hoàn cảnh của cả hai ứng cử viên.

Chắc chắn, các lãnh đạo đắc cử - McKinley, Hanna và Morgan trong một vài lĩnh vực hoạt động của mình - đã không nhận ra những điểm nhập nhằng. Thành công trong nỗ lực tranh cử của họ không quan trọng với chúng ta bằng tâm trạng dấn thân của họ, đấy là một trong những sự lãnh đạo có ý thức, do những cân nhắc giai cấp có ý thức dẫn dắt. Sự lãnh đạo tự giác này lấy được sự ủng hộ từ mối liên hệ chặt chẽ giữa chính trị và công việc, mà tôi đã nhắc hãy chú ý. Thế giới công việc là thế giới vĩ đại; chính trị là một sự mở rộng có thể tạo thuận lợi cho công việc hoặc phá hoại nó. Trong khi giới chủ ngân hàng và Hiệp hội chủ nông có các quan niệm khác nhau về những gì chính trị nên làm và không nên làm, họ lại đồng tình về vị trí hàng đầu của phương diện sản xuất trong đời sống.

Dĩ nhiên, lĩnh vực chính trị không phải là không có sự giải trí cho người kiểu nội tại định hướng: cơ hội để tranh luận thẳng thắn, uống bia và bạn bè xuề xòa ở quán bar đêm, thỉnh thoảng nó có công dụng như một lối thoát "hạ cấp" khỏi những nghiêm trang đạo mạo của công việc và lối sống giàu có. Nhưng sự khác biệt lớn với ngày nay nằm ở chỗ những người lãnh đạo tham gia chính trị để thực hiện một nhiệm vụ - chủ yếu là bảo đảm cuộc chinh phục các nguồn lực ở Mỹ - chứ không phải tìm kiếm một lượng khán giả hưởng ứng nhiệt tình. Như Rockefeller[231] bán dầu hỏa bằng vũ lực hay giá rẻ hơn là nhãn hiệu, thì lãnh đạo chính trị cuối thế kỷ 19 cũng bán hàng hóa (lá phiếu hay quyết định) cho người đấu thầu trả giá cao nhất. Tiền mặt hay đạo lý đều có thể dự thầu - nhưng "thiện chí" thì không như vậy.

Hoàn cảnh và các động cơ do nội tại định hướng này làm sáng tỏ bối cảnh chính trị và xã hội năm 1896: có vẻ như bối cảnh này chưa có vào thời Tocqueville và cả thời sau đó. Viên đạn giết chết McKinley đã đánh dấu chấm hết cho thời một giai cấp nổi bật lãnh đạo. Bôi nhọ và chế giễu sâu cay bằng biếm họa chính trị - những nghệ thuật phụ thuộc vào sự sáng tỏ của đường lối - tiếp tục sống được một thời gian và dĩ nhiên vẫn chưa mất hẳn. Nhưng như tôn giáo thời xưa phụ thuộc vào một hình ảnh rõ ràng về thiên đàng và địa ngục, các phán quyết rõ ràng về thiện và ác, thì chính trị thời trước cũng phụ

thuộc vào một cấu trúc giai cấp rõ ràng và các đánh giá mang tính giáo huấn rõ ràng, đơn giản về tốt và xấu bắt nguồn từ đó. Nó cũng phụ thuộc, nhưng tôi không thể quá nhấn mạnh điều này, vào một thỏa thuận giữa người lãnh đạo và kẻ bị lãnh đạo rằng lĩnh vực công việc trong đời sống là thống trị. Và vì các mục tiêu đã rõ ràng, nên nhiệm vụ hiển nhiên của người lãnh đạo là dẫn dắt; của người bị lãnh đạo là đi theo. Hợp tác chính trị của họ, như hợp tác giữa họ trong công nghiệp và nông nghiệp, là dựa trên các quyền lợi hỗ tương, dù có được giáo huấn trực tiếp hay không, chứ không phải vào sự yêu mến và ưa thích lẫn nhau.

Điều tôi vừa nói cần được hiểu là một chân dung chính trị "lý tưởng điển hình" của thời đại, hữu ích nhờ tương phản với thời chúng ta. Thực tế ra, các thay đổi, bao giờ cũng vậy, là thay đổi ở trọng tâm và mức độ, và chân dung này sẽ bị thổi phồng nếu độc giả kết luận rằng không có các tâm trạng, không có sự thèm khát uy tín và sức hấp dẫn làm sai lạc những mối tương quan giữa người lãnh đạo và người bị lãnh đạo. Các mối tương quan này không được xây dựng hoàn toàn từ sự giáo huấn đúng mực và những quyền lợi kinh tế rõ ràng mà thỉnh thoảng, như Veblen đã mô tả các vấn đề, Đại gia Công nghiệp có chức năng đem lại cho dân chúng phía dưới những nhân vật nổi bật để ngưỡng mộ nhằm "có được nguồn an ủi tinh thần nhiều hơn cho mọi bên liên quan".

Các lý thuyết về giai cấp lãnh đạo, áp dụng vào nước Mỹ hiện đại, có vẻ như là tàn dư hư ảo của thời kỳ trước. Đại gia công nghiệp không còn điều hành doanh nghiệp, không còn lãnh đạo chính trị, và không còn đem lại "nguồn an ủi tinh thần" chính đáng nữa. Đây đó, đúng vậy, vẫn còn các tàn dư. Ở miền Tây Nam đang phát đạt, Texas vẫn sản sinh ra những con người như Glenn McCarthy,[232] còn California sinh ra một sư tử rừng xanh kiểu cũ trong A.P Giannini[233] (người, rất đáng nói, xuất thân từ một gia đình không có điều kiện dạy dỗ ông cho các động cơ kinh doanh mới). Thế nhưng ngay cả những mẫu này cũng không có tính cách thực sự rõ ràng bằng ở những đại gia công nghiệp lớn thời trước đã cuốn hút Veblen, cũng như Lucifer đã cuốn hút Milton.[234] Giống với Henry Kaiser,[235] họ lệ thuộc vào dư luận và vào thái độ của chính quyền như một hệ quả của dư luận hơn người giàu có quyền thế thời xưa nhiều. Vì giới hạn này họ có chiều hướng lợi dụng phong cách riêng của mình, hay để mình bị lợi dụng, theo cách thức khiến cho trò quảng cáo rẻ tiền của Ivy Lee[236] thuộc Rockefeller cha có vẻ đã thành xưa trái đất.[237]

Thế nên, không như nhiều các tiền bối của mình trước Thế chiến thứ nhất, những đại gia còn sót lại này yên vị trong các hạn định cũng như các khả năng của nền kinh tế bàn tay niềm nở. Nếu họ tham gia chính trị thì vì đó là một trò vui hay nghĩa vụ của người giàu; hay chỉ vì họ gắn bó với chính phủ ở mọi khâu trong các doanh nghiệp nhiều chi nhánh của họ. Những đại gia này ở thời nay không tự xem mình, cũng không được công nhận là lãnh đạo chính trị, tức

là những người thuyết minh và giáo huấn chính trị, bởi sự hiện diện của họ và cái họ đại diện. Morgan cha và các bạn bè ông cho rằng ngăn chặn Bryan và ngăn chặn suy thoái năm 1907 là việc tùy thuộc ở họ.[238] Không ai chiếm chỗ họ.

Trong trọng tâm chú ý của công chúng, những đại gia công nghiệp cũ đã được thay thế bằng một típ mới toanh: Đại gia Phi Công nghiệp, Tiêu thụ và Nhàn rỗi. Những khảo sát về nội dung của truyền thông đại chúng cho thấy một sự chuyển dịch trong các loại thông tin về lãnh đạo chính trị và kinh doanh mà khán giả yêu cầu.[239] Ở thời trước khán giả được nghe kể câu chuyện vươn đến thành công nhờ tinh thần ham làm việc của nhân vật chính. Ngày nay, bon chen được xem là đương nhiên hay được nhìn nhận dưới dạng các "cơ hội", còn những sở thích của người hùng về quần áo, ăn uống, đàn bà và tiêu khiển lại được nhấn mạnh - những thứ này, như chúng ta đã thấy, là lĩnh vực mà bản thân độc giả có thể đua tranh, trong khi anh ta không thể hình dung mình trong vai trò công việc của tổng thống Hoa Kỳ hay người đứng đầu một công ty lớn.

Hơn nữa, trong các bài tiểu sử như vậy có một sự chuyển dịch từ việc chú trọng những người đứng đầu kinh doanh sang chú trọng những người đi đầu trong tiêu thụ. Tương ứng, các diễn viên, nghệ sĩ, người của ngành giải trí có nhiều chỗ xuất hiện hơn bao giờ hết, còn những người hùng trong văn phòng, trên diễn đàn vận động tranh cử, và ở nhà máy được xuất hiện ít hơn. Những người tiêu thụ sản phẩm thặng dư này có thể, theo thuật ngữ của Veblen, đem lại "nguồn an ủi tinh thần" bằng chính khả năng tiêu thụ của mình. Sức hấp dẫn của những người hùng tiêu thụ như vậy có thể nằm ở sự kém cỏi các kỹ năng kinh doanh, và như chúng ta đã thấy, trong một số trường hợp sự chân thật hoàn toàn cá nhân của họ có thể làm nhiệm vụ thay thế các tiêu chuẩn thẩm mỹ khách quan hơn.

Lẽ đương nhiên những đại gia tiêu thụ này không phải là lãnh đạo. Họ vẫn chỉ là những nhân vật, dùng để tô vẽ các phong trào, không phải để lãnh đạo các phong trào. Thế nhưng các nhà lãnh đạo thực tế lại có nhiều điểm chung với họ.

Để minh họa chúng ta có thể nhìn sang một vị lãnh đạo Mỹ gần đây - chắc chắn là một lãnh đạo - có nhiều nét chung với nghệ sĩ và người trong ngành giải trí: Franklin D. Roosevelt. Chúng ta đã quen nghĩ ông là một người có quyền hành lớn. Thế nhưng vai trò dẫn dắt đất nước đi vào chiến tranh của ông rất khác với vai trò của McKinley hay ngay cả của Wilson. Cứ thử nghĩ McKinley đi tới đi lui trong phòng, quyết xem có nên yêu cầu tuyên chiến với Tây Ban Nha không - khi mà ông đã biết rằng Tây Ban Nha sẽ đầu hàng. McKinley cảm thấy chuyện này tùy thuộc ở ông; Wilson cũng vậy. Còn Roosevelt cảm thấy ông chỉ có thể loay hoay bên trong những hạn định chật

hẹp, đến mức gần như chừa quyền quyết định lại cho kẻ thù.

Lần nữa, nếu chúng ta so sánh các hoạt động của ông trong những năm chiến tranh với các hoạt động của Churchill,[240] chúng ta có thể nhìn ra những khác biệt quan trọng. Churchill lãnh đạo người Anh theo cái gì đó như cảm nhận xưa cũ về mối quan hệ rõ ràng giữa người lãnh đạo và người đi theo. Hơn nữa, việc ông lãnh đạo, như một người lãnh đạo giáo huấn mà không như một nhân vật, bất chấp sức hấp dẫn cá nhân tuyệt vời của mình, xuất hiện giữa những cử tri sẵn sàng theo ông trong chiến tranh và bỏ qua ông trong thời bình: họ là người ham làm hơn là ham tiêu thụ về ông. Trái lại Roosevelt trong suốt chiến tranh, cũng như trước đó, vẫn là một người thuyết phục mang vẻ khoan dung mà mạnh mẽ, thậm chí là người nhằm mắt làm ngơ hoặc kích động các biến đổi trong dư luận mà ông luôn hết sức quan tâm. Churchill khai thác sự phẫn nộ của mình, còn Roosevelt khai thác sức hấp dẫn của mình.

Những khác biệt thực sự rõ ràng trong tình hình quân sự của Anh và của Hoa Kỳ vào thời kỳ này vẫn chưa đủ để giải thích những khác biệt nói trên trong tâm trạng và phương pháp lãnh đạo. Quan trọng hơn nhiều những khác biệt thời chiến giữa hai nước là các thay đổi khác nhau về mô hình chính trị trong nửa thế kỷ qua. Nước Mỹ những năm 90 có thể được dẫn dắt về mặt chính trị và đạo đức. Từ lúc ấy chúng ta đã bước vào một giai đoạn chính trị và xã hội mà quyền lực bị phân tán mỏng giữa các nhóm phủ quyết. Các nhóm này quá nhiều và đa dạng nên không thể lãnh đạo bằng giáo huấn; thứ họ muốn quá khác nhau để có thể giáo huấn và quá vô hình để có thể mua chuộc chỉ bằng tiền mặt; và cái gọi là lãnh đạo chính trị cốt ở khả năng khoan dung để lôi kéo đồng minh, như chúng ta có thể thấy trong trường hợp Roosevelt.

Điều này có nghĩa là, những người trong một giai đoạn lịch sử trước đã là các lãnh đạo chính trị, thì giờ đây đang bận bịu với công việc kiểu ngoại tại định hướng là nghiên cứu thông tin phản hồi từ tất cả những người khác - các đơn vị bầu cử, thông tín viên, rồi bạn và thù của họ bên trong các nhóm áp lực có ảnh hưởng. Cuộc cách mạng trong truyền thông làm cho sự chú tâm này trở nên khả dĩ theo những cách không từng có đối với người chăm sóc khách hàng cần mẫn tương tự ở thời trước, anh ta có thể mua một vài biên tập viên nếu muốn những điều có lợi được nói ra. Còn những ai từng là người đi theo lãnh đạo thì đã học được thuật vận động hành lang và quảng bá. Bản điểm danh các lãnh đạo thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 gồm nhiều người từ chối đi theo bầy đàn của mình: Gladstone và Cleveland, Robert Peel và John Stuart Mill (nghị sĩ), Woodrow Wilson[241] và Winston Churchill. Ngay cả ngày nay nhu cầu áp đặt đường lối không hợp lòng dân cũng đưa các típ nội tại định hướng lên hàng đầu: Cripps[242] ở Anh chẳng hạn; Stimson và Robert Patterson[243] ở Mỹ. Dĩ nhiên, các nhân vật chính trị thời nào cũng lệ thuộc vào người theo mình, còn chủ nghĩa cơ hội và việc vận động không phải một phát minh của thế kỷ 20.

Tuy nhiên, người lãnh đạo kiểu nội tại định hướng hoàn toàn ý thức được những bất đồng quan điểm giữa mình và người khác; nếu anh ta thay đổi đường lối, thì đó vẫn là đường lối *của anh ta*. Vả lại, vì anh ta tham vọng, về sau anh ta có thể thích danh vọng hơn sự nhiệt tình hưởng ứng nhất thời; dù thế nào thì anh ta cũng chẳng cần được tất cả mọi người yêu thích, mà chỉ cần những ai quan trọng cho cơ đồ của anh ta.

Trong tự truyện của mình, John Stuart Mill thuật lại câu chuyện sau:

> *Trong tập sách mỏng, "Thoughts on Parliamentary Reform" (Nghĩ về cải tổ Nghị viện), tôi đã nói khá thẳng thừng rằng, các tầng lớp lao động, dù khác với các tầng lớp lao động ở một số nước khác, đang xấu hổ vì nói dối, nói chung vẫn chưa phải là kẻ nói dối. Đoạn này một đối thủ nào đó đã cho in trong một tờ áp phích rồi đưa cho tôi tại một cuộc họp chủ yếu gồm các tầng lớp lao động, thế rồi người ta hỏi có phải tôi đã viết và in nó không. Tôi trả lời ngay "Phải". Hiếm khi chữ này ra buột khỏi miệng tôi, và tiếng cổ vũ nhiệt tình vang rền khắp cuộc họp.*

Thật thú vị khi so sánh sự việc này với cách xử sự mà một số nhân vật của công chúng Mỹ thể hiện, họ không chỉ không nghĩ tới chuyện nói điều gì có thể làm phật ý một cử tọa mà còn thường xuyên đi trệch khỏi bản diễn thuyết đã chuẩn bị, vốn được viết cẩn thận để làm hài lòng một cử tọa lớn, để xoa dịu nhóm trực diện nhỏ hơn mà diễn văn tình cờ sẽ phát biểu trước mặt họ.

Đại gia công nghiệp thời xưa cũng là đại gia tiêu thụ: tiêu chuẩn nào được đặt ra cũng đều do anh ta đặt ra cả. Anh ta còn là một đại gia chính trị. Đại gia tiêu thụ mới, kẻ đã chiếm chỗ của anh ta trong mắt công chúng bị giới hạn ngặt nghèo trong lĩnh vực tiêu thụ - dĩ nhiên tự nó đã bành trướng vô cùng. Ngày nay, các nhân vật trong thế giới giải trí nhàn rỗi, dù được yêu mến thế nào, cũng thiếu sức mạnh và hoàn cảnh để lãnh đạo. Nếu một minh tinh màn bạc ngày nay cố diễn cho đạt một thông điệp chính trị, trong phim hay ở ngoài đời, anh ta sẽ thấy mình dễ hứng đủ thứ áp lực. Nhà sản xuất phim cũng không mạnh mẽ gì hơn. Tín đồ Thiên Chúa giáo, Hội Giám lý, người làm dịch vụ lễ tang có tổ chức, Bộ Ngoại giao, người miền Nam, người Do Thái, bác sĩ, thảy đều gây áp lực cho cỗ máy được chuẩn bị để phân phối đại trà. Sự sùng đạo hay sự đứng đắn giúp bảo vệ một số nhóm thiểu số không được vận động hành lang. Người làm phim giữ vai trò môi giới giữa các nhóm phủ quyết này với nhau trong một hoàn cảnh quá phức tạp, nó không thể khuyến khích anh ta có thái độ cứng rắn, dạy đời. Giỏi lắm thì anh ta hay ai đó trong tổ chức cũng chỉ có thể tuồn một thông điệp đạo đức và chính trị vào phim, như Roosevelt hay ai đó trong tổ chức của ông lén đưa vào một sự bổ nhiệm hay một cơ quan điều phối mới. Thông điệp, sự bổ nhiệm, cơ quan - không thứ nào có thể tiến xa với trò bóng vồ trong truyện *Alice ở xứ thần tiên* của các nhóm phủ quyết.

II. Ai cầm quyền?

Các nhóm phủ quyết. Tính hay thay đổi của vận động hành lang đem lại cho chúng ta một đầu mối quan trọng về sự khác biệt giữa bối cảnh chính trị Mỹ hiện tại và bối cảnh chính trị Mỹ vào thời McKinley. Tầng lớp doanh nhân thống trị có thể phân định tương đối dễ dàng (dù có thể sai lầm) xem các quyền lợi của mình nằm ở đâu và có thể trả những gì cho các biên tập viên, luật sư, nhà lập pháp để thúc đẩy họ. Vận động hành lang phục vụ cho sự lãnh đạo, đặc quyền và mệnh lệnh rõ ràng của tầng lớp cầm quyền kinh doanh.

Ngày nay chúng ta đã thay thế kiểu lãnh đạo đó bằng một loạt các nhóm, mỗi nhóm này đã tranh giành và cuối cùng đạt được một quyền lực để dùng những thứ được cho là nguy hại đối với quyền lợi của nhóm, và khởi sự trong phạm vi những giới hạn gò bó hơn nhiều. Các nhóm doanh nhân lớn và nhỏ, các nhóm kiểm duyệt điện ảnh, các nhóm chủ nông trại, các nhóm lao động và nghề nghiệp, các nhóm sắc tộc lớn và các nhóm theo vùng lớn khác nhau, trong nhiều trường hợp đã vận động thành công để vào một vị trí mà họ có thể vô hiệu hóa những ai sẽ tấn công họ. Do đó, chính sự gia tăng số lượng các nhóm này, cùng các loại quyền lợi thực tế và tưởng tượng mà họ đang bảo vệ đánh dấu một chuyển dịch dứt khoát khỏi sự vận động hành lang thời trước. Còn có cả sự thay đổi trong phương pháp, trong cách thức các nhóm được tổ chức, cách họ đối phó nhau, và cách họ đối phó với công chúng, tức là những người chưa được tổ chức.

Những nhóm phủ quyết này không phải nhóm lãnh đạo mà cũng không phải nhóm bị lãnh đạo. Các nhà lãnh đạo tầm cỡ quốc gia duy nhất còn lại ở Hoa Kỳ ngày nay là những người có thể o bế các nhóm phủ quyết. Những người đi theo duy nhất còn lại ở Hoa Kỳ ngày nay là những người không may chưa được tổ chức và đôi khi phá tổ chức mà chưa chế ra được nhóm cho mình.

Trong nội bộ các nhóm phủ quyết, lẽ đương nhiên cũng có cuộc đấu đá tương tự tranh giành các vị trí chóp bu như đang diễn ra trong các tổ chức quan liêu khác. Giữa các nhóm phủ quyết với nhau thì cuộc cạnh tranh mang tính độc quyền; các quy tắc về sự công bằng và tình bằng hữu chỉ đạo người ta có thể đi xa đến đâu. Mặc dù có các quy tắc, nhưng dĩ nhiên thỉnh thoảng vẫn có "các cuộc chiến tranh giá cả", như các tranh chấp thẩm quyền của các công đoàn hay các nhóm tự vệ Do Thái; các tranh chấp này kết thúc bằng thương lượng, phân chia lãnh thổ, và sự hình thành một tổ chức đứng đầu cho đơn vị bầu cử đã chia rẽ trước đó. Các độc quyền lớn này, được xem như một nhóm duy nhất, đang trong cuộc cạnh tranh khốc liệt với người chưa thành nhóm, hệt như nền kinh tế thương mại công bằng cạnh tranh với nền kinh tế thương mại tự do. Những người đi theo lác đác về sau này có thể tìm thấy sự bảo hộ trong các ngóc ngách quanh những người có đầu óc tổ chức nhóm.[244]

Mỗi một nhóm phủ quyết trong mô thức này có thể có một động thái gây hấn, nhưng động thái này bị giới hạn rõ rệt về phạm vi bởi cách thức mà các nhóm khác nhau đã chia xẻ lĩnh vực chính trị và bày bố một số kỳ vọng lớn đằng sau mỗi phần chia. Cả trong nội bộ các nhóm lẫn trong hoàn cảnh mà sự hiện diện của họ tạo ra, tâm trạng chính trị có chiều hướng trở thành khoan dung kiểu ngoại tại định hướng. Những sự phủ quyết trói buộc hành động đến mức người giáo huấn khó mà quan niệm được một chương trình trên quy mô lớn nào có thể thay đổi được các mối tương quan giữa đời sống chính trị và đời sống cá nhân hay giữa đời sống chính trị và đời sống kinh tế. Trong cấu trúc quyền lực vô định hình mà các nhóm phủ quyết tạo ra, khó mà phân biệt được người thống trị với người bị trị, người được ủng hộ với người bị chống đối, người phe ta với người phe địch. Chính mô thức này khuyến khích người dự đoán nội tình có thể tháo gỡ các mối liên hệ cá nhân, và làm thối chí người nhiệt tình hay người phẫn nộ muốn đưa vào cái tốt hay chặn đứng cái xấu. Có lẽ, trên hết nó khuyến khích người dửng dưng phong cách mới, những người cảm thấy và thường nghe nói rằng vấn đề của anh ta cũng như của tất cả mọi người khác đều nằm trong tay các chuyên gia, và rằng người không có chuyên môn, dù họ nên "tham gia", thì không nên quá tọc mạch hay khích động.

Theo bản chất của mình các nhóm phủ quyết tồn tại như các nhóm tự vệ, không phải như các nhóm lãnh đạo. Nếu quả thực họ "có quyền lực" thì đó là nhờ một sự khoan dung lẫn nhau cần thiết. Càng ngày họ càng phản chiếu nhau trong phong cách hành động chính trị, kể cả sự quan tâm của họ đến các mối quan hệ công chúng và việc chú trọng vào sự hòa hợp cảm xúc nội bộ. Có một xu hướng trong các tổ chức định hướng khác nhau, giả dụ như các nhóm Thanh niên Đảng Xã hội và 4-H Club,[245] là dùng các phương pháp tâm lý tương tự nghệ thuật bán hàng để giành lấy và cố kết những người họ chiêu mộ được.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là các nhóm phủ quyết được hình thành theo các đường lối của cấu trúc tính cách. Như trong một tập đoàn kinh doanh có chỗ cho các kiểu người nội tại định hướng và ngoại tại định hướng quá khích, cùng mọi kiểu pha trộn ở giữa, thì trong một nhóm phủ quyết cũng có thể tồn tại những mối quan hệ cộng sinh phức tạp giữa những người thuộc các phong cách chính trị khác nhau. Do vậy, một nhóm những người vận động hành lang có thể bao gồm cả người giáo huấn lẫn người dự đoán nội tình, khi thì hoạt động trong kiềm tỏa, khi thì trong xung đột; và đơn vị bầu cử của nhóm có thể chủ yếu gồm những người dửng dưng chính trị phong cách mới biết đọc biết viết, có kinh nghiệm tổ chức đủ để ngạo mạn khi được nhờ đến. Bất chấp những sự phức tạp này, tôi nghĩ sẽ công bằng khi nói rằng các nhóm phủ quyết, ngay cả khi họ được thành lập để bảo vệ một quyền lợi giáo huấn rõ ràng, nói chung cũng buộc phải chấp nhận các cung cách chính trị của người

kiểu ngoại tại định hướng.

Khi nói vậy là tôi đang đề cập đến bối cảnh quốc gia. Lẽ đương nhiên, đơn vị bầu cử càng nhỏ thì số nhóm phủ quyết liên quan càng ít và càng có khả năng một nhóm nào đó trong họ sẽ thống soái. Do vậy, trong chính trị địa phương có nhiều phẫn nộ hơn và ít khoan dung hơn, ngay đến *Chicago Tribune* cũng là một tờ báo khoan dung khi so sánh với các thứ báo chí mì ăn liền của cộng đồng trong nhiều khu lân cận Chicago.

Cũng vấn đề này có thể được xem xét từ một cách nhìn khác. Nhiều nhóm khác nhau đã nhận ra rằng họ có thể tiến rất xa trong hoàn cảnh quyền lực vô định hình ở Mỹ mà không bị cản trở. Xã hội chúng ta cởi mở về hành vi đủ để cho phép một cộng đồng đáng kể những tay kẻ cướp có cuộc sống thoải mái dưới mọi loại chế độ chính trị đảng phái. Vì thiếu quan tâm đến các mối quan hệ công chúng nên những kẻ đó là những doanh nhân chậm chân. Tương tự với một số lãnh tụ công đoàn, họ đã phát hiện ra quyền năng làm đình trệ nền kinh tế của mình, nhưng trong hầu hết trường hợp thì thật ngạc nhiên, các yêu sách về lao động của họ rất chừng mực - sự chừng mực dựa trên những tiết chế tâm lý hơn là trên bất kỳ quyền lực nào có thể được chèn vào một cách hiệu quả. Cũng vậy, đôi khi một nhóm hung hăng, mặc dù không thuộc về các nhóm quyền lực-phủ quyết cực đoan, nhưng lại có thể thúc đẩy cho một đạo luật được cơ quan lập pháp thông qua. Do vậy, Đạo luật An ninh Xã hội mà Quốc hội thông qua, theo như tôi phát hiện, bởi vì nó được một nhóm nhỏ nhưng tận tụy thúc đẩy; các nhóm phủ quyết lớn bao gồm lao động có tổ chức không ủng hộ đạo luật đó nhiều mà cũng chẳng phản đối lắm.

Vì các lý do tương tự mà trong nhiều hoàn cảnh chính trị các nhóm phủ quyết đó là mạnh nhất, thành viên của các nhóm này gồm các nhóm phủ quyết, đặc biệt là nhóm phủ quyết một người. Ví dụ thích hợp nhất cho điều này là người nông dân cá thể, khi được một trong những cuộc vận động hành lang của nông trại dành cho một thỏa thuận, vẫn có thể không nhượng bộ để giành được thêm nữa. Mối bận tâm của vận động hành lang nông trại về phản ứng của các nhóm phủ quyết khác, ví dụ các công đoàn, chẳng mấy ăn thua với chủ nông trại cá thể. Thực tế này làm việc vận động hành lang mạnh mẽ trong đàm phán: nó có thể dùng các mối giao tế nhân sự nội bộ làm một đối trọng để mặc cả, giống như một nhà ngoại giao nói với một bộ trưởng nước ngoài rằng ông ta phải cân nhắc xem thượng nghị sĩ A thượng nghị sĩ B nào đó sẽ phản ứng ra sao. Bởi lẽ, bất kể bản tính ngoại tại định hướng của những người cầm đầu vận động hành lang là gì, họ cũng không thể trói buộc tư cách thành viên của mình để thực hiện việc tiếp cận giao tế nhân sự. Nhiều công đoàn cũng có quyền lực tương tự vì họ không thể kiểm soát thành viên của mình, những người mà, nếu không bằng lòng với thỏa thuận mà công đoàn đạt được, có thể bỏ đi hay ngầm phá hoại công việc.

Ngược lại, các nhóm phủ quyết đó cũng thường yếu trong đó sự định hướng theo ngoại tại có thể thống trị các thành viên của họ. Những tập đoàn lớn dễ bị một cuộc gọi từ Nhà Trắng tấn công vì trừ một người phẫn nộ còn sót lại như Sewell Avery,[246] bản thân các nhân viên của họ là kiểu ngoại tại định hướng, và vì khi lời của sếp thốt ra, các quản đốc phân xưởng dù giận sôi thế nào cũng phải tuân theo chính sách mới bởi chính bản chất của tổ chức tập quyền mà họ làm việc: họ có thể phá hoại ban quản lý cấp cao về những chuyện thứ yếu nhưng công xá hay kế toán thuế thì không. Trái lại, Giáo hội Công giáo La Mã ở Mỹ có quyền lực nhóm phủ quyết vô hạn vì nó kết hợp một mức độ chỉ huy tập quyền nhất định - và một hình ảnh công khai có một mức độ còn lớn hơn - với giới tăng lữ phân quyền cao (mỗi tu sĩ trong một nghĩa nào đó là thư ký nghiệp đoàn của riêng mình), cùng một tổ chức thành viên gồm rộng rãi những người trung thành theo sắc tộc, xã hội và chính trị; cấu trúc này cho phép sự linh động lớn trong thương lượng.

Song, các ưu điểm này không làm thay đổi được thực tế rằng nhóm phủ quyết, nói chung lại, cấu thành một vùng đệm mới giữa các cực cũ đã biến đổi, đang mỏng dần gồm những ai từng là người lãnh đạo và người bị lãnh đạo. Chính cả hai, sự giảm sút người lãnh đạo và người bị lãnh đạo, cùng với các hành động định hướng theo ngoại tại của các vùng đệm này, đã góp phần đem lại cho nhiều người giáo huấn một cảm giác trống rỗng trong đời sống chính trị Mỹ.

Các nhóm phủ quyết, theo những điều kiện mà sự hiện diện của họ tạo ra và theo những đòi hỏi họ đặt ra cho lãnh đạo trong chính trị, cổ vũ tâm trạng khoan dung của kiểu ngoại tại định hướng và thúc đẩy sự triệt thoái của người phẫn nộ kiểu nội tại định hướng.

CÒN CHĂNG MỘT GIAI CẤP THỐNG TRỊ?

Tuy nhiên, dân chúng vẫn tiếp tục làm như thể vẫn còn có một giai cấp thống trị quyết định ở nước Mỹ hiện đại. Trong những năm hậu chiến, giới doanh nhân cho rằng các lãnh tụ công đoàn và các chính trị gia điều hành đất nước, trong khi tầng lớp lao động và cánh tả thì nghĩ "Phố Wall"[247] hay "các gia tộc thập niên 60"[248] điều hành. Phố Wall, có lẽ hoang mang vì bị truất phế tư cách phong vũ biểu chỉ thời tiết hình thành vốn, có thể nghĩ rằng các trùm công nghiệp trung tâm Bắc Hoa Kỳ, vốn được nâng đỡ êm ái bằng tiền mở rộng nhà máy dưới dạng các quỹ khấu hao lớn và lợi nhuận không chia, là người điều hành đất nước. Họ có thể đã có vài bằng chứng cho điều này bởi sự thật là New Deal đã mạnh tay với tư bản tài chính - ví dụ Đạo luật về Ủy ban Chứng khoán và Công ty mẹ - hơn nhiều so với tư bản công nghiệp, và rằng trong thuế đánh trên lợi nhuận chưa chia, New Deal cố bắt tư bản công nghiệp phải chịu sự kiểm soát của cổ đông và thị trường chứng khoán, nhưng thuế này nhanh chóng bị bãi bỏ.

Song các ông trùm này ở Pittsburgh, Weirton, Akron và Detroit, như chúng ta đã thấy, dù hiển nhiên là một đám gai góc hơn những người Phố Wall, càng lúc càng nghĩ mình là người thụ ủy cho những người thụ hưởng của họ. Và theo cách nhìn của tầng lớp lao động và cánh tả, trong khi những ông trùm đó điều hành Ban Sản xuất thời chiến vì lợi ích của các công ty riêng, người ta cũng có thể dễ dàng biện luận như vậy rằng kinh nghiệm của Ban là một trong những nhóm yếu tố đã thuần phục các ông trùm. Nó đặt họ vào một tình huống phải nhìn công ty mình theo cách nhìn của "người khác".

Dù không có các nghiên cứu chuyên sâu về quyền lực kinh doanh và điều gì diễn ra trong một đàm phán kinh doanh, người ta cũng có thể dễ dàng có cảm giác ấn tượng về sự thay đổi hành vi kinh doanh trong thế hệ qua. Trên các trang tạp chí *Fortune*, biên niên sử tuyệt vời của lĩnh vực kinh doanh, người ta thấy rằng còn rất ít dấu tích của các kiểu thỏa thuận - với các doanh nhân khác, với người lao động, với chính phủ - vốn đã từng là tập quán điều hành chuẩn mực cho các ông trùm trước Thế chiến thứ nhất. Hơn nữa, trong 20 năm lịch sử của mình, chính *Fortune*, có thể xem là không đại diện nhiều cho độc giả, đã cho thấy sự giảm sút dần dà mối quan tâm đến kinh doanh theo nghĩa thông thường và sự tăng lên ngày càng lớn mối quan tâm đến các vấn đề đã từng là thứ yếu, như quan hệ quốc tế, khoa học xã hội và những thứ phụ tùng khác của nhà quản lý hiện đại.

Nhưng đương nhiên muốn biết xem tính cách có thay đổi như hành vi không thì khó hơn nhiều - có phải như một số người dám nói chắc, rằng doanh nhân ngày nay đơn giản là cầm quyền theo cách khó thấy hơn, mang tính quản lý hơn. Trong "Manager Meets Union", Joseph M. Goldsen và Lillian Low đã mô tả sự phụ thuộc tâm lý của một giám đốc bán hàng hiện đại vào sự tán thành của công nhân dưới quyền, sự sẵn sàng với các nhượng bộ theo mọi cách để duy trì tương tác cá nhân nồng ấm trong các mối quan hệ với họ, và nỗi căm giận khủng khiếp của ông ta đối với công đoàn như một trở lực cho việc trao đổi cảm xúc này.[249] Trái lại, người ta phải ấn định thái độ của một số công ty cung cấp ô tô với các lãnh đạo có vẻ thiên về chuyên môn hơn là nhân sự, do vậy họ không sẵn lòng nhượng bộ và không công ty nào quá bận tâm đến bầu không khí tình cảm trong các cuộc thương lượng. Cũng vậy, các thương thảo General Motors-Liên đoàn Công nhân Ô tô năm 1946, như sách báo thuật lại, nghe giống một cuộc chọi gà hơn là một tập tiểu luận của Plato, dù trong cuốn *Concept of the Corporation* (Khái niệm công ty) của Peter Drucker, một khảo sát về General Motors xuất bản cùng năm, có nhiều bằng chứng cho thấy ban quản trị có nhiệt tình xây đắp một đại gia đình hạnh phúc.

Quyền lực quả thực đã được xây dựng, ở một mức độ lớn, trên các kỳ vọng và thái độ giữa các cá nhân với nhau. Nếu giới doanh nhân cảm thấy yếu và lệ thuộc thì trên thực tế họ đã trở nên yếu hơn và lệ thuộc hơn, bất kể những

nguồn tài nguyên vật chất nào có thể gán cho họ. Ấn tượng của tôi, chủ yếu dựa trên các kinh nghiệm riêng trong tập quán kinh doanh và pháp luật, là doanh nhân từ các công ty sản xuất lớn, dù họ thường huênh hoang, dễ dàng thất đảm trước mối đe dọa thù nghịch của người khác; họ có thể đập bàn, nhưng họ trông chờ người khác chỉ huy và không nghĩ tới chuyện làm trái với nhóm ngang hàng. Có lẽ, các thái độ đối với một doanh nhân cáu kỉnh như Sewell Avery có thể vạch một đường phân chia rõ ràng giữa các thái độ cũ và mới. Những doanh nhân ngưỡng mộ Avery, dù có thể họ không dám bắt chước ông, đang ngày càng là một thiểu số già nua, trong khi lớp trẻ hơn thường bị sốc trước thói kiêu căng của Avery, khi ông ta cự tuyệt bàn tay niềm nở.

Mong muốn được người khác nghĩ tốt về mình của doanh nhân đã dẫn tới điều mỉa mai là hễ giáo sư nào viết một cuốn sách chỉ trích kinh doanh, dù cho hầu như chẳng được ai đọc, thì ông ta cũng sẽ tạo ra đủ thứ việc cho sinh viên ngành giao tế nhân sự, công tác nghiệp đoàn và nghiên cứu thị trường! Trong khi Black Horse Cavalry[250] ở một thời kỳ trước đã chặn đứng doanh nhân bằng cách hăm he cho thông qua luật pháp làm tê liệt họ, điều mà những kẻ giáo huấn phản đối kinh doanh mong muốn, thì ngày nay nhiều trí thức lương thiện sẽ chẳng nghĩ đến chuyện nhận hối lộ để duy trì việc kinh doanh hay công tác nghiệp đoàn, vì khách hàng của họ có lẽ đã bị chính những doanh nhân này làm cho sợ đến mức phải công nhận một nhóm phủ quyết có thật hay tưởng tượng nào đó. Vì một cấu trúc lớn được dựng lên để cám dỗ nhóm, không ai thực hiện việc kiểm tra quyền lực để xem liệu nhóm có thực sự tồn tại hay có thực lực không. Thật dễ hiểu, người ta dựa vào các ý thức hệ về việc ai có quyền ở Mỹ để chứng minh các hư cấu dễ chịu này, như chúng ta sẽ thấy trong Chương XIII, những hư cấu đem lại cho doanh nhân hiện đại một danh sách mua hàng dằng dặc, một nhiệm vụ bàn tay niềm nở không bao giờ dứt. Đấy là chuyện còn xa, tôi muốn gợi ý, với bàn tay niềm nở xu thời của người giàu có mà Tocqueville đã bình luận ở đầu chương; rất có thể, cái chỉ là tập quán ở thời ông đã trở nên ăn sâu trong tính cách ở thời chúng ta.

Hơn nữa, doanh nhân, không chỉ là người duy nhất không khai thác được vị trí quyền lực mà trong mắt nhiều người quan sát thì họ phải có. Các sĩ quan quân đội cũng dè dặt lạ lùng khi thực hiện quyền lãnh đạo. Trong chiến tranh người ta có thể nghĩ rằng quân đội khá trơ lì trước sự công kích. Nhưng các tướng lĩnh thường làm đủ mọi cách để kiềm chế không làm điều gì đó mà biết đâu một dân biểu sẽ phát biểu không hữu hảo về nó. Họ làm vậy ngay cả những khi có thể xua dân biểu đó đi như xua một con ruồi giận dữ. Khi đối đãi với doanh nhân hay các lãnh tụ công đoàn, các sĩ quan quân đội, tôi thấy hình như vậy, cung kính kỳ lạ; điều này cũng đúng với sinh viên học viện quân sự West Point hay những người theo chủ nghĩa xét lại. Dĩ nhiên, có những biệt lệ, nhưng trong nhiều tình huống khi các quân chủng vũ trang nhượng bộ để xoa

dịu một nhóm phủ quyết nào đó, họ sẽ hợp lý hóa các nhượng bộ về mặt nhuệ khí hay các mối giao tế nhân sự hậu chiến, hay thường thường, chỉ đơn giản là họ không hề biết về quyền lực của mình.

Đúng thế, một số người cũng đi đến kết quả ấy bằng con đường dân chủ truyền thống là địa vị thống trị dân sự. Rất có thể, đấy là một điều hay cho đất nước khi các quân chủng hết sức kiềm chế như vậy. Ở đây tôi không bàn đến vấn đề công trạng mà dùng nó như một minh họa cho tính cách đang thay đổi và cấu trúc xã hội đang thay đổi.

Tất cả những điều này có thể dẫn đến câu hỏi: nào, thế ai thực sự điều hành mọi chuyện? Cái mọi người không nhìn thấy là, trong khi cần phải có lãnh đạo để khởi động mọi sự, hay dừng mọi sự lại, thì cần rất ít lãnh đạo một khi tất cả đã bắt đầu vận hành - rằng thực ra, mọi chuyện có thể trở nên rối beng rối bời mà vẫn tiếp tục tiến triển. Nếu người ta tìm hiểu một xưởng máy, một nhóm quân đội, hay tổ chức lớn khác, người ta sẽ lấy làm lạ chẳng hiểu sao mọi chuyện lại xong xuôi được, khi thiếu sự lãnh đạo và lại có đủ kiểu làm câu giờ.[251] Có lẽ mọi thứ xong xuôi vì chúng ta vẫn còn đang tận dụng được các nguồn dự trữ kiểu nội tại định hướng của mình, nhất là trong các tầng lớp thấp hơn. Dù thế nào, thực tế mọi việc được làm xong không phải là bằng chứng cho thấy có ai đó đang chịu trách nhiệm.

Dĩ nhiên, vẫn còn một số nhóm phủ quyết có quyền hành hơn các nhóm khác và một số cá nhân có quyền hành hơn người khác. Nhưng xác định xem những người này là ai thì phải được thực hiện lại từ đầu cho thời chúng ta: chúng ta không thể bằng lòng với những giải đáp mà Marx, Mosca, Michels, Pareto, Weber, Veblen hay Burnham[252] đưa ra, dù chúng ta có thể học hỏi từ tất cả họ.

Còn có nhiều hiện tượng ở đất nước rộng lớn này vượt quá sức họ (đương nhiên, cũng vượt quá sức của tôi và các cộng sự). Một ví dụ là quyền lực rộng lớn, cả về chính trị lẫn kinh tế mà Artie Samish[253] có, người được cho là ông trùm nhóm phủ quyết ở California. Samish là một nhà vận động hành lang kiểu mới, người đại diện không chỉ cho một mà nhiều quyền lợi, thường là những quyền lợi đối chọi nhau, từ nhóm lái xe tải đến những người nắn khớp xương chữa bệnh, người kích động một nhóm phủ quyết chống lại các nhóm khác để làm họ lung lay rồi củng cố quyền lực của riêng mình: ông ta đã biết thói định hướng theo người khác của các nhóm phủ quyết có uy tín sẽ dẫn họ đến chỗ làm nảy sinh các nhóm khác qua sự bảo trợ của ông ta ra sao. Vì các đảng kiểu cũ có ít quyền lực ở California, không thể nào đi đến quyết định rạch ròi ủng hộ hay chống riêng một nhóm phủ quyết nào qua hệ thống đảng phái; thay vì vậy, các viên chức nhà nước đã trở nên dựa dẫm vào Samish để có sự ủng hộ tranh cử, hay ít nhất không bị chống đối, qua các nhóm cử tri được ông ta chăn dắt và các đóng góp tiền mặt của họ; vả chăng, ông ta còn biết cách đi

trực tiếp tới người dân qua định chế trưng cầu dân ý dân chủ.[254]

Carey McWilliams đã nhận xét rằng quyền lực của Samish vừa dựa vào thể chế bầu cử kỳ lạ của nhà nước vừa vào thực tế là không một ngành nào hay nhóm liên minh các ngành công nghiệp nào, không một công đoàn, không một nhóm sắc tộc hay vùng nào, có địa vị thống trị. Tình hình này rất khác ở một bang như Montana, nơi đồng thau là chủ lực, và ta phải hoặc ủng hộ công đoàn hoặc ủng hộ Anaconda. Nó cũng khác ở bang Virginia, nơi mà, như V.O Key cho thấy trong *Southern Politics* (Chính trị miền Nam), việc xây dựng hiến pháp nhà nước đã ưu ái quyền kiểm soát của cánh tòa án cũ. Khi xem xét các mức độ phân hóa này, bắt nguồn từ những điểm tế nhị của pháp lý địa phương, cũng như các yếu tố chính trị và xã hội chính yếu, rõ ràng là bất kỳ thảo luận nào về giai cấp và quyền lực trên sân khấu quốc gia bất quá cũng chỉ là một cái gần đúng. Thế nhưng tôi muốn được mạo muội nói rằng Hoa Kỳ nhìn chung giống California trong sự đa dạng của nó - nhưng không có ông trùm phủ quyết - hơn là giống Montana và Virginia trong nét đặc thù của nó. Số nhóm phủ quyết nhiều hơn, và quyền lực lớn hơn của họ, có nghĩa rằng không ai hay nhóm nhỏ nào có thể tập trung quyền hành trên phạm vi quốc gia, thứ mà Artie Samish và, ở thời trước, Huey Long,[255] đã có ở phạm vi địa phương.

Đúng hơn, quyền lực trên sân khấu quốc gia phải được xem xét theo các vấn đề đang tranh cãi. Có thể, với một vấn đề chỉ liên quan đến hai ba nhóm phủ quyết, bản thân họ là thiểu số nhỏ, thì người môi giới chính thức hay phi chính thức trong các nhóm có thể hết sức hùng mạnh - nhưng chỉ ở trong vấn đề đó thôi. Tuy nhiên, khi vấn đề bao hàm cả nước nói chung, thì không cá nhân hay nhóm lãnh đạo nào lại có thể đặc biệt hữu hiệu, vì không thể làm cho các nhóm phủ quyết cực đoan nao núng: không giống như một đảng có thể bị đánh bại tại các cuộc trưng cầu, hay một giai cấp có thể bị một giai cấp khác thay thế, các nhóm phủ quyết bao giờ cũng "trong cuộc".

Người ta có thể hỏi liệu có ai nhận ra là qua một thời gian dài, các quyết định ở Mỹ đã ưu ái một nhóm hay tầng lớp - theo đó, là nhóm hay tầng lớp cầm quyền theo định nghĩa - hơn so với những nhóm khác. Về lâu dài sự giàu có không tạo ra ảnh hưởng hay sao? Trong quá khứ điều này đã là như vậy; trong tương lai thì tôi không chắc. Tương lai có vẻ như nằm trong tay của doanh nghiệp nhỏ và giới chuyên môn, những người kiểm soát Quốc hội, như các nhà môi giới địa ốc, luật sư, người bán xe hơi, nhà thầu, vân vân; của giới quân nhân kiểm soát quốc phòng, và phần nào của chính sách đối ngoại; của các nhà quản trị kinh doanh lớn cùng luật sư của họ, người trong ủy ban tài chính, và các nhà tư vấn khác quyết định về đầu tư nhà máy, về sự chi phối tốc độ đổi mới công nghệ; của các lãnh tụ công đoàn kiểm soát năng suất của công nhân và lá phiếu của công nhân; của người da trắng sống ở khu da đen miền Nam có phần lợi lớn nhất trong chính trị miền Nam; của người Ba Lan, Ý,

Do Thái và Ailen có phần lợi trong chính sách đối ngoại, việc làm của thành phố, các tổ chức tôn giáo và văn hóa dân tộc thiểu số; của những người viết xã luận và người kể chuyện giúp xã hội hóa lớp thanh niên, chòng ghẹo và huấn luyện cho người trưởng thành, mua vui và chọc giận người già; của các chủ nông trại - bản thân họ là một đám xung khắc gồm dân chăn trâu bò, dân trồng ngô, dân trang trại sữa, dân trồng bông, vân vân - những người kiểm soát các bộ và ủy ban trọng yếu, và những người như đại diện còn sống cho quá khứ nội tại định hướng của chúng ta, kiểm soát nhiều ký ức của chúng ta; của người Nga và ở một mức độ ít hơn, là các cường quốc nước ngoài khác kiểm soát phần lớn chương trình nghị sự chúng ta quan tâm; vân vân. Độc giả có thể bổ sung cho đủ danh sách này. Tôi thấy hình như quyền lực ở Mỹ mang tính tùy tình thế và thất thường; nó cưỡng lại những nỗ lực định vị nó theo kiểu một phân tử, trên nguyên lý Heisenberg,[256] nó cưỡng lại các nỗ lực xác định đồng thời vị trí và vận tốc của nó.

Nhưng thiên hạ sợ cái bất định và cái vô định hình này trong vũ trụ học quyền lực. Ví dụ, ngay cả những trí thức, cảm thấy mình hầu như chẳng có quyền lực gì và khiếp đảm trước những người họ nghĩ là có quyền lực, cũng thích bị các cấu trúc quyền lực mà họ hô biến ra làm cho kinh sợ hơn là phải đối mặt với khả năng cấu trúc quyền lực mà họ tin đang tồn tại đã bay biến đi phần lớn. Hầu hết mọi người thích chịu đựng các lý giải đem lại ý nghĩa cho thế giới của họ hơn là ung dung dưới cái hang mà không có một sợi chỉ nào của Ariadne.[257]

Bây giờ cho phép tôi tóm tắt luận cứ trong các chương trước. Người kiểu nội tại định hướng, nếu quan tâm đến chính trị, liên quan với bối cảnh chính trị bằng đạo lý của anh ta, hoặc bằng các quyền lợi đã xác định rõ, hoặc cả hai. Mối quan hệ của anh ta với các ý kiến của mình là gần gũi, không phải ngoài lề. Các ý kiến là phương tiện bảo vệ một số nguyên tắc chính trị nhất định. Chúng có thể căng thẳng và cá nhân, như trong thảo luận chính trị ở các trang đầu cuốn *Portrait of the Artist as a Young Man* (Chân dung nghệ sĩ như một người trẻ tuổi) của Joyce, hoặc các ý kiến ấy có thể căng thẳng và phi cá nhân như một phương tiện bảo vệ tư cách dân Boston đường hoàng của ta hay địa vị giai cấp khác. Trong trường hợp nào thì ý kiến của ta cũng được cảm thấy là quan trọng và có một mối liên hệ trực tiếp nào đó với thế giới khách quan mà ta sống.

Trái lại, người kiểu ngoại tại định hướng, nếu quan tâm đến chính trị, sẽ gắn bó với bối cảnh chính trị trên tư cách thành viên của một nhóm phủ quyết. Anh ta để cho nhóm bảo vệ các quyền lợi của mình, hợp tác khi được kêu gọi bầu cử, gây sức ép, vân vân. Các chiến thuật áp lực này dường như làm cho ý kiến của anh ta hiển hiện trên bình diện chính trị, nhưng thực ra là giúp anh ta có thể tách khỏi các ý kiến của mình. Không còn hoạt động như một "cử tri

độc lập" - phần lớn đấy là một hư cấu dễ chịu ngay cả ở giai đoạn phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng - các chính kiến của anh ta, theo nghĩa thông thường, được cảm thấy là có liên quan tới nhiệm vụ chính trị của anh ta. Do vậy, chúng có thể phục vụ anh ta như một đối trọng xã hội trong vai trò một người tiêu thụ tin tức chính trị trong ngày thuộc nhóm ngang hàng. Anh ta có thể khoan dung với ý kiến của người khác không chỉ vì sự khoan dung theo tính cách học, mà còn vì đấy "chẳng qua chỉ là" ý kiến, có lẽ thú vị hay vui vui, nhưng không có chút nào, nói chi đến toàn bộ, sức nặng cam kết đối với vai trò hay hành động chính trị của anh ta. Vả lại, chúng "chẳng qua chỉ là" ý kiến, bởi vì các nhóm phủ quyết trong giới chính trị ương ngạnh đến mức ý kiến như vậy có cảm giác gần như không liên quan.

Người giáo huấn chính trị kiểu nội tại định hướng có sự kiểm soát chắc chắn - thường quá chắc - đối với cả loạt phán xét mà anh ta sẵn sàng áp dụng bất cứ đâu và bất kể nơi nào. Người dự đoán nội tình kiểu ngoại tại định hướng không thể củng cố riêng phán xét nào bằng xác tín bắt nguồn từ một sắc thái cảm xúc đã được tổng kết và sắp xếp. Có thể lập luận rằng nỗi xúc động kìm nén hay sắc thái cảm xúc vẫn còn đó, vẫn ẩn kín. Học thuyết của Freud thường tiên đoán sự tái hồi của cái bị đè nén. Nhưng hình như khả năng cao hơn là tập tính xã hội vốn luôn mạnh mẽ, và sự áp chế thường xuyên lòng nhiệt tình hay phẫn nộ chính đáng sẽ được người kiểu nội tại định hướng coi là sự suy giảm tự nhiên liên tục khả năng của người kiểu ngoại tại định hướng có các hình thức phản ứng đó. Người kiểu ngoại tại định hướng thậm chí còn có thể khởi đầu là một người kiểu nội tại định hướng đóng vai ngoại tại định hướng. Cuối cùng anh ta lại trở thành vai anh ta đóng, và mặt nạ của anh ta trở thành thực tại lối sống mà anh ta không thể nào tránh khỏi.

CHƯƠNG XI
Người Mỹ và người Kwakiutl

Những nhà đạo đức học không ngừng kêu ca chuyện cái xấu được thời đại ta ưu ái hơn cả là lòng tự hào. Trong phạm vi nào đó, nghĩ vậy là đúng: thực ra thì chẳng có con người nào không tin là mình cao hơn anh hàng xóm mà lại bằng lòng phục tùng cấp trên. Nhưng nghĩ như thế cũng lại rất sai xét trên khía cạnh khác. Bởi vì cũng cái con người đó, con người không chịu đựng nổi cả sự lệ thuộc lẫn sự bình đẳng bình quyền, thì cũng tự khinh bỉ mình, đến mức là anh ta cho rằng mình sinh ra ở đời là để chỉ còn lao vào nếm náp những thú vui thô kệch mà thôi. Anh ta sẵn sàng giao du với các ước mong tầm thường chứ không dám dấn thân vào những sự nghiệp cao quý mà anh ta chẳng mấy khi mơ đến. Xin đừng vội nghĩ là chúng ta cần phải khuyến nghị cho người đương thời cách sống nhún nhường, tôi những mong chúng ta tìm được cách tạo ra cho họ một tư tưởng khoáng đạt hơn nữa về bản thân họ và về nhân loại. Tính nhún nhường chẳng có lợi lộc gì cho họ hết. Theo tôi nghĩ, cái mà họ thiếu hơn cả, đó là lòng tự hào.

Tocqueville, *Nền dân trị Mỹ*[258]

Hình ảnh quyền lực ở nước Mỹ hiện đại trình bày trong các chương trước tách khỏi những bàn luận ở đây về quyền lực thường dựa trên cuộc tìm kiếm một giai cấp thống trị (ví dụ, khám phá của Burnham về các nhà quản lý, của Mills về lãnh tụ công đoàn và những người khác). Và chính người Mỹ, khác những người dân ôn hòa và hợp tác mà tôi đã trình bày, đối với nhiều người quan sát và với chính họ, lại là người ám ảnh quyền lực, cuồng tiền hay mải lo phô trương hoành tráng. Hay như trong phúng dụ tôi sẽ dùng để minh họa luận cứ của mình, người Mỹ được mọi người cảm thấy, và tự họ cảm thấy mình giống các tù trưởng da đỏ Kwakiutl thích chơi trội và những người theo gót họ, hơn là những nông dân nhu hòa, hợp tác vùng Pueblo. Có lẽ bằng cách tiếp tục theo đuổi các hình ảnh quyền lực và cá tính này mà các khoảng cách (tôi thấy dường như vậy) giữa thực tế chính trị và ý thức hệ chính trị có thể được hiểu rõ hơn phần nào.

Cuốn sách của Ruth Benedict, *Patterns of Culture* (Các mô thức văn hóa), mô tả chi tiết sinh động ba xã hội nguyên thủy: thổ dân Pueblo (Zuni) ở Tây Nam nước Mỹ, dân đảo Dobu ở Thái Bình Dương, và thổ dân Kwakiutl ở bờ biển Tây Bắc châu Mỹ.[259]

Thổ dân Pueblo được mô tả là một xã hội nhu hòa, hợp tác, ở đó không ai mong được coi là vĩ nhân và ai cũng muốn được xem là một người bạn tốt. Quan hệ tình dục ít gây ra ghen tuông hay dạng phản ứng dữ dội nào khác;

không chung thủy không bị trừng phạt nghiêm khắc. Cái chết cũng được nghĩ tới một cách nhẹ nhàng, ít cảm xúc mãnh liệt; nhìn chung, cảm xúc được làm mềm mại đi. Mặc dù họ có các biến đổi đáng kể trong địa vị kinh tế, nhưng ít có sự phô trương sức mạnh kinh tế và thậm chí còn ít phô trương quyền hành chính trị hơn nữa; họ có một tinh thần hợp tác với gia đình và cộng đồng.

Dobu, trái lại, được trình bày gần như là một xã hội hoang tưởng mà bàn tay mỗi người đều hại hàng xóm của mình bằng ma thuật, trộm cắp và ngược đãi; ở đó chồng và vợ luân phiên nhau làm tù nhân của bà con họ hàng người kia; và ở đó sự không chung thủy bị căm ghét ghê gớm. Đời sống kinh tế Dobu được xây dựng trên thủ đoạn bất lương trong sự đổi chác giữa các đảo với nhau, trên cảm giác mãnh liệt về quyền sở hữu, và trên hy vọng chiếm được cái gì đó mà không mất gì nhờ trộm cắp, tà thuật và gian lận.

Xã hội thứ ba, Kwakiutl, cũng kình địch quyết liệt. Nhưng sự kình địch chủ yếu ở tiêu thụ phô trương, điển hình với các cuộc yến tiệc gọi là "tiệc tặng quà",[260] khi đó các tù trưởng hơn thua nhau ở chỗ đãi ăn, đốt chăn màn và đồng lá - những biểu tượng chính của sự giàu có trong xã hội; đôi khi ngay cả một căn nhà hay một chiếc xuồng cũng được châm lửa đốt trong một nỗ lực giành vẻ vang cuối cùng. Thực ra, xã hội này là một bức biếm họa tiêu thụ phô trương của Veblen; dĩ nhiên, tiệc tùng của các tù trưởng Kwakiutl này đóng vai trò "như kênh hợp pháp để sản phẩm thặng dư trong xã hội được dùng cạn kiệt và tiêu thụ, mang lại sự thư thái tinh thần nhiều hơn cho mọi bên liên quan". Thực tế, Veblen đã quen với "tiệc xuất hàng" bờ Tây Bắc này.

Tôi đã hỏi các sinh viên từng đọc Ruth Benedict rằng theo họ thì nền văn hóa nào trong ba nền văn hóa này giống nền văn hóa dị biệt hóa cao của Hoa Kỳ nhất. Đại đa số thấy người Mỹ là dân Kwakiutl. Họ nhấn mạnh sự cạnh tranh kinh doanh của người Mỹ, tính ganh ghét trong tình dục và địa vị, và ham muốn quyền lực. Họ thấy dân Mỹ là những người cá nhân chủ nghĩa, chủ yếu quan tâm đến việc phô trương của cải và chức vị.

Một thiểu số sinh viên, mọi khi vẫn là những người cấp tiến chính trị hơn, nói rằng Mỹ giống Dobu hơn. Họ nhấn mạnh thủ đoạn bất lương trong đời sống kinh doanh Mỹ, chỉ ra sự ghen tị ghê gớm và cay đắng trong các mối quan hệ gia đình, và thấy chính trị Mỹ, về đối nội và đối ngoại, gần như chẳng kém hung hăng so với trạng thái con người tự nhiên của Hobbes.[261]

Không sinh viên nào tôi đã trò chuyện lập luận rằng có những điểm tương đồng quan trọng giữa văn hóa thổ dân Hopi và Zuni Pueblo với văn hóa Mỹ - mà nhiều người ước là có.

Thế nhưng khi quay sang khảo sát các khuôn mẫu văn hóa của chính những sinh viên này, chúng tôi không thấy nhiều bằng chứng về lối sống của Dobu hay Kwakiutl. Các sinh viên giàu có làm đủ mọi cách để không phô trương -

mọi chuyện đã khác nhiều so với thời áo choàng lông gấu những năm 20. Đồng phục nghiêm chỉnh là một trong những sự xoàng xĩnh cố ý. Thực ra, không ai trong số những sinh viên này ngoại trừ một Lucullus[262] hiếm hoi dám để mọi người nghĩ mình tự cao tự đại. Cũng như không có Vanderbilt[263] nào thời nay nói "công chúng khốn kiếp", thì cũng không có vị phụ huynh nào ngày nay nói: "Vanderbilt ngồi đâu thì đó là đầu bàn. Tôi dạy con tôi làm người giàu có".[264]

Hơn nữa, các sinh viên từ bỏ lối sống Kwakiutl không chỉ vì lối tiêu thụ phô trương đã thực sự biến mất. Những phô trương khác về tài năng thiên bẩm hay thành công đạt được, cũng đã bớt. Một ngôi sao bơi lội hàng đầu trường cao đẳng đã nói với tôi: "Tôi thấy buồn phiền vì mấy gã tôi đua tranh. Có gì đó không ổn ở tôi. Tôi ước mình có thể giống như X thực lòng hợp tác với mấy anh chàng kia. Cậu ta không mấy để tâm đến chiến thắng".

Dường như có một khoảng chênh giữa nước Mỹ mà sinh viên tạo ra cho mình trong tư cách sinh viên với nước Mỹ họ nghĩ sẽ bước vào khi rời khỏi trường đại học. Hình ảnh nước Mỹ thứ hai ở trong họ phần lớn dựa trên các huyền thoại về nước Mỹ được giữ gìn trong nền văn học của chúng ta. Chẳng hạn, nhiều tiểu thuyết gia và nhà phê bình xứ ta vẫn còn tin rằng Mỹ, so với các nền văn hóa khác, là một dân tộc duy vật gồm những tù trưởng Kwakiutl tương lai. Có thể có đôi chút sự thật trong hình ảnh này vào Thời kỳ Vàng Son,[265] mặc dù Henry James đã thấy vấn đề chủ nghĩa duy vật mơ hồ thế nào giữa Mỹ và châu Âu ngay từ hồi ấy.

Chủ nghĩa duy vật của những nền văn hóa lâu đời hơn này bị che mất bởi các hệ thống địa vị của họ và bởi họ đã kế thừa nhiều giá trị từ giai đoạn phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng. Đơn giản là dân châu Âu chưa có tiền bạc và nhàn rỗi, cho đến những năm gần đây, để học đòi các mô thức tiêu thụ Mỹ; khi họ đã học đòi rồi, thì họ duy vật, nếu có thể nói như thế, đôi khi còn tầm thường hơn và duy vật hơn.

Tuy vậy, người châu Âu chỉ quá mừng vui nên chưa đến bảo người Mỹ là mình duy vật; còn người Mỹ, cảm thấy mình là *người mới phất* trong thế kỷ qua, trả tiền để được nghe người ta nói cho như vậy. Họ vẫn còn đang trả: không chỉ sinh viên của tôi không thấy được rằng đã đến lượt phần thế giới còn lại trở thành *người mới phất*, háo hức với các món đồ của một thời đại công nghiệp, mà hàng triệu người Mỹ đã buồn chán ngoảnh mặt quay lưng, không còn gán nhiều ý nghĩa tâm lý cho lĩnh vực hàng tiêu dùng nữa.[266]

Song, khi tôi cố chỉ ra những điều này cho những sinh viên đã ví người Mỹ với người Kwakiutl, thì họ trả lời rằng các quảng cáo cho thấy nhiều cảm xúc được gắn liền với tiêu thụ hàng hóa ra sao. Nhưng khi tôi hỏi họ có tin ở quảng cáo không, họ lại khinh miệt phủ nhận. Rồi khi tôi hỏi họ có biết ai tin không,

họ thấy khó đưa ra ví dụ, ít nhất trong tầng lớp trung lưu. (Nếu quảng cáo ảnh hưởng mạnh mẽ đến người dân cùng khổ tầng lớp thấp và có ít hy vọng thay đổi, chắc chắn sẽ có một cuộc cách mạng!) Thế nhưng quảng cáo phải tới được ai đó, các sinh viên khăng khăng. Tại sao vậy, tôi hỏi, tại sao không thể có chuyện quảng cáo nói chung là một trò gian lận tuyệt hảo, trình bày một hình ảnh nước Mỹ chẳng ai nghe theo, ngay cả dân quảng cáo làm ra nó cũng không? Giống như truyền thông đại chúng thuyết phục thiên hạ rằng những người khác coi chính trị là quan trọng, thì dân quảng cáo cũng thuyết phục mọi người rằng những người khác đang phát sốt muốn có tủ lạnh mới, xe hơi mới hay bộ đồ mới. Trong cả hai trường hợp người dân đều không thể tin nổi là người khác cũng thờ ơ như họ tự cảm thấy. Và trong khi thái độ dửng dưng trước chính trị có thể khiến mọi người cảm thấy phải thủ thế, thì sự dửng dưng trước quảng cáo có thể cho phép họ cảm thấy hơn người. Quả thực, tôi nghĩ rằng một nghiên cứu về quảng cáo Mỹ suốt một phần tư thế kỷ qua có thể cho thấy chính dân quảng cáo ít nhất cũng âm thầm nhận ra người tiêu thụ đã mất đi tình cảm nồng nhiệt. Nơi từng đăng tải các quảng cáo xe hơi và tủ lạnh, thể hiện bà nội trợ hay ông chồng hớn hở vì các món sở hữu mới, thì ngày nay thường chỉ là hình ảnh trẻ con hân hoan với trò chơi Nash mới mà cha chúng vừa mua. Trong nhiều quảng cáo ngày nay sở hữu tự nó đã lùi vào hậu cảnh hoặc được trình bày một cách trừu tượng, siêu thực; nó không còn lóe lên những đốm sáng hay những dấu than nữa; chính bản sao đã thành tinh tế hơn hay thực tế hơn.

Dĩ nhiên ở Mỹ vẫn còn nhiều người nhiệt tình tiêu thụ kiểu cũ chưa chịu tác động của sự lan tràn thói sành điệu và sự kìm nén phản ứng cảm xúc của người tiêu thụ kiểu ngoại tại định hướng. Ví dụ tuyệt vời là bà mẹ Ireland sống ở một thị trấn trong phim *A Letter to Three Wives* (Lá thư cho ba người vợ), niềm hãnh diện và niềm vui lớn nhất của bà trong túp nhà bẩn thỉu bên đường ray tàu hỏa là cái tủ lạnh mới, to, sáng loáng, chưa trả tiền. Và có thể biện bác rằng ngay cả người Mỹ trung lưu cũng chỉ phủ lên chủ nghĩa duy vật của họ một mã ngoài khiếu thẩm mỹ cao, mà không thay đổi các động cơ nền tảng. Thế nhưng người kiểu ngoại tại định hướng, vì hướng theo mọi người, đơn giản là không thể duy vật như nhiều người kiểu nội tại định hướng. Để có chủ nghĩa duy vật nội tại định hướng chính hiệu - gắn tích trữ với vật chất hẳn hoi - ta phải tìm tới giai cấp tư sản Hà Lan hay nông dân Pháp hay những người khác mà các lề thói xưa cũ vẫn còn tồn tại vì họ.

Chính kiểu ngoại tại định hướng ở người Mỹ là thứ ngăn họ nhận ra điều này; giữa một bên là dân quảng cáo với một bên là các tiểu thuyết gia và trí thức, người Mỹ đã cho rằng những người Mỹ kia là duy vật, trong khi không đủ tin vào cảm nhận của riêng mình. Quả thực, tình thế ngược đời trong một giai tầng định hướng theo người khác là người ta thường xuyên có những đánh giá

sai trầm trọng về cái mà người khác cảm nhận và suy nghĩ, ít nhất là những người họ không tiếp xúc trong nhóm ngang hàng, nhưng thường là cả với những người mà họ cùng chia sẻ nhiều thời gian.

Đúng vậy, chính các doanh nhân cũng thường cố làm như vẫn có thể là một thủ lĩnh Kwakiutl ở Hoa Kỳ. Khi viết bài hay đọc diễn văn, họ ưa nói về tự do kinh doanh, về cạnh tranh khốc liệt, về mạo hiểm. Các doanh nhân này, dĩ nhiên, giống như lính lê dương Thế chiến thứ nhất, nói về những ngày oanh liệt đã qua. Sinh viên và nhiều người khác tin vào điều các doanh nhân nói trong những dịp thế này, nhưng sau đó có ít cơ hội nhìn thấy điều họ làm. Có lẽ bản thân các doanh nhân cũng là nạn nhân của những lời huyên thuyên và các nghi thức của chính mình giống như người Kwakiutl vậy.

Mấy sinh viên quả quyết rằng nước Mỹ giống Dobu thì không tìm thấy gì nhiều trong đời sống sinh viên để giữ vững quan điểm của mình, có lẽ chỉ trừ đôi chút lừa dối trong tình yêu hay trong thi cử. Đúng hơn họ thấy "hệ thống tư bản chủ nghĩa" là một môi trường cạnh tranh khốc liệt với những thủ đoạn bất lương, như thể chẳng có gì thay đổi từ thời Mark Twain, Jack London và Frank Norris.[267] Nước Mỹ với họ là xứ sở của những cuộc hành hình không xét xử, thói găngxtơ và trò lừa gạt của những cáo nhỏ cáo lớn. Thế nhưng, ngày nay, chỉ doanh nhân nhỏ (buôn bán ô tô hay sửa chữa lò sưởi chẳng hạn) mới có nhiều cơ hội để buôn bán kiểu "wabu-wabu", tức là lối vơ vét của cải cực kỳ gian manh theo hình thức kim tự tháp[268] của dân đi xuồng Dobu.

Tuy vậy, nếu các sinh viên này quay sang khoa học xã hội để tìm hình ảnh quyền lực ở Mỹ, họ sẽ thường xuyên thấy quan điểm của mình được chứng minh. Bản thân các nhận xét tản mát về Hoa Kỳ trong *Patterns of Culture* đã là một minh họa. Sinh viên của tôi còn đọc chương "Mô thức văn hóa Mỹ" của Robert Lynd trong *Knowledge for What?*[269] (Tri thức để làm gì?) Trong khi nhận thấy các hô hào cổ vũ cho tình bằng hữu và huynh đệ mâu thuẫn nhau, Lynd nhấn mạnh kinh doanh là thứ đẩy cá nhân chủ nghĩa và tàn nhẫn chính trị; ở chỗ khác ông nhấn mạnh tham vọng độc đoán và lối tiêu thụ phô trương điển hình của thế hệ "gia đình X" cũ ở Middletown.[270] Mỉa mai thay, quan điểm của các nhà phê bình xã hội học này và các nhà phê bình xã hội học khác nữa về kinh doanh đã được các nhà kinh tế học tân cổ điển khẳng định và phản ánh - họ xây dựng các khuôn mẫu cho hoạt động quản lý duy lý của công ty - vô tình hay hữu ý đã trình bày doanh nhân là những "con người kinh tế" ủ ê.

Phần nào vì hình ảnh doanh nhân này mà nhiều sinh viên các trường đại học tư thục đâm ra miễn cưỡng cân nhắc các ngành nghề kinh doanh, và khi ngày càng có nhiều thanh niên kéo vào đại học, các thái độ này mỗi lúc một lan rộng. Những người giỏi giang muốn cái gì đó "cao hơn" và ra vẻ kẻ cả nhìn xuống mấy anh chàng ở trường Wharton hay thậm chí cả Trường Kinh doanh

Harvard. Kinh doanh bị cho là tẻ nhạt, đáng ghét cũng như đáng ngờ về mặt đạo đức, và vấn đề đạo đức đích thực được bao hàm trong việc chọn nghề - ấy là, làm sao phát triển các tiềm năng của ta đến mức cao nhất cho một tồn tại trọn vẹn - bị ngu muội đi vì lựa chọn sai lầm nhưng được quan trọng hóa là kiếm tiền (và đánh mất linh hồn) trong kinh doanh, so với cảnh thanh bần (và cứu rỗi linh hồn) trong cơ quan nhà nước hay ngành giảng dạy. Ý niệm rằng kinh doanh ngày nay, nhất là kinh doanh lớn, bày ra các khó khăn và cơ hội thách thức trí tuệ, rằng nó rõ ràng không còn dính dáng đến thủ đoạn bất lương kiểu người Dobu hay sự so kè kiểu người Kwakiutl hơn bất cứ nghề nghiệp nào khác, có vẻ không tồn tại ngay cả trong tâm trí những sinh viên có cha là doanh nhân (có lẽ kém ăn nói thảm hại).

Thế nên, rất có thể hình ảnh mà sinh viên có về kinh doanh, và đời sống Mỹ nói chung, sẽ có một số ảnh hưởng tự nhiễm. Ngành kinh doanh sẽ buộc phải tuyển dụng trong số những người kém tài và kém nhạy bén hơn, những người sẽ không thể tận dụng các cơ hội phát triển cá nhân mà kinh doanh có thể đem lại, và do đó sẽ không trở thành hình mẫu cho lớp trẻ hơn. Hơn nữa, những người trông chờ gặp sự thù địch và tính toán ở người khác sẽ biện minh cho sự thù địch và tính toán đón đầu ở chính họ.

Đúng vậy, có nhiều người Mỹ đáng ghét, xấu xa, ti tiện, cả trong và ngoài đời sống kinh doanh; nhiều băng nhóm tội phạm miền Nam dễ sợ, những đám lưu manh miền Bắc, bọn nhóc du côn mặc hoặc không mặc vét tông dạ hội. Có nhiều hòn đảo văn hóa ở Hoa Kỳ nhan nhản lề thói Dobu, cũng như có những tàn dư của mô thức Kwakiutl cuối thế kỷ 19. Nhưng các ốc đảo và tàn tích này không tạo ra được một hệ thống quyền lực, cũng không liên kết với nhau bằng bất kỳ âm mưu nào, dù là phát xít hay những gì khác.

Thế thì, dĩ nhiên việc chỉ ra người Mỹ không giống người Kwakiutl mà cũng chẳng giống người Dobu sẽ không chứng minh được rằng họ giống người Zuni và thổ dân Hopi. Rõ ràng, bất luận thế nào, các so sánh đều sẽ rất đại khái; theo lập trường về các kiểu tính cách của tôi thì cả ba bộ lạc, chừng nào họ còn trong giai đoạn tiềm năng tăng cao dân số, sẽ ít nhiều phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng. Mục đích của tôi là đưa ra một phúng dụ, không phải một mô tả. Có bằng chứng, dù có lẽ phần nào chưa được Ruth Benedict nhấn mạnh đủ, rằng thổ dân Pueblo thực ra không dịu dàng và hòa nhã như bề ngoài, rằng trong một chừng mực nào đó họ là những người hợp tác đối kháng, với rất nhiều thù địch và ghen tị được kiềm chế nhưng trồi lên trong các giấc mơ và những chuyện phiếm ác ý. Nhưng điều này chỉ củng cố thêm sự tương đồng với người Mỹ trung lưu, sự hợp tác kiểu ngoại tại định hướng của họ cũng không hoàn toàn ôn hòa mà hàm chứa các yếu tố đối kháng kìm nén.

Quả thực toàn bộ sắc thái cảm xúc về đời sống ở người Pueblo gợi nhắc tôi mạnh mẽ đến nhóm ngang hàng Mỹ, với câu xúc phạm "Anh nghĩ anh ghê

lắm". Trong khi người Kwakiutl lấy làm hãnh diện về những cảm xúc mạnh mẽ dẫn họ tới chỗ phạm tội giết người, phóng hỏa và tự sát, thì người Pueblo lại bất bình với bất kỳ cảm xúc dữ dội nào.

Ruth Benedict viết:

> *Một người tốt có… "một cách nói năng dễ chịu, một tâm tính nhường nhịn, và tấm lòng quảng đại"… Anh ta nên "nói nhiều, như người ta nói - tức là, anh ta phải luôn làm cho mọi người dễ chịu - và anh ta nhất định phải dễ dàng hợp tác với người khác ở ngoài đồng hoặc trong nghi lễ, không bao giờ để lộ ra một chút thói kiêu căng hay một cảm xúc mạnh mẽ".*

Trích dẫn này gợi nhớ lại một trong những khuôn mẫu nổi bật nhất trong các phỏng vấn của chúng tôi với thanh niên. Khi chúng tôi hỏi về đức tính tốt đẹp nhất ở họ thì họ khó trả lời, mặc dù đôi khi họ nhắc đến khả năng "hòa hợp với mọi người". Khi chúng tôi hỏi họ: "Tính xấu nhất ở anh là gì?" thì câu trả lời thường có nhất là "tính nóng nảy". Và khi chúng tôi hỏi tiếp: "Thế ra tính nóng nảy ở anh tệ vậy sao?" thì thường hóa ra là người được phỏng vấn không hiểu nhiều về tính nóng nảy. Nếu chúng tôi hỏi tính nóng nảy ở anh ta có làm anh ta gặp rắc rối gì nhiều không, anh ta chỉ nêu được rất ít bằng chứng cho thấy là có. Các câu trả lời này - dĩ nhiên không có ví dụ tiêu biểu thích đáng - có thể mang ý nghĩa gì? Ấn tượng của tôi là tính nóng nảy được xem như tính nết xấu nhất trong xã hội bàn tay niềm nở. Nó được cảm nhận như một mối đe dọa nội tại đối với thái độ hợp tác của ta. Hơn nữa, nhóm ngang hàng xem thịnh nộ và nóng nảy là hơi lố bịch: ta phải biết mỉm cười chịu đựng nếu không sẽ bị kết tội nào đó tệ hơn cả tính nóng nảy, thứ tội chẳng ai chịu tự phán ngay cả trong một cuộc phỏng vấn - sự thiếu khiếu hài hước. Người theo típ nội tại định hướng cũng có thể lo về tính nóng nảy, chẳng hạn nếu anh ta theo đạo, nhưng những cấm đoán day dứt lương tâm và sự hình thành phản ứng của anh ta làm cho cảm xúc vẫn còn sống động, như núi lửa trong lòng anh ta - luôn chực phun trào trong sự phẫn nộ chính trị - còn người theo ngoại tại định hướng lại cho phép hay buộc cảm xúc của mình phải lành lại, trong một bầu không khí cưỡng bức thân thiện và khoan dung, dù không phải không để lại vết sẹo.

Nhiều thanh niên ngày nay còn đặt cho mình một lý tưởng trong đời sống tình dục riêng không quá khác với chuẩn mực Zuni. Họ cảm thấy mình phải nhìn nhận tình dục với ít cảm xúc giữa cá nhân và đương nhiên không có ghen tuông. Câu nói của người hiểu biết nói với thanh niên - "Đừng để dính" - đã thay đổi ý nghĩa trong một thế hệ. Có thời nó từng mang nghĩa: đừng để có thai, hay làm cho ai có thai; đừng đùa với pháp luật; đừng dính vào báo chí. Ngày nay huấn thị này tìm cách kiểm soát trải nghiệm cảm xúc của cá nhân, thứ có thể phá hoại tình bạn trong nhóm ngang hàng.

Nỗi lo hàng đầu của thổ dân Pueblo không hướng tới hành vi của nhau mà tới thời tiết, và các nghi lễ tôn giáo của họ chủ yếu hướng tới cầu đảo. Để làm vơi nỗi lo âu người da đỏ thực hiện các nghi thức, chúng phải chính xác từng li từng tí. Thanh niên Mỹ không có một nghi thức, nhưng như vậy để bảo đảm thành công của cá nhân hay bộ lạc. Tuy nhiên, ta có thể thấy một sự tương đồng trong khuynh hướng tạo ra các nghi thức giả tạo ở mọi lĩnh vực đời sống. Người ta biến học hành, công việc, vui chơi, tham gia chính trị như một người dự đoán nội tình hay như người phẫn nộ, và vô số cưỡng bức riêng tư, thành nghi thức. Nhưng các nghi thức, dù riêng tư hay công khai, thường được biện bạch là cần thiết; và vì điều này không hiển nhiên, vì dấu hiệu thành công không sờ sờ ra đó như một cơn mưa rào, thanh niên Mỹ khó mà có được nhiều an ủi từ các nghi thức bằng thổ dân Pueblo.

Những thanh niên bày tỏ quan điểm mà tôi vừa mô tả đã bắt đầu rời khỏi nhóm thanh thiếu niên ngang hàng; nhưng họ lại chưa chiếm được chỗ của mình trong mô thức định hình của người trưởng thành trong đời sống Mỹ. Ảnh hưởng của độ chênh giữa hình ảnh họ có về Hoa Kỳ như một xứ được các thủ lĩnh Kwakiutl dẫn dắt, dẫn dắt những người theo gót phong cách Kwakiutl, với thực tại là họ phát triển theo "Lối Hopi" sẽ ra sao? Họ có tìm cách mang đến những thay đổi, qua hành động chính trị và xã hội, làm nước Mỹ dễ chịu hơn cho những người kiểu ngoại tại định hướng khoan dung? Hay họ sẽ tìm cách làm theo hành vi tàn nhẫn kiểu Kwakiutl, được cho là tương hợp hơn với đời thực? Hoặc, may ra, họ sẽ thừa nhận rằng họ cũng là người Mỹ, suy cho cùng chẳng phải độc nhất vô nhị, và điều này có thể đòi hỏi xem xét lại các hình ảnh về quyền lực mà họ có, để biết hình ảnh người Mỹ nói chung là thế nào trong họ?

Chắc chắn, tất cả những điều này có thể xảy ra, và nhiều chuyện nữa. Nhưng có lẽ còn một yếu tố bổ sung sẽ hình thành nên cả ý thức hệ đang thay đổi lẫn tính cách đang thay đổi. Các sinh viên, nhận biết tính tranh đua và đố kỵ kìm nén ở chính mình, nghĩ rằng người khác có thể thử làm với họ cái mà chính họ sẽ không dám làm với người khác. Xã hội với họ có cảm giác giống như Kwakiutl hay thậm chí Dobu, không chỉ vì đó là ý thức hệ về Mỹ họ đã học mà còn vì chính tính hợp tác ở họ cũng đã nhuốm một sự đối kháng mà họ chưa dập tắt được hẳn. Và có lẽ điều này đem lại cho chúng ta câu trả lời cho một câu đố về sự khoan dung kiểu ngoại tại định hướng: tại sao, nếu người ngoại tại định hướng có tính khoan dung, anh ta lại sợ sự bất tuân thủ như vậy? Anh ta không thể dựa vào sự khoan dung của người khác hay sao? Có lẽ anh ta cảm thấy sự khoan dung của chính mình bấp bênh, tính khí nóng nảy tệ hại ở anh ta sẵn sàng văng ra khi được phép; nếu anh ta cảm thấy mình tồi tệ như vậy, dù hành vi anh ta có ôn hòa đến thế nào đi chăng nữa, anh ta cũng phải e sợ người khác, dù cho họ cũng có vẻ thân ái đến thế nào.

Các sinh viên này thích sống trong nền văn hóa Pueblo hơn, nếu phải chọn trong số ba nền văn hóa mà Ruth Benedict đã mô tả. Và trong khi lựa chọn này tự thân nó không mâu thuẫn thực tế, thì điều quan trọng lại là họ không biết mình đang sống trong một nền văn hóa như vậy rồi. Họ muốn xã hội an sinh, không phải những thành tựu vĩ đại. Họ muốn sự tán thành, không phải danh tiếng. Họ không hăm hở phát triển tài năng có thể đưa họ tới chỗ xung đột; trong khi thanh niên do nội tại định hướng thường ép mình tới tột cùng tài năng và hơn thế nữa. Ít người day dứt như thanh niên thời trước, rằng họ "đã 20 rồi mà chưa đạt được gì nhiều". Trong khi chàng trai trung lưu kiểu nội tại định hướng sau tuổi 20 thường phải học điều chỉnh, từ bỏ những khát vọng tuổi xuân và bằng lòng với số phận khiêm nhường của một người dân tình, thì anh chàng ngoại tại định hướng không bao giờ có những ước mơ như thế. Vì học cách tuân thủ theo nhóm gần như cùng với lúc học mọi thứ khác, nên anh ta không đối mặt, ở tuổi mới lớn, với nhu cầu phải chọn giữa thế giới của gia đình mình và thế giới của thế hệ anh ta, hay giữa những ước vọng của anh ta và một thế giới anh ta chưa hề tạo ra.

Hơn nữa, vì sự điều chỉnh theo thực tại của anh ta như đã được xác định bởi nhóm khởi sự từ trước, nên nó trở thành vấn đề tuân thủ tính cách hơn là vấn đề tuân thủ hành vi. Bài hát quen thuộc, "tôi không muốn châm lửa đốt thế gian",[271] biểu đạt một đề tài điển hình. Người Kwakiutl muốn làm chính điều đó, nghĩa đen là châm lửa đốt thế gian. Người kiểu ngoại tại định hướng thích tình cảm hơn vinh quang. Như Tocqueville đã thấy, hay đã tiên đoán: "Anh ta sẵn sàng giao du với các ước mong tầm thường chứ không dám dấn thân vào những sự nghiệp cao quý mà anh ta chẳng mấy khi mơ đến."

Có một mối liên hệ giữa cảm nhận của các sinh viên này cùng những người trẻ khác về số phận của mình và các quan niệm hiện thời về vấn đề ai điều hành đất nước. Chúng ta đã thấy rằng sinh viên cảm thấy mình bất lực, chỉ yên ổn khi thực hiện một nghi thức trong sự chấp thuận của nhóm. Dù họ có thể tìm cách bảo tồn sự độc lập cảm xúc bằng việc không can dự, nhưng đòi hỏi này tự nó đã là một mệnh lệnh của nhóm ngang hàng. Thế thì, khi nhìn quanh trong nước Mỹ, họ giải thích sự bất lực của mình như thế nào? Ai đó phải có cái họ chưa có: tình trạng không có quyền hành của họ phải tương ứng với việc có quyền hành ở đâu đó. Họ thấy Mỹ gồm những người Kwakiutl, không chỉ vì các khuynh hướng Kwakiutl còn sót lại và bị kìm nén ở họ mà thậm chí còn hơn nữa, vì tính hợp tác bị ép buộc của họ. Một số lãnh đạo lớn hẳn đang làm công việc điều hành này cho họ, họ cảm thấy vậy. Họ không thấy rằng, trên một phạm vi lớn, chính họ là người đang điều hành, qua tính cách của mình.

Các lãnh đạo đã mất quyền, nhưng những người theo gót chưa giành được nó. Người dã man tin rằng y sẽ giành được nhiều sức mạnh hơn bằng cách

uống máu hay lột da đầu kẻ thù. Nhưng người kiểu ngoại tại định hướng, còn lâu mới giành được sức mạnh, họ chỉ trở nên yếu hơn từ sự yếu kém của đồng hữu.

PHẦN III: TÍNH ĐỘC LẬP

CHƯƠNG XII
Thích nghi hay độc lập?

Trong số những việc làm của con người, công việc mà đời người được sử dụng rất chính đáng để hoàn thiện và điểm tô, công việc đứng đầu về tầm quan trọng rõ ràng là chính con người. Giả sử có thể xây nhà, trồng ngô, đánh trận, gắng gỏi cho những chính nghĩa, và thậm chí xây nhà thờ và cầu nguyện, bằng máy móc - bằng các thiết bị tự động có dạng người - nhưng sẽ là một tổn thất ghê gớm nếu đổi lấy những người máy này bằng những đàn ông, đàn bà hiện đang sinh sống ở các vùng văn minh hơn trên thế giới, hiển nhiên là giống loài đói khát mà tự nhiên có thể sản sinh và sẽ sản sinh ra. Nhân tính không phải là cái máy được chế tạo ra theo một mô hình, và được cài đặt để làm đúng một công việc quy định trước, mà là một cái cây cần tăng trưởng và phát triển về mọi mặt, theo khuynh hướng các nội lực của nó, cái làm cho nó là một sinh thể.

John Stuart Mill, *Bàn về tự do*[272]

Nếu những người lãnh đạo đã mất quyền hành, tại sao người bị lãnh đạo lại chưa giành được nó? Điều gì ở tính cách và hoàn cảnh của người kiểu ngoại tại định hướng ngăn cản sự chuyển giao? Về mặt hoàn cảnh, có vẻ như mô thức cạnh tranh độc quyền của các nhóm phủ quyết cưỡng lại những cố gắng khuếch trương của cá nhân. Về mặt tính cách, đơn giản là người kiểu ngoại tại định hướng không mưu cầu quyền lực; có lẽ, đúng hơn là anh ta trốn và tránh quyền lực. Nếu tình cờ lại là một người dự đoán nội tình, anh ta sẽ tạo ra một công thức cho mình biết quyền lực nằm ở đâu, và rồi anh ta sẽ tìm cách làm cho mọi sự kiện từ đó trở đi tuân theo công thức này. Theo một nghĩa nào đó, điều này nghĩa là anh ta thà đúng còn hơn là làm tổng thống. Nhu cầu được am tường của anh ta, nhu cầu được tán thành, nhu cầu của anh ta trong các tầng lớp trên với sự dị biệt hóa biên tế, có thể dẫn đến những hành động trông giống như một thôi thúc phải giành được hay cầm quyền. Nhưng thực tế là càng đi xa khỏi kiểu nội tại định hướng, người dự đoán nội tình càng ít tham vọng, ít muốn kiếm chác và ít tính chất đế quốc. Anh ta chờ thấy "người khác" nào đó - một số kiểu Kwakiutl hay Dobu - làm cái việc kiếm chác đó. Anh ta tự làm cho mình, với tư cách một người điều khiển thứ yếu, và là người tự điều khiển, khớp với hình ảnh anh ta có về họ.

Nếu người kiểu ngoại tại định hướng không tìm quyền lực, vậy anh ta tìm cái gì? Tối thiểu thì anh ta tìm sự thích nghi. Tức là, anh ta tìm cách có tính cách mình phải có, cùng các cảm nghiệm bên trong cũng như các phụ tùng bên ngoài đi kèm. Nếu không đạt được sự thích nghi, anh ta sẽ trở thành người *lệch lạc*, một thuật ngữ tôi sẽ định nghĩa ngay sau đây. Bất quá thỉnh thoảng

người kiểu ngoại tại định hướng mới tìm cách trở nên *độc lập*.

Cơ hội trở thành người độc lập cho anh ta nằm trong chính khoảng cách tồn tại giữa các áp lực thực hữu, khách quan, phải tuân thủ, không thể trốn thoát với các áp lực mang tính nghi thức nảy sinh không phải từ các định chế kiểu Kwakiutl ở Mỹ mà từ tính cách ngày càng theo kiểu ngoại tại định hướng của người dân. Nói cách khác, tôi không tin rằng tính cách xã hội mà cấu trúc xã hội ngày nay tạo ra, cụ thể là tính cách ngoại tại định hướng, là một mô phỏng y hệt cấu trúc xã hội đó, do các đòi hỏi của cấu trúc xã hội đó tạo ra.

I. Người thích nghi, người lệch lạc, người độc lập

Người ta rất có thể sẽ hỏi, làm sao có chuyện một nhóm lớn những người có thế lực trong một xã hội lại phải phát triển một cấu trúc tính cách thấp kém hơn các định chế của xã hội đó đòi hỏi? Một câu trả lời là nhìn vào lịch sử sẽ thấy những tất định thuộc định chế trước đây có chiều hướng tự duy trì trong ý thức hệ và tính cách, vận hành qua mọi cơ cấu hình thành tính cách tinh vi đã bàn đến trong các chương đầu Phần I. Tương tự như vậy, các khoảng cách giữa tính cách xã hội và vai trò xã hội của người trưởng thành có thể nằm trong số các lực đòn bẩy quan trọng đối với chuyển biến xã hội. Thật quá đơn giản khi nói rằng cấu trúc tính cách tụt hậu so với cấu trúc xã hội: như bất kỳ yếu tố nào trong các biến chuyển xã hội, mọi yếu tố khác cũng phải biến đổi về hình thức hay chức năng hay cả hai. Nhưng trong một xã hội lớn như xã hội Mỹ thì sẽ có chỗ cho độ chênh, và do vậy có chỗ cho cá thể chọn các phương thức dung hòa khác nhau. Trong các giai tầng thu nhập cao hơn ở Mỹ, các cá nhân cảm thấy có nhiều áp lực xuất phát từ lối giải thích chung giữa họ về điều cần thiết để có sự hòa hợp. Ngay khi một vài người của nhóm giải phóng mình khỏi các lối giải thích này, trong khi công việc hay thế giới của họ không tận diệt đi, thì cả những người khác nữa, không chừng cũng sẽ có can đảm làm như vậy. Trong trường hợp đó, tính cách sẽ thay đổi phù hợp với các cách hiểu đã thay đổi về hoàn cảnh.

Khi hỏi rằng một vài nhà cách tân có thể khởi phát từ đâu, chúng ta phải nhớ tính cách xã hội không phải là toàn thể tính cách. Cá nhân có thừa khả năng hơn điều xã hội vẫn đòi hỏi ở anh ta, dù chẳng dễ dàng xác định điều này, vì các khả năng tiềm tàng có thể ẩn kín không chỉ đối với người khác mà còn với chính cá nhân đó.

Dĩ nhiên, các cấu trúc xã hội hết sức khác nhau về mức độ chúng khơi dậy một tính cách xã hội, thứ đã làm đầy, đè bẹp hay chôn vùi tính cá thể trong quá trình xã hội hóa. Chúng ta có thể lấy các xã hội nguyên thủy Dobu hay Alor làm ví dụ, như những trường hợp cực đoan. Dân ở đó, từ thời thơ bé trở đi dường như bị đè bẹp bởi các tập quán đã thành định chế mà, mặc dù họ cũng xoay xở làm được cái mà nền văn hóa đòi hỏi ở họ, trong âm điệu đầy cảm xúc

mà nền văn hóa khuyến khích, nhưng họ không thể làm gì nhiều hơn nữa. Các trắc nghiệm Rorschach thực hiện với người Alor chẳng hạn, chỉ ra rằng có rất nhiều đồng dạng tính cách học giữa các cá nhân với nhau, nhưng có rất ít nguồn dự trữ sâu rộng vượt quá chuẩn mực văn hóa hay cái mà Kardiner gọi là kiểu tính cách cơ bản. Một xã hội như vậy ắt sẽ tuyệt diệt bởi sự lãnh đạm và nghèo khổ của nó, nhất là khi còn bị rối ren hơn nữa vì tiếp xúc với người da trắng, và khó mà hình dung một sức hồi sinh nội tại được các thành viên độc lập hơn trong nhóm dẫn dắt. Kẹt cứng giữa tính cách xã hội và các định chế xã hội cứng nhắc, cá nhân và những khả năng tiềm tàng của anh ta chẳng có mấy đất dụng võ. Thế nhưng, ngay cả trong một xã hội như vậy cũng vẫn có những người lầm lạc; như Ruth Benedict đã chỉ ra, chúng ta không biết có nền văn hóa nào không có những người như vậy. Tuy nhiên, trước khi quay sang xem mức độ lầm lạc có liên quan tới giai đoạn dân số hay không thì cần phải hiểu chính xác hơn lầm lạc có nghĩa là gì.

Người "thích nghi" là những người mà chúng ta đã mô tả phần lớn. Họ là người kiểu truyền thống định hướng, nội tại định hướng hay ngoại tại định hướng điển hình - những người từ trong cấu trúc tính cách của mình hưởng ứng các đòi hỏi của xã hội hay tầng lớp xã hội mình tại giai đoạn của riêng nó trên đường đồ thị dân số. Những người này ăn khớp với nền văn hóa như thể họ được chế tạo ra cho nó, như trên thực tế là vậy. Về mặt tính cách học mà nói, sự thích nghi của họ có tính chất dễ dàng không cần nỗ lực, dù như chúng ta đã thấy thì chính phương thức thích nghi có thể áp đặt những căng thẳng nặng nề cho kẻ gọi là người bình thường. Có nghĩa, người thích nghi là những người phản ánh xã hội của họ, hay giai cấp của họ trong lòng xã hội đó, mà ít bị méo mó nhất.

Trong mỗi xã hội, những ai không tuân theo mô thức tính cách học của người thích nghi thì có thể hoặc là người lệch lạc hoặc là người độc lập. Lệch lạc là từ tiếng Anh tạo mới từ chữ *anomique* (tính từ của *anomie*) của Durkheim, nghĩa là không theo quy tắc, phóng túng. Tuy nhiên, từ lệch lạc mà tôi dùng bao quát một phạm vi rộng hơn ẩn dụ của Durkheim: nó gần như đồng nghĩa với kém thích nghi, một từ tôi cố kìm không dùng vì các nghĩa rộng tiêu cực của nó; bởi có một số nền văn hóa mà tôi sẽ đánh giá cao người kém thích nghi hay lệch lạc hơn là người thích nghi. Người "độc lập" nói chung là những người có thể tuân thủ các chuẩn mực hành vi của xã hội mình - một khả năng mà người lệch lạc thường thiếu - nhưng được tự do quyết định xem có tuân thủ hay không.

Khi xác định sự thích nghi, việc kiểm tra không phải để xem hành vi công khai của một cá nhân có tuân theo các chuẩn mực xã hội hay không, mà là xem cấu trúc tính cách của anh ta có tuân theo hay không. Một người có tính cách hợp lúc hợp chỗ sẽ "thích nghi" ngay cả khi anh ta phạm những sai lầm

và làm những điều sai lạc rành rành so với cái người ta chờ thấy ở anh ta - chắc chắn, hệ quả của những sai lầm tương tự cuối cùng có thể sinh ra tính kém thích nghi trong tính cách. (Rất giống như vậy, một nền văn hóa có thể là một doanh nghiệp ăn nên làm ra tuy rằng nó cư xử "phi lý" đối với các vị hàng xóm hay môi trường vật chất của nó.) Ngược lại, cũng như việc bất tuân thủ trong hành vi không nhất thiết là sự bất phù hợp trong cấu trúc tính cách, thì sự tuân thủ răm rắp trong hành vi cũng có thể được cá nhân trả một giá cao đến mức gây ra loạn thần kinh tính cách và lệch lạc: người lệch lạc có chiều hướng phá hoại bản thân hoặc xã hội của họ, hoặc có thể cả hai.[273] Do vậy "thích nghi", như thuật ngữ được dùng ở đây, có nghĩa là khớp về mặt tâm lý-xã hội, không phải sự thích hợp mang nghĩa đánh giá phẩm chất; để xác định sự thích hợp của hành vi hoặc của tính cách thì chúng ta phải tìm hiểu không chỉ cá nhân mà còn cả chiếc hộp số mà, với đủ kiểu trượt và đảo chiều, trói buộc hành vi bằng các hình thức định chế. Người được định nghĩa là độc lập ở đây có thể hoặc không thể tuân thủ ngoài mặt, nhưng lựa chọn của anh ta là gì đi nữa thì anh ta cũng trả giá ít hơn, và anh ta được một lựa chọn: anh ta có thể đáp ứng cả các định nghĩa của văn hóa về sự thích hợp lẫn những định nghĩa (trong chừng mực vẫn còn được văn hóa định đoạt) hơi vượt lên trên chuẩn mực đối với người thích nghi.

Ba kiểu người phổ quát này (thích nghi, lệch lạc, độc lập), giống như ba kiểu người trong lịch sử của chúng ta (truyền thống định hướng, nội tại định hướng và ngoại tại định hướng), theo nghĩa của Max Weber, là "những kiểu lý tưởng", tức là, các kết cấu cần thiết cho công việc phân tích. Mỗi người đều sẽ là một trong các kiểu này ở chừng mực nào đó; nhưng không ai có thể được thuật ngữ nào trong những thuật ngữ này mô tả trọn vẹn. Nói quá lên thì, ngay đến một người mất trí cũng không phải là kẻ lệch lạc trong mọi mặt đời sống; một người độc lập cũng không hoàn toàn độc lập, tức là anh ta không thể không bị ràng buộc theo lối phi lý trong phần nào đó của tính cách đối với các đòi hỏi văn hóa về tồn tại của anh ta. Dẫu vậy, chúng ta vẫn có thể mô tả một cá nhân theo cách một phương thức thích nghi chiếm ưu thế, và khi chúng ta nghiên cứu các cá nhân, phân tích theo phương pháp như vậy sẽ đem lại đôi ba chiều kích hữu ích cho các mục đích mô tả và so sánh. Chúng ta còn có thể mô tả một xã hội bằng cách khảo sát tần suất tương đối mà ba phương thức thích nghi diễn ra, và tầm quan trọng tương đối của ba kiểu người trong cấu trúc xã hội.

Về những người lệch lạc nảy sinh như sản phẩm phụ, nếu có thể nói vậy, từ nỗ lực tạo ra kiểu nội tại định hướng và ngoại tại định hướng, rất nhiều điều đã được gợi ý trong các trang trước. Ngay một xã hội phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng cũng sẽ có một số người lệch lạc nhất định, những người về mặt hiến pháp và tâm lý không thể tuân thủ hay không cảm thấy

thoải mái trong các vai trò mà một xã hội như vậy phân định cho những kẻ lầm lạc thường xuyên tái phạm của nó. Một số người này có thể khai thác hệ thống thân tộc để tiếp tục sống, nhưng trong một xã hội lớn nhỏ thế nào cũng sẽ có một số khác bị đẩy khỏi cái mạng nhện dày đặc đó. Ngoài tính cách lệch lạc có phần độc hữu và tình cờ trồi lên này, những xã hội phức tạp hơn đang trải qua sự đổi thay nhanh chóng sẽ thêm vào những người mà, khi đã có thể thích nghi được, bị xô qua một bên vì sự xuất hiện của một kiểu chủ đạo mới. Các kiểu được nuôi dạy trong một chế độ gia đình truyền thống định hướng về sau có thể sẽ thấy mình là những kẻ trật trìa trong một xã hội lúc đó đã phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng; cũng vậy, sự phát triển của kiểu ngoại tại định hướng có thể dồn kiểu nội tại định hướng cũng như truyền thống định hướng đến chỗ lệch lạc. Người ta đã bàn đến một số hệ quả chính trị có thể có của các kiểu tính cách lệch lạc như vậy ở Mỹ, sự dửng dưng chính trị của họ có thể được huy động bằng một chiến dịch lớn, kêu gọi sự bất lực của họ đương đầu với những đòi hỏi của văn hóa đô thị hiện đại trong xã hội.

Nhóm lệch lạc không chỉ bao gồm những người mà, trong tính cách, được huấn luyện để dõi theo các tín hiệu không còn được phát ra nữa, hoặc không còn báo hiệu ý nghĩa hay sự thành đạt nữa. Họ cũng có thể, như vừa nói, là những người thích nghi quá mức, lắng nghe quá chăm chỉ các tín hiệu từ bên trong hay bên ngoài. Do vậy, chúng ta thấy rằng trong một xã hội phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng có thể sẽ có những trẻ em bị dẫn dắt thái quá và người lớn bị dẫn dắt thái quá, họ là những người bị siêu ngã kiểm soát quá khắt khe nên không thể cho phép mình có được ngay cả những toại nguyện bình thường, và họ chạy trốn khỏi bạn bè. Cũng vậy, trong số những người phụ thuộc vào kiểu ngoại tại định hướng, một số có thể không biết tắt cái rađa nội tại dù chỉ giây lát; sự tuân thủ thái quá biến họ thành một thứ biếm họa của mô thức thích nghi - một mô thức mà họ không nắm bắt được vì lẽ họ gắng sức quá mức để có nó.

Chẳng hạn, chúng ta đã thấy nỗ lực của người kiểu ngoại tại định hướng đạt được một phong cách khoan dung về mặt chính trị và cá nhân, cảm xúc cạn khô, tính khí cáu giận và tâm trạng ủ dột. Nhưng hiển nhiên, điều này có thể quá trớn đến độ sự tê liệt cảm xúc cuối cùng sẽ giống một triệu chứng lâm sàng. Nhà phân tâm học Ralph Greenson, khi quan sát những người lính nhập viện vì chứng thờ ơ trong Thế chiến thứ hai, đã viết về họ:

> *Đặc điểm nổi bật nhất ở bệnh nhân thờ ơ là anh ta rõ ràng thiếu cảm xúc và động lực. Thoạt nhìn anh ta có vẻ như bị trầm cảm; tuy nhiên, quan sát kỹ hơn thì sẽ thấy là thiếu xúc động. Anh ta có vẻ chậm đi trong các phản ứng tâm lý và vận động; anh ta cho thấy một vẻ vô hồn và một nhân diện như mặt nạ… Họ cư xử rất đàng hoàng trong bệnh viện, tuân theo mọi phép tắc, nội quy. Họ chẳng mấy khi kêu ca và*

không đòi hỏi… các bệnh nhân này không có thôi thúc giãi bày những cái họ chịu đựng và không có khả năng nhìn thấu hoàn cảnh của mình.[274]

Riêng tôi thì tin rằng con bệnh đi lại được trong khu bệnh viện văn hóa hiện đại thể hiện nhiều triệu chứng tương tự: tuân thủ quá nhiều, hiểu biết sáng suốt quá ít, dù dĩ nhiên các triệu chứng của họ không đột ngột và trầm trọng như vậy. Sự vô cảm và vẻ mặt vô hồn ở họ còn là nét đặc trưng ở nhiều người lệch lạc thời nay, cũng giống như chứng động kinh hay tình trạng ngoài vòng pháp luật vốn tiêu biểu cho những người lệch lạc trong các xã hội phụ thuộc vào những hình thức định hướng trước đây.

Nhìn chung lại, người lệch lạc - từ những kẻ ngoài vòng pháp luật công khai cho tới những kiểu lơ mơ đến cả tia lửa để sống còn không có, nói chi đến làm loạn - gộp thành một số lượng đáng kể ở Mỹ. Người ta biết rất ít về họ ở khía cạnh kiểu cá tính, giai cấp xã hội, "những ưu tiên" của họ trong bệnh tình, vân vân. Thực ra, khoa học xã hội và tâm lý học cho đến gần đây đã quan tâm tìm hiểu người lệch lạc, gợi ý các biện pháp trị liệu, cũng như y khoa đã lo diệt trừ các tác nhân bên ngoài gây bệnh cho con người hơn là hiểu biết những bí ẩn bên trong thân làm cho họ khỏe mạnh. Thực ra, thường không quá khó để giải thích tại sao ai đó lệch lạc, bởi bi kịch và sự lầm lạc của đời sống, giống như mầm bệnh, ở đâu cũng có, và bất kỳ bất hạnh cá nhân nào cũng có thể lần dò được về "căn nguyên" của nó.

Hiển nhiên chúng ta còn biết ít hơn về những người mà tôi gọi là độc lập. Nhiều người thậm chí sẽ phủ nhận có những người như vậy, kẻ có thể vượt lên trên nền văn hóa của mình bất kỳ lúc nào hay ở bất kỳ khía cạnh nào. Những người trở nên độc lập trong xã hội chúng ta chẳng hạn, có vẻ xuất thân từ một nền tảng gia đình và giai cấp hay bối cảnh địa phương có các hệ quả hoàn toàn khác đối với người khác. Thực ra, các kiểu độc lập, thích nghi và lệch lạc có thể là anh chị em một nhà, bạn bè đồng nghiệp trong cùng một công việc, người cư trú trong cùng một dự án nhà ở hay ngoại ô. Khi ai đó không trở thành người độc lập được, chúng ta thường thấy những chướng ngại vật nào chắn đường họ, nhưng khi ai đó thành công trong cùng bối cảnh hiển hiện mà người khác thất bại, thì bản thân tôi không có sẵn những lý giải cho điều này, và đôi khi tôi bị lôi kéo dựa vào các yếu tố hiến pháp hay di truyền - cái mà người thời xưa gọi là thần khí. Dĩ nhiên, nếu quan sát những đứa trẻ sơ sinh một tuần tuổi trong nhà trẻ của bệnh viện, ta sẽ thấy ngạc nhiên vì khả năng phản ứng đa dạng và sự sống động của chúng trước khi có nhiều cơ hội cho văn hóa chiếm lấy. Nhưng vì đây là một cuốn sách về văn hóa và tính cách, nên tôi phải dành lại các suy đoán ấy cho người khác.

Có vẻ hợp lý khi giả định rằng bước quyết định trên con đường đi tới độc lập có liên quan đến các chuyển biến xã hội mà tôi đã gắn với đường đồ thị dân số. Nói một cách tiêu cực, trong một xã hội có tiềm năng tăng cao dân số, thật

khó, hoặc gần như không thể, để một người nhận ra triển vọng anh ta có thể sẽ thay đổi, rằng có nhiều vai trò mở ra cho anh ta, những vai trò mà người khác đã chọn trong lịch sử hay trong môi trường của anh ta. Như triết gia G.H Mead[275] đã thấy, việc nhận vai của những người khác dẫn đến nhận thức được những dị biệt thực tế và những tương đồng tiềm tàng giữa người khác và cái tôi. Đó là lý do tại sao chỉ riêng tiếp xúc văn hóa thôi sẽ không dẫn mọi người đến chỗ thay đổi, khi mà cách họ hiểu sự tiếp xúc này xuất phát từ một lối sống bị truyền thống định hướng. Tiềm năng tăng cao dân số, kiểu truyền thống định hướng, và cá nhân không đủ sức đổi vai - nhưng lại nghĩ mình là một cá nhân có thể thay đổi như vậy - những điều này như chúng ta đã thấy, đều đi cùng với nhau.

Hàng thế kỷ nông dân ở Libăng chịu sự xâm lăng của dân du mục Ả Rập. Sau mỗi cuộc xâm lược nông dân lại quay sang canh tác từ đầu, dù có thể họ làm vậy chỉ để cống nạp cho kẻ cướp lần tới. Quá trình này tiếp diễn cho đến cuối cùng các thung lũng tươi tốt trở thành hoang mạc thực sự, ở đó cả nông dân lẫn dân du mục không thể mong đợi được gì hơn. Rõ ràng là những nông dân này chưa hề nghĩ tới chuyện họ có thể biến thành dân du mục; và đám kẻ cướp hiển nhiên chưa nghĩ tới chuyện cả họ cũng có thể trở thành người canh tác đất đai. Thiên sử thi này không có tính chất của lịch sử nhân loại mà là đời sống động vật. Các động vật ăn cỏ không thể ngừng ăn cỏ dù chúng có ăn cũng chỉ để bị động vật ăn thịt ngấu nghiến. Còn động vật ăn thịt không thể ăn cỏ khi chúng đã làm thưa thớt dần động vật ăn cỏ. Trong các xã hội phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng này, hiếm khi có ý niệm rằng người ta có thể thay đổi tính cách hay vai trò.

Nếu người Ả Rập có thể hình dung mình thành người canh tác, và ngược lại, thì không cần phải nói thêm, sinh thái cộng sinh của hai nhóm chính sẽ thay đổi. Các kiểu truyền thống định hướng này có thể vẫn tiếp tục làm cái họ nhận ra là không cần phải làm. Dẫu thế, khi kiểu nội tại định hướng phát triển, ngay khi mọi người biết rằng họ, với tư cách cá thể, có một định mệnh riêng không bị ràng buộc vào mô thức sinh thái nhất định nào, thì cái gì đó mới toanh sẽ xảy ra trong lịch sử cá nhân và xã hội. Bấy giờ mọi người sẽ có thể nghĩ đến chuyện tự thích nghi không chỉ nội trong những biên cương chật hẹp của loài thú mà còn trong phạm vi rộng các triển vọng lựa chọn đã được minh họa bởi kinh nghiệm nhân loại cho đến nay, nhưng không quá cái đã được minh họa đó. Có lẽ đây là ý nghĩa quan trọng nhất trong cuộc khám phá luôn luôn mới mẻ về tính nhất thể của nhân loại như một loài: rằng tất cả mọi kinh nghiệm con người đều trở nên liên quan với nhau.

Người Ả Rập nào có thể thấy mình là nông dân, dù anh ta, vì những lý do khí chất hay các yếu tố khác, sẽ không thể có một thay đổi tận gốc như vậy, thì cũng đã có được một cái nhìn mới mẻ về mối tương quan: người Ả Rập-

nông dân. Anh ta có thể nghĩ đến chuyện cấu trúc nó theo một cách khác, bằng điều khiển hơn là bằng vũ lực chẳng hạn. Nhưng nếu anh ta làm vậy, anh ta sẽ thay đổi, và người nông dân cũng sẽ thay đổi: các mối tương quan giữa họ không bao giờ có thể có cái bình dị cầm thú ngày xưa nữa.

Công nghệ nói chung càng tiến bộ thì càng nhiều khả năng đông đảo nhân loại hình dung mình là ai khác. Đầu tiên vì công nghệ sẽ thúc đẩy sự phân công lao động, điều này, đến lượt nó, sẽ tạo ra khả năng có nhiều loại kinh nghiệm và tính cách xã hội hơn. Thứ hai, cải tiến công nghệ đem lại thời gian nhàn rỗi đủ để chiêm nghiệm sự thay đổi - một kiểu dự trữ tư bản về sự thích nghi của con người đối với tự nhiên - không phải ở phần một thiểu số cai trị mà ở phần số đông. Thứ ba, sự kết hợp công nghệ và nhàn rỗi giúp con người làm quen với các giải pháp khác trong lịch sử - tức là, chúng không chỉ đem lại cho họ nhiều hàng hóa hơn, nhiều kinh nghiệm hơn mà còn thêm đủ loại khuôn mẫu cá nhân và xã hội.

Thời kỳ Phục hưng đã cho thấy một ảnh hưởng như vậy có thể mạnh mẽ ra sao. Thời ấy, một bức tranh tráng lệ hơn về quá khứ đã giúp nó sống hướng tới một tương lai rộng mở hơn. Người Ý, mới phất và tự ý thức, cố học theo người Hy Lạp; còn người phương Bắc, như người Anh thời Elizabeth, thì cố học đòi người Ý. Kiểu tính cách nội tại định hướng với tư cách kiểu chủ đạo nảy sinh từ các khả năng mới được tạo ra ở giai đoạn này; con người ráp cả các khả năng đó lẫn các giới hạn mà anh ta gán cho chúng vào tính cách mình. Từ trong các đám đông do truyền thống định hướng xuất hiện nhiều người có khả năng di động, quyết ý là họ có thể trở thành "dân du mục" và không còn phải là "dân canh tác" nữa; rồi công nghệ mới và các vùng đất mới bên kia biển cho họ nguồn dự trữ trí tuệ, thể chất cần cho cuộc đổi thay, cùng lúc làm cho người canh tác có thể chu cấp cho nhiều người không canh tác nữa. Kể từ đó, ở các nước tăng dân số chuyển tiếp, con người đã tước mất phẩm vật của trái đất và hậu duệ của nông dân để xây đắp nền văn minh công nghiệp (với sinh suất giảm) ngày hôm nay. Trong quá trình này con cháu của người nông dân phải học cách trở thành gì đó chứ không phải là người canh tác.

Cũng ngày hôm nay, tại các nước chớm giảm dân số, con người đứng trước ngưỡng cửa những triển vọng mới để là và trở thành người khác - dù lịch sử cung cấp một hướng dẫn chưa sẵn sàng, hoặc có lẽ chỉ là một hướng dẫn sai lạc. Họ không còn cần phải hạn chế lựa chọn của mình bằng sự thích nghi kiểu con quay hồi chuyển, mà có thể đáp lại một biên độ các tín hiệu rộng hơn nhiều so với bất kỳ biên độ nào đã được chủ quan hóa ở thời thơ ấu. Tuy vậy, cùng với tiến bộ hơn nữa của công nghệ và sự chuyển đổi các lĩnh vực từ sản xuất sang tiêu thụ, những triển vọng mới không xuất hiện trong cùng hình thức di chuyển đầy kịch tính từ tầng lớp này sang tầng lớp khác, gia nhập phe này hay phe khác - bóc lột hay bị bóc lột - trong nhà máy và tại các rào chắn.

Thực tế, những người, cụ thể là Cộng sản, cố cấu trúc mọi thứ theo các hình ảnh quyền lực cũ hơn này, có lẽ đã trở thành lực lượng phản động nhất và đe dọa nhất trong chính trị thế giới.

Ở một xã hội dư dật đã đạt tới giai đoạn chớm giảm dân số, đấu tranh giai cấp biến tướng đi khi tầng lớp trung lưu bành trướng cho đến lúc nó có thể chiếm hơn nửa dân số về mặt nghề nghiệp, với một tỷ lệ còn lớn hơn về mặt thu nhập, sự nhàn rỗi và các giá trị. Những triển vọng mới này mở ra cho cá nhân không phải để gia nhập một giai cấp mới mà là để thay đổi phong cách sống và tính cách của con người bên trong tầng lớp trung lưu.

Trong hoàn cảnh này khả năng độc lập sẽ không liên quan đến giai cấp. Ở giai đoạn phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng, khi tính cách phần lớn được hình thành cho công việc và trong khi làm việc, chuyện ta có sở hữu tư liệu sản xuất hay không là vô cùng khác biệt. Thế nhưng ngày nay, các lợi thế tâm lý của quyền sở hữu sút giảm nhiều về tầm quan trọng; tính cách ngày càng được hình thành cho sự nhàn rỗi và trong lúc nhàn rỗi - mà cả nhàn rỗi lẫn phương tiện tiêu thụ đều được phân phối rộng khắp. Do vậy, người thích nghi, độc lập hay lệch lạc thường là kết quả của chính các biến thể rất khó nhận thấy trong cách giáo dục đối xử với con người và cách con người phản ứng lại nền giáo dục, phản ứng lại cuộc huấn luyện làm người tiêu thụ của họ, và nói chung, các cuộc chạm trán của họ với mọi người - tất thảy đều nằm trong nhóm có phạm vi rộng lớn là tầng lớp trung lưu.

Đúng thế, có thể có những tương quan chưa được nhận ra, giữa tính độc lập và nghề nghiệp. Công việc không hề mất đi sự liên quan với tính cách, ngay cả hiện nay. Và tình trạng nghề nghiệp ảnh hưởng đến tình trạng nhàn rỗi. Những ai tiềm tàng khả năng trở thành người độc lập có thể chọn một số nghề này hơn là những nghề khác; ngoài điều đó ra, kinh nghiệm làm việc hằng ngày của những người thuộc các nhóm nghề nghiệp khác nhau sẽ nhào nặn nên tính cách. Tuy nhiên, nhìn chung lại thì dường như những khác biệt có thể phân hóa các xã hội trong giai đoạn chớm giảm dân số sẽ không còn là khác biệt giữa một bên là công việc lao nhọc và một bên là địa vị của *kẻ ngồi mát ăn bát vàng*, giữa nghèo khổ và xa hoa, giữa thọ mệnh và yểu mệnh ở giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp - mà những khác biệt ấy đã ngự trị suy nghĩ của nhiều người như Charles Kingsley, Bellamy, Marx và Veblen. Hầu hết người ở Mỹ ngày nay - giả dụ rằng hai phần ba "có quá nhiều cơ hội", so với một phần ba thiệt thòi - có khả năng theo dõi, và để cho tính cách của họ được uốn nắn bởi những khác biệt về mặt hoàn cảnh có tính chất tinh tế hơn những khác biệt nảy sinh từ nhu cầu kinh tế cơ bản và các mối tương quan của chúng với tư liệu sản xuất.

II. Người độc lập giữa những người kiểu nội tại định hướng

Người độc lập, sống cũng như mọi người trong một bối cảnh văn hóa nhất định, sử dụng các nguồn dự trữ tính cách và địa vị của mình để tránh khỏi sự thích nghi trung bình của cùng bối cảnh. Do vậy, chúng ta không thể nói thỏa đáng về một "người kiểu ngoại tại định hướng độc lập" (cũng không chính xác là một "người kiểu ngoại tại định hướng lệch lạc") mà chỉ có thể nói về một người độc lập xuất hiện từ giai đoạn hay từ nhóm phụ thuộc vào kiểu ngoại tại định hướng (hay về một người lệch lạc đã trở thành lệch lạc qua xung khắc với các mô thức ngoại tại định hướng, hay nội tại định hướng, hay một kết hợp nào đó của cả hai). Vì tính độc lập, giống như lệch lạc, là lệch khỏi các mô thức thích nghi, dù là một sự đi trệch được kiểm soát trong phạm vi và ý nghĩa của nó bởi sự tồn tại của các mô thức đó.

Người độc lập trong một xã hội phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng, giống như người thích nghi trong cùng xã hội, có các mục tiêu rõ ràng, chủ quan hóa và được rèn giũa cho những cuộc chạm trán khắc nghiệt với một thế giới đang thay đổi. Nhưng trong khi người thích nghi được thúc đẩy tới các mục tiêu bởi một con quay hồi chuyển mà anh ta hầu như ít kiểm soát được tốc độ và phương hướng, đôi khi anh ta cũng không biết là nó hiện diện, thì người độc lập cùng thời lại được chọn các mục tiêu và chỉnh lại nhịp độ của mình. Các mục tiêu, và sự thôi thúc hướng tới các mục tiêu đó là hợp lý, không độc đoán và không có xu hướng ép buộc đối với người độc lập; với người thích nghi, những mục tiêu này đơn giản là đương nhiên.

Tuy vậy, hiển nhiên chừng nào các kiểm soát hành vi chuyên quyền hay thần quyền khắt khe còn tồn tại, thì khó mà "tự mình chọn" trong công việc hay vui chơi. Vì tuy rằng có thể được độc lập bất kể sự giám sát hành vi có chặt chẽ đến thế nào miễn là tư tưởng được tự do - và tư tưởng như vậy không bị xâm phạm thực sự cho đến khi có chế độ độc tài hiện đại - nhưng trên thực tế hầu hết mọi người đều cần cơ hội để có chút tự do hành vi nếu họ muốn phát triển và khẳng định sự độc lập tính cách của mình. Sartre,[276] tôi tin đã sai lầm trong quan niệm là con người - chứ không phải một vài cá nhân anh hùng - có thể "tự mình chọn" trong hoàn cảnh chuyên chế cực đoan.

Không nên đánh đồng người độc lập với các anh hùng. Tính anh hùng có thể hoặc không thể là dấu hiệu của tính độc lập; định nghĩa về người độc lập hướng đến những người mà trong tính cách họ có khả năng tự do, dù họ có thể, hay muốn đánh liều chọn lấy sự lầm lạc công khai hay không. Trường hợp Galileo[277] minh họa cho cả hai điểm này. Để hoàn tất công việc, Galileo cần *đôi chút* tự do, ví dụ như tự do trao đổi các tài liệu và dụng cụ thiên văn, ghi lại các kết quả, vân vân. Thế nhưng ông đã chọn con đường không hào hùng.

Ở Liên Xô và các nước chư hầu của họ ngày nay thì ông đã chẳng thể chọn lựa, vì sự lựa chọn hoặc tử vì đạo hoặc bảo mật không tồn tại dưới chế độ rùng rợn NKVD.[278]

Bốn thế kỷ từ thời Phục hưng đã chứng kiến sự hưng thịnh và suy vong của nhiều thời kỳ khi các kiểm soát chính trị thần quyền, vương quyền hay chuyên quyền khác không gắt gao như ở nước Nga Xô viết ngày nay; cũng là những thời kỳ đời sống chính trị đối với nhiều người được nâng cao hơn sinh kế đơn thuần, do vậy đem lại các cơ hội cho tính độc lập. Và còn có các lỗ thoáng cho độc lập ngay cả trong những giai đoạn chuyên chế trước đó, vì các bạo chúa bất tài, thối nát và hạn hẹp trong mục tiêu. Chế độ độc tài ngày nay cũng bất tài hơn và thối nát hơn thường được quy kết, nhưng các mục tiêu của nó là vô hạn và vì lý do này mà nó phải tiến hành cuộc chiến tranh toàn diện với độc lập - kết cục cuối cùng của cuộc chiến như thế nào thì chúng ta vẫn chưa biết. Vì sự chấp nhận uy quyền chính trị và xã hội với người độc lập luôn có điều kiện: anh ta có thể hợp tác với người khác về hành động mà vẫn duy trì quyền có phán xét riêng. Chế độ độc tài không có bất kỳ công nhận nào cho một quyền như vậy - đấy là lý do tại sao ở Liên Xô các tác phẩm nghệ thuật và các lý thuyết khoa học bị săm soi nghiêm ngặt xem có "trệch đường lối" hay không, sợ chúng che đậy các mầm mống ngay cả là sự vô thức riêng tư và nhận thức độc lập.

May cho chúng ta, kẻ thù của tính độc lập ở các chế độ dân chủ ngày nay không triệt để và ráo riết bằng. Tuy nhiên, như Erich Fromm đã một mực chỉ ra trong *Escape from Freedom* (Trốn thoát tự do), uy quyền lan tỏa và độc lập của các chế độ dân chủ hiện nay ít thuận lợi cho người độc lập hơn ta có thể giả định. Một lý do, có lẽ lý do quan trọng hàng đầu, là người kiểu ngoại tại định hướng được dạy để không hưởng ứng uy quyền công khai, để tinh vi hóa nhưng làm thui chột kỳ vọng giữa các cá nhân với nhau. Quả thực, tính độc lập trong giai đoạn phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng xem ra dễ đạt được hơn tính độc lập ngày nay. Tuy nhiên, độc lập trong phương thức nội tại định hướng không còn khả thi đối với hầu hết mọi người. Để hiểu tại sao như vậy thì cần phải nhìn qua những thành trì hay sự phòng thủ vững chắc cho tính độc lập mà giai đoạn phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng đem lại, và là những thứ ngày nay không còn mạnh mẽ thế nữa. Những thành trì này bao gồm, trong các xứ Tin Lành, là một số thái độ đối với lương tâm, và ở mọi nơi, là những bức tường thành công việc, tài sản, giai cấp, nghề nghiệp, cũng như các khả năng an ủi là chạy trốn tới biên giới.

Trước hết, một xã hội Tin Lành hay Tin Lành-thế tục của các kiểu nội tại định hướng đã thích nghi trông đợi mọi người tuân thủ, không phải bằng việc để ý theo người khác mà bằng sự phục tùng con quay hồi chuyển và lương tâm bên trong họ. Điều này ban cho họ sự riêng tư, vì trong khi xã hội có thể phạt

người ta ít nhiều vì cái họ *làm*, nó lại thiếu quan tâm và thiếu khả năng tâm lý để biết xem người ta *là* gì. Thiên hạ giống như những chiếc thuyền buồm trong một cuộc đua ở Bermuda, không chú ý đến nhau mà đến gió thuận và cái đích trong tầm mắt.

Thứ hai, bao giờ cũng có sẵn một phòng tuyến trong sự tồn tại các biên giới định cư và quyền tị nạn. Khả năng đi khắp địa cầu vào thời gian trước khi có hộ chiếu đặt ra những giới hạn cho tầm với của các bạo chúa và đem thực tế vào ý niệm về các quyền bất khả chuyển nhượng.[279] Roger Williams đơn độc bỏ đi; Voltaire tới lui khắp châu Âu; Karl Marx tìm thấy nơi nương náu trong Bảo tàng Anh; Carl Schurz[280] chạy trốn tới Mỹ - đây là những cảnh tượng từ một quá khứ gần như không còn.

Thứ ba, người độc lập trong giai đoạn phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng tự cho mình có sẵn hàng rào phòng thủ mà chính công việc đem lại, trong một giai đoạn mà người thích nghi cũng chủ yếu thiên về công việc. Dù khó thừa nhận là ở các nước Thanh giáo người ta tìm thấy niềm vui trong công việc, nhưng có thể chấp nhận được khi xem nó như một mục đích tự thân, cũng như một phương tiện để đạt đến các mục đích khác. Quả thực "độ cứng của vật chất" hấp dẫn người độc lập - lần nữa, như các bạn bè kém độc lập hơn của mình - thường làm họ rắn lại trước mọi cân nhắc khác. Đoạn trích sau đây từ *Experimental Medicine* (Y học thực nghiệm) của Claude Bernard, lần đầu công bố vào năm 1865, bộc lộ cách nhìn này:

> *Sau tất cả những chuyện này, chúng ta có nên để mình động lòng trước những lời kêu gọi tinh nhạy của những người thức thời hay sự phản đối của những người xa lạ với các ý tưởng khoa học hay không? Mọi tình cảm đều đáng được trân trọng, và tôi sẽ rất cẩn thận để không bao giờ đụng chạm đến cảm nhận của bất kỳ ai. Tôi dễ dàng giải thích những tình cảm ấy cho mình, và đó là lý do họ không thể ngăn tôi… Một nhà sinh lý học không phải là kẻ xu thời, anh ta là người của khoa học, đắm chìm trong ý tưởng khoa học mà anh ta theo đuổi; anh ta không còn nghe thấy tiếng thú kêu, anh ta không còn nhìn thấy máu chảy, anh ta chỉ thấy ý tưởng của mình và chỉ nhận biết được những cơ thể che giấu các vấn đề mà anh ta định giải quyết. Tương tự, không có bác sĩ giải phẫu nào dừng tay bởi những tiếng than van thổn thức não lòng nhất, vì anh ta chỉ tìm ý tưởng của mình và mục đích ca mổ của mình… Sau những gì đã xảy ra trước đây, chúng ta sẽ cho mọi bàn luận về giải phẫu sống là vô bổ hay phi lý. Con người không bao giờ có thể nhất trí, khi đánh giá các dữ kiện bằng các ý tưởng khác nhau như vậy; và vì không thể làm hài lòng tất cả mọi người, nhà khoa học chỉ nên để tâm đến ý kiến của giới khoa học hiểu anh ta, và nên lấy các quy tắc hành xử chỉ từ chính lương tâm mình.*[281]

Một người như Claude Bernard nhìn vào các đồng nghiệp làm khoa học của mình, không phải để trông chờ sự tán thành ông với tư cách một con người, mà để xác nhận giá trị công việc khách quan của ông. Ông ít cần mọi người hay sự hưởng ứng nồng nhiệt giữa các cá nhân với nhau, bằng một người độc lập nổi bật lên giữa các nhóm phụ thuộc vào kiểu ngoại tại định hướng.

Thứ tư, tài sản và giai cấp là các hàng rào phòng thủ đáng kể cho những ai cố gắng có được sự độc lập. Những thứ này không chỉ bảo vệ thói tiêu thụ phô trương của nhà triệu phú điên cuồng mà còn bảo vệ sự bất kính của Bentham[282] ẩn dật và đời sống hai mặt không thể tách rời của tay kị sĩ thuần thục - nhà công nghiệp ở Manchester, Friedrich Engels.[283] Mọi người không chỉ được công việc và tài sản của họ bảo vệ mà còn cả địa vị của họ, dù cao quý hay hạ tiện. Nếu thiên hạ có thể xoay xở làm tròn vai trò nghề nghiệp của mình thì cái họ làm ngoài giờ làm việc sẽ ít nhiều tùy ở họ. Charles Lamb[284] như một công chức quèn có thể viết những khi rỗi rảnh. Hawthorne,[285] và nhiều nhà văn Mỹ thế kỷ 19 khác, giữ các chức vụ không yêu cầu họ phải cống hiến bản thân nhiều - dứt khoát không phải sự tự bóc lột trong và ngoài công việc đòi hỏi cho các nhà văn viết thuê ngày nay được trả hậu hĩ hơn. Dây xích thứ bậc nghề nghiệp, khi người ta đã đạt được một vị trí trong đó, sẽ giữ mọi người yên vị cùng một mức độ an toàn nào đấy, mà vẫn chừa phần dây đủ dài cho người độc lập. Bên trong những giới hạn về tài sản và địa vị nhất định đã có, người ta có thể loay hoay mà không khuấy động đối kháng căm phẫn, không gây ra đau buồn cả trong cảm nhận lẫn trong số phận trần thế của họ.

Tuy vậy, cũng chính nhiều hàng rào phòng thủ này đã vận hành thường xuyên như những rào chắn đối với độc lập hơn là hàng rào bảo vệ cho nó. Một xã hội được tổ chức về mặt giai cấp, tư hữu và nghề nghiệp sẽ chống lại tính độc lập bằng mọi thứ vũ khí là gia đình, của cải, tôn giáo và quyền lực chính trị: những than phiền, phản đối của các nhà cải cách chính trị và tôn giáo, của các nghệ sĩ và thợ thủ công chống lại kiểu tổ chức xã hội chủ yếu là tư sản này, giờ đang biến mất, là đúng đắn và vừa đủ. Nhưng chúng ta không bao giờ được quên rằng các rào cản này thường được tổ chức như những phòng vệ của cá nhân; một khi các rào cản này đã bị nghị lực và tài năng đi vòng tránh được, chúng sẽ đem lại tình trạng tự do mà trong đó sự độc lập, cũng như tính tự mãn của "kẻ ngồi mát ăn bát vàng" có thể nảy nở.

Trong các tiểu sử và hồi ký vài trăm năm qua, chúng ta có thể dựng lại con đường mà các cá nhân bắt đầu cuộc đấu tranh giành độc lập nội trong các bức tường chuyên chế của gia đình phụ hệ, có thể nói như vậy. Gia đình, hơn nhà nước nhiều, hoạt động như "ban chấp hành" của giai cấp tư sản kiểu nội tại định hướng, rèn luyện tính cách xã hội cho các thành viên tương lai của nó lẫn các nô lệ tương lai cho nó. Tuy nhiên, như chúng ta đã thấy, sách báo có thể cứu rỗi một đứa trẻ trong cuộc chiến đơn độc chống lại cha mẹ, thầy cô, và các

uy quyền của người lớn khác - dù một cuốn sách cũng có thể sẽ làm nó mất phương hướng và tăng thêm áp lực cho nó. Nhưng nếu gặp may thì một cuốn sách, như một người thầy hay người thân thích đồng cảm, có thể phá tan mặt trận quyền uy vững chắc trong gia đình.

Mãi đến tuổi mới lớn thì đám trẻ con khác mới giúp ích được nhiều, dù khi ấy, nhất là khi các nhóm trẻ mới lớn về sau mang hình thức định chế, chúng vẫn có thể giúp một tay trong cuộc thoát ly gia đình. Tuổi mới lớn, thực ra thường là giai đoạn khủng hoảng cho cậu bé cô bé mưu cầu độc lập. Trong khi ngay cả đứa trẻ thích nghi cũng phải tìm lối ra khỏi nhà, từ đó chúng tiến vào một hệ thống xã hội vẫn giữ chặt chúng, thì việc gặp những người độc đoán thay thế cha mẹ như vậy là cần thiết để điều chỉnh các tín hiệu của cha mẹ đã chủ quan hóa trong chúng. Tuy nhiên, thanh niên độc lập tương lai, khi đoạn tuyệt với cha mẹ cũng tức là đang đoạn tuyệt với uy quyền đã được chủ quan hóa bên trong lẫn ở bên ngoài ấy. Ta có thể lần dò quá trình này với tất cả nỗi thương tâm của nó trong sự trưởng thành của John Stuart Mill, người thoát được sự kèm cặp của cha chỉ khi đã tiến xa trong đời, hay Franz Kafka,[286] người chưa hề thoát được.

Khi đã ra đời, người đấu tranh giành độc lập đối mặt với các rào cản tài sản - nếu anh ta không có nó; thang bậc - nếu anh ta tìm cách trèo lên hay chống đối nó; tôn giáo - nếu anh ta vi phạm các kiểm soát về thể hiện của nó. Trong các cộng đồng Tin Lành mạnh mẽ nói riêng, hành vi ngoài mặt thận trọng của ta không thể bảo đảm cho ta cái tự do mà Erasmus hay Galileo đã tận dụng được. Kết quả là giữa người bị dẫn dắt quá mức và được dẫn dắt chưa đủ chẳng có mấy chỗ cho độc lập. Trận chiến để biến các chướng ngại vật này thành hàng rào phòng thủ thường rất cam go, và cá nhân sẽ mang vết thương suốt đời, như Marx, Balzac, Nietzsche, Melville, E.A Robinson,[287] và nhiều vĩ nhân khác ở giai đoạn phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng. Thế mà vẫn còn những người khác nữa - John Dewey,[288] con người mảnh khảnh xứ Vermont, là một ví dụ tuyệt vời, và cũng vậy, theo một cách rất khác, là Bertrand Russell[289] - được số phận ưu ái hơn, có thể sống hai cuộc đời va chạm và phiêu lưu trí tuệ, riêng tư mà ít có giằng xé nội tâm.

III. Người độc lập giữa những người kiểu ngoại tại định hướng

Các luật sư và nhà lập pháp có một kỹ thuật gọi là "sáp nhập bằng dẫn chiếu"; thông qua cách đó họ có thể trong một quy chế hay tài liệu này đề cập đến quy chế, tài liệu kia mà không cần trích dẫn đầy đủ. Cũng theo cách ấy tôi muốn sáp nhập bằng dẫn chiếu ở đây các trước tác của Mill bàn về tính cá thể: *Autobiography* (Tự truyện), các khảo luận *On Liberty* (Bàn về tự do), *On Social Freedom* (Bàn về tự do xã hội) và *The Subjection of Women* (Sự khuất phục

của phụ nữ). Những trước tác này đưa ra một báo hiệu phi thường các vấn đề của cá nhân độc lập, khi mà cùng với sự sụp đổ của các rào chắn tự do cũ, các rào chắn mới và khó thấy hơn là dư luận trong một chế độ dân chủ sẽ xuất hiện. Quả thực, khi đọc các tác giả hiện đại, như Sartre, Simone de Beauvoir, Erich Fromm, José Ortega y Gasset[290] và Bertrand Russell, những người đã đề cập đến các đề tài tương tự, người ta sẽ ngạc nhiên vì mức độ mà bên dưới những khác biệt về thuật ngữ, quan điểm triết học của họ giống với quan điểm của Mill ở nhiều khía cạnh quan trọng.

Mill viết: "Trong thời kỳ này chỉ riêng ví dụ về sự không tuân thủ, chỉ riêng sự từ chối uốn gối theo phong tục thôi, tự nó đã là một sự giúp đỡ". Nhưng ông quan tâm đến cá nhân hơn là sự giúp đỡ. Ông quan sát hai xu hướng đã phát triển mạnh mẽ hơn từ thời ông viết. Ông thấy, như nhiều người khác đã thấy, rằng người ta không còn tìm manh mối "ở các chức sắc cao trọng trong giáo hội hay nhà nước nữa, ở những người có vẻ như là lãnh đạo, hay ở sách vở" mà đúng hơn ở nhau - từ nhóm ngang hàng và các cơ quan truyền thông đại chúng, như chúng ta thường nói. Ông thấy, mà ít người thấy được, rằng điều này xảy ra không chỉ trong các vấn đề công cộng mà còn trong các vấn đề cá nhân, trong sự theo đuổi thú vui và trong việc hình thành cả một lối sống. Tất cả những gì đã thay đổi, từ khi ông và Tocqueville viết, có lẽ là các hành động dựa trên nỗi sợ hãi điều thiên hạ có thể nói - tức là về chủ nghĩa cơ hội hữu ý - ngày nay là kết quả tất yếu hơn của một cấu trúc tính cách bị chi phối bởi các tín hiệu từ bên ngoài, không chỉ từ nhỏ mà suốt đời. Do vậy, một khác biệt chính giữa các vấn đề thời của Mill và thời của chúng ta là kẻ ngày nay không chịu "uốn gối theo phong tục" sẽ thôi thúc tự hỏi: "Phải chăng đây là cái mình thực lòng muốn? Có lẽ mình muốn nó chỉ vì…"

So sánh này có thể cường điệu các chuyển biến lịch sử; người độc lập bao giờ cũng là người nghi vấn. Tuy vậy, người độc lập trong số người kiểu nội tại định hướng, phần nào được uốn nắn bởi một môi trường trong đó người ta xem nhiều sự kiện tâm lý là điều hiển nhiên, trong khi người độc lập giữa những người do ngoại tại định hướng sống ở một môi trường nơi mọi người tự hỏi mình một cách có hệ thống khi lường trước câu hỏi của người khác. Quan trọng hơn, trong các tầng bậc kinh tế xã hội lớp trên ở các nước dân chủ Tây phương ngày nay - đây là những tầng bậc, trừ tầng cao nhất, bị kiểu ngoại tại định hướng tràn ngập mạnh nhất - sức ép cho người tìm độc lập không phải là những rào cản thấy được sờ được như gia đình và uy quyền vẫn điển hình kiềm tỏa người ta trong quá khứ.

Đây là lý do tại sao khó quyết, như một vấn đề thực nghiệm, xem ai là độc lập khi chúng ta nhìn đời sống có vẻ thoải mái và dễ dàng của một tầng lớp xã hội không còn "vấn đề", chỉ trừ ra những người cố gắng đạt được độc lập. Những người này, đến lượt họ, không thể định nghĩa kẻ thù một cách tương đối

dễ dàng như khi người độc lập đối mặt với một môi trường kiểu nội tại định hướng. Người dự đoán nội tình có phải là kẻ thù không, với sự khoan dung cảm thông của anh ta - nhưng đấy lại là cái hờ hững che đậy, và với sự bất khả tri những cảm xúc mãnh liệt? Họ có phải kẻ thù không, những bạn bè kề bên, không phải để cản trở mà để vui chơi, để hiểu và tha thứ tất cả? Một người độc lập ngày nay phải hành động không ngừng để gỡ mình ra khỏi những liên lụy không rõ rệt với cái tầng trên cùng do nội tại định hướng này - rất khó mà đoạn tuyệt bởi lẽ các đòi hỏi của nó có vẻ rất hợp lý, thậm chí còn vụn vặt nữa.

Một lý do cho điều này là người độc lập ngày nay là người thụ hưởng sự nhạy cảm nhiều hơn đã được đưa vào xã hội chúng ta với cái giá cá nhân cao ngất, bởi những người độc lập tiền bối ở giai đoạn nội tại định hướng. Người độc lập tiền bối, khi bác bỏ chuẩn mực Philistin,[291] luôn hết sức để tâm đến sở thích, đến cái họ thích; khi mở rộng giác quan ra cho cảm nghiệm, cho nhận thức về sắc thái cá nhân, nhiều thi sĩ lãng mạn và các nghệ sĩ khác thế kỷ 19 đã hiện đại đến lạ lùng. Cái họ đưa vào bài thơ và các tác phẩm khác của mình, trong sự tinh tế và tính chủ quan, là một phần di sản họ để lại cho vốn từ vựng cảm xúc thời chúng ta. Hơn nữa, các tiền nhân này không băn khoăn chuyện ai là kẻ thù của mình: họ là dân trung lưu thích nghi xông xáo biết cái mình muốn, và đòi hỏi sự tuân thủ theo nó - những người mà đời sống với họ không phải là cái để thưởng thức mà là cái phải triệt hạ. Những người như vậy dĩ nhiên vẫn còn tồn tại rất nhiều, nhưng trong các giai tầng có giáo dục tốt hơn ở các thành phố lớn hơn, họ giữ thế thủ; và với họ sự chống đối không còn đủ để một người có thể nổi lên như người độc lập nữa.

Tính độc lập, tôi nghĩ, trong một chừng mực nào đó phải luôn tương đối so với các phương thức tuân thủ thắng thế trong một xã hội nhất định; đây không bao giờ là chuyện được ăn cả ngã về không, mà là kết quả của một cuộc chiến khi thì đầy kịch tính, lúc lại không thể nhận thấy đối với các phương thức đó. Xã hội công nghiệp hiện đại đã đẩy rất nhiều người đến chỗ lệch lạc, và sinh ra sự tuân thủ èo uột ở số khác, nhưng chính những bước phát triển đã gây ra điều đó cũng mở ra các triển vọng không ngờ cho tính độc lập đến nay. Khi chúng ta cuối cùng cũng đã hiểu xã hội mình rõ hơn, và các lựa chọn thay thế xã hội dành sẵn cho chúng ta, tôi nghĩ chúng ta sẽ có thể tạo ra nhiều lựa chọn thay thế hơn nữa, do vậy mà có nhiều không gian hơn nữa cho tính độc lập.

Điều này dễ tin hơn là chứng minh hay thậm chí minh họa nó. Thay vì vậy cho phép tôi chỉ ra một số lĩnh vực trong đó mọi người ngày nay cố đạt tính độc lập - và những khó khăn to lớn họ gặp phải.

Phong cách Bohemia.[292] Như vừa được chỉ ra, trong các nhóm phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng thì cá nhân lầm lạc có thể chạy trốn, về địa lý hay

trong tinh thần, đến Bohemia; mà vẫn là một cá nhân. Ngày nay, toàn thể các nhóm đều đương nhiên là người kiểu Bohemia; nhưng các cá thể tạo nên nhóm không nhất thiết là người tự do. Trái lại, họ thường sốt sắng dò theo các tín hiệu của một nhóm đã tìm thấy ý nghĩa đời sống, hoàn toàn không có trở ngại, mang ảo tưởng tấn công vào một đa số được cho là thống trị và ưa trừng phạt gồm các thủ lĩnh Babbitt và Kwakiutl. Tức là, dưới sự che chở của các nhóm phủ quyết, lớp trẻ ngày nay có thể tìm thấy một nhóm ngang hàng ở đủ hạng người và nơi chốn của đời sống thị thành mà sự tuân thủ theo họ ít phải trả giá trên con đường kiếm tìm nguyên tắc.

Người không tuân thủ ngày nay có thể thấy mình ở thế của một người lập dị mà Mill chưa lường trước được, anh ta phải như một ngôi sao điện ảnh, chấp nhận các vai được giao, để không làm thất vọng những mong đợi háo hức của bạn bè. Chính sự thực rằng những nỗ lực vì độc lập của anh ta được "người khác" xem như tín hiệu để làm theo buộc anh ta phải ý thức về khả năng nỗ lực tiến tới độc lập có thể biến tướng thành trò đóng kịch kiểu ngoại tại định hướng.

Tình dục. Con đường độc lập ở đây là gì? Cưỡng lại đòi hỏi có vẻ như tự nhiên của nhóm ngang hàng sành điệu rằng các thành tựu của ta phải được nhìn nhận một cách tự nhiên, hay chấp nhận thái độ "tân tiến" này? Những khuôn mẫu nào ta nên theo? Như các cụ tổ của ta, vây quanh là những đàn bà tiết hạnh và nhún nhường? Hay như các vận động viên Kinsey ngày nay khoe "tự do" và "kinh nghiệm"? Lại nữa, khi phụ nữ đã trở thành những người tiêu thụ am tường hơn, câu hỏi nên chăng hay khi nào phải mào đầu trở thành một chuyện để phấp phỏng suy đoán. Có lẽ ngay cả các vai trò khó khăn hơn cũng được áp đặt cho phụ nữ. Cũng là người đi tiên phong trên lĩnh vực tình dục, họ phải khuyến khích sự xông xáo và giả vờ nhún nhường. Họ có ít cơ hội thoát khỏi lĩnh vực này dù chỉ tạm thời qua công việc, vì nếu có một nghề nghiệp, cả đàn bà và đàn ông đều sẽ dễ nghĩ rằng kỹ năng của họ được xén từ đời sống tình dục, hay đời sống tình dục xén bớt phần kỹ năng của họ. Nhiều phụ nữ trung lưu có vẻ đã quay lại, trong một nỗ lực hoài công nhằm giành lại các mô thức cũ hơn và có vẻ chắc chắn hơn.

Khoan dung. Khoan dung không thành vấn đề khi có một khoảng cách lớn giữa người khoan dung và người được khoan dung. Sự bày tỏ thiện ý đơn thuần, và có lẽ một đóng góp đây đó, là tất cả những gì được yêu cầu. Nhưng khi nô lệ trở thành người tự do, còn vô sản thành các công nhân tự trọng, khoan dung trong nghĩa ban đầu này phải được thay thế bằng một thái độ tinh tế hơn và phù hợp hơn. Lần nữa, cá nhân độc lập tương lai khó mà tiếp cận điều này.

Người ta thường nhận xét rằng, trong các nhóm đã được giải phóng, người da đen cư xử xấu được tha thứ mọi chuyện, vì họ là người da đen và đã bị

ngược đãi. Điều này mấp mé tiến đến định kiến ngược lại. Các vấn đề đạo đức mù mịt đi ở cả hai bên lằn ranh chủng tộc, vì cả người da trắng lẫn người da đen đều không được chờ đợi phản ứng với tư cách những cá nhân gắng gỏi tìm độc lập, mà chỉ như những thành viên của chủng tộc khoan dung hay chủng tộc được khoan dung. Rõ ràng, ngày nay để tách ra cái có cơ sở vững chắc trong tâm trạng khoan dung với cái hồ nghi thì cần phải có một mức độ tự ý thức cao.

Khả năng tự ý thức cao này, trên tất cả, cấu thành biểu trưng của người độc lập trong một giai đoạn phụ thuộc vào kiểu ngoại tại định hướng. Vì khi người do nội tại định hướng tự ý thức hơn vị tiền bối do truyền thống định hướng, và khi người do ngoại tại định hướng còn tự ý thức hơn nữa, người độc lập lớn khôn trong hoàn cảnh khuyến khích tự ý thức có thể gỡ mình khỏi những người đã thích nghi khác chỉ bằng một bước tiến nữa tới sự tự ý thức cao hơn. Tính độc lập của anh ta không phụ thuộc vào việc anh ta dễ dàng phủ nhận hay che giấu cảm xúc mà, trái lại, vào nỗ lực thành công của anh ta để công nhận và tôn trọng các cảm xúc riêng, các khả năng tiềm tàng, các hạn chế của mình. Đây không phải là vấn đề định lượng, mà phần nào là một nhận thức về chính sự tự ý thức, là đạt được một nấc trừu tượng hóa cao hơn.

Như chúng ta ai cũng biết thừa, một thành tựu như vậy là điều khó khăn; nhiều người đạt được nó lại không thể xoay xở nặn nó thành một cấu trúc đời sống độc lập mà đành cam chịu lệch lạc. Thế nhưng, có lẽ sự lệch lạc của các quá trình ấy còn dễ ưa hơn nỗi lo âu ít tự ý thức của người thích nghi, dù được xã hội ủng hộ, họ thà bóp méo chính mình chứ không chịu vặn vẹo hay giải thích lại văn hóa lẫn mục đích của mình.

Cuộc giao tranh tính cách học nằm ở trung tâm chú ý ngày nay là cuộc giao tranh giữa kiểu ngoại tại định hướng và kiểu nội tại định hướng, trái với một nền tảng mà trên đó kiểu truyền thống định hướng dần dà biến mất khỏi hành tinh. Giờ đây chúng ta đã nhận ra trên đường chân trời có một phân cực mới giữa những người bám vào một sự thích nghi ép buộc nhờ kiểu ngoại tại định hướng và những người sẽ cố vượt qua môi trường này bằng sự độc lập. Nhưng tôi thấy hình như cuộc giao tranh giữa những người cố gắng có được tính độc lập và những người do ngoại tại định hướng không thể trở thành người độc lập, hay không muốn người khác trở thành độc lập, khó có thể là một cuộc giao tranh khốc liệt. Vì kiểu ngoại tại định hướng cho người ta sự nhạy cảm và di động tức thời, mà dưới các định chế Mỹ hiện hành, nó đem lại một cơ hội lớn để thăm dò các nguồn tính cách - lớn hơn so với nó được nhận biết về đại thể hiện nay, như tôi sẽ cố chỉ ra trong các chương sau - và những nguồn này ít nhất cũng gợi ý cho tôi triển vọng tính độc lập sẽ phát triển hữu cơ từ kiểu ngoại tại định hướng.

CHƯƠNG XIII
Cá nhân hóa giả tạo: chướng ngại cho độc lập trong công việc

Chỉ con người mới có thể là kẻ thù của con người; chỉ anh ta mới có thể cướp mất của mình cuộc đời và ý nghĩa các hành động bởi vì nó cũng chỉ thuộc về anh ta để khẳng định nó trong sự tồn tại của nó, để nhận ra nó trong dữ kiện thực tế như một tự do… tự do của tôi, để thành tựu, đòi hỏi nó phải nảy sinh trong một tương lai rộng mở: chính người khác là người mở tương lai cho tôi, chính họ là người, trong khi xây đắp thế giới ngày mai, xác định tương lai của tôi; nhưng nếu, thay vì để tôi tham gia cuộc dựng xây này, họ buộc tôi lãng phí tính siêu việt của mình vô ích, nếu họ cứ giữ tôi dưới tầm cao họ đã chinh phục mà trên cơ sở đó các cuộc chinh phục mới sẽ thành công, thì họ đang tách lìa tôi với tương lai, họ đang biến tôi thành một vật…

Simone de Beauvoir, *Bài học về tính đôi*[293]

I. Các định nghĩa văn hóa về công việc

Các nguồn dự trữ cảm xúc của người kiểu ngoại tại định hướng là các nguồn có thể đem lại nhiều độc lập hơn. Nhưng cần phải nói rõ khi thảo luận về công việc, vui chơi và chính trị của người kiểu ngoại tại định hướng rằng, các nguồn dự trữ của anh ta, mặc dù có thể linh hoạt hơn các nguồn của người kiểu nội tại định hướng, lại liên tục bị tổ chức xã hội của anh ta dùng cạn kiệt. Chúng bị cạn kiệt nhất là bởi các định nghĩa văn hóa hiện tại của chúng ta về công việc, vui chơi và các mối tương quan giữa hai thứ này - những định nghĩa mà như chúng ta đã thấy, đưa "vui chơi" đầy căng thẳng vào công việc của những bàn tay niềm nở và đưa "công việc" bị điều chỉnh mạnh theo nhóm vào vui chơi của họ. Tất cả chúng ta đều buộc phải, trong một chừng mực nào đó, chấp nhận các định nghĩa văn hóa về công việc và vui chơi này, cũng như buộc phải chấp nhận một số định nghĩa văn hóa về giai cấp, giới tính, chủng tộc, vai trò nghề nghiệp hay xã hội. Và những định nghĩa bị áp đặt cho chúng ta bởi các lề thói văn hóa, bởi quá trình xã hội hóa chúng ta trải qua, dù các định nghĩa đó tình cờ mà hợp thời hay lỗi thời, hữu ích hay hủy hoại tính kiên cường và căn tính con người chúng ta.

Công việc có uy tín lớn hơn; hơn nữa, nó được xem là không có quan hệ gì với con người - nó là một kiểu chiến dịch cứu hộ có kỷ luật, giải cứu một sản phẩm xã hội hữu ích khỏi thói lười biếng cố hữu hỗn loạn và rối rắm ở con người. Cũng thời này, giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp, đã chứng kiến sự gia tăng đáng kinh ngạc nhất trong cuộc chế ngự thiên nhiên của con người, họ xem điều này là hiển nhiên, bắt chước mù quáng một loạt tác giả từ Malthus

đến Sumner và Freud, rằng con người phải được thúc đẩy làm việc bởi nhu cầu kinh tế. Ngày nay, dầu đã biết thêm về bản chất con người và công việc, chúng ta vẫn còn có chiều hướng chấp nhận tiền đề tâm lý rằng công việc và năng suất là các kỷ luật áp dụng trái với bản chất con người. Chúng ta chưa thấy hết, dù chúng ta gần thấy, rằng cái trông như tính lười biếng có thể là một phản ứng lại kiểu công việc mọi người bị buộc phải làm và cách mà họ bị buộc phải định nghĩa nó.

Vì công việc được xem là quan trọng hơn vui chơi, nên có truyền thống xem nặng nhất công việc trông ít giống vui chơi nhất, tức là, công việc tay chân rõ ràng hay có hiệu quả vật chất. Đây là một trong những lý do tại sao uy tín của các nghề nghiệp trong khu vực thứ ba, nhất là các ngành nghề phân phối, nói chung là thấp.

Định nghĩa của chúng ta về công việc còn có nghĩa là bà nội trợ, mặc dù tạo ra một sản phẩm-công việc xã hội, không thấy công việc của mình được định nghĩa và tính tổng rõ ràng như một sản phẩm trả theo giờ hoặc một sản phẩm khoán trong điều tra dân số quốc dân hay trong suy nghĩ của mọi người. Và vì lẽ công việc của chị ta không được định nghĩa là công việc, chị ta kiệt sức vào cuối ngày mà cảm thấy không có quyền được như thế, do vậy mà sự xúc phạm còn được cộng thêm với sự tổn thương. Trái lại, những công nhân trong nhà máy ở Detroit hoàn thành chỉ tiêu sản xuất cả ngày của mình trong ba giờ rồi dùng thời gian còn lại la cà trong xưởng, lại được chính họ, vợ họ, và điều tra dân số định nghĩa là công nhân làm tám tiếng một ngày.

Những định nghĩa văn hóa về công việc này có các hàm ý kỳ lạ đối với sức khỏe của nền kinh tế nói chung và do vậy, bắt nguồn cho các cơ hội của độc lập trong sinh sống. Chúng ta thường nhấn mạnh tầm quan trọng của việc mở rộng các khu vực có uy tín trong nền kinh tế và bỏ qua các cơ hội kinh tế ở những khu vực gần với vui chơi hơn. Chẳng hạn, vào thời các trại CCC,[294] nhiều người cho rằng công việc CCC trên các tuyến chữa lửa quan trọng hơn công việc CCC trong các lĩnh vực tiêu khiển, cũng như Nhà hát liên bang WPA[295] được xem là không quan trọng về mặt kinh tế bằng các tòa công sở đồ sộ ở Georgia của PWA.[296]

Trong xã hội chúng ta, tiêu thụ được định nghĩa là phương tiện hơn là mục đích. Điều này ngụ ý chúng ta tiêu thụ để đạt được toàn dụng - nên chúng ta tìm kiếm toàn dụng bằng cách sản xuất thêm sản phẩm hơn là sản xuất thêm đủ loại nguồn tiêu khiển mà thời gian nhàn rỗi của chúng ta, việc tập tành tiêu thụ của chúng ta, và nhà máy giáo dục, cho phép phát triển. Tuy vậy, bởi nghĩ đến việc mở rộng tiêu thụ về mặt thị trường cho hàng tiêu dùng lâu bền và bán lâu bền - háo hức tìm những món đồ mới như ti vi để ném vào công thức số nhân của Keynes - chúng ta bị bỏ lại chơ vơ trước một tập hợp các thói quen và giả định kinh tế đã xưa cũ. Nhờ bám vào chúng, một lối thoát tiết kiệm về

kinh tế, khả thi về chính trị vẫn còn giữ lại cho các khu vực sơ cấp và thứ cấp bành trướng quá mức: một nền kinh tế phục vụ chiến tranh.

Thực vậy, cuộc đấu tranh giành độc lập, giành một định hướng hiệu quả cho cá nhân[297] dựa trên nhu cầu của con người được tham gia tích cực trong nhiệm vụ sáng tạo trở nên cấp thiết hơn, vì chúng ta đang sống trong một giai đoạn mà giải pháp cho các vấn đề kỹ thuật sản xuất đã trong tầm mắt. Các định chế và tính cách của người do nội tại định hướng hợp lại ngăn anh ta không chọn công việc của mình, và khiến anh ta chấp nhận nó như một tất yếu Malthus. Cả các định chế lẫn tính cách người kiểu ngoại tại định hướng mang lại cho anh ta một mức độ linh hoạt tiềm tàng nhiều hơn khi định nghĩa lại và cấu trúc lại lĩnh vực công việc. Khách quan mà xét, hoàn cảnh mới xung quanh công việc cho phép giảm giờ làm; còn về chủ quan, nó cho phép rút lại mối bận tâm mà công việc đòi hỏi ở thời trước và dồn cả mối bận tâm này vào mảng không thuộc công việc. Tuy nhiên, thay vì tìm cách tiến hành cuộc cách mạng này, người kiểu ngoại tại định hướng lại thích dồn vào công việc mọi nguồn lực cá nhân hóa, sự niềm nở mà tính cách anh ta có khả năng tạo ra và chính vì anh ta dồn quá nhiều công sức và gắng gỏi vào công việc, gặt hái cái lợi là có thể tiếp tục nghĩ rằng điều đó là quan trọng.

II. Người hấp dẫn, người câu giờ, người cần thiết

Giờ chúng ta sẽ quay sang ý niệm đầu tiên trong cặp ý niệm song sinh sẽ liên quan đến chúng ta trong chương này và chương tiếp sau đây. Một cái, tôi sẽ gọi là "cá nhân hóa giả tạo"; cái kia, "tư hữu hóa ép buộc". Chúng ta đã gặp cá nhân hóa giả tạo trong cuốn sách này, dưới dạng bàn tay niềm nở giả tạo và gắng sức. Tôi thấy cá nhân hóa giả tạo là một rào cản chính cho tính độc lập trong lĩnh vực công việc: chính nó, hơn cả những vấn đề kỹ thuật sản xuất vẫn còn duy trì, là cái vắt kiệt nội lực cảm xúc của người kiểu ngoại tại định hướng. Tư hữu hóa ép buộc là một rào cản chính cho độc lập nhưng, như chúng ta sẽ thấy, không phải là điều duy nhất trong lĩnh vực vui chơi. Tư hữu hóa sẽ là thuật ngữ khái quát của chúng ta để chỉ các hạn chế - chính trị, sắc tộc, thứ bậc, gia đình - ngăn người ta không có những cơ hội xứng đáng được nhàn rỗi, bao gồm cả tình bạn. Trong một chừng mực nào đó thì những ai chịu đựng cá nhân hóa giả tạo trong công việc nhiều nhất cũng sẽ chịu đựng tư hữu hóa ép buộc trong vui chơi nhiều nhất.

Có một phép biện chứng về tiến bộ xã hội và cá nhân rất có thể, nếu các rào cản độc lập này được vượt qua thì bấy giờ, làm cho chúng ta hân hạnh biết thêm những rào cản khác nữa. Tự do của con người, vì phải giành lại nó trong mỗi thế hệ, chỉ tăng lên đôi phần. Thế nhưng sẽ có ý nghĩa khi chỉ rõ một số khó khăn chính rành rành cản trở tính độc lập ngày nay bằng cách rút cạn sinh lực, thứ có thể được sử dụng hữu ích hơn, ngay cả nếu cho rằng chúng ta hiếm

khi biết được mặt mũi độc lập trông ra sao, hay sẽ đòi hỏi gì, khi mà các thứ cản trở này đã được dỡ bỏ đi rồi.

CÁ NHÂN HÓA NHÂN VIÊN VĂN PHÒNG: TIẾN TỚI SỨC HẤP DẪN

Ông giám đốc kiểu nội tại định hướng không bao giờ "thấy" thư ký của mình. Thư ký, như thành viên của một tầng lớp khác, và thường thường, một nhóm sắc tộc khác, cũng hiếm khi "thấy" ông chủ như một cá nhân. Được bàn tay vô hình gom lại một chỗ, cả hai tập trung vào công việc chứ không phải vào nhau, nói cách khác đây như là một chính sách gia trưởng rộng lượng nhưng vô cảm nối lại khoảng cách xã hội. Ngược lại, giám đốc kiểu ngoại tại định hướng, trong khi vẫn ra vẻ bề trên với nhân viên văn phòng, buộc phải cá nhân hóa các mối quan hệ với lực lượng lao động văn phòng dù muốn dù không, dẫu chẳng phải vì ông ta là một phần trong hệ thống đã thuyết phục tầng lớp văn phòng nói chung tin vào các giá trị ưu việt của cá nhân hóa. Cá nhân hóa là giả dối ngay cả khi nó không chủ ý mang tính khai thác, bởi vì tính chất cưỡng bức của nó: giống như sự hợp tác đối kháng mà nó phần nào tạo thành, nó là một mệnh lệnh điều khiển và tự điều khiển giữa những người trong các thứ bậc nhân viên và cao hơn.

Chúng ta có thể thấy sự đổi khác khi so sánh các thái độ đối với công việc văn phòng của phụ nữ mà hai tờ nhật báo của Chicago biểu thị. Một tờ, *Tribune*, ủng hộ các giá trị lâu đời là niềm hứng thú với công việc; tờ kia, *Sun-Times*, ngầm biện hộ cho các giá trị mới hơn của cá nhân hóa. *Tribune* quản lý một cột báo hằng ngày đều đặn gọi là "Nữ nhân viên văn phòng", rao giảng các ưu điểm của tính hiệu quả và lòng trung thành. Giọng điệu của nó gợi ý rằng nó được viết cho nữ nhân viên văn phòng, những người muốn một phản ứng gia trưởng từ ông chủ có phần xa cách mà không mong gì thêm nữa. Nó nhắm vào những độc giả nhìn chung chấp nhận mô thức nội tại định hướng cổ điển trong quản trị văn phòng - dù như vậy họ cũng sẽ không phản đối nếu ông chủ cá nhân hóa chút nữa, trong khi vẫn dứt khoát là ông chủ.

Tờ *Sun-Times* nói với một nhóm được cho là có phần phóng khoáng và tiến bộ hơn, trong cùng giai tầng nghề nghiệp nhưng được phân loại chung là "cô gái lo sự nghiệp". Cô gái lo sự nghiệp hơn lập gia đình được kêu gọi không phải trong một cột báo tập trung vào quan hệ nhân viên mà trong đủ loại cột, nhấn mạnh sự nghiệp, tự thăng tiến thành đạt bằng hình ảnh những phụ nữ lộng lẫy, các bài viết tâm lý học về những mối quan hệ văn phòng. Các bài báo này phóng chiếu ý nghĩa của một mảng kinh tế quản lý nhân sự trong đó hầu hết các giám đốc điều hành là người kiểu ngoại tại định hướng đầy tinh thần trách nhiệm và, dù đó là bà giám đốc điều hành hay ông giám đốc điều hành, đều quan tâm đến mấy cô nhân viên không chỉ như những "hỗ trợ", mà đúng ra, như các cá nhân tỏa sức hấp dẫn.

Tờ *Sun-Times* tạo ra một mối nối về phong cách hòa hợp giữa lúc nhàn rỗi và khi làm việc sát sao hơn tờ *Tribune*. Nó truyền đạt ý niệm rằng ông chủ lúc nào cũng đang cá nhân hóa, cũng như ông ta biết rằng vấn đề - gần như duy nhất - cho nữ nhân viên văn phòng là xác định phong cách để phản ứng lại ông chủ và khiến ông ta nhiệt tình đáp lại. Tờ *Tribune*, ít quan tâm hơn nhiều cái chúng ta có thể gọi là công nghệ tâm trạng, mà duy trì sự tôn trọng dành cho các kỹ năng tốc ký và đánh máy chẳng có gì hấp dẫn.

Nơi nào có sự thờ ơ về chính trị thì chúng ta thấy có sự khuyến khích đối với sức hấp dẫn. Vì thế nơi nào có sự thờ ơ về công việc, thì cũng lại có sự khuyến khích đối với sức hấp dẫn, yếu tố ít phụ thuộc vào bản thân công việc hơn là vào người làm việc đó. Việc làm ít được ưa chuộng nhất trong tất cả là công việc trong một nhóm trực, vì nó làm giảm thiểu sức hấp dẫn, hay làm việc cho một bà chủ, vì nó ngăn chặn sức hấp dẫn. Có vẻ như phụ nữ thực sự muốn dồn hết các nguồn dự trữ cảm xúc vào hoàn cảnh văn phòng, hơn là gìn giữ các nguồn đó cho hoàn cảnh vui chơi. Từ điều này, chúng ta phải rút ra kết luận rằng cả công việc lẫn sự vui chơi của họ cũng đều không mang ý nghĩa tự thân.

Thực tế này đặt ông chủ vào tình thế phải thỏa mãn một yêu cầu cá nhân hóa gần như bất tận, phần nào dựa trên bản chất bất mãn trong đời sống của nữ nhân viên cổ cồn trắng bên ngoài văn phòng. Ở đó tư hữu hóa ép buộc thường thắng thế: bất chấp một môi trường thành thị, các nữ nhân viên văn phòng hiếm khi có các nguồn lực - giáo dục, tài chính, hay đơn giản chỉ là không gian - để làm phong phú các nhóm bạn bè và tiêu khiển của mình. Cố nắm lấy sức hấp dẫn, những phụ nữ này buộc phải tìm nó trong công việc, ở ông chủ và ở cấu trúc thượng tầng các cảm xúc mà họ dệt vào hoàn cảnh văn phòng. Ông giám đốc kiểu ngoại tại định hướng giúp khởi động dây chuyền cá nhân hóa này là bởi vì ông cũng coi thường kỹ năng vốn chẳng mấy dễ chịu cho mình khi ông phải cá nhân hóa, không chỉ như một chủ nhà băng bán tín phiếu, một chính khách bán tư tưởng, hay một nhà quản lý bán chương trình, mà còn đơn giản như một ông chủ hay khách hàng có các nữ nhân viên văn phòng bao quanh.

Hơn nữa, sự nhạy cảm mới mẻ này trước những người có địa vị thấp hơn làm cho mọi người khó gỡ mình khỏi các dây chuyền cá nhân hóa giả tạo bằng cách khoác lấy một mặt nạ công việc hoàn toàn xa lạ. Một số người kiểu nội tại định hướng có thể làm điều này: chỉ là họ không thấy người khác như mọi người, hay như những con người phức tạp và quá dị biệt hóa. Nhưng các giám đốc kiểu ngoại tại định hướng, các nhà chuyên môn, và nhân viên văn phòng lại không thể dễ dàng tách bạch tính thân thiện ép buộc trong công việc với sự thân thiện thật lòng thể hiện tự nhiên ngoài công việc.

CUỘC CHUYỆN TRÒ GIỮA CÁC TẦNG LỚP: MÔ HÌNH NHÀ MÁY

Nhân viên văn phòng bắt chước, thậm chí là biếm họa, phong cách của tầng lớp trung lưu lớp trên thuộc kiểu ngoại tại định hướng. Nhưng công nhân nhà máy ở Missouri thì trái lại: phải thuyết phục anh ta về các ưu điểm của bàn tay niềm nở. Và cho đến nay, anh ta vẫn chưa tin. Nhìn chung, vị giám đốc phải vật lộn để làm cho công nhân xưởng máy trong các nhà máy lớn đã có công đoàn đón lấy bàn tay niềm nở chìa ra, và chính sự kháng cự này đem lại cho ông ta một lịch trình gần như vô hạn, ngốn ngấu sức lực mà ông ta cống hiến cho công việc. Như chúng ta đã thấy từ trước, ông ta có thể tiếp tục thêm vô kể nhân lực vào nhóm quản lý - giám đốc đào tạo, nhà tư vấn và những người bồi đắp nhuệ khí khác - rồi ông ta còn có thể nhúng tay vào tổ chức nghiên cứu nhuệ khí để kiểm tra hiệu lực của những người này và biện pháp này.

Cũng như công nhân xưởng máy, hồi đi học anh ta xem thầy cô như ban quản lý, anh ta đình công, lãn công phản đối các nỗ lực thiện ý hay thiên vị giai cấp của họ, thì trong xưởng máy anh ta cũng không nắm lấy bàn tay niềm nở mà bộ phận nhân sự chìa ra. Quả thực, trong khi giám đốc tin rằng sản xuất cao chứng tỏ nhuệ khí cao, có thể điều ngược lại mới đúng: tinh thần cao có thể song tồn cùng sản xuất thấp nhờ việc làm câu giờ. Vì nếu công nhân cảm thấy thống nhất trong tình đoàn kết và hiểu biết lẫn nhau - họ thường định nghĩa đấy là nhuệ khí cao - thì sẽ xuất hiện điều kiện thuận lợi cho các cuộc lãn công và trừng phạt có hệ thống những kẻ phá hạng.

Tuy vậy, có nhiều giám đốc không bằng lòng để ban lãnh đạo chóp bu và bộ phận nhân sự bảo với công nhân rằng họ có phần lợi trong sản lượng, rằng công việc của họ quan trọng và hấp dẫn - dù có đúng vậy hay không. Nhiều người thực tâm tìm cách tiến hành các kế hoạch đem lại cho công nhân một phần chia thực sự lớn hơn bằng cách sắp xếp lại quyền sở hữu, kế hoạch sản xuất và kiểm soát. Một mục tiêu của các đề xuất này là đưa sức sống cảm xúc, hay tinh thần vui chơi, vào xưởng máy. Cả hai kết quả, cùng với năng suất cao hơn, thường đều đạt được.

Nhưng sự hòa hợp cảm xúc giữa giám đốc và công nhân thường quan trọng đối với giám đốc hơn là đối với công nhân hay quá trình công việc, phần vì, như chúng ta đã thấy, giám đốc kiểu ngoại tại định hướng không chịu nổi thái độ thù địch và xung khắc; phần vì, như chúng ta cũng đã thấy, việc cố xóa tan thù địch và xung đột sẽ làm ông ta bận bịu; quan trọng hơn, có lẽ vì ý thức hệ Mỹ thời nay không thể quan niệm nổi khả năng tồn tại sự thù địch hay dửng dưng giữa các thành viên trong nhóm làm việc mà không ảnh hưởng bất lợi đến sản xuất. Thành tựu hòa hợp đôi khi không trở thành một sản phẩm phụ của công việc dễ chịu và đầy ý nghĩa mà thành một điều kiện tiên quyết bắt buộc. Hệ quả trong một số trường hợp thậm chí có thể làm chậm trễ công việc vì mọi người đã được dẫn dắt để chờ thấy sự hòa hợp tâm trạng, và họ cần được thuyết phục đi thuyết phục lại liên tục rằng nó tồn tại.

Điều này không phủ nhận rằng rất nhiều việc có thể và cần làm để giảm tính đơn điệu của dây chuyền sản xuất cũng như cư xử thiếu tế nhị của các quản đốc. Khi các kỹ sư phụ trách vấn đề nhuệ khí có quyền thuyên chuyển nhân sự từ nhiệm vụ này sang nhiệm vụ khác và thay đổi các mô hình nhóm làm việc, họ đã làm được rất nhiều điều. Nhưng như tôi đã nói, thường thì chính các nhu cầu tâm lý của giám đốc mới là cái định đoạt tầm quan trọng và sự ưu tiên của việc tái tổ chức nhà máy.

Trong khi đó, có hai nhóm kiên trì chống sự gắn kết khăng khít hơn của công nhân vào nhóm làm việc; một là những người cô lập, trong khi làm nhiệm vụ sản xuất, không chịu vào hùa với sự hòa hợp cảm xúc của công nhân xưởng máy, và hai là nhóm đông hơn nhiều những người làm câu giờ lại can dự vào hòa hợp cảm xúc quá sâu. Cả hai nhóm này tìm cách giữ lại tự do tâm tư tình cảm của mình trước các nỗ lực của nhà máy buộc họ trộn lẫn công việc với vui chơi. Người cô lập không muốn can dự vào cuộc hoạch định cảm xúc và động lực của các nhóm trong nhà máy. Người làm câu giờ thì chỉ đơn giản là phản kháng cái họ xem là sự bóc lột của chủ.

Hiển nhiên, với sự phản kháng như vậy thì phải mất một thời gian dài công nhân nhà máy mới có thể noi gương nhân viên văn phòng, và khi bắt chước ông chủ, họ gây sức ép buộc ông ta phải cá nhân hóa nhiều hơn nữa và tốt hơn nữa. Nhưng có lẽ chúng ta thấy ở đây nguồn gốc cho sự đố kỵ của tầng lớp lao động mà nhiều người trung lưu cảm thấy: họ không chỉ đố kỵ gay gắt ra mặt đối với tự do lớn hơn của tầng lớp này mà còn đối với chính sự khước từ can dự vào hoàn cảnh công việc và khả năng kéo theo để dành các nguồn dự trữ cho vui chơi ngay cả ở nơi công việc đơn điệu, mệt nhọc thể xác, hay bị bóc lột.

HỘI NHỮNG NGƯỜI CẦN THIẾT

Phản ứng lại sự cá nhân hóa của lãnh đạo hay cố gắng đưa cuộc dẫn dắt tâm trạng vào khu vực sản xuất hàng hóa - chỉ riêng các mối bận tâm này không giải thích được việc ông giám đốc cứ loay hoay bận bịu. Ông ta bận bịu vì còn hơn cả bận: ông ta không thể thiếu được. Ông ta bám lấy ý niệm về sự khan hiếm được dựng lên rất công phu trong văn hóa chính thống của Mỹ gồm trường học, nhà thờ và chính trị. Ông ta cần chiến đấu với ý niệm rằng có thể bản thân ông không khan hiếm đến vậy - rằng có thiếu ông thì cũng không sao. Và ắt hẳn, trong thế giới hiện nay, nỗi sợ bị coi như người thừa, có thể hiểu được, thật đáng kinh hãi.

Thế nhưng người kiểu ngoại tại định hướng đã mua cảm nhận mình khan hiếm với cái giá là ông ta không thể thấy được công việc, và dưới nó là nhóm làm việc trong nhiều lĩnh vực sản xuất là không mấy cần thiết để giữ cho xã hội tiếp tục hoạt động.[298] Chính bản chất của cá nhân hóa giả tạo là để che

đây thực tế này. Và dĩ nhiên định nghĩa văn hóa về công việc cũng dự phần trong việc bồi đắp thêm ý niệm về sự không thể thiếu - ví dụ, bằng cách biến công việc ăn lương thành một biểu hiện lý tưởng cho sự nỗ lực của con người - và trong việc đem lại cho những người cần thiết những lợi lộc phụ, chẳng hạn như sự cảm thông từ vợ con, được giải thoát khỏi các đòi hỏi và khả năng nhàn rỗi.

III. Xã hội bị cá nhân hóa thái quá

Thế thì, một trong những khả năng mở ra các kênh cho tính độc lập là phi cá nhân hóa công việc, làm cho nó bớt nhọc nhằn về cảm xúc, và khuyến khích mọi người tự quyết định xem liệu họ muốn cá nhân hóa không, và cá nhân hóa đến chừng nào ở bên trong những điều không thể trốn tránh của lề lối công việc mà văn hóa đòi hỏi. Nhưng lẽ đương nhiên có các chướng ngại tâm lý chắn đường bất kỳ thay đổi định chế nào. Tính cách của người do ngoại tại định hướng được các định chế cùng thời khơi dậy, và rồi, khi trưởng thành, anh ta đòi hỏi các định chế phải khai thác tính cách mà sau rốt anh ta cũng đã cho là của mình. Do vậy, giả sử các định chế không còn sử dụng anh ta theo cách anh ta mong được sử dụng nữa, liệu anh ta có cảm thấy cõi lòng trống rỗng?

Percival và Paul Goodman đã tự hỏi chính câu này trong *Communitas* (Cộng đồng), cuốn sách chứa đựng một trong những bàn luận giàu trí tưởng tượng nhất về công việc và vui chơi so với bất kỳ trước tác hiện đại nào.[299] Họ mô tả một xứ sở không tưởng ở đó người dân có thể kiếm sống bằng nỗ lực tối thiểu, và rồi phải đối mặt vấn đề thực sự choáng váng là làm sao để qua hết ngày:

> *Bỗng đâu người Mỹ thấy mình được giải thoát khỏi nhu cầu vật chất và áp lực xã hội mà riêng mình nó, có lẽ, đã đẩy họ tới những thỏa mãn thường lệ: có thể họ chợt nhận ra các thú vui thương mại là nhạt nhẽo và vô vị, nhưng không vì thế mà họ bỗng nhiên tìm thấy nguồn lực nào bên trong mình.*
>
> *Như cô học trò trong trường học tân tiến đó, khao khát có sự an toàn khi người lớn quyết định thay cho mình, hỏi: "Thưa thầy, hôm nay bọn em có phải làm lại cái bọn em muốn làm không?"*

Có hai cách chính để giảm bớt các đòi hỏi công việc, một là qua tự động hóa nhằm giải phóng hoàn toàn sự chú ý của nhiều người trong chúng ta khỏi các quá trình sản xuất, hai là qua tận dụng những tiềm năng phi cá nhân trong các quá trình sản xuất và phân phối của chúng ta. Cả hai sự phát triển này đều bị phản kháng mạnh mẽ, không chỉ bởi những người trông máy thỉnh thoảng thấy công việc nhàm chán, nhưng đỡ chán hơn các việc thay thế; thực ra, tôi tin chúng ta sẽ đi xa hơn nữa trên con đường dẫn đến nhà máy tự động trăm phần trăm nếu ban quản lý không ôm những nỗi sợ còn sót lại có thể hiểu

được - rằng không có việc làm thì chúng ta sẽ không còn tồn tại nữa.

Sự ngụy biện này tiêu biểu cho các đề xuất đưa niềm vui và ý nghĩa vào hệ thống công nghiệp hiện đại, vốn bắt nguồn từ các trường phái của De Man, Mayo và nhiều tác giả khác gần đây. Những tác giả này, giống như một số người ủng hộ chủ nghĩa công đoàn và người đặt lòng tin vào hợp tác xã, muốn khôi phục các mối quan hệ cá nhân trong công việc điển hình cho một xã hội phụ thuộc vào kiểu truyền thống định hướng cũng như cho các giai đoạn nội tại định hướng trước đây. Trong một ý kiến sai lầm về sự tham gia nhầm chỗ, họ muốn cá nhân hóa, cảm xúc hóa, đạo đức hóa xưởng máy và giới văn phòng ở mọi khâu. Ít nhất ở Mỹ họ đã phạm sai lầm khi xem nền văn minh của chúng ta như một xã hội phi cá nhân và than van về điều đó. Về lâu dài, tôi nghĩ sự hợp tác sẽ có nghĩa lý hơn, chứ không cưỡng lại tính phi cá nhân trong công nghiệp hiện đại: tăng tự động hóa trong công việc - nhưng là để có vui chơi và tiêu thụ chứ không phải cho chính công việc.

Đối với nhiều nhân viên văn phòng, như chúng ta đã thấy, cá nhân hóa giả tạo là kiểu cá nhân hóa duy nhất mà họ gặp. Đối với nhiều công nhân xưởng máy thì làm câu giờ là sự hòa hợp duy nhất họ có được. Công việc, khi nó có các nghĩa phụ này đối với mọi người, vẫn còn thực hữu, quan trọng, và thu hút. Đây là một cám dỗ mà trong cuộc chiến tranh vừa qua đã lôi kéo nhiều phụ nữ giai tầng trung lưu và trung lưu lớp dưới vào các xưởng máy, giữ chân họ lại bất chấp điều kiện làm việc kém, phương tiện đi lại bất tiện, và áp lực từ các ông chồng. Thoát ly đời sống gia đình tư hữu hóa cực đoan, họ sẵn sàng, thậm chí còn háo hức, chấp nhận những việc làm có vẻ đơn điệu nhất. Do vậy, bất kỳ nỗ lực nào tiếp tục tự động hóa công việc cũng phải tính đến không chỉ tình trạng thất nghiệp tạm thời do công nghệ gây ra, mà còn cả hoàn cảnh của những người bị tư hữu hóa thái quá vẫn đang chịu các rào cản còn sót lại là gia đình, nghèo đói, hệ thống thang bậc mà chúng ta đã kế thừa từ giai đoạn phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng. Nhưng chắc chắn chúng ta có thể nghĩ đến những điều tốt đẹp cho họ hơn là xưởng máy như một nơi ẩn náu khỏi gia đình, cũng như nghĩ ra cách hay hơn đem lại cho người bần cùng sự an toàn và chăm sóc y tế tốt hơn là nhốt họ vào tù hay bệnh viện tâm thần.

MÁY BÁN HÀNG TỰ ĐỘNG ĐẤU VỚI BÀN TAY NIỀM NỞ

Trong bối cảnh những giải thích về xã hội và kinh tế của chúng ta hiện nay, tôi thấy không thể quả quyết được sự cá nhân hóa cần thiết kết thúc ở đâu và sự cá nhân hóa không cần thiết khởi đầu ở đâu. Tôi cũng không có các chỉ số để tách bạch nỗ lực sản xuất sinh lợi với việc làm cho hết ngày. Tôi chịu không nói được, chẳng hạn, tiến trình lề rề đi tới tự động hóa trong các ngành nghề khu vực thứ ba bao nhiêu phần là do công xá thấp, lôi kéo các bà thợ giặt ủi da đen vào một cuộc chạy đua cơ bắp với sức máy đang tồn tại, bao nhiêu phần là do không chế ra được máy móc cần thiết, bao nhiêu phần là do nhu cầu người

tiêu dùng mua sự cá nhân hóa đi kèm một sản phẩm, và bao nhiêu phần là do nhu cầu cá nhân hóa của chính lực lượng lao động, vì các lý do đã nêu, cho dù người tiêu thụ có yêu cầu hay không.

Cũng khó đánh giá nhu cầu của người tiêu thụ về sự quan tâm cá nhân sẽ xung đột không tránh khỏi đến mức nào với quyền của nhà sản xuất thoát khỏi sự cá nhân hóa không cần thiết. Ngành bán lẻ đưa ra một vấn đề nan giải trong mối quan hệ này. Sự tăng trưởng người tiêu dùng và thị trường xa xỉ ở Hoa Kỳ, cộng với sự lớn mạnh của kiểu ngoại tại định hướng, làm cho công việc của người bán hàng khó khăn hơn so với năm 1900. Hồi ấy, ví dụ, cô bán hàng trong cửa hàng Đại lộ 5 bán kho hàng có hạn của mình cho giới khách hàng thượng lưu theo nhịp độ chậm chạp tương đối mà chính ngành đó ấn định cho mình. Đúng vậy, mua sắm là một thú tiêu khiển ngay cả từ thời đó. Nhưng khách hàng không vội, mà cô, trong phạm vi phong cách dựa trên tầng lớp của cô, cũng không quá băn khoăn về lựa chọn của mình. Hơn nữa, cô bán hàng chỉ phục vụ một ít khách, có thể nhớ các yêu cầu của họ, và do vậy đó là một sự hỗ trợ nhất định mỗi khi được yêu cầu. Ngày nay cô bán hàng trong cửa hàng bách hóa, một nhân vật điển hình trong dây chuyền phân phối cá nhân hóa, đứng trước một lượng khách hàng khổng lồ, bồn chồn trong chuyển động, và phân vân trong sở thích. Cô ta được yêu cầu mau chóng đáp lại một loạt nhu cầu mơ hồ của họ.

Các quan sát này gợi ý rằng phần nhiều tính chất bi thương trong giai đoạn công nghiệp hiện nay của chúng ta nằm ở thực tế là chúng ta có nhu cầu mở rộng nhanh chóng các ngành nghề khu vực thứ ba phục vụ cho sự nhàn rỗi, trong khi đây chính là các ngành mà ngày nay có lẽ kết hợp sự khó khăn nhất và tẻ nhạt nhất của công việc chân tay với các nhu cầu cảm xúc khắt khe nhất - thực tế này rất phổ biến, chẳng hạn trong cửa hàng bách hóa. Vấn đề tự động hóa ở đâu thường được các nhà kinh tế nhìn nhận như một vấn đề trong đầu tư và tái đầu tư, cũng như trong sự biến động của lực lượng lao động. Thế nhưng có lẽ một ngân sách quốc gia về tư liệu sản xuất nên bao gồm trong các dự đoán của nó một giả định về mức độ cá nhân hóa giả tạo mà nó có thể khơi lên hay loại trừ.

Điều chúng ta thực sự cần là kiểu kỹ sư mới có nhiệm vụ loại bỏ các rủi ro tinh thần bắt nguồn từ sự cá nhân hóa giả tạo, như các kỹ sư an toàn ngày nay loại bỏ các rủi ro gây nguy hiểm đến tính mạng. Ví dụ, một kỹ sư như vậy có thể tìm cách làm cho cây bơm xăng trở nên cũng tự động như máy đánh bạc và biến các tiệm sửa chữa ô tô thành một hình thức cận tự động như một số ga ra tối tân nhất ngày nay. Trong các xưởng máy và văn phòng, có thể nỗ lực bằng kỹ thuật thiết kế cẩn thận, để loại trừ các điều kiện và địa điểm làm việc o ép cảm xúc - trong khi đó bảo đảm có sẵn những việc làm khác cho những ai bị tự động hóa thay thế. Sẽ cần đôi chút óc tưởng tượng và kỹ năng để xây

dựng các chỉ số cân đo mức độ cá nhân hóa giả tạo mà một công việc nhất định đòi hỏi trong điều kiện bình thường, và để ấn định mức trần không được phép đi quá cho sự cá nhân hóa giả tạo đó.

Sẽ thú vị khi từ quan điểm này xem lại xu hướng hiện nay ở Mỹ là dẹp bỏ các văn phòng riêng và để mọi người làm việc một cách dân chủ trong một phòng duy nhất sáng sủa, chỉ có một lối vào. Tôi đoán là, với nhiều người, đòi hỏi hai mặt là phải quảng giao và phải hoàn thành công việc sẽ có chính các hệ quả như ở trường phổ thông và đại học, nó dẫn đến việc chỉ trích những người thích công việc của mình ra mặt, và nỗi lo âu về phía những người không thể đồng thời vừa hướng mình theo nhiệm vụ trước mặt vừa để ý mạng lưới những người theo dõi. Với số khác, sự lo âu về công việc tách biệt hẳn phải vơi bớt, và họ có được một lợi nhuận ròng về sự thân thiện.

Trong các ngành phân phối, người bán hàng đâu đâu cũng đụng phải khách hàng, nên không thể có được giải pháp qua những văn phòng riêng, mà chỉ có thể là qua tự động hóa thêm nữa. Bellamy đã rất sáng suốt nhìn ra một số khả năng, và trong cuốn *Looking Backward* (Nhìn về phía sau), ông làm cho sinh hoạt mua sắm của người tiêu dùng có dạng đặt hàng "không chạm tay người" từ các trung tâm buôn bán, giống hệt như các kho hàng tại chỗ mà ngày nay người ta có thể đặt hàng với Sears hay Montgomery Ward.[300] Rõ ràng, nếu có thể làm cho hầu hết thương nghiệp tự động, cả người tiêu thụ lẫn người bán hàng sẽ được đỡ đi rất nhiều di chuyển và cảm xúc. Siêu thị, quán ăn tự động, cửa hiệu bán hàng qua bưu điện, mọi thứ phụ thuộc vào phần trình bày và quảng cáo chính xác, đầy màu sắc, đều là những sáng chế kỹ thuật nới rộng thêm các ngóc ngách trong hệ thống phân phối, nơi tính độc lập có thể nảy nở.

Bellamy còn gợi ý cách giảm nhẹ đôi chút tội lỗi mà nhiều người chúng ta cảm thấy khi sống một cuộc sống tương đối an nhàn trong lúc người khác tham gia vào số cực tiểu những việc làm khó nhọc và khó chịu - một tội lỗi chắc chắn lan rộng hơn nhiều ở giai đoạn ngoại tại định hướng, và nó có lẽ trầm trọng chứ không phải vô sự với tính độc lập đang tăng lên. Kế hoạch của ông, đòi hỏi tất cả thanh niên phục vụ ba năm trong "đội quân công nghiệp", được thiết kế để tạo thuận lợi cho tổ chức công nghiệp quốc dân và để hướng dẫn lớp trẻ trong những lựa chọn nghề nghiệp cuối cùng của họ. Khi CCC cho chúng ta cái gì đó kiểu như vậy, thì như rất nhiều thứ tốt đẹp chúng ta làm, chỉ là để cứu trợ; người khá giả bị loại trừ. Một sự kết hợp đội quân của Bellamy và CCC có lẽ sẽ phục vụ tất cả chúng ta như một sự giảm tội sơ khởi cho công việc "không sinh lợi" về sau, trong khi chờ đến lúc có các định nghĩa mới của chúng ta về hiệu suất. Một khi người ta đã làm xong phần việc gian nan ở cuối những năm mới lớn tràn trề sinh lực, đối với một số người có chủ nghĩa lý tưởng mạnh mẽ, họ có thể cảm thấy được quyền được hưởng cuộc sống nhàn nhã.[301] Đương nhiên, nhiều cựu chiến binh, khi đang học hành

hay thích thú lang thang và phục tùng Dự luật Quân nhân - giai đoạn này hết sức quan trọng - sẽ cảm thấy có lỗi khi xé một tờ séc từ Chú Sam[302] khi mà họ không trải qua chuyện phần của mình bị tước đoạt.

Đây là những gợi ý cho các giải pháp xã hội: nhưng chúng ta không cần chờ chực chúng. Những ai tìm sự độc lập có thể chỉ cần từ chối xem các định nghĩa văn hóa về cái cấu thành công việc là đương nhiên - một kiểu đình công, không phải phản đối công việc theo nghĩa thông thường mà phản đối sự đòi hỏi mọi sức mạnh cảm xúc có thể tuyển dụng phải được một dây chuyền hỗ tương bất tận đưa vào sử dụng trong công việc.

Thoreau[303] là một nhà khảo sát xuất sắc; ông chọn nghề này - một kỹ năng chuyên môn tuyệt hảo gần như đã không còn - như một nghề được trả lương khá sẽ cho ông sinh kế nếu ông làm một ngày mỗi tuần. William Carlos Williams[304] là một bác sĩ đa khoa nổi tiếng ở Rutherford, New Jersey. Charles Ives[305] "làm việc" bằng cách đứng đầu một đại lý bán được nửa tỉ đô la bảo hiểm, và ông "vui chơi" bằng cách soạn một số bản nhạc đáng chú ý, dù ít được công nhận là đã sáng tác trên đất nước này. Ives chẳng hề cảm thấy tội lỗi về tiền ông làm ra hay về chuyện ông sống một đời sống Mỹ "bình thường", đúng hơn là một đời sống kiểu Bohemia. Thế nhưng nhiều người không sẵn sàng làm điều mà những nhân vật nói trên làm, hay điều mà Charles Lamb, Hawthorne[306] và nhiều người khác làm vào thế kỷ 19: biện hộ cho công việc của mình chủ yếu bằng tiền công, nhất là nếu công việc ít giờ và nhiều lương. Thay vì thế, như chúng ta đã thấy, người ta cố gắng bằng cách cá nhân hóa giả dối, bằng sự dẫn dắt tâm trạng, bằng các quan niệm về địa vị không thể thiếu được, bằng vô số các nghi thức và lịch trình tương tự, choán hết khoảng trống mà năng suất cao tạo ra. Thế nhưng công việc đích thực của mọi người - lĩnh vực mà trên cơ sở tính cách và năng khiếu của họ, họ muốn được dồn mọi sức mạnh cảm xúc và sáng tạo vào đó - giờ đây không thể hình dung được là sẽ trùng khớp, có lẽ trong đa số trường hợp, với công việc họ được trả lương để làm.

CHƯƠNG XIV
Tư hữu hóa ép buộc: các chướng ngại cho sự độc lập trong vui chơi

Tôi có thể nhận xét… rằng mặc dù trong thuở ban đầu ấy, dường như tôi luôn ước ao được hoán đổi số phận của mình với người khác, ước chừng mình chắc chắn sẽ được lợi từ thỏa thuận này, nhưng theo tôi nhớ, tôi chưa từng ghen tị với những kẻ hạnh phúc hơn đó - trong phạm vi mở ra cho những đứa trẻ giàu ý chí. Nói đúng ra, tôi rõ ràng thiếu sự đam mê và do đó, có lẽ thiếu cả ý chí; vì nếu đúng như tôi nghĩ, lòng ghen tị liên quan đến những thành công mà người ta thấy bạn bè họ có thể đạt được - khi đem so với những thất bại của bản thân - thì, ít nhất dựa theo hiểu biết của tôi, người ta chỉ thấy đố kị đối với những thứ họ có tiềm năng, hay nói cách khác là đối với một thứ hiểu biết phong phú hơn nhiều mà họ suy đoán, chắc chắn thường theo một cách quá tùy tiện, rằng họ được sở hữu.

Henry James, *A Small Boy and Others* (Cậu bé và người khác)

Vì sự nhàn rỗi ở Mỹ được phân bố vừa nhanh vừa rộng nên nó đã đặt ra cho người Mỹ nhiều vấn đề mới trong lịch sử. Đồng thời, một phần triển vọng nhàn rỗi và vui chơi dành cho những người thuộc kiểu ngoại tại định hướng là: so với trong công việc thì trong lúc vui chơi, người ta dễ dàng phá bỏ một số rào cản về mặt tính cách và thể chế đối với sự độc lập hơn. Vui chơi, còn xa mới bị xếp vào lĩnh vực dư thừa còn lại sau thời gian làm việc và cảm giác làm việc, có thể càng ngày càng trở thành lĩnh vực có mục đích phát triển kỹ năng và năng lực trong nghệ thuật sống. Vui chơi có thể được chứng thực là lĩnh vực vẫn còn chút chỗ trống cho người có tố chất độc lập phục hồi tính cách cá nhân từ các đòi hỏi lan tràn của tính cách xã hội của anh ta.

Phải thừa nhận là chúng ta biết rất ít về vui chơi, một phần là do các định nghĩa văn hóa vẫn thường ưu tiên cho công việc. Từ trước đến giờ, người ta chủ yếu nghiên cứu những vấn đề liên quan đến tính cách xã hội của người sản xuất; mãi gần đây mới dành sự quan tâm tương tự cho người tiêu thụ; và chúng ta vẫn còn phải khám phá người vui chơi. Thế nhưng, liệu có hợp lý không nếu ta gợi ý tìm hiểu về lĩnh vực vui chơi trong khi rất có thể điều đó sẽ thúc đẩy sự can thiệp công khai và có hệ thống vào một lĩnh vực mà theo lý tưởng thì hoàn toàn xứng đáng với sự riêng tư và thiếu hệ thống? Có lẽ thái độ thông đồng im lặng về sự nhàn rỗi và vui chơi chính là cách che chở hiệu quả nhất cho hai thứ ấy?

Thay vì bàn đến những vấn đề vượt quá khả năng của tôi như người ta nên vui chơi ra sao, những người mưu cầu sự độc lập nên vui chơi theo cách nào,

tôi sẽ quay sang xem xét các hạn chế đối với sự tự do trong lĩnh vực chơi nói chung.

I. Cự tuyệt sự hòa hợp

Trong chương trước chúng ta đã lưu ý đến sự hòa hợp thái quá dưới dạng cá nhân hóa giả tạo, vốn được áp đặt lên rất nhiều người trong nền kinh tế của chúng ta. Dẫu vậy, tôi không phủ nhận rằng đối với người thuộc kiểu ngoại tại định hướng thì thiếu hụt sự hòa hợp còn nghiêm trọng hơn dư thừa. Sự hiện diện của những người dẫn dắt và ủng hộ là yếu tố sống còn trong toàn thể hệ thống tuân thủ và tự bào chữa của anh ta. Nếu bị tước mất sự hòa hợp đã bắt đầu được tính cách của anh ta thèm khát thì anh ta sẽ không trở thành người độc lập mà chỉ biến thành kẻ vô tổ chức - hành động này cũng giống như tàn nhẫn tước đoạt rượu hay ma túy của người nghiện bằng cách bất thình lình tống giam họ. Hơn nữa, nếu người thuộc kiểu ngoại tại định hướng đang tìm kiếm sự độc lập thì anh ta sẽ không thể một mình đạt được điều đó. Anh ta cần bạn bè.

Người ngoại tại định hướng được xã hội hóa trong một nhóm trẻ ngang hàng giống anh ta ở các chỉ số hữu hình như tuổi tác, màu da và tầng lớp nhưng rất có thể không hề giống anh ta trong các khí chất riêng tư hơn, các sở thích và khả năng tưởng tượng. Nếu biết thích nghi, anh ta sẽ học được cách tỏ ra giống với những người đã được nuôi dạy cùng anh ta, những người đã cùng anh ta học về sự hợp tác, lòng bao dung và cách kiềm chế tính nóng nảy. Trong quá trình này anh ta đã học được cách quên đi các nét tính cách không "xã hội", không bị ngoại tại định hướng. Nếu vẫn còn duy trì tình trạng bằng vai phải lứa với đồng nghiệp, với những hàng xóm tình cờ, với những người ngang hàng hay có khả năng ngang hàng về địa vị, thì rất có thể anh ta sẽ không nhận ra, hoặc chỉ trong nỗi buồn chán và bứt rứt mơ hồ mới nhận ra, bất kỳ khác biệt nào giữa hình ảnh anh ta có về bản thân và về "người khác". Ngược lại, nếu bắt đầu nhìn thấy bản thân mình giữa những người hoan nghênh, tán thưởng, hay ít nhất họ cũng không trừng phạt sự bày tỏ và thăm dò những phần cá tính bị chôn vùi này, anh ta có thể sẽ trở nên độc lập hơn.

Song, muốn đạt được bước tiến này, người ta bắt buộc phải có khả năng, cả về mặt tâm lý lẫn thể chế, tìm thấy con đường dẫn đến bạn bè mới, đến nhóm ngang hàng mới hoặc vừa cũ vừa mới.

Tuy nhiên, trong tình hình hiện tại, tự do lớn hơn trong việc chọn lựa tình bạn khó có thể được coi là phương cách hợp thời nhất để giải quyết các vấn đề mà dân thành thị hiện đại nhận thấy trong sự hòa hợp của họ. Nhiều nhà phê bình đời sống đương đại sẽ đi theo hướng đối lập hẳn, dựa trên giả định rằng không phải người ta có quá ít mà thật ra là có quá nhiều tự do. Một số nhà phê bình này phát biểu dựa trên nền tảng tôn giáo, số khác lại bắt nguồn từ mối lo

lắng về tình trạng vô tổ chức ở thành thị. Họ vô cùng băn khoăn trước thực tế rằng mặc dù cứ đôi ba năm lại chuyển nhà nhưng người Mỹ lại không tìm cách đơn giản hóa những cuộc dời chuyển này bằng cách phát triển các phương tiện không gắn kết quá chặt vào các địa điểm cụ thể, ví dụ như xe moóc hay nhà kiểu Buckminster Fuller.[307] Thay vì vậy, họ thường nhồi nhét mọi người vào các cộng đồng quen xây dựng tình bạn đa phần dựa trên quan hệ huyết thống. Họ dễ đồng thuận với quan điểm của nhà quy hoạch đô thị đã nói rằng người ta sẽ tìm thấy mẫu cộng đồng lý tưởng cho nước Mỹ trong những người da đen nông thôn miền cực Nam Hoa Kỳ và người Canada gốc Pháp tại các thôn làng Québec. Về sau qua chuyện trò mới biết bạn bè anh ta cũng ở rải rác khắp hai lục địa. Ở đây chúng ta sẽ nhận thấy các tầng lớp tìm cách áp đặt "cội nguồn" cho các đám đông y như người Dobu cố phù phép giữ cho đám khoai lang, củ từ của họ ở nguyên tại chỗ!

Chúng ta có thể gọi các nhà phê bình này là tân truyền thống. Dường như họ muốn từ chối trao cho người khác các đặc quyền trong xã hội hiện đại mà chính bản thân họ lại vơ vào như một lẽ đương nhiên. Lựa chọn của chính họ là nay thực phẩm Pháp mai đồ ăn Ý; họ chọn các quan điểm từ mọi thời và chọn bạn bè từ mọi nơi; họ thích điêu khắc châu Phi nguyên thủy và Phục hưng Ý, rồi còn đọc sách bằng bốn thứ tiếng. Những thứ này được coi như lợi thế chứ không phải trở ngại; và mỉa mai thay, vì sợ hãi, nôn nóng, a dua và buồn chán nên nhiều người sành sỏi thuộc kiểu ngoại tại định hướng thường bộc lộ nỗi hoài niệm về một thời quá vãng khi họ chẳng thể có được những lựa chọn như vậy. *Connecticut Yankee in King Arthur's Court* (Người Yankee xứ Connecticut tại triều đình vua Arthur) của Mark Twain đã thể hiện một nhận thức rõ ràng hơn về nỗi mỉa mai; và Twain, bằng tất cả nỗi cay đắng của mình, đã bộc lộ một tình cảm lành mạnh hơn về con đường quay về.

Tuy nhiên, xét trên nhiều phương diện, bất chấp các giọng điệu phê phán như vậy, sự hòa hợp của người Mỹ, tức là thị trường tình bạn, cũng giống như thị trường hàng hóa Mỹ, là thị trường tự do nhất và lớn nhất thế giới. Cha mẹ chỉ có thể giám sát các mối quan hệ xã hội của con cái ở bên rìa giai cấp và sắc tộc, và họ vẫn được tự do cần mẫn làm điều này. Song, ở tuổi mới lớn, xe ô tô giải phóng nhiều người Mỹ khỏi sự hòa hợp bị cha mẹ giám sát. Đến tuổi trưởng thành, sự thuận tiện đi lại, thống nhất ngôn ngữ và rủng rỉnh tiền tiêu xài đã giải phóng con người để họ tham gia các kỳ nghỉ, tiệc tùng và các chuyến đi tìm kiếm nhiều bạn bè đủ kiểu.

Dẫu vậy thị trường tình bạn ngổn ngang mọi loại phí tổn, về mặt kinh tế, chính trị và văn hóa. Trước tiên, các bất công trong phân phối thu nhập trở nên quy mô hơn, hạn chế khả năng cá nhân tiếp cận hàng tiêu dùng, sự nhàn rỗi và vui chơi. Dù các nền giá được ấn định theo mức tiêu dùng của một số chủ nông trại và công nhân, nhiều người trong số họ chỉ là kẻ ăn không ngồi

rồi, nhưng các chủ nông trại và công nhân khác vẫn chưa được bảo hộ bằng các khoản trợ cấp hay thỏa thuận lương bổng, do vậy bị loại trừ khỏi các biến thể "Văn hóa 4-H Club" hay "Văn hóa UAW" của sở thích, sự hòa hợp và vui chơi. Những sự loại trừ và tư hữu hóa này dẫn đến nhiều hệ quả phức tạp cho người bị loại trừ và, nói chung, cho nhóm có nhiều đặc quyền hơn. Đặc biệt, người thuộc kiểu ngoại tại định hướng có thể thấy con đường đi đến sự độc lập của mình đã bị méo mó bởi cảm giác tội lỗi trước người bị loại trừ, bởi sự hạn chế các lựa chọn của bản thân phát sinh từ sự loại trừ đó, và bởi sự sút giảm toàn bộ các tiềm năng vui chơi của nền kinh tế vốn là hệ luận của sự sụt giảm tương tự trong bất kỳ lĩnh vực con nào của nó.

Mặt khác, sự hòa hợp đôi khi bị hạn chế một cách tinh vi và ngược đời bởi chính các nỗ lực đã nhân danh sự khoan dung để vượt qua mọi hàng rào thuế quan và thành lập các hiệp hội có lẽ vẫn bị nền văn hóa chung coi là tội lỗi. Người ngoại tại định hướng, hoạt động cùng một nhóm ngang hàng khoan dung, không được phép mở rộng tình bạn sang các giai tầng rộng hơn theo nhịp độ riêng của mình. Rất có thể, bất thình lình, anh ta được yêu cầu xóa bỏ mỗi lần không chỉ một hàng rào - giả dụ như hàng rào đẳng cấp - mà tận hai, giả dụ như thêm cả hàng rào giai cấp. Ví dụ có thể anh ta buộc phải tiếp xúc với những người da đen thuộc *giai cấp* thấp hơn, trong khi quan điểm đạo đức chỉ đặt ra cho anh ta vấn đề về *màu da*. Điều này có thể xảy ra với anh ta đúng lúc anh ta tách mình ra khỏi các nguồn đạo lý thông thường, và do vậy, tách ra khỏi những ép buộc cá nhân cần thiết giúp anh ta duy trì các giá trị bình đẳng chủ nghĩa mới của mình. Ở đây có khả năng anh ta bất chợt cảm thấy hốt hoảng vì buộc phải xóa bỏ các thuế quan trên thị trường tình bạn vốn đã trở nên quen thuộc với nền kinh tế tâm lý của anh ta, và thế là anh ta sẽ phản ứng dữ dội nhằm ủng hộ các chuẩn mực cũ hơn của mình.

II. Hòa hợp và tư hữu hóa ở phụ nữ

Như với "các thiểu số" khác, giáo dục và sự giải phóng một phần đối với phụ nữ đã đặt "đa số" (trong trường hợp này là đàn ông) vào một vị thế nhập nhằng. Họ không còn được che chở trước phụ nữ nhờ một phép xã giao cứng nhắc hay các dàn xếp chính thức khác. Hơn nữa, như trước đây chúng ta đã thấy, phụ nữ đưa ra những đòi hỏi tình dục và để ngỏ các tiềm năng tình dục mà mẹ họ không bao giờ dám mơ tới, hay chỉ có thể mơ tới. Tương tự như vậy, họ đưa ra những đòi hỏi về sự thấu hiểu và tình bầu bạn. Nhưng, vốn đã phải chịu nỗi lo lắng giữa những người hợp tác đối kháng cùng giới, không phải lúc nào đàn ông cũng chào đón sự hợp tác và bầu bạn từ người khác phái mà việc xóa bỏ một thuế quan cũ hơn đã cho phép, và xét trên một phương diện nào đó, đã yêu cầu. Trong khi những cá nhân thuộc kiểu nội tại định hướng, những người vẫn có thể ra vẻ kẻ cả với phụ nữ, kêu ca với tình nhân là vợ không hiểu anh ta, thì trên thực tế đàn ông thuộc kiểu ngoại tại định hướng lại phàn nàn

là vợ anh ta hiểu anh ta quá tỏ tường.

Các mối bất an do những người mới được giải phóng gây nên như vậy là một nguyên nhân dẫn đến những cố gắng hiện tại nhằm tái tư hữu hóa phụ nữ bằng cách định nghĩa lại vai trò của họ theo một cách dễ chịu nào đó mang đậm tính gia đình và truyền thống. Nhiều người, cả đàn ông lẫn đàn bà, khá băn khoăn trước cái gọi là sự phân hóa trong gia đình và nhìn lại đầy khát khao cấu trúc gia đình của các xã hội ở giai đoạn đầu trên đường đồ thị dân số. Họ thường không thấy được rằng tỷ lệ ly hôn hiện nay phần nào là một chỉ số cho các đòi hỏi mới về sự hòa hợp và nhàn rỗi đối với hôn nhân của các cặp trung lưu nhạy cảm; rằng các đòi hỏi này không chỉ càng ngày càng cao, trong vấn đề chọn lựa bạn đời, mà như Margaret Mead đã nhận xét, còn bao gồm cả niềm kỳ vọng rằng mỗi người bạn đời đều tăng trưởng và phát triển theo nhịp độ tương đương.[308]

Đúng thế, nhiều cuộc ly hôn là kết quả của hành động thăm dò trên lĩnh vực tình dục mà xã hội nhàn rỗi của chúng ta đã mở ra để những người ngoài giới quý tộc và kẻ vô công rồi nghề, đàn bà cũng như đàn ông, cùng khai thác. Thế nhưng, trong khi bất cứ nỗ lực nào của các nhà tân truyền thống nhằm đóng cửa lĩnh vực tình dục cũng đều có thể góp phần khôi phục sức quyến rũ tội lỗi đã có ở thời trước thì rõ ràng nó lại không đáp ứng được các vấn đề phát sinh từ đòi hỏi lớn hơn của những người thiên về nhàn rỗi đặt ra cho sự lựa chọn bạn bè của họ, trên phương diện giới tính và những mặt khác. Yêu cầu hiển nhiên ở đây là sự phát triển của một mô hình hôn nhân mới có khả năng tìm được cơ hội trong các lựa chọn mà một xã hội nhàn rỗi, tự do ly dị đã mở ra. Vì phụ nữ ít bị tư hữu hóa hơn so với truyền thống nên hôn nhân đã đem lại cho hàng triệu người nhiều thứ hơn hẳn trước đây.

Dẫu vậy, vẫn còn một chặng đường dài trước khi phụ nữ có thể hợp tác bình đẳng với đàn ông trong công việc và vui chơi. Ngày nay, những người đàn ông có thể hòa hợp với phụ nữ một cách dễ dàng, tự nhiên và thích nhóm bạn có cả hai phái hơn cả trong công việc lẫn vui chơi sẽ phải chống chọi với những tàn dư của sự tư hữu hóa trước đây. Trước hết, họ khó lòng tránh nhiều dịp hội họp chỉ toàn đàn ông, nơi trú ẩn của một số người mong muốn tránh khỏi những sự giải thoát mà các quy tắc xử thế hòa nhập hai giới mới đã áp đặt cho họ. Vì giai đoạn phát triển cá tính tuổi thơ ngày càng ngắn đi nên cậu con trai chỉ có thể cứ là con trai từ sáu đến mười tuổi, còn đàn ông trưởng thành cố tạo ra hay giữ lại các giai đoạn phát triển cá tính giả tạo mà trong đó, họ không phải chịu áp lực từ phụ nữ - hay, tệ hơn, từ nhận định của cánh đàn ông về những chuyện kiểu như họ đã thành công thế nào với phụ nữ. Do vậy, cả hai giới đều trải qua các giới hạn, áp lực và tội lỗi của sự giải phóng.

Vì thế, chúng ta không có gì phải ngạc nhiên khi thấy rằng trong các giai tầng xã hội nơi kiểu người ngoại tại định hướng chiếm ưu thế, sự tư hữu hóa

vẫn còn diễn ra khá mạnh mẽ ngay cả đối với những phụ nữ thuộc tầng lớp kinh tế cao hơn, và rằng những phụ nữ này, thường là người vui chơi và người tiêu thụ bắt buộc, vẫn chưa giải được các bài toán năng lực lúc vui chơi. Ví dụ như nữ nhân vật chính trong "Let's Go Out Tonight" đã bị kẹt cứng trong ngôi nhà nhỏ ngoại ô, tách lìa với toàn bộ thị trường tình bạn cả của đàn ông lẫn đàn bà - trừ những người cô có thể gặp gỡ xã giao cùng chồng. Nhiều người dân ngoại ô, ấy là chưa nói đến các bà vợ ở nông trại, còn tệ hơn nhiều. Đức ông chồng lái chiếc xe duy nhất đi làm và bỏ bà vợ như một tù nhân ở nhà cùng đàn con thơ, chiếc điện thoại, đài hoặc ti vi. Những phụ nữ như vậy có thể dễ dàng trở nên thờ ơ đến độ họ vẫn còn là tù nhân tâm lý ngay cả khi các hàng rào vật chất và kinh tế cản trở tính di động của họ đã được dỡ bỏ. Và đến lượt nó, sự tư hữu hóa này lại giới hạn các lựa chọn bạn bè và làm tăng thêm cảm giác tội lỗi của tất cả những người khác.

Như chúng ta đã thấy, chiến tranh đã góp phần xóa bỏ sự tư hữu hóa đối với nhiều phụ nữ sẵn sàng coi những việc làm trong ngành công nghiệp hay các công việc thời chiến khác như một cách thức thực sự cải thiện khả năng hòa hợp họ. Ngay cả trong các trường hợp mà thu nhập không phải vấn đề cốt tử đối với các tiêu chuẩn sinh hoạt ổn định của gia đình, phụ nữ đi làm vẫn thường tìm thấy con đường dẫn đến sự độc lập mà phụ nữ trung lưu thế kỷ 19 hầu như không tìm ra. Tự do cá nhân này đã đặt nền tảng cho sự độc lập tương đối trong vui chơi, ngay cả khi công việc vẫn mang tính thói quen, như đối với hầu hết lao động nữ.

Dĩ nhiên, một số phụ nữ tầng lớp trung lưu và trung lưu lớp trên vẫn có thời gian vui chơi. Những phụ nữ này có thể gia nhập các nhóm ngang hàng gồm những người chơi bài bridge,[309] các hội viên câu lạc bộ làm vườn, hay bất kỳ nhóm tiêu khiển nào khác. Bước chuyển tiếp có vẻ dễ dàng. Cái khó là phụ nữ đang bị xua đuổi khỏi nhiều lĩnh vực trong đó họ dùng các khả năng không chuyên để lấp đầy thời gian nhàn rỗi của mình. Ví dụ, họ không còn được chào đón như các bà chủ hào phóng; các nhân viên xã hội đã chuyên môn hóa lĩnh vực giúp đỡ mọi người khiến cho bất kỳ cuộc đột nhập nào của những kẻ nghiệp dư bác ái cũng đều vấp phải sự phản kháng và oán giận. Tương tự, trừ phi nhận được sự đồng ý, những người nghiệp dư không còn được đóng vai trò hộ lý giúp đỡ các y tá có bằng cấp chuyên môn bằng cách làm các công việc dơ bẩn giùm họ. Họ không thể giúp người khác tận hưởng niềm vui vì công việc ổn định và các sinh hoạt tiêu khiển cũng đã bị chuyên môn hóa. Mặc dù các chi nhánh địa phương của Liên minh Nữ cử tri và Hội Nữ thanh niên Cơ Đốc (Y.W.C.A) có rất nhiều triển vọng phát triển chương trình, có cơ hội kết nối những chương trình này với các nhu cầu địa phương, người ta vẫn khá miễn cưỡng khi thử nghiệm các chương trình cách tân chưa được thử tại nơi khác hay không được các văn phòng quốc gia gợi ý.

Do vậy, tuy có nhiều ngoại lệ quan trọng nhưng dù phụ nữ muốn dồn sức lao động một phần của họ vào đâu thì họ cũng phải đối mặt với một nhóm phủ quyết cùng sự khăng khăng của nhóm đó cho rằng muốn tham gia, họ phải vượt qua các kênh hoặc trở thành cô hầu và người quyên tiền cho những người kiểm soát các kênh này. Và ngay cả việc đi quyên tiền giờ cũng dần được chuyên môn hóa, chỉ còn mỗi chuyện đóng góp tiền là chừa lại cho "người tham gia". Phản ứng trước tình hình này, phụ nữ hoặc lại chìm trong dửng dưng hoặc, giống như các chị em thuộc tầng lớp lao động của họ, rút ra kết luận rằng chỉ nhờ công việc, một công việc đã được định nghĩa trên phương diện văn hóa, thì họ mới được giải phóng. Thay vì tiến tới độc lập trong vui chơi, một sự độc lập đáng lẽ còn tạo cho họ cơ hội giúp chồng mình, họ lại thường chỉ chồng chất thêm những rắc rối nội trợ lên mọi mối lo âu mà người đàn ông đã phải chịu đựng trong công việc.

III. Hòa hợp trọn gói

Những hàng rào quan thuế được định nghĩa về phương diện văn hóa đứng chi chít trên thị trường tình bạn giữa các nhóm người Mỹ ngang hàng đã hạn chế ngặt nghèo lựa chọn của bất kỳ cá nhân nào nhằm tìm kiếm những người có thể giúp anh ta trở thành người độc lập. Có lẽ nên đề cập đến một ví dụ khác, ấy là xu hướng tự tư hữu hóa ở một số nhóm sắc tộc khác nhau vẫn chưa bị đồng hóa hẳn. Vì ở đây chúng ta phải đối mặt với một sự phát triển khá ngược đời vốn bắt nguồn từ sự thay đổi các ý nghĩa trong thuyết đa nguyên văn hóa đáng ngưỡng mộ.

Kết quả là các áp lực lâu đời hơn đối với việc tiến tới sự Mỹ hóa khiên cưỡng được chúng ta kết nối với nhà định cư đã giảm hẳn. Chỉ các nhóm nhập cư cùng khổ mới đây, như người Mexico và Puerto Rico, là vẫn phải chịu những áp lực như vậy. Tầng lớp lao động da đen, Ý, Do Thái hay Xlavơ ít nhiều được phép tiếp cận chuẩn mực trung lưu Mỹ theo nhịp độ của anh ta. Theo thực tiễn đa nguyên văn hóa, điều này có nghĩa là các nhóm sắc tộc không còn bị thúc giục chấp nhận trọn gói công việc và vui chơi theo cách định nghĩa của "những người Mỹ" nữa. Trái lại, các tộc thiểu số được khuyến khích bổ sung vào tính đa dạng của dân tộc này bằng cách giữ lại các hương vị "di sản chủng tộc" muôn màu muôn vẻ của mình. Như chúng ta đã thấy khi bàn về thức ăn, đây chính là những di sản được các nhóm chiếm ưu thế săn lùng trong quá trình tìm kiếm các dị biệt ẩm thực.[310] Cho đến nay thì mọi chuyện vẫn ổn. Nhưng đồng thời tầng lớp trung lưu và thượng lưu da đen, Ý, Do Thái hay Xlavơ chưa đồng hóa hoàn toàn; anh ta, trong các đặc điểm dễ nhận thấy hoặc trong cảm nhận cá nhân, vẫn là một sắc tộc. Anh ta bị ngăn cản sự tham gia xã hội một cách trọn vẹn vào trong các nhóm ưu thế bởi các rào cản tế nhị và không quá tế nhị. Trong khi đó lãnh đạo các nhóm phủ quyết trong nhóm sắc tộc của chính anh ta lại hối thúc anh ta đón nhận chế độ độc tài đã được phần nào áp đặt cho

anh ta từ bên ngoài, "tự nguyện" giới hạn sự hòa hợp trong phạm vi nhóm "riêng" của anh ta và tuân thủ các chuẩn mực của nhóm về cách sử dụng thời gian nhàn rỗi. Điều này cũng được gọi là đa nguyên văn hóa, dù xét trên phương diện cá nhân thì nó lại có tác dụng bó buộc anh ta vào một nền văn hóa duy nhất.

Do vậy, chẳng hạn, trong khi người da đen tầng lớp thấp ở các thành phố lớn miền Nam bị nghèo khổ và phân hóa làm cho thiếu tính linh động thì người da đen trung lưu lớp trên lại trở thành đối tượng để các lãnh đạo thuộc chủng tộc của họ định nghĩa về người da đen, nhất là trong các lĩnh vực chịu sự kiểm soát chủng tộc sâu sắc hơn so với lĩnh vực công việc, ví dụ như lĩnh vực nhàn rỗi. Sự hòa hợp với người da trắng phải gánh chịu khá nhiều rủi ro không chỉ từ phía người da trắng mới được giải phóng mà còn từ áp lực của các nhà lãnh đạo chủng tộc vốn có thể lý giải thái độ thân thiện là quỵ lụy, xu nịnh.

Tương tự thế, mọi nỗ lực theo đuổi nhàn rỗi khác cũng có thể bị vẩn đục đi vì các suy xét có tính chất chủng tộc. Trong một số nhóm xã hội, người da đen trung lưu bị cấm thích nhạc jazz do có nhiều người da trắng tỏ vẻ khinh thường người da đen vì đã sáng tạo ra nhạc jazz; còn ở một số nhóm khác, người da đen có thể buộc phải lấy làm hãnh diện về nhạc jazz hay về Jackie Robinson,[311] cũng như người Do Thái có thể được yêu cầu phải tự hào về Israel hay Einstein.[312] Lại cũng có những người da đen trung lưu không thể ưa nổi dưa gang hay các món ăn khác vốn đã thành một phần trong thực đơn truyền thống của người da đen và dứt khoát không được thích các ngôi sao đại chúng như Rochester hay Amos và Andy. Tương tự, trong khi người Do Thái tầng lớp thấp chẳng mấy để tâm đến các định nghĩa siêu hình học về tính Do Thái thì những người Do Thái đã bị đồng hóa phần lớn lại quỵ lụy trước những kẻ rào giậu văn hóa Do Thái ưa chỉ bảo anh ta nên nhàn rỗi kiểu nào, nên kết bạn với ai. Do vậy, sự hòa hợp trong các nhóm này bị hạn chế vừa bởi áp lực từ bên ngoài đa số, vừa do mệnh lệnh văn hóa từ nội bộ thiểu số. Vậy là vui chơi và hòa hợp được tiêu thụ trong các nỗ lực đầy cảm giác tội lỗi hay bất an nhằm cư xử sao cho phù hợp với các định nghĩa về vị trí của ta trên sân khấu Mỹ, vị trí mà, như một sự mê tín còn rơi rớt lại, cá nhân không thể chấp nhận toàn bộ hay không dám bác bỏ hoàn toàn.

CHƯƠNG XV
Vấn đề năng lực: các chướng ngại cho sự độc lập trong vui chơi (tiếp theo)

Vì ngay khi được phân bố, mỗi lao động đều có một lĩnh vực riêng biệt và độc quyền mà anh ta không thể thoát. Anh ta là thợ săn, ngư dân, là mục đồng hoặc nhà phê bình ưa phê phán, và vẫn phải giữ vai trò đó nếu không muốn mất kế sinh nhai; trong khi đó ở một xã hội cộng sản, nơi không ai có một lĩnh vực hoạt động độc quyền mà mỗi người đều có thể đạt được thành tựu trong bất kỳ lĩnh vực nào mình mong muốn, xã hội điều tiết sản xuất chung và do vậy giúp ta có thể nay làm việc này mai làm việc khác - săn bắn buổi sáng, đánh cá buổi chiều, phê bình sau bữa ăn tối, đúng y như tôi thích, mà chẳng bao giờ thành thợ săn, ngư dân, mục đồng hay nhà phê bình.

Karl Marx, về người nghiệp dư

Tôi biết chơi đàn luýt, sáo, đàn hạc, đàn ống, kèn túi và trống nhỏ. Tôi có thể ném và chụp dao mà không làm mình sây sát. Tôi biết đặt điều nói xấu bất kỳ người đàn ông nào và biết làm thơ tình tặng các quý bà. Tôi biết xê dịch bàn và tung hứng ghế. Tôi biết nhào lộn và trồng cây chuối.

Người làm trò tiêu khiển Trung đại, về người chuyên nghiệp

I. Đánh giá về năng lực trong vui chơi[313]

Tư hữu hóa như một chướng ngại đối với vui chơi nói chung có thể được cho là tàn dư của các thời trước trong đó địa vị thống trị mới đem lại sự nhàn rỗi; quả thực, tình trạng thiếu di động của phụ nữ, trẻ em và tầng lớp thấp hơn đã quay ngược trở lại thời kỳ cách mạng công nghiệp trước đó. Của cải, giao thông vận tải và giáo dục là những yếu tố giải phóng lớn ở đây. Nhưng chúng ta cũng kế thừa cả các chướng ngại đối với nhàn rỗi từ kiểu nội tại định hướng Thanh giáo, các chướng ngại vốn đã phá hủy hoặc làm biến chất toàn bộ hệ thống vui chơi mang tính tập thể trong lịch sử: thể thao, kịch nghệ, lễ hội và các phương tiện thoát ly mang tính nghi lễ khác. Ngay cả các lễ nghi còn duy trì, hay mới được chế ra, như Lễ Độc lập hay Halloween, cũng vấp phải thái độ chỉ trích, thường được miễn nhiễm tạm thời với trẻ em, như chủ nghĩa khổ hạnh Thanh giáo hoặc chủ nghĩa duy lý Thanh giáo. Với nhiều người lớn thì các ngày lễ của chúng ta đã công việc hóa các hành động vui chơi hay tặng quà mà chúng ta không đủ hài hước để chào đón và cũng chẳng có can đảm chối từ; chúng ta biết ngày lễ là những bước đi có tính toán trong nền kinh tế phân phối và rằng các ngày lễ mới, ví dụ như Ngày của Mẹ, đã được áp đặt cho chúng ta - có nhiều "Tuần lễ" được tài trợ vì mục đích thương mại hơn cả số tuần trong một

năm. Ở đây Thanh giáo hóa ra lại là một người biếu tặng da đỏ: nó không chỉ trao quyền ưu tiên cho công việc và phân phối mà hơn nữa còn lấy lại các ngày lễ đã hà tiện cho chúng ta. Ai nấy đều biết rõ các vết sẹo mà Thanh giáo đã để lại cho ngày Chủ nhật của dân Mỹ, chứ không chỉ với dân thành phố Philadelphia.[314]

Có thể phải mất một thời gian dài, tổn thất mà vui chơi phải gánh chịu trong thời phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng mới được đền bù. Trong lúc đó thì thời ngoại tại định hướng đã bổ sung thêm các rủi ro mới. Giống như cách tiếp cận nhiều lĩnh vực khác trong đời sống, khi tiếp cận vui chơi, người ngoại tại định hướng không vấp phải sự ngăn cản nhưng cũng không nhận được sự bao bọc của các bậc tiền bối thuộc kiểu nội tại định hướng. Trĩu nặng trách nhiệm đối với tâm trạng của nhóm chơi, anh ta có thể thích cầu viện đến các nghi lễ cố định khách quan, và trong một chừng mực nào đó anh ta đã làm vậy - nhìn chung mọi người thường quan niệm sai lầm rằng dân thành thị Mỹ hoàn toàn không có nghi thức. Đủ thứ thức uống của chúng ta, đủ thứ cờ bài và trò chơi trong nhà, đủ loại thể thao và các trò tiêu khiển quần chúng của ta - thảy đều có thể được sắp xếp theo một loạt từ ít đến nhiều sự riêng tư, từ ít đến nhiều tính dao động, tính cách tân và chủ quan. Dù vậy, vì trách nhiệm của mỗi người trước mọi người, mỗi cá nhân đều phải tham gia cuộc vui và hòa nhập ở mức độ chủ quan giống nhau, can thiệp vào sự hòa hợp ngẫu hứng trong chính nỗ lực khơi dậy nó. Có lẽ, trên hết, lối sống bầy đàn này ngăn cản sự riêng tư mà người ngoại tại định hướng, vốn đã tham gia quá trình cá nhân hóa trong công việc của mình, đòi hỏi (mà thường không ý thức được) trong vui chơi. Chính vì cảm thấy có lỗi nếu không góp vui cho nhóm nên anh ta cần phải học cách phân biệt giữa nỗi cô đơn hoàn toàn có thể hiểu được và thường khiến anh ta sợ hãi với sự riêng tư mà thỉnh thoảng anh ta có thể chọn lựa.

Chúng ta đã thấy rằng ngay từ giai đoạn đầu đời, trẻ em đã ý thức được rằng chúng không được giữ bí mật với người lớn và những người ngang hàng dễ kết thân; và điều này bao gồm cả cách chúng sử dụng thời gian nhàn rỗi. Có lẽ điều này hoàn toàn nằm trong dự liệu của những người ngoại tại định hướng, những người thường quan tâm đến tâm trạng và cách thức nhiều hơn là đến kết quả của hành động, những người nếu bị loại trừ khỏi ý thức của người khác thì còn cảm thấy khổ sở hơn nhiều so với việc bị xâm phạm tài sản hay bị chạm tự ái, và là những người sẵn sàng thể hiện lòng khoan dung đối với gần như mọi hành vi sai trái miễn sao nó không bị giấu giếm trước họ. Có thể cho rằng, những bậc cha mẹ muốn con mình trở thành người độc lập có thể giúp chúng rất nhiều nếu để chúng ý thức được rằng chúng có quyền chọn lựa (bằng cách nói dối nếu cần) giữa các tình huống mà trong đó chúng muốn bày tỏ thái độ thân thiện với người khác và những tình huống trong đó sự thân thiết chỉ đơn thuần là đòi hỏi của một thế lực, cha mẹ hay nhóm. Hiển nhiên,

đối với những cá nhân vì muốn được chủ động sử dụng thời gian nhàn rỗi mà cần phải có cả kiểu vui chơi riêng tư đắm chìm trong mơ màng và tràn ngập trí tưởng tượng lẫn kiểu vui chơi xã giao, thậm chí mang tính nghi thức, họ sẽ phải vất vả chống chọi cùng lúc với những sự tư hữu hóa mà chúng ta đã kế thừa và những sự cá nhân hóa chúng ta mới tạo ra.

Đây là những nhận xét rất khái quát và cần phải được bổ sung bằng cách tự nhắc chúng ta nhớ về các hệ quả liên tục, đối với cả công việc lẫn vui chơi, của cuộc Đại Suy thoái. Thời kỳ suy thoái không dẫn đến sự tái định nghĩa công việc mà trái lại còn làm cho công việc có vẻ không chỉ quý giá mà còn khó hiểu - quý giá vì khó hiểu. Điều quan trọng là giờ đây chúng ta đã xem trạng thái có đủ việc làm, thay vì thất nghiệp hoàn toàn hay nhàn rỗi, là mục tiêu kinh tế để chúng ta tuyệt vọng bám vào. Điều này không có gì lạ khi chúng ta nhận ra các cơ hội vui chơi cho người thất nghiệp trong thời kỳ suy thoái mới cằn cỗi làm sao. Chúng ta có thể thấy, một cách rõ rệt nhất, thời đó nhàn rỗi thường được định nghĩa như phần thừa được phép còn lại từ các đòi hỏi của thời gian làm việc. Ngay cả sự bồi thường thỏa đáng về mặt tài chính cũng không loại bỏ được trở ngại tinh thần đối với vui chơi này, cũng y như tiền hưu trí chẳng thể loại bỏ được cản trở đó cho những người lớn tuổi bị về hưu bắt buộc. Bởi vì uy tín công việc có tác dụng như một phù hiệu trao cho người giữ nó quyền thu hút các nguồn lực xã hội. Ngay đứa trẻ mới lớn từng tham gia quá trình "sản xuất bản thân" cũng thấy khổ sở trong lòng nếu không thể chứng tỏ rằng cậu ta đang làm việc hay học hành cần mẫn cho các mục tiêu công việc được định nghĩa hạn hẹp. Tóm lại, nếu nhóm chung lại lớp trẻ, người thất nghiệp, người già nghỉ hưu, người nội trợ và những kẻ ăn không ngồi rồi mang đầy cảm giác tội lỗi, ấy là chưa kể "người giàu ăn không ngồi rồi", thì chúng ta có thể có rất nhiều người, trong vô thức, ít nhiều cảm thấy không thoải mái khi vui chơi - vì theo định nghĩa văn hóa thì quyền vui chơi thuộc về người lao động.

Chính bước tiến công nghiệp từng mang đến cho chúng ta một sự tự do khỏi công việc đôi khi không chịu nổi cũng có tác dụng đưa tính chuyên môn hóa chưa từng có vào lĩnh vực vui chơi, với các hệ lụy mơ hồ tương tự cho nhiều người chơi thất nghiệp vì công nghệ. Trong những khả năng đa dạng của người nghệ sĩ Trung đại mà lời nói được trích dẫn ở đầu chương này, có một số tài nghệ điêu luyện dễ thương. Nhưng ngày nay người ta khó lòng cho chàng ta làm diễn viên chính trong chuỗi rạp hát RKO hay truyền hình, và chàng ta chắc chắn cũng sẽ không đủ tài để gia nhập đoàn xiếc Ringling Brothers. Diễn viên nghiệp dư phải cạnh tranh với những người chuyên nghiệp có chuyên môn cao chưa từng có - liệu anh ta có thể chỉ vẽ cho Laurence Olivier cách đóng *Hamlet*[315] trong khi chính chàng Hamlet đã chỉ cho đám diễn viên chuyên nghiệp cách *không* làm điều đó? Ở Phần I, chúng ta đã thấy rằng, trong khi người thuộc kiểu nội tại định hướng giữ khư khư năng lực người chơi của mình

ít nhất trong các lối thoát hạ cấp, thì rẽ ngả nào người thuộc kiểu ngoại tại định hướng cũng phải đối mặt và bị áp đảo trước sự điêu luyện của truyền thông.

Do vậy, có vẻ nhiệm vụ khôi phục năng lực cho vui chơi gần như, nếu không nói là hoàn toàn, khó ngang nhiệm vụ khôi phục năng lực cho công việc. Mặc dù một thay đổi trong quan hệ thu nhập, hay thậm chí trong tổ chức công nghiệp, có thể mang lại nhiều công bằng hơn cho sự phân phối thời gian nhàn rỗi và làm vơi bớt cảm giác tội lỗi, nhưng tự nó lại không thể dạy cách vui chơi cho những người trong lịch sử đã quên mất cách chơi và những người đã chuyển giao việc kinh doanh cho các nhà chuyên môn. Thế thì liệu chúng ta có đúng không khi cho rằng vui chơi đem lại cho người độc lập bất kỳ kênh nào dễ dàng hơn so với công việc; chẳng phải cả hai đều "lạc lõng" ngang nhau sao?

Theo tôi, cũng chẳng có gì phi lý khi tin rằng, mặc dù gần như chưa được công nhận nhưng nhiều kiểu năng lực đã được xây đắp trong quá trình vui chơi của người ngoại tại định hướng, trong khi đối mặt với mọi trở ngại mà chúng ta đã liệt kê. Một số kỹ năng này, như sự lành nghề, có các nền tảng cũ; còn số khác, như tiêu thụ, lại có các khía cạnh mới. Ngay cả việc trao đổi sở thích, sản phẩm vô hình từ sự kết hợp công việc-vui chơi của nhóm ngang hàng thuộc kiểu ngoại tại định hướng, cũng có thể được xem là nền tảng luyện tập cho sự nhàn rỗi. Có lẽ trong vui chơi còn có nhiều năng lực hơn so với ta vẫn tưởng - ít thụ động, ít méo mó, ít tồi tàn hơn nó vẫn thường bị buộc tội.

II. Các hình thức năng lực

GIỚI TIÊU THỤ: KHÓA SAU ĐẠI HỌC

Phương tiện truyền thông đại chúng đóng vai trò tương tự cẩm nang về cách tiêu thụ, và nếu muốn tìm kiếm dấu hiệu dự báo, chúng ta có thể bắt đầu từ đó. Theo tôi nghĩ, một triệu chứng là gần đây có những bộ phim có thể hiểu là đang khuyến khích những phong cách mới trong nhàn rỗi và trong tinh thần gia đình của cánh đàn ông - với hàm ý nếu thoát khỏi nhóm ngang hàng, họ sẽ được gia tăng năng lực người tiêu thụ và có thêm can đảm phát triển tới sự độc lập. Trong *Letter to Three Wives* và *Everybody Does It*, nhân vật chính (Paul Douglas) được khắc họa là một người mưu cầu quyền lực đầy nam tính thực hiện "bước nhảy vượt giai cấp" - cú nhảy từ tầng lớp trung lưu lớp dưới sang lớp trên vẫn thúc đẩy khá mạnh mẽ đời sống kinh tế và xã hội của chúng ta. Người vượt tầng lớp, bị kẹt giữa một nhóm ngang hàng bị anh ta bỏ lại và một nhóm ngang hàng khác vẫn chưa cho anh ta hòa nhập, thường tỏ ra bất an và thôi thúc quá độ đến nỗi không thể trở thành ứng cử viên thích hợp cho tính độc lập. Ban đầu Douglas mang nét thiếu nhạy cảm và cứng nhắc rập khuôn theo kiểu nội tại định hướng, nhưng cuối cùng anh ta lại phát hiện ra nhiều

góc độ mới trong những cảm xúc phức tạp của mình khi bắt đầu ý thức được (trong *Everybody Does It*) rằng tài năng ca hát mà người vợ tương lai của anh ta, vốn là một nữ ca sĩ quảng giao, đang tìm kiếm thực ra lại thuộc về chính anh ta. Khám phá này có thể minh họa cho thực tế rằng đàn ông không còn phải giao phó sự nhạy cảm nghệ thuật cho các bà vợ đang theo đuổi văn hóa như một địa vị hay nghề nghiệp, nhưng họ có thể làm thế nếu muốn sự nhạy cảm ấy thành một phần năng lực của mình - một chuyển biến mới (hẳn phải được James M. Cain[316] cùng các nhà soạn kịch hiểu rất rõ) trong thế tiến thoái lưỡng nan kịch tính cũ xưa của người đàn ông thỏa mãn và vượt xa các chuẩn mực hào hoa phong nhã của nhóm ngang hàng thượng lưu mới của mình.

Thế nhưng các hài kịch phong tục khác gần đây cũng bàn đến, dưới góc độ khác, một chủ đề tương tự về năng lực không liên quan đến nhóm ngang hàng. Với sự đồng cảm, họ khắc họa phong cách của một người đàn ông tự ban cho mình niềm vui sướng được là người hiểu đời, tự học, lập dị, gần như độc lập. Chẳng hạn như trong loạt phim *Mr. Belvedere*, ai cũng có thể thấy Clifton Webb là một trí thức không tuân theo các quy tắc xã hội và là chuyên gia trong bất cứ lĩnh vực nào thu hút tâm trí của anh ta. Thế nhưng, giống như Beatrice Lillie, anh ta chỉ thể hiện được tầm kỹ năng và năng lực của mình trong các tình huống được xã hội cho phép có mức độ cá nhân chủ nghĩa cao; và anh ta được phép tạo ra phong cách cá nhân ngoạn mục chỉ nhờ sự khéo léo đến kinh ngạc của mình. Ở một mức độ nào đó, thông điệp của loạt phim Belvedere khác hẳn với loạt phim Douglas, trong đó tính diễn cảm cao được coi như một thứ gia vị cuộc sống hấp dẫn dành cho người trung lưu lớp trên bình thường chứ không dành cho người phá vỡ khuôn phép. Nhưng xét trên bình diện khác, hai kiểu chân dung này lại giống hệt nhau. Cả hai dường như đang bộc lộ, trong số tất cả những điều thú vị khác mà họ thể hiện, rằng quyền lực của người ngang hàng có thể bị vượt qua. Cả hai mô tả tính cách này đều cho cá nhân quyền thăm dò và xây dựng cá tính cùng sự nhạy cảm của riêng mình bằng một năng lực nhàn rỗi-lao động vượt ra khỏi các đòi hỏi của nhóm ngang hàng.

Chắc chắn các nghệ sĩ lớn của giới truyền thông đại chúng, kể cả đạo diễn, nhà văn và những nhân vật hậu trường khác có vai trò "tạo ra" và lăng xê các nghệ sĩ, đã có một đóng góp quan trọng cho tính độc lập. Những người thuộc ngành giải trí, trong lĩnh vực truyền thông của họ, ngoài lĩnh vực truyền thông của họ và trong xứ sở thần tiên nằm giữa hai lĩnh vực đó, đã gây ra một áp lực thường xuyên đối với những nhóm ngang hàng đã được chấp nhận, đồng thời đã gợi ý các phương thức mới để thoát khỏi nhóm. Các nhà phê bình điện ảnh Mỹ sắc sảo nhất rất có thể dễ dàng quên điều này. Mải mê chú mục vào các thất bại sờ sờ về phẩm chất trong phim Hollywood, đôi khi họ bỏ qua điểm

mấu chốt là phim ảnh đã nhân lên hàng triệu lần các lựa chọn phong cách sống và nhàn rỗi sẵn có. Trong quá trình bắt chước, ngay cả người hâm mộ học đòi cung cách tự nhiên của Humphrey Bogart[317] hay niềm kiêu hãnh can trường đầy nghị lực của Katharine Hepburn[318] cũng có thể tự giải phóng bản thân khỏi một nhóm ngang hàng đầu óc hẹp hòi. Hay, lấy một ví dụ khác, dường như tính đa nghi kỳ quái, ngông ngạo của W.C Fields[319] đã khuyến khích nhiều khán giả của ông hồ nghi các giá trị không phải bàn cãi của tính thân thiện và hòa nhã. Tôi tin rằng phim ảnh, trên nhiều phương diện bất ngờ, chính là các tác nhân giải thoát, và chúng cần được bảo vệ trước sự phê bình bừa bãi đậm tính sách vở cũng như trước nhóm phủ quyết luôn trực sẵn vốn mong muốn phim ảnh hướng dẫn cho khán giả mọi phẩm chất tốt đẹp đáng ca ngợi mà gia đình và nhà trường đã không truyền tải được.

Một trong những phẩm chất này là sự hoạt động hiểu theo nghĩa thông thường, và sự chối bỏ hiện nay đối với phim ảnh tượng trưng cho sự chối bỏ phổ biến đối với nền văn hóa đại chúng được cho là thụ động của chúng ta. Ngược lại, các nhà phê bình rất có thể đặt cược vào các hoạt động mang tính cá nhân chủ nghĩa và bao hàm sự tham gia cá nhân. Ví dụ như công việc thủ công.

CÁC TRIỂN VỌNG CHO CÔNG VIỆC THỦ CÔNG

Loạt phim "Belvedere" phảng phất nét châm biếm đối với năng lực và công việc thủ công, y hệt *The Admirable Crichton* (Ngài Crichton đáng kính) châm biếm năng lực và giai cấp. Ngày nay những người làm công việc thủ công thường có vẻ lập dị vì sự tận tụy cuồng tín mà họ dành cho công việc hay sở thích riêng của mình; ông Belvedere mang đủ loại kỹ năng chuyên môn ra để khoe khoang thích thú, nhắc đi nhắc lại sự lập dị của mình. Theo hướng này, lối sống của ông là một cách giải thích mới cho vấn đề liệu ở Mỹ, năng lực trong sở thích riêng và trong nghề thủ công có đang giảm sút hay không. Hiển nhiên, lần đầu tiên trong đời, rất nhiều người có thời gian nhàn rỗi và sự khích lệ để theo đuổi các nghề thủ công mà trước đây họ chưa từng làm. Người ta nói rằng trong đội ngũ công nhân nhà máy Hawthorne thuộc Công ty Điện miền Tây, có hàng nghìn người làm vườn tích cực, hăm hở; rằng hằng năm họ đều tổ chức một cuộc trình diễn sở thích riêng khá hoành tráng cả về quy mô và phong cách; rằng phân xưởng góp phần quy tụ các nhiếp ảnh gia, thợ khắc gỗ, người tạo mô hình nghiệp dư - vô số sở thích riêng hiện đại - dĩ nhiên, chưa kể đến các môn thể thao thông thường, nhạc và các nhóm kịch. Nhưng không có thống kê nào cho thấy liệu có phải các sở thích từng được theo đuổi riêng tư giờ đây đơn giản là được tiếp quản như một phần chương trình của ban quan hệ công nghiệp tích cực và nổi tiếng thế giới hay không. Ngoài một số tác phẩm mang tính thăm dò kỹ lưỡng như của Lundberg, Komarovsky và cuốn sách của McInerny, *Leisure: a Suburban Study* (Nhàn rỗi: một khảo sát vùng

ngoại ô), chúng ta thậm chí còn không biết sự nhàn rỗi của những người giống như dân làm nghề thủ công ở Mỹ ngày nay liệu đã mở mang thêm các ý nghĩa mới hay chưa.

Dường như không có gì đáng bàn cãi khi cho rằng việc sử dụng thời gian nhàn rỗi của người làm công việc thủ công có những tương hợp nhất định với toàn bộ lối sống của người phụ thuộc vào kiểu nội tại định hướng: sự chú tâm của họ vào độ cứng của vật chất, sự thờ ơ tương đối và sự thiếu rèn luyện trước các hình thức trao đổi sở thích phức tạp hơn trong nhóm ngang hàng. Hơn nữa, nếu đã đưa vào sở thích riêng một số thôi thúc công việc dư thừa, người kiểu nội tại định hướng có thể thấy sự duy trì năng lực kỹ thuật của anh ta trực tiếp phản chiếu vào giá trị bản thân anh ta trong công việc, biến anh ta thành một người tự chế tạo dụng cụ giỏi hơn và sáng tạo hơn chẳng hạn. Ngay cả ngày nay, với nhiều công nhân lành nghề, sự trao đổi giữa xưởng "sở thích riêng" ở nhà và hộp thư góp ý ở nhà máy không hề là một cung cách truyền thống đã bị lãng quên. Nhưng kỹ năng chuyên môn được coi trọng hơn bao giờ hết vì giá trị tự thân của nó, như trong trường hợp họa sĩ ngày Chủ nhật.[320]

Trong một nền kinh tế tiên tiến và có chăm lo tới mong muốn của những người chống lại sản xuất đại trà, bước ngoặt hướng tới các sở thích về công việc thủ công có các vấn đề riêng. Tính bảo thủ của người làm nghề thủ công - ở khía cạnh này, là một phần trong chủ nghĩa bảo thủ của chính sự vui chơi - nhận thấy các lý tưởng về năng lực của nó thường xuyên bị đe dọa bởi hàng loạt dụng cụ cơ khí và thành phẩm xuất phát từ sở thích riêng có khả năng khiến kẻ nghiệp dư trông chẳng khác gì người chuyên nghiệp. Người làm nghề thủ công tại gia với các hoài bão kỹ thuật cao sẽ thoải mái hơn nếu có dụng cụ cơ khí. Nhưng bao nhiêu người có thể giữ được lòng nhiệt tình tự phát dành cho công việc thủ công trong khi phải đối mặt với cám dỗ có máy móc để hoàn thành công việc tốt hơn?

Một số điểm mơ hồ của sở thích nghề hiện nay phụ thuộc vào dụng cụ cơ khí đã được minh họa bằng một nghiên cứu về những người mê ô tô - nhất là những người mê xe hot rod.[321] Trong lĩnh vực này, phạm vi tiêu chuẩn kỹ thuật và thiết kế rộng đã mang lại cơ hội thử sức cho cả người nghiệp dư mới vào nghề lẫn các tay đua xe bán chuyên nghiệp, trong khi tất cả những người có sở thích riêng đều được thoải mái làm việc trong nghề hàn trình độ cao có truyền thống lâu đời của Mỹ. Năng lực và trí tưởng tượng bốc hừng hực giữa những thanh niên phóng xe Ford cải tiến và Chevrolet cải tiến trên các đường đua Dry Lake ở Viễn Tây, trong một cuộc cạnh tranh thường trực với các tiêu chuẩn sản xuất đại trà của hãng xe Detroit. Trong các nhóm này tồn tại một thái độ tích cực và phê phán đối với xe hơi Detroit theo cách nó được sản xuất hiện nay, hay theo cách nó đã được sản xuất cho đến gần đây. Ở đây, thật đáng kinh ngạc, sản phẩm thương mại hàng đầu của đất nước, xe hơi Detroit,

còn lâu mới hất cẳng hoạt động nghiệp dư mà chỉ kích thích, có lẽ thậm chí còn khiêu khích nó. Hơn nữa, đối với các cá nhân độ lại xe hơi theo các tiêu chuẩn sáng chế của riêng mình, rõ ràng họ không hề lợi dụng bất kỳ nguồn lợi xã hội đáng bàn cãi nào để theo đuổi nhàn rỗi mà chỉ đang "làm cho bản thân" với những phụ tùng và sự trợ giúp anh ta có thể huy động được nhờ một nguồn quỹ ít ỏi. Chính sự dè xẻn phương tiện của anh ta đã góp phần đem lại cho quá trình này bầu không khí phấn khích và năng lực cao.

Nhưng lĩnh vực này cũng đang trở nên chuyên nghiệp hóa và chuẩn hóa. *The Hot Rod*, tạp chí được lập ra nhằm phục vụ cho một bộ phận đang ngày càng đông gồm những người có sở thích riêng là ô tô (đồng thời chuẩn hóa sự tự nhận thức về bản thân của họ), cho biết việc cung cấp phụ tùng và dụng cụ cho giới nghiệp dư đang trở thành một ngành kinh doanh lớn - khoảng 8.000.000 đô la vào năm 1948. Trong lúc đó Detroit đã tìm cách tiếp cận được nhiều quan điểm của người mê xe hot rod về máy phát điện, nếu không muốn nói là quan điểm về thân xe tối giản.

Chúng ta thấy người mê xe hot rod có nguy cơ phải gánh chịu cùng số phận đã xảy đến với các hình thức năng lực nghiệp dư khác, không chỉ trong lĩnh vực nghề và sở thích riêng, mà còn cả trong lĩnh vực trao đổi sở thích và phê bình, như chúng ta sẽ thấy ở ví dụ về nhạc jazz dưới đây. Những ai mưu cầu sự độc lập bằng cách theo đuổi một công việc thủ công sẽ phải để mắt đến các nhóm ngang hàng (chứ không phải nhóm gần gũi với họ) và đến thị trường, nếu không phải vì lý do gì khác thì cũng là để tránh xa đường của các đối tượng đó. Nhưng rồi điều này có thể lôi kéo họ vào cuộc tìm kiếm kiên trì những khó khăn trong việc thực hiện và vốn từ vựng riêng tư (xét trên một số phương diện, giống như các "bí quyết" của thợ thủ công Trung đại) để vượt ra hẳn sự xâm lấn đầy đe dọa của đám đông. Tiếp đó rất có thể cái được khởi đầu ít nhiều mang tính ngẫu hứng cuối cùng lại chỉ đơn thuần là sự dị biệt hóa biên tế nhưng lại đòi hỏi nhiều nỗ lực, khi mọi gốc rễ của trí tưởng tượng đều bị nhổ bật bởi một mối bận tâm thuần kỹ thuật. Nghịch lý của công việc thủ công, và của nhiều trò vui khác là ở chỗ, để đạt được tầm quan trọng như một thứ làm bay bổng trí tưởng tượng thì nó phải "thực tế". Nhưng mỗi khi một người làm công việc thủ công vun đắp được một năng lực đích thực thì anh ta cũng thường làm xuất hiện một ngành nghề và một tổ chức để lung lạc năng lực ấy hay ít nhất cũng chuẩn hóa nó.

Người có công việc hằng ngày là bàn tay niềm nở có thể thường xuyên tìm thấy lại cả tuổi thơ lẫn tàn tích nội tại định hướng của mình nhờ công việc thủ công đích thực. Một người trong ngành quảng cáo, suốt ngày bận tâm về cá nhân hóa, có thể dành các kỳ cuối tuần trong sự tĩnh lặng mang vẻ người làm thủ công của một xưởng đóng thuyền hay trong một cuộc đua thuyền - cuộc theo đuổi mang tính nội tại định hướng nhất, từng tay đua riêng lẻ vút tới mục

tiêu một cách độc lập như thể được bàn tay vô hình dẫn dắt! Thế nhưng rõ ràng là những người chơi này có thể xác định vị trí của mình trong phạm vi các hoạt động thủ công khả dĩ vì những lý do chẳng dính dáng gì đến cuộc tìm kiếm năng lực hoặc mục tiêu xa vời hơn là sự độc lập.

Điều quan trọng là thấy được các hạn chế ở giải pháp công việc thủ công, bằng không chúng ta có thể thấy muốn bỏ thêm vốn vào đó nhiều hơn mức bảo đảm. Cám dỗ này đặc biệt mạnh trong số những ai cố giải quyết thách thức của thời gian nhàn rỗi hiện đại bằng cách lấp đầy nó với các phong cách chơi rút từ quá khứ châu Âu hay Mỹ. Quả thực, ngày nay có một xu thế phổ biến là nhắc nhở người Mỹ đề phòng trạng thái ung dung thư thái trong nệm êm sung túc, trong các thú tiêu khiển mềm lụn dễ xơi của văn hóa đại chúng, trong thú vui quán rượu và quán coca, vân vân. Trong các cảnh cáo này bất kỳ sự nhàn rỗi nào có vẻ dễ dàng thì đều khả nghi, mà công việc thủ công thì không có vẻ dễ dàng.

Người kiểu ngoại tại định hướng trong các giai tầng xã hội lớp trên thường tìm thấy một sức hút nào đó khi về phe với nghề thủ công chống lại tiêu thụ. Nhưng nói chung người kiểu ngoại tại định hướng vấp phải ngõ cụt khi cố thích nghi những phong cách trong nhàn rỗi của mình theo những phong cách phát triển từ một tính cách trước đó và một hoàn cảnh xã hội trước đó; trong quá trình này gần như chắc chắn anh ta sẽ trở thành một biếm họa. Khuynh hướng phục hưng này đặc biệt rõ ở kiểu người có sở thích riêng là nghề thủ công hao công tổn sức mà ta có thể gọi là vũ công dân gian. Vũ công dân gian thường là người kiểu ngoại tại định hướng ở thành thị hay ngoại ô, khi tìm kiếm một thái độ nội tại định hướng, anh ta trở nên có vẻ nghệ sĩ và nghệ thuật trong các thú tiêu khiển và sở thích tiêu thụ của mình. Anh ta trở thành rất bản địa, có hoặc không có các biến thể vùng miền. Anh ta dứt bỏ mọi phương tiện truyền thông đại chúng hết mức có thể. Từ sau bục giảng là chiếc xe đạp Anh của mình, anh ta công kích không biết chán thứ vải lông và vỏ crôm của xe hơi đời mới. Anh ta tự hào là không nghe đài, còn ti vi là ngáo ộp đối với anh ta.

Làn sóng thịnh hành các vũ công dân gian là minh chứng đích thực cho cuộc tìm kiếm thú nhàn rỗi đầy sáng tạo, đầy ý nghĩa của mọi người, cũng như sự phục hưng của nghề thủ công. Vũ công dân gian muốn cái gì đó hay hơn nhưng không biết tìm nó ở đâu. Anh ta từ bỏ các khả năng không tưởng của tương lai bởi vì, do căm ghét hiện tại nước Mỹ, như cách anh ta hiểu nó, anh ta buộc phải cầu đến cuộc gắng công vô ích là làm sống lại quá khứ châu Âu hay Mỹ như một mẫu mực vui chơi. Như nhiều người khác mang "tổ tiên trong mình" có một tính cách và ý thức hệ nội tại định hướng, anh ta sợ sự nhàn rỗi như trận núi lở hiểm nghèo đang ập xuống đầu người Mỹ.

Trong nỗi sợ hãi này vũ công dân gian là anh em bà con với một số nhà phê bình cùng thời khác, những người mà, dù thật lòng quan tâm đến tính độc lập,

nhưng không mong tìm thấy nó trong vui chơi - ngay cả, phần lớn, trong vui chơi nhọc nhằn ở nghề thủ công hay thể thao. Các nhà phê bình này ủng hộ vũ công dân gian hơn; họ trông vào kinh nghiệm về nỗi khó nhọc bắt buộc trong công việc, hay thậm chí tai ương cá nhân và xã hội, như nguồn duy nhất khả thi cho sự gắn bó nhóm và sức mạnh cá nhân của tính cách. Họ thấy con người có thể huy động và phát huy các nguồn lực của mình chỉ trong một hoàn cảnh cực đoan hay ở trên ranh giới, và họ sẽ xem chương trình đời sống nhàn nhã của tôi trong một nền kinh tế nhàn rỗi như là mời gọi sự suy đồi tâm lý và mối nguy cho xã hội. Căm ghét "cái mềm mỏng của nhân sự" - không thấy điều này đại diện cho một tiến bộ tính cách học biết chừng nào - họ muốn ép khôi phục "độ cứng của vật chất" (trong những trường hợp cực đoan, thậm chí còn cậy đến chiến tranh).[322]

Tai ương đôi khi khơi dậy các khả năng tiềm tàng không ai biết ở mọi người - các khả năng mà bấy giờ có thể dùng để tiến xa hơn nữa đến độc lập - đó là điều không thể phủ nhận. Căn bệnh hiểm nghèo có thể cho một người được nghỉ ngơi, cho anh ta thời gian để mơ màng và phân giải. Anh ta có thể bình phục, như nhân vật chính Laskell trong tiểu thuyết của Lionel Trilling, *The Middle of the Journey* (Giữa cuộc hành trình). Anh ta có thể chết, như tay viên chức Nga trong truyện ngắn của Tolstoy, "Cái chết của Ivan Ilyitch", kẻ mà khi gần chết, lần đầu tiên trong đời đối mặt bản thân và cuộc đời phí phạm của mình một cách trung thực. Và vết cắt của cuộc chiến tranh vừa qua đã đem lại bằng chứng lặp lại rằng không chỉ các cá nhân mà toàn thể các nhóm, toàn thể cộng đồng đều có thể tận dụng gian khó, những khi gian khó ấy không quá áp đảo. Một ví dụ được Robert K. Merton, Patricia Salter West và Marie Jahoda thuật lại trong công trình nghiên cứu (chưa xuất bản) về một cộng đồng nhà ở của công nhân thời chiến ở New Jersey. Công nhân thời chiến thấy mình sống trong một đống hỗn độn xây cất cẩu thả, không có các tiện ích cộng đồng, không có hệ thống thoát nước, không có cửa hàng. Bị hoàn cảnh thách thức, họ phản ứng lại bằng sự ứng biến đầy nghị lực và, bất chấp mọi trở lực, xoay xở tự gây dựng cho mình một cộng đồng tươm tất, sống được và thậm chí còn sống động. Đoạn kết gây cụt hứng thì lại quen thuộc: cộng đồng này, khi đã vượt qua được vấn đề lớn là tồn tại đơn thuần rồi, liền trở nên kém thú vị để sống, cửa hàng hợp tác của họ, dựng lên bằng nỗ lực khéo léo và giàu nghị lực, đã sụp đổ.

Nghiền ngẫm lại những ví dụ ấy, người ta sẽ nhận ra rằng các trường hợp khẩn cấp trong một xã hội hiện đại sẽ giúp gây dựng các kiểu xã hội mà mọi người có thể dồn sức vào một cách chính đáng. Người ta cần sự biện minh và, vì kiểu nội tại định hướng suy yếu đi, sẽ tìm nó trong hoàn cảnh xã hội hơn là ở chính mình. Các du khách châu Âu và châu Á nói với người Mỹ rằng [người Mỹ] chúng ta phải học cách hưởng thụ nhàn rỗi; họ hết chỉ trích chủ nghĩa lý

tưởng Thanh giáo của chúng ta đến chỉ trích cái gọi là chủ nghĩa duy vật, một sản phẩm phụ của nó. Điều này không hữu ích gì lắm: vì nếu muốn trở thành người độc lập, chúng ta phải tiếp tục trong sự hài hòa với lịch sử và tính cách của mình, và hai thứ này giao cho chúng ta một loạt nhiệm vụ phát triển và thú vui nhất định. Thế thì, điều chúng ta cần là một sự giải thích lại, nó sẽ giúp chúng ta tập trung vào sự phát triển tính cách cá thể mà những đòi hỏi Thanh giáo không còn cần tới để khuyến khích tổ chức chính trị và công nghiệp. Chúng ta cần nhận ra rằng mỗi đời người là một ca cấp cứu, chỉ xảy ra có một lần, và việc "cứu" nó, về mặt tính cách, biện minh cho sự chăm chút và gắng gỏi. Vậy thì có lẽ chúng ta sẽ không cần gây chiến hay nổ súng vì nỗ lực hằng ngày của đời sống tự nó chưa đủ thách thức, hay vì các mối đe dọa và đòi hỏi bên ngoài có thể gây mê giùm chúng ta thoát khỏi nỗi lo âu về phẩm tính và ý nghĩa của tồn tại cá nhân.

PHÊ BÌNH MỚI TRONG ĐỊA HẠT THỊ HIẾU

Nghề thủ công, dù có thể đóng vai trò gì trong sự nhàn rỗi của cá nhân hay nhóm, rõ ràng không phải là một giải pháp trọn vẹn cho vấn đề nhàn rỗi ở những người độc lập tương lai. Trong khi người kiểu nội tại định hướng có thể khuây khỏa với các theo đuổi này, thì người kiểu ngoại tại định hướng đi tìm độc lập chẳng có cách nào khác ngoài bước vào và trải qua - để rồi vượt lên trên - những trao đổi sở thích, quá trình điển hình mà người kiểu ngoại tại định hướng dùng để gắn bó với các nhóm ngang hàng. Một khi vượt qua giai đoạn này rồi thì anh ta sẽ có thể đánh giá và phát triển các chuẩn mực sở thích riêng, thậm chí phê bình các hoạt động tạo ra sở thích trong xã hội nói chung.

Chúng ta đã bàn mặt tiêu cực của quá trình này: ví dụ, thực tế là người kiểu ngoại tại định hướng cảm thấy một sai lầm về sở thích giống như một điều làm xấu lây cho cái tôi của mình, hay ít nhất cho cái anh ta quan niệm là phần quan trọng nhất trong cái tôi của mình, cái rađa của mình, và do vậy việc trao đổi sở thích thường là phiền nhiễu và tuyệt vọng. Nhưng giờ đây chúng ta phải xem xét mặt tích cực của quá trình trao đổi sở thích: thực tế đấy còn là một thí nghiệm vĩ đại, có lẽ là thí nghiệm chiến lược nhất, về giáo dục người lớn ở Mỹ. Thị hiếu của các bộ phận dân cư tiến bộ nhất càng được khuếch tán nhanh chóng hơn - có lẽ tạp chí *Life* là tác nhân nổi bật nhất trong quá trình này - đến các giai tầng trước đây bị loại trừ khỏi tất cả chỉ trừ có bài tập sơ đẳng nhất là sở thích, và bây giờ họ được dạy cho cách đánh giá đúng và phân biệt giữa đủ loại kiến trúc hiện đại, đồ dùng trong nhà hiện đại, và nghệ thuật hiện đại - ấy là chưa kể thành tựu nghệ thuật của những thời khác.[323]

Dĩ nhiên, tất cả các quá trình ngoại tại định hướng chúng ta đã mô tả đều giữ một vai trò chủ đạo trong sự phát triển này, nhưng tôi tin chắc rằng năng lực đích thực và thỏa mãn trong thị hiếu cũng tăng đồng thời. Thật thú vị khi

nhận thấy các phim Mỹ kiểu xưa chỉ mới 20 năm trước có vẻ thế nào đối với khán giả hiện đại. Một lần nữa, điều này chỉ một phần do những thay đổi trong quy ước phim ảnh tạo ra; nhưng ở phạm vi lớn hơn nhiều, nó là kết quả của sự gia tăng đáng kinh ngạc mức độ tinh tế ở các nhà làm phim và khán giả của họ đối với động cơ thúc đẩy con người và hành vi của con người.

Tốc độ tăng cao thị hiếu này đã khiến nhiều nhà phê bình nghệ thuật đại chúng không hiểu được, họ không chỉ không thấy được phim Mỹ, tiểu thuyết và tạp chí bình dân thường hấp dẫn ra sao mà còn không thấy được rằng một số bình luận của những người trao đổi thị hiếu nghiệp dư - thoạt nhìn có vẻ thuộc một giới khán giả rất thụ động, thiếu sáng tạo - lại sôi nổi và am tường ra sao. Một trong những ví dụ thú vị nhất cho điều này là phê bình nhạc jazz. Ở đây tôi không nói đến các nhà phê bình như Wilder Hobson và Panassié mà về số đông thanh niên, trên khắp đất nước, nồng nhiệt chào đón và trìu mến phê bình nhạc jazz, trên một bình diện thảo luận chính thức khác xa vốn từ vựng hời hợt "chân thật" hay "tân thời". Những người này thấy ở jazz, như những người khác thấy ở phim hay truyện tranh, một hình thức nghệ thuật trước kia chưa được những người sành điệu, hệ thống trường học hay văn hóa chính thống phân loại. Họ cưỡng lại, thường mạnh mẽ, và thỉnh thoảng thành công, nỗ lực của ngành nhạc pop muốn dán nhãn các sản phẩm của nó: trong chính hình thức các lựa chọn của họ - ưa chuộng cả ban nhạc hơn là các ngôi sao độc tấu, ưa thích ứng tác hơn, không tin cậy những người cải biên êm dịu - họ đặt định *chuẩn mực* riêng của mình đối lập lại sự *chuẩn hóa*. Rất giống những người mê xe cải tiến, họ phát triển ngôn ngữ và văn hóa riêng hài hòa với kỹ năng mới của mình.

Ở đây một lần nữa, như với những người mê xe cải tiến, nghề thủ công chuyện trò trao đổi sở thích giữa những người yêu jazz không thể tiếp tục phát triển lâu dài giữa các nhóm ngang hàng tách biệt. Jazz từ lâu đã bị chia tách ra bởi một sự sùng bái hay một loạt sùng bái dùng những tiêu chuẩn thẩm mỹ ngày càng khắt khe, những tiêu chí thường trở thành mục đích tự thân.

Miễn cưỡng thấy rằng trao đổi thị hiếu trong các nhóm khán giả đại chúng thường là cơ sở để tăng thêm năng lực trong phê bình, các tác giả về văn hóa đại chúng thường nhìn jazz, kịch nhiều kỳ, điện ảnh và truyền hình với nỗi kinh hoàng giống như khi người kiểu nội tại định hướng bị ép nhìn nhà thổ và hài kịch tục tĩu. Về cơ bản thì phê bình văn hóa đại chúng kiểu này cũng giống như phê bình sản xuất hàng loạt. Nhưng cái mà các nhà phê bình thường không quan sát thấy là, mặc dù trong các giai đoạn trước sản xuất hàng loạt đã đuổi cổ các nghề thủ công tinh xảo và hạ thấp giá trị khiếu thẩm mỹ, giờ đây chúng ta có một hoàn cảnh khá hơn gọi là sản xuất hàng loạt theo giai cấp, nơi cỗ máy công nghiệp của chúng ta đã trở nên đủ uyển chuyển để sản xuất ra các đồ vật còn đa dạng hơn và có phẩm chất tốt hơn ở thời thủ công.

Cũng vậy, các nhà phê bình của truyền thông đại chúng có thể không quan sát thấy là, mặc dù những hệ quả đầu tiên của truyền thông thường mang tính hủy hoại đối với các giá trị lâu đời hơn, nhưng ngày nay chúng ta có một hoàn cảnh mà, lần đầu tiên trong lịch sử, trên cơ sở kinh tế, người ta có thể phân phối tiểu thuyết và sách phi hư cấu, tranh, nhạc và phim hạng nhất đến cho các nhóm cử tọa có khả năng làm cho chúng khớp với những mô thức mang tính cá thể cao.

Chính các tiến triển này gợi ý cho tôi là quá trình trao đổi thị hiếu mang sự hứa hẹn vượt xa chính nó mà trở thành cái gì đó khác hẳn, và do vậy góp phần phát triển tính độc lập ở người kiểu ngoại tại định hướng.

III. Người hướng dẫn tiêu thụ

Làm sao cho cá nhân tiếp xúc một cách suôn sẻ với loạt cơ hội mới trong tiêu thụ là việc thường đòi hỏi một số hướng dẫn và biển chỉ đường. Trong xã hội đô thị chuyên môn hóa của chúng ta, việc này có thể đòi hỏi phải có những người hướng dẫn tiêu thụ.

Có thể "hướng dẫn tiêu thụ" có vẻ giống như một thuật ngữ khá khô khan để mô tả hoạt động của một số nghề nghiệp đang phát triển tương đối nhanh ở Hoa Kỳ, bao gồm đại lý du lịch, nhân viên khách sạn, giám đốc khu nghỉ dưỡng, thầy cô và huấn luyện viên thể thao, thầy dạy nghệ thuật, bao gồm thầy cô dạy múa, vân vân. Nhưng còn có nhiều nhà tư vấn cho lời khuyên về chuyện vui chơi nhàn rỗi như một thứ sản phẩm phụ của một giao dịch khác nào đó. Chuyên gia trang trí nội thất chẳng hạn, thoạt nhìn có vẻ thuộc về một nhóm nghề nghiệp khác với giám đốc giao tế khu nghỉ mát. Đúng vậy, hầu hết khách hàng của chuyên gia trang trí nội thất có thể chỉ muốn đúng kiểu thiết kế để phô trương hoang phí. Nhưng ngoài các chức năng này ra có thể còn có một địa hạt nơi chuyên viên trang trí nội thất được người ta tìm tới do những nhu cầu thiết kế nhà cửa mang tính cơ bản hơn nhằm tạo điều kiện cho một đời sống nhàn tản phong lưu hơn, nhiều màu sắc hơn theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Việc bán dịch vụ trang trí có thể che giấu hành động bán sản phẩm phi vật thể quan trọng này.

Chức năng này có lẽ còn rõ rệt hơn trong công trình của kiến trúc sư nhà ở cho thân chủ giai tầng trung lưu lớp trên. Đúng là, cũng như chuyên gia trang trí, anh ta vẫn tư vấn cho thân chủ mình làm sao để có mặt tiền chung cho phù hợp. Nhưng nếu là một thế hệ trước thì anh ta đã chẳng dám mơ tới chuyện tư vấn gì cho khách hàng về các mối tương quan về chức năng nội thất ngoài khía cạnh "cuộc sống sung túc". Thế mà ngày nay, kiến trúc sư, bằng bản vẽ nội thất và ngoại thất, có thể dẫn dắt [thân chủ] lẫn đi theo [ý muốn của] thân chủ. Ở anh ta và cách nhìn của anh ta diễn ra sự chưng lọc một loạt khiếu thẩm mỹ, khuynh hướng, kế hoạch giao tế (như trong những phòng

khách dễ dàng sắp đặt lại), những quan điểm về thời gian nhàn rỗi theo phương diện sinh thái vốn hiếm khi tồn tại một thế hệ trước. Kiến trúc sư - và ngoài ra, người quy hoạch đô thị - thu về một mối các cơ hội nhàn rỗi [của công chúng] mà nếu không nhờ vậy thì biết đâu chúng vẫn cứ bị phân chia ra giữa rất nhiều chuyên viên [thuộc nhiều ngành dịch vụ khác nhau].

Một nhóm nhà hướng nghiệp nữa xúm xít quanh trung tâm thói quen nhàn rỗi theo trình tự thời gian ở Mỹ, đấy là kỳ nghỉ. Tự thân kỳ nghỉ, vốn thường bao hàm việc gặp gỡ người khác không thuộc nhóm ngang hàng của ta và có thể ở bên ngoài kinh nghiệm của chính ta với cấu trúc xã hội, có thể được xem như một biểu tượng đầy ấn tượng về các cuộc chạm trán giữa những người trong giai đoạn chớm giảm dân số, tương tự thương trường trong giai đoạn tăng dân số chuyển tiếp. Đúng vậy, nhờ lương cao, hàng triệu người Mỹ dành các kỳ nghỉ để đi săn thú hơn là săn người; hàng triệu người khác lăng xăng với thú bồi bổ sức khỏe còn sót lại từ những đời trước đó - ngôi nhà và mảnh vườn. Nhưng càng ngày kỳ nghỉ càng đóng vai trò như một thời gian và không gian để đưa những ai có sự nhàn rỗi và tiền bạc đến mua sự tiếp xúc với những ai có một tài nghệ thủ công để bán - cưỡi ngựa, bơi lội, vẽ tranh, khiêu vũ, vân vân. Nhưng dĩ nhiên, công việc hướng dẫn tiêu thụ ở đây, có lẽ chỉ trừ các giám đốc ngành giải trí đua thuyền, thường cố bán cho được một hàng hóa hay một dịch vụ hơn là giúp cá nhân tìm thấy cái anh ta muốn và có thể muốn.

Dễ thấy trước rằng, trong các thập kỷ tới, sẽ có một sự bành trướng kinh khủng trong giới những người hướng dẫn tiêu thụ. Vẫn còn đó sự phản đối rằng giao phó người kiểu ngoại tại định hướng cho một chuyên viên hướng dẫn tiêu thụ chỉ bảo về năng lực vui chơi thì chỉ làm tăng thêm chính sự phụ thuộc khiến anh ta thành kiểu ngoại tại định hướng hơn là độc lập. Chẳng phải bất kỳ nỗ lực trù tính vui chơi nào cũng sẽ cướp mất của anh ta tính ngẫu hứng và riêng tư mà anh ta có thể vẫn còn giữ lại hay sao? Điều này nhất định là một hiệu ứng có thể có. Chúng ta có thể làm ngược lại điều này bằng cách làm hết sức mình sao cho các nhà hướng dẫn tiêu thụ trở nên tài giỏi và sẵn sàng chừng nào hay chừng ấy. Người hướng dẫn tiêu thụ có thể khuyến khích, thậm chí khiêu khích, người kiểu ngoại tại định hướng có sự vui chơi giàu trí tưởng tượng hơn bằng cách giúp anh ta nhận ra rằng vui chơi quan trọng đến nhường nào cho sự thăng tiến hướng tới tính độc lập của anh ta.

IV. Giải phóng thị trường cho trẻ em

Cho đến nay chúng ta đã nói về những gì có thể thực hiện để làm tăng năng lực vui chơi của người lớn, mà hoàn toàn bỏ qua thực tại và triển vọng vui chơi cho trẻ em. Thế nhưng hoàn toàn rõ ràng là chính kinh nghiệm tuổi thơ sẽ là cái quan trọng nhất làm cho năng lực vui chơi của người lớn có thể thành hiện thực. Không có ý bàn cho thấu đáo chủ đề này, nhưng tôi muốn gợi ý một mô

hình ít nhiều thú vị để khuyến khích suy nghĩ về những gì ta có thể làm, ở đây và lúc này, để cải biến một số khía cạnh vui chơi của trẻ em, như chúng ta đã chỉ ra trong Chương III, giờ đây thường có vai trò cấm đoán tính độc lập. Đề xuất tôi muốn nêu ra hẳn sẽ khiến các nhà sản xuất và quảng cáo hướng đến thị trường trẻ em phải để tâm tới. Tôi muốn gợi ý là họ lập một quỹ để thử nghiệm tạo ra các mảng kinh tế tiêu thụ kiểu mẫu giữa trẻ em với nhau.

Chẳng hạn, có thể phát hành chứng khoán tạm thời cho các nhóm trẻ em, cho phép chúng đỡ đầu một cửa hàng trung tâm nào đó - một kiểu hội chợ thế giới hằng ngày - nơi một loạt xa xỉ phẩm từ thực phẩm hiếm cho đến nhạc cụ đều có sẵn cho chúng mua. Tại "điểm bán hàng" này sẽ có những người nghiên cứu thị trường, có khả năng và sẵn lòng giúp trẻ chọn lựa mà không có hấp lực đáng sợ nào, sức hấp dẫn áp đảo nào hay bất cứ quyền lợi nào về phía người chủ trong việc ép [chọn] thứ này thay vì thứ khác. Mấu chốt của "các phòng thí nghiệm" này sẽ cho thấy đôi chút về điều xảy ra cho thị hiếu trẻ thơ khi chúng được rộng đường tránh các thang bậc sở thích và "lý lẽ", cũng như tự do thoát khỏi những lúng túng tài chính của một nhóm ngang hàng nhất định. Chính trong các tình huống như vậy, trẻ em có thể sẽ tìm thấy cơ hội để phê phán và định hình lại trong đầu giá trị của các vật thể. Trong "cửa hàng tự chọn" này, chúng sẽ tìm thấy các góc nhỏ riêng tư nơi chúng có thể thưởng thức sách và nhạc, kẹo và truyện tranh, với chút riêng tư nào đó.[324] Sẽ rất thú vị khi xem liệu những trẻ đã có may mắn tự thể hiện mình qua tự do chọn lựa của người tiêu thụ có thoát khỏi được các gò bó sắc tộc, giai cấp và nhóm ngang hàng hay không, có thể phát triển thành các nhà phê bình đầy trí tưởng tượng về mảng kinh tế nhàn rỗi hơn hầu hết người lớn ngày nay hay không.

Người ta có thể hình dung những mô hình "nền kinh tế dư dật" kiểu mẫu khác trong đó mọi nỗ lực sẽ được thực hiện, trên cơ sở thực nghiệm, để giải phóng trẻ em và những người được riêng tư hóa khác ra khỏi áp lực nhóm và áp lực truyền thông đại chúng. Quả thực, tôi thấy hình như nghiên cứu thị trường trong nhiều năm qua đã là một trong các kênh hứa hẹn nhất cho kiểm soát dân chủ nền kinh tế của chúng ta. Các nhà nghiên cứu thị trường biết như bất kỳ ai là không nên dùng các phương pháp của họ chỉ để điều khiển thiên hạ mua hàng hóa và các định nghĩa văn hóa đã có sẵn, hay để tô vẽ những thứ này bằng các nét dị biệt hóa biên tế, mà có thể dùng để tìm hiểu không chỉ cái mọi người cần mà quan trọng hơn là cái họ có thể muốn nếu trí tưởng tượng của họ đã được khai phóng.[325] Không có các mô hình và khuôn mẫu hướng dẫn thì mọi người sẽ hiếm khi thực hiện cú nhảy vọt này trong trí tưởng tượng.

CHƯƠNG XVI
Độc lập và không tưởng

Đôi khi, thời gian, các biến cố hoặc nỗ lực cá nhân và đơn độc của trí tuệ con người cuối cùng cũng làm lung lay hoặc dần dần thủ tiêu được một niềm tin, mặc dù bên ngoài vẫn không thấy có biểu hiện gì cả. Người ta không chống lại niềm tin đó một cách công khai. Người ta không tổ chức hội nghị để khai chiến chống lại niềm tin đó. Các thành viên giáo phái đó lần lượt từng người chuồn nhẹ đi; nhưng ngày nào cũng có người bỏ đi, cho tới khi niềm tin đó chỉ còn một số ít người theo. Đến trạng thái đó rồi, song nó vẫn còn ngự trị đấy. Do chỗ các kẻ thù của nó vẫn tiếp tục im tiếng hoặc chỉ lén lút trao đổi tư tưởng với nhau thôi, chính các kẻ thù của niềm tin đó cũng không tin chắc là mình đã thực hiện được một cuộc đại cách mạng, và vì vẫn còn hoài nghi nên họ còn bất động. Họ im lặng quan sát mọi chuyện. Đa số con người không còn cái niềm tin xưa nữa; nhưng họ vẫn tỏ ra như thể là đang còn tin, và thế là chỉ riêng cái bóng ma công luận vô tích sự kia cũng đủ để làm đóng băng mọi nhà cách tân và giữ họ phải lặng im tuân phục.

Tocqueville, *Nền dân trị Mỹ*[326]

Trong những chương sau cùng này tôi đã nêu lên một số suy nghĩ về đời sống làm việc và vui chơi của tầng lớp trung lưu, hy vọng tìm thấy những cách mà theo đó một kiểu tính cách xã hội độc lập hơn có thể phát triển. Tôi không thể thấy hài lòng là mình đã đi được xa theo các lối này. Cân nhắc xem làm cách nào chúng ta có thể dỡ bỏ các rào cản cá nhân hóa giả tạo và tư hữu hóa ép buộc là đã đủ khó khăn rồi. Khó hơn rất nhiều lần là việc chỉ ra được, sau khi đã vượt qua các rào cản này rồi, cái gì ở con người có thể dẫn dắt anh ta đi đến khả năng độc lập, hay phát minh và sáng tạo ra các phương tiện sẽ giúp anh ta đi đến độc lập. Rốt cuộc, ít ỏi gợi ý của chúng tôi là không đáng kể, và chúng tôi chỉ có thể đúc kết cuộc thảo luận của chúng ta bằng cách nói rằng cần phải có một dòng suy nghĩ sáng tạo, không tưởng lớn lao gấp bội, rồi chúng ta mới có thể thấy rõ ràng hơn mục tiêu mà chúng tôi gợi ý lờ mờ bằng từ "độc lập".

Độc giả nào còn nhớ chúng ta đã khởi đầu bằng các phong trào tăng dân số cùng với cải cách kinh tế và công nghệ rộng lớn, mù quáng ra sao thì có thể hỏi liệu chúng ta có thật lòng chờ thấy lối suy nghĩ không tưởng - bất luận đầy cảm hứng thế nào - đi ngược lại mọi số phận mà các phong trào này dành sẵn cho con người hay không. Thực ra, tôi tin rằng chỉ một số ý tưởng là sẽ được sinh ra và trụ vững, trong bất kỳ hoàn cảnh kinh tế xã hội nào. Còn tính cách, cùng tất cả những bất trị và khuynh hướng tự tái sinh của nó, phần lớn sẽ quy định cách thức các tư tưởng được đón nhận. Nhưng bất chấp hàng loạt chướng

ngại ngăn trở sự thay đổi vốn cố hữu trong cấu trúc xã hội và cấu trúc tính cách, tôi vẫn tin rằng tư tưởng có thể có một đóng góp quyết định trong lịch sử. Marx, tuy bản thân đã phủ nhận rằng tư tưởng vô cùng quan trọng và bác bỏ các suy đoán không tưởng của các nhà chủ nghĩa xã hội đi trước, song chính ông cũng đưa ra một ví dụ không thể bác bỏ được về quyền năng của tư tưởng trong lịch sử. Như tất cả chúng ta đều biết, ông không cho rằng giai cấp công nhân chỉ cần được giải phóng duy bởi các sự kiện mà thôi. Trong vai trò khác là nhà tuyên truyền, bản thân ông cũng đã cố gắng định hình môi trường ý thức hệ và định chế mà trong đó công nhân sẽ sống.

Tôi nghĩ ngày nay chúng ta cần cương quyết làm sao để mọi người nhận thức được kiểu loại môi trường hay điều kiện mà Marx bác bỏ bởi cho là không tưởng, trái ngược với lối tiếp cận thụ động và máy móc các triển vọng cho môi trường của con người mà ông đã góp phần cổ vũ trong những tác phẩm có ảnh hưởng nhất của mình. Song, vì chúng ta sống trong một thời vỡ mộng, nên suy nghĩ như vậy, tuy hợp lý về mục đích và phương pháp mà không đơn giản chỉ là thoát ly, lại không dễ dàng. Sẽ dễ hơn nếu ta tập trung vào các chương trình hầu chọn lựa những gì đỡ tệ hại hơn trong số những cái tệ hại. Chúng ta biết rõ về "tính vô sở cầu chết tiệt của người nghèo"; cả người giàu nữa, như tôi đã cố cho thấy trong cuốn sách này, cũng đã kiềm chế các yêu sách đòi một thế giới đàng hoàng. Cả người giàu lẫn người nghèo đều tránh bất kỳ mục tiêu nào, cá nhân hay xã hội, có vẻ lạc nhịp với những ước muốn của nhóm ngang hàng. Người dự đoán nội tình hoạt động chính trị chẳng mấy khi gắn bó tận tụy với các mục tiêu xa hơn các mục tiêu mà lẽ thường đề ra cho anh ta. Tuy nhiên, thực ra trong một bối cảnh chính trị năng động, chính các mục tiêu bình thường nhất, hợp tình hợp lý nhất của người trong cuộc và các nhà phê bình "có tính xây dựng" mới là cái không thể đạt được. Thường thì, hình như sự duy trì một hiện trạng nhất định là một niềm mong mỏi chừng mực; nhiều luật sư, nhà khoa học chính trị và kinh tế gia bận bịu gợi ý những thay đổi tối thiểu cần thiết để đứng yên; thế nhưng ngày nay hy vọng này gần như bao giờ cũng gây thất vọng; hiện trạng tỏ ra là mục tiêu ảo tưởng nhất trong các mục tiêu.

Có thể hình dung được chăng, rằng những người Mỹ có đặc quyền kinh tế này một ngày kia sẽ chợt nhận ra thực tế là họ tuân thủ quá mức? Chợt ngộ ra rằng một loạt nghi thức hành vi là kết quả không phải của một mệnh lệnh xã hội không thể tránh mà là của một hình ảnh về xã hội mà dù sai lạc, cũng đem lại một số lợi ích thứ yếu cho những ai tin vào nó? Bởi vì cấu trúc tính cách, nếu có thể nói như vậy, còn ăn sâu hơn cả cấu trúc xã hội, nên một sự thức tỉnh như vậy là vô cùng bất khả - và chúng ta biết rằng nhiều nhà tư tưởng trước chúng ta đã thấy những tia bình minh tự do hư ảo trong khi đồng bào họ lại cứ ngoan cố nhắm mắt làm ngơ trước các giải pháp thay thế mà, trên nguyên tắc, có thực và khả thi. Nhưng đặt ra câu hỏi này không chừng ít nhất

cũng làm dấy lên hoang mang trong tâm trí một số người.

Thỉnh thoảng các nhà quy hoạch đô thị đặt ra những câu hỏi như vậy. Họ có lẽ bao gồm nhóm chuyên nghiệp quan trọng nhất để rồi trở nên chán chường một cách có lý các định nghĩa văn hóa mà người ta trưng ra có hệ thống hầu biện bạch cho những bất cập của đời sống thành thị ngày nay, đối với người khá giả cũng như người nghèo. Cùng với trí tưởng tượng và lối tiếp cận phong phú của mình họ đã trở thành, trong chừng mực nào đó, những người gìn giữ truyền thống chính trị tiến bộ và tự do của chúng ta, vì truyền thống này đang ngày càng bị thay thế trong chính trị từ tiểu bang cho đến quốc gia. Trong tác phẩm nổi tiếng nhất của họ, chúng ta thấy được sự biểu đạt trong hình thức hữu hình một nhân sinh quan không thiên về công việc theo cách thiển cận. Đó là cái nhìn về thành phố như một bối cảnh cho sự nhàn rỗi và tình bằng hữu cũng như cho công việc. Nhưng hiện nay quyền lực của các nhóm phủ quyết địa phương khiến cho ngay cả những nhà quy hoạch đô thị giàu trí tưởng tượng nhất cũng bị đặt dưới áp lực lớn phải chứng tỏ họ là những kẻ thực tế, ương ngạnh, chỉ chút ít nào đấy là phân biệt được với mấy gã kỹ sư cầu đường mà thôi.

Tuy vậy, theo tôi nghĩ, cũng như có nhiều kiểu thái độ đối với sự nhàn rỗi ở người Mỹ ngày nay hơn là ta có thể trông thấy ở bề ngoài, các nguồn cho tư tưởng chính trị không tưởng cũng có thể ẩn kín và liên tục thay đổi, liên tục ngụy trang. Trong khi những năm gần đây, phần lớn sự tò mò và quan tâm chính trị đã bị đẩy khỏi lĩnh vực được công nhận là mang tính chính trị bởi sự chú tâm của báo chí và các lĩnh vực có trách nhiệm hơn của đời sống cộng đồng vào cuộc khủng hoảng, thì người dân, trong những thứ còn lại từ đời sống riêng của họ, có thể ấp ủ các chuẩn mực phê bình và sáng tạo mới. Nếu những người này không bị trói tay trói chân trước khi họ chuẩn bị xuất phát - bởi việc dựng lên một hệ học thuyết chính thức và ép họ phải nuốt - có thể một ngày nào đó người ta sẽ học cách không chỉ mua những gói hàng tạp hóa hay sách vở mà còn mua cả gói lớn hơn - "mua" cả một xóm giềng, một xã hội, một lối sống.

Nếu như người kiểu ngoại tại định hướng nhận ra được công việc họ làm vô bổ biết chừng nào, khám phá ra rằng ý nghĩ của chính họ và cuộc đời của chính họ cũng hoàn toàn thú vị như của người khác, rằng thực ra, họ không thể khuây nguôi nỗi cô đơn của mình giữa một đám đông ngang hàng cũng như ai đó chẳng thể làm dịu cơn khát bằng cách uống nước biển, bấy giờ chúng ta có thể mong đợi họ để tâm hơn đến những cảm nghĩ và khát vọng của chính mình.

Triển vọng này nghe có thể xa vời, và có lẽ đúng là vậy. Nhưng không thể phủ nhận là nhiều trào lưu thay đổi ở Mỹ đã không được các nhà tường thuật về quốc gia được tường thuật nhiều nhất thế giới này nhận ra. Chúng ta có

những chỉ số rất ư bất cập về các thứ chúng ta muốn tìm hiểu, nhất là về những thứ phi vật thể như tính cách, phong cách chính trị, những cách sử dụng sự nhàn rỗi. Nước Mỹ không chỉ rộng lớn và giàu có, nước Mỹ còn bí ẩn; và khả năng của nước Mỹ ở việc che giấu một cách hài hước hay mỉa mai những mối quan tâm của mình có thể so sánh với chuyện tương tự của người Trung Hoa kỳ bí và huyền thoại. Giống như vậy, cái mà các cộng sự và tôi phải nói có thể cách xa khỏi đích. Điều không thể tránh khỏi là, tính cách của chúng ta, địa lý của chúng ta, những ảo tưởng của chúng ta, làm hạn hẹp tầm nhìn của chúng ta.

Nhưng, mặc dù tôi đã nói nhiều điều trong cuốn sách này mà không dám chắc, thì có một điều tôi tin chắc: những khả năng tiềm tàng vô cùng to lớn cho sự đa dạng nằm ở sự giàu có của thiên nhiên và ở khả năng dị biệt hóa kinh nghiệm của con người rồi sẽ có thể được chính cá nhân coi trọng, để anh ta không bị cám dỗ và ép buộc phải thích nghi hay, nếu không thích nghi được, phải trở thành lệch lạc. Tư tưởng con người sinh ra tự do và bình đẳng là vừa đúng và vừa sai: con người sinh ra đã khác nhau; họ đánh mất tự do xã hội và độc lập cá nhân của mình trong khi tìm cách trở thành giống nhau.

Ebook được làm dựa theo bản in của cuốn sách sau:

ĐÁM ĐÔNG CÔ ĐƠN

DAVID RIESMAN, NATHAN GLAZER, REUEL DENNEY

Thư viện Ebook Miễn phí SachMoi.Net

Chú thích

[←1] Từ đây về sau, phần để trong ngoặc đơn là tên tác phẩm do chúng tôi tạm dịch.

[←2] Pure Food and Drug Act, đạo luật của Hoa Kỳ được ban hành ngày 30/6/1906, quy định việc kiểm tra các sản phẩm thịt, nghiêm cấm việc sản xuất, buôn bán hoặc vận chuyển các loại thực phẩm pha trộn và biệt dược có độc tố. (Từ đây về sau, chú thích nào của tác giả sẽ đề (TG) ở cuối, còn lại là các chú thích của người dịch và Ban Biên tập).

[←3] Những cuốn sách hời hợt cũng có thể đánh đúng tâm lý đám đông trong ngành truyền thông được như vậy, nhưng rất có thể hôm nay người ta mua đấy, mai lại cất lên giá, và sẽ không bao giờ đọc đến nữa (dù thường xuyên nhắc đến). (TG)

[←4] Cần lưu ý rằng, nếu có nảy sinh vấn đề nguồn tác giả, kể cả ghi nhận bản quyền và trách nhiệm, phần vì nhiều ấn bản *Đám đông cô đơn* khác nhau được in ra có những thay đổi trong lời ghi nhận bản quyền, sẽ không có tranh chấp nào giữa tác giả và những người cộng tác. Như Nathan Glazer đã trình bày, *Đám đông cô đơn* là "cuốn sách của David Riesman. Ông đã ấp ủ nó, viết hầu hết nội dung, và đã viết lại bản sau cùng. Những đóng góp của hai đồng tác giả được nêu tên, dưới dạng khởi thảo, báo cáo nghiên cứu và khi viết lại các bản nháp đầu tiên của Riesman, có thể đã khích lệ ông mở rộng, chỉnh lý và phát triển những ý tưởng riêng, nhưng gì thì gì nó vẫn là cuốn sách của ông" (Glazer, "Tocqueville and Riesman: Two Passages to Sociology" [Tocqueville và Riesman: hai con đường đến xã hội học], bài giảng về xã hội Mỹ của David Riesman, 20/10/1999, Cambridge: Harvard University, Department of Sociology, tr. I). Dường như việc Glazer và Denney thường xuyên được nêu ra với tư cách đồng tác giả mà không có lời phàn nàn nào từ Riesman là một ví dụ nữa về lòng quảng đại của ông. (TG)

[←5] Nhóm ngang hàng (peer group) là một khái niệm trong xã hội học. Một nhóm ngang hàng thường bao gồm những cá nhân có cùng địa vị xã hội, sở thích gần giống nhau và tuổi tác tương đương, ví dụ như các nhóm bạn cùng lớp, cùng câu lạc bộ, cùng cơ quan.

[←6] Herbert J. Gans, "Những cuốn sách ăn khách của các nhà xã hội học Mỹ: một khảo sát," trong Required Reading: Sociology's Most Influential Books, Dan Clawson chủ biên. Amherst: University of Massachusetts Press, 1998, tr. 19-27. (TG)

[←7] Ở đây, tôi có mượn một vài cụm từ của mình của bài "Xã hội học cho ai? Phê bình vì ai?", trong cuốn Sociology in America (Xã hội học ở Mỹ), Herbert J. Gans chủ biên (Newbury Park, Calif.: Sage, 1990), trang 221. (TG)

[←8] C. Wright Mills (1916-1962), nhà xã hội học Mỹ.

[←9] Về sau in trong cuốn *Những bộ mặt trong đám đông* (New Haven: Yale University Press, 1952). (TG)

[←10] Đôi câu ông viết về tác động của sách báo và sự dồi dào sách báo là một kỳ công súc tích dự báo mấy ý niệm rõ ràng hơn của Marshall McLuhan. (TG)

[←11] Sam Donaldson (sinh 1934): Phóng viên và người diễn giải tin tức trên truyền hình; Chris Matthews (năm 1945): Nhà bình luận chính trị và người diễn giải tin tức trên truyền hình.

[←12] Bill Clinton (sinh 1946), tổng thống thứ 42 của Hoa Kỳ; George H.W Bush (sinh 1924), tổng thống thứ 41 của Hoa Kỳ; John McCain (1936), Thượng nghị sĩ thâm niên của Đảng Cộng hòa ở Hoa Kỳ.

[←13] Tiểu thuyết thiếu nhi nổi tiếng (1900) ở Mỹ, sau được chuyển thành phim (1939).

[←14] Paul Farhi, "Hãy hỏi một câu ngốc nghếch, rồi thì hàng triệu người sẽ bật xem ngay," *Washington Post*, ngày 6/1/2000. (TG)

[←15] Bộ phim ca nhạc nổi tiếng dựa trên hồi ký *Chuyện các ca sĩ nhà Trapp* của Maria von Trapp.

[←16] Bell nhận bằng tiến sĩ của Đại học Columbia cho cuốn sách đã xuất bản, *The End of Ideology* (Cái chết của ý thức hệ). (TG)

[←17] Thomas Jefferson (1743-1826), tổng thống thứ 3 của Hoa Kỳ.

[←18] Max Weber (1864-1920), nhà xã hội học, triết học và kinh tế chính trị người Đức.

[←19] Riesman đã mất ngày 10/5/2002, sau khi bài giới thiệu này được in.

[←20] Cũng trong thời gian đó, Seymour Martin Lipset và Leo Lowenthal chuẩn bị một cuốn phê bình *Đám đông cô đơn* và *Những bộ mặt trong đám đông* mà tôi cùng các cộng sự được mời góp một chương nhận định lại tác phẩm. Tuyển tập đó, *Culture and Social Character: The Work of David Riesman Reviewed* (Văn hóa và tính cách xã hội: phê bình tác phẩm của David

Riesman), (Glencoe, III, Free Press, 1961), theo nhận định của chúng tôi, vẫn là nguồn tư liệu đáng tin cậy nhất để phân tích cả những đóng góp lẫn hạn chế trong tác phẩm của chúng tôi. Phần tôi đóng góp cho tuyển tập được viết chung với Nathan Glazer. (TG)

[←21] Nguyên bản: Self-fullfiling prophecy.

[←22] Tham khảo Richard Hofstadter, *The Paranoid style in American Politics* (Phong cách hoang tưởng trong chính trị học Mỹ), (New York, Alfred A. Knopf, 1965) và Joseph Gusfield, *Symbolic Crusade* (Cuộc thập tự chinh biểu tượng), (Urbana, III., University of Illinois Press, 1964), nhất là chương 7. (TG)

[←23] Xem Seymour Martin Lipset, "A Changing American Character?" (Một tính cách Mỹ đang thay đổi?) Ngoài ra còn *The First New Nation: The United States in Historical and Comparative Perspective* (Dân tộc mới đầu tiên: Hoa Kỳ trong quan điểm lịch sử và so sánh), (New York, Basic Books, 1963); Talcott Parsons và Winston White, "The Link between Character and Society," (Mối liên hệ giữa tính cách và xã hội) trong tuyển tập *Culture and Social Character* do Lipset và Lowenthal chủ biên. (TG)

[←24] Khái niệm chủ nghĩa độc đoán được trình bày trong *The Authoritarian Personality* (Tính cách độc đoán) có lẽ thành công nhất khi khuyến khích việc mô phỏng và phân tích lại. Nhưng như nhiều người đã quan sát, khái niệm này không được rõ ràng để dùng làm điểm xuất phát, để thâu tóm đủ các nét tiêu biểu có trong đủ loại giai tầng xã hội và bối cảnh lịch sử. Ví dụ so sánh với Riesman, "Some Questions about the study of American Character in the Twentieth Century" (Một số vấn đề về nghiên cứu tính cách Mỹ thế kỷ 20), *The Annals of the American Academy of Political and Social Science* (Biên niên sử của Viện Khoa học chính trị và xã hội Hoa Kỳ), 370 (tháng 3/1967) 36-47. Cảm ơn Michael Maccoby đã dành cho tôi thảo luận hữu ích về vấn đề này và những vấn đề có liên quan. (TG)

[←25] *Inspirational literature*, thuật ngữ dùng để chỉ thể loại văn học dễ đọc cho mọi đối tượng, bao gồm các mẩu chuyện hay, xúc động, truyền cảm hứng sống đẹp đến cho người đọc. Một trong những bộ sách nổi tiếng của thể loại này là *Chicken Soup for the soul*, đã được xuất bản ở Việt Nam.

[←26] Xem McClellan, *The Achieving Society* (Xã hội thành tích), Princeton, N.J, Van Nostrand, 1961. (TG)

[←27] Xem John Kenneth Galbraith, *The Affluent Society* (Xã hội sung túc), Boston; Houghton Mifflin, 1958; xem thêm tiểu luận của tôi, "Leisure and Work in Post-industrial Society" (Nhàn rỗi và công việc trong xã hội hậu công nghiệp), in trong *Mass Leisure* (Tiêu khiển của quần chúng) của Eric Larrabee

và Rolf Meyersohn, Glencoe, III., The Free Press, 1958, in lại trong cuốn của Riesman, *Abundance for What? and other Essays* (Sung túc để làm gì? Và những tiểu luận khác), Garden City, N.Y, Double Day, 1964, tr. 162-183; so sánh với bài của David Riesman và Donald Horton, "Notes on the Deprived Institution: Illustrations from a State Mental Hospital" (Ghi chép về cơ sở cho người cùng quẫn: những minh họa từ Bệnh viện tâm thần Bang), *Sociological Quarterly* (mùa đông 1965), tr. 3-20. (TG)

[←28] Xem bài viết của tôi, "America Moves to the Right" (Nước Mỹ chuyển dịch sang phe hữu), *The New York Times Magazine* (27/10/1968), từ trang 34. (TG)

[←29] Xem chẳng hạn Leonard A. Lecht, *Manpower Needs for National Goals in the 1970's* (Nhu cầu nhân lực cho các mục tiêu quốc gia trong thập niên 1970), (New York, Frederick A. Praeger, 1969), ấn phẩm của Hiệp hội Hoạch định Quốc gia. (TG)

[←30] Với một số người, việc từ bỏ khoa học tự nhiên cho thấy nỗi e sợ rằng họ sẽ can dự đến mức không còn rút ra được với sự thống trị quân sự, nhưng sự phản kháng chống lại tính hiện đại còn lan sang cả các môn như kinh tế học, và trong chừng mực nào đó còn tới bất cứ công việc duy lý định lượng nào. (TG)

[←31] Joseph Alois Schumpeter (1883-1950), nhà khoa học kinh tế chính trị người Mỹ, gốc Áo-Hung.

[←32] Xem Kenneth Keniston, *The Young Radicals: Notes on Committed Youth* (Lớp trẻ cấp tiến: Nhận xét về thanh niên dấn thân), (New York, Harcourt, Brace and World, 1968); và cả Keniston, *The Uncommitted: Alienated Youth in American Society* (Người không dấn thân: Tuổi trẻ lạc lõng trong xã hội Mỹ), (New York; Harcourt, Brace and World, 1965). Dù theo một góc nhìn, các thành viên của tổ chức Thanh niên Mỹ vì Tự do có vẻ gắn bó với nền tảng truyền thống, song sự nhiệt tình có mục đích của họ lại phi truyền thống, cũng như những người cấp tiến trẻ của Keniston đôi khi thực hiện phận sự làm cha mẹ với một kiểu dạy dỗ không phải của bậc cha mẹ. (TG)

[←33] Xem Robert Jay Litton, *Death in Life: Survivors of Hiroshima* (Sống như chết: những người sống sót ở Hiroshima), New York; Random House, 1968. (TG)

[←34] Xem "Democracy and Defamation" (Dân chủ và phỉ báng), *Columbia Law Review*, XLII, 1942, tr.727-780; 1085-1123; 1282-1318; xem thêm "The Politics of Persecution" (Chính trị học bức hại), *Public Opinion Quarterly*, VI, 1942, tr.41-56. (TG)

[←35] Xem "The Meaning of Opinion" (Ý nghĩa của quan điểm), in lại trong *Individualism Reconsidered* (Xét lại chủ nghĩa cá nhân), Glencoe, Illinois, Free Press, 1953, tr. 492- 507. (TG)

[←36] Độc giả muốn tìm hiểu chi tiết hơn về các thành tựu và các bài chỉ trích trường phái "văn hóa và nhân cách" có thể tham khảo Alex Inkeles và Daniel J. Levinson, "National Character: The study of Modal Personality and Sociocultural Systems" (Tính cách dân tộc: khảo cứu nhân cách hình thái và các hệ thống văn hóa xã hội) trong ấn bản của Gardner Lindzey, *Handbook of Social Psychology* (Sổ tay tâm lý học xã hội), Boston Addison-Wesley, 1954, tr. 977-1010; và Bert Kaplan, "Personality and Social Structure" (Nhân cách và cấu trúc xã hội), trong ấn bản của Joseph Gittler, *Review of Sociology*, *Analysis of a Decade* (Phê bình xã hội học, phân tích trong một thập kỷ), New York, Wiley, 1957, tr. 87-126. Một số bài phê bình *Đám đông cô đơn* nói trên vừa được trình bày và thảo luận trong các ấn bản của S.M Lipset và Leo Lowenthal, *The Sociology of Culture and the Analysis of Social Character: The Work of David Riesman Reviewed* (Xã hội học văn hóa và phân tích tính cách xã hội), Glencoe, Illinois, Free Press, 1961; lời tựa này lấy một số phần trong đóng góp của Glazer và tôi vào cuốn sách đó. (TG)

[←37] Trong *The Varieties of History* (Những biến thể lịch sử), Fritz Stern chủ biên (New York, 1956), tr. 362. (TG)

[←38] Sigmund Freud (1856-1939), bác sĩ về thần kinh, nhà phân tâm học người Áo.

[←39] Khi nuối tiếc những ngày xưa tươi đẹp chỉ cách đây không lâu, khi mà sai lầm lớn và nhiệt tình tràn trề đi liền với nhau, tôi không định bỏ qua công trình tỉ mỉ mà một số nhà nhân học theo khuynh hướng phân tâm học đang thực hiện (để biết bài phê bình tác phẩm này, xem John J. Honigmann, *Culture and Personality* (Văn hóa và nhân cách), New York, Harpers, 1956). Song, khi các ngành kế cận và các phân ngành của nhân học đã xây vách ngăn chia, một chỗ rò rỉ có phần nhỏ hơn đã lan ra từ công trình này vào các ngăn kế cận. (TG)

[←40] Phép phân loại này có được gợi ý cụ thể và cả lối tiếp cận nhờ bài viết của Robert K. Merton, "Social Structure and Anomie," (Cấu trúc xã hội và sự lệch lạc) trong *Social Theory and Social Structure* (Lý thuyết xã hội và cấu trúc xã hội), ấn bản hiệu đính, Glencoe, Illinois, Free Press, 1957. (TG)

[←41] Bằng cách định nghĩa các thuật ngữ cẩn thận và bằng công việc tập trung với một mẫu nhỏ các sinh viên năm thứ nhất đại học, Elaine Graham Sofer đã xây dựng một bài trắc nghiệm mang tính dự phóng tài tình để nghiên cứu tính cách xã hội. Nghiên cứu của cô, theo như tôi biết, là cố gắng triệt để

nhất nhằm dùng các khái niệm của *Đám đông cô đơn* và *Những bộ mặt trong đám đông* trong công tác thực nghiệm với từng cá nhân. Những cơ hội và sự phức tạp của công việc như vậy được cô trình bày trong bài viết "Inner-Direction, Other-Direction and Autonomy" (Các típ nội tại định hướng, ngoại tại định hướng và độc lập) trong cuốn *Sociology of Culture* do Lipset và Lowenthal chủ biên. Nghiên cứu này còn làm sáng tỏ khả năng hấp dẫn là, những cá nhân mà ta thấy - trên cơ sở trắc nghiệm tâm lý - thuộc típ nội tại định hướng kỳ thực còn là người có "trọng lực," tức là chịu ảnh hưởng của trọng lực về mặt sinh lý, có khả năng ngồi thẳng tắp trong thí nghiệm ghế nghiêng phòng nghiêng của Witkin, còn những ai được cho là bị ngoại tại định hướng thì cũng là người chịu ảnh hưởng của bên ngoài hay môi trường, họ bị độ nghiêng của phòng cũng như trọng lực tác động.

[←42] Để có một ví dụ thú vị, xem Michael S. Olmsted, "Character and Social Role" (Tính cách và vai trò xã hội), *American Journal of Sociology*, LXIII (1957), 49-57, mô tả một khảo sát nhỏ cho thấy một nhóm sinh viên trường Đại học nữ Smith được hỏi liệu họ có xem mình là kiểu nội tại định hướng hay ngoại tại định hướng nhiều hơn so với cha mẹ, bạn bè cả hai phái, và mức con gái "trung bình" ở Smith. Phần lớn xem mình là "nội tại định hướng" hơn các sinh viên khác. (TG)

[←43] Lev Nikolayevich Tolstoy (1828-1910), nhà văn Nga nổi tiếng.

[←44] Alexis de Tocqueville (1805-1859), Phó Chủ tịch Quốc hội và Bộ trưởng Ngoại giao Pháp (1849), tác giả của khảo luận kinh điển *Nền dân trị Mỹ*.

[←45] "A Changing American Character?" trong cuốn *Sociology of Culture* do Lipset và Lowenthal chủ biên. Xem thêm lập luận của Talcott Parsons và Winston White rằng các giá trị Mỹ vẫn gần nguyên vẹn như từ đầu, trong cùng cuốn, bài "The Link between Character and Society". (TG)

[←46] So sánh với Eric Larrabee, *The Self-Conscious Society* (Xã hội tự ý thức), New York, Doubleday, 1960. (TG)

[←47] Để có một thảo luận ngắn về nghịch lý trong khái niệm chủ nghĩa cá nhân, xem "Individualism Today" (Chủ nghĩa cá nhân ngày nay) của John W. Ward trong *Yale Review* (số mùa Xuân 1960), tr. 380-392. (TG)

[←48] So sánh với thảo luận về chuyển biến xã hội và tâm lý ở Trung Hoa Cộng sản trong *Thought Reform and the Psychology of Despotism* (Cải cách tư duy và tâm lý học chế độ chuyên chế) của Robert J. Lifton, New York, Norton, 1961. (TG)

[←49] Karl Marx (1818-1883), nhà tư tưởng Đức.

[←50] Nguyên văn: "alienated", với nghĩa là "tình trạng trở nên xa lạ với công việc, môi trường, sản phẩm hoặc bản thân". Thuật ngữ này trong triết học của Marx được dịch là "tha hóa", nhưng từ "tha hóa" hiện nay thường được dùng với nghĩa sự suy thoái đạo đức hay lối sống, nên có người dịch là "vong thân".

[←51] Tôi nghĩ ngay đến những người Mỹ ngày nay lập luận rằng, nếu chúng ta cho Tưởng Giới Thạch quyền tự do hành động và hầu như không nhiều quân hơn, ông ta có thể chiếm được Trung Hoa; song những người Mỹ này không nhận ra rằng cả thế giới giờ đây đã biết tỏng cái đã từng là vũ khí bí mật của người da trắng: tính cách của họ, các giá trị của họ và tổ chức của họ. (TG)

[←52] Xem Talcott Parsons và Winston White, "The Link between Character and Society," (Mối liên kết giữa tính cách và xã hội) trong cuốn *Sociology of Culture* (Xã hội học về văn hóa) của Lipset và Lowenthal. Parsons và White vạch ra sự khác biệt rõ ràng giữa mục tiêu (hướng được chỉ định nhắm tới) và tác nhân (những người tạo ra định hướng). (TG)

[←53] Nhiều nhà dân tộc học và nhà nghiên cứu xã hội nông dân đã chỉ ra sự đa dạng vô cùng của các nền văn hóa có chung những nét tiêu biểu là tình trạng mù chữ, tỷ lệ sinh và tỷ lệ chết cao. Ai đọc các báo cáo dân tộc học cũng có thể tự tìm thấy ví dụ về sự đa dạng này. Tuy nhiên, trong *Đám đông cô đơn*, khái niệm truyền thống định hướng chủ yếu chỉ hữu ích như một nền tảng ẩn dụ, chuẩn bị cho cái mà chúng tôi gọi là "cuộc giao tranh tính cách học" giữa kiểu nội tại định hướng và kiểu ngoại tại định hướng. (TG)

[←54] Thorstein Bunde Veblen (1857-1929), nhà xã hội học, kinh tế học người Mỹ gốc Na Uy.

[←55] Xem Margaret Mead, "National Character and the Science of Anthropology" (Tính cách dân tộc và Khoa Nhân học), trong sách *Sociology of Culture* của Lipset và Lowenthal.

[←56] Thổ dân bản địa châu Mỹ, sống ở đông bắc bang Arizona, Mỹ, có ngôn ngữ riêng, dân số khoảng 7.000 người.

[←57] Dwight Eisenhower (1890-1969), Tổng thống thứ 34 của Hoa Kỳ.

[←58] Henry Agard Wallace (1888-1965), Phó Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ.

[←59] Phố Wall, tuyến phố ở hạ Manhattan, thành phố New York, Mỹ, nơi tập trung nhiều sàn giao dịch chứng khoán và các cơ quan tài chính; Phố Wall được dùng như một hoán dụ để chỉ thị trường tài chính Mỹ nói chung.

[←60] Chính sách do Tổng thống F.D Roosevelt thực hiện trong thập kỷ 1930 sau thời kỳ Đại Suy thoái.

[←61] Năm 1946, Bernard Baruch đại diện cho Mỹ đưa ra Ủy ban Năng lượng Nguyên tử của Liên Hợp Quốc bản Kế hoạch Baruch do ông soạn (dựa trên báo cáo của Acheson-Lilienthal), giống như một bộ luật cho cả thế giới, trong đó có việc cấm sản xuất vũ khí hạt nhân và kiểm soát việc thực hiện mà không lệ thuộc vào Liên Hợp Quốc. Liên Xô đã bác bỏ kế hoạch này.

[←62] Kế hoạch Marshall, được gọi theo tên Ngoại trưởng Mỹ George Marshall, người đã khởi xướng và ban hành kế hoạch. Tên chính thức của nó là Kế hoạch phục hưng châu Âu, với mục tiêu thiết lập một nền móng vững chắc hơn cho các nước Tây Âu sau Thế chiến thứ hai.

[←63] Tác giả ngụ ý Nhật Bản.

[←64] Chỉ trong các bài viết sau này chúng tôi mới vạch rõ điểm khác biệt giữa hoạt động "dân sự" (ví dụ, quan tâm đến trường lớp, quy vùng, sân chơi) và hoạt động "chính trị" trong bối cảnh rộng hơn, bình luận về sức thu hút của lĩnh vực dân sự dễ kiểm soát và có vẻ "tử tế" ngược với sự trì độn, ghê tởm và dễ gây tranh cãi của chính trị. Xem Riesman, "Work and Leisure in Post-Industrial America" (Công việc và sự nhàn rỗi ở nước Mỹ hậu công nghiệp) trong *Mass Leisure* (Nhàn rỗi đại chúng), do Eric Larrabee và Rolf Meyersohn chủ biên, Glencoe, Illinois, Free Press, 1958, tr. 363-388. (TG)

[←65] Robert Oppenheimer (1904-1967), nhà vật lý hạt nhân người Mỹ, bị điều tra về việc ông có phải là đảng viên cộng sản hay không.

[←66] Edward Teller (1908-2003), nhà vật lý hạt nhân người Mỹ, ủng hộ mạnh mẽ việc Mỹ phát triển vũ khí hạt nhân và làm chứng chống lại Oppenheimer.

[←67] Tôi chia sẻ những băn khoăn dẫn Mills đến chỗ viết *The Causes of World War II* (Những nguyên nhân của Thế chiến thứ hai), nhưng không chia sẻ cái hy vọng chỉ nhìn thấy được lờ mờ nếu chúng ta nghĩ ai đó cầm quyền có thể đàm phán hiệu quả mà không sợ điều các chính trị gia cấp giữa của Mills có thể nói, không sợ nhóm bán quân sự mà các chính trị gia đó có thể huy động trong nội bộ các cơ quan, cũng như chủ nghĩa sôvanh hung hăng và thói hiếu chiến dễ xúi giục của những người mà Veblen gọi là dân chúng cơ sở. (TG)

[←68] Ví dụ, xem bài viết của Saville Davis trên *Christian Science Monitor*, "Recent Policy-making in the United States Government" (Hoạch định chính sách gần đây trong chính phủ Mỹ), số chuyên đề *Daedalus*, mùa Thu 1960, tập 89, tr. 951-966. (TG)

[←69] Iosif Vissarionovich Stalin (1879-1953), nhà lãnh đạo tối cao của Liên Xô từ giữa thập niên 1920 cho đến khi qua đời, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản

Liên Xô, Chủ tịch Đại biểu Nhân dân Xô Viết, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Tổng tư lệnh quân đội, hàm Đại nguyên soái Liên Xô.

[←70] Xem phần thảo luận kỹ hơn, David Riesman và Michael Maccoby, "An American Crisis: Political Idealism and the Cold War" (Cuộc khủng hoảng ở Mỹ: chủ nghĩa lý tưởng chính trị và Chiến tranh Lạnh), *New Left Review*, tháng 1/1961, số 5, tr. 1-12. In lại trong *The Liberal Papers* (Báo chí theo khuynh hướng tự do) do Arthur Waskow chủ biên, New York, Random House, 1961. (TG)

[←71] Ngay cả trước khi quảng cáo phát triển thì Tocqueville đã thấy người Mỹ, có phần như về sau Veblen đã thấy, cạnh tranh với nhau trong cuộc chạy đua kiếm của và khoe của. Người Mỹ đã sẵn sàng cho truyền thông đại chúng còn trước cả khi truyền thông đại chúng sẵn sàng cho họ. (TG)

[←72] Hilde T. Himmelweit, *Television and the Child* (Truyền hình và trẻ em), cộng tác với D. Blumenthal cùng những người khác. Oxford University Press xuất bản cho Nuffield Foundation, 1958.

[←73] Trên *Ethics* (Đạo đức học), tháng 1/1952. (TG)

[←74] *Work and Its Discontents*, Boston, Beacon Press, 1956, được in lại trong The End of Ideology của Bell, Glencoe, Illinois, Free Press, 1960, tr. 222-262. (TG)

[←75] Áp lực tài chính thường dẫn những người làm việc một tuần ít giờ đến chỗ kiếm thêm việc thứ hai, đôi khi như ở Akron người ta thậm chí làm công việc thứ hai cả ngày, nhưng chính sức hút của tiền lương chứ không phải công việc là nguyên nhân để người ta làm đêm ngoài giờ như thế. (TG)

[←76] Xem Talcott Parsons, "A Tentative Outline of American Values" (Thử phác thảo các giá trị Mỹ), bản thảo chưa in, 1958. Xem thêm Clyde Kluckhohn, "Has There Been a Change in American Values in the Last Generation?" (Có chăng một sự thay đổi các giá trị Mỹ trong thế hệ qua?) trong cuốn sách do Eking Morison chủ biên, *The American Style: Essays in Value and Performance* (Phong cách Mỹ: các khảo luận về giá trị và thành tích), New York, Harpers, 1958. (TG)

[←77] Kenneth Keniston, "Alienation and the Decline of Utopia" (Tình trạng xa lạ bản thân và sự suy tàn của xã hội không tưởng), *American Scholar*, XXIX (số mùa Xuân 1960), 1-40. (TG)

[←78] Chỉ các nước xã hội chủ nghĩa thời đó.

[←79] Tổng thống thứ 26 của Hoa Kỳ (1901-09), đối nội chủ trương chống độc

quyền, đối ngoại thực hiện học thuyết Monroe nhằm tăng cường ảnh hưởng của Hoa Kỳ ở Tây bán cầu, được gọi là "chính sách Cây Gậy Lớn". Được tặng giải thưởng Nobel Hòa bình năm 1906.

[←80] Erich Fromm, *The Sane Society* (Xã hội lành mạnh), New York, Rinehart, 1955, tr. 362. (TG)

[←81] Xem Riesman và Glazer, "Criteria for Political Apathy" (Tiêu chuẩn xét sự thờ ơ chính trị) trong ấn bản của Alvin Gouldner, *Studies in Leadership* (Nghiên cứu lãnh đạo), New York, Harper, 1950. (TG)

[←82] Trắc nghiệm về cá tính và trí thông minh, do nhà tâm thần học Thụy Sĩ Hermann Rorschach (1884-1922) đề xuất, trong đó đối tượng mô tả các vết mực có hình thù và màu sắc khác nhau xem chúng gợi liên tưởng đến cái gì.

[←83] Character and Opinion in the United States.

[←84] "Observations on the Yurok: Childhood and World Image" (Quan sát về người Yurok: tuổi thơ và hình ảnh thế giới), *University of California Publications in American Archaeology and Ethnology*, XXXV (1943), iv. (TG)

[←85] "Individual and Social Origins of Neurosis" (Nguồn gốc cá nhân và xã hội của các chứng loạn thần kinh chức năng), *American Sociological Review*, IX (1944), 380; in lại trong *Personality in Nature, Society and Culture* (Nhân cách trong tự nhiên, xã hội và văn hóa), Clyde Kluckhohn và Henry Murray chủ biên, New York, Alfred A. Knopf, 1948. (TG)

[←86] Thuật ngữ dùng ở đây là của Frank W. Notestein. Xem "Population - The Long View" (Dân số - cái nhìn dài hạn), trong *Food for the World* (Thực phẩm cho thế giới), Theodore W. Schultz chủ biên, University of Chicago Press, 1945. (TG)

[←87] Thomas Malthus (1766-1834), nhà nhân khẩu học, kinh tế học người Anh, nổi tiếng với *Thuyết dân số*.

[←88] *Gemeinschaft* (tiếng Đức, nghĩa đen là cộng đồng): chỉ quan hệ xã hội dựa trên các mối liên hệ cộng đồng có tính chất cá nhân như gia đình, họ hàng. *Gesellschaft* (tiếng Đức, nghĩa đen là hiệp hội, xã hội dân sự): chỉ quan hệ xã hội phi cá nhân hóa, dựa trên sự liên hệ đối tác, khế ước, hoặc nghĩa vụ giữa các cá nhân trong một tổ chức, hội đoàn.

[←89] Sau khi viết điều trên thì tôi phát hiện ra là Gardner Murphy cũng đã dùng ẩn dụ này trong cuốn *Personality* (Nhân cách) (New York, Harper, 1947). (TG)

[←90] Các ví dụ này được Allan G.B Fisher đưa ra trong *The Clash of Progress and Security* (Xung đột giữa tiến bộ và an toàn), London, Macmillan, 1935. (TG)

[←91] Xem Erich Fromm, *Man for Himself,* C. Wright Mills, "The Competitive Personality" (Tính cách cạnh tranh), *Partisan Review*, XIII (1946), 433; Arnold Green, "The Middle Class Male Child and Neurosis" (Cậu bé trung lưu và chứng loạn thần kinh chức năng), *American Sociological Review*, XI (1946), 31. Xem thêm tác phẩm của Jurgen Ruesch, Martin B. Loeb cùng các đồng nghiệp về "tính cách trẻ con". (TG)

[←92] Hình tượng về người do ngoại tại định hướng này đã được khuyến khích và mở rộng nhờ bàn luận của Erich Fromm về "định hướng thị trường" trong *Man for Himself*, tr. 67- 82. Tôi còn dựa vào chân dung mình mô tả về "Khách hàng tiền mặt", *Common Sense*, XI (1942), 183. (TG)

[←93] Quảng Châu vốn có tên là Phiên Ngung, thủ đô của nước Nam Việt do Triệu Đà lập ra năm 207 TCN.

[←94] Tiểu thuyết của Lev Tolstoy.

[←95] Ẩn dụ "rađa" được Karl Wittfogel gợi ý. (TG)

[←96] Thảo luận sau đây dựa vào một chuyên khảo chưa công bố của Sheila Spaulding, *Prolegomena to the Study of Athenian Democracy* (Dẫn nhập khảo cứu về nền dân chủ Athens), Yale Law School Library, 1949. (TG)

[←97] Solon (638-558 TCN), nhà lập pháp của Athens.

[←98] Theo thuyết phân tâm học, giai đoạn phát triển tâm lý tính dục đầu tiên (từ lúc mới đẻ đến khoảng 1-2 tuổi) trong 5 giai đoạn ở trẻ là khi đứa trẻ bú mẹ và tập trung chú ý vào miệng ("oral"). Nếu tính cách chốt lại ở giai đoạn này thì sẽ hình thành típ người phụ thuộc, lấn át và ích kỷ. Giai đoạn phát triển tâm lý tính dục tiếp theo (từ lúc khoảng 1-2 tuổi đến khoảng 3 tuổi) tập trung vào hậu môn ("anal"), khi đứa trẻ học cách kiểm soát tiểu tiện và đại tiện, ngồi bô. Đặc điểm của tính cách chốt lại ở giai đoạn này là sự kỹ tính, hà tiện, tỉ mẩn, hay cáu bẳn.

[←99] Liên quan đến điều này, thật sáng tỏ khi so sánh các khái niệm về quá trình xã hội hóa mà Freud và Harry Stack Sullivan quan niệm. Freud đã thấy siêu ngã là nguồn đã nội tại hóa của các hình thái do-đời-sống-định-hướng về đạo đức, được ráp vào hình ảnh người cha người mẹ tuyệt vời, và sau đó chuyển qua những người thay thế cho cha mẹ, ví dụ như Thượng đế, Lãnh đạo, Số mệnh. Sullivan không phủ nhận là điều này có xảy ra, song nhấn mạnh

hơn đến vai trò của nhóm ngang hàng - bạn thân và nhóm những bạn thân có ảnh hưởng quyết định như vậy trong quá trình xã hội hóa trẻ em Mỹ. Việc Sullivan nhất quyết nhấn mạnh tầm quan trọng của các mối quan hệ giữa cá nhân với nhau - điều đã dẫn ông đến chỗ tin, hơn cả Freud, vào khả năng thích nghi của con người và vào triển vọng hòa bình và hòa hợp xã hội - tự nó có thể xem như một dấu hiệu cho sự chuyển dịch hướng tới kiểu ngoại tại định hướng. (TG)

[←100] Zoot suit: bộ com lê của người Mỹ gốc Phi, gốc La tinh và gốc Ý, áo vét tông dài đến đầu gối và quần hơi rộng hoặc hơi ngắn.

[←101] William Godwin (1756-1836), nhà văn, nhà triết học Anh, đã viết nhiều tiểu luận bác bỏ các luận điểm trong *Thuyết dân số* của Malthus.

[←102] Nguyên bản: *social mobility*, là di động xã hội, còn gọi là sự cơ động xã hội hay dịch chuyển xã hội, một khái niệm xã hội học liên quan đến sự vận động của con người từ vị trí xã hội này đến vị trí xã hội khác trong hệ thống phân tầng xã hội. Thực chất di động xã hội là sự thay đổi vị trí trong hệ thống phân tầng xã hội.

[←103] Nhóm sơ cấp (primary group) là một nhóm xã hội cơ bản, trong đó từng thành viên chia sẻ với nhau những mối quan hệ cá nhân chặt chẽ và vững bền. Những mối quan hệ hình thành trong các nhóm sơ cấp thường kéo dài bền lâu, nhiều khi là cả cuộc đời. Ví dụ như gia đình, bạn bè thời ấu thơ, và các nhóm xã hội có ảnh hưởng lớn tới từng cá nhân.

[←104] Margaret Mead, người có đóng góp đáng kể cho lĩnh vực này, đã chỉ ra rằng những bậc cha mẹ theo đạo Tin Lành truyền lại cho con di sản là những cố gắng chưa trọn vẹn nhằm sống xứng đáng với lý tưởng ra sao, rằng động lực này đã thúc đẩy tiến bộ và thay đổi nhường nào mặc dù phát biểu về lý tưởng như vậy không thay đổi. Ví dụ, đọc "Social Change and Cultural Surrogates" trên tuần san *Journal of Educational Sociology*, 14 (1940), 92; in lại trong *Personality in Nature, Society and Culture*, Kluckhohn và Murray chủ biên, tr. 511, đặc biệt là các trang 520-521. (TG)

[←105] Amadeo Pietro Giannini (1870-1949), nhà sáng lập Ngân hàng Quốc gia Hoa Kỳ.

[←106] Charles Ponzi (1882-1949), một trong những tay lừa đảo nổi danh nhất trong lịch sử Hoa Kỳ.

[←107] Một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, người đã trốn khỏi mê cung trên đảo Crete bằng đôi cánh sáp. Vì Icarus không nghe lời cha là Dedalus, bay quá gần mặt trời nên đôi cánh sáp chảy ra khiến chàng rơi xuống biển chết

đuối.

[←108] John Stuart Mill (1806-1873), nhà triết học và kinh tế chính trị lỗi lạc người Anh.

[←109] James Mill (1773 -1836), nhà sử học, kinh tế học, lý luận chính trị người Scotland, cha đẻ của John Stuart Mill.

[←110] Theo thuyết phân tâm học, tính cách con người chia làm ba phần là siêu ngã (superego), bản ngã (ego) và tự ngã (id, còn gọi là xung động bản năng).

[←111] Dĩ nhiên không có quy luật nào cho thấy các xã hội trong giai đoạn chớm giảm dân số đều trở nên quan liêu. Có thể hình dung rằng tính di động xã hội sẽ càng lan rộng bằng cách nhanh chóng di chuyển dân cư cũng như nguồn nhân lực sang các ngành dịch vụ thứ cấp và mở rộng các ngành phục vụ giải trí. Ta sẽ trở lại vấn đề này trong Phần III. (TG)

[←112] Xe hơi Chrysler 1934 có nhiều lỗi về kỹ thuật và được mệnh danh là một trong những mẫu xe hơi tồi nhất trong lịch sử.

[←113] Cụm từ *invidious distinction* của Thorstein Bunde Veblen, mô tả sự thôi thúc khi người ta cố sở hữu cho được những thứ đồ đặc biệt hoặc đắt tiền có thể giúp họ thể hiện cá tính và nổi trội trong số đông.

[←114] Jiggs, nhân vật người Mỹ gốc Ailen trong loạt truyện tranh nổi tiếng của Mỹ có nhan đề *Bringing up Father* (Giáo dưỡng người cha).

[←115] Cả điều này cũng là một phát triển có tầm quan trọng đã được Margaret Mead nhấn mạnh. Xem cuốn *And Keep Your Powder Dry* (Và hãy sẵn sàng), New York, William Morrow, 1942. (TG)

[←116] *Partisan Review*, XII (1945), 381. (TG)

[←117] Tác giả muốn nhắc đến câu ngạn ngữ: *Bạn luôn có thể nhận ra một anh chàng học Harvard, nhưng chẳng thể dạy bảo gì nhiều cho anh ta*.

[←118] Thế nhưng sự hiểu biết, đặc biệt là ở tầng lớp trung lưu, có những hạn chế không mấy quan trọng trong gia đình truyền thống định hướng, ở đó đứa trẻ, giả dụ hiểu biết về tình dục, có thể thấy phản chiếu của tình dục trong đời sống hằng ngày quanh nó. Đứa trẻ biết rằng tâm trạng cậu nó khi đi làm là vui vẻ hay cáu gắt đều có liên quan đến chuyện xảy ra đêm trước trong làng. Ngược lại, trẻ ngoại tại định hướng thường chỉ biết về tình dục trên lý thuyết. Đứa trẻ không thể liên tưởng đời sống về đêm mà nó biết là có tồn tại với vẻ nghiêm túc của thế giới người lớn nó thấy khi ở trường, ở cửa hàng hay ở nhà.

Dù vứt bỏ những chuyện hoang đường về tình dục mà Freud thấy ở lớp trẻ thời của ông, đứa trẻ vẫn đam mê được đóng một vai quan trọng trong truyện tranh và phim ảnh hơn là trong đời sống thực mà nó có thể quan sát - cái đời sống trong đó mọi người được trui rèn để che giấu đam mê của mình và hành xử theo chuẩn mực. Có lẽ đây là một lý do tại sao tình dục vẫn luôn là bí ẩn đối với những người lớn kiểu ngoại tại định hướng - như chúng ta sẽ thấy ở Chương VII - cho dù đã có học hỏi, vỡ mộng, và thậm chí còn trải nghiệm rất nhiều trên thực tế. Nói chung, cấm đoán thời Victoria ngăn trở trẻ mẫu ngoại tại định hướng nhìn nhận một cách thực tế về thế giới người lớn, nhưng không nhiều bằng các vách ngăn trong đời sống người lớn, ví dụ như lằn ranh không rõ ràng giữa công việc và vui chơi sẽ được nói đến ở phần sau. (TG)

[←119] Morris Janowitz đã gợi ý: nếu muốn có một danh mục chung chung những gia đình theo ngoại tại định hướng so với các gia đình trong đó nội tại định hướng chiếm ưu thế, ta có thể tách những gia đình chỉ mua các ấn phẩm giải trí như *Life, Look*, truyện tranh, báo điện ảnh với những gia đình mua các tạp chí định kỳ như *Saturday Evening Post* hay *Collier's*. Nhóm trước là nhóm mua tạp chí cho cả gia đình, vì đó là các ấn phẩm trẻ em cũng có thể đọc được. Nhóm sau chủ yếu là mua tạp chí cho người lớn và không chia sẻ với trẻ em. (TG)

[←120] Howard C. Becker: "Role and Career Problems of the Chicago Public School Teacher" (Các vấn đề về vai trò và sự nghiệp của người giáo viên trường công lập tại Chicago), luận án tiến sĩ (Đại học Chicago, 1951) đã quan sát những hệ quả nảy sinh do việc giảm sút các trường hợp nhảy lớp và cố cứu vãn những trẻ phải lưu ban. Thầy cô, đối với một nhóm cùng độ tuổi nhưng khả năng và mức độ sốt sắng của từng thành viên quá khác biệt, giải quyết tình trạng này bằng cách chia lớp thành hai hay ba nhóm cùng khuynh hướng suy nghĩ, việc đổi nhóm bị hạn chế, và trẻ được khuyến khích bắt chước các bạn cùng nhóm. Trong trường công, bản thân giáo viên phần nhiều theo nội tại định hướng, nhưng vì tình thế nên phải khuyến khích kiểu ngoại tại định hướng trong đám trẻ.

Trích dẫn dưới đây từ phỏng vấn của ông Decker là một ví dụ đáng buồn cho thấy mức độ khuyến khích kiểu ngoại tại định hướng của giáo viên khi nỗ lực khiến trẻ có những kỳ nghỉ cuối tuần lý thú: "Với lớp nào tôi cũng mở đầu năm học bằng một khảo sát. Tôi cho mỗi em đứng lên và kể lại việc thường làm trong kỳ cuối tuần. Mấy năm vừa qua ngày càng có nhiều trẻ nói: 'Thứ Bảy em đi xem phim, Chủ nhật em đi xem phim'... Tôi đã dạy học được 25 năm, và chưa bao giờ thấy tình trạng như vậy. Trẻ em thường làm nhiều điều thú vị hơn, chúng hay đi đây đó thay vì 'tới rạp phim'... Tôi chọn cách kể về mọi điều thú vị có thể làm vào cuối tuần - ví dụ như tham quan viện bảo tàng hay đại loại như vậy. Cả những hoạt động như chơi bóng chày và đạp xe. Đến cuối học

kỳ cả lớp sẽ cười nhạo nếu có em nào nói: 'Thứ Bảy lẫn Chủ nhật em đi xem phim.' Từ đó đám trẻ sẽ thực sự cố gắng làm điều gì đó thú vị." (TG)

[←121] Còn ngược đời hơn nữa, tại những trường quá tích cực khuyến khích tính độc đáo và sáng tạo, thì chính yêu cầu phải trở nên độc đáo lại làm cho trẻ khó mà được như vậy. Trẻ không dám bắt chước những tên tuổi lớn và trong một số trường hợp, thậm chí lại đi bắt chước chính công việc nó đã làm trước đó. Dù việc giới thiệu các môn nghệ thuật vào trường học mở ra cả thế giới nghệ thuật cho nhiều học sinh, những đứa trẻ thường không có thời gian hay sự khích lệ ngoài trường học, thì các trẻ khác buộc phải đồng hóa các thành tích mà trước đó có thể đã không được đồng bạn và người lớn nhìn nhận. (TG)

[←122] Phương pháp giáo dục cho phép người học tự do tìm hiểu bất cứ đề tài nào nảy sinh trong quá trình học.

[←123] The Unadjusted Girl.

[←124] Philip Stanhope (1694-1773), chính khách Anh, Huân tước thành phố Chesterfield, còn được gọi là "man of letters", tức "người của những lá thư". Từ 1737 đến 1768, ông viết hơn 400 lá thư cho con trai mình, dạy con về nghệ thuật trở thành một quý ông, một nhân vật của thế giới; các lá thư này đã được tập hợp thành sách *Letters to his son* (Thư gửi con trai).

[←125] *Penrod*, bộ truyện tranh 3 tập (1914, 1916, 1929) về một cậu bé 11 tuổi của tác giả được giải Pulitzer Booth Tarkington; *Huckleberry Finn* (1884), tiểu thuyết nổi tiếng của văn hào Mark Twain.

[←126] Con cáo trong truyện ngụ ngôn của Aesop vì không với tới được chùm nho bèn dè bỉu đó là chùm nho chua.

[←127] *Talent agent* hay *booking agent*: Đại lý tài năng, người ở vị trí này đảm nhận trách nhiệm liên hệ đặt chỗ các buổi biểu diễn, tìm kiếm hợp đồng trình diễn trong ngành công nghiệp giải trí cho các người mẫu, diễn viên, đạo diễn, biên kịch…

[←128] Nguyên bản: *nolo contendere*, một cụm từ được dùng khi xét xử tại tòa, có nghĩa là bị cáo không chối bỏ những tình tiết của vụ án nhưng cũng không khiếu nại rằng anh ta không phạm bất cứ tội gì, hoặc có thể mang nghĩa là bị đơn không hiểu lời buộc tội.

[←129] Một sinh viên đã viết cho tôi: "Khi đám con trai buôn chuyện thân tình với nhau, không ai có thể sắm vai quý ông lịch lãm mà giữ kín các cuộc phiêu lưu tình ái. Anh phải khai hết tên tuổi, ngày tháng, và mọi chi tiết chính xác

về cuộc chinh phục. Gặp rắc rối lớn là mấy anh chàng có tình cảm thật lòng đối với một cô gái và buộc phải khai ra. Thước đo sức mạnh của nhóm ngang hàng và mức độ ngoại tại định hướng của nhóm là cá nhân có thể buộc phải nói thật.” (TG)

[←130] Gọi là *game of post office*, trong đó chia ra nhóm nam và nữ. Một nhóm sẽ vào một căn phòng, gọi là “post office”, nhóm ở ngoài sẽ lần lượt cử từng thành viên của mình vào căn phòng đó, nhận cái hôn của tất cả mọi người trong phòng. Hết lượt, nhóm ở ngoài sẽ vào phòng, chờ từng thành viên của nhóm kia tới để hôn. Trò chơi này nhắc đến văn hóa đại chúng Mỹ từ khoảng năm 1936.

[←131] Eddie Duchin (1910-1951), Vladimir Horowitz (1903-1989), các nghệ sĩ piano người Mỹ.

[←132] Khái niệm người dẫn dắt ý kiến (opinion leader) và các phương pháp thực nghiệm để tìm ra người đó trong một cộng đồng đã được xây dựng bởi Paul Lazarsfeld, Robert K. Merton, C. Wright Mills thuộc Phòng Nghiên cứu Xã hội ứng dụng Đại học Columbia, và Bernard Berelson ở Đại học Chicago. Khái niệm này rất quan trọng cho các mục đích của chúng tôi, vì sự phổ biến các mô thức ngoại tại định hướng ra xa khỏi trung tâm các đô thị lớn thường do ảnh hưởng của những người dẫn dắt ý kiến, những người đã học được mẫu thức này trong thời gian xa nhà học trung học, cao đẳng, hay khi đi làm và vẫn tiếp xúc với các giá trị mới hơn qua phương tiện truyền thông, và đến lượt phương tiện truyền thông lại ủng hộ nỗ lực của họ bằng các “đơn vị bầu cử” địa phương. Nhóm Đại học Columbia đã quan sát quá trình này đối với sự lan truyền thái độ và sở thích; nghiên cứu quá trình những điều nêu trên giúp hình thành tính cách ra sao là một nhiệm vụ phức tạp và vẫn chưa hoàn tất. Walter Bagehot có một số suy đoán lý thú về vấn đề này. *Physics and Politics* (Khoa học tự nhiên và khoa học chính trị), Barzun chủ biên, New York, Alfred A. Knopf, 1948, tr. 91 và tiếp theo. (TG)

[←133] William Blake (1757-1827), nhà thơ xuất sắc của Anh.

[←134] Katherine M. Wolfe và Marjorie Fiske, “The Children Talk about Comics” (Trẻ em nói về truyện tranh), *Communications Research 1948-1949*, Paul F. Lazarsfeld và Frank Stanton chủ biên, New York, Harper, 1949, tr. 26-27. (TG)

[←135] Xem bàn luận xuất sắc của Ernest Schachtel, “On Memory and Childhood Amnesia” (Bàn về trí nhớ và chứng quên ở tuổi thơ), *Psychiatry*, X (1947), I; xem thêm Evelyn T. Riesman, “Childhood Memory in the Painting of Joan Miró” (Ký ức tuổi thơ trong tranh của Joan Miró), *ETC*, VI (1949), 160.

[←136] W.I Thomas và Florian Znaniecki, *The Polish Peasant in Europe and America* (Người nông dân Ba Lan ở châu Âu và Hoa Kỳ), New York, Knopf, 1927, II, 1367-1396. (TG)

[←137] Kinh Thánh bằng tiếng La tinh do Thánh Jerome biên soạn vào cuối thế kỷ 4.

[←138] Daniel Defoe (?1659/1661-1731), nhà văn Anh, tác giả tiểu thuyết Robinson Crusoe.

[←139] So sánh với khảo sát xuất sắc của Lionel Trilling trong "Art and Fortune" (Nghệ thuật và Số phận), *Partisan Review*, XV (1948), 1271. (TG)

[←140] George Washington (1732-1731), Tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ.

[←141] Booker Taliaferro Washington (1856-1915), người Mỹ gốc Phi, nhà giáo dục, tác giả, cố vấn của các tổng thống Đảng Cộng hòa.

[←142] Oliver Cromwell (1599-1658), nhà lãnh đạo chính trị và quân sự người Anh; Giuseppe Garibaldi (1807-1882), một nhà cách mạng người Ý; Otto von Bismarck (1815-1898), chính trị gia, thủ tướng đầu tiên của Đức; Thomas Edison (1847-1931), nhà phát minh người Mỹ; Henry Ford (1863-1947), nhà công nghiệp Mỹ, người sáng lập hãng Ford Motor.

[←143] Dĩ nhiên văn học người lớn phức tạp hơn và/hoặc tục tĩu hơn ở các tầng trên cùng, so với thời trước khi mà trẻ em và người lớn đều có thể đọc Mark Twain, thậm chí ở chỗ ông viết chua cay nhất, đọc Dickens ngay cả lúc ông thô tục nhất, đọc H.G Wells thậm chí lúc ông rắc rối khó hiểu nhất. (TG)

[←144] George Orwell, *Dickens, Dali & Others* (Dickens, Dali và những tác giả khác), New York, Reynal & Hitchcock, 1946, tr. 76. (TG)

[←145] Reid, nhân vật lừng danh của văn hóa đại chúng Mỹ, cưỡi ngựa, đeo mặt nạ, chuyên đấu tranh với cái ác và sự bất công, một biểu tượng của công lý, vốn là một cựu biệt động sống sót duy nhất sau một trận phục kích của bọn phỉ miền Viễn Tây Hoa Kỳ.

[←146] Câu mở đầu bài thơ "Paul Revere's Ride" (Paul Revere phi ngựa cấp báo) của Henry Wadsworth Longfellow.

[←147] Cả ở đây cũng không nên phóng đại tính đột ngột trong chuyển biến từ kiểu nội tại định hướng. Eliot Freidson, trong khi nghiên cứu khả năng trẻ nhỏ nhớ các truyện kể, thấy là chúng dễ nhớ lại một vài truyện cổ tích truyền thống như "Goldilocks" (Cô bé Tóc Vàng), hay "The Three Little Pigs" (Ba chú lợn con) hơn là Tủ sách vàng cho trẻ em (Golden Books), hay truyện tranh,

hay phim ảnh. *Myth and the Child: an Aspect of Socialization* (Thần thoại và trẻ em: một khía cạnh xã hội hóa), Luận án thạc sĩ, University of Chicago, 1949. (TG)

[←148] Hệ thống đánh giá số lượng, thị hiếu của bạn nghe đài của công ty C.E Hooper, thành lập năm 1935 ở Mỹ.

[←149] Diễn viên nổi tiếng người Đức, tên thật là Max Unger (1878-1970), người đã mở khóa học qua thư trên khắp thế giới về "chủ nghĩa khỏe mạnh" (Strongfortism).

[←150] Jules Verne (1828-1905), nhà văn Pháp tiên phong của thể loại truyện khoa học viễn tưởng, với các tác phẩm như *Hai vạn dặm dưới biển, Vòng quanh thế giới trong 80 ngày*…

[←151] Eugène François Vidocq (1775-1857), nhà tội phạm học người Pháp, người sáng lập và lãnh đạo cơ quan Cảnh sát quốc gia Pháp, lãnh đạo văn phòng thám tử tư đầu tiên, cha đẻ của tội phạm học hiện đại; Sherlock Holmes, nhân vật thám tử tư xuất sắc trong loạt tiểu thuyết và truyện ngắn trinh thám của nhà văn Anh Arthur Conan Doyle (1859- 1930).

[←152] The Saint: nhân vật hư cấu trong sách, truyện tranh, phim ảnh, vừa là kẻ ăn trộm, vừa là thám tử nghiệp dư, tên thật là Simon Templar. Sở dĩ có tên gọi The Saint vì tên họ viết tắt của gã là ST, trùng với chữ Saint (Thánh) viết tắt.

[←153] Tiểu thuyết *Bá tước Monte Cristo* của nhà văn Pháp Alexandre Dumas cha (1802-1870).

[←154] Roy Rogers (1911-1998), diễn viên điện ảnh, ca sĩ Mỹ, thường đóng phim cao bồi miền Viễn Tây, được mệnh danh là "Vua Cao bồi"; *Steve Canyon*, loạt truyện tranh dài kỳ do Milton Caniff khởi xướng năm 1947.

[←155] M.E Breckenridge và E.L Vincent, *Child Development* (Sự phát triển ở trẻ em), Philadelphia, W.B Saunders, 1943, tr. 456. (TG)

[←156] Truyện không nói rõ chuyện gì đã xảy ra cho các bạn học của Tootle ở trường đầu máy. Các mối quan hệ nhóm ngang hàng, hoặc với các đầu máy khác hoặc với các công dân khác ở Engineville, hoàn toàn thân ái, và chiến thắng của Tootle hầu như không có nghĩa là người khác sẽ thất bại. Ai dám chắc rằng Tootle sẽ muốn thành một tàu tốc hành hiện đại nếu kẻ khác không cùng trở thành tàu tốc hành hiện đại? (TG)

[←157] Adam Smith (1723-1790), nhà kinh tế học người Anh, nổi tiếng với thuyết "bàn tay vô hình".

[←158] Xem thảo luận xuất sắc của Karl Polanyi trong *The Great Transformation* (Cuộc chuyển hóa vĩ đại), New York, Farrar & Rinehart, 1944. (TG)

[←159] Thomas More (1478-1535), luật sư, nhà triết học xã hội, chính khách người Anh thời Phục hưng; Richard Henry Tawney (1880-1962), nhà lịch sử kinh tế, nhà phê bình xã hội người Anh.

[←160] Thomas Mann (1875-1955), nhà văn Đức, đoạt giải Nobel Văn học năm 1929.

[←161] So sánh với định nghĩa của William James về cái tôi trong *Principles of Psychology* (Nguyên lý tâm lý học), New York, Henry Holt, 1896, I, 291-292; và bàn luận trong *Man for Himself* của Erich Fromm, tr. 135-136. (TG)

[←162] Một ngạn ngữ La tinh phổ biến.

[←163] Auguste Comte (1798-1857), nhà tư tưởng Pháp, nhà lý thuyết xã hội, cha đẻ ngành xã hội học; James Clerk Maxwell (1831-1879), nhà toán học, nhà vật lý học người Anh.

[←164] William Osler (1849-1919), bác sĩ người Canada, được gọi là cha đẻ của y học hiện đại; Joseph Hodges Choate (1832-1917); Elihu Root (1845-1937), Oliver Wendell Holmes (1841-1935), các luật sư, luật gia Mỹ; Jean Louis Rodolphe Agassiz (1807-1873), nhà cổ sinh vật học, nhà sinh thái học Thụy Sỹ; Louis Pasteur (1822-1895), nhà khoa học Pháp, người đi tiên phong trong lĩnh vực vi sinh vật học.

[←165] Miguel de Cervantes (1547-1616), tiểu thuyết gia, nhà thơ và nhà soạn kịch Tây Ban Nha.

[←166] John Maynard Keynes (1883-1946), nhà kinh tế học người Anh.

[←167] Phong trào giáo dục qua giải trí và văn hóa dành cho người lớn ở Mỹ, rất nổi tiếng vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, bắt nguồn từ hạt Chautauqua.

[←168] Edward Bellamy (1850-1898), nhà văn Mỹ.

[←169] Benvenuto Cellini (1500-1571), nhà điêu khắc, họa sĩ người Ý; Leonardo da Vinci (1452-1519), họa sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhạc sĩ người Ý.

[←170] Henry James (1843-1916), nhà văn Mỹ; Edward Morgan Forster (1879-1970), nhà văn Anh.

[←171] Sherwood Anderson (1876-1941), nhà văn Mỹ.

[←172] Émile Durkheim (1858-1917), nhà xã hội học người Pháp.

[←173] *The Sociology of Sociability* của Georg Simmel (1858-1918), nhà xã hội học Đức.

[←174] Thí nghiệm của hai nhà nghiên cứu từ Đại học Harvard, Elton Mayo và Fritz Roethlisberger, tại nhà máy Western Electric Hawthorne từ năm 1927, đưa ra kết luận là động lực kinh tế không phải là yếu tố duy nhất tác động lên năng suất, mà còn phải tính đến ảnh hưởng của thái độ làm việc, sự giám sát, nhóm ngang hàng và các lực lượng xã hội khác. Những phát hiện này đã đặt nền tảng cho lý thuyết động lực hiện đại.

[←175] Giáo sư Everett Hughes ở Đại học Chicago, người đã dìu dắt tôi trong công tác phân tích các kiểu nghề nghiệp đang thay đổi trong kinh doanh và các nghề chuyên môn, đã kể câu chuyện này. (TG)

[←176] Công nhân khoán sản phẩm có năng suất rất cao có thể làm giảm định mức tiền công sản phẩm chung.

[←177] Chỉ loại tài khoản mà người bán hàng hay các lãnh đạo điều hành có thể dùng chi trả cho việc đi lại và giải trí.

[←178] Alexis de Tocqueville: *Nền dân trị Mỹ*, Phạm Toàn dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính và giới thiệu, NXB Tri thức, H. 2008, tr. 821.

[←179] Lasagna: món ăn Ý, gồm các lớp mì ống xen kẽ với pho mát, thịt, nước xốt cà chua. Rüstoffel (bây giờ viết là rijsttafel): món cơm Indonesia với rất nhiều đĩa phụ chứa thức ăn.

[←180] Chơi chữ: *four letter word* vừa có nghĩa đen là từ có bốn chữ cái (food), vừa có nghĩa bóng thông dụng là từ chửi tục.

[←181] Noël Peirce Coward (1899-1973), nhà viết kịch, nhạc sĩ, ca sĩ người Anh; Lucius Morris Beebe (1902-1966), nhà văn Mỹ; Frederick Martin hay Fred MacMurray (1908-1991), nam diễn viên điện ảnh Mỹ; Claudette Colbert (1903-1996), nữ diễn viên điện ảnh Mỹ gốc Pháp.

[←182] Trong *Movies* (Phim ảnh), Glencoe, Illinois, Free Press, 1950. (TG)

[←183] Tạp chí *Harper's*, 198 (1949), 19. (TG)

[←184] Nhân vật xuất hiện trong nhiều vở kịch ở châu Âu, nổi tiếng với khả năng quyến rũ phụ nữ.

[←185] Xem G.M Young, *Portrait of an Age* (Chân dung một thế hệ), London, Oxford University Press, 1936, tr. 16, số I. (TG)

[←186] W. Lloyd Warner, Robert J. Havighurst và Martin Loeb, *Who Shall Be Educated?* (Ai sẽ được giáo dục?), New York, Harper, 1944, ví dụ trang 103. (TG)

[←187] Samuel Smiles (1812-1904), nhà văn, nhà cải cách Anh; Horatio Alger (1832-1899), nhà văn Mỹ.

[←188] "The American Cult of Success"(Tệ sùng bái thành công của người Mỹ), (Luận án tiến sĩ, Yale University, 1933); trích lược trong *American Journal of Sociology*, XL (1934), 309-318. (TG)

[←189] Chẳng hạn xem, Herbert Blumer và Philip Hauser, *Movies, Delinquency and Crime* (Điện ảnh, tội phạm vị thành niên và tội phạm), New York, Macmillan, 1933, tr. 102 và tiếp theo. (TG)

[←190] Nguyên bản: *bread and circuses*, chỉ phương châm hướng dân chúng tới sự hưởng thụ sung sướng và dễ bảo.

[←191] Tôi đã bàn đến các hàm ý của cuốn sách này chi tiết hơn trong "The Ethics of We Happy Few" (Quy tắc xử thế trong Chúng ta một nhúm hạnh phúc), *University Observer*, I (1947), 19; tôi dựa vào bài viết này ở phần dưới đây. (TG)

[←192] Robert Schumann (1810-1856), Johann Sebastian Bach (1685-1750), các nhà soạn nhạc cổ điển Đức; Wolfgang Amadeus Mozart (1756-1791), nhà soạn nhạc cổ điển Áo.

[←193] Nhắc đến sự niềm nở là đặc biệt quan trọng trong phân tích các thứ ưa chuộng của nhóm ngang hàng trong dân chúng. Trong một loạt thí nghiệm rất thú vị, Solomon E. Asch đã cho thấy rằng đối với sinh viên của mình thì trục niềm nở-lạnh lùng chịu chiều kích khống chế là cá tính; những người được cho là niềm nở được đánh giá tốt bất kể các đức tính khác của họ là gì, trong khi những người lạnh lùng lại không được tin cậy dù họ có thể khả kính và can đảm ra sao. Xem Solomon E. Asch, "A Test for Personality" (Một trắc nghiệm cá tính), *Journal of Abnormal and Social Psychology*, 41(1946), 258-290. (TG)

[←194] Ethelbert Nevin (1862-1901), nhạc sĩ, nghệ sĩ dương cầm người Mỹ, được công chúng rộng rãi yêu thích.

[←195] *Partisan Review*, XV (1948), 240. (TG)

[←196] Alexis de Tocqueville: *Nền dân trị Mỹ*, sđd, tr. 357.

[←197] Niccolò di Bernardo dei Machiavelli (1469-1527), nhà triết học chính trị người Ý; Thomas Hobbes (1588-1679), nhà triết học chính trị người Anh.

[←198] Trong khi thuật ngữ "phong cách" được dùng ở đây theo một nghĩa khác với nghĩa mà Lasswell dùng trong "Style in the Language of Politics" (Phong cách trong ngôn ngữ chính trị), trong *Language of Politics* (Ngôn ngữ chính trị), New York, George W. Stewart, 1949, tr. 20-39 của Harold D. Lasswell, Nathan Leites và những người khác, tôi mang ơn khảo luận này; các cộng sự và tôi, trong khi cố gắn liền chính trị với tính cách, chịu ơn phần lớn nội dung tác phẩm của Lasswell trong lĩnh vực này bắt đầu bằng *Psychopathology and Politics* (Bệnh học tâm lý và chính trị). (TG)

[←199] Đây là một trong những phỏng vấn được tiến sĩ Genevieve Knupfer thực hiện năm 1948 trong những người di cư đến Harlem từ vùng cực Nam Hoa Kỳ, vùng Ca-ri-bê và Ý. Phỏng vấn được công bố đầy đủ trong *Những bộ mặt trong đám đông*, tr. 98-119. (TG)

[←200] Tôi không nói là họ nên chống lại quân dịch bằng cách trở thành những người từ chối nhập ngũ vì lý do đạo đức hay tôn giáo (conscientious objector) - điều đó đòi hỏi một chủ nghĩa anh hùng hiếm hoi hay cuồng tín. Chính thái độ chủ quan của họ, chứ không phải hành vi hiển nhiên, mới là cái tôi bàn đến: họ đã từ bỏ đặc quyền phê phán, tôn trọng và ít nhất là bày tỏ những cảm nghĩ của mình. (TG)

[←201] Farm Bureau, thành lập năm 1919, là một tổ chức tình nguyện phi chính phủ ở Mỹ, có mục đích hỗ trợ đời sống của người nông dân Mỹ, xây dựng những cộng đồng nông nghiệp vững mạnh và giàu có.

[←202] Thomas Woodrow Wilson (1856-1924), Tổng thống Hoa Kỳ thứ 28.

[←203] Diễn văn của William Jennings Bryan phát biểu tại Hội nghị toàn quốc Đảng Dân chủ năm 1896, ủng hộ chế độ tiền tệ hai bản vị.

[←204] Các lãnh đạo và chính khách tham gia Đại hội Lập hiến Hoa Kỳ cho ra đời Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787.

[←205] Nicholas Biddle (1786-1844), nhà tài chính Mỹ, chủ tịch Ngân hàng Thứ hai của Hoa Kỳ.

[←206] Đại hội các Tổ chức Công nghiệp (CIO) Hoa Kỳ ra đời năm 1935, đến năm 1955 hợp nhất với Liên đoàn Lao động Mỹ (AFL) thành AFL-CIO.

[←207] Bossism, hệ thống chính trị do các nhà chính trị hàng đầu kiểm soát.

[←208] Oliver Cromwell (1599-1658), nhà lãnh đạo chính trị và quân sự người

Anh, đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập nền cộng hòa ở Anh.

[←209] Bức xúc hay hận thù kiểu này được mô tả kỹ trong khảo luận của Svend Ranulf, *Moral Indignation and Middle Class Psychology* (Bức xúc chính đáng và tâm lý tầng lớp trung lưu), (Copenhagen, Levin & Monksgaard, 1938). Dù nhấn mạnh xuyên suốt của chúng tôi là ở tính cách, nhưng có lẽ chúng tôi không thể tránh được ở đây ý nghĩa khí chất khác với tính cách - chẳng hạn các khác biệt khí chất như khác biệt khí chất cổ xưa giữa các kiểu nóng tính và lạc quan. (TG)

[←210] Xét theo bề mặt thì cách nhìn này có thể bị cho là giống cách nhìn của những người quan sát chính trị thế kỷ 19 cứ khăng khăng là con người bị hạn chế và trong một chừng mực nào đó bị làm cho không có khả năng thực hiện các biến chuyển xã hội sâu rộng, vì bản tính của mình và vì bản chất hữu cơ của xã hội tuân theo quy luật phát triển của chính nó. Edmund Burke và các nhà phê bình Cách mạng Pháp bảo thủ khác ở đầu thế kỷ, cùng những người theo thuyết tiến hóa xã hội Darwin ở cuối thế kỷ, đại diện cho hai tuyến trong dòng tư tưởng chung này. Tuy nhiên, những cảm nhận về sự hạn chế này không nhất thiết phải đi kèm các cảm nhận chủ quan về sự bất lực; và, ít ra thì cũng trong trường hợp các nhà theo thuyết tiến hóa xã hội Darwin và có lẽ còn trong trường hợp của Burke, đã phải cậy đến một quan điểm lạc quan tích cực về sự phát triển hữu cơ của tiến trình xã hội. Giá như thế giới tự lo việc của nó - giá như những nhà cải cách để yên cho nó - người ta sẽ không phải thấy thất vọng và bất lực: người ta chỉ phải thừa nhận hạn chế này và tận tụy với các thay đổi nhỏ hơn quy mô toàn thế giới.

Trái lại, các hình thức tất định luận xã hội hiện đại có chiều hướng cho rằng nền văn minh của chúng ta đang xuống dốc, một quan điểm mà ở thế kỷ 19 chúng ta chỉ thấy ở một số ít nhà quan sát, như Brooks Adams, những người hầu như không tin vào các tiên tri của chính mình - ngay cả những người bi quan trong thế kỷ vừa qua cũng không hình dung được chính trị có thể trở nên khủng khiếp ra sao vào thế kỷ 20. Nhưng ngày nay con người cảm thấy bất lực trong chính trị, và cách triết lý của họ củng cố thêm tâm trạng, thứ giúp ích cho tính cách và hoàn cảnh của họ. (TG)

[←211] So sánh với nghiên cứu có giá trị trong "Patterns of Influence: a study of Interpersonal Influence and of Communications Behavior in a Local Community" (Các mô thức ảnh hưởng: khảo sát ảnh hưởng tương tác cá nhân và hành vi giao tiếp trong một cộng đồng địa phương), của Robert K. Merton, *Communications Research* 1948-1949, Lazarsfeld và Stanton chủ biên, tr. 180-219 (TG)

[←212] James Murray Mason (1798-1871) và John Slidell (1793-1871), hai nhà chính trị Mỹ, được chỉ định làm đặc sứ của Liên minh các bang miền Nam

Hoa Kỳ tới Anh quốc và Pháp trong Nội chiến Mỹ, nhằm kêu gọi sự ủng hộ của hai nước này đối với Liên minh.

[←213] Chiến hạm Maine của Mỹ bị nổ tung trên cảng Havana ngày 15/2/1898, phía Mỹ cho rằng Tây Ban Nha đã gây ra vụ việc, dư luận Mỹ tức giận đòi "lấy lại danh dự". Phía Tây Ban Nha lại cho rằng chính Mỹ tự gây ra vụ việc nhằm tạo cớ châm ngòi cho cuộc chiến tranh bành trướng. Chiến tranh Mỹ-Tây Ban Nha nổ ra từ tháng 4 đến tháng 8/1898, kết quả là Mỹ giành quyền kiểm soát Cuba, Philippines, Puerto Rico và Guam, vốn là thuộc địa của Tây Ban Nha.

[←214] Lấy từ tập sách mỏng *Four Americans Discuss Aid to Europe* (Bốn người Mỹ bàn về viện trợ cho châu Âu), Nghiên cứu số 18, Ann Arbor, Michigan, University of Michigan Survey Research Center, 1947, tr. 13. (TG)

[←215] Nghiên cứu Park Forest là công trình của Herbert J. Gans, "Political Participation and Apathy" (Tham gia chính trị và sự thờ ơ), Luận án Thạc sĩ chưa công bố, University of Chicago, 1950. (TG)

[←216] Harry S. Truman (1884-1972), Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ; Thomas E. Dewey (1902-1971), hai lần là ứng cử viên tổng thống năm 1944 và 1948 ở Mỹ.

[←217] Dwight D. Eisenhower (1890-1969), Tổng thống thứ 34 của Hoa Kỳ.

[←218] Tại Đại học Chicago, một sinh viên tốt nghiệp đang nghiên cứu sự chuyển dịch từ các mối bận tâm chuyên môn sang các mối bận tâm bán hàng và quan hệ khách hàng trong số các nhà bán lẻ đồ lông thú, đã nhận ra là từ "chân thật" được dùng theo một cách tương tự, như trong trường hợp một người đàn ông đã nhận xét, giải thích ông đã tự bảo vệ mình ra sao trước cuộc cạnh tranh: "Ta phải biết trò chuyện với khách hàng… khi một khách hàng bước vào thì ta có thể điều khiển bà ta thế này hay thế khác… khách hàng có thể phân biệt là ta có chân thật hay không". Thành công đối với người đàn ông này được định nghĩa không chỉ về mặt tiền bạc mà còn về mặt "sự ủng hộ cá nhân" và "một tầng lớp người tử tế hơn". Xem Louis Kriesberg, *The Relationship of Business Practices and Business Values among Chicago's Retail Furriers* (Mối quan hệ của tập quán kinh doanh và các giá trị kinh doanh trong những người bán hàng lông thú ở Chicago), Luận án thạc sĩ, Khoa xã hội học, Đại học Chicago, 1949. (TG)

[←219] Tôi rất biết ơn Howard C. Becker vì phần phân tích các phỏng vấn này. Tôi đã hưởng nhiều thành quả từ khảo sát sâu sắc về tính chân thật áp dụng vào các phản ứng của khán giả trước một cuộc vận động mua trái phiếu thời chiến của ca sĩ Kate Smith trong *Mass Persuasion* (Thuyết phục quần chúng),

của Robert K. Merton, New York, Harper, 1946. (TG)

[←220] Dĩ nhiên tất cả những điều này được viết trước cuộc bầu cử 1952, sự kiện đem lại một số ví dụ thích hợp cho các thái độ này. (TG)

[←221] Một ví dụ tuyệt vời về thái độ nội tại định hướng đối với việc đánh giá tính chân thật và kỹ năng sẽ được thấy trong mối quan hệ của Lincoln với các tướng của mình vào thời chiến. Như trong trường hợp Grant uống rượu, ông muốn biết những người này có làm nhiệm vụ được hay không, chứ không phải liệu họ có tử tế, hay tử tế với ông không. (TG)

[←222] Nguyên lý kinh tế của Thomas Gresham (1519-1579) thường được nói ngắn gọn là đồng tiền xấu đuổi đồng tiền tốt. Tiếng Anh, hard money và soft money, nguyên nghĩa chỉ tiền xu (kim loại) và tiền giấy. Sau này hai từ đó được dùng để chỉ các hình thức đóng góp chính trị ở Mỹ, tiền cứng đóng góp trực tiếp cho một ứng cử viên cụ thể nào đó, được luật quy định, không vượt quá con số cho phép; còn tiền mềm đóng góp gián tiếp thông qua đảng, đảng đó sẽ dùng tiền để vào tranh cử hoặc các hoạt động chính trị khác.

[←223] Hollywood, kinh đô điện ảnh của Mỹ; Broadway là hệ thống bao gồm 39 nhà hát chuyên nghiệp nằm trong khu vực Theatre District, Manhattan, New York.

[←224] Lew Lehr (1895-1950), diễn viên hài kịch, nhà văn Mỹ.

[←225] So sánh với "Mass Communication, Popular Taste and Organized Social Action" (Truyền thông đại chúng, thị hiếu bình dân và hành động xã hội có tổ chức) của Paul Lazarsfeld và Robert K. Merton, trong *The Communication of Ideas* (Truyền đạt tư tưởng), Lyman Bryson biên tập, tr. 95, về chức năng "phong tước" của truyền thông. (TG)

[←226] Charles de Gaulle (1890-1970), chính khách nổi tiếng của Pháp, từng làm Tổng thống một thời gian dài.

[←227] Alexis de Tocqueville: *Nền dân trị Mỹ*, sđd, tr. 684.

[←228] Andrew Jackson (1767-1845), tổng thống thứ 7 của Mỹ.

[←229] William Jennings Bryan và William McKinley, hai ứng cử viên tranh cử tổng thống năm 1896. McKinley đắc cử, trở thành tổng thống thứ 25 của Mỹ.

[←230] Brooks Adams (1838-1918), nhà sử học, nhà báo, tiểu thuyết gia Mỹ.

[←231] John Davison Rockefeller (1839-1937), nhà công nghiệp người Mỹ, đóng vai trò quan trọng trong ngành dầu mỏ thời kỳ đầu.

[←232] Glenn McCarthy (1907-1988), vua dầu mỏ Mỹ, sở hữu nhiều doanh nghiệp ở các lĩnh vực khác, một nhân vật rất hấp dẫn công chúng.

[←233] Amadeo Peter Gianini (1870-1949), người sáng lập Ngân hàng Quốc gia Hoa Kỳ.

[←234] Lucifer là quỷ Satan, nhân vật trong sử thi tôn giáo *Paradise Lost* (Thiên đường đã mất) của nhà thơ Anh John Milton (1608-1674).

[←235] Henry Kaiser (1882-1967), nhà công nghiệp, cha đẻ ngành đóng tàu ở Mỹ.

[←236] Ivy Lee (1877-1934), được coi là một trong những nhà sáng lập ngành quan hệ công chúng ở Mỹ.

[←237] Nguyên bản: *as remote as the Fuggers*, nghĩa là xa xưa như dòng họ Fugger. Fugger là đế chế ngành ngân hàng và trọng thương Đức thống trị kinh doanh châu Âu trong thế kỷ 15-16.

[←238] Nhà tài phiệt J.P Morgan (1837-1913) không ủng hộ Bryan trong cuộc tranh cử tổng thống năm 1869. Trong cuộc khủng hoảng ngân hàng ở Mỹ năm 1907, ông đã thế chấp một lượng tiền lớn của mình, kêu gọi các chủ nhà băng khác cũng làm thế để vực dậy hệ thống ngân hàng.

[←239] Xem bài viết xuất sắc của Leo Lowenthal, "Biographies in Popular Magazines" (Các tiểu sử trên tạp chí phổ thông), *Radio Research*, 1942-43, Lazarsfeld và Stanton chủ biên (New York, Duell, Sloan & Pearce, 1944), tr. 507. Tiến sĩ Lowenthal gắn liền bước chuyển dịch từ "người hùng sản xuất" sang "người hùng tiêu thụ" với các chuyển biến xã hội lớn trong đời sống Mỹ. (TG)

[←240] Winston Churchill (1874-1965), Thủ tướng Anh, được coi là một trong những nhà lãnh đạo quan trọng nhất của lịch sử Anh và thế giới.

[←241] William Gladstone (1809-1898), bốn lần làm thủ tướng Anh; Grover Cleveland (1837- 1908), tổng thống thứ 22 và 44 của Hoa Kỳ; Robert Peel (1788-1850), hai lần làm thủ tướng Anh; John Stuart Mill (1806-1873), nhà triết học, kinh tế chính trị học, ba năm làm nghị sĩ và được coi là nhân vật hấp dẫn nhất của Hạ nghị viện Anh lúc đó; Woodrow Wilson (1856-1924), tổng thống Hoa Kỳ thứ 28.

[←242] Stafford Cripps (1889-1952), bộ trưởng Bộ Sản xuất máy bay trong Thế chiến thứ hai.

[←243] Henry Lewis Stimson (1867-1950), từng là Ngoại trưởng Hoa Kỳ;

Robert Patterson (1891-1952), bộ trưởng Bộ Chiến tranh Mỹ.

[←244] Nên nói rõ là cạnh tranh độc quyền, cả trong kinh doanh lẫn chính trị, là cạnh tranh. Người ta biết rất rõ đối thủ của mình, bên trong và bên ngoài tổ chức. Họ biết những người ấy là ai, nhưng chính vì tính chất cạnh tranh độc quyền mà họ hiếm khi có thể loại trừ những người ấy hoàn toàn. Mặc dù chúng ta đang bàn về công bằng mậu dịch và khoan dung, điều này không nên che lấp thực tế là đối với người tham gia thì cảm giác đang ở trong một tình thế kình địch là rất mạnh. Quả thực, họ đối mặt vấn đề của rất nhiều người kiểu ngoại tại định hướng: làm sao để kết hợp vẻ ngoài là hành vi thân thiện, cá nhân hóa, chân thành với những đố kỵ tàn nhẫn, đôi khi gần như hoang tưởng trong đời sống nghề nghiệp của họ. (TG)

[←245] Tổ chức thanh niên chịu sự điều hành của Viện Thực phẩm và Nông nghiệp Quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ. 4H tượng trưng cho bốn lĩnh vực phát triển trọng tâm của tổ chức là head, heart, hands và health (trí tuệ, tâm hồn, đôi tay và sức khỏe).

[←246] Sewell Avery (1873-1960), doanh nhân Mỹ thành công trong ngành khai thác đá.

[←247] Trung tâm tài chính của thành phố New York, Mỹ.

[←248] Như các "gia tộc doanh nhân" Rockerfeller, Morgan, Dupont… ở Mỹ những năm 60 của thế kỷ 19.

[←249] "Manager Meets Union: a Case study of Personal Immaturity" (Giám đốc đương đầu công đoàn: một nghiên cứu tình huống về sự non nớt cá nhân), *Human Factors in Management* (Nhân tố con người trong quản lý), S.D Hoslett chủ biên, Parkville, Missouri, Park College Press, 1946, tr. 77. (TG)

[←250] Nhóm lưỡng đảng gồm những kẻ dính líu đến tham nhũng trong ngành lập pháp bang New York.

[←251] Feather-bedding: Hạn chế khối lượng công việc để lúc nào công nhân cũng có việc làm. Trong ngữ cảnh này, công nhân làm ít lại để lúc nào cũng có việc làm, làm cầm chừng, tạm dịch làm câu giờ.

[←252] Gaetano Mosca (1858-1941), Robert Michels (1876-1936), Vilfredo Pareto (1848 -1923), James Burnham (1905-1987): các nhà triết học, kinh tế - chính trị học và xã hội học.

[←253] Arthur "Artie" H. Samish (1897-1974), nhà vận động hành lang có ảnh hưởng và quyền lực nhất trong lịch sử California, Mỹ.

[←254] Thật mỉa mai, nhưng cũng thật điển hình, Samish thèm khát một thứ quyền lực mà ông ta không có: quyền lực xã hội theo nghĩa trên trang báo xã hội. Xuất thân là một cậu bé nhà nghèo, ông ta có thể một mất một còn với các doanh nhân và chính trị gia nhưng không thể thâm nhập những giới độc quyền hơn. Và trong khi người ta nói có chủ ý rằng bất kể việc có thể dễ dàng làm thất đảm và điều khiển các lãnh đạo xã hội này, ông vẫn không thể tẩy xóa trong mình những nỗi đau tuổi thơ và các hình ảnh quyền lực thời thơ ấu khiến ông dễ tổn thương khi bị họ loại trừ. Ở điểm này, dĩ nhiên, ông giống các nhà độc tài nổi tiếng khác.

Tôi đã dựa vào "Guy Who Gets Things Done" (Kẻ giải quyết được mọi chuyện) của Carey McWilliams, *Nation*, CLXIX (1949), 31-33; và "Secret Boss of California" (Ông trùm giấu mặt ở California) của Lester Velie, *Collier's*, CXXIV (13, 20/8/1949), 11-13, 12-13. (TG)

[←255] Huey Long (1893-1935), biệt hiện Kingfish, Thống đốc thứ 40 của bang Louisiana, Thượng nghị sĩ Mỹ, nổi tiếng với những chính sách dân túy cấp tiến.

[←256] Werner Heisenberg (1901-1976), nhà vật lý người Đức, đã đưa ra Nguyên lý bất định, một nguyên lý quan trọng của cơ học lượng tử, nói rằng không bao giờ có thể xác định chính xác cả vị trí lẫn vận tốc của một hạt vào cùng một lúc.

[←257] Trong thần thoại Hy Lạp, Ariadne là ái nữ của vua Minos xứ Crete, nàng đã cho Theseus cuộn chỉ để Theseus tìm đường ra khỏi mê cung sau khi giết được con quái vật Minautor.

[←258] Alexis de Tocqueville: *Nền dân trị Mỹ*, sđd, tr. 850.

[←259] *Patterns of Culture*, Boston, Houghton Mifflin, 1934; tái bản ở New York, Pelican Books, 1946. (TG)

[←260] Nguyên văn: potlatch.

[←261] Thomas Hobbes cho rằng trạng thái tự nhiên của con người sơ khai là đời sống hỗn độn, họ sẵn sàng đánh nhau để giành lấy cái mình muốn.

[←262] Lucullus (?110-57 Tr.CN), một vị tướng La Mã có lối sống xa hoa vô độ, thường tổ chức tiệc tùng phung phí.

[←263] William Henry Vanderbilt (1821-1885), một doanh nhân Mỹ cực kỳ giàu có, thậm chí giàu có nhất thế giới vào thời của ông. Ông từng trả lời trên *Chicago Daily News* năm 1883: Công chúng khốn kiếp. Tôi không quan tâm đến chuyện làm việc vì ai, thật ngớ ngẩn và vô nghĩa, tôi chỉ vì tôi.

[←264] Câu nói được Justice Oliver Wendell Holmes con trích dẫn trong "The Soldier's Faith" (Niềm tin của người lính), 1895, tái bản trong *Speeches*, Boston, Little, Brown, 1934, tr. 56. (TG)

[←265] Chỉ thời đại tăng trưởng nhanh về kinh tế và dân cư trong lịch sử Mỹ sau Nội chiến và sau thời kỳ Tái thiết cuối thế kỷ 19.

[←266] Bài báo xuất sắc của Mary McCarthy, "America the Beautiful" (Nước Mỹ tuyệt vời), *Commentary*, IV (1947), 201, có quan điểm rất giống với tài liệu này. (TG)

[←267] Mark Twain (1835-1910), Jack London (1876-1916), Frank Norris (1870-1902), các nhà văn Mỹ nổi tiếng cuối thế kỷ 19.

[←268] Nguyên bản: *pyramiding*, đầu cơ bằng cách dùng lợi nhuận trên giấy tờ làm nguồn dự trữ cho việc kinh doanh kế tiếp, tăng lợi nhuận từng bước và nhanh chóng theo hình kim tự tháp.

[←269] Robert S. Lynd, *Knowledge for What?* Princeton University Press, 1939, tr. 54-113. (TG)

[←270] Robert S. Lynd (1892-1970), nhà xã hội học Mỹ, năm 1929 đã viết cuốn *Middletown*, trong đó có một chương nổi tiếng là "X family", chỉ gia đình Ball thống soái ở Middletown thời ấy. Tác phẩm mang nhiều quan điểm tiêu cực về xã hội Mỹ.

[←271] Nguyên bản: *To set the world on fire*, nghĩa bóng là lừng danh, thành công rực rỡ.

[←272] On Liberty.

[←273] Xem Robert K. Merton, "Social Structure and Anomie", trong *Social Theory and Social Structure*, Glencoe, Illinois, Free Press, 1949. (TG)

[←274] "The Psychology of Apathy" (Tâm lý học về sự thờ ơ), *Psychoanalytic Quarterly*, X (1949), 290; xem thêm Nathan Leites, "Trends in Affectlessness" (Các xu hướng trong tính vô cảm), *American Imago*, tập IV, tháng 4/1947. (TG)

[←275] George Herbert Mead (1863-1931), nhà triết học, xã hội học và tâm lý học người Mỹ.

[←276] Jean-Paul Sartre (1905-1980), nhà văn, nhà triết học hiện sinh Pháp.

[←277] Galileo Galilei (1564-1642), nhà thiên văn học, vật lý học, toán học

và triết học Ý. Vì ủng hộ thuyết nhật tâm của Copernicus mà ông bị nghi là người dị giáo, ông bị quản thúc tại gia và các hoạt động của ông bị giáo hoàng kiểm soát.

[←278] Dân ủy Nội vụ, tổ chức công an, mật vụ của Liên Xô dưới thời Stalin.

[←279] Để thảo luận thêm về tự do giờ đây vẫn còn tiềm tàng này, xin xem bài viết của tôi, "Legislative Restrictions on Foreign Enlistment and Travel" (Các hạn chế lập pháp đối với tuyển quân và du lịch nước ngoài), *Columbia Law Review*, XL (1940), 793-835. (TG)

[←280] Roger Williams (1603-1683), nhà thần học Tin Lành người Anh; François-Marie Arouet (1694-1778), bút hiệu Voltaire, văn hào, triết gia người Pháp; Carl Christian Schurz (1829-1906), nhà cách mạng, chính trị gia người Mỹ gốc Đức.

[←281] Claude Bernard, *An Introduction to the study of Experimental Medicine* (Dẫn nhập khảo sát về y học thực nghiệm), Henry C. Greene dịch, New York, Macmillan, 1927, tr. 102-103. Freud, có thái độ rất đồng tình, cho chúng ta một trong những câu trích dẫn ông ưa thích nhất, một đoạn tương tự từ Ferdinand Lassalle: "Một người giống như tôi, mà tôi đã giải thích với các anh, đã dành trọn đời mình cho phương châm 'Khoa học và người làm việc', cũng sẽ có ấn tượng tương tự từ một chỉ trích trong tiến trình các sự kiện anh ta đối mặt, cũng như nhà hóa học miệt mài trong các thí nghiệm khoa học, có ấn tượng ấy từ một sự bắt bẻ nảy sinh. Anh ta hơi chau mày trước độ bền của vật chất, nhưng ngay khi nỗi băn khoăn đã lắng dịu, anh ta sẽ trầm tĩnh tiếp tục công việc và cuộc điều tra của mình". Xem Freud, *Wit and Its Relations to the Unconscious* (Trí thông minh và liên hệ với vô thức), Brill dịch, New York, Moffat, Yard, 1916, tr. 115. (TG)

[←282] Jeremy Bentham (1748-1832), luật gia, nhà triết học người Anh.

[←283] Friedrich Engels (1820-1895), nhà lý luận chính trị, triết gia, nhà khoa học Đức.

[←284] Charles Lamb (1775-1834), nhà viết tiểu luận Anh.

[←285] Nathaniel Hawthorne (1804-1864), nhà văn Mỹ.

[←286] Franz Kafka (1883-1924), nhà văn gốc Do Thái viết tiếng Đức sống ở Praha.

[←287] Honoré de Balzac (1799-1850), nhà văn Pháp; Friedrich Nietzsche (1844-1900), nhà triết học Đức; Herman Melville (1819-1891), nhà văn Mỹ; Edwin Arlington Robinson (1869-1935), nhà thơ Mỹ,

[←288] John Dewey (1859-1952), nhà triết học, tâm lý học người Mỹ.

[←289] Bertrand Russell (1872-1970), nhà triết học, toán học người Anh.

[←290] Simone de Beauvoir (1908-1986), nhà văn, nhà triết học người Pháp; Erich Seligmann Fromm (1900-1980), nhà tâm lý học, xã hội học người Đức; José Ortega y Gasset (1883-1955), nhà triết học Tây Ban Nha.

[←291] Người thiên về đời sống vật chất, chẳng quan tâm đến các giá trị văn hóa, nghệ thuật.

[←292] Chỉ chung những người sống theo tinh thần lãng tử, phóng túng, không theo khuôn phép.

[←293] *The Ethics of Ambiguity.*

[←294] Civilian Conservation Corps, chương trình công cộng dành cho người thất nghiệp ở Mỹ trong khoảng thời gian 1933-1942.

[←295] Works Progress Administration, chương trình lớn nhất trong chính sách kinh tế New Deal của Mỹ, tuyển mộ công nhân không có tay nghề vào các công trình công ích.

[←296] Public Works Administration, chương trình tổ chức xây dựng các công trình công cộng trên quy mô lớn, cũng thuộc New Deal.

[←297] "Định hướng sản xuất" là thuật ngữ Erich Fromm dùng trong *Man for Himself* để chỉ kiểu tính cách có thể gắn liền với con người qua tình yêu, với vật thể và thế giới nói chung qua công việc sáng tạo. Tôi đã mạo muội dựa vào nghiên cứu của ông để hình thành khái niệm tính độc lập của mình. (TG)

[←298] Hanns Sachs, *Freud, Master and Friend* (Freud, người thầy, người bạn), Cambridge, Massachusetts, Harvard University Press, 1945, tr. 46-47, kể một trong những câu chuyện ưa thích của Freud, có vẻ liên quan đến cấu trúc xã hội cũng như cá nhân: "Cách đây nhiều năm một vị giáo sư y khoa già qua đời, ông đã yêu cầu trong di chúc cho mổ xẻ xác mình. Ca mổ được một bác sĩ giải phẫu bệnh lý danh tiếng thực hiện và tôi làm phụ tá cho ông. 'Nhìn này,' bác sĩ giải phẫu nói với tôi, 'mấy động mạch này! Chúng cứng và dày như dây thừng ấy. Lẽ đương nhiên vị này không thể sống với chúng được.' Tôi trả lời ông: 'Vâng. Nhưng sự thật là người này đã sống cho đến hôm qua với các mạch máu này đấy."' (TG)

[←299] *Communitas: Means of Livelihood and Ways of Life* (Cộng đồng: sinh kế và lối sống), Chicago, University of Chicago Press, 1947, tr. 120. (TG)

[←300] Các công ty dịch vụ nhận đặt hàng qua thư ở Mỹ.

[←301] Nguyên bản: *life of Riley*, thành ngữ, chỉ cuộc sống an nhàn.

[←302] Tiếng Anh là *Uncle Sam*, là tên thông tục để chỉ nước Mỹ, hoặc chính phủ Mỹ.

[←303] Henry David Thoreau (1817-1862), nhà văn, nhà tự nhiên học, nhà sử học, nhà triết học người Mỹ.

[←304] William Carlos Williams (1883-1963), nhà thơ Mỹ quan trọng của thế kỷ 20, đồng thời là một bác sĩ.

[←305] Charles Edward Ives (1874-1954), nhà soạn nhạc Mỹ, đồng thời là một doanh nhân thành công trong lĩnh vực bảo hiểm.

[←306] Charles Lamb (1775-1834), nhà tiểu luận người Anh, cũng là một nhân viên kế toán; Nathaniel Hawthorne (1804-1864), tiểu thuyết gia Mỹ, đồng thời đã trải qua các công việc như biên tập viên báo chí, nhân viên kiểm hàng hóa, nhân viên điều tra thuế, thư ký báo chí.

[←307] Nhà xây theo kiểu mái vòm do kiến trúc sư người Mỹ Buckminster Fuller (1895-1983) thiết kế, vừa tiết kiệm năng lượng, bền vững mà lại không hề tốn kém khi xây dựng.

[←308] Margaret Mead, *Male and Female* (Nam giới và nữ giới), New York, William Morrow, 1949; xem thêm các quan sát rất tinh tường trong bài viết của Talcott Parsons, "Age and Sex in the Social structure of the United States" (Tuổi tác và giới tính trong cấu trúc xã hội Hoa Kỳ), *American Sociological Review*, VII (1942), 604-616; in lại trong *Personality in Nature, Society and Culture* (Tính cách trong tự nhiên, xã hội và văn hóa), Kluckhohn và Murray chủ biên. (TG)

[←309] Một lối chơi của bài Tây.

[←310] Tất nhiên, thực phẩm là chỉ một biểu tượng hay ví dụ về sự phụ thuộc sâu sắc của các phong cách vui chơi ở Mỹ vào tình hình nhập cư hậu Tin Lành (người Do Thái hay Thiên Chúa giáo) và tiền Tin Lành (người da đen). Chẳng hạn, từ thập niên 1880 đến thập niên 1920, phần đa số người Tin Lành da trắng đã tiến hành một cuộc chiến ngày càng bất lực để duy trì địa vị thống trị của mình không chỉ trong lĩnh vực công việc, nơi họ rất thành thạo, mà còn trong lĩnh vực vui chơi, nơi họ thường xuyên phải gắng gỏi có được năng lực tạm thời. Do vậy, họ cưỡng lại bất kỳ tiềm năng mới nào đối với sự tiêu thụ mà các nhóm sắc tộc bị tước quyền lao động đưa ra, từ đồ ăn Ý đến hài kịch sân khấu Do Thái và điệu nhảy Charleston của người da đen. Luật cấm nấu và kinh

doanh rượu là trận đánh chính sau cùng trong cuộc chiến đó. Các ảnh hưởng xấu của nó được quy cho "Xã hội đen Sicily". Giờ đã thấy rõ việc có thể đạt được dễ dàng nhất các tầm cao, và thậm chí tránh các xúc phạm sắc tộc, trong lĩnh vực nghệ thuật và tiêu khiển, người Do Thái và người da đen đã được đặt vào vị trí lãnh đạo khi chính xã hội lớn hơn chuyển sang đón nhận các giá trị tiêu thụ. Do vậy, chính các nhóm sắc tộc đã giải phóng đa số. Càng ngày, rất có thể vui chơi và nhàn rỗi ở Mỹ càng phải chịu sự thiếu thốn một bầu nhiệt huyết quen thuộc nhưng ít được công nhận khi không còn người nhập cư hay người gần với văn hóa nhập cư nữa. (TG)

[←311] Jack Roosevelt tức "Jackie" Robinson (1919-1972), cầu thủ người Mỹ gốc Phi đầu tiên chơi tại Giải bóng chày Bắc Mỹ, một giải vốn cấm người Mỹ gốc Phi tham gia. Robinson đã xóa bỏ ranh giới phân biệt chủng tộc khi khoác áo đội Brooklyn Dodgers danh tiếng vào năm 1947, chấm dứt gần 60 năm thời kỳ phân biệt chủng tộc trong môn bóng chày chuyên nghiệp ở Mỹ.

[←312] Albert Einstein (1879-1955), nhà vật lý lý thuyết người Mỹ gốc Đức-Do Thái, được coi là cha đẻ của vật lý hiện đại.

[←313] Tiêu đề nguyên bản: *the play's the thing*. Tác giả trích một câu của nhân vật Hamlet trong vở kịch cùng tên của Shakespeare: "The play's the thing/wherein I'll catch the conscience of the King", tạm dịch: "Vở kịch là thứ giúp ta nhìn thấu lương tâm kẻ là vua kia". Play trong tiếng Anh vừa có nghĩa là *vở kịch*, vừa có nghĩa là *vui chơi*, ở đây tác giả chơi chữ, nên tiêu đề có thể hiểu là, "vui chơi là lĩnh vực để ta đánh giá năng lực vui chơi, cao hơn là tính độc lập, của người kiểu ngoại tại định hướng".

[←314] Thế kỷ 17, những người Thanh giáo từ nước Anh di cư sang vùng Tân Anh (New England) ở Đông Bắc Hoa Kỳ. Để củng cố các chuẩn mực giáo lý, Thanh giáo ban hành luật gọi là *blue law*, với các điều lệ nghiêm ngặt, trong đó quy định ngày Chủ nhật là ngày của thờ phụng hoặc nghỉ ngơi, vì thế không được uống rượu, không được bán hàng. Hiện một số bang của Mỹ vẫn cấm bán rượu vào giờ giới hạn trong ngày Chủ nhật. Cũng trong ngày Chủ nhật, ở một số bang vẫn hạn chế mua bán một số mặt hàng như ô tô, tạp phẩm, văn phòng phẩm, đồ gia dụng. Massachusetts và Connecticut là hai bang chịu ảnh hưởng sâu đậm nhất từ luật này.

[←315] *Hamlet*, tên vở kịch nổi tiếng của nhà soạn kịch người Anh William Shakespeare (1564-1616), trong đó nhân vật chính là hoàng tử Hamlet.

[←316] James Mallahan Cain (1892-1977), nhà văn Mỹ, chuyên viết tiểu thuyết hình sự.

[←317] Humphrey Bogart (1899-1957), diễn viên huyền thoại của điện ảnh

Hoa Kỳ, đóng vai chính trong phim *Casablanca*.

[←318] Katherine Hepburn (1907-2003), nữ diễn viên xuất sắc của điện ảnh Hoa Kỳ, bốn lần đoạt giải Oscar.

[←319] William Claude Dukenfield (1880-1946), diễn viên hài kịch, nhà văn Mỹ.

[←320] Chỉ các họa sĩ không chuyên, không học từ trong trường lớp và thường vẽ vào lúc rảnh rỗi, như một sở thích riêng.

[←321] Xem "The Hot-Rod Culture" (Văn hóa xe Hot-Rod) của Eugene Balsley, trên tạp chí *American Quarterly*, II, 1950, 353. (TG)

[←322] Kinh nghiệm chiến tranh có vẻ đã củng cố niềm tin rằng có ít nhu cầu thực tế cho các liệu pháp thử thách như vậy vì lợi ích của sản xuất hay tiến hành chiến tranh. Hóa ra kiểu ngoại tại định hướng tính cách học và sự dửng dưng chính trị không bao hàm một sự thiếu khả năng chịu đựng nhọc nhằn thân xác. Đã có những nỗ lực xem quân nhân như thể anh ta đang ở Mỹ, có Coca-Cola, có chương trình radio, có chương trình giải trí từ quê nhà. Rõ ràng sự "mềm mỏng" như vậy không ngăn trở sức chiến đấu. Tính dễ bảo của người Mỹ giúp xây dựng được một đội quân dựa trên thứ bậc không nhiều bằng dựa vào tinh thần nhóm. Tính dễ bảo, sự tinh thông máy móc, các kỹ năng xã hội rộng và trình độ học vấn cao giúp huấn luyện nhanh chóng quân nhân cho các quân chủng và nhiệm vụ đa dạng lạ lùng của chiến tranh hiện đại.

[←323] Charles Livermore, trước đây là một cán bộ thuộc CIO, gần đây kêu gọi tôi chú ý đến việc công nhân ô tô Detroit khước từ ngay đồ nội thật Grand Rapids bọc dày cộm. Nhiều người trong vài năm qua đã ưa chuộng thiết kế hiện đại. (TG)

[←324] Sự tương tự hiện có mà gần gũi nhất với "tự do hàng hóa" này có lẽ là cô thủ thư hàng xóm, người có thể giúp trẻ em tìm đường đến với sách vở vì cô có vẻ không tuân theo quy tắc trực tiếp của uy quyền nhà trường và gia đình, vì cô thường thực lòng quan tâm giúp đỡ hơn là ép buộc trẻ em, và bởi vì cô thường thuộc nền tảng nội tại định hướng nên cô không nhất quyết phải cá nhân hóa mối quan hệ với đứa trẻ. (TG)

[←325] Không nên xem việc tôi nhấn mạnh xuyên suốt vào truyền thông đại chúng và hàng hóa sản xuất hàng loạt như là sự ngầm phủ nhận tầm quan trọng của mỹ thuật truyền thống. Đúng hơn, nỗ lực của tôi là hướng đến sự lấp khoảng cách vẫn được cho là tồn tại giữa văn hóa có đẳng cấp và văn hóa đại chúng. Theo tôi thấy, hình như mối tương quan giữa văn hóa đẳng cấp cao và văn hóa đại chúng đầy những triển vọng khả quan bất chấp nỗi sợ hãi, thói

hợm hĩnh và phản trí thức vốn rất thường xuyên hoành hành để kiềm chế sự chuyển dịch dễ dàng giữa hai văn hóa này. (TG)

[←326] Alexis de Tocqueville: *Nền dân trị Mỹ*, sđd, tr. 866.